

THE INTERNATIONAL BESTSELLER

VẬT CHẤT TỐI CỬA NGÀI
I

BẮC CỰC QUANG



PHILIP PULLMAN

Trang Rose dịch



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐÔNG

WingsBooks

[ebook©vctvegroup]

Vật Chất Tối Của Ngài - Tập 1 - Bắc Cực Quang

—★—

Tác giả: Philip Pullman

Người dịch: Trang Rose

Phát hành: WingsBooks

Nhà xuất bản Kim Đồng 2019

Trong vực thăm tối tăm hoang dại này,
Dạ con của tạo hóa hay phải chẳng phần mộ của nàng,
Chẳng phải của biển cả hay bờ bến, của không khí hoặc lửa
bùng,
Mà của tất cả khi thai nghén sinh ra hỗn độn,
Rối bời, nhưng chính vậy mới cần tranh đấu,
Trừ khi đấng kiến tạo toàn năng ban lệnh
Những vật chất tối của Ngài nhào nặn thêm thế giới mới,
Trong vực thăm tối tăm hoang dại, con quý cần trọng
Đứng trên rìa địa ngục và nhìn ngăm chốc lát,
Cân nhắc chuyển đi viễn xứ của y...

John Milton: *Thiên đường đã mất*, Cuốn II

Bắc Cực Quang là phần đầu của một câu chuyện gồm ba tập. Bối cảnh của tập đầu tiên được đặt trong một vũ trụ giống như của chúng ta, nhưng lại khác biệt về rất nhiều mặt. Tập thứ hai, *Con dao kì ảo*, di chuyển giữa ba vũ trụ: vũ trụ của *Bắc Cực Quang*; vũ trụ mà chúng ta biết; và một vũ trụ thứ ba, cũng rất khác biệt với vũ trụ của chúng ta về nhiều mặt. Tập cuối cùng của bộ ba cuốn, *Ông nhòm hồ phách*, di chuyển giữa vài vũ trụ khác nhau.

Phần Một

Oxford

1

Bình rượu Tokay

Lyra và linh thú của cô bé bước qua khu Đại sảnh đang tối dần, cẩn thận nép vào phía khuất với căn bếp. Ba chiếc bàn lớn chạy dọc theo chiều dài Đại sảnh đã được xếp ngay ngắn, các bộ đồ bằng bạc và thủy tinh phản chiếu chút ánh sáng le lói, còn những bộ trường kỉ đã được kéo ra sẵn sàng đón khách. Chân dung các vị Hiệu trưởng cũ được treo cao trong bóng tối lờ mờ chạy dọc các bức tường. Lyra tiến tới bực rồi quay lại nhìn cánh cửa bếp đang mở. Khi không thấy ai, cô bé liền bước lên đứng cạnh bàn trên*. Các chỗ ngồi được bày biện đồ bằng vàng chứ không phải bạc, mười bốn chiếc ghế không phải trường kỉ bằng gỗ sồi mà là ghế bằng gỗ gụ bọc đệm nhung.

Lyra dừng lại bên cạnh chiếc ghế của Hiệu trưởng và dùng móng tay khê búng chiếc li lớn nhất. Âm thanh lạnh lót vang khắp Đại sảnh.

“Cậu lại nghịch linh tinh rồi,” linh thú của cô bé thì thào. “Cư xử đúng mực đi nào.”

Linh thú của cô có tên Pantalaimon, hiện giờ nó đang trong hình dạng một con bướm đêm có màu nâu thẫm hòa lẫn với bóng tối trong Đại sảnh.

“Trong bếp ồn lắm, họ không nghe được đâu,” Lyra thì thầm lại. “Ông Quản lí thì còn lâu mới vào trước tiếng chuông đầu tiên. Đừng có loạn lên thế.”

Nói vậy nhưng cô vẫn đặt bàn tay lên chiếc cốc pha lê đang rung. Pantalaimon dập dờn bay về phía trước rồi luồn qua cánh cửa hé mở của Phòng nghỉ ở đầu bên kia bục cao. Một lúc sau nó xuất hiện trở lại.

“Không có ai trong đó đâu,” Pantalaimon thì thầm. “Nhưng chúng ta phải khẩn trương lên.”

Vừa cúi thấp người sau chiếc bàn trên, Lyra vừa lao đi, qua cánh cửa vào Phòng nghỉ, rồi đứng lên nhìn xung quanh. Ánh sáng duy nhất trong phòng tới từ lò sưởi. Cô bé thấy đám củi cháy rực khẽ sụp xuống, tung lên ống khói một dải tia lửa lấp lánh. Cô đã sống phần lớn thời gian trong Học viện, nhưng chưa từng thấy bên trong Phòng nghỉ: chỉ có các Học giả và khách khứa của họ được phép vào, phụ nữ thì không bao giờ. Thậm chí những người hầu gái cũng không dọn dẹp trong này. Đó là việc của riêng Quản gia.

Pantalaimon đậu xuống vai Lyra.

“Hài lòng chưa? Đi được rồi chứ?” Nó khẽ nói.

“Đừng có ngốc thế! Tớ muốn ngắm xung quanh chút đã!”

Đó là một căn phòng lớn, với chiếc bàn trái xoan bằng gỗ hồng sắc bóng loáng bày đủ loại bình rượu, cốc chén, cùng cái máy nghiền thuốc bằng bạc với một giá để tẩu thuốc. Trên tủ buffet cạnh đó là một lò hâm nhỏ và giỏ đựng quả anh túc.

“Trông cũng thơm tất đấy chứ, phải không Pan?” Lyra thì thào.

Cô bé ngồi xuống một trong những chiếc ghế bành da màu xanh lá. Cái ghế sâu đến mức Lyra thấy mình gần như đang nằm ra, nhưng cô liền ngồi thẳng dậy và gập chân lại để ngắm những bức chân dung trên tường. Chắc lại thêm mấy ông Học giả già nữa đây: khoác áo choàng, để râu, mặt u sần, họ nhìn ra khỏi khung tranh với vẻ phản đối đầy nghiêm nghị.

“Cậu nghĩ họ nói về chuyện gì?” Lyra hỏi; hoặc bắt đầu hỏi, vì trước khi kịp nói hết câu, cô bé nghe thấy có tiếng nói bên ngoài cửa.

“Ra sau ghế - nhanh!” Pantalaimon khẽ kêu lên. Chỉ trong một tích tắc, Lyra đã lao ra khỏi ghế bành và núp phía sau nó. Đó không phải là chỗ tốt nhất để trốn: cô bé đã chọn cái ghế ở ngay giữa phòng, và trừ khi cô giữ yên lặng tuyệt đối...

Cánh cửa bật mở khiến ánh sáng trong phòng thay đổi: một trong những người bước vào cầm theo đèn và đặt nó lên trên tủ buffet. Lyra có thể nhìn thấy chân ông ta trong ống quần màu xanh thẫm và đôi giày đen bóng loáng. Đó là một người phục vụ.

Đột nhiên một giọng nói trầm vang lên: “Ngài Asriel đã tới chưa?”

Đó là Hiệu trưởng. Trong lúc nín thở, Lyra nhìn thấy linh thú của người phục vụ (một chú chó, giống như hầu hết linh thú của những người phục vụ khác) rảo bước vào và lặng lẽ ngồi xuống bên chân ông. Sau đó đôi chân của Hiệu trưởng cũng hiện ra, trong đôi giày đen xù xì ông vẫn hay mang.

“Chưa ạ, thưa Hiệu trưởng,” Quản gia nói. “Cũng chưa có tin gì từ Cảng hàng không ạ.”

“Ta đoán khi tới ông ấy sẽ đói. Anh dẫn ông ấy vào thẳng Đại sảnh nhé?”

“Đã rồi, thưa Hiệu trưởng.”

“Anh cũng đã chặt sẵn chút rượu Tokay đặc biệt cho ông ấy rồi chứ?”

“Vâng, thưa Hiệu trưởng. Rượu năm 1898, như ngài đã lệnh. Tôi nhớ là Ngài ấy rất thích loại đó.”

“Tốt. Giờ thì anh đi được rồi.”

“Ngài có cần đèn không, thưa Hiệu trưởng?”

“Có, cứ để nó lại. Đến bữa tối anh vào khơi bắc được chứ?”

Người Quản gia khẽ cúi chào rồi quay đi, linh thú của ông ngoan ngoãn chạy theo sau. Từ chỗ không-hẳn-là-chỗ-trốn của mình, Lyra quan sát ông Hiệu trưởng bước tới bên tủ quần áo lớn bằng gỗ sồi

trong góc phòng, gỡ áo choàng dài của mình ra khỏi mắc, rồi vất vả kéo nó lên người. Hiệu trưởng vốn là một người khỏe mạnh, nhưng giờ khi đã quá bảy mươi tuổi, những cử động của ông trở nên khó nhọc và chậm chạp. Linh thú của Hiệu trưởng mang hình dạng một con quạ. Ngay khi ông vừa khoác xong áo, nó liền nhảy xuống khỏi tủ và đậu lên vị trí quen thuộc trên vai phải của ông.

Lyra có thể cảm thấy lông của Pantalaimon dựng đứng lên vì lo lắng, dù nó không phát ra tiếng động nào. Bản thân cô bé thì thấy hào hứng một cách dễ chịu. Vị khách mà Hiệu trưởng nhắc tới, Ngài Asriel, là bác của cô, một người đàn ông mà cô bé vừa kính trọng vừa rất e sợ. Nghe nói ông có tham gia vào chính trị cấp cao, thám hiểm bí mật, chiến tranh viễn xứ, và cô bé không bao giờ biết được khi nào ông sẽ xuất hiện. Ngài Asriel rất dữ tợn: ông mà bắt được Lyra ở đây thì cô bé sẽ bị trừng trị nghiêm khắc, nhưng cô có thể chịu đựng được điều đó.

Tuy nhiên, điều cô thấy tiếp đó đã thay đổi tất cả.

Ông Hiệu trưởng lấy từ trong túi ra một mảnh giấy gấp và đặt nó lên bàn. Ông nhấc nút chiếc bình đựng một loại rượu vàng óng ả ra, mở gói giấy và đổ một dải bột trắng vào bình trước khi vo tròn tờ giấy lại rồi vứt vào lửa. Sau đó ông lấy một cây bút chì ra khỏi túi, ngoáy rượu cho tới khi bột tan và đóng nút lại.

Linh thú của ông khẽ kêu lên. Hiệu trưởng nhỏ giọng đáp lại rồi nhìn xung quanh bằng đôi mắt đục sục mí trước khi bước ra khỏi cánh cửa mà ông đã vào.

Lyra nói nhỏ: “Cậu có thấy không, Pan?”

“Có chứ! Giờ thì ra ngoài thôi, trước khi Quản lí tới!”

Vừa nói dứt lời thì một tiếng chuông vang lên từ phía bên kia Đại sảnh.

“Đó là chuông của Quản lí!” Lyra kêu lên. “Tớ cứ nghĩ là chúng ta có nhiều thời gian hơn thế.”

Pantalaimon vội đập cánh về phía cửa Đại sảnh rồi lập tức quay lại.

“Ông Quản lí đang ở đó rồi,” nó nói. “Cánh cửa còn lại thì không thể đi ra được...”

Cánh cửa còn lại, nơi Hiệu trưởng đã bước vào và rời đi, mở ra một hành lang tấp nập nằm giữa Thư viện và Phòng chung của các Học giả. Vào giờ này, nó đầy chật những người đàn ông đang khoác áo choàng lên để chuẩn bị cho bữa tối, hay vội vã cất giấy tờ hoặc vali vào Phòng chung trước khi di chuyển tới Đại sảnh. Lyra đã định tranh thủ vài phút trước khi tiếng chuông của Quản lí vang lên để trở ra bằng đường đã đi vào.

Nếu chưa từng nhìn thấy Hiệu trưởng đổ thứ bột đó vào rượu, cô có thể đã bất chấp cơn lôi đình của Quản lí, hoặc hi vọng tránh được sự chú ý trong hành lang nhộn nhịp. Nhưng cô bé đang bối rối, và điều đó khiến cô lưỡng lự.

Rồi cô nghe thấy tiếng bước chân nặng nề vang lên trên bục. Ông Quản lí đang tới kiểm tra xem Phòng nghỉ đã có sẵn anh túc và rượu để phục vụ các Học giả sau bữa tối hay chưa. Lyra lao vội đến tủ quần áo bằng gỗ sồi, mở nó ra và trốn vào bên trong. Cô bé vừa kịp đóng cửa lại thì Quản lí bước vào. Về phần Pantalaimon thì không có gì phải lo: căn phòng khá tối, mà nó thì luôn có thể luôn xuống trốn dưới một cái ghế nào đó.

Cô nghe thấy tiếng thở nặng nhọc của ông Quản lí. Qua khe hở của cánh cửa chưa đóng chặt, cô nhìn thấy ông đang chỉnh lại mấy ống tẩu trên giá cạnh máy nghiền thuốc rồi đưa mắt liếc nhìn đám bình và li rượu. Ông lấy hai bàn tay miết tóc qua tai và nói gì đó với linh thú của mình. Ông ta là một người phục vụ nên linh thú của ông là một nàng chó; nhưng vì là người phục vụ cấp cao nên chó của ông cũng rất siêu việt. Thật ra, nó có dạng một chú chó săn setter lông đỏ. Như thể cảm nhận được có kẻ đột nhập, nó lùng sục khắp nơi về đầy ngờ vực,

nhưng lại không đến chỗ tủ quần áo. Lyra thở phào nhẹ nhõm. Cô bé rất sợ Quản lí vì ông đã hai lần đánh cô.

Lyra nghe thấy một tiếng thì thầm rất khẽ; rõ ràng là Pantalaimon đã chen vào bên cạnh cô.

“Giờ thì chúng ta bị kẹt trong này rồi. Sao cậu không chịu nghe lời tớ vậy?”

Cô bé không trả lời cho tới khi Quản lí đã đi khỏi. Việc của ông là giám sát công việc hầu bàn tại bàn trên; cô có thể nghe thấy tiếng các Học giả tiến vào Đại sảnh, tiếng nói rì rầm, tiếng bước đi loẹt quẹt.

“May mà tớ không nghe cậu đấy,” cô thì thào lại. “Nếu không thì chúng ta đã chẳng thấy ông Hiệu trưởng bỏ thuốc độc vào rượu. Pan, đó là bình Tokay mà ông ấy đã hỏi người Quản gia! Bọn họ định ám sát Ngài Asriel!”

“Cậu đâu thể biết chắc nó là thuốc độc chứ.”

“Ôi, đương nhiên là độc rồi. Cậu không nhớ à, ông ấy yêu cầu Quản gia rời khỏi phòng trước khi đổ vào còn gì? Nếu nó không gây hại gì thì ông Quản gia nhìn thấy cũng đâu có sao. Mà tớ *biết* chắc có gì đó đang diễn ra - liên quan đến chính trị. Mấy ngày nay đám người phục vụ cứ nói về nó suốt. Pan, chúng ta có thể ngăn chặn một vụ giết người!”

“Tớ chưa từng nghe thấy cái gì vớ vẩn như thế,” nó nói cộc lốc. “Cậu tính đứng im trong cái tủ bé tí này suốt bốn tiếng kiểu gì? Để tớ đi kiểm tra hành lang. Khi nào thông thoáng sẽ báo.”

Nó rập rờn bay lên từ vai Lyra. Cô bé nhìn thấy cái bóng nhỏ xíu của nó xuất hiện trong khe sáng.

“Không ích gì đâu, Pan, tớ sẽ ở lại,” cô bé nói. “Ở đây có một cái áo nữa hay gì đấy. Tớ sẽ trải nó xuống sàn và thư giãn. Tớ nhất định *phải* xem họ sẽ làm gì.”

Lúc đó cô bé đang khom người. Cô cẩn thận đứng dậy, lần mò xung quanh tìm móc treo quần áo trong lúc cố gắng không gây ồn. Cô

chợt phát hiện ra cái tủ này lớn hơn mình tưởng tượng. Trong đó có vài bộ áo choàng và mũ trùm hàn lâm, vài cái có lông xung quanh, và hầu hết đều được đính viền lụa.

“Không biết có phải đám này là của Hiệu trưởng hết không nhỉ?” Cô bé khẽ nói. “Khi nhận bằng danh dự ở những nơi khác, có lẽ họ tặng ông ấy những bộ áo choàng lông lấy và ông giữ chúng ở đây để diện... Pan, cậu có thật sự nghĩ trong rượu không phải là thuốc độc không?”

“Không,” nó đáp. “Tớ nghĩ là thuốc độc, giống như cậu. Có điều tớ cho rằng đấy không phải việc của chúng ta. Và tớ nghĩ rằng can thiệp sẽ là điều ngốc nghếch nhất cậu từng làm trong cuộc đời đầy sự ngớ ngẩn của mình. Có liên quan gì đến chúng ta đâu.”

“Vớ vẩn,” Lyra vạch lại. “Tớ không thể ngồi đây nhìn họ bỏ độc bác ấy được!”

“Vậy đi chỗ khác thôi.”

“Đồ nhát chết, Pan ạ.”

“Phải đó. Tớ có thể hỏi cậu định làm gì không? Cậu sẽ nhảy ra giật lấy cái li từ những ngón tay run rẩy của ông ấy hả? Cậu đang nghĩ cái gì vậy?”

“Tớ chẳng nghĩ gì cả, và cậu biết rõ điều đó,” cô bé gắt lên. “Nhưng giờ, sau khi đã thấy việc Hiệu trưởng làm, tớ không còn lựa chọn nào khác. Cậu hẳn phải biết cái gọi là lương tâm đúng không? Làm sao tớ có thể cứ thế bỏ đi, an vị ở Thư viện hay chỗ nào đó trong khi biết điều gì có thể xảy ra chứ? Tớ không định *làm* vậy đâu, thề đấy.”

“Đây là việc cậu đã luôn muốn làm,” một lúc sau nó nói. “Cậu muốn trốn ở đây nhìn trộm. Sao tớ lại không nhận ra sớm hơn nhỉ?”

“Được rồi, tớ có muốn thế thật,” cô bé đáp. “Mọi người đều biết họ đang tiến hành một thứ gì đó bí mật. Một thứ lễ nghi tôn giáo gì đó. Và tớ chỉ muốn biết nó là gì thôi.”

“Đó không phải là việc của chúng ta! Nếu bọn họ muốn tận hưởng vài bí mật nhỏ nhoi của bản thân thì cậu cũng nên thấy tự trọng và để mặc họ. Ăn nấp và rình mò chỉ dành cho bọn nhóc ngớ ngẩn thôi.”

“Biết ngay cậu sẽ nói thế mà. Giờ thì thôi cảm ràm đi.”

Hai đứa ngồi im lặng trong một lúc, Lyra ngó ngoáy khó chịu trên sàn tử cứng còn Pantalaimon thì đậu trên một trong những bộ áo choàng, rung bộ râu tạm thời của mình với vẻ tự đắc. Một mớ bong bong đủ loại suy nghĩ đang vật lộn trong đầu cô. Cô bé không muốn gì hơn là được chia sẻ chúng với linh thú của mình, nhưng cái tôi của cô quá lớn. Có lẽ cô nên cố xua chúng đi mà không cần đến sự giúp đỡ của Pan.

Lyra cảm thấy sự bất an xâm chiếm tâm trí mình, nhưng cô không lo cho bản thân. Cô bé gặp rắc rối nhiều đến mức phát quen rồi. Lần này cô đang lo cho Ngài Asriel, và bất an về ý nghĩa của toàn bộ chuyện này. Ông không thường xuyên ghé thăm Học viện, mà lần này lại tới đúng lúc căng thẳng chính trị lên cao. Điều đó có nghĩa là ông không đơn thuần chỉ tới để ăn uống và hút thuốc với vài người bạn cũ. Cô biết rằng cả Ngài Asriel và Hiệu trưởng đều là thành viên của Hội đồng Nội các, cơ quan tham vấn đặc biệt của Thủ tướng, nên việc này có lẽ có liên quan tới cơ quan đó; nhưng các cuộc họp của Hội đồng Nội các đều được tổ chức tại Cung điện chứ không phải ở Phòng nghỉ của Học viện Jordan.

Và lại, mấy ngày gần đây có một lời đồn đang khiến những người phục vụ ở Học viện xôn xao. Nghe nói người Tartar đã xâm chiếm Muscovy, và đang tràn lên phía bắc tới St Petersburg. Từ đó họ có thể chi phối Biển Baltic và rốt cuộc sẽ chiếm trọn vẹn phần Tây Âu. Ngài Asriel thì đang ở vùng Viễn Bắc: lần cuối Lyra gặp ông là khi ông đang chuẩn bị cho cuộc thám hiểm tới Lapland...

“Pan,” cô khẽ gọi.

“Gì thế?”

“Cậu có nghĩ sẽ có chiến tranh không?”

“Chưa đâu. Chiến tranh mà nổ ra vào tuần tới hay gì đó thì Ngài Asriel đã chẳng đến dùng bữa ở đây rồi.”

“Tớ cũng nghĩ thế. Nhưng sau đó thì sao?”

“Suýt! Có người đến.”

Cô bé ngồi dậy ghé mắt nhìn qua khe cửa. Đó là người Quản gia, tới để khơi bắc đèn như Hiệu trưởng đã dặn. Phòng chung và Thư viện được thắp đèn mạch, nhưng trong Phòng nghỉ thì các Học giả thích ánh đèn dầu cũ kỹ và dịu dàng hơn. Chừng nào Hiệu trưởng còn đương nhiệm thì điều này sẽ không thay đổi.

Ông Quản gia khơi bắc đèn, cho thêm một khúc củi vào lò sưởi, rồi chăm chú lắng nghe tiếng động ngoài cửa Đại sảnh trước khi lấy một nắm lá thuốc từ máy nghiền.

Ông ta vừa dậy nắp lại thì tay cầm của cánh cửa còn lại vặn mở khiến ông giật mình hốt hoảng. Lyra cố nén cười. Ông Quản gia vội dúi đám lá vào túi áo rồi quay về phía người mới vào.

“Ngài Asriel!” Ông thốt lên, một cơn ớn lạnh vì kinh ngạc chạy dọc sống lưng Lyra. Tại vị trí của mình, cô bé không thể nhìn thấy Ngài Asriel, và cô cố kìm nén ý muốn được xoay người để nhìn.

“Chào buổi tối, Wren,” Ngài Asriel nói. Lyra luôn cảm thấy thích thú xen lẫn e sợ mỗi khi nghe thấy giọng nói khàn khàn đó. “Ta tới quá muộn để dùng bữa nên sẽ đợi ở đây.”

Ông Quản gia có vẻ bối rối. Khách chỉ vào Phòng nghỉ khi có lời mời của Hiệu trưởng, và Ngài Asriel biết rõ điều đó; nhưng ông Quản gia cũng thấy rằng Ngài Asriel đang nhìn xoáy vào chỗ phồng trên túi áo của mình, nên ông quyết định không phản kháng.

“Tôi có nên báo với Hiệu trưởng rằng ngài đã đến không, thưa ngài?”

“Không vấn đề gì. Ông mang cho ta chút cà phê nhé.”

“Đã rồi, thưa ngài.”

Người Quản gia cúi chào rồi vội vã đi ra, con linh thú ngoan ngoãn chạy theo gót ông. Bác của Lyra bước tới bên lò sưởi rồi vươn hai cánh tay lên quá đầu và gằm lên ngáp như một con sư tử. Ông đang mặc đồ đi đường. Mỗi lần gặp lại bác của mình, Lyra đều nhớ rằng bản thân mình e sợ ông đến nhường nào. Giờ thì không có chuyện lên ra mà không bị phát hiện nữa rồi: cô sẽ phải ngồi thật im mà hi vọng.

Linh thú của Ngài Asriel, một con báo tuyết, đang đứng đằng sau ông.

“Ông định trình chiếu ở đây luôn à?” Nó khẽ hỏi.

“Phải. Như thế sẽ đỡ âm ỉ hơn là tới Giảng đường. Họ sẽ muốn xem các mẫu vật nữa; lát nữa ta sẽ cho gọi người khuân vác vào. Tình hình đang căng lắm, Stelmaria ạ.

“Ông nên nghỉ chút đi.”

Ngài Asriel đuổi người ra trên chiếc ghế bành, do vậy Lyra không nhìn được mặt ông nữa.

“Phải, phải. Ta cũng nên thay đồ nữa. Biết đâu lại có một quy ước xa xưa nào đó cho phép họ phạt ta một tá rượu vì dám ăn mặc không chỉnh chu mà vào đây. Ta cần ngủ ba ngày. Thật ra là...”

Tiếng gõ cửa vang lên, sau đó người Quản gia bước vào với khay bạc đựng một ấm cà phê và chiếc tách.

“Cảm ơn ông, Wren,” Ngài Asriel nói. Có phải trên bàn kia là rượu Tokay đó không?”

“Ngài Hiệu trưởng đặt đóng chai riêng cho ngài đó, thưa ngài,” ông Quản gia đáp. “Hiện tại chỉ còn hơn ba chục chai của năm 98 thôi ạ.”

“Những điều tốt đẹp đều sẽ trôi qua. Đặt khay xuống cạnh ta. À, ông nhắn người khuân vác mang hai hộp ta gửi ở Nhà gác vào đây được chứ?”

“Vào đây sao, thưa ngài?”

“Phải, vào đây, ông bạn ạ. Ta còn cần một màn hình và đèn chiếu nữa, cũng ở đây, ngay bây giờ.”

Người Quản gia không ngăn được bản thân há mồm vì kinh ngạc, nhưng ông không hỏi han hay phản đối gì.

“Wren, ông quên vị trí của mình rồi đấy,” Ngài Asriel nói. “Đừng chần chừ; cứ làm theo lời ta nói thôi.”

“Vâng, thưa ngài,” ông Quản gia đáp. “Nếu được phép, tôi xin đề nghị được báo với ông Cawson về việc ngài định làm, thưa ngài, để phòng ông ấy có phần không hài lòng, nếu ngài hiểu ý tôi.”

“Được. Vậy thì báo với ông ấy đi.”

Ông Cawson là người Quản lí. Từ lâu giữa ông ta và Quản gia đã có sự đối địch sâu sắc. Quản lí là cấp trên, nhưng Quản gia lại có nhiều cơ hội lấy lòng các Học giả, và tận dụng được điều đó. Ông sẽ rất vui vì có cơ hội cho ông Quản lí thấy rằng mình biết nhiều hơn về những việc đang diễn ra trong Phòng nghĩ.

Ông cúi chào rồi rời đi. Lyra quan sát bác mình rót một cốc cà phê, uống một hơi, rồi rót thêm cốc nữa và chậm rãi nhắm nháp. Cô bé đang rất sốt ruột. Hộp đựng mẫu vật? Đèn chiếu? Có gì khẩn cấp và quan trọng mà ông ấy phải cho các Học giả xem đến thế?

Rồi Ngài Asriel đứng dậy và rời khỏi lò sưởi. Cô bé nhìn rõ cả người ông, và kinh ngạc trước sự tương phản ông tạo nên với người Quản gia tròn trĩnh và các Học giả gù chậm chạp. Ngài Asriel là một người đàn ông cao lớn với đôi vai đầy uy lực, một khuôn mặt tối sầm dữ tợn, và đôi mắt dường như lóe lên những tiếng cười độc ác. Đó là một khuôn mặt để thống trị, hoặc để chiến đấu: nhất quyết không phải gương mặt của sự chiếu cố hay thương hại. Mọi cử động của ông đều khoa trương và cân bằng tuyệt đối, giống như những cử động của một con thú hoang. Khi xuất hiện trong một căn phòng như thế này trông ông như thể một con vật hoang dã bị giam cầm trong cái lồng quá nhỏ so với nó vậy.

Vào lúc đó biểu hiện của ông có vẻ xa cách và đầy âu lo. Con linh thú tới gần và dựa đầu lên eo chủ nhân. Ông nhìn xuống phía nó với vẻ mặt khó dò trước khi quay đi bước tới bên bàn. Lyra đột nhiên cảm thấy bụng mình quặn lại, Ngài Asriel vừa nhấc nút chai rượu Tokay lên, và đang rót ra cốc.

“Không được!”

Tiếng kêu khê thoát ra trước khi cô bé kịp ngăn nó lại. Ngài Asriel nghe thấy liền lập tức quay lại.

“Ai đó?”

Chẳng còn cách nào khác, cô bé vội vàng rời khỏi tủ quần áo rồi lao tới giật lấy cái cốc trên tay ông. Rượu sánh ra ngoài, bắn đầy lên mép bàn và thảm sàn, chiếc cốc rơi xuống đất vỡ tan tành. Ông liền tóm lấy cổ tay cô bé và vận mạnh.

“Lyra! Cháu làm cái trò gì thế?”

“Bỏ cháu ra rồi cháu sẽ nói!”

“Ta sẽ bẻ tay cháu trước. Sao cháu dám vào đây chứ?”

“Cháu vừa cứu mạng bác đó!”

Họ đứng lặng một lúc. Cô nhóc vận vẹo vì đau đớn nhưng chỉ nhìn mặt để ngăn bản thân khóc to. Người đàn ông cúi xuống cau có nhìn cô đầy phẫn nộ.

“Cháu vừa nói gì?” Giọng ông đã dịu lại.

“Rượu có độc đó,” cô bé lầm bầm qua kẽ răng nghiến chặt. “Cháu thấy ông Hiệu trưởng đổ bột gì đó vào.”

Ông thả tay ra và Lyra sụp xuống sàn. Pantalaimon liền bay tới đậu trên vai cô bé, vẻ đầy lo lắng. Bác của cô nén giận nhìn xuống, cô bé thì không dám nhìn vào mắt ông.

“Cháu chỉ tới xem cái phòng trông như thế nào thôi,” cô bé nói. “Cháu biết mình không nên làm thế. Nhưng cháu đang định đi ra trước khi có ai đó vào thì nghe thấy tiếng ông Hiệu trưởng tới và bị kẹt lại.

Tủ quần áo là chỗ duy nhất có thể trốn được. Và cháu đã thấy ông ấy đổ bột vào trong rượu. Nếu cháu mà không...”

Có tiếng gõ cửa.

“Người khuân vác đấy” Ngài Asriel nói. “Quay lại tủ quần áo đi. Ta mà nghe thấy bất cứ tiếng động nào thì cháu cứ liệu đấy.”

Cô bé vội lao vào tủ; vừa kịp kéo cửa lại thì Ngài Asriel lên tiếng: “Vào đi.”

Đúng như ông nói, đó là người khuân vác.

“Trong này ạ, thưa ngài?”

Lyra thấy ông lão đứng do dự nơi khung cửa, phía sau ông lấp ló góc của một chiếc hộp gỗ lớn.

“Đúng vậy Shuter ạ,” Ngài Asriel đáp. “Mang cả hai vào và đặt chúng xuống cạnh bàn.”

Lyra thả lỏng đôi chút, cho phép bản thân cảm nhận cơn đau trên vai và cổ tay. Đáng ra ngăn đó đã đủ làm cô bé khóc, nhưng cô lại không phải đứa mít ướt. Thay vào đó, cô nghiêng rặng và nhẹ nhàng cử động cánh tay cho tới khi cơ bắp giãn ra.

Đột nhiên có tiếng thủy tinh vỡ và tiếng chất lỏng đổ ra ồ ạt.

“Khi thật, Shuter, đồ hậu đậu ngu ngốc! Nhìn xem ông đã làm gì này!”

Lyra vừa kịp nhìn thấy điều đó. Bác cô đã đánh đổ bình rượu Tokay khỏi bàn và khiến nó trông như thể chính người khuân vác đã làm đổ vậy. Ông lão cẩn thận đặt chiếc hộp xuống và bắt đầu xin lỗi.

“Tôi thật sự xin lỗi, thưa ngài - hẳn là tôi đã tới sát hơn tôi nghĩ...”

“Lấy gì đó dọn đống hỗn độn này đi. Nhanh lên, trước khi nó thấm vào thảm!”

Người khuân vác và anh phụ việc trẻ tuổi vội vàng chạy ra ngoài. Ngài Asriel tiến tới bên tủ quần áo rồi khẽ nói.

“Nhân tiện ở trong đó thì cháu có thể trở nên có ích đấy. Quan sát Hiệu trưởng thật kĩ khi ông ta vào. Nếu cháu có thể nói cho ta biết điều gì đó thú vị về ông ta, ta sẽ giúp cháu không lẩn sâu thêm vào cái mớ rắc rối này. Hiểu chứ?”

“Vâng, thưa bác.”

“Gây ra một tiếng động là ta không giúp nữa đâu. Mặc cháu đó.”

Ông bước ra xa và đứng quay lưng vào lò sưởi khi người khuân vác trở lại với chổi và gàu hót để dọn thủy tinh, cùng với một cái bát và giẻ lau.

“Tôi chỉ có thể nói lại một lần, thưa ngài, tôi thật sự mong ngài tha lỗi; tôi không biết điều gì...”

“Ông chỉ cần dọn dẹp là được rồi.”

Trong lúc người khuân vác bắt đầu lau rượu khỏi thảm sàn, ông Quản gia gõ cửa rồi bước vào cùng với người phục vụ nam của Ngài Asriel, một người đàn ông có tên Thorold. Cả hai đang bê một chiếc hòm nặng trĩch bằng gỗ sơn bóng với tay cầm bằng đồng. Họ đứng khựng lại khi nhìn thấy việc người khuân vác đang làm.

“Phải, là rượu Tokay đó,” Ngài Asriel nói. “Tiếc thật. Là đèn chiếu đó hả? Thorold, ông đặt nó lên cạnh tủ quần áo được chứ? Ta sẽ treo màn chiếu lên ở phía bên kia.”

Lyra nhận ra cô có thể nhìn thấy màn hình cùng mọi thứ trên đó qua khe cửa, và tự hỏi không biết có phải bác mình cố tình sắp xếp nó như vậy không. Trong tiếng ồn người phục vụ nam tạo ra khi tháo tấm vải lanh cứng và căng nó lên khung, cô bé thì thầm:

“Thấy chưa? Cũng đáng để đến đây đó chứ?”

“Có thể,” Pantalaimon nghiêm khắc đáp lại bằng giọng bướm đêm nhỏ xíu của mình. “Mà cũng có thể là không.”

Ngài Asriel đứng bên ngọn lửa nhâm nhi nốt chỗ cà phê còn lại, u uất quan sát Thorold mở chiếc hộp đựng đèn chiếu và tháo nắp ống kính trước khi kiểm tra bình đựng dầu.

“Vẫn còn khá nhiều dầu, thưa ngài,” ông ta nói. “Tôi có cần gọi thợ tới vận hành nó không?”

“Không cần. Ta sẽ tự làm. Cảm ơn ông, Thorold. Họ đã dùng xong bữa tối chưa, Wren?”

“Tôi cho là sắp xong rồi, thưa ngài,” ông Quản gia đáp. “Nếu tôi hiểu đúng về ông Cawson, thì Hiệu trưởng và khách của ngài ấy sẽ không nán lại khi biết ngài đang ở đây đâu. Tôi có thể dọn khay cà phê được không?”

“Dọn đi đi.”

“Vâng, thưa ngài.”

Sau khi khẽ cúi chào, ông Quản gia cầm lấy cái khay và đi khỏi cùng với Thorold. Ngay khi cửa vừa khép lại, Ngài Asriel liền nhìn qua căn phòng thẳng tới tủ quần áo. Lyra cảm thấy áp lực của ánh nhìn đó như thể nó có hình dạng cụ thể, như thể nó là một mũi tên hay một ngọn giáo vậy. Rồi ông quay đi thì thầm gì đó với linh thú của mình.

Con linh thú bước tới, điềm tĩnh ngồi xuống cạnh ông, lanh lợi, thanh thoát và dữ tợn. Đôi mắt xanh ngọc của nó rà soát căn phòng trước khi quay về phía cửa Đại sảnh cùng với đôi mắt đen của chủ nhân khi tay cầm được vặn mở. Lyra không thể nhìn thấy cánh cửa, nhưng cô nghe được tiếng hít vào thật mạnh của người đầu tiên bước vào phòng.

“Hiệu trưởng,” Ngài Asriel lên tiếng. “Vâng, tôi đã trở lại. Xin hãy đưa các vị khách vào; tôi có thứ rất thú vị muốn cho quý vị xem.”

2

Ý tưởng về Phương Bắc

“Ngài Asriel,” Hiệu trưởng khó nhọc nói rồi bước tới bắt tay ông. Từ chỗ trốn, Lyra quan sát ánh mắt của Hiệu trưởng, và quả thật trong tích tắc, nó lướt về phía chiếc bàn nơi bình rượu Tokay từng được đặt.

“Hiệu trưởng,” Ngài Asriel nói. “Tôi đến quá muộn để có thể quấy rầy bữa tối của ngài, nên tôi đã thư giãn ở đây một chút. Chào ngài Hiệu phó. Thật mừng vì thấy ngài vẫn khỏe. Xin thứ lỗi cho vẻ ngoài khó coi này; tôi chỉ vừa mới đáp xuống. Vâng, thưa ngài Hiệu trưởng, bình Tokay không còn nữa. Tôi nghĩ ngài đang đứng trong chỗ của nó. Ông lão khuân vác đã đánh rớt nó khỏi bàn, nhưng cũng do lỗi của tôi nữa. Xin chào Cha tuyên úy. Con đã rất thích thú khi đọc bài luận mới nhất của Cha...”

Ông bước đi cùng với Cha tuyên úy, tạo cho Lyra một tầm nhìn hoàn hảo tới khuôn mặt của Hiệu trưởng, vẻ mặt ông không biểu lộ cảm xúc, nhưng con linh thú trên vai thì cứ hết rìa lông lại nhảy từ chân nọ sang chân kia ra vẻ bồn chồn. Ngài Asriel đã chi phối cả gian phòng, và mặc dù rất cẩn trọng để tỏ ra lịch sự với ông Hiệu trưởng trên đất của ông, thật không khó để thấy quyền lực nằm ở bên nào.

Các Học giả chào vị khách tới thăm rồi tiến vào trong phòng. Một số ngồi quanh bàn, một số chọn ghế bành, và chẳng bao lâu thì tiếng rì rầm nói chuyện đã choán ngập cả không khí. Lyra có thể thấy họ đang bị cái hộp gỗ, màn hình và đèn chiếu lồi cuốn mãnh liệt. Cô

bé biết rất rõ về các Học giả: người Thủ thư, Hiệu phó, viên Thanh tra và số còn lại; họ là những người đã bên cô cả đời, dạy dỗ cô, trừng phạt cô, an ủi cô, tặng cô những món quà, đuổi cô khỏi các cây ăn quả trong vườn; họ là tất cả những gì cô có cho một gia đình. Thậm chí nếu biết gia đình là thế nào, cô bé có lẽ đã cảm thấy họ như một gia đình thực sự, mặc dù nếu biết, cô sẽ dễ cảm nhận điều đó với những người phục vụ trong Học viện hơn. Các Học giả có nhiều việc quan trọng phải làm hơn là chú ý tới cảm xúc của một cô nhóc nửa hoang dã, nửa văn minh, tình cờ bị bỏ lại với họ.

Hiệu trưởng bật đèn cồn dưới chiếc lò hâm nhỏ bằng bạc lên và đun nóng chút bơ trước khi cắt đôi chục quả anh túc rồi thả vào. Quả anh túc luôn được dọn ra sau một bữa tiệc: nó giúp đầu óc minh mẫn, kích thích trao đổi, và làm cuộc thảo luận trở nên sâu sắc hơn. Việc Hiệu trưởng tự chuẩn bị món này đã trở thành thông lệ.

Trong tiếng lách tách của bơ rán và tiếng nói chuyện rì rầm, Lyra xoay người để tìm vị trí thoải mái hơn. Thật cẩn thận, cô bé lấy một trong những chiếc áo choàng - chiếc được đính lông toàn bộ - khỏi mắc và trải xuống sàn tủ.

“Đáng ra cậu nên dùng cái nào cũ và xấu thôi,” Pantalaimon thì thào. “Thoải mái quá là thế nào cậu cũng ngủ cho xem.”

“Tớ mà ngủ thì nhiệm vụ của cậu là đánh thức tớ dậy,” cô bé đáp.

Cô ngồi xuống lắng nghe cuộc nói chuyện. Lại một cuộc đàm luận tẻ nhạt đến phát chán; chủ yếu toàn xoay quanh chính trị, mà là chính trị London, chẳng có gì hấp dẫn về người Tartar cả. Mùi anh túc rán và lá thuốc cháy khoan khoái luồn vào qua cửa tủ; Lyra thấy mình gục gặc đầu không chỉ một lần. Rồi cuối cùng cô bé cũng nghe thấy có ai đó gõ lên bàn. Tiếng trò chuyện lắng xuống; sau đó Hiệu trưởng cất tiếng.

“Thưa quý ngài,” ông nói. “Tôi xin thay mặt quý vị gửi lời chào tới Ngài Asriel đây. Những cuộc viếng thăm của ngài dù rất hiếm hoi nhưng luôn quý báu vô cùng; và tôi được biết rằng ngài ấy có thứ đặc

biệt thú vị muốn cho chúng ta xem tối nay. Như chúng ta đã biết; đây là thời gian căng thẳng chính trị leo thang; Ngài Asriel được yêu cầu phải có mặt tại Nhà Trắng vào sáng sớm ngày mai; một con tàu được khởi động sẵn đang chờ để đưa ngài ấy trở lại London ngay khi chúng ta kết thúc buổi thảo luận tại đây; vậy nên chúng ta cần tận dụng thời gian một cách khôn ngoan. Sau khi Ngài Asriel trình bày xong; tôi đoán có thể sẽ có vài câu hỏi. Xin hãy hỏi thật ngắn gọn và đúng trọng tâm. Ngài Asriel; ngài sẵn sàng bắt đầu rồi chứ?”

“Cảm ơn ngài, thưa Hiệu trưởng,” Ngài Asriel đáp. “Để bắt đầu; tôi có vài trang trình chiếu muốn cho quý vị xem. Ngài Hiệu phó, tôi nghĩ ngài có thể nhìn thấy rõ nhất từ đây. Có lẽ ngài Hiệu trưởng nên ngồi ghế cạnh tủ quần áo?”

Ông Hiệu phó già mắt đã gần như lòa hẳn nên cần phải được lịch sự nhường cho chỗ gần màn hình. Và việc ông ngồi dịch về phía trước sẽ khiến Hiệu trưởng phải ngồi cạnh Thủ thư, tức là chỉ cách nơi Lyra trốn trong tủ quần áo tầm một thước. Ông Hiệu trưởng vừa yên vị trên ghế bành thì Lyra nghe thấy tiếng ông lầm bầm:

“Đồ quý quyết! Hẳn *biết* về chai rượu rồi, ta dám chắc là thế.”

Viên Thủ thư rì rầm đáp lại: “Hẳn sẽ đòi viện trợ. Nếu hẳn đòi bỏ phiếu...”

“Hẳn mà làm thế thì ta chỉ cần phản đối lại bằng tất cả tài hùng biện sẵn có.”

Chiếc đèn chiếu rít lên khi Ngài Asriel bơm thật lực vào nó. Lyra khẽ di chuyển để nhìn rõ màn hình, nơi một hình tròn trắng xóa bắt đầu sáng dần lên. Ngài Asriel hô: “Ai đó có thể tắt đèn giùm được không?”

Một trong các Học giả đứng dậy làm điều đó, và căn phòng tối dần lại.

Ngài Asriel bắt đầu:

“Như một số trong các ngài đã biết, tôi khởi hành tới Phương Bắc mười hai tháng trước trong một công tác ngoại giao với Vua xứ Lapland. Ít ra thì đó cũng là điều tôi đang giả bộ làm. Thật ra mục đích thực sự của tôi là đi xa hơn về phía bắc, tới hãn vùng băng tuyết, để cố gắng tìm hiểu điều gì đã xảy ra với chuyến thám hiểm của Grumman. Một trong những thông điệp cuối cùng của Grumman cho Viện hàn lâm ở Berlin nhắc đến một hiện tượng thiên nhiên nhất định chỉ có thể quan sát được ở những vùng đất Phương Bắc. Tôi đã quyết tâm điều tra việc đó đồng thời cố gắng tìm ra sự thật về Grumman. Nhưng bức hình đầu tiên tôi sắp cho quý vị xem lại không trực tiếp liên quan đến việc nào trong số đó cả.”

Nói rồi ông đặt tấm đầu tiên lên khung và trượt nó vào đằng sau ống kính. Một bức ảnh đen trắng hình tròn sắc nét hiện lên trên màn hình. Nó được chụp vào một đêm trăng tròn, trên đó hiện ra một nhà chòi bằng gỗ ở khoảng cách không xa, những bức tường sậm màu của nó tương phản với tuyết đọng xung quanh và đóng dày trên mái nhà. Bên cạnh cái chòi dựng một hàng các thiết bị khoa học. Đối với Lyra, chúng trông như những thứ thuộc Công viên Mạch trên đường tới Yarnton vậy: nào là dây anten, dây sắt, dụng cụ cách mạch bằng sứ, tất cả đều lấp lánh dưới ánh trăng và phủ đầy sương giá. Một người đàn ông mặc đồ phủ lông, mặt gần như không lộ ra dưới chiếc mũ trùm sâu, đứng ở tiền cảnh với bàn tay giơ lên như thể đang chào. Đứng bên cạnh ông là một bóng dáng nhỏ hơn. Vạn vật đắm mình trong thứ ánh sáng nhợt nhạt từ mặt trăng.

“Tấm ảnh này được chụp bằng nhũ tương ảnh nitrat bạc tiêu chuẩn,” Ngài Asriel giải thích. “Các vị hãy xem một tấm khác, được chụp tại cùng vị trí chỉ sau đó một phút, với loại nhũ tương mới được pha chế đặc biệt.”

Ông nhắc tấm đầu tiên lên và đặt một tấm khác vào khung. Tấm này tối màu hơn nhiều; như thể ánh trăng đã bị lọc bỏ đi vậy. Đường chân trời vẫn có thể thấy được, cùng hình dạng đen thù lù của nhà chòi

với mái nhà phủ tuyết nổi bật, nhưng các chi tiết của bộ thiết bị khoa học phức tạp đã chìm trong bóng tối. Tuy nhiên, người đàn ông thì lại thay đổi hoàn toàn: toàn thân ông được ánh sáng bao phủ, một luồng hạt sáng lóng lánh dường như đang tuôn ra từ bàn tay giơ cao của ông.

“Thứ ánh sáng đó,” Cha tuyên úy lên tiếng, “nó đang đi lên hay đi xuống vậy?”

“Nó đang đi xuống,” Ngài Asriel đáp, “nhưng đó không phải là ánh sáng. Đó là Bụi.”

Có điều gì đó trong cách nói của ông khiến Lyra hình dung ra Bụi với chữ cái đầu tiên viết hoa, cứ như nó không phải bụi bẩn bình thường vậy. Phản ứng của các Học giả đã chứng thực cảm giác của cô bé, vì những lời Ngài Asriel nói đã tạo ra một sự im lặng đột ngột bao trùm cả căn phòng, tiếp nối bởi những cái há hốc mồm ngỡ vực.

“Nhưng làm thế nào...”

“Chắc hẳn...”

“Không thể nào...”

“Các quý ngài!” Giọng Cha tuyên úy vang lên. “Hãy để Ngài Asriel giải thích.”

“Đó là Bụi,” Ngài Asriel nhắc lại. “Nó được ghi nhận như ánh sáng trên kính ảnh vì các hạt vật chất của Bụi phản ứng với chất nhũ tương này giống như cách các hạt photon phản ứng với nhũ tương nitrat bạc. Ngay từ đầu, chuyến thám hiểm tới Phương Bắc của tôi một phần đã là để kiểm chứng điều này. Như các vị thấy hình ảnh người đàn ông hiện lên rất rõ ràng. Giờ tôi muốn các vị nhìn vào hình dạng bên trái ông ta.”

Ông chỉ vào hình dạng mờ ảo của một thân hình nhỏ hơn.

“Tôi nghĩ đó là linh thú của ông ta,” vị Thanh tra nói.

“Không. Linh thú của ông ta lúc đó đang cuộn mình quanh cổ chủ trong hình dáng một con rắn. Còn cái bóng mà quý vị có thể lơ mơ thấy là một đứa trẻ.”

“Một đứa trẻ bị chạt... ?” Có ai đó nói, và cái cách ông ta dừng lại cho thấy ông biết đó là thứ không nên được nói ra.

Im lặng một cách căng thẳng.

Rồi Ngài Asriel điềm tĩnh nói: “Một đứa trẻ toàn vẹn. Và căn cứ vào bản chất của Bụi thì điều đó đánh rất đúng trọng tâm phải không nào?”

Không ai nói gì trong vài giây. Sau đó Cha tuyên úy lên tiếng.

“Chà,” ông thốt lên, như một người đang khát được thỏa thuê uống nước rồi đặt chiếc cốc xuống để thở ra luồng hơi đã nén khi uống. “Còn những dòng Bụi...”

“... Tới từ bầu trời, bao phủ lấy ông ta trong một thứ trông như ánh sáng. Các vị có thể kiểm tra bức ảnh này tùy ý: tôi sẽ để nó lại khi đi. Tôi cho quý vị xem lúc này là để chứng minh tác dụng của chất nhũ tương mới này. Giờ tôi xin phép chiếu một tấm ảnh khác.”

Ông đổi trang trình chiếu. Bức ảnh tiếp theo cũng được chụp vào ban đêm, nhưng lần này thì không có ánh trăng. Nó cho thấy một nhóm nhỏ vài chiếc lều ở tiền cảnh, lờ mờ in viền lên chân trời dưới thấp, bên cạnh chúng là một đồng lổn nhổn những hộp gỗ và một chiếc xe trượt tuyết. Nhưng tâm điểm chú ý của bức ảnh nằm ở bầu trời. Các dòng và màn ánh sáng phất phơ như những tấm rèm, cuộn vòng và kết lại trên những cái móc vô hình trên cao vài trăm dặm hoặc thối bạt sang bên trong một luồng gió kì quái nào đó.

“Đó là gì vậy?” Giọng ông Hiệu phó cất lên.

“Đó là một bức ảnh chụp Cực Quang.”

“Một bức ảnh rất sắc nét,” Giáo sư Palmerian nói. “Một trong những bức đẹp nhất tôi từng thấy.”

“Xin tha thứ cho sự thiếu hiểu biết của tôi,” Người linh xướng già run rẩy lên tiếng, “nhưng nếu có biết Cực Quang là gì thì tôi cũng quên mất rồi. Đó có phải thứ người ta gọi là Ánh sáng Phương Bắc không?”

“Đúng vậy. Nó có rất nhiều tên. Nó bao gồm những cơn bão hạt tích mạch và tia mặt trời với sức mạnh dữ dội và khác thường - nếu chỉ có một mình thì chúng vô hình, nhưng khi tương tác với bầu khí quyển thì lại tạo ra quang sáng rực rỡ như thế này. Nếu có thời gian, tôi đã nhuộm bức hình này để các ngài thấy được màu sắc của nó: chủ yếu là lục nhạt và hồng, điểm thêm chút sắc đỏ thẫm dọc theo viền phía dưới của cấu trúc hình rèm này. Bức ảnh được chụp bằng nhũ tương thông thường. Giờ xin hãy nhìn bức được chụp với nhũ tương đặc biệt.”

Ông lấy bức hình ra. Lyra nghe thấy tiếng Hiệu trưởng nói khẽ: “Hắn mà đòi bỏ phiếu, chúng ta có thể thử viện chứng điều luật cư trú. Hắn không ở Học viện suốt ba mươi tuần trong một năm trở lại đây.”

“Hắn đã có Cha tuyên úy về phe mình rồi...” Viên Thủ thư rì rầm đáp lại.

Ngài Asriel đặt một trang mới vào khung đèn chiếu. Nó cho thấy cùng một cảnh. Cũng giống như cặp ảnh trước đó, nhiều chi tiết hiện rõ dưới ánh sáng thường lại mờ đi khá nhiều trong tấm này, và những bức rèm ánh sáng trên trời cũng chung số phận.

Nhưng ở giữa quang Cực Quang, cao phía trên khung cảnh trống trải, Lyra có thể thấy thứ gì đó rắn chắc. Cô bé ép sát mặt vào khe cửa để nhìn rõ hơn, cô thấy các Học giả gần màn hình cũng đang ngả về trước. Càng nhìn cô bé càng thấy kinh ngạc, vì trên bầu trời kia là hình bóng không lẫn vào đâu được của một thành phố: các tòa tháp, mái vòm, những bức tường... tòa nhà và dãy phố, lơ lửng trong không khí! Suýt chút nữa thì cô thốt lên vì ngạc nhiên.

Học giả Cassington nói: “Cái đó giống như... một thành phố.”

“Chính xác là vậy,” Ngài Asriel đáp.

“Hắn là một thành phố thuộc thế giới khác?” Ông Trưởng khoa hỏi với giọng khinh miệt.

Ngài Asriel phớt lờ ông ta. Một vài Học giả xôn xao lên về đây phần khích, như thể họ chỉ mới đọc những luận án về sự tồn tại của kì lân mà chưa từng nhìn thấy, thì giờ lại đang được thấy một chứng cứ sống mới bắt được.

“Có phải vụ Barnard-Stokes không?” Giáo sư Palmerian hỏi. “Chính là nó đúng không?”

“Đó là điều tôi muốn tìm hiểu,” Ngài Asriel đáp.

Ông đứng sang một bên tấm màn đang được chiếu sáng. Lyra nhận thấy đôi mắt sẫm màu của ông đang rà soát giữa các Học giả trong lúc họ ngược nhìn bức ảnh Cực Quang, và ánh xanh phát ra từ đôi mắt của con linh thú bên cạnh ông. Tất cả những cái đầu đáng kính đang rướn ra phía trước, kính của họ lấp loáng ánh phản chiếu; chỉ riêng Hiệu trưởng và Thủ thư là ngồi dựa vào lưng ghế, chụm đầu lại với nhau.

Cha tuyên úy lên tiếng: “Ngài Asriel, ngài nói ngài đang tìm kiếm thông tin về cuộc thám hiểm của Grumman. Có phải Tiến sĩ Grumman cũng đã nghiên cứu hiện tượng này không?”

“Tôi tin là đúng như vậy, và tôi tin ông ấy đã thu thập được một lượng thông tin đáng kể về nó. Nhưng ông ấy sẽ không thể nói với chúng ta nó là gì, vì ông ấy đã chết.”

“Ôi không!” Cha tuyên úy thốt lên.

“Tôi e rằng đó là sự thật, và tôi có bằng chứng ở đây.”

Một sự kích động lan tỏa khắp Phòng nghị khi vài ba Học giả trẻ tuổi bê chiếc hộp gỗ tới phía trước căn phòng dưới sự chỉ đạo của Ngài Asriel. Ông tháo tấm ảnh cuối cùng ra nhưng vẫn để đèn bật; rồi cúi xuống mở nắp hộp trong ánh chói lòa của vòng sáng. Lyra nghe thấy tiếng ken két của những chiếc đinh đang rời khỏi lớp gỗ ẩm. Hiệu trưởng đứng dậy nhìn làm choán tầm mắt của Lyra. Bác của cô bé lại lên tiếng:

“Nếu các vị còn nhớ, đoàn thám hiểm của Grumman biến mất vào mười tám tháng trước. Viện hàn lâm Đức cử ông ấy đến đó để tiến xa về phía bắc tới tận cực từ và tiến hành đủ các phương thức quan sát bầu trời. Chính trong quá trình thực hiện cuộc hành trình đó, ông ấy quan sát được hiện tượng kì thú mà chúng ta đã thấy. Không lâu sau đó, ông ấy biến mất. Người ta phỏng đoán rằng ông ấy đã gặp tai nạn và rằng xác của ông nằm trong một khe nứt nào đó suốt bấy lâu nay. Sự thực là chẳng có tai nạn nào cả.”

“Ngài có gì ở đó vậy?” Trưởng khoa hỏi. “Đó có phải là hộp hút chân không không?”

Ngài Asriel không trả lời ngay. Lyra nghe thấy tiếng bật tách của những chiếc kẹp kim loại và một tiếng rít lên khi không khí ùa vào khoang chứa, rồi sau đó là lặng thinh. Nhưng sự im lặng không kéo dài lâu. Sau một lúc Lyra nghe thấy tiếng lấp bấp đầy hoang mang vang lên: những tiếng kêu la hốt hoảng; tiếng phản đối âm ì, tiếng nói lớn đầy phần nộ và sợ hãi.

“Cái gì chứ...”

“... trông chẳng ra người ngợm gì...”

“... nó đã từng...”

“... chuyện gì xảy ra với nó vậy?”

Giọng ông Hiệu trưởng cắt ngang tiếng những người khác.

“Ngài Asriel, vì Chúa, ngài có cái gì ở đó vậy?”

“Đây là đầu của Stanislaus Grumman,” tiếng Ngài Asriel đáp lại.

Lẫn trong những tiếng nói hỗn độn, Lyra nghe thấy có ai đó lập bập lao tới cửa và chạy ra ngoài, phát ra những tiếng thở gấp đứt đoạn. Cô bé ước giá mà mình có thể được xem thứ họ đang nhìn thấy.

Ngài Asriel nói: “Tôi tìm thấy cơ thể của ông ấy được bảo quản trong đám băng ngoài khơi Svalbard. Những kẻ ám sát ông ấy đã xử lí cái đầu theo cách này. Các ngài sẽ nhận ra kiểu lột da đầu đặc trưng. Tôi nghĩ ngài Hiệu phó khá quen thuộc với điều này.”

Giọng ông lão điềm tĩnh vang lên: “Tôi từng thấy người Tartar làm việc này. Đây là một kỹ thuật thường thấy ở các thổ dân Siberia và người Tungusk. Hẳn nhiên là từ đó nó đã lan rộng vào lãnh thổ của người Skraeling, mặc dù tôi hiểu là hiện giờ nó đang bị cấm ở Tân Đan Mạch. Tôi có thể kiểm tra nó kỹ hơn một chút được không, Ngài Asriel?”

Sau một lúc im lặng, ông lên tiếng.

“Mắt tôi không tinh lắm, lớp băng lại bẩn, nhưng có vẻ như tôi thấy một cái lỗ trên đỉnh sọ. Tôi nói đúng chứ?”

“Đúng vậy.”

“Khoan sọ à?”

“Chính là vậy.”

Những tiếng rì rầm kích động lại vang lên. Hiệu trưởng né người đi và Lyra lại có thể nhìn thấy. Ông Hiệu phó già, trong vòng sáng phát ra từ đèn chiếu, đang giơ một khối băng nặng nề lên sát mắt, và Lyra có thể thấy vật thể bên trong đó: một tảng thịt máu me vừa đủ để nhận ra là đầu người. Pantalaimon rập rờn bay quanh Lyra, sự lo lắng của nó cũng ảnh hưởng tới cô bé.

“Suýt,” cô bé thì thầm. “Nghe đi.”

“Tiến sĩ Grumman đã từng có thời là Học giả của Học viện này,” Trưởng khoa nóng nảy nói.

“Việc bị rơi vào tay của bọn người Tartar...”

“Nhưng ở xa tận phía bắc thế ư?”

“Bọn chúng hẳn đã xâm nhập xa hơn chúng ta tưởng!”

“Có phải ngài đã nói ngài tìm thấy nó ở gần Svalbard không?” Trưởng khoa hỏi.

“Đúng vậy.”

“Có thể hiểu là đám *panserbjørne* có dính líu tới vụ này không?”

Lyra không hiểu từ đó, nhưng rõ ràng là các Học giả thì có.

“Không thể nào,” Học giả Cassington nói chắc nịch. “Chúng không bao giờ cư xử như thế.”

“Vậy thì ông không biết Iofur Raknison rồi,” Giáo sư Palmerian nói. Bản thân ông đã vài lần du thám tới các vùng của Cực Bắc. “Việc hãn học theo kiểu lột da đầu người của bọn Tartar chẳng làm tôi ngạc nhiên chút nào.”

Lyra quay lại nhìn bác mình. Ông không nói một lời nào, đôi mắt ánh lên vẻ vui thú đầy mỉa mai khi nhìn các Học giả.

“Iofur Raknison là ai?” Ai đó hỏi.

“Vua xứ Svalbard,” Giáo sư Palmerian đáp. “Phải, đúng vậy, là một trong số các *panserbjørne*. Hãn đại loại là một kẻ cướp ngôi; lừa lọc để lấy được ngai vàng, hoặc ít ra tôi hiểu như thế; nhưng là một gã hùng mạnh, không hề ngu ngốc, mặc dù có những thú vui lố bịch như xây cung điện từ cẩm thạch nhập khẩu, hãn đã dựng nên một thứ mà hãn tự gọi là trường đại học...”

“Cho ai? Bọn *gấu* à?” Một người khác lên tiếng, và tất cả phá lên cười.

Nhưng Giáo sư Palmerian vẫn tiếp tục: “Với tất cả những điều đó, tôi xin nói với quý vị rằng Iofur Raknison có khả năng đã làm việc này với Grumman. Tuy nhiên, nếu hoàn cảnh đòi hỏi, tâng bốc có thể sẽ khiến hãn cư xử khác đi nhiều.”

“Và ông biết phải làm thế nào, đúng không Trelawney?” Trưởng khoa châm chọc nói.

“Đúng là tôi biết. Ông có biết hãn ta muốn thứ gì hơn tất cả không? Thậm chí còn hơn cả một tấm bằng danh dự? Hãn muốn một linh thú! Tìm cách cho hãn một con đi, rồi hãn sẽ làm mọi việc vì ông.”

Các Học giả cười âm lên.

Mạch chuyện khiến Lyra bối rối: những điều Giáo sư Palmerian nói thật vô nghĩa. Hơn nữa, cô đang nóng lòng muốn nghe thêm về tục

lột da đầu, về Bắc Cực Quang và thứ Bụi bí ẩn đó. Nhưng cô bé đã phải thất vọng, vì Ngài Asriel không còn bày mẫu vật và ảnh ra nữa, còn buổi nói chuyện đã sớm biến thành một cuộc cãi lộn nội bộ về việc có nên cấp thêm tiền để ông thực hiện một chuyến thám hiểm nữa hay không. Những lí lẽ cứ bay qua bay lại khiến mắt Lyra díp vào. Chẳng mấy chốc cô bé đã ngủ say, cùng với Pantalaimon cuộn quanh cổ cô trong hình dạng ngủ ưa thích của nó - một chú chồn ermine.

Lyra giật mình tỉnh dậy khi có ai đó lắc vai cô.

“Yên nào,” bác cô nói. Cửa tủ đang mở và ông đang cúi người ở đó, sắp bóng dưới ánh đèn. “Họ đi cả rồi, nhưng vẫn còn vài người giúp việc quanh đây. Đi về phòng ngủ đi, và cẩn thận đừng có hé mồm gì về chuyện này đấy.”

“Họ có bỏ phiếu cấp tiền cho bác không?” Cô bé ngái ngủ hỏi.

“Có.”

“Bụi là gì vậy ạ?” Cô bé hỏi trong lúc chật vật đứng dậy sau khi đã ngồi bó người quá lâu.

“Không liên quan gì đến cháu hết.”

“Có liên quan đó ạ,” cô bé nói. “Nếu bác muốn cháu nghe trộm trong tủ đồ thì phải cho cháu biết cháu đang nghe trộm điều gì chứ. Cháu có thể xem đầu của người đàn ông được không?”

Bộ lông chồn màu trắng của Pantalaimon dựng đứng lên: cô cảm thấy nó cọ vào cổ mình. Ngài Asriel khẽ cười.

“Đừng có làm ta bực,” ông đáp, rồi bắt đầu thu dọn tranh ảnh và hộp mẫu vật. “Cháu có quan sát Hiệu trưởng không?”

“Có ạ. Ông ấy kiếm chai rượu trước tiên.”

“Tốt. Nhưng tạm thời thì ta đã trả đũa được chút ít rồi. Nghe lời ta đi ngủ đi.”

“Nhưng còn *bác* sẽ đi đâu?”

“Quay lại Phương Bắc. Mười phút nữa xuất phát.”

“Cháu đi cùng được chứ?”

Ông ngừng mọi việc đang làm lại và nhìn cô bé như thể lần đầu tiên gặp. Linh thú của ông cũng hướng đôi mắt báo cỡ bự màu ngọc của mình về phía cô. Lyra đỏ mặt dưới ánh nhìn chăm chú của cả hai, nhưng cô bé cũng nhìn lại dữ dội không kém.

“Chỗ của cháu là ở đây,” cuối cùng bác cô cũng trả lời.

“Tại sao chứ? Tại sao chỗ của cháu lại là ở đây? Tại sao cháu lại không thể tới Phương Bắc cùng bác? Cháu muốn xem Bắc Cực Quang, gấu, băng trôi, mọi thứ. Cháu muốn biết về Bụi. Và cả thành phố trên không đó nữa. Đó có phải là một thế giới khác không?”

“Cháu không đi đâu hết, nhóc ạ. Xua ý nghĩ đó ra khỏi đầu đi; giai đoạn này đang rất nguy hiểm. Nghe lời ta và đi ngủ ngay. Nếu cháu ngoan, ta sẽ mang về cho cháu một chiếc sừng moóc với hình chạm khắc của người Eskimo trên đó. Đừng có lằng nhằng nữa không là ta cáu đó.”

Linh thú của ông gầm lên một tiếng thật trầm và hoang dại. Lyra đột nhiên nhận ra sẽ như thế nào nếu cô bị nó ngoạm vào cổ.

Lyra mím môi cau có nhìn bác mình. Ông đang bơm khí từ bình chứa của máy hút và chẳng bận tâm gì đến cô; cứ như thể ông đã quên cô rồi vậy. Vừa bặm môi vừa nheo mắt, cô bé và con linh thú không nói không rằng rời khỏi phòng để đi ngủ.

...

Hiệu trưởng cùng Thủ thư là bạn lâu năm và cũng là đồng minh của nhau. Việc uống một li brantwijn và an ủi nhau sau một sự việc khó khăn đã trở thành thói quen của hai ông. Vì vậy, sau khi tiễn Ngài Asriel đi, họ tới Nhà Hiệu trưởng, thư giãn trong căn phòng làm việc với rèm kéo kín và lò sưởi được khởi, hai con linh thú ở vị trí quen

thuộc trên đầu gối hoặc vai, chuẩn bị để suy ngẫm về sự việc vừa xảy ra.

“Ông có thật sự tin là hắn đã biết về chai rượu rồi không?” Viên Thủ thư hỏi.

“Chắc chắn hắn biết. Tôi không biết làm cách nào, nhưng hắn biết, và chính hắn đánh đổ cái chai. Chắc chắn là vậy.”

“Hiệu trưởng, xin thứ lỗi cho tôi, nhưng tôi không tìm được cảm giác nhẹ nhõm. Tôi chưa từng thấy vui về ý tưởng...”

“Đầu độc hắn?”

“Phải. Về việc ám sát.”

“Chẳng có ai thấy vui với ý tưởng đó đâu, Charles ạ. Vấn đề là thực hiện việc đó có tồi tệ hơn hậu quả của việc không thực hiện nó không. Dầu sao thì cũng đã có thánh nhân nào đó can thiệp và chuyện đã không xảy ra. Tôi chỉ tiếc đã khiến ông bị áp lực vì biết chuyện này.”

“Không, không,” Thủ thư phản đối. “Nhưng tôi ước giá mà ông kể cho tôi nghe nhiều hơn.”

Hiệu trưởng im lặng một lúc trước khi nói: “Phải, có lẽ tôi nên làm vậy. Chiếc Chân Kế cảnh cáo về những hậu quả kinh hoàng nếu Ngài Asriel theo đuổi nghiên cứu này. Không tính tới những chuyện khác thì đứa bé cũng sẽ bị lôi kéo vào, mà tôi thì muốn đảm bảo cho nó an toàn càng lâu càng tốt.”

“Việc của Ngài Asriel liệu có liên quan gì đến sáng kiến mới của Tòa án Công giáo Kỉ luật không? Cái mà, họ gọi là gì ấy nhỉ, cái Ủy ban Hiến tế ấy?”

“Ngài Asriel - không, không. Ngược lại thì đúng hơn. Ủy ban Hiến tế cũng không hoàn toàn chịu trách nhiệm với Tòa án Công giáo. Nó là một tổ chức bán tư nhân, được điều hành bởi một người không có chút thiện cảm với Ngài Asriel. Lần nào bị kẹp giữa hai người đó tôi cũng đều run rẩy, Charles ạ.”

Lần này đến lượt viên Thủ thư im lặng. Kể từ khi Giáo hoàng John Calvin dời ghế Giáo hoàng về Geneva và thiết lập Tòa án Công giáo Kỉ luật, quyền lực của Giáo hội trong mọi khía cạnh cuộc sống đã trở nên tuyệt đối. Bản thân chức Giáo hoàng đã bị bãi bỏ sau cái chết của Calvin, và một mớ hỗn độn các tòa án, học viện, hội đồng, nhìn chung được biết đến với cái tên Huấn Quyền, đã phát triển lên thay thế nó. Những cơ quan này không phải luôn gắn kết với nhau; đôi khi có sự kình địch gay gắt giữa họ. Trong phần lớn thế kỉ trước, tổ chức quyền lực nhất là Học viện Giám mục, nhưng vài năm trở lại đây Tòa án Công giáo Kỉ luật đã chiếm vị trí cơ quan tích cực và được kính sợ nhất của Giáo hội.

Nhưng các cơ quan độc lập luôn có khả năng phát triển dưới sự bảo hộ của một bộ phận khác thuộc Huấn Quyền, và Ủy ban Hiến tế mà Thủ thư đã nhắc đến chính là một trong số này. Viên Thủ thư không biết nhiều về nó; nhưng ông không thích và kính sợ những gì đã nghe được, nên ông hoàn toàn thấu hiểu nỗi lo lắng của Hiệu trưởng.

“Giáo sư Palmerian có nhắc đến một cái tên,” khoảng một phút sau ông nói. “Barnard-Stokes? Vụ Barnard-Stokes là sao vậy?”

“À, đó không phải là lĩnh vực của chúng ta, Charles ạ. Theo như tôi hiểu thì Nhà thờ Thánh dạy rằng có hai thế giới: một thế giới chứa đựng tất cả những thứ chúng ta có thể nhìn, nghe, sờ nắm, và một thế giới khác, thế giới tinh thần của thiên đàng và địa ngục. Barnard và Stokes là hai - phải nói thế nào nhỉ - nhà thần học *bội giáo**, những người đã đề ra định lí về sự tồn tại của rất nhiều thế giới khác như thế giới của chúng ta, không phải thiên đàng hay địa ngục, mà vật chất và đầy tội lỗi. Chúng ở đó, rất gần, nhưng lại vô hình và không thể chạm tới. Nhà thờ Thánh dĩ nhiên là không tán thành thứ dị giáo ghê tởm này, nên Barnard và Stokes đã bị bịt miệng.

“Nhưng không may cho Huấn Quyền là có vẻ như có những lí lẽ toán học vững chắc cho thuyết thế giới khác này. Bản thân tôi thì

không theo dõi những thứ đó, nhưng Học giả Cassington nói với tôi rằng chúng rất vững chắc.”

“Và giờ thì Ngài Asriel đã chụp được ảnh về một trong những thế giới khác đó,” Thủ thư nói. “Còn chúng ta thì đã tài trợ để ông ta đi tìm nó. Tôi hiểu rồi.”

“Đúng vậy. Ủy ban Hiến tế và những nhà bảo hộ quyền lực của họ sẽ nghĩ rằng Học viện Jordan là một ổ dung túng cho dị giáo. Tôi sẽ phải giữ cân bằng giữa Tòa án Công giáo và Ủy ban Hiến tế, Charles ạ; và trong lúc đó đứa bé sẽ lớn lên. Bọn họ sẽ không quên nó đâu. Sớm muộn gì nó cũng sẽ bị lôi vào cuộc, nhưng giờ dù tôi có muốn bảo vệ nó hay không thì nó cũng sẽ bị kéo vào thôi.”

“Nhưng vì Chúa, làm sao ông biết được vậy? Lại là Chân Kế à?”

“Phải. Lyra có góp phần trong toàn bộ chuyện này, lại là một phần chính yếu nữa. Trớ trêu là nó sẽ phải làm tất cả mà không ý thức được mình đang làm vậy, mặc dù nó có thể nhận sự hỗ trợ. Nếu kế hoạch với bình rượu Tokay của tôi thành công thì nó sẽ được an toàn thêm một thời gian nữa. Tôi muốn cứu nó khỏi một cuộc hành trình về Phương Bắc. Điều tôi mong muốn hơn tất cả là có thể giải thích cho nó về việc đó...”

“Con bé sẽ không nghe đâu,” viên Thủ thư nói. “Tôi biết nó quá rõ mà. Cứ nói chuyện gì nghiêm trọng là nó sẽ chỉ nghe nửa vời được năm phút rồi bắt đầu ngó ngoáy. Lần tới hỏi đến thì nó đã quên sạch rồi.”

“Nếu tôi nói với nó về Bụi thì sao? Ông không nghĩ nó sẽ nghe chuyện đó sao?”

Thủ thư thốt lên một tiếng thể hiện rằng ông nghĩ điều đó thật khó xảy ra.

“Sao nó lại phải nghe chứ?” Ông nói. “Sao một câu đố thần học mơ hồ lại khiến một đứa nhóc khỏe mạnh và vô tư phải bận tâm chứ?”

“Vì những điều nó sẽ phải trải qua. Một phần trong đó bao gồm một sự phản bội khủng khiếp...”

“Ai sẽ phản bội nó?”

“Không, không, đó là điều đáng buồn nhất: chính nó sẽ là kẻ phản bội, và trải nghiệm đó sẽ rất tồi tệ. Đương nhiên là nó không được biết về điều đó, nhưng chẳng có lí do gì khiến nó không được biết về vấn đề của Bụi cả. Mà ông có thể đoán sai, Charles ạ; con bé có thể sẽ hứng thú với chủ đề đó nếu được giải thích một cách đơn giản. Và điều đó có thể sẽ giúp nó về sau này. Ít nhất thì chắc chắn việc đó sẽ giúp tôi bớt lo về con bé hơn.”

“Đó là nghĩa vụ của người già,” Thủ thư nói, “lo lắng thay cho đám trẻ. Và nhiệm vụ của đám trẻ là coi thường sự lo lắng của người già.”

Họ ngồi thêm một lúc nữa rồi chia tay vì trời đã về khuya. Cả hai đều đã già và đầy lo âu.

3

Trường Jordan của Lyra

Học viện Jordan là ngôi trường uy nghi và giàu có nhất trong số tất cả các trường ở Oxford. Nó cũng có thể là ngôi trường lớn nhất nữa, dù không ai chắc chắn về điều đó cả. Các tòa nhà được nhóm lại quanh ba sân trong hình tứ giác không đều, có đủ niên đại từ thời đầu Trung Cổ đến giữa thế kỉ mười tám. Trường chưa từng được lên kế hoạch cụ thể mà được xây từng phần một, với quá khứ và hiện tại chồng chéo lên nhau khắp nơi, và kết quả cuối cùng là một khối kiến trúc bề thế nhưng hỗn tạp và dơ dáy, một vài phần luôn có nguy cơ bị sụp. Suốt năm thế hệ của cùng một gia đình - nhà Parslow - được Học viện thuê làm thợ hồ và thợ bắc giàn giáo toàn thời gian. Ông Parslow hiện tại đang dạy nghề cho con trai; hai người bọn họ và ba công nhân sẽ chen nhau như lũ mối thợ trên giàn giáo mà họ đã dựng lên ở góc Thư viện, hoặc trên mái Nhà nguyện, kéo lên những khối đá mới sáng màu, các cuộn chì bóng loáng hoặc những xà nhà bằng gỗ.

Học viện sở hữu trang trại và cơ ngơi khắp quần đảo Brytain. Nghe nói người ta có thể đi bộ từ Oxford đến Bristol theo một hướng và tới London theo hướng khác mà không bao giờ rời khỏi lãnh thổ của Jordan, ở khắp nơi trong vương quốc đều có những nhà máy nhuộm, lò nung gạch, rừng và nhà máy nguyên tử đang trả tiền thuê cho Jordan. Cứ mỗi quý, Thủ quỹ và các thư kí của ông ta sẽ cộng tất cả lại và thông báo tổng số cho Hội nghị Giám mục, rồi đặt mua một

cặp thiên nga cho buổi Đại tiệc. Một phần số tiền được đặt riêng ra để dành cho tái đầu tư - Hội nghị Giám mục vừa phê chuẩn cho mua một cao ốc văn phòng ở Manchester - phần còn lại được dùng để chi trả mức lương khiêm tốn của các Học giả và tiền công cho những người phục vụ (cộng thêm gia đình Parslow và khoảng một tá các gia đình khác làm nghề thủ công hoặc buôn bán đang phục vụ Học viện), để đảm bảo cho hầm rượu luôn được chất đầy ắp, để mua sách và biểu đồ mạch tử cho Thư viện mệnh mông đang chiếm trọn một cạnh của Sân Melrose cũng như nơi rộng nơi đó xuống vài tầng dưới lòng đất như một cái hang; và đặc biệt là để mua các thiết bị khoa học tân tiến nhất cho Nhà nguyện.

Việc duy trì sự tối tân của Nhà nguyện là rất quan trọng, vì Học viện Jordan không có đối thủ nào cho ngôi vị trung tâm của thần học thực nghiệm, dù là trong Âu châu hay ở Tân Pháp Lan Tây. Ít nhất thì Lyra cũng biết điều đó. Cô bé tự hào về sự cao quý của Học viện của mình, và muốn khoe về nó với đám nhóc bụi đời mà cô chơi cùng gần con kênh hay Claybeds. Cô thường nhìn các học giả và giáo sư danh tiếng từ nơi khác đến với vẻ coi thường và thương hại, vì họ không thuộc về Jordan nên kiến thức sẽ ít ỏi, nghèo nàn hơn cả những Trợ lí Học giả tầm thường nhất của Jordan.

Còn về thần học thực nghiệm là gì thì Lyra cũng chẳng biết rõ hơn lũ nhóc bụi đời chút nào. Cô bé cho rằng nó có liên quan đến ma thuật, với chuyển động của các ngôi sao và hành tinh, với những hạt vật chất cực nhỏ, nhưng thật ra đó chỉ là đoán mò. Có khi các ngôi sao cũng có linh thú giống như con người, và thần học thực nghiệm liên quan tới việc giao thoại với chúng. Lyra tưởng tượng Cha tuyên úy nói một cách cao ngạo, lắng nghe những lời nhận xét của linh thú sao, rồi thận trọng gật đầu hoặc lắc đầu trong buổi tiệc. Nhưng cô bé không thể hình dung được điều gì có thể đang diễn ra giữa họ.

Mà cũng chẳng phải cô bé có hứng thú gì. Về nhiều mặt thì Lyra vẫn là một đứa trẻ hoang dã. Điều cô thích nhất là trèo lên mái Học

viện cùng với Roger, thằng nhóc phụ bếp và là người bạn đặc biệt của cô, để ném đá vào đầu những Học giả đi ngang qua hoặc huýt lên như cú ngoài cửa sổ mỗi khi có những buổi dạy kèm; chạy đuổi nhau qua những con phố hẹp, hay trộm táo ở chợ, hoặc gây chiến. Cũng như việc cô bé không nhận thức được những làn sóng chính trị ẩn giấu bên dưới bề mặt các vấn đề của Học viện, các Học giả về phần mình cũng sẽ không thấy được sự ngọt ngào sôi sục giữa những mối quan hệ đồng minh, kẻ thù, ác cảm và thỏa hiệp trong cuộc sống của một đứa trẻ ở Oxford. Trẻ con chơi đùa cùng nhau: thật là đẹp mắt! Còn gì có thể ngây thơ và cuốn hút hơn thế?

Nhưng hẳn nhiên, sự thật là Lyra và lũ bạn đồng trang lứa của cô bé đang tham gia vào một cuộc chiến chí tử. Đầu tiên, trẻ con (những đứa trẻ phụ việc, con cái của những người giúp việc, và Lyra) của học viện này giao chiến với trẻ con của các học viện khác. Nhưng sự thù địch này đã bị gạt sang một bên khi lũ trẻ trong thị trấn tấn công một đứa của học viện: vậy là tất cả các học viện liên kết lại và đi khởi chiến với đám trẻ thị trấn. Mỗi cạnh tranh này đã kéo dài vài trăm năm, rất sâu sắc và đầy thỏa mãn.

Nhưng kể cả điều này cũng bị lãng quên khi có mối đe dọa từ những kẻ thù khác. Tất cả bọn có chung một kẻ thù vĩnh viễn, đó là đám trẻ của những người nung gạch, sống cạnh Claybeds, chúng bị cả đám học viện lẫn thị trấn căm ghét. Năm ngoái Lyra cùng vài đứa ở thị trấn đã tạm đình chiến và đột kích Claybeds, tấn công đám trẻ của những người nung gạch bằng các cục đất sét nặng trĩu rồi lật nhào lâu đài sùng nước mà chúng vừa xây trước khi lăn qua lăn lại bọn chúng trong thứ chất bám dính mà chúng sống cùng cho tới khi cả những kẻ thắng cuộc và đám bại trận đều trông như một bầy quỷ bùn golem đang gào thét.

Một kẻ thù thường xuyên khác lại phụ thuộc vào mùa vụ. Những gia đình du mục sống trên thuyền đi kênh thường đến và đi cùng với các hội chợ mùa xuân và mùa thu, luôn là đối tượng tuyệt vời để gây

chiến. Đặc biệt có một gia đình du mục thường xuyên quay trở lại hạ neo ở một khu trong thành phố có tên là Jericho. Từ khi biết ném viên đá đầu tiên, Lyra đã căm ghét họ. Lần cuối khi họ tới Oxford, Lyra, Roger và vài đứa phụ bếp khác thuộc Học viện Jordan và Thánh Michael đã phục kích, ném bùn vào con thuyền dài được sơn màu tươi tắn của họ cho tới khi cả gia đình phải lao ra đuổi chúng đi. Đúng lúc đó đội quân dự bị dưới trướng của Lyra đã tấn công thuyền và thả nó trôi theo dòng kênh, làm cản trở tất cả các phương tiện đường thủy khác trong khi những kẻ tấn công của Lyra lục soát thuyền từ đầu này sang đầu kia để tìm một cái nút. Lyra tin tưởng chắc chắn vào cái nút này. Cô bé cam đoan với cả đám, nếu chúng tháo cái nút ra, chiếc thuyền sẽ chìm ngay lập tức. Nhưng chúng không tìm thấy nó, nên đã phải bỏ thuyền lại khi đám người du mục bắt kịp. Ướt như chuột lột, đám trẻ vừa reo mừng chiến thắng vừa chạy trốn qua những con ngõ nhỏ của Jericho.

Đó là thế giới của Lyra và là niềm vui thích của cô. Phần lớn thời gian, cô nhóc là một đứa bé hoang dại, tham lam và lỗ mãng. Nhưng cô luôn có một cảm giác mơ hồ rằng đó không phải toàn bộ thế giới của cô; rằng phần nào đó trong cô còn thuộc về sự vĩ đại và lễ nghi của Học viện Jordan; và rằng đâu đó trong cuộc sống của cô còn có một mối gắn kết với thế giới tối cao của chính trị được đại diện bởi Ngài Asriel. Tất cả những gì cô bé làm với khối kiến thức đó là gây dựng khí chất cho bản thân và sai khiến những đứa trẻ bụi đời khác. Cô bé chưa từng nghĩ tới việc tìm hiểu nhiều hơn.

Cứ như vậy, Lyra đi qua tuổi thơ của mình, như một con mèo nửa hoang dã. Sự biến đổi duy nhất trong quãng thời gian của cô tới vào những dịp không thường xuyên khi Ngài Asriel đến thăm Học viện. Một người bác giàu có và quyền lực rất đáng để khoe khoang, nhưng cái giá phải trả là bị vị Học giả nhanh nhẹn nhất tóm được và đem tới chỗ bà bảo mẫu để tắm rửa, mặc quần áo sạch đẹp, và tiếp theo là bị áp giải (cùng với rất nhiều lời hăm dọa) tới Phòng chung Cấp cao để

dùng trà với Ngài Asriel. Một nhóm các Học giả lâu năm cũng sẽ được mời tới. Cô bé sẽ chống đối bằng cách ngồi sụp xuống trong ghế bành cho tới khi Hiệu trưởng nghiêm khắc nhắc cô ngồi thẳng dậy, và rồi cô sẽ nhìn họ trừng trừng cho tới khi cả Cha tuyên úy cũng phải phá lên cười.

Nhưng điều xảy ra trong những cuộc viếng thăm trang trọng và phiền hà này thì chẳng bao giờ thay đổi. Sau khi dùng trà, Hiệu trưởng và vài Học giả được mời khác sẽ để Lyra lại với bác của cô. Ông sẽ gọi cô bé tới trước mặt và yêu cầu kể cho ông nghe cô đã học được gì kể từ lần trước ông đến. Cô bé sẽ lau bàu bất cứ thứ gì có thể vượt được về hình học, tiếng Ả Rập, lịch sử hay mạch học, còn ông sẽ ngồi với một mắt cá chân tì lên đầu gối còn lại và nhìn cô với vẻ khó dò cho tới khi cô bé không nói được gì nữa.

Năm ngoái, trước khi đi viếng thám ở Phương Bắc, ông còn hỏi tiếp: “Nếu không chăm chỉ học hành thì cháu dùng thời gian như thế nào vậy?”

Cô bé lẩm bầm: “Cháu chơi thôi. Đại khái là xung quanh Học viện. Chỉ... chơi thôi, thật đấy.”

Rồi ông nói: “Cho ta xem tay cháu nào, nhóc.”

Cô bé giơ tay ra để ông xem, ông cầm lấy và lật chúng lại để kiểm tra móng tay. Bên cạnh ông, con linh thú nằm như tượng nhân sư trên thảm, thỉnh thoảng lại quất đuôi và nhìn Lyra không chớp mắt.

“Bẩn quá,” Ngài Asriel đẩy tay cô bé đi và nói. “Họ không bắt cháu rửa chỗ này à?”

“Có ạ,” cô đáp. “Nhưng móng tay của Cha tuyên úy luôn bẩn. Thậm chí còn bẩn hơn cháu ấy.”

“Ông ấy là một người thông thái. Cháu thì có lí do gì?”

“Chắc cháu làm bẩn lại ngay sau khi rửa tay xong.”

“Cháu chơi ở đâu mà bẩn đến vậy?”

Cô bé nhìn ông ngờ vực. Cô có cảm giác rằng ở trên mái nhà là không được phép, mặc dù chưa có ai thực sự nói vậy cả. “Trong một vài căn phòng cũ,” cuối cùng cô đáp.

“Còn ở đâu nữa?”

“Ở Claybeds, thỉnh thoảng thôi ạ.”

“Và?”

“Jericho và Port Meadow.”

“Không còn đâu nữa à?”

“Không ạ.”

“Đồ nói dối. Hôm qua ta vừa nhìn thấy cháu trên mái nhà.”

Lyra không nói không rằng, bặm môi lại. Ông nhìn cô đầy chua chát.

“Vậy là cháu còn chơi cả trên nóc nhà nữa,” ông nói tiếp. “Cháu có bao giờ vào Thư viện không?”

“Không ạ. Dù cháu có thấy một con quạ trên nóc Thư viện,” cô bé nói.

“Vậy à? Cháu có bắt nó không?”

“Một chân của nó bị đau. Cháu đã định giết rồi nướng nó nhưng Roger bảo bọn cháu nên giúp nó khỏe lên. Vậy nên bọn cháu đã cho nó vài mẫu thức ăn với một chút rượu. Sau đó nó đã khỏe lên và bay đi.”

“Roger là ai thế?”

“Bạn cháu. Đứa phụ bếp.”

“Ra vậy. Vậy là cháu đã trèo lên tất cả các mái nhà.”

“Không phải tất cả. Không ai lên được mái Tòa Sheldon cả, vì họ sẽ phải nhảy qua một khe hở từ Tháp Hành hương. Có một cái cửa sổ mái mở ra phía trên đó, nhưng cháu không đủ cao để với tới.”

“Cháu đã lên tất cả các mái nhà trừ Tòa Sheldon. Vậy còn dưới lòng đất thì sao?”

“Dưới lòng đất ạ?”

“Diện tích dưới lòng đất cũng rộng không kém trên mặt đất đâu. Ta ngạc nhiên là cháu chưa biết tới điều đó. À, một phút nữa ta phải đi rồi. Trông cháu vẫn khỏe lắm. Đây.”

Ông lục trong túi và lôi ra một nắm tiền xu, từ trong đó ông nhặt ra năm đồng đôla vàng đưa cho cô bé.

“Người ta không dạy cháu nói cảm ơn à?” Ông hỏi.

“Cảm ơn bác,” cô bé làu bàu.

“Cháu có nghe lời Hiệu trưởng không đó?”

“Có chứ ạ.”

“Có tôn trọng các Học giả không?”

“Có ạ.”

Linh thú của Ngài Asriel khẽ cười. Đó là tiếng kêu đầu tiên nó tạo ra, khiến Lyra đỏ mặt.

“Vây đi chơi đi,” Ngài Asriel nói.

Lyra quay đi và nhẹ nhõm lao về phía cửa, không quên quay lại thốt ra một câu “Tạm biệt bác.”

Đó là cuộc sống của Lyra trước cái ngày cô bé quyết định trốn trong Phòng nghĩ, và lần đầu tiên nghe nói về Bụi.

Hẳn nhiên là viên Thủ thư đã nhầm khi nói với Hiệu trưởng rằng cô bé sẽ chẳng quan tâm. Giờ thì cô sốt sắng lắng nghe bất cứ ai có thể kể cho cô về Bụi. Cô sẽ nghe rất nhiều về nó trong vài tháng tới, và rồi cuộc sẽ trở thành người biết rõ về Bụi hơn bất cứ ai trên thế giới này, nhưng trong lúc này thì xoay quanh cô chỉ có cuộc sống phong phú ở Học viện Jordan.

Nhưng bất luận thế nào thì vẫn có thứ khác cần phải bận tâm. Vài tuần nay, có một lời đồn đang thâm nhập qua các con phố: một lời đồn khiến vài người cười nhạo và những người khác phải im lặng, giống

như có người thì giấu cọt ma quỷ nhưng có người lại sợ chúng. Không ai có thể hiểu tại sao, nhưng lũ trẻ đang bắt đầu biến mất.

Sự việc sẽ xảy ra như thế này.

Phía đông dọc theo đại lộ lớn của Sông Isis, tụ hợp lại với các sà lan chở gạch, tàu chở nhựa đường và thuyền vận chuyển ngũ cốc di chuyển chậm chạp, xuống dưới cả Henley và Maidenhead tới Teddington, nơi thủy triều từ Biển Đức đánh tới, và xuống xa nữa: tới Mortlake, qua nhà của ảo thuật gia vĩ đại Tiến sĩ Dee; qua Falkeshall, nơi những khu vườn cảnh trải dài rục rờ với các đài phun nước và cờ phướn vào ban ngày, đèn treo trên cây và pháo hoa vào ban đêm; qua Cung điện Nhà Trắng, nơi Quốc vương chủ trì Hội đồng Bang hằng tuần; qua Tháp Shot, thả xuống cơn mưa chì nóng chảy bất tận vào các thùng chứa nước đen đặc; xuống xa hơn nữa, tới nơi dòng sông, nay đã rộng và đầy rác bần, đánh một vòng cua rộng về phía nam.

Đây là Limehouse, còn kia là đứa trẻ sắp biến mất.

Tên nó là Tony Makarios. Mẹ nó nghĩ rằng nó chín tuổi, nhưng bà có một trí nhớ tồi tệ do rượu huỷ hoại; nó có thể tám, hoặc mười tuổi. Họ của nó là tiếng Hy Lạp, nhưng cũng giống như tuổi thành bé, đó chỉ là suy đoán của mẹ nó, vì trông nó giống dân Trung Hoa hơn là Hy Lạp, trong nó còn có chất Ái Nhĩ Lan, Skraeling và Lascar thừa hưởng từ người mẹ nữa. Tony không được sáng dạ cho lắm, nhưng nó có một sự nhạy cảm vụng về mà đôi khi xúi giục nó ôm mẹ thật chặt hoặc đặt một cái hôn ướt át lên hai má bà. Người đàn bà tội nghiệp thì quá thường xuyên say xỉn để có thể tự làm việc đó; nhưng khi đã nhận ra điều gì đang diễn ra thì bà cũng nòng hậu đáp lại.

Vào lúc này Tony đang lang thang ở chợ Phố Pie. Nó đang đói. Giờ mới sẩm tối, và nó sẽ không được cho ăn ở nhà. Trong túi nó có một đồng shilling được một quân nhân cho vì nó đã giúp đưa tin đến cô gái anh ta yêu quý nhất, nhưng Tony sẽ không phung phí đồng xu vào đồ ăn khi mà nó có thể lấy đồ không tốn chút gì.

Vậy là nó lướt lờ qua khu chợ, giữa những quầy quần áo cũ và quầy giấy đoán vận, giữa các lái buôn hoa quả và những người bán cá khô. Linh thú của nó, một con chim sẻ, đang đậu trên vai nó nghiêng đủ hướng. Khi cả chủ quầy và linh thú của bà đều đang nhìn đi chỗ khác, một tiếng hót gãy gọn vang lên, tay Tony liền bắn ra rồi quay lại chiếc áo rộng thùng thình của mình với một quả táo hoặc vài quả hạch, và cuối cùng là một chiếc bánh rán nóng hôi.

Chủ quầy nhìn thấy liền hô hoán lên, linh thú trong hình dáng loài mèo của bà nhảy ra, nhưng con chim sẻ của Tony đã bay cao còn bản thân thằng bé đã chạy được nửa con phố rồi. Những lời nguyện rủa và lẳng mạ bám theo thằng bé nhưng chẳng được xa. Nó dừng lại trước thềm Nhà nguyện Thánh Catherine, ngồi xuống và lôi chiến lợi phẩm đã bị giập nhưng vẫn đang bốc hơi ra, để lại một vệt nước sốt dính trên áo.

Nó đang bị theo dõi. Một phụ nữ mặc áo choàng dài bằng lông cáo màu đỏ vàng, người phụ nữ trẻ tuyệt đẹp với mái tóc mượt óng ả nhẹ nhàng buông xuống dưới bóng mũ trùm đầu viền lông, đang đứng trong khung cửa của Nhà nguyện, phía trên cậu nhóc chỉ dăm ba bước. Có lẽ buổi lễ đang tới hồi kết vì có ánh sáng hắt ra từ khung cửa phía sau bà, tiếng đại phong cầm vang lên bên trong, còn người phụ nữ thì đang cầm một cuốn kinh cầu nguyện dính đá quý.

Tony không hề chú ý gì đến việc này. Mặt nó đang ngập trong cái bánh đầy thỏa mãn, các ngón chân quặp lại, còn hai lòng bàn chân trần áp vào nhau. Nó ngồi nhai và nuốt trong lúc con linh thú biến thành một con chuột rồi ngồi chải ria mép.

Linh thú của người phụ nữ trẻ bước ra từ bên cạnh bộ áo lông cáo. Nó có dạng khí, nhưng không phải một con khí bình thường: lông của nó dài và mượt, mang một thứ màu vàng đậm óng ả chưa từng thấy. Con khí vừa điệu đà bước đi, vừa nhích xuống thang về phía thằng bé, rồi ngồi xuống bên trên nó một bậc.

Con chuột cảm thấy điều gì đó và liền hóa lại thành chim sẻ, nghiêng đầu sang bên một chút rồi nhảy vài bước dọc theo bậc đá.

Con khi quan sát con chim; con chim nhìn lại con khi.

Con khi từ tốn vươn tay ra. Bàn tay nhỏ của nó có màu đen, móng tay tạo thành những cái vuốt cong hoàn hảo, cử động của nó mềm mại và mời chào. Con chim sẻ không thể cưỡng lại. Nó nhảy ra xa, xa hơn, và rồi khẽ rung người, nhảy lên tay con khi.

Con khi nâng con linh thú chim sẻ lên, nhìn kĩ nó trước khi đứng dậy và quay lại phía chủ nhân của mình cùng với con chim sẻ trên tay. Người phụ nữ cúi mái đầu thơm mùi nước hoa xuống thì thầm.

Lúc đó Tony quay lại. Nó không thể ngăn bản thân.

“Ratter!” Nó gọi vẻ hơi hoảng hốt, miệng nhồm nhoàm thức ăn.

Con chim kêu lên. Nó vẫn an toàn. Tony nuốt nốt thứ trong miệng và nhìn chăm chăm.

“Xin chào,” người phụ nữ xinh đẹp nói. “Tên cháu là gì?”

“Tony.”

“Cháu sống ở đâu vậy, Tony?”

“Đường Clarice Walk.”

“Trong bánh có gì vậy?”

“Thịt bò miếng.”

“Cháu có thích chocolatl không?”

“Có!”

“Ta tình cờ có nhiều chocolatl đến mức không tự uống hết được. Cháu có thể tới uống giúp ta không?”

Thằng bé đã thua. Nó đã thua từ giây phút con linh thú đàn độn của mình nhảy lên tay con khi. Nó theo chân người phụ nữ xinh đẹp và con khi vàng xuống Phố Đan Mạch, dọc theo Bến tàu Người treo, rồi xuống Cầu thang Vua George tới cánh cửa nhỏ màu xanh lục bên má một nhà kho cao. Tony sẽ không bao giờ thoát ra được - ít nhất là

bằng lối đó; và nó sẽ không bao giờ gặp lại mẹ mình nữa. Còn người đàn bà say xỉn tội nghiệp sẽ nghĩ rằng nó đã chạy trốn. Khi nhớ ra nó, bà sẽ nghĩ rằng đó là lỗi của mình, và sẽ khóc hết nước mắt.

Nhóc Tony Makarios không phải là đứa trẻ duy nhất bị người phụ nữ có con khỉ vàng bắt đi. Nó thấy cả chục đứa khác trong hầm nhà kho, cả trai lẫn gái, không có đứa nào lớn hơn mười hai tuổi; mặc dù vì đứa nào cũng có lịch sử như nó, nên không ai dám chắc về tuổi của mình cả. Thứ mà Tony không nhận ra, hẳn nhiên, là thứ nhân tố mà chúng đều có. Không có đứa trẻ nào trong cái hầm ẩm áp nghi ngút khói đó đạt đến tuổi dậy thì.

Người phụ nữ tốt bụng nhìn nó ngồi xuống chiếc tràng kỉ bên tường và được một nữ phục vụ kiệm lời đưa cho một cốc chocolatl lấy từ cái nồi trên bếp sắt. Tony ăn nốt phần bánh còn lại rồi uống thứ nước ngọt nóng hổi mà không chú ý nhiều đến xung quanh, những thứ xung quanh cũng chẳng bận tâm lắm đến thằng bé: nó quá nhỏ để trở thành một mối đe dọa, và quá dửng dưng để hứa hẹn có thể gây thỏa mãn như một nạn nhân.

Một thằng nhóc khác đã hỏi câu hỏi hiển nhiên kia.

“Này bà! Bà đưa bọn tôi đến đây làm gì?”

Nó là một thằng nhóc trông có vẻ hung tợn với môi trên dính chocolatl đen và một con linh thú dạng chuột đen hốc hác. Người phụ nữ đang đứng cạnh cửa ra vào nói chuyện với một người đàn ông cường tráng có khí chất của một thuyền trưởng. Khi quay lại trả lời, trông bà thật thánh thiện trong ánh đèn dầu đang cháy xèo xèo, khiến cả đám im bật.

“Chúng ta cần sự giúp đỡ của các cháu,” bà ta nói. “Các cháu không ngại phải giúp chúng ta chứ?”

Không ai hé một lời. Tất cả đều nhìn đăm đăm, đột nhiên cảm thấy ngượng ngùng. Chúng chưa từng thấy một người phụ nữ nào như

thế; bà ta thật lộng lẫy, dịu dàng và tử tế đến mức chúng thấy mình không xứng đáng với vận may này, và chúng sẵn lòng làm bất cứ thứ gì bà yêu cầu chỉ để được ở cạnh bà lâu hơn.

Bà ta nói với bọn trẻ rằng chúng sẽ tham gia một chuyến đi biển. Chúng sẽ được ăn no mặc ấm, và nếu muốn chúng sẽ được gửi thư về cho gia đình để thông báo rằng mình vẫn an toàn. Thuyền trưởng Magnusson sẽ sớm đưa chúng lên tàu của ông, rồi khi thủy triều thuận lợi họ sẽ giương buồm ra khơi hướng về Phương Bắc.

Chẳng bao lâu sau, mấy đứa muốn gửi thư về cái gia đình nào đó mà chúng có ngòi quây quanh người phụ nữ xinh đẹp. Bà ta viết một vài dòng chúng đọc rồi để chúng nguệch ngoạc một chữ X ở cuối trang, gấp lá thư vào một phong bì ướp nước hoa và viết địa chỉ mà chúng nói. Tony cũng muốn gửi thư gì đó cho mẹ mình, nhưng nó nhận thức rõ được khả năng đọc của bà.

Nó giật ống tay áo phủ lông cáo của người phụ nữ rồi thì thầm rằng nó muốn bà nói với mẹ nơi nó sắp đến và toàn bộ sự việc. Người phụ nữ cúi mái đầu thanh lịch của mình xuống đủ gần với cơ thể nhỏ xíu nặng mùi của thằng bé để nghe, rồi xoa đầu nó và hứa sẽ chuyển lời nhắn.

Sau đó đám trẻ tụ tập lại để nói lời tạm biệt. Con khỉ vàng vuốt ve tất cả đám linh thú của chúng, còn bọn nhóc thì chạm vào cái áo lông cáo lấy may, hoặc tin rằng chúng có thể nhận được chút sức mạnh, hi vọng hoặc điều tốt đẹp nào đó từ người phụ nữ. Bà chào tạm biệt lũ trẻ rồi tiễn chúng đi dưới sự chăm sóc của vị thuyền trưởng gan dạ trên con tàu chạy hơi nước đang neo tại cầu tàu. Trời đã sẫm tối, con sông phản chiếu vô vàn đốm sáng đang nhún nhảy. Người phụ nữ đứng trên cầu tàu vẫy tay cho tới khi bọn trẻ khuất dạng.

Sau đó bà quay trở vào phía trong với con khỉ vàng rúc trong ngực, ném bó thư nhỏ vào lò trước khi bỏ đi theo lối đã đến.

Trẻ con từ những khu ổ chuột rất dễ để dụ đi, nhưng rốt cuộc người ta cũng để ý, và cảnh sát bị ép hành động một cách miễn cưỡng. Trong một thời gian ngắn, không có thêm vụ bỏ bùa mê nào nữa, nhưng một lời đồn đã hình thành. Dần dần nó biến đổi, phát triển và lan rộng. Sau một thời gian, trong khi vài đứa trẻ biến mất ở Norwich, Sheffield, và rồi Manchester, người dân ở đó nghe nói về các vụ mất tích ở những chỗ khác đã thêm tình tiết vào câu chuyện và cho nó một sức mạnh mới.

Cứ như vậy hình thành truyền thuyết về một nhóm những kẻ bỏ bùa mê bí ẩn đã bắt cóc lũ trẻ đi. Vài người nói kẻ lãnh đạo là một phụ nữ xinh đẹp, những người khác lại bảo đó là một người đàn ông cao lớn có đôi mắt đỏ, trong khi câu chuyện thứ ba lại kể về một thanh niên cười và hát với các nạn nhân của mình để chúng ngoan ngoãn theo hẳn như một bầy cừu.

Không có câu chuyện nào thống nhất về nơi chúng đã đem bọn trẻ lạc đi. Vài người cho rằng chúng bị đưa tới Địa ngục, dưới lòng đất, tới Tiên giới. Vài người nói đó là một nông trại, nơi bọn trẻ bị giam giữ và vỗ béo để ăn thịt. Những người khác lại cho rằng bọn trẻ bị giữ và bán làm nô lệ cho đám người Tartar giàu có... Và còn nhiều hơn thế nữa.

Nhưng có một điều mà tất cả đều đồng ý, đó là tên của những kẻ bắt cóc vô hình này. Chúng phải có một cái tên, hoặc sẽ không được nhắc đến nữa, và thật thi thú khi có thể nói về chúng, đặc biệt là lúc đã an toàn và ấm cúng tại nhà, hoặc trong Học viện Jordan. Chẳng ai biết tại sao nhưng cái tên Những Kẻ háu ăn đã được đặt cho chúng.

“Đừng ra ngoài muộn quá, nếu không Những Kẻ háu ăn sẽ bắt mày đi đấy!”

“Chị họ của tớ ở Northampton, chị ấy biết một phụ nữ có con trai bị Những Kẻ háu ăn bắt đi...”

“Những Kẻ háu ăn đã đến Stratford. Chúng nói chúng sẽ tiến xuống phía Nam!”

Và cũng không thể tránh khỏi:

“Cùng chơi trò Những Kẻ háu ăn và bọn nhóc đi!”

Lyra nói vậy với thằng nhóc phụ bếp Roger của Học viện Jordan. Nó sẵn sàng đi theo cô bé đến tận cùng thế giới.

“Chơi như thế nào?”

“Cậu sẽ trốn, và nếu tìm được tớ sẽ xẻ thịt cậu ra, giống như Những Kẻ háu ăn làm vậy.”

“Cậu đâu biết chúng làm gì. Có khi chúng chẳng hề làm thế.”

“Cậu sợ bọn chúng,” cô bé nói. “Tớ có thể thấy điều đó.”

“Không hề. Đẳng nào tớ cũng không tin vào chúng.”

“Tớ thì có,” cô bé quả quyết. “Nhưng tớ cũng không sợ. Tớ chỉ cần bắt chước cách mà bác tớ đã làm khi ông ấy đến Jordan lần trước. Tớ đã thấy bác ấy trong Phòng nghị. Có một vị khách tỏ ra bất lịch sự, và bác tớ chỉ cần lờm một cái là ông ta lăn quay ra chết tại chỗ, mồm sùi đầy bọt và váng.”

“Ông ấy chưa từng làm thế,” Roger ngờ vực nói. “Không có ai nói gì về việc đó trong Bếp cả. Dù gì thì cậu cũng không được phép vào Phòng nghị.”

“Đương nhiên là không rồi. Chẳng ai lại đi nói với người phục vụ về một việc như thế cả. Và tớ đã ở trong Phòng nghị, vậy đó. Nói chung là bác tớ vẫn luôn làm thế. Bác ấy đã làm vậy vào một lần bị bọn Tartar bắt. Chúng trói bác ấy lại và định cắt ruột bác ra, nhưng khi tên đầu tiên tiến tới với một con dao, bác chỉ cần nhìn là hấn lăn ra chết. Sau đó một kẻ khác tới và bác ấy lại làm điều tương tự, rồi rốt cuộc chỉ còn lại một tên. Bác tớ nói sẽ để cho hấn sống nếu hấn cởi trói cho bác, vậy là hấn làm theo, nhưng sau đó bác tớ cũng giết luôn hấn để dạy cho hấn một bài học.”

Roger cảm thấy câu chuyện này còn khó tin hơn cả Những Kẻ háu ăn, nhưng vì nó quá hấp dẫn để có thể lãng phí nên chúng thay

nhau đóng vai Ngài Asriel và đám Tartar giãy chết, dùng nước quả ướp đá thay cho bọt.

Tuy nhiên, đó chỉ là để đánh lạc hướng; Lyra vẫn nuôi ý định chơi Những Kẻ háu ăn. Cô bé dụ Roger xuống khu hầm rượu, nơi chúng dùng bộ chìa khóa dự trữ của Quản gia để vào. Cùng nhau, chúng luồn qua những căn hầm lớn nơi rượu Tokay và Canary, Burgundy cùng brantwijn của Học viện ngủ yên dưới lớp mạng nhện của hàng thế kỉ. Những mái vòm đá cổ xưa sừng sững phía trên cao, được đỡ bởi các cột chống dày ngang cả chục thân cây, những phiến đá lát khắp khảnh dưới chân, và khắp nơi là những giá chất đầy chai và thùng rượu xếp hàng dài dằng dặc, lớp nối lớp. Cảnh tượng thật khiến lòng người mê đắm. Một lần nữa Những Kẻ háu ăn lại bị lãng quên. Hai đứa trẻ rón rén đi từ đầu này sang đầu kia, những ngón tay run rẩy giữ lấy cây nến, chúng ngó vào mọi góc ngách tối tăm, với một câu hỏi độc nhất thôi thúc tâm trí Lyra: rượu có mùi vị thế nào nhỉ?

Có một cách dễ dàng để trả lời câu hỏi đó. Lyra - bất chấp sự phản đối kịch liệt của Roger - đã chọn ra chai rượu lâu năm nhất, méo mó nhất, xanh nhất mà cô có thể tìm được, và vì không có dụng cụ để mở nút, cô bé đã đập vỡ cổ chai. Túm tụm lại trong góc hầm xa nhất, chúng hớp lấy thứ rượu đỏ thẫm ngất ngây, tự hỏi không biết bao giờ mình sẽ say, và đến lúc đó làm thế nào nhận ra được. Lyra không thích vị của nó lắm, nhưng cô bé cũng phải thừa nhận sự cao cấp và phức tạp của nó. Thú vị nhất là khi ngấm hai con linh thú đang càng lúc càng trở nên lẫn lộn: ngã bổ nhào, rúc rích cười một cách ngớ ngẩn, rồi lại biến hình thành thứ giống như quỷ gargoyle*, cố gắng làm sao trông cho xấu xí hơn đứa còn lại.

Cuối cùng, gần như là đồng thời, hai đứa nhận ra bị say là như thế nào.

“Người ta *thích* làm cái việc này à?” Roger thở dốc sau khi nôn thốc nôn tháo.

“Phải,” Lyra đáp trong tình trạng y hết. “Cả tớ cũng vậy,” cô bé bướng bỉnh thêm vào.

Lyra không học thêm được gì từ sự kiện đó ngoài việc chơi Những Kẻ háu ăn sẽ dẫn tới những địa điểm thú vị. Cô bé nhớ lại những lời của bác mình vào lần cuối họ gặp mặt và bắt đầu thám hiểm dưới lòng đất, vì những thứ phía trên mặt đất chỉ là một mảnh nhỏ của tổng thể. Giống như một số loài nấm khổng lồ có bộ rễ đâm sâu hàng mẫu đất, Jordan (chen chúc trên mặt đất với Học viện Thánh Michael ở một bên, Học viện Gabriel ở bên còn lại, và Thư viện Đại học ở phía sau) vào thời điểm nào đó thuộc thời Trung Cổ, đã bắt đầu nở rộng phía dưới bề mặt. Các đường thông, hầm mỏ, hầm vòm, khoang chứa đồ, cầu thang đã đục rỗng khoảng đất phía dưới Jordan và vài trăm thước xung quanh nó, đến mức không khí ở bên dưới gần như nhiều không kém gì so với bên trên; Học viện Jordan đang đứng trên một nền móng lỗ rỗng như đá bọt.

Giờ đây khi đã nếm trải việc khám phá nó, Lyra bỏ bằng luôn nơi trước đây hay tới, những mái nhà nhấp nhô của Học viện như dãy Alps chạy dài, và cùng với Roger lao vào thế giới dưới lòng đất. Từ việc chơi trò Những Kẻ háu ăn, cô bé đã chuyển sang săn lùng chúng, vì có khả năng nào cao hơn việc chúng đang ẩn náu ở những chỗ không ai biết dưới lòng đất cơ chứ?

Vì vậy, một ngày nọ cô bé và Roger tiến vào hầm mộ bên dưới Nhà nguyện. Đây là nơi hàng thế hệ các Hiệu trưởng được chôn cất trong những chiếc quan tài gỗ sồi lấp viền chì, đặt trong các hốc chạy dọc tường. Một phiến đá bên dưới mỗi hốc ghi tên họ:

Simon Le Clerc, Hiệu trưởng 1765-1789

*Cerebaton Requiescant in pace**

“Nó có nghĩa là gì vậy?” Roger hỏi.

“Phần đầu là tên của ông ấy, câu cuối là tiếng La Mã. Niên đại ở giữa chỉ định thời gian ông ấy làm Hiệu trưởng. Cái tên còn lại chắc hẳn là linh thú của ông ấy.”

Chúng đi dọc căn hầm tĩnh lặng, lần theo những chữ cái trên các bản khắc khác:

Francis Lyall, Hiệu trưởng 1748-1765

Zohariel Requiescant in pace

Ignatius Cole, Hiệu trưởng 1745-1748

Musca Requiescant in pace

Lyra thích thú phát hiện ra trên mỗi chiếc quan tài đều có gắn một tấm thẻ bằng đồng vẽ hình những sinh vật khác nhau: tấm này có hình một con basilisk*, tấm kia lại có hình một con mèo, con rắn hay một con khỉ. Cô bé nhận ra đó là hình ảnh linh thú của những người đã khuất. Khi đã trưởng thành, linh thú của một người sẽ mất khả năng biến đổi hình dáng và vĩnh viễn giữ một dạng duy nhất.

“Đám quan tài này có xương bên trong đó!” Roger thì thào.

“Có thịt nữa,” Lyra thì thầm lại. “Rồi cả giò bọ uốn lượn trong hốc mắt của họ nữa.”

“Dưới đó chắc chắn có ma,” Roger nói rồi rùng mình một cách thích thú.

Chúng tìm thấy một lối đi xếp đầy những giá đỡ bằng đá đặng sau hầm mộ đầu tiên. Mỗi giá được chia thành từng ô vuông, và trong mỗi ô đặt một cái đầu lâu.

Linh thú của Roger, đuôi quặp chặt giữa hai chân, run lẩy bẩy trên người nó và khê tru lên một tiếng.

“Suýt,” nó kêu lên.

Lyra không thể nhìn thấy Pantalaimon, nhưng cô bé biết dạng bướm đêm của nó đang đậu trên vai cô và có lẽ cũng đang run rẩy.

Cô vớ tay, nhẹ nhàng nhắc lấy cái đầu lâu gần nhất ra khỏi giá.

“Cậu làm cái gì vậy?” Roger thốt lên. “Cậu không được phép chạm vào chúng!”

Cô bé lật đi lật lại cái đầu lâu, không bận tâm đến lời bạn mình. Có thứ gì đó đột nhiên rơi khỏi cái hốc ở đáy sọ, qua các ngón tay của cô và đập xuống đất đánh keng một cái. Cô bé giật mình suýt nữa thì đánh rơi luôn cả cái đầu lâu.

“Đó là một đồng xu!” Roger vừa nói vừa lần mò tìm nó. “Có khi lại là một kho báu cũng nên!”

Thằng bé giơ vật thể lên gần ngọn nến và cả hai đứa cùng tròn mắt ra nhìn. Đó không phải là một đồng xu, mà là một chiếc đĩa nhỏ bằng đồng có khắc thô hình một con mèo.

“Giống như mấy cái trên quan tài,” Lyra nhận xét. “Đó là linh thú của ông ấy. Hẳn là vậy.”

“Cậu nên đặt nó lại chỗ cũ đi,” Roger lo lắng nói. Lyra liền lật ngược cái đầu lâu lại rồi thả cái đĩa vào nơi yên nghỉ xa xưa của nó trước khi đặt lại lên giá. Chúng nhận thấy rằng những cái sọ khác cũng có đồng xu linh thú của riêng mình, thể hiện rằng người bạn đồng hành suốt cuộc đời của chủ nhân vẫn theo sát người đó cả trong cái chết.

“Cậu nghĩ khi còn sống họ là ai?” Lyra hỏi. “Tớ đoán là các Học giả. Chỉ có Hiệu trưởng mới được đóng quan tài. Có lẽ có quá nhiều Học giả trong hàng thế kỉ để có thể có chỗ chôn hết tất cả bọn họ, nên người ta chỉ cắt đầu và giữ chúng lại. Đẳng nào thì đó cũng là phần quan trọng nhất của họ.”

Chúng không tìm thấy Kẻ háu ăn nào, nhưng hệ thống hầm ngầm dưới lòng Nhà nguyện đã khiến Lyra và Roger bận rộn suốt nhiều ngày. Có lần cô bé đã thử chơi khăm một vài Học giả đã khuất bằng cách hoán đổi đồng xu trong sọ của họ để họ cặp với linh thú của người khác. Pantalaimon kích động đến mức hóa thành dơi và bay tứ tung, phát ra những tiếng kêu chói tai rồi đập cánh vào mặt cô bé, nhưng cô chẳng thèm đoái hoài: không thể để lỡ trò đùa thú vị này được. Mặc dù sau đó cô bé đã phải trả giá cho việc làm của mình. Khi đã yên vị trên giường trong căn phòng hẹp trên đỉnh Thang Mười Hai, cô bé bị một con quỷ gieo ác mộng quấy rầy, cô bất tỉnh gào thét trước ba bóng người mặc áo trùm đầu đứng ở cạnh giường. Chúng trở những ngón tay xương xẩu rồi hất ngược mũ trùm lại, để lộ cái gốc đầy máu me nơi đã từng là đầu của chúng. Chỉ khi Pantalaimon biến thành sư tử và gầm lên thì chúng mới chịu rút lui, hòa vào nền tường cho đến khi chỉ còn nhìn thấy cánh tay, rồi chỉ còn đôi bàn tay xám vàng cứng quèo, rồi đến những ngón tay co giật, và cuối cùng là mất dạng. Điều đầu tiên cô bé làm khi tỉnh dậy buổi sáng là lao vội xuống khu hầm ngầm và đặt lại các đồng xu linh thú vào đúng chỗ, rồi thì thầm “Xin lỗi! Xin lỗi!” với đám đầu lâu.

Hệ thống hầm ngầm này lớn hơn rất nhiều so với khu hầm rượu, nhưng chúng cũng có giới hạn. Khi Lyra và Roger đã khám phá hết mọi ngóc ngách của hầm ngầm và biết chắc rằng không có Kẻ háu ăn nào ở đó, chúng liền hướng sự chú ý sang chỗ khác - nhưng trước khi kịp làm vậy, chúng đã bị Đấng Cầu Thay* phát hiện đang rời khỏi hầm mộ, và bị triệu tập trở lại Nhà nguyện.

Đấng Cầu Thay là một ông lão tròn trĩnh được biết tới dưới cái tên Cha Heyst. Công việc của Cha là dẫn dắt tất cả các buổi lễ của Học viện, thuyết giảng, cầu nguyện và lắng nghe thú tội. Khi Lyra còn nhỏ, Cha đã rất quan tâm tới phúc lợi tinh thần của cô bé, nhưng lại bị

thất vọng trước thái độ thờ ơ ma mãnh và sự hối hận giả tạo của cô. Cha đã quyết định rằng cô bé này không có tiềm năng về tâm linh.

Khi nghe Cha gọi, Lyra và Roger miễn cưỡng quay lại và lết chân vào không gian tối mờ ám mùi ẩm mốc của Nhà nguyện. Đây đó, những ngọn nến bập bùng trước ảnh các vị thánh; tiếng lách cách xa xăm và yếu ớt phát ra từ gian đặt đại phong cầm đang được tiến hành sửa chữa; một người phục vụ đang đánh bóng bục giảng kính bằng đồng. Cha Heyst vẫy tay ra hiệu từ phía cửa nhà họp.

“Các con đã ở đâu vậy?” Cha hỏi chúng. “Ta đã thấy các con vào trong đó vài ba lần rồi. Các con tính làm gì thế?”

Giọng Cha không có vẻ đang buộc tội mà như thể ông thật sự quan tâm vậy. Linh thú của Cha búng cái lưỡi thần lẩn về phía chúng từ vị trí trên vai ông.

Lyra đáp: “Chúng con muốn xem hầm mộ ạ.”

“Để làm gì cơ chứ?”

“Các... các quan tài. Chúng con muốn xem tất cả các quan tài,” cô bé nói.

“Nhưng tại sao?”

Cô bé nhún vai. Đó là cách cô thường đáp lại khi bị gặng hỏi.

“Còn con,” Cha nói tiếp, quay về phía Roger. Linh thú của Roger bồn chồn vẫy cái đuôi chó sục của mình để xoa dịu Cha. “Tên con là gì?”

“Roger ạ, thưa Cha.”

“Nếu con là người phục vụ thì con đang làm ở đâu?”

“Trong Bếp ạ, thưa Cha.”

“Giờ có phải con nên ở đó không?”

“Vâng, thưa cha.”

“Vậy thì đi đi.”

Roger quay đi rồi chạy mất. Lyra đứng nhấp nhồm trên hai chân.

“Còn về con, Lyra ạ,” Cha Heyst nói, “ta rất vui khi thấy con quan tâm đến những thứ trong Nhà nguyện. Con quả là một đứa trẻ may mắn vì có toàn bộ nền lịch sử này quanh mình.”

“Ừm,” Lyra âm ừ.

“Nhưng ta ngạc nhiên về lựa chọn bạn của con đấy. Con có phải một đứa bé cô đơn không?”

“Không ạ,” cô bé đáp.

“Con có... Con có nhớ sự giao lưu với những đứa trẻ khác không?”

“Không ạ.”

“Ý ta không phải là nhóc phụ bếp Roger. Ta muốn nói đến những đứa trẻ như con, được sinh ra ở giai cấp quý tộc. Con có muốn có bạn như thế không?”

“Không ạ.”

“Nhưng những bé gái khác, có lẽ...”

“Không ạ.”

“Con thấy đấy, không ai trong chúng ta muốn con bỏ lỡ tất cả những thú vui và trò tiêu khiển thông thường của tuổi thơ cả. Đôi khi ta thấy cuộc sống của con ở đây, giữa toàn những Học giả già cỗi, thật là cô đơn, Lyra ạ. Con có thấy thế không?”

“Không ạ.”

Cha gõ hai ngón cái vào nhau trên những ngón tay đang đan lại, không nghĩ ra thêm được gì để hỏi đứa trẻ cứng đầu này.

“Nếu có điều gì khiến con phiền muộn,” cuối cùng Cha lên tiếng, “hãy nhớ là con có thể tới và kể cho ta nghe về nó. Ta hi vọng con cảm thấy mình luôn có thể làm điều đó.”

“Vâng,” cô bé đáp.

“Con có thường xuyên cầu nguyện không?”

“Có ạ.”

“Ngoan lắm. Được rồi, đi đi.”

Chỉ vừa kịp ngăn mình thở dài một tiếng nhẹ nhõm, cô bé quay đi và rời khỏi Nhà nguyện. Thất bại trong việc tìm kiếm Những Kẻ háu ăn ở dưới lòng đất, Lyra lại lao ra ngoài đường. Ở đó cô bé thấy thoải mái như ở nhà.

Và rồi, khi cô đã gần như mất hứng với Những Kẻ háu ăn thì chúng lại xuất hiện ở Oxford.

Lần đầu tiên Lyra nghe về chúng là khi một cậu bé thuộc một gia đình du mục mà cô biết mất tích.

Đã gần đến ngày khai mạc Hội chợ Ngựa, vịnh kênh* đầy nhóc những con thuyền dài hình hộp chữ nhật và hình tam giác, chở đầy thương nhân và du khách, những cầu tàu chạy dọc theo bờ Jericho sáng bừng lên bởi những bộ yên cương lấp lánh, ồn ã những tiếng vó ngựa và tiếng la hét trả giá. Lyra luôn thích thú với Hội chợ Ngựa; ngoài cơ hội được cưỡi trộm một chú ngựa ít được chú ý đến, ở đây còn có vô vàn thời cơ để gây chiến.

Và năm nay cô bé có một kế hoạch lớn. Được tạo cảm hứng từ vụ cướp thuyền dài vào năm trước, lần này cô bé dự định sẽ thực hiện một chuyến du ngoạn hăn hoi trước khi bị đuổi ra. Nếu cô bé và lũ bạn nổi khố trong bếp của học viện có thể đi được tới tận Abingdon, chúng sẽ chơi trò tàn phá cái đập nước...

Nhưng sẽ không có cuộc chiến nào vào năm nay cả. Trong lúc đang thơ thẩn dọc theo mép bãi đỗ thuyền trong Port Meadow dưới ánh ban mai cùng vài đứa nhóc bụi đời, chuyề tay nhau một điệu thuốc đánh cặp được và nhả khói ra đầy vẻ phô trương, cô bé nghe thấy tiếng kêu từ một chất giọng quen thuộc.

“Sao nào, mày đã làm gì với nó hả, thằng thiếu năng này?”

Đó là một giọng trịch thượng, giọng phụ nữ, nhưng là một phụ nữ với bộ phôi bằng đồng và da. Lyra lập tức nhìn quanh để kiểm bà, vì đó là Má Costa, người đã hai lần bạt tai Lyra đến mức khiến cô bé liếng xiếng nhưng lại cho cô ăn bánh gừng hồi mới lên ba, gia đình bà nổi tiếng với con thuyền vĩ đại và xa hoa. Họ là những hoàng tử trong số dân du mục. Lyra cực kì ngưỡng mộ Má Costa, nhưng cô bé quyết định sẽ thận trọng với bà trong thời gian hiện tại, vì thuyền của họ là cái mà cô đã cướp.

Một trong những thằng nhóc đi cùng Lyra tự động nhặt một viên đá lên khi nghe thấy tiếng ầm ã, nhưng Lyra ngăn: “Đặt nó xuống. Bà ấy đang cúi đấy. Bà ấy có thể bẻ gãy xương sống của cậu như bẻ một cành cây vậy.”

Trên thực tế, Má Costa trông lo lắng nhiều hơn là giận dữ. Người đàn ông mà bà đang nhắm vào, một tên lái buôn ngựa, nhún vai và xoè hai bàn tay ra.

“Chà, tôi không biết,” hắn nói. “Nó vừa mới ở đây mà một phút sau đã biến mất rồi. Tôi không thấy nó đi đâu cả...”

“Nó đang giúp mày! Nó đang giúp mày giữ đám ngựa chết tiệt của mày!”

“Thì, nó đáng ra phải ở đây đúng không? Bỏ trốn trong lúc làm việc như thế...”

Hắn ta không nói được thêm câu nào nữa, vì Má Costa đã đột ngột táng vào đầu hắn một cú điếng người, nổi theo một tràng sỉ vả và bạt tai khiến hắn phải hét lên và bỏ chạy. Đám lái buôn ngựa gần đó phá lên cười nhạo báng, trong khi một con ngựa non lơ đãng thì chồm lên hốt hoảng.

“Chuyện gì thế?” Lyra hỏi một đứa bé du mục đang há mồm đứng xem. “Bà ấy giận dữ chuyện gì vậy?”

“Là con trai bà ấy,” đứa bé đáp. “Billy. Có lẽ bà ấy nghĩ Những Kẻ háu ăn đã bắt cóc nó. Có thể là chúng làm thật. Tao cũng không

thấy nó kể từ khi...”

“Những Kẻ háu ăn? Vậy là chúng đã tới Oxford rồi à?”

Thằng nhóc du mục quay đi gọi đồng bọn, cả đám đều đang đứng nhìn Má Costa.

“Bà ấy không biết chuyện gì đang xảy ra đâu! Bà ấy không biết Những Kẻ háu ăn đang ở đây!”

Nửa tá bọn nhóc quay lại với vẻ nhạo báng, Lyra ném mẩu thuốc xuống đất, nhận ra đây là dấu hiệu khởi chiến. Linh thú của cả đám lập tức trở nên hiếu chiến: từng đứa một đều được hộ tống bởi những răng nanh, móng vuốt, hoặc bộ lông dựng đứng. Trong khi đó Pantalaimon, tỏ vẻ khinh khỉnh trước sức tưởng tượng hạn hẹp của đám linh thú du mục, hóa thành một con rồng có kích cỡ của một con chó săn hươu.

Nhưng trước khi đám trẻ kịp xông tới đánh nhau, Má Costa đã nhảy vào can thiệp, gạt mạnh hai trong số những đứa du mục sang một bên và đối mặt với Lyra như một đấu sĩ sẵn giải thưởng.

“Cháu có thấy nó không?” Bà hỏi Lyra. “Có thấy Billy không?”

“Không ạ,” Lyra nói. “Bọn cháu vừa mới tới đây. Cháu đã không gặp Billy cả mấy tháng trời rồi.”

Linh thú của Má Costa đang lượn vòng trên khối không khí được chiếu sáng phía bên đầu bà, một con điều hâu với đôi mắt vàng dữ tợn đang đảo khắp phía, không hề chớp mắt. Lyra sợ hãi. Không ai lo lắng về một đứa trẻ biến mất mới được vài giờ, càng không phải một người du mục: trong thế giới tàu bè khăng khít của dân du mục, tất cả trẻ con đều rất quý báu và được yêu chiều quá mức. Và một người mẹ luôn biết rằng nếu đứa trẻ rời khỏi tầm mắt của bà, nó sẽ không đi xa khỏi những người khác, những người luôn sẵn sàng bảo vệ nó vô điều kiện.

Nhưng đây, Má Costa, một nữ hoàng giữa những người du mục, lại đang hốt hoảng vì một đứa trẻ mất tích. Chuyện gì đang xảy ra vậy?

Má Costa gần như mù quáng rà soát đám nhóc rồi quay đi, chặt vật lách qua đám đông trên cầu tàu, gào lên tên con mình. Ngay lập tức bọn trẻ quay lại nhìn nhau, cơn hận thù bị bỏ quên trước nỗi thống khổ của người mẹ.

“Những Kẻ háu ăn là lũ nào vậy?” Simon Parslow, một đứa trong hội của Lyra hỏi.

Đứa nhóc du mục đầu tiên lên tiếng: “Mày biết mà. Bọn chúng đang bắt cóc trẻ con trên cả nước. Chúng là hải tặc...”

“Hải tặc cái gì chứ,” một thằng du mục khác sửa lại. “Chúng là lũ ăn thịt người. Nên người ta mới gọi là Những Kẻ háu ăn.”

“Chúng ăn thịt trẻ con á?” Một thằng bạn nổi khố khác của Lyra, phụ bếp Hugh Lovat của Học viện Thánh Michael, thốt lên.

“Không ai biết cả,” thằng nhóc du mục đầu tiên đáp. “Chúng bắt trẻ con đi và không ai gặp lại đám trẻ nữa.”

“Cả đám bọn tao đều biết cái đấy,” Lyra nói. “Bọn tao đã chơi Những Kẻ háu ăn và đám trẻ vài tháng trời rồi, tao cá là trước cả lũ chúng mày. Nhưng chắc hẳn là chưa đứa nào từng thấy chúng.”

“Thấy rồi đó,” một thằng nhóc nói.

“Ai thấy hả?” Lyra cố chấp nói. “Mày đã thấy chúng à? Sao mày dám chắc đó không phải chỉ là một người bình thường?”

“Charlie đã thấy chúng ở Banbury,” một cô nhóc du mục đáp. “Chúng tới bắt chuyện với một người phụ nữ trong khi một tên khác tóm lấy cậu con trai nhỏ của cô ấy ra khỏi vườn.”

“Đúng vậy,” thằng nhóc du mục Charlie gào lên. “Tao đã thấy chúng làm thế!”

“Trông chúng như thế nào?” Lyra hỏi.

“À... Tao không nhìn rõ chúng,” Charlie đáp. “Nhưng tao nhìn thấy xe tải của chúng,” nó nói thêm. “Chúng tới trong một chiếc xe tải trắng. Chúng cho thằng bé vào xe và nhanh chóng lái đi.”

“Nhưng sao người ta lại gọi chúng là Những Kẻ háu ăn?” Lyra hỏi.

“Vì chúng ăn thịt trẻ con,” thằng nhóc du mục đầu tiên nói. “Có người nói với bọn tao như vậy ở Northampton. Chúng đã có mặt ở đó. Có một đứa con gái ở Northampton, anh trai nó đã bị bắt, nó bảo đám người đó khi bắt thằng bé đi đã nói với nó rằng chúng sẽ ăn thịt thằng bé. Mọi người đều biết điều đó. Bọn chúng ăn ngẫu nhiên trẻ con.”

Một cô nhóc du mục đứng gần đó bắt đầu khóc âm lên.

“Đó là chị họ của Billy,” Charlie nói.

Lyra hỏi: “Ai là người cuối cùng thấy Billy?”

“Tao,” nửa tá giọng nói cùng vang lên. “Tao đã thấy nó giữ con ngựa già của Johnny Fiorelli... Tao thấy nó cạnh người bán kẹo táo bọc đường... Tao thấy nó đu người trên cần trục...”

Sau khi sắp xếp thông tin, Lyra kết luận rằng Billy chắc chắn đã được nhìn thấy không ít hơn hai tiếng trước.

“Vậy thì,” cô bé nói, “vào thời điểm nào đó trong hai giờ vừa qua, Những Kẻ háu ăn đã phải ở đây...”

Cả đám nhìn quanh, rùng mình dù đang đứng dưới nắng ấm, trong khu cầu tàu đông nghịt, những thứ mùi quen thuộc của nhựa đường, ngựa, và lá thuốc. Vấn đề là vì không ai biết Những Kẻ háu ăn này trông như thế nào, nên ai cũng có thể là bọn chúng, Lyra chỉ ra điều đó cho đám nhóc đang kinh sợ. Giờ thì dù là dân học viện hay du mục, tất cả đều đang dưới sự chỉ huy của cô bé.

“Bọn chúng *chắc chắn* phải trông giống người thường, nếu không sẽ bị phát hiện ngay,” cô bé giải thích. “Nếu chỉ đến vào ban đêm, chúng có thể có ngoại hình thế nào cũng được. Nhưng nếu dám ra mặt vào ban ngày, chúng phải trông thật bình thường. Vậy nên bất cứ ai trong những người này đều có thể là Những Kẻ háu ăn...”

“Không đúng,” một đứa du mục nói vẻ không dám chắc. “Tao biết tất cả bọn họ.”

“Thôi được rồi, không phải những người này, nhưng có thể là bất cứ ai khác,” Lyra nói. “Đi tìm chúng thôi! Cả cái xe tải trắng của chúng nữa!”

Câu nói đó đã dẫn tới một sự triệu tập nhanh chóng. Chẳng mấy chốc mà những kẻ tìm kiếm khác đã hợp lại với những đứa đầu tiên, và ngay sau đó, chừng hơn ba chục đứa trẻ du mục ồ ạt lao từ đầu này đến đầu kia cầu tàu, chạy ra chạy vào các chuồng ngựa, bò lổm ngổm trên các cần trục và giàn khoan trong bãi đỗ tàu, nhảy qua hàng rào vào những đồng cỏ bạt ngàn, xoay một lèo mười lăm lần trên chiếc cầu xoay cũ trên dòng nước xanh biếc, rồi chạy hết tốc lực qua những khu phố hẹp của Jericho, giữa những ngôi nhà nhỏ đắp nền cao bằng gạch và vào nhà nguyện lớn hình tháp vuông của Thánh Barnabas Nhà bào chế. Nửa số chúng thậm chí không biết mình đang tìm kiếm thứ gì, và mặc dù đó chỉ là một cuộc chơi, nhưng những đứa thân cận nhất với Lyra cảm thấy thật sự sợ hãi mỗi lần chúng thoáng thấy một hình bóng đơn lẻ dưới một con hẻm hay trong ánh sáng mờ ảo của Nhà nguyện: liệu có phải một Kẻ háu ăn không?

Nhưng hẳn nhiên là không phải. Rốt cuộc thì không một lần thành công cộng với bóng tối của việc Billy thực sự biến mất bao trùm lên cả đám, niềm vui dần tan biến. Khi Lyra và hai đứa trẻ học viện rời Jericho lúc gần đến giờ ăn nhẹ, chúng thấy những người du mục tập hợp lại trên cầu tàu gần nơi đậu thuyền của nhà Costa. Vài người phụ nữ đang khóc lớn, còn đàn ông tụ tập thành những nhóm đầy giận dữ, linh thú của họ lo lắng, bay loạn xạ hay gầm gừ với những cái bóng.

“Tớ cá là Những Kẻ háu ăn không dám vào đây đâu,” Lyra nói với Simon Parslow khi hai đứa bước qua ngưỡng cửa vào nhà gác lớn của Jordan.

“Ừ,” nó ngập ngừng đáp. “Nhưng tớ biết có một đứa bé ở Chợ bị mất tích.”

“Ai thế?” Lyra hỏi. Cô bé biết hầu hết đám trẻ ở Chợ, nhưng chưa từng nghe thấy việc này.

“Jessie Reynolds, bên ngoài xưởng đóng yên cương. Hôm qua nó không có ở đó lúc đóng cửa hàng, dù chỉ mới đi câu một chút để chuẩn bị bữa trà cho bố. Nó không trở về nữa và cũng không ai thấy nó cả. Người ta đã lùng sục khắp Chợ và mọi nơi.”

“Tớ chưa từng nghe về việc đó!” Lyra tức giận nói. Cô bé cho rằng đó là sai lầm đáng trách của đám trẻ dưới trướng vì đã không kể với cô ngay lập tức.

“À, chuyện đó mới xảy ra hôm qua thôi. Có khi giờ nó đã quay lại rồi.”

“Tớ sẽ đi hỏi,” Lyra nói rồi rời khỏi Nhà gác.

Nhưng chưa kịp ra khỏi cửa thì người gác cổng đã gọi cô lại.

“Nào, Lyra! Tối nay cháu không được ra ngoài thêm lần nào nữa đâu. Lệnh của Hiệu trưởng đó.”

“Tại sao không ạ?”

“Ta nói rồi, là lệnh của Hiệu trưởng. Ông ấy nói cháu mà quay lại thì phải ở lại luôn.”

“Ông bắt cháu thử xem,” cô bé nói rồi lao đi trước khi ông già kịp rời khỏi bậc cửa.

Cô băng qua con phố nhỏ, chạy xuống con hẻm nơi các xe tải đã dỡ hàng để chuẩn bị cho Chợ Mái che. Hiện đang là giờ đóng cửa nên chỉ có vài chiếc xe tải ở đó, nhưng có một tốp thanh niên đang đứng hút thuốc và nói chuyện bên cạnh cổng trung tâm đối diện với bức tường đá cao của Học viện Thánh Michael. Lyra biết một trong số đó, một anh chàng mười sáu tuổi mà cô bé ngưỡng mộ vì cậu ta có thể nhổ xa hơn bất cứ ai mà cô từng được nghe tới. Vậy là cô bước tới và khúm núm chờ cậu ta để ý tới mình.

“Sao? Nhóc muốn gì?” Cuối cùng cậu ta cũng lên tiếng.

“Có phải Jessie Reynolds đã biến mất không ạ?”

“Ừ. Thì sao?”

“Vì hôm nay cũng có một đứa trẻ du mục biến mất.”

“Đám du mục ấy mà, chúng lúc nào chẳng biến mất. Cứ sau Hội chợ Ngựa là chúng mất dạng.”

“Ngựa cũng thế,” một trong số những đứa bạn của cậu ta nói.

“Lần này khác,” Lyra nói. “Đó là một đứa bé. Cả buổi chiều bọn em đã tìm nó, những đứa khác nói Những Kẻ háu ăn đã bắt cóc nó mất rồi.”

“Những kẻ gì cơ?”

“Những Kẻ háu ăn,” cô bé đáp. “Anh chưa nghe về bọn chúng bao giờ sao?”

Đây cũng là tin mới với cả những cậu thanh niên khác. Ngoài vài câu nhận xét thô tục ra, chúng đều chăm chú lắng nghe những điều cô bé nói.

“Những Kẻ háu ăn,” Dick, người quen của Lyra nói. “Vớ vẩn. Đám dân du mục, chúng nhạt nhẽo đủ thứ ý tưởng dở hơi.”

“Người ta nói Những Kẻ háu ăn đã đến Banbury vài tuần trước,” Lyra khẳng định, “và có năm đứa trẻ bị bắt đi. Có lẽ giờ chúng đã tới Oxford để bắt cóc trẻ con ở đây đi. Chắc chắn Jessie là do chúng tóm mất.”

“Có một đứa mất tích trên đường Cowley,” một trong những cậu con trai khác nói. “Tao nhớ ra rồi. Dì của tao đã ở đó ngày hôm qua để bán cá với khoai rán trên xe tải, và dì ấy đã nghe về chuyện đó... Là một thằng nhóc... Nhưng tao không biết gì về Những Kẻ háu ăn cả. Bọn chúng không có thật đâu. Chỉ là chuyện bịa thôi.”

“Chúng có thật đó!” Lyra nói. “Những người du mục đã thấy chúng. Họ cho rằng chúng ăn thịt những đứa trẻ bắt được, và...”

Một ý nghĩ chợt tới khiến cô bé dừng lại giữa chừng. Trong suốt buổi tối kì lạ mà cô trốn trong Phòng nghỉ, Ngài Asriel đã chiếu bức ảnh về một người đàn ông cầm chiếc đĩa phép với những dòng ánh sáng ồ ạt chảy vào nó; có một bóng người nhỏ bên cạnh ông, ít được phủ sáng hơn; ông ấy nói đó là một đứa trẻ; rồi có ai đó hỏi liệu đó có

phải một đứa trẻ bị chặt không, và bác cô trả lời là không, đó là điểm mấu chốt. Lyra nhớ rằng bị chặt có nghĩa là bị cắt.

Và rồi một thứ khác khiến tim cô nhói lên: Roger đâu mất rồi?

Cô bé chưa thấy nó từ sáng tới giờ...

Đột nhiên cô cảm thấy sợ hãi. Pantalaimon, trong dạng một con sư tử mini nhào vào vòng tay cô gặm gừ. Cô bé chào tạm biệt đám thanh niên đứng cạnh cổng, lặng lẽ quay lại Phố Turl và rồi chạy hết tốc lực về Nhà gác của Jordan, lập bập lao qua cửa chỉ trước con linh thú hiện đang mang hình dạng báo cheetah một giây.

Người gác cổng làm ra vẻ mộ đạo.

“Ta phải gọi báo cho Hiệu trưởng,” ông nói. “Ông ấy không hài lòng đâu. Ta không muốn vào vị trí của cháu đâu, trừ khi là vì tiền.”

“Roger đâu?” Cô bé hỏi.

“Ta không thấy cậu bé. Rồi nó sẽ cũng sẽ bị phạt thôi. Ồ, ông Cawston mà bắt được nó...”

Lyra chạy tới bếp rồi len người qua đám hỗn tạp nóng bức, chói tai và nghi ngút khói.

“Roger đâu rồi?” Cô bé hét lên.

“Đi ra ngay, Lyra! Ở đây chúng ta đang bận lắm!”

“Nhưng cậu ấy đâu? Cậu ấy đã quay lại chưa vậy?”

Chẳng ai mảy may để tâm.

“Cậu ấy đâu? Bà đừng *giả điếc* nữa!” Lyra gào lên với bếp trưởng. Bà ta liền bạt tai cô bé rồi đuổi cô ra ngoài.

Người thợ làm bánh Bernie cố gắng làm dịu Lyra, nhưng cô bé không cần được an ủi.

“Chúng bắt được cậu ấy rồi! Lũ háu ăn khốn kiếp, người ta phải tóm được chúng và giết sạch chúng đi! Tôi ghét chúng! Các người chẳng hề quan tâm đến Roger...”

“Lyra, tất cả chúng ta đều quan tâm đến Roger...”

“Không hề, nếu không tất cả đã phải ngừng làm và đi kiểm cậu ấy ngay rồi! Tôi ghét các người!”

“Có thể có cả tá lí do khiến Roger không xuất hiện. Hãy tỏ ra khôn ngoan hơn đi. Chúng ta cần phải chuẩn bị dọn bữa tối trong chừa đầy một giờ nữa; ông Hiệu trưởng đang tiếp khách trong nhà riêng, ông ấy sẽ dùng bữa tại đó. Điều đó có nghĩa là Bếp trưởng sẽ phải chú tâm đến việc đưa đồ ăn tới đó thật nhanh trước khi nó bị nguội; mà Lyra ạ, vì việc này hay việc kia thì cuộc sống vẫn cứ phải tiếp diễn. Ta dám chắc Roger sẽ quay lại...”

Lyra quay đi rồi bỏ chạy khỏi bếp, xô đổ một chồng chụp đĩa bằng bạc và bỏ ngoài tai những tiếng gào thét phẫn nộ đang dâng lên. Cô lao xuống cầu thang, băng qua khoảng sân trong nằm giữa Nhà nguyện và Tháp Palmer rồi vào Sân Yaxley nơi những tòa nhà cổ nhất của Học viện tọa lạc.

Pantalaimon phóng vọt lên trước cô bé như một chú báo cheetah thu nhỏ, lao lên đỉnh thang tới phòng ngủ của Lyra. Lyra xô cửa xông vào, lôi cái ghế ọp ẹp của mình đến bên cửa sổ, đẩy tung hai cánh ra rồi bò ra ngoài. Ngay dưới bậc cửa là một máng nước bằng đá bọc chì rộng một bộ. Khi đã đứng vững trên đó, cô bé quay lại và trèo lên những viên ngói gỗ ghè cho tới khi lên tới tận đỉnh của mái nhà. Tại đó cô há miệng gào lớn. Pantalaimon, luôn hóa thành chim khi ở trên mái, bay lượn vòng và rít lên những tiếng chói tai cùng với chủ.

Trời chiều ngập sắc đào, mạn, kem: những đám mây kem nhỏ mềm mại trên nền trời rộng màu cam. Những chóp và tháp của Oxford vây lấy chúng, cân bằng về chiều cao; khu rừng xanh của Château-Vert và White Ham mọc lên ở cả hai phía đông và tây. Đâu đó lũ quạ đang kêu, chuông đang ngân, và từ Oxpens tiếng hú đều đặn của đầu máy chạy gas thông báo khí cầu zeppelin Bưu chính Hoàng gia, chuyển buổi chiều, đang lên không để bay tới London. Lyra quan sát nó dâng lên phía sau chóp Nhà nguyện Thánh Michael, to bằng đầu

ngón út khi cô giơ thẳng tay ra, rồi nhỏ dần nhỏ dần lại cho tới khi chỉ còn là một chấm trên nền trời màu ngọc trai.

Cô bé quay lại và nhìn xuống khoảng sân trong phủ bóng, nơi bóng dáng các Học giả khoác áo choàng đen đang dần tiến vào về hướng nhà kho, linh thú khệnh khạng bước, bay chập chờn bên cạnh, hoặc điềm tĩnh đậu trên vai họ. Đèn đang được thắp lên trong Đại sảnh; cô bé có thể thấy những ô cửa sổ gắn kính màu dần sáng rực lên khi người phục vụ thắp những ngọn đèn dầu trên các bàn ăn. Chuông của Quản lí bắt đầu rung, thông báo còn nửa tiếng trước bữa tối.

Đây là thế giới của cô. Cô muốn nó cứ như thế này mãi mãi, nhưng mọi thứ xung quanh cô đang thay đổi, vì ngoài kia có kẻ đang bắt trộm trẻ con. Cô bé ngồi trên đỉnh mái, chống cằm lên hai bàn tay.

“Chúng ta cần phải cứu cậu ấy, Pantalaimon ạ,” cô bé nói.

Nó đáp lại bằng tiếng quạ kêu từ phía ống khói.

“Sẽ nguy hiểm đấy,” nó nói.

“Hẳn rồi! Tớ biết chứ.”

“Nhớ bọn họ đã nói gì trong Phòng nghị không?”

“Gì?”

“Gì đó về một đứa bé ở tít trên Cực Bắc. Cái đứa không thu hút Bụi ấy.”

“Họ nói đó là một đứa bé toàn vẹn... Vậy thì sao chứ?”

“Đó có thể là việc chúng sẽ làm với Roger, đám trẻ du mục và những đứa khác.”

“Hả?”

“Mà, *toàn vẹn* có nghĩa là sao nhỉ?”

“Chịu. Chắc chúng sẽ cắt trẻ con làm đôi. Tớ đoán chúng bắt họ làm nô lệ. Như thế sẽ có ích hơn. Khéo chúng có mỏ quặng ở trên đó cũng nên. Mỏ uranium phục vụ nhà máy nguyên tử. Tớ dám cá là như vậy. Với lại, nếu cử người lớn xuống dưới hầm mỏ họ sẽ chết, nên

chúng dùng trẻ con để thay thế vì trẻ con ít tốn kém hơn. Đó là điều chúng đã làm với cậu ấy.”

“Tớ nghĩ...”

Nhưng Pantalaimon nghĩ gì thì đành tạm gác lại, vì có người bắt đầu hét lên từ phía dưới.

“Lyra! Lyra! Đi vào ngay lập tức!”

Có tiếng đập mạnh lên khung cửa sổ. Lyra biết giọng nói và sự nóng nảy đó: đó là bà bảo mẫu Lonsdale. Chẳng thể trốn nổi bà.

Cau có, Lyra trượt xuống khỏi mái, vào máng nước, rồi trèo trở lại qua cửa sổ. Bà Lonsdale đang đổ nước vào chiếc bồn nhỏ được chạm trổ, phụ họa thêm bởi một tiếng ì ầm đình tai từ các ống dẫn.

“Cháu đã bị nhắc về việc trèo ra ngoài đó bao lần rồi hả? Nhìn cháu này! Nhìn cái váy đi - dơ dáy phát khiếp! Cởi nó ra ngay và đi tắm trong khi ta kiểm một cái hần hoi chưa bị rách. Sao cháu không thể giữ cho bản thân sạch sẽ và gọn gàng được nhỉ...”

Lyra đang quá hờn dỗi nên chẳng thèm hỏi xem tại sao cô bé lại phải tắm rửa và ăn diện, mà cũng chẳng có người lớn nào muốn trả lời cô cả. Cô kéo cái váy lên quá đầu rồi thả nó xuống cái giường hẹp, sau đó bắt đầu uể oải lau rửa trong khi Pantalaimon, lúc này là một con chim bạch yến, đang nhảy ngày càng gần đến linh thú của bà Lonsdale - một con chó giống retriever với vẻ lãnh đạm, và cố gắng chọc tức nó một cách vô ích.

“Nhìn tình trạng cái tủ quần áo này xem! Mấy tuần rồi cháu chẳng chịu treo cái gì lên cả! Nhấn nhúm hết cả rồi!”

Nhìn cái này, nhìn cái kia đi... Lyra chẳng muốn nhìn. Cô bé nhắm mắt lại và dùng một chiếc khăn mỏng chà lên mặt.

“Cháu sẽ phải mặc đồ trong tình trạng này thôi. Không có thời gian để là nó nữa. Ôi Chúa ơi, con bé này, đầu gối của cháu - nhìn tình trạng của chúng xem...”

“Không muốn nhìn cái gì hết,” Lyra lầm bầm.

Bà Lonsdale đập vào chân cô. “Rửa ngay,” bà giận dữ nói. “Cọ hết đồng bùn đất này đi.”

“Tại sao?” Cuối cùng Lyra lên tiếng. “Cháu đâu có thường xuyên rửa đầu gối. Đẳng nào cũng đâu có ai nhìn. Cháu phải làm tất cả những việc này để làm gì chứ? Bà cũng đâu quan tâm gì đến Roger, chẳng khác gì Bếp trưởng cả. Cháu là người duy nhất...”

Thêm một cái đập nữa, lên bên chân còn lại.

“Thôi nói năng vớ vẩn đi. Ta là người dòng họ Parslow, giống như cha của Roger. Nó là em họ thứ hai của ta. Ta cá cháu không biết điều đó, vì ta cá cháu chẳng bao giờ thèm hỏi, tiểu thư Lyra ạ. Ta cá cháu chưa từng nghĩ đến nó. Đừng có nạt nộ ta vì không quan tâm đến thằng bé. Chúa biết rằng ta còn quan tâm đến cả cháu nữa, mà cháu thì luôn vô lí và chẳng chịu biết ơn.”

Bà vợ lấy miếng giẻ lau rồi cọ hai đầu gối của Lyra mạnh tới mức khiến da ở chỗ đó ửng đỏ và đau nhói, nhưng giờ đã sạch sẽ.

“Lí do của việc này là vì cháu sẽ dùng bữa tối với Hiệu trưởng và khách của ngài ấy. Cầu xin Chúa là cháu sẽ cư xử phải phép. Nói khi nào được hỏi, giữ yên lặng và lịch sự, cười dịu dàng và cấm không được nói *Chả biết* khi có người hỏi.”

Bà lôi bộ đầm đẹp nhất lên khung người gầy gò của Lyra, kéo phẳng nó, lấy một mẫu ruy-băng đỏ ra khỏi mớ rối trong ngăn kéo, rồi chải tóc Lyra bằng một chiếc lược răng to.

“Nếu họ cho ta biết sớm hơn thì ta đã có thể gội đầu cho cháu tử tế rồi. Chậc, tiếc thật đấy. Miễn là họ không nhìn quá gần... Đó. Giờ thì đứng thẳng lên. Đôi giày da sơn đẹp nhất đâu rồi?”

Năm phút sau Lyra gõ cửa Nhà Hiệu trưởng, một ngôi nhà rộng, hơi âm ảm mở ra sân trong và quay lưng lại với Vườn Thư viện. Pantalaimon, hiện đang là một chú chồn ermine để trông cho lịch sự, cọ người vào chân cô bé. Cửa được mở ra bởi người hầu nam của

Hiệu trưởng, Cousins, kẻ thù cũ của Lyra; nhưng cả hai đều biết chúng đang trong tình trạng đình chiến.

“Bà Lonsdale bảo tôi đến,” Lyra nói.

“Phải rồi,” Cousins nói rồi đứng sang một bên. “Hiệu trưởng đang ở trong Phòng khách.”

Cậu ta đưa Lyra tới căn phòng lớn nhìn xuống Vườn Thư viện. Ánh nắng cuối ngày chiếu rọi căn phòng qua khe hở giữa Thư viện và Tháp Palmer, soi sáng những bức tranh nặng nề và bộ đồ bạc ủ rũ mà ông Hiệu trưởng sưu tầm. Nó cũng chiếu sáng các vị khách, và Lyra nhận ra lí do vì sao họ không dùng bữa trong Đại sảnh: ba trong số đó là phụ nữ.

“A, Lyra,” Hiệu trưởng thốt lên. “Ta rất mừng vì cháu đến được. Cousins, cậu có thể tìm chút đồ uống không còn không? Quý bà Hannah, có lẽ bà chưa từng gặp Lyra... Cháu gái của Ngài Asriel, bà biết đấy.”

Quý bà Hannah Relf là Hiệu trưởng của một trong những học viện nữ sinh, một phụ nữ đứng tuổi tóc hoa râm với linh thú khi đuôi sóc. Lyra bắt tay bà một cách nhã nhặn nhất có thể, và sau đó được giới thiệu với những vị khách còn lại. Họ cũng giống như Quý bà Hannah, đều là học giả từ các Học viện khác và khá nhàm chán. Rồi Hiệu trưởng tiến tới vị khách cuối cùng.

“Phu nhân Coulter,” ông nói, “đây là Lyra của chúng tôi. Lyra, đến chào Phu nhân Coulter đi.”

“Xin chào Lyra,” Phu nhân Coulter lên tiếng.

Đó là một phụ nữ đẹp và còn trẻ. Mái tóc óng ả ôm lấy đôi má bà. Linh thú của bà là một con khi vàng.

4

Chân Kế

“Ta hi vọng cháu sẽ ngồi cạnh ta khi ăn tối,” Phu nhân Coulter nói, dành chỗ cho Lyra trên ghế sofa. “Ta không quen với sự xa hoa của một ngôi nhà Hiệu trưởng. Cháu sẽ phải chỉ cho ta biết nên dùng dao và đĩa nào.”

“Bà có phải là một nữ Học giả không?” Lyra hỏi. Cô bé nghĩ về các nữ Học giả với sự miệt thị đặc trưng của Jordan: đúng là có những người như thế, nhưng thật tội nghiệp là họ chẳng bao giờ được coi trọng hơn những con vật ăn mặc tươm tất đóng trong một vở kịch cả. Tuy nhiên, Phu nhân Coulter lại khác bất cứ nữ Học giả nào mà Lyra từng gặp, và hẳn nhiên là không giống hai phụ nữ lớn tuổi nghiêm nghị cũng là khách ngày hôm nay. Thực ra, Lyra hỏi như vậy nhưng lại mong chờ câu phủ định vì Phu nhân Coulter mang một khí chất quyến rũ khiến Lyra mê mẩn. Cô bé gần như không thể rời mắt khỏi bà.

“Không hẳn,” Phu nhân Coulter đáp. “Ta là một thành viên trong học viện của Quý bà Hannah, nhưng phần lớn công việc của ta lại diễn ra bên ngoài Oxford... Kể cho ta nghe về cháu đi, Lyra. Cháu vẫn luôn sống ở Học viện Jordan à?”

Trong vòng năm phút, Lyra đã kể cho bà nghe mọi thứ về cuộc sống nửa hoang dã của mình: lộ trình yêu thích của cô qua những mái nhà, cuộc chiến Claybeds, lần cô và Roger tóm được và nướng một

con quạ, ý định cướp một chiếc thuyền dài của dân du mục rồi lái nó tới Abingdon, và cả những chuyện khác nữa. Cô bé thậm chí còn (nhìn quanh và nói nhỏ xuống) kể với bà về trò nghịch ngợm cô và Roger đã làm với đám đầu lâu trong hầm mộ.

“VẬY là những con ma đó đã tới, phải đấy ạ, chúng cứ không đầu như thế mà tới phòng ngủ của cháu! Chúng không thể nói mà tạo ra những tiếng ùng ục, nhưng cháu biết rõ chúng muốn gì. Nên hôm sau cháu đã xuống đó trả các đồng xu lại vị trí cũ. Nếu không chắc bọn chúng đã giết cháu rồi.”

“Cháu không sợ nguy hiểm sao?” Phu nhân Coulter nói đầy thái độ thách thức. Lúc này họ đang dùng bữa tối, và đúng như Phu nhân Coulter mong muốn, họ đang ngồi cạnh nhau. Lyra hoàn toàn phớt lờ viên Thủ thư ngồi bên phía còn lại của cô và dành cả bữa tối để nói chuyện với Phu nhân Coulter.

Khi những người phụ nữ đi dùng cà phê, Quý bà Hannah nói: “Nói ta nghe, Lyra - họ có định gửi cháu đi học không?”

Lyra dờ mắt ra. “Không... Cháu không biết ạ,” cô bé đáp. “Có lẽ là không,” cô nói thêm cho an toàn. “Cháu cũng không muốn gây phiền phức cho họ,” cô nói tiếp vẻ ngoan ngoãn. “Hoặc tốn tiền vì cháu. Có lẽ sẽ tốt hơn nếu cháu cứ tiếp tục sống ở Jordan và được các Học giả ở đây chỉ bảo khi họ có chút thời gian rảnh. Vì họ đã ở đây nên có lẽ họ cũng khá rảnh.”

“Còn Ngài Asriel, bác của cháu, có dự định gì cho cháu không?” Một người phụ nữ khác nói. Bà là Học giả thuộc một học viện nữ khác.

“Có ạ,” Lyra đáp. “Cháu mong là vậy. Dù không phải là đến trường. Lần tới bác ấy sẽ đưa cháu lên Phương Bắc.”

“Ta nhớ ông ấy có nói với ta như vậy,” Phu nhân Coulter nói.

Lyra chớp mắt. Hai nữ Học giả hơi nhướn người dậy mặc dù linh thú của họ, có thể là ngoan ngoãn hoặc trì nộn, thì chỉ đưa mắt nhìn

nhau.

“Ta gặp ông ấy tại Viện Bắc Cực Hoàng Gia,” Phu nhân Coulter nói tiếp. “Thật ra một phần vì cuộc gặp đó mà ta có mặt ở đây ngày hôm nay.”

“Bà cũng là nhà thám hiểm à?” Lyra hỏi.

“Theo một cách nào đó. Ta đã lên Phương Bắc vài lần rồi. Năm ngoái ta đã dành ba tháng ở Greenland để quan sát Bắc Cực Quang.”

Vậy là thôi, không còn gì và chẳng còn ai khác tồn tại đối với Lyra lúc này nữa. Cô bé nhìn Phu nhân Coulter đầy tôn kính, chăm chú và yên lặng lắng nghe những câu chuyện của bà về việc xây lều tuyết, săn hải cẩu, thương lượng với các phù thủy của Lapland. Hai nữ Học giả chẳng có gì lí thú để kể, bèn ngồi trong im lặng cho đến khi các quý ông bước vào.

Sau đó, khi các vị khách đang sửa soạn ra về, Hiệu trưởng nói: “Ở lại chút đã, Lyra. Ta muốn nói chuyện với cháu vài phút. Đến phòng làm việc của ta đi, bé con; ngồi xuống đó và đợi ta.”

Bối rối và mệt mỏi xen lẫn với hứng khởi, Lyra làm theo những gì được bảo. Nam phục vụ Cousins đưa cô bé vào rồi cố tình để cửa mở để có thể quan sát được cô định làm gì từ ngoài sảnh, nơi cậu ta đang giúp mọi người mặc áo khoác. Lyra đưa mắt tìm Phu nhân Coulter, nhưng bà không nhìn thấy cô, sau đó Hiệu trưởng vào phòng và đóng cửa lại.

Ông nặng nề ngồi xuống chiếc ghế bành bên lò sưởi. Linh thú của ông nhảy lên lưng ghế rồi ngồi xuống cạnh đầu ông, hướng đôi mắt già cỗi với mí mắt nặng trĩu về phía Lyra. Chiếc đèn khế rít lên khi Hiệu trưởng nói:

“Nào, Lyra. Cháu đã nói chuyện với Phu nhân Coulter. Cháu có thích nghe những chuyện bà ấy kể không?”

“Có ạ!”

“Bà ấy là một người đáng nể.”

“Bà ấy thật tuyệt. Đó là người tuyệt vời nhất mà cháu từng được gặp.”

Hiệu trưởng thở dài. Trong bộ vest đen và chiếc cravat cùng màu, trông ông giống linh thú của mình hơn bất cứ ai khác, Lyra đột nhiên nghĩ rằng một ngày nào đó không xa, ông sẽ được chôn trong hầm mộ dưới Nhà nguyện, một nghệ sĩ sẽ khắc hình linh thú của ông trên chiếc đĩa bằng đồng trên quan tài, tên của nó sẽ được đặt chung với tên ông.

“Đáng ra ta phải sắp xếp thời gian để nói chuyện với cháu sớm hơn, Lyra ạ,” ông nói sau một lúc. “Ta đã định làm vậy, nhưng dường như thời điểm đó đã bị đẩy lùi nhiều hơn ta nghĩ. Ở đây cháu vẫn đang được an toàn, cháu yêu ạ. Ta nghĩ cháu đang sống hạnh phúc. Cháu không thấy thoải mái lắm khi phải tuân lệnh chúng ta, nhưng chúng ta thì rất yêu quý cháu, và cháu chưa bao giờ là một đứa trẻ hư hỏng cả. Cháu mang trong mình lòng hào hiệp, sự dịu dàng và tính quả quyết to lớn. Cháu sẽ cần tất cả những thứ đó. Ta muốn bảo vệ cháu khỏi những thứ đang diễn ra trong thế giới rộng lớn ngoài kia - bằng cách giữ cháu ở lại Jordan này, ý ta là vậy - nhưng điều đó không còn khả thi nữa rồi.”

Lyra chỉ chăm chăm nhìn ông. Có phải họ sẽ gửi cô đi chỗ khác không?

“Cháu biết là rồi sẽ đến lúc cháu cũng phải đến trường,” Hiệu trưởng nói tiếp. “Chúng ta đã dạy cháu một vài điều ở đây, nhưng nó không thật sự hiệu quả hay có hệ thống. Kiến thức của chúng ta thuộc một phạm trù khác. Cháu cần phải biết những thứ mà các ông già không thể dạy được, đặc biệt là vào lứa tuổi hiện nay của cháu. Cháu hẳn đã nhận ra điều đó. Cháu cũng không phải là con của người phục vụ nên chúng ta không thể gửi cháu đến ở nhờ một gia đình trong thị trấn được. Họ có thể chăm sóc cháu theo một phương diện nào đó, nhưng nhu cầu của cháu không phải như vậy. Cháu thấy đấy điều ta muốn nói với cháu, Lyra ạ, là phần đời gắn với Học viện Jordan của cháu sắp kết thúc.”

“Không,” cô thốt lên, “không, cháu không muốn rời khỏi Jordan. Cháu thích sống ở đây. Cháu muốn ở đây mãi mãi.”

“Khi còn nhỏ, cháu sẽ nghĩ rằng có những điều tồn tại mãi mãi. Nhưng không may là không phải vậy. Lyra, sẽ không lâu đâu - cùng lắm chỉ vài năm thôi - cháu sẽ trở thành một người phụ nữ, không còn là một đứa bé nữa. Một phụ nữ trẻ. Tin ta đi, lúc đó cháu sẽ không còn cho rằng Học viện Jordan là một nơi dễ sống nữa đâu.”

“Nhưng đây là nhà của cháu!”

“Nó đã từng là nhà của cháu. Nhưng giờ cháu cần một thứ khác.”

“Không phải trường học. Cháu không đi học đâu.”

“Cháu cần những người bạn cùng giới. Và sự hướng dẫn từ nữ giới.”

Từ *nữ giới* chỉ làm Lyra nghĩ tới các nữ Học giả, cô bất giác cau mặt lại. Phải xa rời sự tráng lệ của Jordan, khỏi sự huy hoàng và danh tiếng về học vấn của trường, để tới một nhà trọ bằng gạch dơ dáy của một học viện ở đầu phía bắc của Oxford, cùng với những nữ Học giả thô kệch đầy mùi bắp cải và băng phiến giống như hai người ở bữa tối!

Hiệu trưởng nhìn thấy biểu hiện của cô và thấy đôi mắt chồn nâu của Pantalaimon lóe lên ánh đỏ.

Ông nói: “Nhưng nếu là Phu nhân Coulter thì sao?”

Lập tức Pantalaimon chuyển từ lớp lông nâu thô cứng sang màu trắng mềm mại. Lyra tròn mắt.

“Thật ạ?”

“Bà ấy có quen biết với Ngài Asriel. Bác của cháu hẳn nhiên là rất quan tâm đến hạnh phúc của cháu, và khi Phu nhân Coulter nghe chuyện về cháu, bà ấy đã lập tức đề nghị giúp đỡ. Nhân tiện, không có ông Coulter nào cả; bà ấy là một góa phụ; chồng bà ấy mất trong một tai nạn thảm khốc vài năm trước; nên hãy ghi nhớ điều đó trước khi hỏi.”

Lyra hào hứng gật đầu và nói: “Vậy bà ấy thật sự sẽ... chăm sóc cháu ạ?”

“Cháu có muốn như vậy không?”

“Có ạ!”

Giờ thì cô bé không thể ngồi yên được. Hiệu trưởng mỉm cười. Ông hiếm khi cười đến mức do thiếu thực hành nên bất cứ ai nhìn (Lyra thì không có tâm trí nào để nhận ra) đều sẽ nói rằng ông đang cau mặt vì buồn.

“Vậy, chúng ta nên mời bà ấy vào để trao đổi về việc đó,” ông nói.

Ông rời khỏi phòng, và khi ông quay lại sau đó vài phút cùng với Phu nhân Coulter, Lyra đã đứng lên, quá phấn khích để có thể ngồi. Phu nhân Coulter mỉm cười, linh thú của bà nhe bộ răng trắng ớn ra thành nụ cười giống như của một con tiểu quý đang hoan hỉ. Khi đi qua cô bé trên đường tới chiếc ghế bành, Phu nhân Coulter thoáng chạm vào tóc Lyra, khiến một dòng hơi ấm lan tỏa trong người cô bé làm cô đỏ mặt.

Sau khi Hiệu trưởng đã rót chút rượu brantwijn cho mình, Phu nhân Coulter nói: “Vậy, Lyra, có phải ta sắp có một trợ lí không?”

“Vâng,” Lyra đơn thuần đáp. Cô bé sẵn sàng đồng ý với bất cứ thứ gì.

“Ta sẽ cần trợ giúp trong rất nhiều việc đó.”

“Cháu có thể làm được!”

“Chúng ta có thể sẽ phải di chuyển nhiều.”

“Không vấn đề gì. Cháu sẽ đi bất cứ đâu.”

“Nhưng có thể sẽ nguy hiểm đấy. Chúng ta có thể sẽ phải lên Phương Bắc.”

Lyra im bật. Rồi cô tìm lại được giọng nói của mình: “Sắp chưa ạ?”

Phu nhân Coulter cười rồi nói: “Có thể. Nhưng cháu nên biết là mình sẽ phải làm việc cật lực đó. Cháu sẽ phải học toán, điều hướng, và cả địa lí thiên văn nữa.”

“Bà sẽ dạy cháu chứ?”

“Phải. Ngoài ra cháu còn phải giúp ta ghi chép, sắp xếp tài liệu, làm nhiều phép tính cơ bản khác nhau, cả những việc khác nữa. Và vì chúng ta sắp đi gặp một vài nhân vật quan trọng nên ta cần phải tìm cho cháu vài bộ quần áo tươm tất. Có nhiều thứ cần học đấy, Lyra ạ.”

“Không vấn đề gì. Cháu muốn học tất cả luôn.”

“Hẳn vậy rồi. Khi nào quay trở lại Học viện Jordan, cháu sẽ là một nhà du hành nổi tiếng. Giờ chúng ta sẽ phải đi vào sáng tinh mơ, bằng khí cầu zeppelin xuất phát lúc bình minh, cháu nên về phòng và ngủ ngay đi. Ta sẽ gặp lại cháu vào bữa sáng. Chúc ngủ ngon!”

“Chúc ngủ ngon,” Lyra đáp lại, rồi chợt nhớ ra một vài lễ nghi cần thiết, cô liền quay lại ở cửa và nói: “Chúc ngủ ngon, ngài Hiệu trưởng.”

Ông gật đầu. “Ngủ ngon,” ông đáp.

“Cảm ơn bà,” Lyra nói thêm với Phu nhân Coulter.

...

Cuối cùng thì cô bé cũng ngủ, mặc dù Pantalaimon thì không chịu nằm yên cho tới khi cô quất lên, nó liền giật dỗi hóa thành một con nhím. Có ai đó lay cô bé dậy lúc trời còn đang tối.

“Lyra - suyt - đừng giật mình - tỉnh dậy nào, nhóc.”

Đó là bà Lonsdale. Bà đang cầm một cây nến và cúi xuống nói khẽ trong khi giữ Lyra nằm im với bàn tay còn đang rảnh.

“Nghe này. Hiệu trưởng muốn gặp cháu trước khi cháu đến dùng bữa sáng với Phu nhân Coulter. Dậy nhanh lên và chạy ngay tới Nhà Hiệu trưởng đi. Đi vào vườn rồi gõ lên khung cửa sổ kiểu Pháp của phòng làm việc. Hiểu chưa?”

Do đã tỉnh hẳn và đang thực sự bối rối, Lyra gật đầu rồi luồn đôi chân trần vào đôi giày mà bà Lonsdale vừa đặt xuống cho cô.

“Khỏi lo đến việc rửa ráy - để sau cũng được. Đi thẳng xuống dưới đó rồi quay lại ngay. Ta sẽ sửa soạn đồ và kiểm thứ gì cho cháu mặc. Nhanh lên.”

Khoảng sân trong đen ngòm vẫn chứa đầy thứ không khí buổi đêm lạnh giá. Những ngôi sao cuối cùng vẫn đang tỏa sáng, nhưng ánh bình minh từ phía đông đang dần thấm đẫm bầu trời phía trên Đại sảnh. Lyra chạy vào Vườn Thư viện rồi đứng lại một lúc trong im lặng tuyệt đối, ngược nhìn những cột đá của Nhà nguyện, đỉnh vòm màu xanh ngọc trai của Tòa Sheldon, cây đèn sơn trắng của Thư viện. Cô sắp phải rời bỏ những cảnh tượng này, cô tự hỏi liệu mình sẽ nhớ chúng nhiều đến nhường nào.

Có thứ gì đó chuyển động trong cửa sổ phòng làm việc, một đốm sáng lóe lên trong chốc lát. Cô bé nhớ ra mình phải làm gì và gõ lên khung cửa kính. Nó mở ra gần như ngay lập tức.

“Bé ngoan. Vào nhanh lên. Chúng ta không có nhiều thời gian đâu,” Hiệu trưởng nói rồi kéo rèm lại che kín cửa ngay khi cô vừa vào. Ông đã mặc sẵn bộ đồ đen thường ngày của mình.

“Không phải cháu rốt cuộc sẽ được đi sao?” Lyra hỏi.

“Có chứ, ta không thể ngăn cản điều đó,” Hiệu trưởng đáp, Lyra vào lúc đó không nhận ra rằng câu nói đấy thật kì lạ. “Lyra, ta sẽ cho cháu một thứ, cháu phải hứa sẽ giữ bí mật về nó. Cháu hứa được không?”

“Được ạ,” Lyra nói.

Ông bước tới bên bàn rồi lấy ra từ ngăn kéo một gói nhỏ bọc nhung đen. Khi ông tháo lớp vải ra, Lyra nhìn thấy một thứ giống như một chiếc đồng hồ đeo tay lớn hoặc một cái đồng hồ treo tường nhỏ: một cái đĩa dày bằng đồng và pha lê. Nó có thể là một cái la bàn hay cái gì đó đại loại như thế.

“Gì vậy ạ?” Cô bé hỏi.

“Đây là một chiếc Chân Kế. Nó là một trong số sáu cái duy nhất được chế tạo. Lyra, ta nhấn mạnh một lần nữa: giữ bí mật về nó. Sẽ tốt hơn nếu Phu nhân Coulter không biết về nó. Bác của cháu...”

“Nhưng nó để làm gì ạ?”

“Nó chỉ sự thật. Cháu sẽ phải tự tìm hiểu lấy cách đọc nó. Giờ thì đi đi - trời đang sáng dần - về phòng thật nhanh trước khi có ai đó nhìn thấy cháu.”

Ông gói lớp vải nhung lại quanh dụng cụ đó rồi ấn nó vào tay cô bé. Nó nặng một cách đáng kinh ngạc. Rồi ông đặt tay lên hai bên đầu cô và dịu dàng giữ nó trong một lúc.

Cô bé cố gắng nhìn lên phía ông và nói: “Ông định nói gì về Bác Asriel vậy ạ?”

“Bác của cháu đã tặng nó cho Học viện Jordan vài năm trước. Ngài ấy có lẽ...”

Trước khi ông kịp nói hết câu, một tiếng gõ nhẹ đầy khẩn cấp vang lên trên cửa. Cô bé cảm nhận được đôi tay ông run lên một cách vô thức.

“Nhanh lên, bé con,” ông khẽ nói. “Những uy quyền của thế giới này rất khủng khiếp. Đàn ông và phụ nữ bị xô đẩy bởi những cơn sóng triều hung tợn hơn cháu có thể tưởng tượng, và chúng sẽ đẩy tất cả chúng ta lên, hòa vào dòng chảy của chúng. Lên đường cẩn thận nhé, Lyra; Chúa phù hộ cháu, cô bé ạ; chúc may mắn. Đừng để lộ về cái máy.”

“Cảm ơn ông, Hiệu trưởng,” cô bé kính cẩn nói.

Ôm chặt cái bọc trong lòng, cô rời khỏi phòng làm việc theo lối cửa ra vườn, chỉ thoáng quay lại nhìn một lần và thấy linh thú của Hiệu trưởng đang quan sát mình từ bậu cửa sổ. Trời đã sáng hẳn; một luồng không khí tươi mát khẽ bùng lên.

“Cháu có cái gì vậy?” Bà Lonsdale hỏi trong lúc đóng sập chiếc vali nhỏ cũ xì lại.

“Hiệu trường cho cháu. Không nhét nó vào vali được ạ?”

“Quá muộn rồi. Dù nó có là cái gì đi nữa thì cháu cũng phải cho vào túi áo khoác thôi. Đi xuống nhà kho nhanh đi; đừng để họ chờ...”

Chỉ sau khi nói lời từ biệt với một vài người phục vụ đã dậy và bà Lonsdale, Lyra mới nhớ ra Roger; cô cảm thấy có lỗi vì đã quên băng mắt cậu bé kể từ sau cuộc gặp gỡ với Phu nhân Coulter. Mọi việc diễn ra mới chóng vánh làm sao!

Giờ thì cô đang trên đường đến London: ngồi cạnh cửa sổ trên một chiếc zeppelin, ghê gớm chưa. Bộ móng sắc nhỏ xíu của chồn ermine Pantalaimon đang cắm vào đùi cô trong lúc hai chân trước của nó đặt trên tấm kính mà nó đang nhìn qua. Bên phía còn lại của Lyra, Phu nhân Coulter đang ngồi sắp xếp lại giấy tờ, nhưng chẳng bao lâu sau bà đã đặt chúng sang một bên và bắt đầu nói chuyện. Cuộc hội thoại tuyệt vời làm sao! Nó làm Lyra say mê; không chỉ về chuyến đi Phương Bắc lần này mà cả về London, về những nhà hàng và phòng khiêu vũ, buổi dạ hội tại các Tòa đại sứ hay các Bộ, những âm mưu ngầm giữa Nhà Trắng và Wesminster. Lyra gần như bị câu chuyện mê hoặc nhiều hơn cả phong cảnh đang biến đổi phía dưới chiếc khí cầu. Những điều Phu nhân Coulter nói dường như tỏa ra mùi hương của sự trưởng thành, một thứ gây phiền muộn nhưng đồng thời lại đầy cảm dỗ: đó là mùi của một sức quyến rũ khó cưỡng.

Chuyến hạ cánh xuống Vườn Falkeshall, cuộc đi thuyền ngang con sông màu nâu rộng lớn, khối nhà biệt thự bề thế trên Đê nơi người gác đàn (một kiểu người gác cửa được trao huân chương) cường tráng cung kính chào Phu nhân Coulter và nháy mắt với Lyra, trong khi cô bé dò xét anh ta với không chút biểu cảm...

Và rồi đến căn hộ...

Lyra chỉ có thể há hốc mồm kinh ngạc.

Trong cuộc sống ngăn ngùi của mình, cô bé đã thấy rất nhiều thứ đẹp đẽ, nhưng đó là vẻ đẹp của Học viện Jordan, vẻ đẹp của Oxford - tráng lệ, sắt đá và hào hùng. Tại Học viện Jordan, có rất nhiều thứ hoa lệ, nhưng không có gì xinh đẹp cả. Tại căn hộ của Phu nhân Coulter, mọi thứ đều đẹp đẽ. Căn hộ ngập tràn nắng nhờ những ô cửa sổ rộng hướng về phía nam, các bức tường được dán thứ giấy sọc vàng và trắng tinh xảo. Những bức tranh mê đắm trong khung mạ vàng, một chiếc gương soi theo phong cách cổ điển, các chân đèn mạch xa xỉ với chụp đèn có diềm đăng ten; có cả đăng ten trên nệm, diềm hoa trên thanh ray treo rèm cửa, và một tấm thảm mềm hoa văn lá xanh dưới chân; trong đôi mắt ngây thơ của Lyra, dường như mọi bề mặt đều được trải đầy với hộp sành, những cô gái chần chừ và các anh hề bé xíu xinh xắn bằng sứ.

Phu nhân Coulter mỉm cười trước sự ngưỡng mộ của cô bé.

“Đúng vậy Lyra ạ,” bà nói, “có quá nhiều thứ cho cháu xem! Cởi áo khoác ra rồi ta sẽ dẫn cháu đến phòng tắm. Cháu có thể tắm qua, sau đó chúng ta sẽ dùng chút bữa trưa rồi đi mua sắm...”

Phòng tắm lại là một kì quan khác. Lyra đã quen với việc tắm bằng xà phòng cục vừa vàng vừa cứng trong cái bồn sứ mẻ, dòng nước khó thoát ra khỏi vòi cùng lắm chỉ ở mức ấm vừa, và thường lổm đổm gỉ sắt. Nhưng ở đây nước nóng rục, xà phòng hồng thắm và thơm nức, khăn tắm dày và bông xốp như mây. Quanh viền của tấm gương được nhuộm màu có chút ánh hồng lóe lên, nên khi Lyra nhìn vào đó, cô thấy một hình dáng được nhẹ nhàng soi rọi, có gì đó rất khác với Lyra mà cô vẫn biết.

Pantalaimon, lúc này đang bắt chước hình dạng linh thú của Phu nhân Coulter, nép mình trên mép bồn tắm, cau có nhìn cô. Cô bé liền đẩy nó vào bồn nước đầy xà phòng rồi chọt nhớ ra chiếc Chân Kế trong túi áo khoác của mình. Cô đã để áo khoác trên ghế ở phòng

khách. Cô đã hứa với Hiệu trưởng sẽ giữ bí mật về nó với Phu nhân Coulter...

Chao ôi, việc này thật là khó hiểu. Phu nhân Coulter rất tốt bụng và uyên bác, trong khi Lyra lại tận mắt chứng kiến Hiệu trưởng cố tình bỏ độc Bác Asriel. Cô phải nghe theo ai trong số họ đây?

Cô bé vội vàng lau người rồi hộc tốc chạy về phòng khách, nơi áo khoác của cô vẫn nằm nguyên vẹn, hẵn nhiên rồi.

“Sẵn sàng chưa?” Phu nhân Coulter hỏi. “Ta nghĩ chúng ta sẽ tới Viện Bắc Cực Hoàng Gia dùng bữa trưa. Ta là một trong số vài thành viên nữ hiếm hoi, có lẽ ta nên sử dụng các đặc quyền của mình.”

Hai mươi phút đi bộ dẫn họ tới một tòa nhà nguy nga với mặt tiền bằng đá. Họ ngồi trong một phòng ăn rộng với khăn trải trắng như tuyết và đồ dùng bằng bạc sáng loáng trên bàn, ăn gan bê và thịt xông khói.

“Gan bê thì không sao,” Phu nhân Coulter nói với cô, “cả gan hải cẩu cũng vậy, nhưng nếu bị cạn kiệt lương thực ở Bắc Cực, cháu nhất định không được ăn gan gấu. Nó chứa đầy độc tố và sẽ giết cháu chỉ trong vài phút.”

Trong khi dùng bữa, Phu nhân Coulter giới thiệu một vài thành viên ở các bàn khác.

“Cháu có thấy quý ông lớn tuổi đeo cravat đỏ không? Đó là Đại tá Carborn. Ông ấy là người đầu tiên thực hiện chuyến bay bằng kính khí cầu qua Cực Bắc. Còn người đàn ông cao lớn cạnh cửa sổ vừa mới đứng dậy là Tiến sĩ Broken Arrow.”

“Ông ấy là người Skraeling ạ?”

“Phải. Đó là người đã lập bản đồ các dòng hải lưu trong Bắc Đại Dương...”

Lyra nhìn ngắm những người đàn ông vĩ đại này với sự tò mò và nỗi kinh ngạc. Họ là các học giả, không có gì phải bàn cãi, nhưng họ cũng là những nhà thám hiểm nữa. Tiến sĩ Broken Arrow chắc sẽ

thông hiểu về gan gấu; Lyra không cho rằng Thủ thư của Học viện Jordan lại biết đến điều này.

Sau bữa trưa, Phu nhân Coulter cho cô xem một vài mẫu vật Bắc Cực quý hiếm trong Thư viện của Viện - cây lao móc đã hạ cá voi khổng lồ Grimssdur; viên đá khắc dòng chữ thuộc một ngôn ngữ chưa từng được biết tới tìm thấy trong bàn tay của nhà thám hiểm Ngài Rukh, người đã chết vì lạnh trong căn lều cô độc của mình; cái đánh lửa được Thuyền trưởng Hudson sử dụng trong chuyến đi biển nổi tiếng tới Vùng đất của Van Tieren. Bà thuật lại câu chuyện của từng mẫu vật, và Lyra thấy trong tim dâng lên một sự ngưỡng mộ với những vị anh hùng xa xôi đầy quả cảm và vĩ đại này.

Sau đó họ lên đường đi mua sắm. Tất cả mọi điều trong cái ngày đặc biệt này đều là trải nghiệm mới mẻ đối với Lyra, nhưng mua sắm là việc khiến cô choáng ngợp nhất. Được vào một tòa nhà rộng mênh mông đầy ắp quần áo lộng lẫy, nơi người ta để cho cô thử đồ, nơi cô bé nhìn thấy mình trong gương... Những bộ quần áo mới xinh đẹp làm sao... Quần áo của Lyra đều do bà Lonsdale mang đến, rất nhiều trong số chúng là đồ được thừa lại và bị chấp vá chằng chịt. Cô bé rất hiếm khi có đồ mới, mà nếu có thì nó cũng được chọn để mặc chứ không phải để ngắm; mà cô lại chưa từng chọn thứ gì cho bản thân cả. Giờ đây khi thấy Phu nhân Coulter gợi ý cái này, khen ngợi cái kia, rồi trả toàn bộ tiền, và hơn thế nữa...

Vào lúc họ kết thúc, người Lyra nóng rục còn mắt thì đỏ au vì mệt. Phu nhân Coulter yêu cầu phần lớn chỗ quần áo được đóng gói và chuyển tới nhà, bà chỉ cầm theo một hai thứ khi cùng Lyra đi bộ trở lại căn hộ.

Sau đó cô bé vào tắm bồn với lớp bọt thơm lừng. Phu nhân Coulter vào phòng tắm để gội đầu cho Lyra. Bà không chà và cạo mạnh như bà Lonsdale, ngược lại rất nhẹ nhàng. Pantalaimon quan sát với sự tò mò mãnh liệt cho tới khi Phu nhân Coulter nhìn nó. Nó hiểu ý bà và quay đi, nhũn nhặn rời mắt khỏi những bí mật của phụ nữ

giống như con khỉ vàng đang làm. Nó chưa từng phải tránh nhìn Lyra bao giờ.

Sau khi tắm xong họ uống sữa ấm với thảo dược; khoác lên mình chiếc áo ngủ mới bằng vải ni mông in hoa có đường viền trang trí kiểu vỏ sò, đi đôi dép lê bọc da cừu nhuộm màu xanh nhạt; rồi lên giường đi ngủ.

Cái giường mới mềm mại làm sao! Ánh đèn mạch trên bàn cạnh giường tỏa ra thật êm ái! Phòng ngủ toát lên vẻ ấm cúng với những tủ tường nhỏ, bàn trang điểm, một tủ có ngăn kéo nơi những bộ của quần áo mới của cô sẽ được cất, tấm thảm trải dài từ bên này sang bên kia phòng, và những tấm rèm lấp lánh đầy sao, trăng và các hành tinh! Lyra nằm cứng người trên giường, quá mệt để ngủ, quá mê mẩn để hỏi bất cứ câu gì.

Sau khi Phu nhân Coulter dịu dàng chúc cô bé ngủ ngon và rời khỏi phòng, Pantalaimon giật tóc cô. Cô bé gạt nó ra, nhưng nó thì thầm: “Vật đó đâu?”

Cô lập tức hiểu nó muốn nói tới vật gì. Chiếc áo khoác cũ mềm của cô đang treo trong tủ quần áo; vài giây sau, cô bé quay trở lại giường và ngồi khoanh chân trong ánh đèn. Pantalaimon chăm chú quan sát trong lúc cô gỡ lớp nhung đen ra rồi nhìn vật mà Hiệu trưởng đã cho.

“Ông ấy gọi nó là cái gì ấy nhỉ?” Cô bé thì thầm.

“Một cái Chân Kế.”

Có hỏi cái tên đó nghĩa là gì cũng vô ích. Nó nằm nặng trĩu trên hai bàn tay cô, mặt pha lê phản chiếu ánh sáng, thân máy bằng đồng được chế tác tinh vi. Trông nó rất giống một cái đồng hồ, hoặc một chiếc la bàn, vì cái máy có những chiếc kim chỉ vào các vị trí quanh mặt đĩa chiếu, nhưng thay vì giờ hay các điểm của la bàn thì ở đó có vài bức hình nhỏ, bức nào bức nấy được vẽ một cách tinh xảo đến kinh ngạc, cứ như người ta vẽ lên ngà voi bằng chiếc bút lông chồn tốt nhất và mảnh nhất vậy. Cô bé xoay mặt đĩa để nhìn kỹ tất cả các bức

hình. Có mỏ neo; đồng hồ cát trên đỉnh gắn một chiếc đầu lâu; bò đực, tổ ong... Tổng cộng ba mươi sáu bức, cô thậm chí còn chẳng thể đoán được chúng mang ý nghĩa gì.

“Nhìn kìa, có một cái núm vặn đấy,” Pantalaimon nói. “Thử xem cậu có xoay được nó không.”

Thật ra là có ba chiếc núm vặn cọt nổi lên, mỗi chiếc xoay được một trong số ba kim ngăn và làm chúng chạy quanh mặt đĩa trong một loạt tiếng tích tắc nhịp nhàng vui tai. Các kim ngăn có thể được chỉnh để chỉ vào bất cứ bức hình nào, rồi một khi đã vào vị trí, chỉ vào chính giữa của một bức hình kèm theo một tiếng cách, chúng sẽ không di chuyển nữa.

Chiếc kim còn lại dài và mảnh hơn, có vẻ như được làm từ kim loại đục hơn ba chiếc còn lại. Lyra hoàn toàn không thể điều khiển được di chuyển của nó; cái kim quay bất cứ chỗ nào nó muốn, giống như một kim la bàn, chỉ khác là nó không chịu đứng im.

“Kế có nghĩa là đo đạc,” Pantalaimon nói. “Giống như nhiệt kế vậy. Cha tuyên úy đã nói vậy với chúng ta.”

“Phải, nhưng đó là phần dễ,” cô bé thì thầm lại. “Cậu nghĩ nó có tác dụng gì?”

Chẳng đứa nào đoán được. Suốt một lúc lâu, Lyra xoay các kim chỉ vào những biểu tượng khác nhau (thiên thần, mũ sắt, cá heo; quả cầu, đàn lute, compa; nến, tia chớp, ngựa) và quan sát chiếc kim dài quay lung tung không ngừng nghỉ. Mặc dù chẳng hiểu chút gì, cô bé vẫn bị sự phức tạp và chi tiết của cái máy hấp dẫn và kích thích. Pantalaimon biến thành một chú chuột để lại gần cái máy hơn. Nó đặt những cái chân bé tí xíu của mình lên gờ máy, đôi mắt đen như hai cái cúc của nó sáng lên vẻ tò mò khi quan sát cây kim chạy.

“Cậu nghĩ Hiệu trưởng định nói gì về Bác Asriel?” Cô bé hỏi.

“Có lẽ chúng ta phải giữ nó an toàn rồi đưa lại cho bác ấy.”

“Nhưng Hiệu trưởng đã định bỏ độc bác ấy mà! Có lẽ là ngược lại. Có lẽ ông ấy định nói rằng không được đưa nó cho bác ấy.”

“Không phải,” Pantalaimon phản đối, “*bà ta* mới là người chúng ta cần giữ bí mật về nó...”

Có tiếng gõ nhẹ lên cửa.

Phu nhân Coulter nói: “Lyra, nếu ta là cháu ta sẽ tắt đèn đi. Cháu đã mệt rồi, mà ngày mai chúng ta sẽ phải bận rộn đó.”

Lyra đã nhanh chóng nhét chiếc Chân Kế xuống dưới lớp chăn.

“Vâng, thưa Phu nhân Coulter,” cô đáp.

“Giờ thì ngủ ngon nhé.”

“Chúc bà ngủ ngon.”

Cô bé rúc vào chăn rồi tắt đèn. Trước khi ngủ thiếp đi, cô cẩn thận nhét chiếc Chân Kế xuống dưới gối.

5

Bữa tiệc cocktail

Trong những ngày tiếp theo, Lyra đi khắp nơi cùng với Phu nhân Coulter, như thể chính bản thân cô là một con linh thú vậy. Phu nhân Coulter biết rất nhiều người, họ gặp nhau ở đủ mọi kiểu địa điểm khác nhau. Vào buổi sáng có thể sẽ có một cuộc họp các nhà địa lí tại Viện Bắc Cực Hoàng Gia, Lyra sẽ ngồi yên lắng nghe; sau đó Phu nhân Coulter có thể dùng bữa trưa với một chính trị gia hoặc một mục sư tại nhà hàng sang trọng, họ sẽ thích thú với Lyra đến mức gọi những món đặc biệt cho cô bé, còn cô sẽ học cách ăn măng tây hay biết lá lách bê có vị như thế nào. Vào buổi chiều họ có thể sẽ lại đi mua sắm, vì Phu nhân Coulter đang chuẩn bị cho chuyến thám hiểm của mình, phải mua áo lông, áo vải dầu, giày boots chống nước, rồi còn túi ngủ, dao, và đồ vẽ, thứ khiến Lyra cực kì phấn khích. Sau đó có thể họ sẽ đi dùng trà và gặp gỡ vài quý bà, dù có không xinh đẹp hay tài năng như Phu nhân Coulter thì cũng mặc đẹp không kém. Đó là những phụ nữ hoàn toàn khác các nữ học giả, những bà mẹ đi thuyền của dân du mục hay người phục vụ học viện, tới mức họ gần như là một giới tính mới, một giới tính với những uy quyền và phẩm chất lợi hại như thanh lịch, quyến rũ, và duyên dáng. Trong những dịp như thế này, Lyra sẽ được ăn vận lung linh, các quý bà sẽ chiều chuộng cô và để cô tham gia vào cuộc hội thoại tao nhã về đủ mọi người của họ: về người nghệ sĩ này, vị chính trị gia kia, hay đôi uyên ương nọ.

Rồi khi tối đến, Phu nhân Coulter có thể sẽ đưa Lyra đến rạp hát, và ở đó lại sẽ có rất nhiều những con người lộng lẫy để nói chuyện và để ngưỡng mộ, vì dường như Phu nhân Coulter biết tất cả những người quan trọng ở London này.

Vào những khoảng nghỉ giữa tất cả các hoạt động này, Phu nhân Coulter sẽ dạy cô những kiến thức sơ đẳng của địa lí và toán học. Kiến thức của Lyra về mảng này có nhiều lỗ hổng lớn, giống như một tấm bản đồ thế giới bị chuột gặm khắp nơi, vì ở Jordan người ta dạy cô theo một cách cục bộ và rời rạc: một Học giả trẻ tuổi sẽ nhận chỉ thị phải bắt được Lyra và dạy cô môn này môn kia, các buổi học sẽ diễn ra trong khoảng một tuần nặng nề cho tới khi cô bé “quên” không đến lớp, trước sự nhẹ nhõm của vị Học giả nọ. Hoặ không thì một Học giả sẽ quên mất phải dạy cô cái gì, và dồn rất nhiều thời gian để rèn cho cô về chủ đề nghiên cứu hiện tại của ông, dù cho nó có là cái gì đi nữa. Chẳng trách mà kiến thức của cô rất chắp vá. Cô biết về nguyên tử và các hạt cơ bản, về tích mạch từ, bốn lực cơ bản, thêm vài mẫu và mảnh khác của thần học thực nghiệm, nhưng lại chẳng biết gì về hệ mặt trời. Thực tế là, khi Phu nhân Coulter nhận ra điều này và giải thích việc trái đất và năm hành tinh khác quay quanh mặt trời như thế nào, Lyra còn tưởng bà đang đùa nên đã cười lớn.

Tuy nhiên, cô bé hăng hái thể hiện rằng mình cũng có chút hiểu biết, và khi Phu nhân Coulter đang giảng về electron, cô nói về thành thạo: “Phải, chúng là các hạt mang mạch âm. Kiểu dạng như Bụi, chỉ khác là Bụi không có mạch.”

Ngay khi cô vừa nói vậy con linh thú của Phu nhân Coulter bật đầu dậy nhìn cô, tất cả đám lông vàng óng trên cơ thể nhỏ nhắn của nó dựng lên, cứng lại, như thể bị tích mạch vậy. Phu nhân Coulter đặt một tay lên lưng nó.

“Bụi ư?” Bà hỏi.

“Vâng. Bà biết đấy, từ vũ trụ, Bụi ấy mà.”

“Cháu biết gì về Bụi vậy, Lyra?”

“À, rằng nó đến từ vũ trụ, và nó chiếu sáng người ta, nếu bà có một loại máy ảnh đặc biệt để nhìn. Nhưng trẻ con thì không. Nó không tác động đến trẻ con.”

“Cháu học điều đó ở đâu vậy?”

Lúc này cô bé mới nhận ra rằng không khí trong phòng đang căng như dây đàn, vì Pantalaimon đã bò lên lòng cô trong dạng chồn ermine và đang run lẩy bẩy.

“Chỉ là từ một người ở Jordan thôi ạ,” Lyra mập mờ nói. “Cháu quên mất là ai rồi. Cháu nghĩ là một trong số các Học giả.”

“Tại một trong số những buổi học của cháu à?”

“Vâng, có lẽ là vậy. Hoặc không thì chắc là cháu tình cờ nghe được. Phải rồi. Cháu nghĩ là vậy đấy. Vị Học giả này, cháu nghĩ ông ấy đến từ Tân Đan Mạch, ông ấy đang trao đổi với Cha tuyên úy về Bụi đúng lúc cháu đi qua. Nghe thú vị đến mức cháu không thể không dừng lại lắng nghe. Là vậy đấy ạ.”

“Ta hiểu rồi,” Phu nhân Coulter nói.

“Có đúng không ạ, những điều ông ấy nói đó? Hay là cháu nghe nhầm?”

“Chà, ta không biết. Chắc hẳn là cháu biết nhiều hơn ta. Quay trở lại với các hạt electron thôi...”

Một lúc sau, Pantalaimon nói: “Cậu có biết lúc cả bộ lông con linh thú của bà ta dựng lên không? Tớ đang ở phía sau nó và thấy bà ta túm lông nó chặt đến nỗi các đốt ngón tay trắng bệch ra. Cậu không nhìn thấy điều đó. Phải một lúc lâu sau lông nó mới dịu xuống. Tớ cứ nghĩ nó sẽ lao vào cậu cơ.”

Điều đó quả là rất kì lạ, nhưng chẳng đứa nào biết phải hiểu nó như thế nào.

Rồi rốt cuộc cũng có những buổi học được dạy một cách thoải mái và khéo léo đến mức khiến chúng không giống học hành chút nào. Cách tự gọi đầu; cách quyết định xem những màu nào hợp với nhau;

cách từ chối một cách duyên rũ nhất để không gây mất lòng; cách đánh son, thoa phấn, xức nước hoa. Để chắc chắn, Phu nhân Coulter không trực tiếp dạy Lyra những kỹ năng cuối cùng, nhưng bà biết rằng Lyra có nhìn mình trang điểm nên đã lưu ý để Lyra thấy nơi mình cất đồ trang điểm, và cho cô bé thời gian ở một mình để khám phá và tự thử làm.

Thời gian trôi qua, xuân chuyển dần sang đông giá. Lyra vẫn thường xuyên nghĩ về Học viện Jordan, nhưng cảm giác đấy thật bé nhỏ và tĩnh lặng so với cuộc sống bận rộn của cô hiện tại. Cô cũng hay nghĩ tới Roger và cảm thấy bứt rứt, nhưng rồi lại có một buổi opera phải tham dự, hoặc bộ đầm mới để mặc, hay Viện Bắc Cực Hoàng Gia cần đến thăm, và cô lại quên băng mắt cậu bé.

Khi Lyra đã sống ở đó được khoảng sáu tuần, Phu nhân Coulter quyết định tổ chức một bữa tiệc cocktail. Lyra có ấn tượng rằng bà muốn ăn mừng một điều gì đó, dù Phu nhân Coulter chưa từng nói đó là gì. Bà đặt hoa, thảo luận các món khai vị canapé* và đồ uống với người cung cấp thực phẩm, rồi dành cả buổi tối với Lyra để lên danh sách khách mời.

“Chúng ta phải mời Tổng giám mục. Ta không thể loại ông ta ra được, dù ông ta là một lão già hợm hĩnh đầy hận thù. Ngài Boreal đang ở trong thị trấn, có ông ấy sẽ rất vui. Cả Công chúa Postnikova nữa. Cháu nghĩ có nên mời Erik Andersson không? Ta tự hỏi liệu đã đến lúc chấp nhận cậu ta chưa...”

Erik Andersson là vũ công hợp một nổi tiếng nhất hiện nay. Lyra không hiểu “chấp nhận cậu ta” có nghĩa gì, dù vậy cô bé vẫn thích thú với việc đưa ra ý kiến của mình. Cô ngoan ngoãn viết ra tất cả những cái tên Phu nhân Coulter gợi ý, đánh vần chúng thật to rồi lại gạch đi khi Phu nhân Coulter đi đến quyết định không mời.

Khi Lyra lên giường ngủ, Pantalaimon thì thầm từ bên gối:

“Bà ta sẽ không bao giờ lên Phương Bắc đâu! Bà ta sẽ giữ chúng ta ở đây mãi mãi. Khi nào chúng ta chạy trốn vậy?”

“Bà ấy sẽ đi chứ,” Lyra thì thào lại. “Chỉ là cậu không thích bà ấy thôi. Chà, thật là không may. Tớ thì thích bà ấy. Mà nếu không định đưa chúng ta lên Phương Bắc thì bà ấy dạy chúng ta điều hướng và những thứ khác làm gì?”

“Để cậu khỏi sốt ruột, vậy đấy. Cậu thật sự đâu có muốn loanh quanh ở bữa tiệc cocktail, ra vẻ dễ thương và xinh xắn chứ. Bà ta chỉ coi cậu như thú kiểng thôi.”

Lyra quay lưng đi rồi nhắm mắt lại. Nhưng điều Pantalaimon nói là thật. Cô bé cảm thấy tù túng và bị giam cầm trong cái cuộc sống lịch thiệp này, dù cho nó có xa hoa đến đâu đi nữa. Cô sẵn sàng đánh đổi mọi thứ để được một ngày với lũ bạn lang thang ở Oxford, với một trận chiến ở Claybeds và cuộc đua dọc kênh. Điều duy nhất khiến cô giữ thái độ lịch sự và ân cần với Phu nhân Coulter là niềm hi vọng khó cưỡng của chuyến hành trình Phương Bắc. Có lẽ họ sẽ gặp Ngài Asriel. Có lẽ ông ấy và Phu nhân Coulter sẽ say mê nhau, họ sẽ cưới và nhận nuôi Lyra, rồi sẽ đi giải cứu Roger khỏi Những Kẻ háu ăn.

Vào buổi chiều của bữa tiệc cocktail, Phu nhân Coulter đưa Lyra tới một hiệu làm đầu sang trọng, nơi mái tóc vàng sậm cứng quèo của cô được làm mềm và tạo sóng, móng tay cô được giũa và sơn bóng, họ thậm chí còn trang điểm chút ít lên mắt và môi cô để cho cô thấy cách làm. Rồi họ đi lấy bộ đầm mới mà Phu nhân Coulter đã đặt cho cô, mua vài đôi giày da láng bóng, rồi sau đó là đến giờ quay trở lại căn hộ, kiểm tra các bông hoa và thay đồ.

“Không cần cái túi đeo vai đâu, bé yêu,” Phu nhân Coulter nói khi Lyra bước ra khỏi phòng ngủ, ánh mắt lấp lánh đầy tự tin với vẻ đẹp của mình.

Lyra đã quen việc khoác chiếc túi da đeo vai nhỏ màu trắng đi khắp nơi để có thể giữ chiếc Chân Kế bên mình. Phu nhân Coulter

đang gỡ bớt vài bông hồng ra khỏi bó hoa chật ních cắm trong bình, thấy rằng Lyra không động đậy mà chỉ nhìn chăm chăm về phía cửa.

“Ôi, cháu xin bà đấy, Phu nhân Coulter, cháu rất thích chiếc túi này!”

“Nhưng không phải ở trong nhà, Lyra ạ. Cháu trông thật kì cục khi mang túi đeo vai trong nhà của chính mình. Bỏ nó xuống ngay, rồi ra đây giúp ta kiểm tra những chiếc cốc này...”

Giọng điệu gắt gỏng của bà cũng không làm Lyra ngang ngạnh phản kháng như cụm từ “trong nhà của chính mình”. Pantalaimon lao xuống sàn rồi lập tức hóa thành một con chồn nâu, cong lưng dựa vào đôi tất nhỏ màu trắng dài đến mắt cá chân của cô bé. Được động viên, Lyra nói tiếp:

“Nhưng nó sẽ không vướng víu gì đâu ạ. Đây là cái duy nhất cháu thực sự thích đeo. Cháu nghĩ nó rất hợp với...”

Cô bé chưa kịp nói hết câu thì linh thú của Phu nhân Coulter đã xông ra khỏi ghế sofa như một khối lông mờ màu vàng và ghì Pantalaimon xuống thảm trước khi nó kịp phản ứng. Lyra giật mình thét lên, rồi nổi sợ hãi và đau đớn bao trùm lấy cô khi thấy Pantalaimon vặn vẹo đủ hướng, la hét và gặm gù, nhưng không thể rời lỏng gọng kìm của con khỉ vàng. Chỉ trong vài giây con khỉ đã chế ngự được Pantalaimon: với một bàn tay đen hung tợn kè cổ còn hai chân sau kẹp chặt lấy hai cẳng dưới của con chồn nâu, con khỉ dùng tay còn lại tóm lấy một bên tai của Pantalaimon và kéo như thể định giựt đứt ra vậy. Con khỉ không có vẻ giận dữ, nhưng thứ sức mạnh tàn nhẫn lạ lùng mà nó tỏa ra làm kinh sợ kẻ chứng kiến, và khiến kẻ phải chịu đựng còn cảm thấy khủng khiếp hơn.

Lyra khóc nức nở vì kinh hãi.

“Đừng! Làm ơn! Đừng làm đau chúng cháu!”

Phu nhân Coulter rời mắt khỏi những bông hoa của bà.

“Vậy thì làm như ta bảo đi,” bà nói.

“Cháu hứa mà!”

Con khi vàng rời khỏi Pantalaimon cứ như đột nhiên nó thấy mất hứng vậy. Pantalaimon lập tức chạy về phía Lyra. Cô bế nó lên gần mặt để hôn và vuốt ve con vật tội nghiệp.

“Nào, Lyra,” Phu nhân Coulter nhắc.

Lyra quay ngoắt đi rồi lao vào phòng ngủ, nhưng vừa đóng rầm cửa lại sau lưng thì nó lại bật mở ra. Phu nhân Coulter đang đứng đó chỉ cách có một vài bước.

“Lyra, nếu cháu cư xử lỗ mãng và hư hỏng như thế này thì chúng ta sẽ phải đổi đầu nhau, và ta sẽ thắng. Bỏ cái túi đó ra ngay lập tức. Kiểm chế cái vẻ nhăn nhó khó ưa đấy đi. Dù ta có nghe thấy hay không thì cũng cấm được đóng sầm cửa lại nữa. Những vị khách đầu tiên sẽ đến trong vài phút nữa, và họ sẽ phải thấy cháu cư xử chuẩn mực, đáng yêu, cuốn hút, ngây thơ, ân cần và vui vẻ. Ta đặc biệt mong muốn điều đó, Lyra ạ, cháu hiểu ý ta chứ?”

“Vâng, thưa Phu nhân Coulter.”

“Vậy hãy hôn ta nào.”

Bà khẽ cúi xuống và chìa má ra. Lyra phải nhón chân lên để hôn lên đó. Cô bé nhận thấy sự mịn màng của nó và thứ mùi có phần khó hiểu tỏa ra từ da bà: thơm phức, nhưng lại có mùi như kim loại. Cô bé lùi lại đặt chiếc túi đeo vai lên bàn trang điểm trước khi theo Phu nhân Coulter trở lại phòng khách.

“Cháu nghĩ thế nào về những bông hoa này, bé yêu?” Phu nhân Coulter nói ngọt xớt như chưa hề có chuyện gì xảy ra. “Ta cho rằng người ta không thể phạm sai lầm với hoa hồng, nhưng lại có thể có quá nhiều thứ đẹp đẽ... Những người cung cấp thực phẩm đã mang đủ đá đến chưa nhỉ? Ngoan đi hỏi giùm ta nhé. Phải uống đồ ấm thì thật là *kinh khủng*...”

Lyra thấy khá dễ dàng để giả vờ vui vẻ và quyến rũ, dù từng giây một cô bé đều nhận thức rõ nỗi ghê tởm của Pantalaimon và sự căm

ghét nó dành cho con khi vàng. Ngay lập tức chuông cửa vang lên, rồi chẳng mấy chốc căn phòng đã ngập tràn những quý bà ăn vận thời thượng và các quý ông đẹp trai hoặc ưu tú. Lyra len vào giữa đám đông, mời chào các món canapé hay cười duyên dáng và trả lời một cách khéo léo khi được hỏi đến. Cô bé cảm thấy như một con thú kiểng của chung vậy. Vừa tự nghĩ như vậy thì Pantalaimon sai đôi cánh chim kim oanh của mình ra và lú lo liên hồi.

Cô cảm nhận được sự hân hoan của Pantalaimon khi nó chứng tỏ được với cô là mình đã nói đúng, và cô trở nên khiêm tốn hơn một chút.

“Vậy cháu đang học ở đâu thế, cháu gái?” Một phụ nữ lớn tuổi hỏi khi xem xét Lyra qua một chiếc kính cầm tay.

“Cháu không đi học ạ,” Lyra trả lời.

“Thật sao? Ta cứ nghĩ mẹ cháu sẽ phải gửi cháu đi học ở trường cũ của bà ấy chứ. Đó là một nơi *rất* tuyệt...”

Lyra bị bối rối một chút cho tới khi nhận ra sự nhầm lẫn của bà cụ.

“À! Bà ấy không phải mẹ của cháu đâu! Cháu chỉ ở đây giúp bà ấy thôi. Cháu là trợ lí riêng của bà ấy,” cô bé long trọng thông báo.

“Ta hiểu rồi. Vậy gia tộc của cháu là gì?”

Một lần nữa Lyra lại phải tự hỏi ý bà ấy là gì trước khi trả lời.

“Là một bá tước và nữ bá tước,” cô đáp. “Cả hai đều qua đời trong một tai nạn hàng không ở Phương Bắc.”

“Bá tước nào cơ?”

“Bá tước Belacqua ạ. Ông ấy là em trai của Ngài Asriel.”

Linh thú của bà cụ, một con vẹt đuôi dài màu đỏ rực, cứ nhấp nhồm từ chân này sang chân khác như đang cẩu bả gì đó. Bà cụ đang bắt đầu chau mày vì tò mò nên Lyra liền cười duyên dáng rồi đi tiếp.

Cô bé đang đi qua một nhóm đàn ông và một phụ nữ trẻ gần chiếc sofa lớn thì nghe thấy từ *Bụi*. Giờ cô đã chứng kiến xã hội

thượng lưu đủ nhiều để có thể hiểu được khi nào thì đàn ông và phụ nữ tán tỉnh nhau. Cô đứng ngẩn người quan sát quá trình đó, mặc dù việc họ nhắc đến Bụi khiến cô quan tâm nhiều hơn nên đã dừng lại để nghe. Những người đàn ông trông có vẻ là các học giả; và từ cách người phụ nữ trẻ đặt câu hỏi cho họ, Lyra đoán đó là một sinh viên nào đó.

“Nó được một người Muscovy phát hiện - cứ bảo tôi dừng lại nếu cô đã biết về điều này nhé...” Một người đàn ông trung tuổi nói trong lúc người phụ nữ trẻ nhìn ông đầy ngưỡng mộ: “... một người đàn ông tên là Rusakov, chúng thường được gọi là các Hạt Rusakov theo tên ông ta. Chúng là những hạt cơ bản không tương tác với các hạt khác theo bất cứ cách nào - rất khó dò được, nhưng điều lạ thường là chúng dường như bị con người thu hút.”

“Thật sao?” Người phụ nữ trẻ thốt lên, mắt mở to kinh ngạc.

“Và còn lạ kì hơn nữa,” ông nói tiếp, “là người này lại thu hút nhiều hơn người khác. Người lớn thu hút chúng, nhưng trẻ con thì không. Ít nhất là không nhiều, cho đến khi chúng vào tuổi dậy thì. Trên thực tế, đó chính là lí do...” Ông hạ giọng rồi tiến gần tới người phụ nữ trẻ, thân mật đặt bàn tay lên vai cô: “Đó chính là lí do Ủy ban Hiến tế được thành lập. Như vị chủ nhà tốt bụng của chúng ta đây có thể kể với cô.”

“Thật ư? Bà ấy có liên quan đến Ủy ban Hiến tế sao?”

“Cô bé à, bà ấy *chính là* Ủy ban Hiến tế đó. Nó hoàn toàn là dự án riêng của bà ấy...”

Người đàn ông đang định nói thêm thì nhìn thấy Lyra. Cô nhìn lại ông ta không chớp mắt. Có lẽ ông đã uống hơi quá mức, hoặc có thể đang muốn gây ấn tượng với người phụ nữ trẻ nên ông đã nói:

“Quý cô nhỏ tuổi này biết toàn bộ câu chuyện, ta dám đảm bảo thế. Cháu không bị Ủy ban Hiến tế gây nguy hiểm đúng không, cháu bé?”

“Ồ vâng,” Lyra nói. “Cháu không bị ai ở đây gây nguy hiểm hết. Chỗ hồi xưa cháu từng sống, ở Oxford, có đủ mọi thể loại hiểm nguy. Có đám dân du mục bắt cóc trẻ con rồi bán cho dân Turk làm nô lệ. Rồi trên Port Meadow vào đêm trăng rằm có một tên người sói xông ra khỏi một nữ tu viện cổ ở Godstow. Cháu có nghe thấy hấn hú một lần. Và còn có cả Những Kẻ háu ăn...”

“Đó là điều ta muốn nói,” người đàn ông nói. “Đấy chẳng phải là cái tên người ta dùng để gọi Ủy ban Hiến tế sao?”

Lyra cảm thấy Pantalaimon đột nhiên run lên bần bật, nhưng vẫn giữ thái độ bình tĩnh. Linh thú của hai người lớn, một con mèo và một con bướm, dường như không nhận ra.

“Những Kẻ háu ăn à?” Người phụ nữ trẻ nói. “Một cái tên kì cục! Sao người ta lại gọi họ là Những Kẻ háu ăn?”

Lyra đang định kể cho cô gái nghe một trong những câu chuyện hài hùng cô bịa ra để dọa lũ trẻ ở Oxford thì người đàn ông đã lên tiếng trước.

“Từ bản chất của chúng, hai người có thấy không? Tổng Ủy ban Hiến tế. Thực tế là một ý tưởng xưa lắm rồi. Vào thời Trung Cổ, cha mẹ sẽ dâng con cho nhà thờ để làm thầy tăng hoặc nữ tu sĩ. Đám trẻ hư không may mắn sẽ được biết đến như vật tế. Có nghĩa là một vật hi sinh, một món lễ vật, kiểu dạng như vậy. Vậy là cùng một ý tưởng đó được áp dụng khi họ xem xét về vấn đề của Bụi... Có lẽ cô bạn bé nhỏ của chúng ta cũng biết điều này. Sao cháu không đi nói chuyện với Ngài Boreal đi?” Ông nói trực tiếp với Lyra. “Ta tin chắc ông ấy sẽ muốn được gặp người mà Phu nhân Coulter bảo hộ... Là ông ấy đấy, người đàn ông với mái tóc hoa râm và con linh thú rắn kia.”

Ông ta muốn đuổi khéo Lyra đi để có thể nói chuyện riêng tư hơn với người phụ nữ trẻ; cô bé có thể dễ dàng nhận ra điều đó. Nhưng người phụ nữ dường như vẫn có hứng thú với Lyra nên đã trốn khỏi người đàn ông để nói chuyện với cô.

“Gượm đã... Tên cháu là gì?”

“Lyra ạ.”

“Cô là Adèle Starminster. Cô là phóng viên. Cô có thể nói chuyện riêng với cháu một chút không?”

Nghĩ rằng việc mọi người muốn nói chuyện với mình là điều tự nhiên nên Lyra chỉ đơn giản đáp: “Vâng.”

Linh thú bướm bướm của người phụ nữ bay lên không trung, lượn trái phải rồi rập rờn bay xuống thì thầm điều gì đó, nghe xong Adèle Starminster liền nói: “Ra phía ghế bên cửa sổ đi.”

Đó là chỗ yêu thích của Lyra; nơi nhìn xuống con sông chảy bên dưới. Vào thời điểm này của ban đêm, những ngọn đèn bắc ngang bờ nam đang lấp lánh rực rỡ phía trên ánh phản chiếu của chúng lên mặt nước đen của thủy triều dâng cao. Một dãy sà lan đang được tàu lai kéo ngược dòng. Adèle Starminster ngồi xuống rồi dịch người trên chiếc ghế bọc đệm để dành chỗ cho Lyra.

“Có phải Giáo sư Docker đã nói là cháu có quan hệ với Phu nhân Coulter không?”

“Vâng ạ.”

“Là gì vậy? Cháu không phải là con gái bà ấy hay đại loại thế chứ? Cô nghĩ mình sẽ biết...”

“Không phải!” Lyra nói. “Hẳn nhiên là không rồi. Cháu là trợ lý riêng của bà ấy.”

“Trợ lý riêng à? Không phải cháu còn hơi nhỏ sao? Cô cứ nghĩ cháu là họ hàng của bà ấy hay gì đó. Bà ấy là người thế nào?”

“Bà ấy rất thông minh,” Lyra đáp. Nếu là trước buổi tối ngày hôm nay thì cô hẳn đã nói nhiều hơn thế, nhưng mọi thứ đang dần thay đổi.

“Phải rồi, nhưng về cá nhân cơ,” Adèle Starminster gắng hỏi. “Ý cô là, bà ấy có thân thiện hay nóng nảy gì không? Cháu sống ở đây với bà ấy à? Trong đời sống riêng tư bà ấy là người thế nào?”

“Bà ấy rất tốt,” Lyra tình queo đáp.

“Cháu làm kiểu việc gì? Làm thế nào cháu giúp được bà ấy?”

“Cháu làm các phép tính và đủ việc khác. Kiểu như là để điều hướng.”

“À, cô hiểu rồi... Vậy cháu đến từ đâu? Tên cháu là gì ấy nhỉ?”

“Lyra. Cháu đến từ Oxford.”

“Tại sao Phu nhân Coulter lại chọn cháu...”

Người phụ nữ đột ngột dừng lại, vì chính Phu nhân Coulter đã tới gần đó. Từ cách Adèle Starminster nhìn lên phía bà và cách con linh thú lượn lờ một cách bồn chồn quanh đầu cô, Lyra có thể đoán rằng người phụ nữ trẻ đáng ra không được phép xuất hiện ở bữa tiệc.

“Ta không biết tên cô,” Phu nhân Coulter nói rất khẽ, “nhưng ta sẽ tìm ra chỉ trong năm phút, sau đó cô sẽ không bao giờ được làm phóng viên nữa. Giờ thì yên lặng đứng dậy, đừng có làm ồn lên, và ra khỏi đây. Ta cũng nói thêm là bất cứ ai đưa cô đến đây cũng sẽ bị trừng phạt.”

Phu nhân Coulter dường như bị tích một loại năng lượng mạch nào đó. Bà thậm chí còn có mùi khác lạ: một mùi nóng giống như kim loại bị đun tỏa ra từ người bà. Trước đó Lyra đã nhận ra đôi chút về điều này, nhưng giờ cô đang chứng kiến nó hướng thẳng vào người khác. Adèle Starminster tội nghiệp chẳng có cách nào chống trả. Linh thú của cô nằm mềm oặt trên vai, đập đôi cánh lộng lẫy của mình một vài lần trước khi lịm đi, còn bản thân người phụ nữ thì dường như không thể đứng thẳng lên nổi. Vừa nép mình di chuyển một cách ngược ngạnh, cô gái vừa len qua đám đông khách khứa đang nói chuyện ồn ã và ra khỏi cửa phòng khách. Một tay cô tóm chặt lấy vai, giữ cho con linh thú đang bất tỉnh khỏi bị rơi.

“Sao nào?” Phu nhân Coulter nói với Lyra.

“Cháu không hề nói gì quan trọng với cô ta cả,” Lyra nói.

“Cô ta hỏi những gì?”

“Chỉ về việc cháu đang làm gì ở đây và cháu là ai, kiểu như vậy thôi ạ.”

Khi nói vậy, Lyra nhận thấy Phu nhân Coulter chỉ có một mình, không thấy con linh thú đâu. Sao lại có thể như vậy được? Nhưng một lúc sau con khỉ vàng đã xuất hiện bên cạnh bà. Bà cúi xuống cầm tay nó rồi khẽ quăng nó lên vai. Ngay lập tức trông bà đã thoải mái hơn.

“Cháu yêu, nếu cháu có gặp ai đó rõ ràng là không được mời thì nhớ đến tìm ta ngay, được chứ?”

Mùi kim loại nóng cũng đã biến mất. Có lẽ chỉ là do Lyra tự tưởng tượng ra. Cô lại có thể ngửi thấy mùi của Phu nhân Coulter, mùi những bông hồng, mùi khói xì gà mini, và cả mùi của những phụ nữ khác nữa. Phu nhân Coulter cười với Lyra theo cách dường như ám chỉ rằng: “Cháu và ta đều hiểu những điều này, phải không?” rồi tiếp tục đi chào hỏi các vị khách khác.

Pantalaimon thì thào vào tai Lyra.

“Trong lúc bà ta ở đây, con linh thú kia đã đi ra từ phòng ngủ của chúng ta. Nó đang rình mò đấy. Nó biết về cái Chân Kế!”

Lyra cảm thấy rằng đó có thể là sự thật, nhưng cô bé chẳng thể làm được gì. Ông Giáo sư kia đã nói gì về Những Kẻ háu ăn ấy nhỉ? Cô bé ngó quanh để tìm ông ta, nhưng khi vừa thấy ông ta thì người gác đàn (trong trang phục buổi tối của người phục vụ) cùng một người đàn ông khác vỗ vai Giáo sư và nói nhỏ gì đó với ông, khiến ông biến sắc rồi theo họ ra ngoài. Sự việc chỉ diễn ra trong vài giây, và được tiến hành kín đáo đến mức gần như chẳng ai nhận ra nhưng lại khiến Lyra cảm thấy lo lắng và sợ hãi.

Cô bé đi thần thơ qua hai gian phòng lớn tổ chức tiệc, nửa lắng nghe những cuộc đàm thoại diễn ra xung quanh, nửa tò mò về vị của những món cocktail mà cô không được phép thử, càng lúc càng thấy bực bội. Cô không hề để ý thấy có ai đó đang quan sát mình cho đến khi người gác đàn xuất hiện bên cạnh cô và cúi xuống nói:

“Tiểu thư Lyra, quý ông bên lò sưởi muốn nói chuyện với cô. Nếu cô không biết thì ông ấy là Ngài Boreal.”

Lyra nhìn qua gian phòng. Người đàn ông tóc hoa râm vẻ đầy uy quyền đang nhìn thẳng vào cô. Khi mắt hai người chạm nhau, ông gật đầu ra hiệu cho cô.

Dù không muốn, nhưng giờ đã thấy hứng thú hơn, cô tới chỗ người đàn ông.

“Chào buổi tối, cháu gái,” ông nói. Giọng ông dịu dàng nhưng lại rất uy nghiêm. Cái đầu giáp sắt và đôi mắt màu ngọc lục bảo của con linh thú răn lếp lánh dưới ánh sáng từ chiếc đèn chụp thủy tinh trên bức tường gần đó.

“Chào buổi tối,” Lyra đáp lại.

“Ông Hiệu trưởng Jordan bạn cũ của ta thế nào rồi?”

“Ông ấy rất khỏe ạ, cảm ơn ông.”

“Ta đoán họ đều rất buồn vì phải chia tay với cháu.”

“Vâng ạ.”

“VẬY Phu nhân Coulter có làm cháu bận rộn không? Bà ấy đang dạy cháu cái gì vậy?”

Vì Lyra đang thấy bức dọc và muốn chống đối nên cô đã không trả lời câu hỏi mang vẻ bề trên kia một cách thành thật, mà cũng không dùng trí tưởng tượng bay bổng thường ngày của mình. Thay vào đó cô nói: “Cháu đang học về các Hạt Rusakov và về Ủy ban Hiến tế ạ.”

Ông lập tức tỏ ra tập trung, theo cùng một cách mà người ta tập trung chòm tia sáng của một chiếc đèn mạch vậy. Toàn bộ sự chú ý của ông đổ dồn vào cô bé một cách dữ dội.

“Nói cho ta nghe cháu biết những gì đi,” ông đề nghị.

“Người ta đang làm thí nghiệm ở Phương Bắc,” Lyra nói. Giờ thì cô không còn thấy lo lắng gì nữa. “Như Tiến sĩ Grumman đó.”

“Tiếp tục đi.”

“Họ đã chụp được một bức ảnh đặc biệt thể hiện sự tồn tại của Bụi, và khi nhìn vào đó, ta có thể thấy một người đàn ông được bao phủ bởi ánh sáng, nhưng lại chẳng có gì trên đĩa bé cả. Ít nhất là cũng không nhiều lắm.”

“Phu nhân Coulter đã cho cháu xem một bức như vậy à?”

Lyra do dự, vì đây không phải là nói dối mà là một thứ khác, và cô chưa từng thực hành nó.

“Không ạ,” một lúc sau cô nói. “Cháu thấy bức đó ở Học viện Jordan.”

“Ai cho cháu xem vậy?”

“Không hẳn là *cháu* được cho xem,” Lyra thừa nhận. “Cháu chỉ đi qua và tình cờ nhìn thấy. Rồi sau đó Roger bạn cháu bị Ủy ban Hiến tế bắt đi. Nhưng...”

“Ai cho cháu xem tấm ảnh đó?”

“Bác Asriel của cháu.”

“Khi nào?”

“Khi bác ấy đến Học viện Jordan lần trước.”

“Ta hiểu rồi. Cháu còn học về thứ gì nữa? Có phải ta vừa nghe cháu nhắc đến Ủy ban Hiến tế không?”

“Vâng. Nhưng cháu không nghe về nó từ bác ấy, cháu nghe được ở đây ạ.”

Đó là sự thật, cô bé nghĩ.

Ông đang quan sát cô bé thật kỹ. Cô nhìn lại ông với tất cả sự ngây thơ mà mình có. Cuối cùng ông cũng gật đầu.

“Vậy thì Phu nhân Coulter hẳn đã quyết định là cháu đã sẵn sàng giúp bà ấy trong công việc đó. Thú vị đấy. Cháu tham gia vào đó chưa?”

“Chưa ạ,” Lyra đáp. Ông ta đang nói về cái gì vậy? Pantalaimon đã khôn ngoan biến thành dạng kém biểu cảm nhất, một con bướm

đêm, để không làm lộ cảm xúc của cô. Còn cô bé thì tự tin rằng mình có thể giữ gương mặt ngây ngô.

“Bà ấy có nói với cháu chuyện gì sẽ xảy ra với đám trẻ không?”

“Không ạ, bà ấy chưa nói gì cả. Cháu chỉ biết là nó có liên quan đến Bụi thôi, và đám trẻ giống như một loại vật hi sinh vậy.”

Một lần nữa, đó cũng không hẳn là một câu nói dối, cô bé nghĩ; cô đâu có nói là chính Phu nhân Coulter đã nói với mình như vậy đâu.

“Nói là *hi sinh* thì có phần hơi bị cường điệu quá. Việc làm đó là để tốt cho đám trẻ và cả chúng ta nữa. Và đương nhiên là chúng đều tự nguyện đến với Phu nhân Coulter. Chính vì vậy nên bà ấy mới đáng quý. Chúng chắc chắn muốn tham gia, đứa trẻ nào có thể cưỡng lại bà ấy được cơ chứ? Nếu bà ấy định dùng cháu để thu hút lũ trẻ nữa thì càng tốt. Ta rất hài lòng.”

Cái cách ông ta cười với cô rất giống Phu nhân Coulter: cứ như cả hai đang nắm chung một bí mật vậy. Cô bé lễ phép mỉm cười lại. Sau đó ông quay đi nói chuyện với người khác.

Cô bé và Pantalaimon có thể cảm nhận được nỗi khiếp sợ của nhau. Cô muốn đi đâu đó một mình để nói chuyện với nó, muốn rời khỏi căn hộ, muốn quay trở lại Học viện Jordan và phòng ngủ nhỏ xíu tồi tàn của mình trên Cầu thang Số mười hai, muốn tìm Ngài Asriel...

Dường như để đáp lại điều ước cuối cùng đó, cô nghe thấy tên ông được nhắc đến. Cô liền vội vã đi lấy một món canapé trên bàn để mon men đến gần nhóm người đang nói chuyện cạnh đó. Một người đàn ông trong áo giám mục màu tím đang nói:

“... Không, tôi cho rằng trong một thời gian nữa Ngài Asriel sẽ không thể làm phiền được chúng ta đâu.”

“Ông nói ông ta đang bị giữ ở đâu ấy nhỉ?”

“Trong pháo đài ở Svalbard, tôi được thông báo như thế. Bị *panserbjørne* canh gác, các vị biết đấy, lũ gấu mặc giáp. Những sinh vật dữ tợn! Có sống được tới nghìn năm thì ông ta cũng không thể

thoát khỏi chúng đâu. Thật ra tôi thực sự nghĩ đường đã gần như thông thoáng lắm rồi...”

“Những thí nghiệm gần đây nhất đã khẳng định điều tôi luôn tin tưởng - rằng Bụi là một hạt phát ra từ chính nguyên lí tối, và...”

“Có phải tôi vừa thấy có mùi Hỏa yêu giáo* không?”

“Thứ *tùng* là một yêu giáo...”

“VẬY nếu chúng ta có thể tách riêng nguyên lí tối ra...”

“Ông vừa nói Svalbard à?”

“Bọn gấu mặc giáp...”

“Ủy ban Hiến tế...”

“Bọn trẻ không bị đau đớn gì đâu, tôi đảm bảo đấy...”

“Ngài Asriel bị giam cầm...”

Lyra đã nghe quá đủ rồi. Cô bé quay đi, di chuyển khẽ khàng không kém Pantalaimon dạng bướm đêm vào phòng ngủ rồi đóng cửa lại. Tiếng ồn từ bữa tiệc lập tức dịu đi.

“Tính sao?” Cô thì thầm. Pantalaimon đã biến thành một chú chim kim oanh đậu trên vai cô.

“Chúng ta sẽ chạy trốn chứ?” Nó thì thầm lại.

“Hẳn rồi. Nếu chúng ta đi ngay bây giờ trong lúc còn đang đông khách, bà ta có thể sẽ mất một lúc mới nhận ra được.”

“Nó thì khác đấy.”

Ý Pantalaimon là con linh thú của Phu nhân Coulter. Vừa nghĩ tới hình dạng vàng ươm yếu điệu của nó, Lyra liền thấy nôn nao vì sợ.

“Lần này tớ sẽ chiến đấu với nó,” Pantalaimon mạnh bạo nói. “Tớ có thể biến đổi hình dạng còn nó thì không. Tớ sẽ biến hình nhanh đến mức nó không tóm được. Lần này tớ sẽ thắng, rồi cậu xem.”

Lyra gật đầu nhưng không chú tâm lắm. Cô bé nên mặc gì nhỉ? Làm thế nào để ra ngoài mà không bị phát hiện?

“Cậu sẽ phải đi nghe ngóng xem thế nào,” cô thì thầm. “Chúng ta sẽ phải chuồn ngay khi thông thoáng. Biến thành bướm đêm đi,” cô nói thêm. “Nhớ này, vào *giây phút* không có ai nhìn...”

Cô mở hé cửa để Pantalaimon luồn qua. Bóng nó tối thẫm trong ánh sáng màu hồng ấm áp của khu hành lang.

Trong lúc đó, cô bé vội vàng khoác lên bộ quần áo ấm nhất mình có rồi nhét thêm vài cái vào một trong những chiếc túi lụa than của cửa hàng sang trọng mà họ đã ghé qua đúng vào chiều hôm đó. Phu nhân Coulter cho cô tiền dễ dàng như cho kẹo, đến mức dù đã tiêu xài hoang phí, cô vẫn còn vài đồng vàng cất trong túi áo khoác da sói màu sậm của mình.

Cuối cùng cô bọc chiếc Chân Kế trong lớp vải nhung đen của nó. Liệu con khỉ ghê tởm đó đã phát hiện ra chưa nhỉ? Hẳn là nó đã thấy; hẳn là nó đã kể với bà ta; ôi, giá mà cô giấu kĩ hơn!

Cô bước nhón chân tới cửa. Rất may là phòng của cô mở ra cuối khu hành lang gần Đại sảnh nhất, trong khi hầu hết khách khứa đều ở trong hai gian phòng lớn cách đó khá xa. Có tiếng nói chuyện ồn ào, tiếng cười, tiếng giật nước khế của bồn cầu, tiếng leng keng của cốc thủy tinh, và rồi một giọng bướm đêm nhỏ xíu vang lên bên tai cô:

“Đến lúc rồi! Nhanh lên!”

Cô luồn qua cửa vào trong Đại sảnh. Chưa đầy ba giây sau, cô đã đang mở cửa trước của căn hộ, luồn qua rồi đóng lại thật khế. Cùng với Pantalaimon trong dạng chim kim oanh, cô bé lao tới cầu thang và chạy trốn.

6

Lưới ném

Cô bé vội vàng rời xa dòng sông, vì Đê vừa rộng vừa sáng trưng. Giữa chỗ đó và Viện Bắc Cực Hoàng Gia là một loạt những con phố nhỏ đan xen nhau. Viện là nơi duy nhất Lyra biết chắc mình có thể tìm được, nên cô đã không ngần ngại lao vào cái mê cung tối đen đó.

Giá mà cô biết rõ London như Oxford! Khi đó cô sẽ biết cần phải tránh những con phố nào; hoặc nơi có thể thó được chút đồ ăn; hay tuyệt vời nhất là nhà nào có thể gõ cửa để xin trú tạm. Vào cái đêm giá lạnh đó, những con hẻm tối mò khắp xung quanh bỗng trở nên sống động với người qua người lại, với cuộc sống bí mật của chúng, mà cô thì chẳng biết gì về những điều đó cả.

Pantalaimon biến thành một con mèo rừng rồi rà soát bóng tối xung quanh bằng đôi mắt xuyên thấu màn đêm. Cứ thỉnh thoảng nó lại dừng chân, xù lông lên, vậy là cô bé sẽ rẽ ngang khỏi nơi đang định tiến vào. Đêm tối ngập tràn tiếng ồn: những tiếng cười phá lên trong cơn say xỉn, hai giọng khàn khàn vang lên theo một ca khúc, tiếng lạch cạch và rền rĩ của một cỗ máy không được tra dầu nào đó dưới tầng hầm. Lyra khéo léo bước qua tất cả, các giác quan của cô căng lên và hòa lẫn vào với Pantalaimon, cả hai nép mình vào bóng tối trong lúc lẩn theo những con hẻm nhỏ.

Thỉnh thoảng cô lại phải cắt ngang qua một con phố rộng và sáng hơn, nơi những cỗ xe mạch rền rĩ tóe lửa dưới đường dây cáp mạch.

Có những quy tắc khi băng qua đường ở London, nhưng cô bé chẳng thèm bận tâm. Có ai hét lên thì cô sẽ chạy.

Tìm lại được tự do thật là tuyệt. Cô bé biết rằng Pantalaimon, lúc này đang dạo bước trên hai đôi chân mèo rừng bên cạnh cô, cũng cảm nhận thấy sự khoan khoái khi được tận hưởng không khí thoáng đãng giống như cô vậy dù cho đó có là thứ không khí London u ám chứa đầy muội khói và tiếng ồn đinh tai. Chúng sẽ sớm phải tìm hiểu ý nghĩa những điều đã nghe thấy ở căn hộ của Phu nhân Coulter, nhưng giờ thì chưa phải lúc. Mà rốt cuộc một lúc nào đó chúng cũng sẽ phải tìm chỗ để ngủ thôi.

Tại ngã tư đường gần góc một cửa hàng tạp hóa lớn, nơi những ô cửa sổ sáng lấp lánh trên vỉa hè ướt nước, có một quầy cà phê. Đó là một căn lều nhỏ có bánh xe, với quầy bán hàng nằm dưới mái hiên bằng gỗ. Ánh sáng vàng rực hắt ra từ phía trong, mùi cà phê tỏa thơm lừng. Ông chủ mặc áo khoác trắng đang tì lên quầy chuyện trò với dăm ba vị khách.

Trông thật hấp dẫn làm sao. Lyra lúc này đã đi bộ được cả tiếng đồng hồ trong tiết trời lạnh lẽo và ẩm thấp. Cùng với chim sẻ Pantalaimon, cô bé tiến tới quầy và với tay lên để thu hút sự chú ý của ông chủ.

“Làm ơn cho cháu một cốc cà phê và một bánh kẹp thịt nguội,” cô nói.

“Cháu bé ra ngoài muộn thế,” một quý ông đội mũ chóp và quàng khăn lụa trắng nói.

“Vâng,” cô đáp rồi quay đi để rà soát khu ngã tư tấp nập. Khách bắt đầu túa ra từ một nhà hát gần đó, những đám đông đi quanh phòng chờ sáng đèn, gọi taxi, hay choàng áo khoác quanh vai. Ở hướng còn lại là lối vào Ga Xe lửa ngầm, nơi dòng người lên xuống các bậc thang còn nhộn nhịp hơn.

“Của cháu đây, bé yêu,” ông chủ quầy cà phê nói. “Hai shilling.”

“Để ta trả cho,” người đàn ông đội mũ chóp nói.

Lyra nghĩ, sao lại không chứ? Mình chạy nhanh hơn ông ta, mà có thể về sau mình sẽ cần toàn bộ số tiền hiện có. Người đàn ông đội mũ chóp thả một đồng xu lên quầy rồi mỉm cười với cô. Linh thú của ông ta là một con vượn cáo. Nó đang bám lấy ve áo của ông và tròn mắt nhìn Lyra chòng chọc.

Cô cắn một miếng bánh kẹp trong lúc vẫn để mắt quan sát đường phố tấp nập. Cô bé không biết mình đang ở đâu vì cô chưa từng xem một tấm bản đồ London nào cả. Cô thậm chí còn chẳng biết nó to đến cỡ nào hay phải đi bao xa mới đến được vùng nông thôn.

“Tên cháu là gì?” Người đàn ông hỏi.

“Alice ạ.”

“Quả là một cái tên đẹp. Để ta cho một giọt này vào cà phê của cháu... giúp cháu ấm lên...”

Ông ta vặn mở nắp một bình rượu bằng bạc.

“Cháu không thích thế,” Lyra nói. “Cháu chỉ muốn uống cà phê thôi.”

“Ta cá cháu chưa từng được uống brandy kiểu này bao giờ.”

“Cháu uống rồi. Cháu bị say bí tỉ luôn. Cháu đã uống nguyên cả chai, hoặc gần như thế.”

“Tùy cháu thôi,” người đàn ông nói rồi nghiêng bình đổ vào cốc của mình. “Cháu đi đâu mà chỉ có một mình thế này?”

“Đi gặp bố cháu ạ.”

“Ông ấy là ai thế?”

“Một kẻ giết người.”

“Ông ấy là cái gì cơ?”

“Cháu nói rồi mà, ông ấy là kẻ giết người. Đây là nghề nghiệp của ông ấy. Đêm nay bố cháu có nhiệm vụ. Cháu mang quần áo sạch cho bố vì lần nào xong việc người ông ấy cũng đầy máu.”

“À! Ra là cháu nói đùa.”

“Cháu không nói đùa đâu.”

Con vượn cáo khẽ kêu lên một tiếng rồi chậm chạp leo lên phía sau đầu người đàn ông để nhòm sang Lyra. Cô bé thản nhiên uống cà phê và ăn nốt miếng bánh kẹp.

“Chúc một buổi tối tốt lành,” cô nói. “Cháu thấy bố đang đến rồi. Trông ông có vẻ hơi cáu bẳn.”

Trong lúc người đàn ông đội mũ chóp liếc nhìn xung quanh, Lyra liền hướng về phía đám đông trước nhà hát. Mặc dù rất muốn xem Xe lửa ngầm (Phu nhân Coulter nói nó không thật sự dành cho những người ở tầng lớp của họ), cô cũng phải cảnh giác với việc bị kẹt dưới lòng đất; tốt hơn hết là nên ở trong không gian mở, nơi cô có thể chạy nếu cần thiết.

Cô bé cứ đi mãi đi mãi, đường phố ngày càng trở nên tối tăm và vắng vẻ. Mưa bụi đang phát phơ rơi, nhưng kể cả khi quang mây thì bầu trời thành phố cũng bị nhiễu sáng quá nặng, không thể nhìn thấy những vì sao. Pantalaimon nghĩ rằng chúng đang tiến về phía bắc, nhưng ai mà biết được?

Các con phố dài bất tận chứa những ngôi nhà gạch nhỏ giống hệt nhau với khoảng vườn chỉ vừa đủ rộng để chứa một cái thùng rác, những nhà xưởng khổng lồ hoang vắng đằng sau hàng rào dây thép, với đèn mạch lờ lờ chiếu sáng phía cao tít trên một phía tường và người gác đêm đang gà gật bên lò than, thỉnh thoảng lại có một nhà nguyện trông đến khiếp, chỉ khác cái kho hàng vì có hình thánh giá ở bên ngoài. Cô đã thử gõ cửa một trong những chỗ này, nhưng lại nghe thấy tiếng rên rĩ từ chiếc ghế băng ẩn mình trong bóng tối cách đó chỉ một bước chân. Khi nhận ra rằng dưới mái cổng vòm chật ních những bóng người đang ngủ, cô liền hoảng sợ chạy mất.

“Chúng ta sẽ ngủ ở đâu đây, Pan?” Cô hỏi khi cả hai nhọc nhằn lê bước xuống một con phố đầy những cửa hàng đã đóng cửa và kéo chốt.

“Trước thềm cửa một nhà nào đó.”

“Nhưng tớ không muốn bị nhìn thấy. Máy chỗ đó lộ liễu quá.”

“Dưới kia có một con kênh kia...”

Nó đang nhìn xuống một đường nhánh phía bên trái. Quả vậy, một dải sáng mờ mờ cho thấy dòng nước lộ thiên. Cả hai thận trọng đến xem và thấy một vịnh kênh nơi cả tá sà lan được cột lại vào các cầu tàu, có cái cao trên mặt nước, có cái thì thấp, được neo dưới những chiếc cần trục trông như giá treo cổ. Một luồng sáng mờ phát ra từ khung cửa sổ của một cái chòi gỗ, ống khói bằng kim loại của nó nhà khói nghi ngút. Ngoài ra, những nguồn sáng duy nhất lại ở tít trên tường cao của nhà kho hoặc trên giàn cần trục, để mặc mặt đất chìm trong u tối. Khu cầu tàu chất ngất những thùng đựng tinh than*, những đồng củi tròn đại tướng, và các cuộn dây cáp bọc cahuchuc*.

Lyra rón rén bước tới cái chòi và nhòm vào qua cửa sổ. Một ông cụ đang cần mẫn đọc một tờ truyện tranh, mồm ngậm tẩu. Con linh thú dạng chó Spaniel của ông đang cuộn tròn ngủ trên bàn. Cô bé thấy người đàn ông đứng dậy, nhấc cái ấm nước bị muội phủ đen ra khỏi bếp sắt rồi đổ chút nước sôi vào một cái cốc mè trước khi ngồi xuống đọc tiếp.

“Liệu có nên xin ông ấy cho chúng ta vào không, Pan?” Cô bé thì thầm, nhưng Pantalaimon không để ý đến. Nó đang biến thành con dơi, con cú, rồi lại thành mèo rừng. Sự hoảng hốt của Pantalaimon ảnh hưởng cả đến Lyra, khiến cô bé lo lắng nhìn quanh, và rồi cô nhìn thấy chúng cùng lúc với Pantalaimon: hai gã đàn ông đang lao về hướng cô, mỗi tên một bên, tên gần hơn cầm một cái lưới ném.

Pantalaimon ré lên một tiếng váng tai rồi biến thành báo đốm lao vào con linh thú của gã đàn ông gần hơn, một con cáo mang vẻ hoang dại, đánh bật nó ra phía sau khiến con cáo bị mắc vào hai chân của gã chủ. Hắn ta chửi thề rồi né sang một bên, trong lúc đó Lyra liền lao

qua hẳn tới khoảng trống của cầu tàu. Cô bé không thể để mình bị dồn vào góc được.

Pantalaimon, lúc này đã hóa thành đại bàng, sà xuống bên cô và hét lên: “Bên trái! Bên trái!”

Cô bé chuyển sang hướng đó và thấy một khe hở giữa đám thùng tinh than và phần cuối của một nhà kho lợp tôn múi. Cô liền lao tới đó như một viên đạn.

Nhưng còn những cái lưới ném!

Cô bé nghe thấy một tiếng rít lên trong không khí, có thứ gì đó vụt qua má cô đau nhói, rồi những sợi dây nhúng nhựa đường ghê tởm chằng ngang qua mặt cô, cánh tay cô, hai bàn tay cô quấn vào nhau. Bị giữ chặt, cô bé ngã vật xuống, vừa làu bàu, vừa vùng vẫy, cố xé rách tấm lưới trong vô vọng.

“Pan! Pan!”

Nhưng khi con linh thú cáo cào rách người con mèo Pantalaimon, Lyra liền cảm thấy sự đau đớn trên chính da thịt của mình. Cô khóc nức nở khi Pantalaimon ngã xuống. Một gã đàn ông nhanh chóng quấn dây quanh cô bé, quanh chân, cổ, người, đầu cô, vằn qua vằn lại cô trên mặt đất ướt sũng. Cô cảm thấy vô vọng, hết như một con ruồi bị vướng vào mạng nhện. Pan tội nghiệp đầy thương tích cố lết mình về phía cô trong lúc con linh thú cáo đang ngoạm lấy lưng nó. Nó thậm chí không còn sức để biến hình nữa. Trong lúc đó, gã đàn ông còn lại đang nằm trong vũng bùn với một mũi tên xuyên qua cổ...

Cả không gian dường như đóng băng khi gã đang buộc lưới nhận ra điều đó.

Pantalaimon ngồi dậy chớp mắt nhìn. Rồi một tiếng thịch khe vang lên, gã đàn ông cầm lưới ngã vật xuống, thở hổn hển ngay bên cạnh Lyra. Cô bé thét lên hốt hoảng khi thấy máu tuôn ra từ người gã.

Có tiếng chân chạy, rồi ai đó lôi hẳn ta đi và cúi xuống người hẳn; sau đó một đôi bàn tay nâng Lyra lên, tiếng dao cứa, giật, và từng

sợi dây lưới rời ra. Cô bé giật lấy chúng, nhổ nước bọt, rồi lao tới ôm lấy Pantalaimon.

Vừa quỳ gối, cô vừa xoay người để nhìn lên những người mới đến. Đó là ba người đàn ông da ngăm đen, một người mang cung tên, hai người còn lại cầm dao. Cô vừa định quay đi thì người cầm cung thốt lên kinh ngạc.

“Chẳng phải Lyra đấy sao?”

Giọng nói mới quen thuộc làm sao, nhưng cô lại chẳng thể nhớ ra là ai cho tới khi anh ta bước tới, để cho ngọn đèn gần nhất phản ánh sáng lên khuôn mặt và con linh thú điều hâu trên vai. Cô liền nhận ra. Một người du mục! Một người du mục Oxford đích thực!

“Tony Costa,” anh ta nói. “Nhớ anh chứ? Em vẫn thường chơi với thằng Billy em anh dưới đám thuyền ở Jericho, trước khi Những Kẻ háu ăn bắt được nó.”

“Ôi Chúa ơi, Pan, chúng ta được cứu rồi!” Cô bé nức nở, nhưng rồi một ý nghĩ ập đến: thuyền của nhà Costa chính là cái mà cô đã cướp ngày hôm đó. Chắc hẳn anh ta còn nhớ chứ?

“Em nên đi với bọn anh,” anh ta nói. “Em có một mình thôi à?”

“Vâng. Em đang chạy trốn...”

“Được rồi, tạm thời đừng kể vội. Cứ giữ im lặng đi. Jaxer, kéo mấy cái xác vào trong bóng tối. Kerim, quan sát xung quanh.”

Lyra run rẩy đứng dậy, ôm lấy con mèo rừng Pantalaimon vào lòng. Thấy nó xoay người nhìn thứ gì đó, Lyra cũng nhìn theo, hiểu ra và đột nhiên cũng thấy tò mò: chuyện gì sẽ xảy ra với đám linh thú của những kẻ đã chết? Chúng đang mờ dần, đó là câu trả lời; mờ dần và trôi giạt đi như những nguyên tử khói mặ cho chúng có cố gắng bám giữ lấy chủ thể đến thế nào. Pantalaimon che mắt lại, còn Lyra thì vội vã mò mẫm theo sau Tony Costa.

“Các anh đang làm gì ở đây vậy?” Cô bé hỏi.

“Trật tự đi nhóc. Có quá đủ vấn đề đang tồn tại rồi, không cần phải xối thêm đâu. Lên thuyền rồi nói chuyện.”

Cậu ta dẫn cô qua một cây cầu gỗ nhỏ vào giữa lòng vịnh kình. Hai người còn lại lặng lẽ theo sau họ. Tony rẽ theo bên cảng rồi lên một cầu tàu bằng gỗ, từ đó họ bước lên một con thuyền dài và mở cửa vào khoang hành khách.

“Vào đi,” anh ta nói. “Nhanh lên.”

Lyra làm theo, vỗ vỗ lên túi (kể cả lúc mắc trong lưới cô cũng không rời tay khỏi nó) để chắc chắn rằng chiếc Chân Kế vẫn còn ở đó. Trong khoang hành khách dài và hẹp, nhờ vào ánh sáng của chiếc đèn lồng treo trên móc, cô bé thấy một người phụ nữ chắc nịch đầy uy quyền với mái tóc hoa râm đang ngồi bên bàn, tay cầm giấy. Lyra nhận ra bà là mẹ của Billy.

“Ai thế này?” Người phụ nữ nói. “Chẳng lẽ lại là Lyra?”

“Đúng đó ạ. Má, chúng ta phải đi thôi. Bọn con đã giết hai tên trên bờ. Bọn con cứ nghĩ chúng là Những Kẻ háu ăn, nhưng có vẻ chúng lại là thương lái người Turk. Chúng tóm được Lyra. Thôi không nói nữa - cứ lên đường rồi nói sau.”

“Lại đây nào, cháu gái,” Má Costa gọi.

Lyra ngoan ngoãn làm theo, nửa hạnh phúc nửa e sợ, vì Má Costa có đôi tay như hai cái dùi cui, và giờ thì cô đã chắc chắn: thuyền của họ *chính* là cái mà cô, Roger và những đứa trẻ học viện khác đã cướp. Nhưng bà mẹ chủ thuyền lại đặt hai tay lên hai bên mặt Lyra, còn linh thú của bà, một con điều râu mắt vàng, vừa kêu lên một tiếng ngắn gọn chào đón Pantalaimon. Sau đó Má Costa vòng cánh tay vĩ đại của mình quanh người Lyra và ôm ghì cô vào lòng.

“Ta không biết cháu đang làm gì ở đây, nhưng trông cháu tã tưởi quá. Cháu có thể dùng giường cũ của Billy, ta sẽ mang đồ uống nóng vào cho cháu ngay. Ngồi xuống đó đi nào, cháu gái.”

Có vẻ như tính cướp biển trong bà đã được bỏ qua, hoặc ít nhất là bị quên mất. Lyra nhẹ nhàng ngồi lên chiếc trường kỉ bọc đệm đằng sau mặt bàn gỗ thông được đánh láng bóng trong lúc tiếng ùng ùng từ đầu máy chạy gas làm rung chuyển con thuyền.

“Chúng ta đi đâu vậy?” Lyra hỏi.

Má Costa đang đặt chiếc xoong đựng sữa lên bếp sắt rồi chọc vỉ lò để khơi lửa lên.

“Ra khỏi đây. Bây giờ không nói gì nữa. Chúng ta sẽ nói chuyện khi trời sáng.”

Và bà không nói thêm gì, chỉ đưa cho Lyra cốc sữa sau khi đã được đun nóng rồi nhảy lên boong khi con thuyền khởi hành, thỉnh thoảng lại thì thào gì đó với đám đàn ông. Lyra húp sữa rồi vén góc tấm màn cửa lên nhìn khu cầu tàu tối om lướt qua. Chỉ vài phút sau cô đã chìm sâu vào giấc ngủ.

Lyra tỉnh dậy trên một chiếc giường hẹp, cảm nhận tiếng máy gầm để chịu từ sâu bên dưới. Cô ngồi dậy, đập đầu, chửi thề, mò mẫm xung quanh, rồi đứng dậy cẩn thận hơn. Một dải sáng mảnh màu xám cho thấy ba chiếc giường khác, một chiếc phía dưới cô và hai chiếc khác ở phía bên kia căn phòng nhỏ xíu. Tất cả đều trống rỗng với chăn gối được xếp gọn gàng. Cô bé xoay người sang bên và thấy mình đang mặc đồ lót, bộ đầm và chiếc áo khoác da sói được gấp và đặt dưới cuối giường cùng với chiếc túi mua hàng của cô. Chiếc Chân Kề vẫn ở đó.

Cô bé vội vàng mặc đồ rồi bước qua cánh cửa phía cuối căn phòng. Cô thấy mình đang ở trong khoang có lò sưởi, thật ấm áp làm sao. Nhưng chẳng có ai ở đó cả. Qua lớp cửa sổ, cô nhìn thấy sương mù xám xịt cuộn xoáy ở hai bên, thỉnh thoảng lại lấp ló những hình dạng sẫm màu có vẻ như là nhà cửa hay cây cối.

Cô bé chưa kịp bước lên boong thì cánh cửa phía ngoài bật mở. Má Costa bước xuống, quần mình trong chiếc áo khoác cũ bằng vải

tuýt, sương ướt đọng lại trên đó như cả ngàn viên ngọc trai nhỏ li ti.

“Ngủ ngon chứ?” Bà hỏi, với lấy chiếc chảo rán. “Giờ thì ngồi tránh chỗ nào đó đi để ta làm bữa sáng cho cháu. Đừng có đứng loanh quanh, không có chỗ đâu.”

“Chúng ta đang ở đâu vậy?” Lyra hỏi.

“Trên Kênh Nổi Lớn. Nhớ tránh mặt đi đấy nhóc. Ta không muốn cháu mò lên phía trên đâu. Rắc rối lắm.”

Bà đẩy vài miếng thịt xông khói mỏng vào chảo rồi đập một quả trứng vào cùng.

“Rắc rối kiểu gì ạ?”

“Chẳng có gì chúng ta không giải quyết được, nếu cháu chịu tránh mặt đi.”

Bà không nói gì thêm cho tới khi Lyra ăn xong. Đến một lúc, chiếc thuyền đi chậm lại, có thứ gì đó đập vào mạn thuyền. Cô bé nghe thấy tiếng đàn ông hét lên giận dữ; nhưng rồi một câu đùa của ai đó đã làm họ cười, những tiếng nói dịu đi và chiếc thuyền lại lên đường.

Đúng lúc đó Tony Costa chạy xuống cabin. Cũng giống như mẹ mình, người anh ta bám đầy những hạt ngọc trai từ sương. Anh giữ chiếc mũ len trên lò sấy, khiến những hạt nước nảy lên và bắn tung tóe.

“Chúng ta sẽ kể gì với cô bé đây, Má?”

“Hỏi trước, kể sau.”

Anh đổ chút cà phê vào cái cốc bằng thiếc rồi ngồi xuống. Đó là một anh chàng cường tráng, mặt đen sạm. Giờ đây khi có thể nhìn anh ta trong ánh sáng ban ngày, Lyra thấy một vẻ dữ dằn pha lẫn buồn bã trên nét mặt anh.

“Được rồi,” anh nói. “Giờ thì nói cho chúng ta nghe em đang làm gì ở London đi, Lyra. Chúng ta đưa em xuống đây vì em suýt bị Những Kẻ háu ăn bắt.”

“Em đang sống với một người phụ nữ...”

Lyra lúng túng chấp nối câu chuyện và xếp theo đúng tuần tự như thể cô đang sắp một bộ bài để chuẩn bị chia vậy. Cô bé kể cho họ nghe tất cả mọi việc, trừ chiếc Chân Kế.

“Rồi tối qua tại bữa tiệc cocktail, em đã phát hiện ra bọn họ đang thực sự tiến hành điều gì. Bản thân Phu nhân Coulter cũng là một trong số Những Kẻ háu ăn, bà ta định lợi dụng em để bắt thêm nhiều trẻ con nữa. Còn việc họ đang làm thì...”

Má Costa rời khỏi cabin để bước sang buồng lái. Tony đợi đến khi cánh cửa đóng lại hẳn rồi mới nói tiếp:

“Bọn anh biết chúng làm gì. Ít nhất thì cũng một phần của việc đó. Bọn anh biết bọn nhóc sẽ không trở về. Lũ trẻ bị bắt tới một nơi rất hẻo lánh ở Phương Bắc, và bị đưa vào làm thí nghiệm. Ban đầu mọi người cho rằng chúng đang thử các loại bệnh và thuốc khác nhau, nhưng chẳng có lí do gì để đột ngột bắt đầu làm chuyện đó vào hai hay ba năm trước cả. Rồi bọn anh nghĩ tới lũ Tartar, có lẽ chúng đang bí mật giao kèo gì đó trên phía Siberia; vì lũ Tartar cũng muốn di dân lên Phương Bắc không kém gì đám còn lại để chiếm tinh than và mỏ lửa*, ngoài ra còn có tin đồn về chiến tranh rất lâu trước khi Những Kẻ háu ăn xuất hiện. Vậy nên bọn anh cho rằng Những Kẻ háu ăn đang mua chuộc đám thủ lĩnh người Tartar bằng cách dâng tặng chúng trẻ con, vì bọn Tartar ăn thịt trẻ con đúng không? Chúng nướng lũ nhóc lên rồi ăn.”

“Làm gì có!” Lyra phản đối.

“Có đấy. Còn nhiều chuyện khác để kể cơ. Em đã nghe về lũ Näлкäinen bao giờ chưa?”

Lyra đáp: “Chưa ạ. Phu nhân Coulter cũng không kể cho em. Chúng là gì vậy?”

“Đó là một loại ma sống trong rừng ở phía trên đó. Cỡ chừng một đứa trẻ, và không có đầu. Buổi đêm chúng lẩn mò loanh quanh, nếu tìm được ai ngủ lại trong rừng, chúng sẽ tóm chặt lấy, không có cách gì gỡ ra được. Näлкäinen là một từ của Phương Bắc. Cả bọn Hút Gió nữa, chúng cũng rất nguy hiểm. Chúng trôi nổi trong không khí. Thỉnh thoảng người ta lại bắt gặp chúng tụm đồng lại rồi trôi cùng nhau, hay bị vướng vào một bụi gai. Chỉ cần bị chúng chạm vào người thôi là bao nhiêu sinh lực lập tức bị rút hết. Không ai có thể thấy chúng trừ một đốm sáng lơ mơ trong không khí. Rồi còn Những Kẻ Tắc thờ nữa...”

“Chúng là ai?”

“Những chiến binh bị giết gần chết. Sống là một chuyện, mà chết lại là chuyện khác, nhưng bị giết gần chết thì tồi tệ hơn cả. Chúng không thể chết được, trong khi sống lại là việc vượt quá tầm với. Chúng cứ mãi mãi đi lang thang. Chúng bị gọi là Những Kẻ Tắc thờ do điều mà người ta đã làm với chúng.”

“Là gì vậy ạ?” Lyra tròn mắt hỏi.

“Đám Tartar Phương Bắc đã bẻ gãy xương sườn và moi phổi chúng ra. Công việc này đòi hỏi phải rất khéo léo. Chúng đã làm thế mà không giết chết Những Kẻ Tắc thờ, nhưng phổi của đám đó không thể hoạt động được nữa nếu không nhờ đám linh thú dùng tay bơm. Kết quả là chúng lơ lửng giữa thờ và không thờ, sống và chết, bị giết gần chết, em thấy đấy. Linh thú của chúng cứ phải bơm lấy bơm để suốt ngày suốt đêm, nếu không thì cũng sẽ bỏ mạng theo chủ. Anh còn nghe nói thỉnh thoảng ở trong rừng người ta còn bắt gặp nguyên một trung đội Những Kẻ Tắc thờ cơ. Rồi còn có *panserbjørne* - em nghe thấy bao giờ chưa? Nó có nghĩa là những con gấu mặc áo giáp. Chúng dạng như gấu Bắc Cực, chỉ trừ...”

“Có! Em có nghe về chúng rồi! Một trong những gã đàn ông tối qua nói rằng Ngài Asriel bác em đang bị giam cầm trong một pháo đài do những con gấu mặc giáp canh giữ.”

“Hiện tại á? Ông ấy làm gì trên đó vậy?”

“Thám hiểm ạ. Nhưng theo như cách hẳn ta nói thì em không nghĩ bác em cùng phe với Những Kẻ háu ăn. Em nghĩ bọn chúng vui mừng vì bác ấy đang bị giam.”

“Chà, bọn gấu mặc giáp mà canh thì ông ấy không thoát nổi đâu. Bọn chúng giống như những kẻ làm công vậy, hiểu ý anh không? Chúng bán sức mạnh cho bất cứ ai trả chúng tiền. Bọn chúng có tay giống như con người, và đã học được thủ thuật rèn sắt, chủ yếu là sắt thiên thạch, chúng chế tạo những tấm và lá sắt để bao bọc cơ thể. Đám này đã tấn công người Skraeling từ hàng thế kỉ nay. Chúng là những tên sát nhân xấu xa và cực kì tàn độc. Nhưng chúng lại biết giữ lời hứa. Nếu có thỏa thuận với một tên *panserbjørne*, người ta có thể tin tưởng vào điều đó.”

Lyra kinh ngạc trước những tin tức khủng khiếp này.

“Má không muốn nghe về Phương Bắc,” một lúc sau Tony nói tiếp, “vì những thứ có thể đã xảy ra với Billy. Bọn anh biết là chúng đã bắt nó lên Phương Bắc, em thấy đấy.”

“Làm sao các anh biết được?”

“Bọn anh bắt được một trong số Những Kẻ háu ăn, và bắt hẳn khai. Nhờ vậy mà bọn anh biết được chút ít về việc chúng đang tiến hành. Hai kẻ tối hôm qua không thuộc Những Kẻ háu ăn; chúng quá vụng về. Chúng mà là Những Kẻ háu ăn thì bọn anh đã bắt sống rồi. Rõ ràng là dân du mục bọn anh bị Những Kẻ háu ăn này gây họa nhiều hơn phần lớn những người khác, nên bọn anh đang tập hợp lại để quyết định phải giải quyết việc này thế nào. Tối qua bọn anh đã vào lòng kênh với mục đích như vậy, để chuyển hàng dự trữ, vì dân du mục sẽ có một buổi tập kết lớn ở Fen, bọn anh gọi đó là Roping. Anh thì đoán là sau khi đã nghe thông tin từ những người du mục khác và ghép nối các tin tức lại với nhau, mọi người sẽ cử ra một đội đi giải cứu. Anh mà là John Faa thì anh sẽ làm thế.”

“John Faa là ai ạ?”

“Vua của dân du mục.”

“VẬY các anh thật sự sẽ đi giải cứu những đứa trẻ? Còn Roger thì sao?”

“Roger nào?”

“Thằng bé phụ bếp trong Học viện Jordan. Cậu ấy cũng bị bắt cóc giống như Billy vào cái ngày trước khi em đi cùng với Phu nhân Coulter. Em dám chắc nếu mình bị bắt cóc, cậu ấy sẽ đến giải thoát cho em. Nếu các anh định cứu Billy, em cũng muốn đi cùng để giải cứu Roger.”

Và cả Bác Asriel nữa, cô bé nghĩ; nhưng cô không nhắc tới điều đó.

7

John Faa

Giờ đây khi đã có nhiệm vụ cần phải hoàn thành, Lyra cảm thấy khá lên nhiều. Giúp đỡ Phu nhân Coulter cũng rất vui, nhưng Pantalaimon nói đúng: cô bé không thật sự làm gì ở đó cả, cô chỉ đơn thuần là một con thú cưng xinh xắn. Trên thuyền của người du mục thì có công việc hăn hoi, và Má Costa luôn đảm bảo rằng cô phải làm việc. Cô lau chùi quét dọn, gọt khoai pha trà, tra dầu cho giá trục chân vịt, làm sạch miếng chắn rong rêu bên trên chân vịt, rửa bát, mở cửa cống, buộc tàu vào trụ neo, và chỉ trong vài ngày cô đã quen với cuộc sống mới này đến mức cứ như cô vốn được sinh ra là dân du mục vậy.

Lyra không hề nhận ra rằng gia đình Costa luôn cảnh giác với bất cứ dấu hiệu quan tâm bất thường nào đến cô từ những cư dân trên bờ. Có lẽ cô cũng không nhận ra tầm quan trọng của mình, rằng Phu nhân Coulter và Ủy ban Hiến tế đang quyết tâm lùng sục khắp nơi để tìm cô. Quả vậy, Tony nghe người ta bàn tán trong các quán rượu dọc đường rằng cảnh sát đang lùng soát nhà cửa, trang trại, sân các tòa nhà và xí nghiệp mà không có lời giải thích nào, mặc dù có tin đồn rằng họ đang tìm một cô bé mất tích. Bản thân điều đó thật kì lạ, trong khi tất cả những đứa khác bị mất tích thì không có ai đi tìm. Cả dân du mục trên sông lẫn cư dân trên đất liền đều đang bồn chồn lo lắng.

Còn có một lí do khác cho sự quan tâm của nhà Costa đến Lyra; nhưng phải vài ngày nữa cô mới nhận ra được.

Họ bắt đầu có thói quen giữ cô phía dưới boong khi đi qua nhà của người canh cửa cổng hay vịnh kênh, hoặc bất cứ nơi nào có khả năng xuất hiện những kẻ rảnh rỗi đi lang thang. Có lần họ đã đi qua một thị trấn nơi cảnh sát đang lục soát tất cả thuyền bè qua lại trên đường thủy và chặn giao thông ở cả hai hướng. Nhưng nhà Costa cũng không hề kém cạnh. Có một gian bí mật dưới giường ngủ của Má, Lyra đã ở rịt trong đó suốt hai giờ đồng hồ trong lúc cảnh sát âm thầm lục soát khắp chiều dài thuyền trong vô vọng.

“Nhưng sao linh thú của họ lại không tìm thấy cháu?” Cô bé hỏi sau khi mọi chuyện kết thúc. Má chỉ cho cô lớp gỗ che tường của không gian bí mật: gỗ tuyết tùng, thứ vật liệu có tác dụng gây buồn ngủ lên các linh thú. Quả thực, suốt cả thời gian đó Pantalaimon đã ngủ ngon lành bên đầu Lyra.

Dần dần, với nhiều lần phải dừng lại hoặc đi đường vòng, thuyền của nhà Costa đã đến gần Fen, một vùng đất hoang dã rộng lớn với bầu trời bao la và khu đầm lầy vô tận của Đông Anglia, nơi chưa từng được lập bản đồ một cách đầy đủ. Đường rìa xa nhất của nó hòa lẫn vào với những con lạch và vịnh nước triều của vùng biển nông, còn bờ bên kia của biển lại hòa lẫn vào đất Hà Lan. Vài phần của vùng Fen đã được người Hà Lan - một trong số những người sống định cư tại đó - tát cạn và đắp đê, vì vậy ngôn ngữ của vùng Fen đặc chất Hà Lan. Nhưng cũng có những phần chưa từng bị tát cạn, trồng cây hay định cư chút nào. Tại những vùng trung tâm hoang dã nhất, nơi lươn bò trườn và vịt nước tụ họp, nơi những đốm lửa đầm lầy lập loè đầy ma quái và những kẻ lừa đường dụ các du khách bất cẩn tới cái chết rình rập trong những khu đầm lầy và bùn đọng, thì dân du mục lại luôn thấy an toàn để tập hợp tại đây.

Giờ đây, băng vô vàn những kênh rạch và đường nước ngoằn ngoèo, các thuyền du mục đang tiến vào Byanplats, mảnh đất duy nhất hơi nhô lên giữa hàng trăm dặm vuông đầm lầy và bùn đọng. Tại đây tọa lạc một hội trường bằng gỗ cổ với một đồng tạp nham những nhà

định cư quanh đó, rồi các bến tàu, cầu tàu và một khu chợ lươn. Khi một Byanroping - cuộc triệu tập hay tụ họp của dân du mục - được loan báo, toàn bộ hệ thống đường nước sẽ được lấp kín bởi nhiều tàu thuyền đến mức ta có thể đi cả dặm theo bất cứ hướng nào qua boong của chúng; hoặc ít ra là người ta đồn như thế. Dân du mục thống trị vùng Fen. Không kẻ nào khác dám tiến vào, và chừng nào những người dân du mục vẫn duy trì hòa bình và giao thương sòng phẳng, các cư dân đất liền cũng bỏ qua tình trạng buôn lậu liên miên cũng như vài mối thù hằn thình thoảng nổ ra. Còn nếu một xác du mục trôi xuống bờ biển hoặc bị vướng vào lưới đánh cá, ừ thì - chỉ là một tên du mục thôi mà.

Lyra mê mẩn lắng nghe sự tích về các cư dân của vùng Fen, về con chó ma khổng lồ Black Shuck, về những đốm lửa đầm lầy dâng lên từ bong bóng của dầu phù thủy, và bắt đầu cho rằng bản thân là dân du mục trước cả khi họ tới được Fen. Cô đã sớm quay lại với âm điệu Oxford của mình, và giờ thì cô lại đang học giọng của dân du mục, hoàn thiện nó với từ vựng của Fen-Hà Lan. Má Costa đã phải nhắc nhở cô vài điều.

“Cháu không phải dân du mục, Lyra ạ. Nếu luyện tập, cháu có thể được coi là du mục, nhưng với chúng ta, ngoài ngôn ngữ còn nhiều thứ khác nữa. Trong chúng ta có những điều sâu thẳm và những dòng chảy cuồn cuộn mạnh mẽ. Chúng ta hoàn toàn là những con người của sông nước, nhưng cháu thì khác, cháu là con người của lửa rực. Thứ cháu giống nhất là lửa đầm lầy, đó là vị trí của cháu trong biểu đồ của người du mục; cháu có chất dầu phù thủy trong tâm hồn mình. Gian xảo, đó chính là phẩm chất của cháu, cô bé ạ.”

Lời nói đó làm Lyra bị tổn thương.

“Cháu chưa từng lừa một ai cả! Bà hỏi...”

Hẳn nhiên là chẳng có ai để hỏi cả. Má Costa cười phá lên, nhưng tiếng cười đó đầy thành ý.

“Cháu không thấy là ta đang khen ngợi cháu à, đồ ngỗ con?” Bà nói. Lyra cảm thấy nhẹ nhõm hơn mặc dù cô không hiểu ý bà.

Khi họ tới được Byanplats thì trời đã về chiều, vầng thái dương dần chìm xuống trên nền trời đỏ au. Hòn đảo nhỏ và Zaal khom mình dưới ánh sáng thành một bóng đen thẫm, giống như những cụm nhà xung quanh đó; từng dải khói lan tỏa trong bầu không khí tĩnh mịch, và từ đám tàu bè chen chúc khắp bốn phương phảng phất mùi cá rán, mùi lá thuốc, hay mùi rượu jenniver.

Họ buộc thuyền lại gần Zaal, tại một cột neo mà Tony nói rằng đã được gia đình nhà anh dùng qua hàng thế hệ. Vào lúc đó, đám lươn béo mẫm trên chảo rán của Má Costa đang cháy xèo xèo, ấm nước đã được bắc sẵn sàng cho món bột khoai tây. Tony và Kerim vuốt dầu lên tóc, khoác lên cái áo da bánh bao nhất và chiếc khăn quàng chấm bi xanh, xỏ ngón tay đầy những nhẫn bạc, rồi đi chào hỏi đôi người bạn cũ trên các con thuyền lân cận và làm vài li rượu tại quầy bar gần nhất. Họ quay về với tin tức quan trọng.

“Chúng ta đến vừa đúng lúc. Buổi Roping sẽ diễn ra vào đúng tối hôm nay. Mọi người trong thị trấn đang đồn rằng - mọi người nghĩ gì về việc này? - họ nói rằng đứa trẻ mất tích đang ở trên một con thuyền du mục, và nó sẽ xuất hiện tối nay tại buổi Roping!”

Anh cười lớn rồi bới tóc Lyra. Kể từ khi tiến vào vùng Fen, anh ngày càng vui vẻ, như thể vẻ u ám cau bần trên gương mặt anh khi ở bên ngoài chỉ là một lớp hóa trang vậy. Bản thân Lyra thì thấy một sự phấn khích đang lớn dần trong ngực trong khi cô ăn vội, rửa chén bát rồi chải tóc, nhét chiếc Chân Kế vào túi áo khoác da sói, sau đó nhảy lên bờ cùng với tất cả các gia đình khác đang leo lên dốc tới Zaal.

Cô bé cứ nghĩ rằng Tony chỉ nói đùa. Nhưng cô đã sớm nhận ra rằng không phải thế, hoặc rằng trông cô ít giống một người dân du mục hơn bản thân cô nghĩ, vì có rất nhiều người đang nhìn cô chòng chọc, trẻ con thì chỉ trỏ. Khi tới được những cánh cửa vĩ đại của Zaal,

họ đứng trơ trọi giữa hai đám đông nán lại ở hai bên để nhìn và dành chỗ cho họ.

Lúc này Lyra bắt đầu cảm thấy thực sự căng thẳng. Cô bé nép sát vào Má Costa, còn Pantalaimon thì biến hình to nhất có thể và dùng hình dạng con báo của mình để trấn an cô. Má Costa lê chân lên từng bậc thang như thể chẳng có gì trên thế giới này có thể ngăn cản bà hay khiến bà đi nhanh hơn, còn Tony và Kerim thì hãnh diện bước đi hai bên như những vị hoàng tử.

Hội trường được thắp sáng bởi những chiếc đèn dầu, một thứ ánh sáng đủ để chiếu rọi gương mặt và cơ thể của những người đến dự, nhưng lại để mặt nóc nhà cao tít chìm trong tăm tối. Người mới vào phải chật vật tìm chỗ trên sàn vì những chiếc trường kỉ đều đã chật ních người; nhưng các gia đình đều ngồi sát lại để nhường chỗ, trẻ con ngồi trong lòng còn linh thú cuộn tròn dưới chân hay đậu trên những bức tường gỗ xù xì để không tốn diện tích.

Ở phần trước của Zaal có một bục diễn thuyết với tám chiếc ghế gỗ chạm khắc được đặt sẵn. Khi Lyra và nhà Costa tìm được chỗ đứng bên rìa của sảnh (không còn chỗ nào để ngồi), tám người đàn ông bước ra từ bóng tối phía sau bục và đứng vào trước những chiếc ghế. Một làn sóng hứng khởi tràn qua phía khán giả khi họ nhắc nhau giữ im lặng và ép người vào những chỗ trống trên chiếc ghế gần nhất. Cuối cùng khi hội trường yên lặng trở lại, bảy trong số những người đàn ông trên bục ngồi xuống.

Người còn đang đứng tầm bảy mươi tuổi, nhưng cao to, cổ dày và khỏe khoắn, trông đầy uy lực. Ông khoác áo bằng vải bạt giản dị bên ngoài chiếc sơ mi kẻ ô, giống như nhiều người đàn ông du mục khác; trông ông không có gì nổi bật ngoài khí chất mãnh liệt và uy quyền. Lyra liền nhận ra: Bác Asriel cũng có khí chất đó, và cả Hiệu trưởng trường Jordan nữa. Linh thú của người đàn ông này là một con quạ, giống như của Hiệu trưởng vậy.

“Đó là John Faa, vua của dân du mục miền tây,” Tony thì thầm.

John Faa cất tiếng nói với một giọng trầm và chậm rãi.

“Hỡi những người dân du mục! Chào mừng đến với Roping. Chúng ta đến để lắng nghe và đến để quyết định. Tất cả các vị đều biết lí do. Có rất nhiều gia đình ở đây có trẻ con bị mất tích. Có người mất đến hai đứa. Có kẻ nào đó đang bắt chúng đi. Xin hãy nhớ rằng cư dân trên đất liền cũng bị mất con. Chúng ta không có gì bất hòa với dân đất liền về việc này cả.

“Gần đây có tin đồn về một đứa trẻ và một giải thưởng. Tôi xin thông báo sự thật để ngừng mọi lời bàn tán. Tên của đứa bé là Lyra Belacqua, cô bé đang bị cảnh sát trên mặt đất lùng sục. Giải thưởng một nghìn đồng vàng sẽ được trao cho ai giao nộp lại cô bé. Lyra vốn là dân mặt đất, nhưng giờ cô bé đang được chúng ta chăm sóc, và đây cũng là nơi cô bé sẽ lưu lại. Bất cứ ai ham muốn một nghìn đồng vàng đó tốt hơn hết nên tìm một nơi không phải trên mặt đất cũng không phải trên sông ngòi. Chúng ta sẽ không giao cô bé ra.”

Lyra cảm thấy nóng bừng từ chân tóc đến bàn chân; Pantalaimon đã biến thành một con bướm đêm màu nâu để trốn. Ánh mắt từ mọi hướng đang dồn vào họ, và cô bé chỉ còn biết nhìn lên Má Costa để được trấn an.

Nhưng John Faa lại nói tiếp:

“Dù có nói đến mấy cũng không thay đổi được gì. Chúng ta phải hành động nếu muốn thay đổi sự việc. Đây là một sự thật khác dành cho quý vị: Những Kẻ háu ăn, lũ trộm trẻ con này, đang đưa các tù binh của mình lên một thị trấn ở vùng viễn Bắc, tí xa trên vùng đất tăm tối. Tôi không biết chúng làm gì với lũ trẻ ở trên đó. Vài người nói chúng giết bọn trẻ, những người khác lại nói khác. Chúng ta không biết.

“Điều chúng ta biết là chúng thực hiện việc đó với sự hỗ trợ của đám cảnh sát đất liền và giới tăng lữ. Mọi thế lực trên đất liền đều đang giúp đỡ chúng. Hãy nhớ lấy điều đó. Họ biết chuyện gì đang xảy ra và sẽ trợ giúp bất cứ khi nào có thể.

“Vậy nên điều tôi đề xuất sắp tới hoàn toàn không dễ dàng. Và tôi cần sự đồng thuận của các vị. Tôi đề xuất rằng chúng ta sẽ cử một đội chiến binh lên Phương Bắc để giải cứu lũ trẻ và đưa chúng về an toàn. Tôi đề xuất rằng chúng ta dồn vàng vào công việc này, cùng toàn bộ tàu thuyền và lòng dũng cảm mà mình có thể tập hợp được. Vâng, Raymond van Gerrit?”

Một trong số những người tham dự đang giơ tay lên. John Faa ngồi xuống để ông ta nói.

“Tôi xin phép, thưa Ngài Faa. Trên đó có cả bọn nhóc đất liền lẫn dân du mục bị bắt giữ. Có phải ngài đang nói chúng ta cũng nên cứu cả chúng không?”

John Faa đứng dậy để trả lời.

“Raymond, ý ông là chúng ta phải chiến đấu với đủ mọi nguy hiểm để cứu một nhóm nhỏ những đứa bé đang hoảng sợ, rồi nói với vài đứa trong số đó rằng chúng có thể về nhà, còn với những đứa còn lại rằng chúng phải ở lại? Không, ông là một người tuyệt vời hơn thế mà. Vậy, tôi có được sự đồng thuận của mọi người không, các bạn của tôi?”

Câu hỏi khiến họ bất ngờ, vì có một khoảnh khắc lưỡng lự; nhưng rồi một tiếng hét vang trời chiếm trọn lấy hội trường, những cánh tay giơ cao vỗ hưởng ứng, những nắm đấm rung lên, những tiếng hô vang đầy phấn khích. Nóc hội trường Zaal rung chuyển, từ những xà nhà cao khuất trong bóng tối, một đàn chim đang say ngủ hoảng hốt bật tỉnh rồi đập cánh loạn xạ, khiến bụi lá tả rơi xuống.

John Faa để cho tiếng ồn kéo dài một lúc, rồi giơ tay lên để lấy lại trật tự.

“Việc này sẽ cần thời gian để thiết lập. Tôi muốn lãnh đạo các gia tộc tăng thuế và tập hợp quân lực. Chúng ta sẽ gặp lại ở đây sau ba ngày. Từ giờ đến lúc đó tôi sẽ nói chuyện với đứa trẻ đã nhắc đến lúc trước, và với Farder Coram, sau đó sẽ lập một kế hoạch để trình bày

trước mọi người khi chúng ta gặp lại. Chúc mọi người một buổi tối tốt lành.”

Dáng vẻ đồ sộ, mộc mạc và chân chất của ông đủ để làm họ bình tĩnh lại. Khi người tham dự bắt đầu rời khỏi những cánh cửa khổng lồ để bước vào màn đêm lạnh giá, về thuyền của họ hoặc tới những quầy bar chật ních người của khu định cư nhỏ bé, Lyra nói với Má Costa:

“Những người còn lại trên bục là ai vậy ạ?”

“Lãnh đạo của sáu gia tộc, người còn lại là Farder Coram.”

Không khó để đoán được người còn lại là ai, vì ông ta là người già nhất ở đó. Ông đi lại với một cây gậy và suốt thời gian ngồi đằng sau John Faa, người ông luôn run lên như thể có gì đó muốn tranh cãi vậy.

“Đi nào,” Tony nói. “Tốt nhất là anh nên đưa em lên chào hỏi John Faa. Gọi ông ấy là Ngài Faa nhé. Anh không biết em sẽ bị hỏi gì, nhưng nhớ nói sự thật đấy.”

Pantalaimon, lúc này đã biến thành chim sẻ, đang ngồi trên vai Lyra đẩy vé hiếu kì, móng quặp sâu vào lớp áo da sói, trong khi cô đi theo Tony qua đám đông lên bục diễn thuyết.

Anh nhắc cô lên. Biết rằng những người vẫn còn lưu lại hội trường đang nhìn mình, và ý thức được về một nghìn đồng vàng mà mình đột nhiên đáng giá, cô bé đỏ mặt ngập ngừng. Pantalaimon lao vào lòng cô rồi biến thành một con mèo rừng, ngồi thẳng trên tay cô, vừa nhìn quanh vừa khẽ rít lên.

Khi cảm thấy có ai đó khẽ đẩy, Lyra bước tới trước John Faa. Trông ông nghiêm nghị, cao lớn và vô cảm, giống một cột đá hơn là một con người, nhưng ông liền cúi xuống và chìa tay ra bắt. Khi cô bé đưa tay mình vào, nó gần như mất hút trong đó.

“Chào mừng cháu, Lyra,” ông nói.

Khi ở gần, cô bé cảm thấy giọng nói của ông rung chuyển như chính trái đất vậy. Cô hẳn đã thấy căng thẳng nếu không nhờ có

Pantalaimon, và sự thật là biểu cảm lạnh lùng sắt đá của John Faa đã ấm áp hơn một chút. Ông đang đối xử với cô rất dịu dàng.

“Cảm ơn Ngài Faa,” cô nói.

“Giờ thì vào phòng hội đàm và nói chuyện thôi,” John Faa nói. “Họ có cho cháu ăn uống đầy đủ không đó, nhà Costa ấy?”

“Ồ có ạ. Chúng cháu vừa ăn lươn cho bữa xế.”

“Lươn chính hiệu của Fen, ta tin là thế.”

Phòng hội đàm là một nơi dễ chịu với lò sưởi lớn, những chiếc tủ buffet bày đồ bạc và đồ sứ, cùng chiếc bàn nặng nề được năm tháng đánh bóng thành một màu thẫm, nơi mười hai chiếc ghế được xếp sẵn.

Những người khác trên bục diễn thuyết đã đi đâu mất, nhưng ông già run rẩy thì vẫn ở đó với họ. John Faa đỡ ông tới chiếc ghế bên bàn.

“Cháu ngồi phía bên phải của ta đây,” John Faa nói với Lyra còn bản thân thì ngồi xuống chiếc ghế chủ tọa. Lyra thấy mình đang ngồi đối diện với Farder Coram. Cô thấy hơi hoảng vì khuôn mặt xương xẩu và cơn run rẩy không ngừng của ông. Linh thú của ông là một con mèo cỡ bự có bộ lông mang sắc thu tuyệt đẹp. Nó sải bước dọc theo chiếc bàn với cái đuôi vênh cao, kiêu diễm xem xét Pantalaimon rồi khễ chạm mũi với nhau trước khi yên vị trong lòng Farder Coram, nhắm hờ mắt và khễ rên lên gừ gừ.

Một người phụ nữ mà Lyra không biết bước ra từ trong bóng tối với một khay li thủy tinh, đặt nó xuống bên cạnh John Faa, cúi chào rồi rời đi. John Faa rót chút rượu jenniver từ bình đá cho mình cùng Farder Coram, và một cốc rượu vang cho Lyra.

“Lyra,” John Faa nói. “Vậy là cháu đã chạy trốn.”

“Vâng.”

“Người phụ nữ mà cháu trốn khỏi là ai vậy?”

“Bà ta được gọi là Phu nhân Coulter. Cháu cứ nghĩ đó là người tốt nhưng cháu đã phát hiện ra bà ta là một trong số Những Kẻ háu ăn. Cháu nghe có người nói về tổ chức của Những Kẻ háu ăn, chúng được

gọi là Tổng Ủy ban Hiến tế, và bà ta phụ trách nó, đó hoàn toàn là ý tưởng của bà ta. Tất cả bọn chúng đều đang tiến hành một kế hoạch nào đó, cháu không biết nó là gì, chỉ biết là chúng định bắt cháu giúp bà ta kiếm thêm trẻ con cho tổ chức. Nhưng chúng không hề biết...”

“Chúng không hề biết gì?”

“À, đầu tiên là chúng không biết rằng cháu quen vài đứa đã bị bắt cóc. Bạn cháu Roger phụ bếp của Học viện Jordan, rồi Billy Costa, và một bạn gái trong Chợ Mái che ở Oxford. Còn một điều nữa... Bác của cháu, vâng, là Ngài Asriel. Cháu nghe chúng bàn tán về những cuộc hành trình của ông ấy lên Phương Bắc, và cháu không nghĩ ông ấy có liên quan gì đến Những Kẻ háu ăn cả. Vì cháu đã bí mật theo dõi Hiệu trưởng và các Học giả của Jordan, vâng, cháu trốn trong Phòng nghỉ nơi đáng ra không ai được vào ngoài họ, và nghe bác cháu kể với họ toàn bộ chuyến thám hiểm của ông ấy trên Phương Bắc, về thứ Bụi mà ông ấy thấy. Ông ấy còn mang về cái đầu của Stanislaus Grumman đã bị bọn Tartar đục lỗ nữa. Hiện giờ Những Kẻ háu ăn đã bắt nốt ông ấy ở một nơi nào đó. Đám gấu mặc giáp đang canh giữ ông ấy. Cháu muốn giải thoát cho ông ấy.”

Cô bé ngồi đó, lọt thỏm trong lưng ghế cao chạm trần, nhưng khuôn mặt lại chứa đầy sự dữ dội và ngoan cường. Hai người đàn ông lớn tuổi không thể không mỉm cười, nhưng trong khi nụ cười của Farder Coram là một biểu hiện lưỡng lự, phong phú và phức tạp đang run rẩy hiện lên trên khuôn mặt ông như ánh mặt trời xua đuổi bóng tối vào một ngày tháng Ba lộng gió, thì nụ cười của John Faa lại chậm rãi, ấm áp, bình dị và thân mật.

“Cháu nên kể với chúng ta những điều đã nghe bác mình nói vào buổi tối đó,” John Faa nói. “Nhớ đừng để sót gì cả. Kể với chúng ta mọi chuyện.”

Lyra làm theo, chậm rãi hơn khi cô kể với nhà Costa nhưng cũng thành thật hơn nữa. Cô bé e sợ John Faa, và điều khiến cô sợ nhất chính là sự tử tế của ông. Khi cô trình bày xong, Farder Coram cất

tiếng lần đầu tiên. Ông có chất giọng dày dặn và du dương, có bao nhiêu âm sắc trong giọng ông thì có bấy nhiêu tông màu trên bộ lông của con linh thú.

“Thứ Bụi này,” ông nói. “Người ta có bao giờ gọi nó bằng một tên khác không, Lyra?”

“Không ạ. Chỉ là Bụi thôi. Phu nhân Coulter có nói cho cháu biết đó là những hạt cơ bản, nhưng bà ấy chỉ gọi nó như thế thôi.”

“Và chúng nghĩ rằng bằng cách làm gì đó với bọn trẻ con, chúng có thể khám phá thêm về nó?”

“Vâng. Nhưng cháu không biết chúng định làm gì. Ngoại trừ việc bác cháu... Có một điều cháu quên không nói. Trong lúc ông ấy cho họ xem ảnh từ đèn chiếu, còn có một bức khác nữa. Đó là Quang Cực...”

“Cái gì cơ?” John Faa hỏi.

“Là hiện tượng Cực Quang,” Farder Coram nói. “Đúng thế không, Lyra?”

“Vâng, là nó ạ. Trong quầng sáng của Quang Cực có thứ gì đó như một thành phố vậy. Đủ các tòa tháp, nhà thờ, mái vòm và nhiều thứ nữa. Nó hơi na ná Oxford, chỉ là cháu nghĩ vậy thôi. Cháu nghĩ Bác Asriel còn có hứng thú với nó hơn, nhưng Hiệu trưởng và các Học giả khác lại quan tâm đến Bụi nhiều hơn, giống như Phu nhân Coulter, Ngài Boreal và bọn chúng vậy.”

“Ta hiểu rồi,” Farder Coram nói. “Rất thú vị.”

“Vậy, Lyra,” John Faa nói, “ta sẽ nói với cháu một điều. Farder Coram đây, ông ấy là một người thông thái. Một nhà tiên tri. Ông ấy vẫn đang dõi theo toàn bộ sự việc xảy ra với Bụi, với Những Kẻ háu ăn, với Ngài Asriel và tất cả những việc khác, ông ấy cũng dõi theo cả *cháu* nữa. Mỗi lần nhà Costa hay nửa tá gia đình khác đến Oxford, họ đều mang về chút ít thông tin. Về cháu, cô bé ạ. Cháu có biết điều đó không?”

Lyra lắc đầu. Cô bé bắt đầu thấy sợ. Tiếng Pantalaimon gầm gừ quá trầm để mọi người có thể nhận ra, nhưng cô bé có thể cảm thấy điều đó trên những đầu ngón tay sục trong lông của nó.

“Phải,” John Faa nói, “mọi việc cháu làm đều được thông báo cho Farder Coram hết.”

Lyra không thể kìm được nữa.

“Chúng cháu không *phá hỏng* nó! Thật đấy! Nó chỉ dính tí bùn thôi! Mà bọn cháu cũng không đi xa...”

“Cháu đang nói về chuyện gì thế, cô bé?” John Faa hỏi.

Farder Coram phá lên cười. Khi làm vậy, cơn run rẩy của ông ngừng lại, khuôn mặt ông trở nên rạng rỡ và trẻ trung.

Nhưng Lyra thì không cười nổi. Vừa lập bập môi cô vừa nói: “Kể cả khi tìm thấy nút thuyền, bọn cháu cũng không hề tháo nó ra! Đó chỉ là một trò đùa thôi. Bọn cháu không đời nào lại đánh chìm nó cả!”

Đến lượt John Faa cũng bắt đầu cười lớn. Ông đập bàn tay to bè lên bàn mạnh đến mức những cái li kê lạnh canh, đôi vai đồ sộ của ông rung lên, và ông phải đưa tay lên gạt nước mắt. Lyra chưa từng chứng kiến cảnh tượng nào như thế, chưa từng nghe thấy tiếng rống nào lớn như thế; cứ như thể là cả ngọn núi đang cười vậy.

“À phải rồi,” ông nói khi đã có thể lên tiếng trở lại, “chúng ta cũng nghe về cả chuyện đó rồi, cô gái nhỏ ạ! Ta nghĩ kể từ đó nhà Costa không đi đâu mà lại không nhắc đến chuyện ấy. Cậu nên để lại một người canh gác trên thuyền đi, Tony, người ta khuyên. Đám con gái dữ tợn đang ở quanh đây! Ôi, câu chuyện đó được lan truyền khắp vùng Fen rồi, nhóc ạ. Nhưng chúng ta không định phạt cháu vì điều đó đâu. Không đâu! Thư giãn đi.”

Ông nhìn sang Farder Coram, rồi hai ông lại phá lên cười, nhưng lần này thì nhẹ nhàng hơn. Lyra cảm thấy yên tâm và an toàn.

Cuối cùng John Faa lắc đầu và trở lại nghiêm túc.

“Ta đang nói, Lyra ạ, rằng chúng ta biết về cháu kể từ khi cháu còn là một đứa trẻ. Một em bé sơ sinh. Cháu cần phải hiểu những gì chúng ta biết. Ta không thể đoán được người ta đã nói gì với cháu ở Học viện Jordan về nơi cháu tới, nhưng họ không biết toàn bộ sự thật về nó. Họ có bao giờ nói với cháu cha mẹ cháu là ai không?”

Giờ thì Lyra hoàn toàn bị sững sờ.

“Có ạ,” cô bé đáp. “Họ nói cháu là - họ nói họ - họ nói Ngài Asriel gửi cháu ở đó vì mẹ và cha cháu đã mất trong một tai nạn khí cầu. Đó là điều họ nói với cháu.”

“À, thế à? Vậy nghe này cô bé, ta sẽ kể cho cháu một chuyện, một câu chuyện có thật. Ta biết nó là sự thật vì một phụ nữ du mục đã kể với ta, mà họ thì đều nói sự thật với John Faa và Farder Coram. Vậy nên đây là sự thật về cháu, Lyra ạ. Cha cháu không hề bỏ mạng tại một tai nạn khí cầu nào cả, vì ông ấy là Ngài Asriel.”

Lyra chỉ có thể ngồi sững người vì kinh ngạc.

“Sự việc là như thế này,” John Faa nói tiếp. “Khi còn là một thanh niên, Ngài Asriel đã đi khám phá khắp nơi trên Phương Bắc và mang về một gia tài kếp xù. Ông ấy là một người sôi nổi, dễ cáu giận, một người đầy nhiệt huyết.

“Còn mẹ cháu, bà ấy cũng rất nồng nhiệt. Không có xuất thân khá giả như cha cháu, nhưng là một phụ nữ thông minh, thậm chí còn là một học giả nữa. Những người nhìn thấy bà ấy đều nói rằng bà rất đẹp. Bà ấy và cha cháu, họ yêu nhau ngay từ cái nhìn đầu tiên.

“Vấn đề là, mẹ cháu đã có chồng. Bà ấy đã cưới một chính trị gia. Ông ấy là thành viên của phe Quốc vương, một trong những cố vấn thân cận nhất của ngài. Một người đang phát lên trong sự nghiệp.

“Khi mẹ cháu phát hiện ra mình mang thai, bà ấy sợ phải nói với chồng mình rằng đứa trẻ không phải của ông ta. Khi đứa bé được sinh ra - là cháu đấy, cô bé ạ - chỉ cần nhìn là thấy rõ cháu không giống

chồng bà ấy mà giống cha đẻ của mình hơn. Bà ấy đã nghĩ là tốt hơn hết nên giấu cháu đi và thông báo rằng cháu đã chết.

“Vậy là cháu được đưa tới Oxfordshire, nơi cha cháu có đất sở hữu, và giao cho một phụ nữ du mục chăm sóc. Nhưng có kẻ nào đó đã rí tai với chồng của mẹ cháu về chuyện đã xảy ra. Ông ta lập tức lao tới lục soát căn nhà mà người phụ nữ du mục đang sống, có điều bà đã kịp chạy sang nhà lớn. Ông chồng liền đuổi theo với quyết tâm sát hại bà.

“Lúc đó cha cháu đang ra ngoài đi săn, nhưng khi nghe tin, ông đã kịp quay về và bắt gặp chồng của mẹ cháu dưới chân cầu thang lớn. Chỉ thêm một chút nữa thôi là ông ta có thể đã phá cửa vào tủ đồ nơi người phụ nữ du mục đang trốn cùng với cháu, nhưng Ngài Asriel đã thách đấu ông ta, họ giao tranh tại đó và rồi Ngài Asriel đã giết ông ta.

“Người phụ nữ du mục đã nghe và thấy tất cả, Lyra ạ, đó là lí do chúng ta biết chuyện.

“Hậu quả dẫn tới một vụ tố tụng âm ỉ. Cha cháu không phải loại người phủ nhận hay che giấu sự thật, và điều đó khiến các thẩm phán gặp khó khăn. Đúng là ông ấy đã giết người, đã gây đổ máu, nhưng đó là vì ông đang bảo vệ căn nhà và đứa con của mình trước một kẻ đột nhập. Mặt khác, luật pháp lại cho phép bất cứ ai trả thù kẻ đã xâm hại vợ của mình, và các luật sư của người đã chết tranh cãi rằng hành động của ông ta chỉ nhằm mục đích đó.

“Phiên tòa kéo dài hàng tuần trời, với vô vàn lời qua tiếng lại tranh cãi nhau. Kết cục là ban bồi thẩm phạt Ngài Asriel giao nộp toàn bộ tài sản và đất đai, khiến ông thành một kẻ nghèo khó, trong khi ông từng giàu có hơn cả một ông vua.

“Về phần mẹ cháu thì bà ấy không muốn dính gì vào chuyện này, hay vào cháu cả. Bà ấy đã quay lưng lại. Bà vú người du mục kể với ta rằng bà ấy thường lo sợ không biết mẹ cháu sẽ đối xử với cháu ra sao, vì bà ấy là một người kiêu ngạo và hay khinh thường người khác. Nói về bà ấy như vậy đủ rồi.

“Rồi đến cháu. Nếu mọi chuyện diễn tiến khác, Lyra ạ, cháu có thể đã được dân du mục nuôi nấng, vì bà vú đã xin tòa cho bà ấy được nhận nuôi cháu; nhưng dân du mục chúng ta có địa vị rất thấp kém trong luật pháp. Tòa quyết định rằng cháu sẽ được đưa vào Tu viện, và cháu đã ở đó với các Nữ tu Phục lệnh ở Watlington. Cháu sẽ không nhớ được đâu.

“Nhưng Ngài Asriel không chịu được điều đó. Ông ấy căm ghét tu viện, giáo sĩ và nữ tu. Vốn là một người chuyên quyền, một ngày nọ ông cứ thế xông vào mà mang cháu đi. Không phải để tự mình chăm sóc hay gửi cho những người du mục; ông ấy đã đưa cháu tới Học viện Jordan, và thách thức luật pháp dám cản trở việc đó.

“Luật pháp để mọi chuyện diễn ra như vậy. Ngài Asriel quay lại với những cuộc thám hiểm của mình, còn cháu thì lớn lên tại Học viện Jordan. Điều duy nhất ông ấy nói, cha cháu ấy, điều kiện duy nhất ông đặt ra, là mẹ cháu không được phép gặp cháu. Nếu bà ấy có định làm điều đó thì bà ấy sẽ phải bị ngăn chặn, còn ông sẽ được thông báo, vì lúc này tất cả mọi cảm phần trong ông đều chuyển hết về phía bà. Ông Hiệu trưởng hứa thực hiện điều đó một cách chắc chắn; và thời gian cứ như vậy trôi đi.

“Sau đó thì mỗi lo âu về Bụi xuất hiện. Trên khắp đất nước, khắp thế giới, những người đàn ông thông thái và cả phụ nữ nữa, bắt đầu lo lắng về nó. Nó vốn chẳng có giá trị gì với dân du mục chúng ta cả, cho tới khi bọn chúng bắt đầu bắt cóc bọn trẻ đi. Đó là khi chúng ta trở nên quan tâm. Chúng ta có mối quan hệ ở đủ mọi loại địa điểm mà cháu sẽ không tưởng tượng nổi, bao gồm cả Học viện Jordan. Cháu không biết chứ từ khi cháu đến, ở đó luôn có người dõi theo cháu và báo cáo lại cho chúng ta. Bởi vì chúng ta quan tâm đến cháu, và người phụ nữ du mục đã nuôi nấng cháu, bà ấy chưa bao giờ ngừng lo lắng cho cháu cả.”

“Người đã luôn theo sát cháu là ai vậy ạ?” Lyra hỏi. Cô cảm thấy cực kì quan trọng và kì lạ, rằng toàn bộ hành động của mình lại có thể

là đối tượng quan tâm của một nơi xa xôi đến vậy.

“Đó là người phục vụ bếp. Bernie Johansen, người làm bánh ngọt. Ông ấy mang nửa dòng máu du mục; ta dám chắc là cháu không hề biết điều đó.”

Bernie là một người tốt bụng nhưng cô độc, một trong những người hiếm hoi có linh thú cùng giới tính với mình. Chính Bernie là người đã bị cô hét lên trong nỗi tuyệt vọng khi Roger bị bắt mất. Ông cũng là người đã kể với dân du mục mọi chuyện! Cô bé cảm thấy kinh ngạc.

“Nói chung là,” John Faa nói tiếp, “chúng ta nghe nói về việc cháu rời khỏi Học viện Jordan, rồi mọi việc diễn tiến như thế nào vào đúng lúc Ngài Asriel bị bắt giam nên không thể ngăn cản điều đó. Chúng ta vẫn nhớ điều ông ấy đã dặn Hiệu trưởng tuyệt đối không được làm, chúng ta còn nhớ rằng người đàn ông mà mẹ cháu đã kết hôn, chính trị gia mà Ngài Asriel đã giết, có tên là Edward Coulter.”

“Phu nhân Coulter?” Lyra sững sờ kêu lên. “*Bà ta* không phải mẹ cháu đấy chứ?”

“Đó là mẹ cháu đấy. Nếu cha cháu vẫn còn tự do thì bà ấy sẽ chẳng dám thách thức ông ấy, và cháu vẫn sẽ ở Jordan, không biết gì về mọi việc. Nhưng việc Hiệu trưởng để cho cháu đi là một điều bí ẩn mà ta không thể giải thích được. Ông ấy đã nhận nhiệm vụ chăm sóc cháu. Ta chỉ có thể đoán là bà ta có quyền thế chi phối ông ấy.”

Lyra đột nhiên hiểu ra hành vi kì cục của Hiệu trưởng vào buổi sáng khi cô khởi hành.

“Nhưng ông ấy không muốn vậy...” Cô bé nói, cố gắng nhớ lại chính xác. “Ông ấy... Cháu đã phải đi gặp ông ấy ngay đầu buổi sớm, và không được phép nói cho Phu nhân Coulter... Như thế ông ấy muốn bảo vệ cháu khỏi Phu nhân Coulter vậy...” Cô ngừng lại, cẩn thận quan sát hai người đàn ông, rồi quyết định kể với họ toàn bộ sự thật về Phòng nghỉ. “Thật ra là còn một việc nữa. Tối hôm đó cháu trốn trong Phòng nghỉ, cháu đã nhìn thấy Hiệu trưởng định bỏ độc

Ngài Asriel. Cháu thấy ông ấy đổ thứ bột gì đó vào trong rượu nên cháu đã nói với bác cháu. Bác ấy liền đánh đổ chiếc bình khỏi bàn và khiến rượu bên trong tràn ra. Vậy là cháu đã cứu sống bác ấy. Cháu vẫn không thể hiểu tại sao Hiệu trưởng lại muốn bỏ độc bác ấy, vì ông ấy lúc nào cũng rất tử tế. Rồi vào buổi sáng trước khi lên đường, ông ấy gọi cháu tới phòng làm việc rất sớm, cháu đã phải đi rất bí mật để không ai biết, và ông ấy nói...” Lyra cố vận óc để nhớ lại chính xác câu nói của Hiệu trưởng. Vô ích; cô bé lắc đầu. “Điều duy nhất cháu có thể hiểu được là ông ấy đã đưa cho cháu một thứ và cháu phải giữ bí mật với bà ấy, với Phu nhân Coulter. Cháu nghĩ sẽ không vấn đề gì nếu nói với các ông...”

Cô lần trong túi áo khoác da sói rồi lấy ra cái bọc nhung. Cô đặt nó lên bàn và cảm thấy sự hiếu kì mạnh mẽ từ John Faa cũng như tri thức sáng lấp lánh của Farder Coram đều đang hướng vào vật đó như những chiếc đèn pha.

Khi cô gỡ chiếc Chân Kế ra, Farder Coram liền lên tiếng trước.

“Tôi không nghĩ mình lại có thể được nhìn thấy một trong số chúng. Đó là một chiếc máy đọc biểu tượng. Ông ấy có nói gì về nó với cháu không, cô bé?”

“Không ạ. Ngoài việc cháu sẽ phải tự tìm cách sử dụng nó. Với cả ông ấy gọi nó là Chân Kế.”

“Có nghĩa là gì?” John Faa hỏi, quay sang phía ông bạn của mình.

“Đó là một từ cổ. Tôi đoán *Chân* có nghĩa là chân thực. Nó là một chiếc máy đo sự thật. Vậy cháu đã tìm ra cách sử dụng nó chưa?” Ông hỏi cô bé.

“Chưa ạ. Ít nhất thì cháu cũng có thể làm ba kim ngắn chỉ vào những bức hình khác nhau, nhưng cháu chẳng thể làm gì với cái kim dài. Nó cứ chạy loạn lên. Chỉ trừ thỉnh thoảng, vâng ạ, thỉnh thoảng khi đang khá tập trung, cháu có thể làm chiếc kim dài đi theo hướng này hay hướng khác chỉ bằng cách nghĩ về điều đó.”

“Nó có tác dụng gì vậy, Farder Coram?” John Faa hỏi. “Mà đọc nó như thế nào?”

“Tất cả những bức hình quanh viền này,” Farder Coram nói, nhẹ nhàng đưa chiếc máy về phía ánh nhìn chòng chọc của John Faa, “chúng là các biểu tượng, mỗi cái tượng trưng cho một chuỗi các ý nghĩa. Lấy ví dụ như cái mỏ neo kia. Ý nghĩa đầu tiên của nó là hi vọng, vì hi vọng giữ người ta chắc như một cái mỏ neo để họ không bỏ cuộc. Ý nghĩa thứ hai là tính kiên định. Ý nghĩa thứ ba là khó khăn đột xuất, hay sự ngăn trở. Ý nghĩa thứ tư là biến cả. Và cứ thế, lên tới mười, mười hai, có khi là một chuỗi vô hạn những ý nghĩa.”

“Vậy ông có biết tất cả những ý nghĩa đó không?”

“Tôi biết một vài thôi, tôi sẽ cần một cuốn sách nếu muốn đọc được nó trọn vẹn. Tôi từng thấy cuốn sách đó và biết nó ở đâu, nhưng tôi không sở hữu nó.”

“Chúng ta sẽ quay lại vấn đề đó sau,” John Faa nói. “Tiếp tục giải thích ông đọc nó như thế nào đi.”

“Có ba kim mà ta có thể điều khiển được,” Farder Coram giải thích, “và ta dùng chúng để đặt câu hỏi. Bằng cách trở vào ba biểu tượng, ta có thể hỏi bất cứ câu nào tưởng tượng được ra, vì có rất nhiều mức độ cho mỗi biểu tượng. Sau khi đã dựng được khung câu hỏi, chiếc kim còn lại sẽ quay vòng quanh và trở vào nhiều biểu tượng khác để cho ta câu trả lời.”

“Nhưng làm thế nào nó biết được ta đang nghĩ ở mức độ nào khi đặt câu hỏi?” John Faa thắc mắc.

“À, tự nó thì không thể. Nó chỉ hiệu quả khi người đặt câu hỏi giữ được các mức độ trong tâm trí mình. Đầu tiên, ta sẽ phải biết tất cả các ý nghĩa, mà chắc chắn là sẽ còn có cả nghìn ý nghĩa khác nữa. Rồi ta sẽ phải có khả năng giữ chúng trong đầu mà không bức bối hay thúc ép nó ra câu trả lời, chỉ đơn thuần quan sát khi chiếc kim dài quay lung tung. Khi nó đã quay hết phạm vi của mình, ta sẽ biết được câu trả lời. Tôi biết cách nó vận hành nhờ đã xem một nhà thông thái ở

Uppsala thực hiện, và đó là lần duy nhất tôi được thấy cái máy. Các vị có biết chúng hiểm đến thế nào không?”

“Hiệu trưởng nói với cháu rằng chỉ có sáu cái được chế tạo,” Lyra đáp.

“Dù con số có là bao nhiêu thì nó cũng không lớn.”

“Vậy cháu đã giữ bí mật này với Phu nhân Coulter, đúng như Hiệu trưởng dặn chứ?” John Faa hỏi.

“Vâng. Nhưng con linh thú của bà ấy, phải rồi, nó thường ra vào phòng cháu. Cháu dám chắc nó đã tìm thấy cái máy.”

“Ta hiểu rồi. Vậy, Lyra, ta không biết liệu chúng ta có bao giờ biết được toàn bộ sự thật hay không, nhưng đây là suy đoán khả dĩ nhất mà ta có. Hiệu trưởng được Ngài Asriel giao nhiệm vụ chăm sóc cháu và giữ cháu an toàn khỏi tay mẹ cháu. Và đó là điều ông ấy đã làm, trong mười năm hoặc hơn thế. Rồi bạn bè của Phu nhân Coulter trong Giáo hội giúp bà ta lập nên Ủy ban Hiến tế này, vì mục đích gì thì chúng ta không biết, rồi bà ta trở nên quyền lực theo cách của mình không khác gì Ngài Asriel theo cách của ông ấy. Cha mẹ cháu, cả hai đều có thể lực trên thế giới này, đều tham vọng, còn Hiệu trưởng trường Jordan thì giữ cháu trong sự cân bằng giữa bọn họ.

“Giờ đây Hiệu trưởng có cả trăm thứ cần phải để mắt tới. Mỗi quan tâm hàng đầu của ông ấy là học viện và nền giáo dục ở đó. Nên nếu thấy có gì đe dọa đến điều đó, ông ấy sẽ phải chống lại nó. Mà Giáo hội vào thời nay, Lyra ạ, đang ngày càng trở nên hùng mạnh. Có các hội đồng cho việc này và hội đồng cho việc kia; người ta còn bàn việc khôi phục lại Văn phòng Thẩm tra nữa, lạy trời đừng để chuyện đó xảy ra. Hiệu trưởng sẽ phải hành xử một cách thận trọng giữa tất cả những thế lực này. Ông ấy phải giữ cho Học viện Jordan ở đúng phía của Giáo hội, nếu không nó sẽ không tồn tại được.

“Và một mối quan tâm khác của Hiệu trưởng là cháu, cô bé ạ. Bernie Johansen luôn chắc chắn về điều đó. Hiệu trưởng trường Jordan và các Học giả khác yêu quý cháu như con cái của chính mình

vậy. Họ sẵn sàng làm mọi thứ để bảo đảm an toàn cho cháu, không phải chỉ vì họ đã hứa với Ngài Asriel sẽ làm như vậy, mà là vì bản thân cháu. Vậy nên nếu Hiệu trưởng để cháu đi với Phu nhân Coulter trong khi đã hứa với Ngài Asriel là không làm như thế, ông ấy hẳn phải cho rằng cháu ở với bà ta sẽ an toàn hơn là ở Học viện Jordan, dù bề ngoài có thể nào đi chăng nữa. Còn khi dàn xếp để bỏ độc Ngài Asriel, hẳn ông ấy đã nghĩ rằng việc Ngài Asriel đang làm có thể đặt tất cả bọn họ vào nguy hiểm, và có lẽ tất cả chúng ta nữa; có khi là cả thế giới. Ta thấy Hiệu trưởng là một người phải thực hiện những lựa chọn tồi tệ; dù ông ấy có chọn gì cũng sẽ dẫn đến tổn hại; nhưng có lẽ nếu ông ấy chọn lựa chính xác, tổn thất sẽ ít hơn một chút so với khi ông ấy chọn sai. Cầu Chúa cho con không phải thực hiện những lựa chọn như vậy.

“Khi tới mức phải để cháu đi, ông ấy đã cho cháu chiếc máy đọc biểu tượng và dặn cháu phải giữ nó an toàn. Không hiểu ông ấy định để cháu làm gì với cái máy; vì cháu không đọc được nó, ta thật sự không hiểu nổi ông ấy đang nghĩ gì.”

“Ông ấy nói Bác Asriel đã tặng chiếc Chân Kế cho Học viện Jordan nhiều năm trước,” Lyra nói, cố gắng nhớ lại. “Ông ấy định nói thêm gì đó thì có người gõ cửa nên phải dừng lại. Cháu nghĩ là, có lẽ ông ấy cũng muốn cháu bảo vệ nó khỏi Ngài Asriel nữa.”

“Hoặc thậm chí là ngược lại,” John Faa nói.

“Ý ông là gì, John?” Farder Coram hỏi.

“Có thể ông Hiệu trưởng có ý định nhờ Lyra trả lại nó cho Ngài Asriel, như một cách chuộc lỗi vì đã định bỏ độc ông ấy. Có lẽ ông ấy cho rằng mối họa từ Ngài Asriel đã qua. Hoặc rằng Ngài Asriel có thể đọc được những điều sáng suốt từ dụng cụ này và sẽ kiểm chế thực hiện mục đích của mình. Nếu lúc này Ngài Asriel đang bị giam cầm, nó có thể sẽ giúp giải thoát ông ấy. Lyra à, tốt hơn hết cháu nên giữ an toàn cho chiếc máy đọc biểu tượng này. Ta không thấy lo lắng khi giao nó cho cháu vì cháu đã giữ được nó an toàn cho đến tận giờ. Nhưng có

thể một thời điểm nào đó chúng ta sẽ cần tham khảo tới nó, ta nghĩ lúc đó chúng ta sẽ hỏi về chiếc máy.”

Ông bọc lớp vải nhung lên chiếc máy và đẩy nó lại phía bên kia bàn. Lyra muốn hỏi đủ thứ, nhưng đột nhiên cô cảm thấy ngưng ngừng trước người đàn ông to lớn với đôi mắt nhỏ sắc sảo và dịu dàng giữa những đường gấp và nếp nhăn này.

Nhưng có một điều cô bắt buộc phải hỏi.

“Người phụ nữ du mục đã nuôi nấng cháu là ai vậy ạ?”

“Trời ạ, đó là mẹ của Billy Costa, đương nhiên rồi. Bà ấy không nói với cháu vì ta không cho phép, nhưng bà ấy biết chúng ta đang nói chuyện gì ở đây, vậy nên không còn gì giấu giếm nữa rồi.

“Giờ thì cháu nên quay lại với bà ấy đi. Cháu sẽ có rất nhiều thứ phải suy nghĩ đó, cô bé ạ. Ba ngày nữa chúng ta sẽ lại có một buổi Roping và thảo luận tất cả những việc cần phải làm. Cháu phải ngoan đấy nhé. Ngủ ngon, Lyra.”

“Chúc ngủ ngon, Ngài Faa. Chúc ngủ ngon, Farder Coram,” cô bé lịch sự đáp lại, một tay ôm chặt chiếc Chân Kế trong ngực, tay còn lại bông lầy Pantalaimon.

Hai người đàn ông mỉm cười dịu dàng với cô. Ngoài cửa phòng hội đàm Má Costa đang đợi sẵn và, như thể chẳng có gì xảy ra từ khi Lyra sinh ra, bà mẹ chủ thuyền ôm lấy cô bé trong vòng tay lực lưỡng của mình rồi hôn cô trước khi đưa cô về giường ngủ.

8

Sự thất vọng

Lyra phải làm quen với cảm nhận mới của bản thân về câu chuyện của chính mình, mà việc đó thì không thể làm được trong ngày một ngày hai. Nhìn nhận Ngài Asriel là cha mình là một chuyện, nhưng để chấp nhận Phu nhân Coulter là mẹ mình thì không hề dễ dàng chút nào. Nếu là vài tháng trước thì cô hẳn đã rất vui mừng, và cô biết điều đó nên càng cảm thấy bối rối.

Nhưng với bản tính của mình, Lyra không bị việc đó làm phiền muộn quá lâu, vì còn có thị trấn Fen để khám phá và rất nhiều trẻ con du mục để làm kinh ngạc. Trước khi đến hạn ba ngày, cô đã sử dụng thành thạo thuyền thúng (ít nhất trong mắt cô là như thế), cô còn tụ tập được một đám trẻ lang thang xung quanh mình để kể chuyện về người cha vĩ đại đang bị bắt giữ một cách bất công.

“Và rồi vào một buổi tối, Đại sứ Turk đến làm khách trong bữa tối ở Jordan. Ông ta đã nhận lệnh từ chính Vua Turk phải giết cha tó, phải, nên ông ta đã chuẩn bị một chiếc nhẫn dính đá rỗng chứa đầy độc tố. Khi rượu được chuyển đến, ông ta làm ra vẻ với qua cốc của cha tó, rồi vẩy độc vào trong. Việc đó được thực hiện nhanh đến mức không ai khác nhìn thấy ông ta, nhưng...”

“Độc kiểu gì cơ?” Một cô bé mặt mũi gầy gò gặng hỏi.

“Độc chiết từ một loài rắn Turk đặc biệt,” Lyra bịa ra, “người ta bắt nó bằng cách chơi sáo để dụ nó ra rồi ném một miếng xốp tẩm đầy

mặt ong, con rắn sẽ cắn vào đó và không gỡ được răng ra nữa. Sau đó họ bắt lấy nó và chiết lấy chất độc của nó. Nói chung là, cha tớ đã nhìn thấy việc làm của tên người Turk, ông ấy nói: Các quý ngài, tôi muốn đề xuất nâng cốc chúc mừng tình hữu nghị giữa Học viện Jordan và Học viện Izmir, nơi Đại sứ Turk thuộc về. Và để thể hiện sự sẵn sàng kết bạn, ông nói, hãy trao đổi cốc và uống rượu của nhau.

“Vậy là tên Đại sứ bị dồn vào thế tiến thoái lưỡng nan, vì hẳn không thể từ chối uống mà không biến nó thành một sự sỉ nhục nghiêm trọng, mà hẳn cũng chẳng thể uống được vì biết nó có độc. Hẳn ta tái nhợt đi rồi lăn ra ngất ngay trên bàn. Khi hẳn tỉnh lại, tất cả mọi người vẫn đang ngồi đó, nhìn hẳn chờ đợi. Vậy là hẳn sẽ phải uống chất độc hoặc thú nhận.”

“Vậy hẳn đã làm gì?”

“Hẳn uống nó. Phải mất năm phút hẳn mới chết, và suốt thời gian đó hẳn bị giày vò đau đớn.”

“Cậu chứng kiến nó xảy ra à?”

“Không, vì con gái không được phép ngồi ở bàn trên. Nhưng sau đó tớ đã thấy xác của hẳn khi người ta đưa đi. Da hẳn héo quắt như một quả táo già, còn mắt thì lồi ra khỏi đầu. Thật ra người ta đã phải nhét chúng lại vào hốc mắt...”

Và mọi chuyện cứ thế tiếp diễn.

Trong lúc đó, bên rìa của xứ Fen, cảnh sát đang gõ cửa các nhà, lục soát gác xép và nhà phụ, kiểm tra giấy tờ và chất vấn tất cả những người tự nhận là đã thấy một bé gái tóc vàng; ở Oxford việc tìm kiếm còn diễn ra ác liệt hơn. Học viện Jordan bị càn quét từ phòng kho bụi bặm nhất đến trần nhà tối tăm nhất, cả Học viện Gabriel và Thánh Michael cũng chung số phận, cho đến khi lãnh đạo các học viện cùng bắt tay khởi phát một cuộc chống đối đòi quyền lợi xa xưa của họ. Khái niệm duy nhất Lyra có về cuộc tìm kiếm cô là tiếng kêu o o không dứt của những động cơ khí cầu chạy gas bay chằng chịt trên trời. Không ai thấy được chúng, vì mây quá thấp và theo luật, khí cầu

phải giữ một độ cao nhất định phía trên xứ Fen, nhưng ai mà biết được chúng có thể mang theo thứ thiết bị do thám xảo quyệt nào chứ? Tốt nhất là nên trốn đi khi nghe thấy tiếng chúng, hoặc đội chiếc mũ đi mưa bằng vải dầu lên che mái tóc sáng màu nổi bật của cô.

Lyra hỏi Má Costa mọi chi tiết về lúc cô sinh ra. Cô đan kết những chi tiết đó vào tấm thảm thêu tưởng tượng thậm chí còn rõ ràng và sắc nét hơn những câu chuyện cô dựng lên, và liên tục tái hiện lại cuộc tẩu thoát khỏi căn nhà nhỏ, sự ảm náu trong tú đồ, tiếng hét thách đấu chói tai, tiếng kiếm va vào nhau chan chát...

“Kiếm á? Chúa ơi, nhóc, cháu đang mơ à?” Má Costa nói. “Ông Coulter có súng, Ngài Asriel đã đánh bật nó ra khỏi tay ông ta và hạ gục ông ta chỉ bằng một cú đấm. Sau đó hai phát súng vang lên. Ta nghĩ chắc cháu không nhớ; cũng phải, cháu còn nhỏ quá mà. Phát đầu tiên là khi Edward Coulter với được súng của ông ta và bắn, còn phát thứ hai là khi Ngài Asriel giật nó ra khỏi tay ông ta lần thứ hai và chĩa nó vào ông ta. Bắn ông ta vỡ óc ngay giữa hai mắt. Rồi ông ấy nói, thản nhiên như không: ‘Ra đi, bà Costa, mang theo đứa trẻ nữa,’ vì cả cháu lẫn con linh thú đó đều đang gào tướng lên. Ông ấy bồng cháu lên nựng rồi đặt cháu ngồi lên vai, vui vẻ đi lên đi xuống mặc cho gã đàn ông đã chết nằm dưới chân, sau đó ông ấy gọi rượu và sai ta đi lau sàn.”

Sau lần thứ tư câu chuyện được nhắc lại thì Lyra đã hoàn toàn bị thuyết phục rằng cô thật ra có nhớ sự việc đó, cô thậm chí còn tình nguyện thêm chi tiết màu áo khoác của ông Coulter, của những bộ áo choàng và áo lông treo trong tú đồ. Má Costa cười lớn.

Cứ khi nào ở một mình, Lyra lại lấy chiếc Chân Kế ra và ngắm nghía nó như ngắm ảnh người yêu. Vậy mỗi bức hình đều mang vài ý nghĩa, phải không nào? Sao cô lại không tìm hiểu thử nhỉ? Chẳng phải cô là con gái Ngài Asriel sao?

Vừa nhớ lại những điều Farder Coram nói, cô vừa cố gắng tập trung trí óc lên ba biểu tượng được chọn ngẫu nhiên, rồi xoay các kim

để chỉ vào chúng. Cô nhận ra rằng nếu giữ chiếc Chân Kế một cách cẩn thận trong lòng bàn tay và chăm chú nhìn nó theo một kiểu lười biếng đặc biệt trong lúc nghĩ về nó, kim dài sẽ bắt đầu di chuyển có chủ định hơn. Thay vì quay loanh quanh một cách bất thường, nó nhẹ nhàng xoay từ bức hình này sang bức hình khác. Đôi khi cái kim sẽ dừng tại ba bức, có khi là hai, năm hoặc nhiều hơn thế, và mặc dù chẳng hiểu chút gì, cô bé cảm thấy khoan khoái dễ chịu từ việc làm đó, hoàn toàn khác với những điều cô từng biết. Pantalaimon sẽ cúi xuống nhìn chiếc máy, đôi khi trong dạng một chú mèo, có khi lại là một con chuột, lắc lư cái đầu theo chuyển động của kim; một hay hai lần gì đó hai đứa cùng thoáng cảm nhận được ấn ý của chiếc máy, giống như một tia sáng rẽ mây chiếu rức một dải đồi rộng lớn trắng lè ở phía xa - một thứ gì đó thật xa xôi, không bao giờ hoài nghi. Cứ mỗi lần như thế, Lyra lại thấy xúc động sâu sắc giống như mỗi lần nghe thấy từ Phương Bắc trong suốt cuộc đời mình.

Vậy là ba ngày trôi qua với rất nhiều đợt viếng thăm và ra về giữa vô vàn tàu thuyền và Zaal. Rồi thì buổi tối diễn ra buổi Roping thứ hai cũng tới. Hội trường thậm chí còn đông người hơn lần trước, nếu điều đó có thể xảy ra. Lyra và nhà Costa đã đến kịp lúc để ngồi được ở phía trước. Khi ánh sáng lập lòa cho thấy căn phòng đã chật kín, John Faa và Farder Coram liền bước lên bục diễn thuyết rồi ngồi xuống phía sau bàn. John Faa không cần phải ra hiệu trật tự; ông chỉ cần đặt đôi bàn tay đờ sộ lên bàn và nhìn xuống những người bên dưới là tiếng huýt sáo lập tức lặng xuống.

“Chà,” ông nói, “các vị đã thực hiện những điều tôi dặn. Thậm chí còn tốt hơn tôi mong đợi. Tôi sẽ gọi lãnh đạo các gia tộc lên đây để giao vàng và thuật lại những lời hứa của họ. Nicholas Rokeby, mời ông lên trước.”

Một người đàn ông râu đen cường tráng trèo lên bục diễn thuyết và đặt một chiếc túi da nặng chịch lên bàn.

“Đây là vàng của chúng tôi,” ông nói. “Ngoài ra chúng tôi xin cung cấp ba mươi tám người.”

“Cảm ơn ông, Nicholas,” John Faa nói trong khi Farder Coram ghi chép lại. Người đầu tiên ngồi lại phía sau bực diễn thuyết khi John Faa gọi tới người kế tiếp, và cứ như thế, mỗi người đi lên lại đặt một chiếc túi lên bàn rồi thông báo số lượng người ông ta có thể thu thập được. Nhà Costa thuộc gia tộc Stefanski, và lẽ dĩ nhiên Tony là một trong những người đầu tiên tình nguyện. Lyra để ý thấy linh thú điều hâu của anh cứ bồn chồn đổi hết chân này sang chân kia rồi dang cánh ra khi tiền và lời hứa cử hai mươi ba người của gia tộc Stefanski được đặt ra trước John Faa.

Khi lãnh đạo của cả sáu gia tộc đều đã lên, Farder Coram đưa mảnh giấy của ông cho John Faa, người vừa đứng dậy để phát biểu trước quần chúng nhân dân.

“Các bạn, vậy là chúng ta đã thu thập được một trăm bảy mươi người. Tôi tự hào cảm ơn tất cả mọi người. Còn về số vàng, chỉ nhìn cân nặng của chúng là tôi biết chắc các bạn đều đã vét hết ngân khố, và tôi xin gửi lời cảm tạ nồng nhiệt đến cả điều đó nữa.

“Còn đây là điều chúng ta sẽ làm tiếp theo. Chúng ta sẽ thuê một chiếc tàu và tiến về Phương Bắc, tìm bọn trẻ rồi trả tự do cho chúng. Theo như chúng tôi được biết thì có lẽ chúng ta sẽ phải chiến đấu. Đây không phải là lần đầu tiên, cũng sẽ không phải là lần cuối cùng, nhưng chúng ta chưa bao giờ phải chiến đấu với những kẻ bắt cóc trẻ con, chúng ta sẽ phải mưu mẹo hơn bao giờ hết. Nhưng chúng ta sẽ không quay về mà không có đám trẻ. Vâng, Dirk Vries?”

Một người đàn ông đứng dậy và nói: “Ngài Faa, ông có biết tại sao chúng bắt cóc trẻ con không?”

“Chúng tôi nghe nói rằng đó là một vấn đề có liên quan tới thần học. Người ta đang thực hiện một cuộc thí nghiệm, nhưng bản chất nó là gì thì chúng tôi không biết. Xin nói thật là chúng tôi thậm chí còn không biết thí nghiệm đó có gây tổn hại gì đến cho đám trẻ không.

Nhưng dù nó là gì, tốt hay xấu, thì chúng cũng không có quyền lén lút trong đêm tối cướp đi trẻ nhỏ khỏi trái tim của gia đình chúng. Vâng, Raymond van Gerrit?”

Người đàn ông đã phát biểu tại cuộc họp đầu tiên đứng dậy nói: “Đứa trẻ đó, thưa Ngài Faa, đứa mà ông nói rằng đang bị săn lùng, đứa trẻ lúc này đang ngồi ở hàng trên cùng. Tôi nghe đồn rằng tất cả cư dân sống quanh rìa vùng Fen đều đang bị lục soát tung nhà vì nó. Tôi còn nghe rằng đúng vào hôm nay, Nghị viện có động thái bãi bỏ những đặc quyền xa xưa của chúng ta cũng vì đứa trẻ này. Phải, các bạn ạ,” ông nói át những tiếng thì thầm hoảng hốt, “người ta đang định ra một đạo luật chấm dứt quyền di chuyển tự do ra vào vùng Fen của chúng ta. Vậy, Ngài Faa, đây là điều chúng tôi muốn biết: đứa trẻ này là ai mà chúng ta lại phải vì nó mà chịu đựng điều này? Nó đâu phải con dân du mục, theo như tôi biết thì không. Sao lại để một đứa trẻ đất liền khiến chúng ta lâm vào tình thế hiểm nguy?”

Lyra ngược nhìn khung người đồ sộ của John Faa. Tim cô bé đang đập thình thịch, mạnh đến mức cô gần như không thể nghe nổi những từ đầu tiên trong câu trả lời của ông.

“Hãy nói rõ xem nào, Raymond, đừng ngại,” ông đáp. “Ông muốn chúng ta giao nộp đứa trẻ này cho những kẻ mà cô bé đang chạy trốn khỏi, có phải không?”

Người đàn ông đứng đó ngoan cổ cau mày nhưng không nói gì.

“Được rồi, có thể anh muốn thế, mà cũng có thể không phải,” John Faa nói tiếp. “Nhưng nếu có bất cứ người đàn ông hay phụ nữ nào cần một lí do để làm điều tốt, thì hãy cân nhắc việc này. Cô bé đó không ai khác chính là con gái của Ngài Asriel. Với những ai đã quên thì tôi xin nhắc lại rằng chính Ngài Asriel đã làm trung gian hòa giải với người Turk để cứu mạng sống của Sam Broekman. Chính Ngài Asriel đã cho phép thuyền du mục đi lại tự do trên những con kênh xuyên qua đất đai của mình. Chính Ngài Asriel đã đánh bại phe Dự luật Dòng chảy tại Nghị viện, dành lại lợi ích to lớn và lâu dài cho

chúng ta. Và cũng chính Ngài Asriel là người đã ngày đêm chiến đấu trong nạn lụt của năm '53, không chần chừ lao vào dòng nước hai lần liền để kéo các cậu bé Ruud và Nellie Koopman ra. Mọi người đã quên rồi sao? Thật hổ thẹn, thật đáng hổ thẹn cho các bạn.

“Và giờ cũng chính Ngài Asriel đó đang bị giam giữ trong những vùng xa nhất, lạnh nhất, tối tăm nhất giữa hoang vu, trong pháo đài của Svalbard. Tôi có cần phải nói với các bạn thứ sinh vật đang canh gác ông ấy ở đó không? Vậy mà khi cô con gái nhỏ của ông ấy ở đây để chúng ta chăm sóc thì Raymond van Gerrit lại muốn giao nộp cô bé cho chính quyền để đổi lấy chút bình yên và tĩnh lặng. Phải vậy không, Raymond? Đứng dậy và trả lời đi, ông bạn.”

Nhưng Raymond van Gerrit đã ngồi sụp xuống ghế, và không gì có thể khiến ông đứng lên nữa. Một tiếng huýt sáo phản đối khẽ vang vọng qua hội trường rộng lớn. Lyra cảm nhận được nỗi hổ thẹn mà ông hẳn đang cảm thấy, cùng với một cảm giác nóng rục lên từ sâu bên trong vì tự hào về người cha dũng cảm của mình.

John Faa quay đi, nhìn về phía những người còn lại trên bục diễn thuyết.

“Nicholas Rokeby, tôi giao cho ông trọng trách tìm một chiếc tàu lớn và điều khiển nó khi chúng ta ra khơi. Adam Stefanski, tôi muốn ông phụ trách binh khí đạn dược và chỉ huy chiến đấu. Roger van Poppel, ông lưu ý đến tất cả các hàng dự trữ khác, từ lương thực cho đến quần áo rét. Simon Hartmann, ông sẽ là thủ quỹ, có nhiệm vụ ghi chép kỹ lưỡng cho tất cả chúng ta về việc phân phối vàng. Benjamin de Ruyter, tôi muốn ông đảm nhiệm việc do thám. Sẽ có rất nhiều thứ chúng ta cần phải tìm hiểu, và tôi giao cho ông nhiệm vụ đó, hãy báo cáo lại với Farder Coram. Michael Canzona, ông sẽ chịu trách nhiệm tổ chức công việc cho bốn lãnh đạo đầu tiên và báo cáo lại cho tôi. Nếu tôi chết, ông là phó thủ lĩnh và sẽ thay tôi lãnh đạo mọi việc.

“Vậy là tôi đã thực hiện việc bố trí theo phong tục của chúng ta. Nếu có bất cứ đàn ông hay phụ nữ nào muốn phản đối thì xin cứ tự

nhiên.”

Một lúc sau một người phụ nữ đứng dậy.

“Ngài Faa, ông không định đưa bất cứ phụ nữ nào theo chuyến thám hiểm này để chăm sóc bọn trẻ sau khi đã tìm thấy chúng sao?”

“Không, Nell ạ. Trong tình hình này chúng ta sẽ có rất ít không gian. Bất cứ đứa trẻ nào chúng ta cứu thoát sẽ được chăm sóc tốt hơn là tại nơi chúng đang ở.”

“Nhưng giả sử ông nhận ra rằng các ông không thể cứu chúng nếu không có vài phụ nữ cải trang làm lính hay y tá hay gì đó thì sao?”

“À, tôi chưa hề nghĩ về việc đó,” John Faa thừa nhận. “Chúng tôi sẽ cân nhắc điều đó thật cẩn thận sau khi vào phòng hội đàm, tôi xin hứa với bà.”

Bà ta ngồi xuống và một người đàn ông đứng dậy.

“Ngài Faa, tôi nghe ông nói rằng Ngài Asriel đang bị bắt giữ. Có phải một phần kế hoạch của ông là giải cứu ông ấy không? Bởi vì nếu như vậy, nếu ông ấy đang nằm trong tay lũ gấu như tôi nghĩ ông đã nói, thì việc đó sẽ cần nhiều hơn một trăm bảy mươi người. Mà Ngài Asriel lại là một người bạn tốt đến như vậy với chúng ta, tôi không biết liệu có lời kêu gọi nào đáng hưởng ứng hơn thế này không.”

“Adriaan Braks, ông nói không sai. Điều tôi đang dự tính làm là để mắt và nghe ngóng xem liệu có thể lượm lặt được chút thông tin gì khi đang ở trên Phương Bắc hay không. Có thể chúng ta sẽ làm được gì đó giúp cho ông ấy, mà cũng có thể là không, nhưng các bạn có thể tin rằng tôi sẽ không dùng những gì các bạn cung cấp, người và vàng, cho bất cứ mục đích nào ngoài việc tìm kiếm bọn trẻ của chúng ta và đưa chúng về nhà như đã nói.”

Một người phụ nữ khác đứng dậy.

“Ngài Faa, chúng tôi không biết cái lũ Những Kẻ háu ăn có thể đã làm gì với con cái của chúng tôi. Chúng tôi đã nghe được các câu chuyện và lời đồn về những thứ khủng khiếp. Chúng tôi nghe về

những đứa trẻ không đầu, hay về tội nhỏ bị chặt làm đôi rồi khâu lại, hoặc về các thứ quá kinh khủng để có thể nhắc tới. Tôi thành thật xin lỗi nếu khiến ai đó lo lắng, nhưng tất cả chúng tôi đều nghe được về sự việc như thế, nên tôi muốn làm rõ. Vậy trong trường hợp ngài tìm thấy bất cứ thứ gì khủng khiếp như thế, thưa Ngài Faa, tôi hi vọng ngài sẽ cực lực trả thù. Tôi hi vọng ngài sẽ không để những suy nghĩ của lòng từ bi và sự hòa nhã ngăn cản mình xuống tay thật mạnh mẽ, táng thật lực vào tâm điểm cái địa ngục thâm hiểm đó. Tôi tin chắc rằng mình đang đại diện cho bất cứ người mẹ nào đã mất con cho Những Kẻ háu ăn kia.”

Tiếng rì rầm tán thành rộ lên khi bà ngồi xuống. Những cái gật đầu hưởng ứng khắp hội trường Zaal.

John Faa đợi cho gian phòng im lặng trở lại rồi nói:

“Không gì ngăn cản được tôi đâu, Margaret ạ, có chăng chỉ là sự phán đoán. Nếu tôi có ngưng tay ở Phương Bắc thì cũng chỉ là để đánh mạnh hơn ở Phương Nam. Tấn công quá sớm một ngày cũng tệ hại chẳng kém đánh từ cách xa cả trăm dặm. Quả thật đằng sau những lời bà nói là một nhiệt huyết sôi sục. Nhưng các bạn của tôi, nếu để cho thứ nhiệt huyết đó lẩn át thì các bạn đang làm điều mà tôi luôn cảnh báo phải tránh: các bạn đang đặt sự thỏa mãn cảm xúc riêng lên trên công việc phải hoàn thành. Công việc của chúng ta ở đây đầu tiên là giải cứu, sau mới đến trừng trị. Nó không phải là để xoa dịu cảm giác bứt rứt. Cảm xúc của chúng ta không quan trọng. Nếu cứu được bọn trẻ nhưng không trừng phạt được Những Kẻ háu ăn, chúng ta cũng đã hoàn thành được nhiệm vụ chính. Nhưng nếu chỉ chăm chăm đi trừng trị Những Kẻ háu ăn trước mà vì thế đánh mất cơ hội giải cứu bọn trẻ thì chúng ta thất bại hoàn toàn.

“Nhưng hãy an tâm về việc này Margaret ạ. Khi thời khắc trừng phạt tới, ta sẽ đánh mạnh đến mức khiến chúng hồn bay phách lạc. Ta sẽ đập tan sức lực ra khỏi chúng. Ta sẽ để mặc chúng tàn lụi và hao mòn, tuyệt vọng và tan vỡ, bị xé nát bươm thành ngàn mảnh và tung

lên cho bốn ngọn gió cuốn đi. Búa của chính tôi cũng đang khát máu đây các bạn ạ. Nó chưa được thưởng máu kể từ khi tôi giết tên chiến sĩ người Tartar trên thảo nguyên Kazakhstan, nó đang treo mình trong thuyền của tôi và mơ mộng; nhưng nó có thể ngửi thấy mùi máu tanh trong ngọn gió tới từ Phương Bắc. Đêm qua nó nói chuyện với tôi và kể về cơn khát của mình, và tôi đáp, sẽ sớm thôi, bé yêu, sớm thôi. Margaret, bà có thể lo lắng về trăm ngàn thứ, nhưng đừng có lo trái tim John Faa quá mềm mỏng để có thể táng một cú trời giáng khi thời khắc đến. Thời khắc đó sẽ đến qua sự phán đoán. Không phải qua nhiệt huyết.

“Có còn ai muốn phát biểu nữa không? Hãy nói cho thỏa đi.”

Nhưng không ai nói gì nữa. Chẳng mấy chốc John Faa đã với lấy chiếc chuông báo kết thúc rồi rung nó thật mạnh, giờ nó lên cao và lắc từng hồi vang vọng khắp khán phòng và rung động lên tận mái nhà.

John Faa cùng những người khác rời khỏi bục diễn thuyết để lui về phòng hội đàm. Lyra cảm thấy hơi thất vọng. Chẳng lẽ họ không muốn cô bé cũng có mặt ở đó sao? Tony cười vang.

“Họ có kế hoạch cần phải lập,” anh nói. “Em xong phần của mình rồi, Lyra ạ. Bây giờ đến lượt John Faa và hội đồng.”

“Nhưng em đã làm được gì đâu!” Lyra phản đối trong lúc miễn cưỡng theo những người khác ra khỏi Hội trường, xuống con đường rải sỏi về phía cầu tàu. “Em mới chỉ làm được mỗi việc chạy thoát khỏi Phu nhân Coulter! Đó mới chỉ là khởi đầu. Em muốn lên Phương Bắc!”

“Nghe này,” Tony nói, “anh sẽ mang về cho em một cái răng của con moóc, đó là việc anh sẽ làm.”

Lyra quắc mắt giận dữ. Về phần mình, Pantalaimon đang bận rộn với việc làm mặt khỉ với linh thú của Tony, trong khi nó thì nhắm nghiền đôi mắt màu hung lại, vẻ đầy khinh miệt. Lyra lờ đờ tiến về phía đê và lang thang với những người bạn mới của mình, lắc lư chuổi đèn lồng trên mặt nước đen ngòm để thu hút đám cá mắt lồi đang

chậm rãi bơi đến. Chúng phóng những chiếc que sắc nhọn về phía đám cá nhưng không phát nào trúng.

Nhưng tâm trí của Lyra vẫn ở chỗ John Faa và phòng hội đàm. Chẳng bao lâu sau, cô đã lúi đi, trèo lên con đường rải sỏi tới Zaal. Có ánh sáng phát ra từ cửa sổ phòng hội đàm. Nó quá cao để có thể nhìn qua, nhưng cô có thể nghe thấy tiếng nói lẩm rầm bên trong.

Cô bé bước lên tới cửa và đồng dục gõ lên đó năm lần. Những tiếng nói ngừng lại, một chiếc ghế được kéo trên sàn, và rồi cánh cửa mở ra, để tràn thứ ánh sáng ấm áp của đèn dầu lên bậc thang âm ước.

“Vâng?” Người đàn ông vừa mở cửa nói.

Phía sau ông ta Lyra có thể thấy những người khác đang ngồi xung quanh bàn, trên đó là những túi vàng được chõng lên gọn gàng, giấy bút, kính mắt và một bình sành đựng rượu jenniver.

“Cháu muốn lên Phương Bắc,” Lyra nói đủ lớn để tất cả bọn họ đều nghe được. “Cháu muốn đi giúp giải thoát trẻ con. Đó là mục đích của cháu khi chạy trốn khỏi Phu nhân Coulter. Thậm chí cả trước đó cháu đã muốn giải cứu bạn cháu, cậu bé phụ bếp Roger ở trường Jordan. Cháu muốn đi giúp mọi người. Cháu có thể điều hướng và có thể giải mã mạch từ trường của Cực Quang, cháu còn biết phần nào của gấu ăn được, và rất nhiều thứ hữu ích khác nữa. Các ngài sẽ hối hận khi lên tới đó mới phát hiện ra các ngài cần cháu nhưng đã để cháu ở lại mất rồi. Hơn nữa, cũng như người phụ nữ đó đã nói, các ngài có thể sẽ cần một phụ nữ để phụ việc - có khi cần cả trẻ con nữa. Ai mà biết được chứ. Nên các ngài phải đưa cháu đi cùng. Ngài Faa, xin thứ lỗi vì đã làm gián đoạn cuộc nói chuyện của các ngài.”

Lúc này cô bé đã vào hẳn trong phòng. Tất cả mọi người và linh thú của họ đều đang dồn ánh mắt về phía cô, vài người tỏ ra thích thú còn có người lại thấy bức dọc, nhưng cô bé chỉ để mắt đến mình John Faa. Pantalaimon ngồi trên vòng tay cô, đôi mắt mèo rừng của nó lóe lên ánh xanh.

John Faa nói: “Lyra, chẳng có lí do gì lại phải đưa cháu vào vùng nguy hiểm cả, nên đừng tự lừa dối chính mình nữa, cô nhóc. Hãy ở lại đây giúp Má Costa và giữ an toàn đi. Đó là nhiệm vụ của cháu.”

“Nhưng cháu cũng đang học cả cách đọc Chân Kế nữa. Nó ngày càng trở nên rõ ràng hơn rồi! Các ngài nhất định sẽ cần đến nó - nhất định đấy!”

John Faa lắc đầu.

“Không,” ông đáp. “Ta biết cháu đã dồn hết tâm lực vào việc tiến về Phương Bắc, nhưng ta tin là kể cả Phu nhân Coulter cũng sẽ không đưa cháu đi. Nếu muốn nhìn thấy vùng đất đó, cháu sẽ phải chờ đến khi tất cả những rắc rối này trôi qua. Giờ thì đi đi.”

Pantalaimon kể rít lên, nhưng linh thú của John Faa đã vọt lên từ sau lưng ghế ông ngồi và dang đôi cánh đen xì bay về phía chúng, không phải để hăm dọa mà như một lời nhắc nhở phải giữ đúng phép tắc; Lyra quay gót bỏ đi khi con quạ sượt qua đầu cô bé rồi lượn vòng trở lại chỗ John Faa. Cánh cửa đóng lại phía sau cô với một tiếng cách đây dứt khoát.

“Chúng ta sẽ đi,” cô bé nói với Pantalaimon. “Cứ để họ thử ngăn chúng ta xem. Chúng ta vẫn sẽ đi!”

9

Các gián điệp

Trong vòng vài ngày tiếp theo, Lyra vạch ra cả chục kế hoạch rồi lại nôn nóng loại bỏ chúng; vì tóm lại chúng đều dẫn đến việc đi lậu thuyền, nhưng đi lậu trên thuyền dài kiểu gì được chứ? Đúng là cuộc hành trình thật sự sẽ có một con tàu ra trò, mà cô bé thì biết nhiều chuyện để trông chờ vào đủ loại chỗ ẩn náu trên một con tàu cỡ lớn: những chiếc tàu cứu hộ, khoang, thùng đáy, gì cũng được; nhưng cô sẽ phải lên được tàu trước đã, mà rời khỏi vùng Fen đồng nghĩa với việc di chuyển theo cách của dân du mục.

Kể cả có tự mình đến được bờ biển đi chẳng nữa, cô cũng có thể sẽ lên nhầm tàu. Giả dụ mà trốn trong tàu cứu hộ rồi khi tỉnh lại thấy mình đang trên đường tới Thượng Brasil thì đẹp mặt lắm.

Trong lúc đó, việc tập hợp đồ đạc cho chuyến thám hiểm đang diễn ra bất kể ngày đêm ở khắp nơi xung quanh cô, cứ như trêu người cô bé vậy. Cô quanh quẩn bên Adam Stefanski, quan sát ông lựa chọn người tình nguyện cho lực lượng chiến đấu. Cô quấy rầy Roger van Poppel bằng các gợi ý về những đồ dự trữ mà họ cần phải mang theo: ông ấy có nhớ kính đi tuyết không? Ông ấy có biết chỗ tốt nhất để lấy bản đồ Bắc Cực không?

Người cô muốn giúp nhất là Benjamin de Ruyter, viên gián điệp. Nhưng sáng sớm sau buổi Roping thứ hai ông đã linh đi, và hẳn nhiên

là không ai có thể đoán được ông đã đi đâu hay khi nào thì ông về. Vậy là Lyra đành bám lấy Farder Coram.

“Cháu nghĩ sẽ là tốt nhất nếu cháu giúp ông, Farder Coram ạ,” cô bé nói, “bởi vì có lẽ cháu biết về Những Kẻ háu ăn nhiều hơn bất cứ ai, do cháu đã gần như trở thành một trong số chúng. Có lẽ ông sẽ cần cháu giúp lí giải các thông điệp của ông de Ruyter.”

Ông thấy thương hại cô bé có tính cách dữ dội và liều lĩnh này nên đã không đuổi cô đi. Thay vào đó ông nói chuyện với cô, lắng nghe cô kể lại những kí ức về Oxford, về Phu nhân Coulter, và quan sát cô đọc chiếc Chân Kế.

“Cái cuốn sách chứa tất cả các biểu tượng ở đâu vậy ạ?” Một ngày nọ cô hỏi.

“Ở Heidelberg,” ông đáp.

“Chỉ có một cuốn thôi sao?”

“Có thể có những cuốn khác nữa, nhưng đó là cuốn ta đã thấy.”

“Cháu dám cá là có một bản trong Thư viện Bodley ở Oxford,” cô nói.

Cô bé gần như không thể rời mắt khỏi linh thú của Farder Coram, đó là con linh thú đẹp nhất mà cô từng thấy. Khi ở trong hình dạng mèo, Pantalaimon trông gầy gò, bồm xồm và tả tơi, nhưng Sophonax, đó là tên của nó, có đôi mắt vàng kim thanh nhã khôn tả, to gấp đôi một con mèo thật và có bộ lông dày mượt mà. Khi ánh mặt trời chạm đến, nó bùng lên nhiều sắc màu hung - nâu - xanh lá - nâu lục - vàng ngô - vàng kim - vàng thu - nâu đỏ hơn Lyra có thể gọi tên. Cô ao ước được chạm vào bộ lông đó, được cọ má vào nó, nhưng đương nhiên là cô không bao giờ làm thế; vì chạm vào linh thú của người khác là sự vi phạm phép tắc thô thiển nhất có thể tưởng tượng được. Đương nhiên các linh thú thì có thể chạm vào nhau, hoặc đánh nhau; nhưng sự ngăn cấm tiếp xúc giữa người và linh thú sâu sắc đến mức kể cả khi giao tranh, không binh sĩ nào lại chạm vào linh thú của kẻ địch cả.

Việc đó bị cấm tuyệt đối. Lyra không nhớ nổi mình có từng bị nhắc nhở về điều đó hay không: cô cứ tự nhiên biết về nó, giống như bản năng mách bảo rằng cảm thấy buồn nôn là xấu còn được an ủi là tốt vậy. Vì vậy mặc dù rất ngưỡng mộ bộ lông của Sophonax và thậm chí còn tự tưởng tượng xem cảm giác khi chạm vào sẽ như thế nào, cô cũng không cố chạm vào con linh thú, và sẽ không bao giờ làm vậy.

Sophonax béo tốt, khỏe mạnh, và xinh đẹp bao nhiêu thì Farder Coram lại tiều tụy và yếu ớt bấy nhiêu. Ông ấy có thể đã bị ốm, hoặc bị làm cho tật nguyền, nhưng kết quả là ông không thể đi lại mà không tì lên hai chiếc nạng, lúc nào ông cũng run lẩy bẩy như cây sậy. Dù vậy trí não của ông thì lại rất sắc sảo, tinh tường và mạnh mẽ. Chẳng mấy chốc Lyra đã trở nên yêu quý ông vì sự thông thái và vì cách ông chỉ bảo cô rất tận tình.

“Cái đồng hồ cát đó có nghĩa là gì vậy Farder Coram?” Cô bé hỏi lúc đang cầm chiếc Chân Kế vào một buổi sáng đẹp trời trên thuyền của ông. “Nó cứ chỉ vào đó suốt.”

“Thường sẽ có một manh mối ở đó nếu cháu chịu khó quan sát kỹ hơn. Cái thứ nhỏ xíu cũ kỹ trên đỉnh của nó là gì vậy?”

Cô bé nheo mắt nhòm vào.

“Đó là một cái đầu lâu!”

“Vậy cháu nghĩ nó có thể mang ý nghĩa gì?”

“Cái chết... Có phải là cái chết không ạ?”

“Đúng rồi. Như vậy trong phạm vi ý nghĩa của đồng hồ cát ta có cái chết. Cụ thể thì, thời gian là ý nghĩa đầu tiên, sau đó ý nghĩa thứ hai là cái chết.”

“Ông có biết cháu nhận ra điều gì không, Farder Coram? Cái kim dừng lại ở đó vào vòng xoay thứ hai! Ở vòng đầu tiên nó hơi giật giật, sang đến vòng thứ hai mới dừng hẳn. Điều đó ám chỉ ý nghĩa thứ hai đúng không ạ?”

“Có thể. Cháu đang hỏi nó điều gì vậy, Lyra?”

“Cháu đang nghĩ...” Cô bé ngừng lại, ngạc nhiên nhận ra rằng mình đã đặt câu hỏi từ lúc nào không hay. “Cháu chỉ gộp ba hình ảnh lại với nhau vì... Cháu đang nghĩ đến ông de Ruyter, ông biết đấy... Cháu gộp con rắn, nôi luyện kim và tổ ong lại, rồi hỏi xem ông ấy đi do thám thế nào rồi, và...”

“Tại sao lại là ba biểu tượng đó?”

“Vì cháu nghĩ con rắn thì gian xảo, giống như đặc điểm của gián điệp, nôi luyện kim có thể mang nghĩa kiến thức, thứ mà ta chứng cất được, còn tổ ong là làm việc chăm chỉ, giống như ong lúc nào cũng rất cần mẫn; từ sự chăm chỉ và gian xảo dẫn đến kiến thức, vậy đó, và đây là công việc của gián điệp. Cháu chỉ vào những bức hình đó rồi hình dung câu hỏi trong đầu, và kim dừng lại ở cái chết... Ông nghĩ nó có thực sự hoạt động tốt không, Farder Coram?”

“Nó vẫn hoạt động tốt, Lyra ạ. Điều chúng ta không biết là liệu chúng ta có đọc đúng hay không thôi. Đó là một nghệ thuật rất kì ảo. Không biết nếu...”

Trước khi ông kịp nói hết câu thì có tiếng gõ cửa đầy khẩn thiết vang lên, rồi một thanh niên du mục bước vào.

“Xin thứ lỗi, Farder Coram, Jacob Huismans vừa mới trở về, ông ấy bị thương rất nặng.”

“Ông ấy đã đi cùng với Benjamin de Ruyter,” Farder Coram nói. “Chuyện gì xảy ra vậy?”

“Ông ấy không chịu nói,” người thanh niên nói. “Ông nên tới đó đi, Farder Coram, vì ông ấy không sống được lâu đâu, ông ấy bị nội thương.”

Farder Coram và Lyra nhìn nhau đầy hoảng hốt và kinh ngạc, nhưng chỉ trong một giây. Sau đó Farder Coram tập tễnh chống nạng đi ra, cố gắng đi nhanh nhất có thể, với con linh thú rảo bước phía trước. Lyra cũng đi cùng, cô nhún nhảy đầy nôn nóng.

Người thanh niên dẫn họ tới một con thuyền được buộc vào cầu tàu chất củ cải đường, nơi một người phụ nữ mặc tạp dề đỏ đang mở sẵn cửa đón họ. Thấy bà liếc nhìn Lyra về ngờ vực, Farder Coram bèn nói: “Việc để cô bé nghe những lời Jacob sẽ nói rất quan trọng, bà chủ à.”

Người phụ nữ liền để họ vào và ở lại cùng với con linh thú sóc đang im lặng đứng trên chiếc đồng hồ gỗ. Nằm trên giường dưới lớp khăn trải chắp vá là một người đàn ông có khuôn mặt trắng bệch đẫm mồ hôi và đôi mắt đờ đẫn.

“Tôi đã mời thầy thuốc rồi, thưa Farder Coram,” người phụ nữ run rẩy nói. “Xin đừng kích động ông ấy. Ông ấy đang rất đau đớn. Ông ấy vừa tới từ thuyền của Peter Hawker vài phút trước.”

“Peter bây giờ đang ở đâu?”

“Ông ấy đang neo thuyền. Chính ông ấy bảo tôi mời ngài đến.”

“Được rồi. Nào, Jacob, anh có nghe thấy tôi nói không?”

Đôi mắt Jacob đảo về phía Farder Coram đang ngồi trên chiếc giường phía đối diện cách đó một hoặc hai bước chân.

“Xin chào, Farder Coram,” ông thì thào.

Lyra nhìn linh thú của ông. Đó là một con chồn sương. Nó đang nằm lặng như tờ cạnh đầu ông, người cuộn tròn lại nhưng không ngủ vì mắt nó đang mở và cũng đờ đẫn không khác gì mắt chủ.

“Chuyện gì xảy ra vậy?” Farder Coram hỏi.

“Benjamin chết rồi,” câu trả lời vang lên. “Ông ấy đã chết, còn Gerard thì bị bắt.”

Giọng ông ào ào, hơi thở gấp gáp. Khi ông ngừng nói, con linh thú đau đớn duỗi người ra liếm má ông. Được cử chỉ đó khích lệ, ông nói tiếp:

“Chúng tôi đang đột nhập vào Bộ Thần học, vì Benjamin nghe một trong những tên Kẻ háu ăn mà chúng tôi bắt được nói rằng sào huyệt của chúng ở đó, rằng đó là nơi đưa ra tất cả các mệnh lệnh...”

Ông lại một lần nữa ngừng nói.

“Các anh đã bắt được vài tên Kẻ háu ăn ư?” Farder Coram hỏi.

Jacob gật đầu rồi liếc nhìn sang linh thú của mình. Rất hiếm khi linh thú nói chuyện với con người trừ chủ thể của mình, nhưng đôi khi việc đó cũng xảy ra, và lúc này linh thú của ông đang nói.

“Chúng tôi tóm được ba tên Những Kẻ háu ăn ở Clerkenwell và bắt chúng khai ra chúng đang làm việc cho ai, nhận lệnh từ đâu và những việc khác nữa. Chúng không biết bọn trẻ bị đưa đi đâu, trừ việc nơi đó nằm ở phía bắc Lapland...”

Con linh thú phải dừng lại để thở gấp, lồng ngực bé xúu run lên, trước khi có thể tiếp tục nói.

“Bọn chúng nói với chúng tôi về Bộ Thần học và Ngài Boreal. Benjamin nói ông ấy và Gerard Hook phải đột nhập vào Bộ, còn Frans Broekman và Tom Mendham đi tìm hiểu về Ngài Boreal.”

“Họ đã làm vậy à?”

“Chúng tôi không biết. Họ không hề quay lại. Farder Coram, cứ như thể chúng đã biết về tất cả những việc chúng ta làm trước cả khi ta thực hiện nó vậy, và theo như chúng tôi được biết thì Frans và Tom đã bị nuốt sống ngay khi đến gần Ngài Boreal.”

“Trở lại với Benjamin đi,” Farder Coram nói, nghe thấy tiếng thở của Jacob trở nên gắt hơn, đôi mắt nhắm nghiền lại vì đau đớn.

Linh thú của Jacob khẽ kêu lên vì lo lắng và yêu thương. Người phụ nữ tiến một vài bước lại gần, đôi tay ụp trên miệng; nhưng bà không nói gì cả, và con linh thú yếu ớt nói tiếp:

“Benjamin, Gerard và chúng tôi tới văn phòng Bộ tại Nhà Trắng và tìm thấy một cánh cửa phụ nhỏ không được canh gác quá nghiêm ngặt. Chúng tôi đứng canh chừng bên ngoài trong lúc họ phá khóa đột nhập vào bên trong. Họ mới vào chưa đầy một phút thì chúng tôi nghe thấy một tiếng hét kinh hãi, rồi linh thú của Benjamin lao tới ra hiệu cho chúng tôi cứu viện rồi lại lao vào. Chúng tôi rút dao ra và chạy

vào ngay sau nó. Có điều, nơi đó rất tối, đầy những hình dạng và âm thanh hoang dại, những cử động ghê sợ của chúng khiến chúng tôi bị rối loạn. Chúng tôi chạy đi tìm khắp nơi, rồi có một cơn chấn động từ phía trên, một tiếng thét rợn tóc gáy vang lên, rồi Benjamin và linh thú của ông ấy rơi xuống từ một cầu thang cao phía trên chúng tôi. Con linh thú cố giật và đập cánh để giữ ông ấy lại nhưng vô ích. Họ đâm sầm xuống sàn nhà bằng đá và cả hai lịm đi trong chốc lát.

“Chúng tôi không thấy Gerard đâu cả, nhưng lại nghe thấy tiếng ông ấy rú lên từ phía trên, chúng tôi quá kinh hãi và choáng váng đến mức không nhúc nhích nổi, rồi một mũi tên bắn xuống vai chúng tôi và xuyên sâu vào bên trong...”

Tiếng con linh thú yếu dần, người đàn ông rên lên một tiếng đau đớn. Farder Coram cúi người về trước và nhẹ nhàng kéo lớp khăn phủ giường lại. Ở đó, thò ra khỏi vai Jacob là phần đuôi gấn lông của một mũi tên cắm trong một cục máu đông lớn. Phần cán và đầu mũi tên đang ngập sâu trong ngực của người đàn ông tội nghiệp nên chỉ có khoảng hơn chục phân thò ra ngoài da. Lyra thấy như muốn xỉu.

Có tiếng bước chân và tiếng nói bên ngoài cầu tàu.

Farder Coram ngồi dậy và nói: “Thầy thuốc đến rồi, Jacob ạ. Chúng tôi đi bây giờ đây. Chúng ta sẽ nói chuyện lâu hơn sau khi anh khỏe lại.”

Trên đường đi ra, ông ôm siết lấy vai người phụ nữ. Lyra bám chặt lấy ông trên cầu tàu vì ở đó đang có một đám đông tụ tập, thì thầm và chỉ trỏ. Farder Coram ra chỉ thị cho Peter Hawker đến gặp John Faa ngay lập tức, rồi nói thêm:

“Lyra, ngay khi biết Jacob có sống được hay không, chúng ta sẽ phải có một buổi nói chuyện khác về cái Chân Kế đó. Cháu đi làm gì ở đâu đó đi, nhóc; chúng ta sẽ gọi cháu sau.”

Lyra đành đi lang thang một mình. Cô bé đến ngồi bên bờ sông ngập lau sậy và ném bùn xuống nước. Cô biết một điều: cô không thấy vui hay tự hào vì đã đọc được Chân Kế - cô thấy sợ. Dù cho cái thứ

năng lực khiến cái kim xoay và dừng có là gì đi nữa thì nó cũng biết chuyện như một sinh vật thông minh vậy.

“Mình đoán đó là một linh hồn,” Lyra nói, trong một chốc cô đã thực sự muốn liệng cái vật nhỏ bé đó vào giữa khu đầm lầy.

“Nếu ở đó có linh hồn thì tớ đã nhìn thấy rồi,” Pantalaimon nói. “Giống như con ma già ở Godstow đó. Tớ thấy nó trong khi cậu thì không.”

“Có nhiều hơn một loại linh hồn đó,” Lyra vặc lại. “Cậu không thể nhìn thấy tất cả được. Mà còn mấy ông Học giả già mất đầu đã chết thì sao? Tớ thấy họ đấy, đừng có quên.”

“Chỉ là lũ quỷ gieo ác mộng thôi mà.”

“Không phải. Chúng là các linh hồn hẳn hoi đó, và cậu biết điều đó. Nhưng thứ làm chuyển động cái kim thì không phải là loại linh hồn đó.”

“Nó cũng có thể không phải là một linh hồn,” Pantalaimon cứng đầu đáp.

“Vậy nó có thể là gì được chứ?”

“Nó có thể là... Nó có thể là các hạt cơ bản.”

Cô bé tỏ ra giễu cợt.

“Có thể mà!” Con linh thú khăng khăng nói. “Cậu có nhớ cái cối xay ánh sáng người ta để ở Gabriel không? Sao hả?”

Tại Học viện Gabriel có một vật rất linh thiêng được cất trên bệ thờ cao của Nhà nguyện, giờ nghĩ lại thì Lyra nhận ra nó được bọc trong một lớp vải nhung đen, giống như loại vải bọc Chân Kế. Cô đã thấy nó khi đi cùng Thủ thư của Jordan đến dự lễ tại đó. Khi lời khẩn cầu lên đến cao trào, Đấng Cầu Thay nhắc tấm vải lên, để lộ ra trong ánh sáng mờ ảo một vòm kính chứa thứ gì đó bên trong nhưng lại quá xa để có thể nhìn thấy được. Cho tới khi ông kéo một sợi dây gắn với cửa chớp phía trên, để lọt một dải nắng rọi đúng vào mái vòm thì mọi thứ mới hiện lên rõ nét: một vật nhỏ xinh giống như chiếc chong

chóng chỉ chiều gió, với bốn bản hứng gió sơn màu đen ở một phía và màu trắng ở phía còn lại. Ánh sáng chiếu vào khiến nó bắt đầu xoay. Thiết bị này minh họa một bài học đạo đức, Đấng Cầu Thay giải thích, vì màu đen của sự ngu muội bỏ chạy khỏi ánh sáng, trong khi sự thông tuệ của màu trắng lại vội vàng ôm ghì lấy nó. Lyra tin lời ông, nhưng dù mang ý nghĩa gì thì cái chong chóng nhỏ đang quay tít trông cũng thật vui mắt, và tất cả những chuyển động đó đều nhờ lực của các photon, viên Thủ thư đã nói như vậy khi họ đang đi bộ về Jordan.

Vậy có lẽ Pantalaimon nói đúng. Nếu các hạt cơ bản có thể làm cho một chiếc cối xay ánh sáng quay thì không có gì nghi ngờ khi chúng có thể khiến một cái kim hoạt động nhẹ nhàng; nhưng điều đó vẫn khiến cô lo nghĩ.

“Lyra! Lyra!”

Tony Costa đang vẫy gọi cô từ phía cầu tàu.

“Lại đây,” anh gọi. “Em phải đi gặp John Faa ở Zaal đi. Chạy nhanh lên, nhóc, khẩn cấp lắm rồi.”

Cô bé thấy John Faa cùng với Farder Coram và các lãnh đạo khác, vẻ mặt đầy lo âu.

John Faa nói:

“Lyra, bé con, Farder Coram đã kể với ta về việc cháu giải mã dụng cụ đó. Và ta rất tiếc phải thông báo là Jacob tội nghiệp vừa mới qua đời. Ta nghĩ rốt cuộc chúng ta sẽ phải đưa cháu đi cùng, dù điều đó trái với cách làm của ta. Tâm trí ta rối bời vì nó, nhưng xem ra không có cách giải quyết nào khác. Ngay sau khi Jacob được chôn cất xong theo đúng phong tục, chúng ta sẽ lên đường. Cháu phải hiểu ý ta, Lyra ạ: cháu sẽ đi cùng, nhưng đây không phải dịp để vui sướng hay mừng rỡ. Gian khổ và hiểm nguy đang trực chờ phía trước cả đoàn.

“Ta sẽ để cháu dưới sự bảo hộ của Farder Coram. Đừng có gây phiền phức hay nguy hiểm gì cho ông ấy đấy, nếu không cháu sẽ phải

chịu đựng cơn lôi đình của ta. Giờ thì nhanh đi giải thích với Má Costa rồi chuẩn bị sẵn sàng lên đường đi.”

Hai tuần sau đó trôi qua một cách bận rộn hơn bất cứ lúc nào trong cuộc đời của Lyra. Bận rộn, nhưng không nhanh chóng, vì có những khoảng dài đặng đặng phải chờ đợi, phải trốn trong tủ đồ ọp ẹp ẩm ướt, phải nhìn phong cảnh mùa thu âm đạm sũng mưa đi qua cửa sổ, phải trốn tiếp, phải ngủ gần đầu máy xả hơi gas rồi tỉnh dậy với cơn đau đầu khủng khiếp, và còn tồi tệ hơn tất cả, là không bao giờ được phép ra ngoài để chạy dọc theo bờ sông, trèo lên boong tàu, kéo cửa cống hay bắt một sợi dây neo tàu được ném ra từ mé cửa cống.

Vì hẳn nhiên là cô bé không được lộ mặt. Tony Costa kể với cô về lời bàn tán tại các quán rượu bên bờ kênh: rằng đang có một cuộc săn lùng khắp vương quốc để tìm một cô bé có mái tóc vàng, cùng với giải thưởng hậu hĩnh cho ai tìm được cô và sự trừng phạt khốc liệt cho kẻ nào dám che giấu. Ngoài ra còn có những lời đồn kì lạ nữa: người ta nói rằng cô bé là đứa trẻ duy nhất chạy thoát khỏi đám Những Kẻ háu ăn, và cô đang cất giữ những bí mật khủng khiếp. Một lời đồn khác nói rằng cô hoàn toàn không phải là một đứa trẻ loài người mà là một cặp tinh linh trong hình dạng trẻ con và linh thú, được gửi tới thế giới này bằng những thứ mãnh lực từ địa ngục để gieo rắc tai hoạ; và một lời đồn khác lại cho rằng đó không phải một đứa trẻ mà là một người hoàn toàn trưởng thành, bị ma thuật khiến cho cơ thể co bé lại và được người Tartar trả công, đến để do thám những người Anh tốt bụng, chuẩn bị dọn đường cho cuộc xâm lăng của quân Tartar.

Ban đầu Lyra lắng nghe những câu chuyện này với sự hoan hỉ, nhưng sau đó cô bé lại thấy phiền muộn. Tất cả mọi người đều ghét bỏ và sợ hãi cô! Còn cô bé thì chỉ ao ước được thoát ra khỏi cái buồng chật chội tù túng này. Cô mong mỗi được tiến lên Phương Bắc ngay lập tức, tới những vùng tuyết phủ bạt ngàn, dưới vầng Cực Quang rực rỡ. Đôi khi cô lại muốn được trở lại Học viện Jordan, bò trên các mái

nhà cùng với Roger trong khi chuông của người Quản lí báo hiệu nửa tiếng trước bữa tối, với những tiếng huyên náo, xì xèo và hò hét vọng ra từ bếp... Rồi cô lại ước giá như chẳng có gì thay đổi và sẽ không bao giờ thay đổi, rằng cô có thể làm Lyra của Học viện Jordan mãi mãi.

Thứ đã lôi cô ra khỏi sự buồn bực và cáu bẳn chính là chiếc Chân Kế. Hằng ngày cô đều đọc nó, đôi khi với Farder Coram, đôi khi là tự một mình. Cô nhận ra rằng mình ngày một sẵn lòng chìm sâu hơn nữa vào trạng thái yên bình nơi những ý nghĩa biểu tượng tự động phơi bày, và những rặng núi hùng vĩ nhuộm màu nắng đỏ liền hiện ra trong tầm mắt.

Cô bé gắng sức giải thích cảm giác đó với Farder Coram.

“Nó gần như là nói chuyện với ai đó vậy, chỉ khác là ta không thể nghe được họ. Ta sẽ thấy mình khá là ngốc nghếch vì họ thông minh hơn ta, chỉ khác là họ không khó chịu hay gì cả... Mà họ biết rất nhiều, Farder Coram ạ! Cứ như thể họ biết tất cả mọi thứ vậy, gần như thế! Phu nhân Coulter cũng thông minh, bà ấy biết rất nhiều chuyện, nhưng đây là kiểu hiểu biết khác... Nó như là thấu hiểu vậy, cháu đoán thế...”

Ông sẽ hỏi những câu hỏi cụ thể, còn cô bé sẽ tìm câu trả lời.

“Hiện giờ Phu nhân Coulter đang làm gì?” Ông vừa hỏi là đôi tay cô lập tức chuyển động, và ông sẽ nói: “Nói cho ta nghe cháu định làm gì.”

“À, bức hình Thánh Mẫu là Phu nhân Coulter, cháu đã nghĩ đến mẹ mình khi trở kim vào đó; kiến là *bận rộn* - cái đó dễ, đấy là ý nghĩa chính; còn đồng hồ cát thì có *thời gian* trong chuỗi ý nghĩa của nó; mà một phần trong đó có *hiện giờ*, nên cháu cứ tập trung vào đó.”

“Làm thế nào cháu biết được những ý nghĩa này ở đâu?”

“Cháu đại khái là có thể thấy chúng. Hay đúng hơn là cảm nhận được chúng, giống như leo xuống thang vào buổi đêm vậy chỉ cần đặt

chân xuống là thấy một thanh ngang khác. Nên cháu đặt tâm trí xuống và thấy một ý nghĩa khác, cháu đại khái là cảm nhận được ý nghĩa đó là gì. Sau đó cháu liên kết tất cả lại với nhau. Ở đây có một thủ thuật là phải tập trung ánh nhìn vào đó.”

“Vậy cháu làm đi, xem nó nói gì.”

Lyra làm theo. Kim dài lập tức xoay, rồi dừng lại, đi tiếp, lại dừng lại thành một chuỗi lướt và nghỉ đầy chuẩn xác. Nó đem lại cảm giác thanh nhã và quyền lực khiến Lyra khi trải nghiệm điều đó cảm thấy mình như một chú chim non đang tập sải cánh. Farder Coram ngồi quan sát từ phía bên kia bàn, chú tâm đến những vị trí mà cái kim dừng lại và ngắm cô gái nhỏ vén tóc lên khỏi gương mặt, khẽ cắn môi dưới, đôi mắt cô lúc đầu thì dõi theo kim xoay nhưng sau đó khi lộ trình của nó đã ổn định thì nhìn ra chỗ khác trên mặt la bàn. Việc đó không phải được làm một cách ngẫu nhiên. Farder Coram là một kì thủ cờ vua, và ông biết cái cách mà các kì thủ quan sát trận đấu đang diễn ra. Một kì thủ chuyên nghiệp dường như có thể thấy những dòng sức mạnh và ảnh hưởng trên bàn cờ, họ dõi theo những dòng quan trọng và bỏ qua những cái yếu hơn. Đôi mắt Lyra cũng di chuyển theo cách đó, dựa theo một từ trường tương tự nào đó mà cô bé có thể thấy nhưng ông thì không.

Cây kim dừng lại tại tia chớp, đứa trẻ sơ sinh, con rắn, con voi, và một sinh vật mà Lyra không biết phải dùng tên gì để gọi: một kiểu thằn lằn với đôi mắt to, đuôi quấn quanh cái chén nhỏ mà nó đang đứng trên. Nó cứ lập đi lập lại cái chuỗi đó trong lúc Lyra quan sát.

“Con thằn lằn đó có nghĩa gì vậy?” Farder Coram hỏi, làm gián đoạn sự tập trung của cô bé.

“Nó thật vô nghĩa... Cháu có thể thấy nó muốn nói gì, nhưng chắc là cháu đang đọc nhầm. Tia chớp cháu nghĩ là cơn giận dữ, còn đứa bé... cháu nghĩ đó là cháu... Cháu đã gần nắm được ý nghĩa của cái thứ thằn lằn đó rồi, nhưng ông lại hỏi cháu, Farder Coram ạ, nên cháu để rớt mất nó rồi. Đấy, giờ thì không hiểu nó trôi đi đâu mất rồi.”

“Ừ, ta hiểu rồi. Xin lỗi cháu, Lyra. Cháu có mệt không? Có muốn nghỉ không?”

“Không ạ,” cô đáp, nhưng đôi má cô ửng đỏ và đôi mắt sáng bừng. Cô có đủ mọi dấu hiệu của sự bức bối do quá phấn khích, và việc bị giam cầm trong căn buồng ngột ngạt này quá lâu còn khiến tâm trạng cô trở nên tồi tệ hơn.

Ông nhìn ra ngoài cửa sổ. Trời đã sẫm tối, họ đang đi dọc theo vùng nước nội địa cuối cùng trước khi ra tới bờ biển. Những khoảng rộng nổi vầng màu nâu của cửa sông nổi dài dưới nền trời ảm đạm tới một nhóm các thùng tinh than ở phía xa, han gỉ và bám đầy mạng nhện cùng với hệ thống ống dẫn, bên cạnh một xưởng lọc dầu nơi những cụm khói đen dày đặc miễn cưỡng dâng lên hòa vào với mây trời.

“Chúng ta đang ở đâu vậy?” Lyra hỏi. “Cháu có thể ra ngoài một tí thôi được không, Farder Coram?”

“Đây là vùng nước Colby,” ông đáp. “Cửa sông Cole. Khi tới thị trấn chúng ta sẽ neo thuyền tại Chợ Khói rồi đi bộ tới khu xưởng đóng tàu. Một hai tiếng nữa là tới nơi...”

Nhưng trời đang tối dần. Trong cảnh tiêu điều bao la của vùng sông nước, chẳng có gì chuyển động trừ con thuyền của chính họ và một sà lan chở than phía xa đang vất vả tiến về phía xưởng lọc. Lyra đỏ bừng mặt vì mệt và phấn khích, cô đã ở bên trong quá lâu; thấy vậy Farder Coram nói tiếp:

“Chà, ta nghĩ chỉ vài phút tận hưởng không khí thoáng đãng thì sẽ không có vấn đề gì. Ta không thể nói là không khí trong lành được; nó chẳng trong lành gì trừ khi thổi tới từ đại dương; nhưng cháu có thể ra ngồi trên nóc và nhìn ngắm xung quanh cho tới khi chúng ta tới gần hơn.”

Lyra nhảy dựng lên, còn Pantalaimon thì lập tức biến thành một con mòng biển, háo hức được sải cánh trên bầu trời rộng mở. Bên ngoài trời rất lạnh, nên mặc dù đã được quần kỹ càng, Lyra vẫn không

khỏi rùng mình. Pantalaimon thì ngược lại, nó lao bổ vào bầu không khí với một tiếng kêu lớn mừng rỡ. Nó chao liệng, bay là đà rồi lao vọt đi lúc thì phía trước mũi thuyền, lúc lại ở đằng sau đuôi. Lyra thấy như mình đang bay cùng với Pantalaimon và điều đó khiến cô bé cảm thấy hân hoan. Cô thầm xúi giục nó khiêu khích con linh thú chim cốc của người lái thuyền già đi bay đua với nó. Nhưng con chim kia lờ đi và ngái ngủ đậu lên tay cầm bánh lái gần ông chủ của mình.

Chẳng có sự sống nào trên vùng nước màu nâu khắc nghiệt này chỉ có tiếng nổ bình bịch đều đặn của đầu máy và tiếng ì oạp khe khẽ của nước dưới mũi tàu phá vỡ sự tĩnh lặng mênh mang. Những đám mây nặng nề sà xuống thấp nhưng không tạo mưa; không khí phía dưới đen đặc bụi khói. Chỉ riêng vẻ thanh nhã lộng lẫy của Pantalaimon là mang trong đó sự sống và niềm vui.

Khi Pantalaimon đang bay vút lên sau một cú bổ nhào với đôi cánh trắng dang rộng trên nền trời xám xịt, có thứ gì đó màu đen lao tới đập vào nó. Nó ngã nhào sang một bên, run rẩy vì sốc và đau đớn. Lyra hét lên, cảm thấy cơn đau rõ rệt. Thêm một vật nhỏ màu đen khác tới nhập bọn với cái đầu tiên; chúng cử động không giống chim mà giống những con bọ cánh cứng đang bay nặng nề và thẳng hướng, phát ra tiếng kêu vo vo.

Khi Pantalaimon rơi xuống, cố gắng vịn người để nhắm vào thuyền và đôi tay Lyra đang dang ra tuyệt vọng, những sinh vật màu đen cứ liên tục lao vào nó, kêu lên vo ve, rì rì đầy sát khí. Lyra gần như phát điên lên với nỗi sợ hãi của Pantalaimon cũng như của chính bản thân mình, nhưng rồi có thứ gì đó lướt qua cô rồi bay vút lên.

Đó là linh thú của người lái thuyền. Trái với bộ dạng vụng về và nặng nề, cái cách nó bay lại thật mạnh mẽ và nhanh nhẹn. Đầu nó tấp bên này đập bên kia - đôi cánh màu đen rung lên, có thứ gì đó màu trắng vỡ ra - rồi một vật nhỏ màu đen rơi xuống lớp mái bôi hắc ín của buồng ngủ ngay chỗ chân Lyra, đúng lúc cô bé đón được Pantalaimon.

Trước khi cô bé kịp đỡ dành con linh thú, Pantalaimon đã biến thành dạng mèo rừng và nhảy bổ xuống sinh vật kia, lôi nó lại từ mép mái khi nó đang bò thật nhanh để trốn. Pantalaimon ghì chặt nó xuống bằng một bàn chân xoè vuốt rồi ngược nhìn bầu trời đang tối dần, nơi sải cánh đen của con chim cốc đang lượn vòng cao hơn khi nó bay quanh tìm con còn lại.

Rồi con chim cốc lao vụt trở lại, kêu lên quang quác gì đó với người lái thuyền. Ông nói: “Nó bay mất rồi. Đừng để con còn lại thoát mất. Đây...” rồi hất cặn trong chiếc cốc thiếc đang uống đi và ném nó cho Lyra.

Cô bé lập tức ụp nó lên con vật kia. Nó kêu lên o o, gừ gừ như một cỗ máy tí hon.

“Giữ chắc lấy nó,” Farder Coram nói từ phía sau cô, rồi ông cúi xuống, đẩy một tấm thẻ xuống dưới cái cốc.

“Nó là thứ gì vậy, Farder Coram?” Cô bé run rẩy hỏi.

“Chúng ta xuống dưới xem xét đi. Cầm cẩn thận nhé, Lyra. Giữ chắc lấy nó.”

Khi đi qua, cô bé liếc nhìn linh thú của người lái thuyền, định bụng cảm ơn nó, nhưng đôi mắt già cỗi của nó đang nhắm nghiền lại. Thay vào đó cô cảm ơn người lái thuyền.

“Cháu phải ở yên phía dưới đi,” là tất cả những gì ông nói.

Cô mang cái cốc vào buồng ngủ, nơi Farder Coram đã tìm được một cốc bia. Ông lật ngược cái cốc thiếc lại phía trên đó rồi rút tấm thẻ ra từ giữa hai cốc, để cho sinh vật kia rơi vào cốc bia. Ông nâng cái cốc lên để họ có thể nhìn rõ con vật bé nhỏ đầy giận dữ.

Nó dài khoảng bằng ngón tay cái của Lyra, và có màu xanh lục thẫm chứ không phải màu đen. Đôi cánh ngoài của nó dựng đứng lên, giống như một con bọ rùa đang chuẩn bị bay, còn đôi cánh phía trong đập loạn xạ, nhanh đến mức chúng chỉ còn là một vệt mờ. Sáu cái chân có vuốt của nó đang quờ quạng trên thành thủy tinh trơn trượt.

“Cái gì thế này?” Cô bé hỏi.

Pantalaimon, vẫn trong hình dạng mèo rừng, đang nép sát trên bàn cách đó hơn chục phân, đôi mắt xanh lục của nó dõi theo con vật đang quay mòng mòng trong cốc.

“Nếu đập vỡ nó ra,” Farder Coram nói; “cháu sẽ thấy rằng chẳng có sinh vật sống nào bên trong cả. Dù gì thì cũng không phải động vật hay côn trùng. Ta đã từng thấy một trong số những thứ tương tự, nhưng không bao giờ nghĩ mình sẽ lại thấy nó một lần nữa ở tí xa trên phía bắc như thế này. Chúng tới từ Phi châu. Có một bộ máy đồng hồ chạy phía trong đó, ghim chặt vào lò xo của nó là một linh hồn xấu với trái tim bị yếm bùa.”

“Nhưng ai cử nó tới vậy?”

“Cháu thậm chí còn không cần đọc những biểu tượng nữa, Lyra ạ; cháu có thể dễ dàng đoán giống như ta vậy.”

“Phu nhân Coulter?”

“Rõ ràng rồi. Bà ta không chỉ thám hiểm trên Phương Bắc, còn có rất nhiều chuyện kì quái trong những vùng hoang dã phía nam. Lần cuối ta nhìn thấy một trong những thứ này là ở Morocco. Nguy hiểm chết người; chừng nào linh hồn đó vẫn còn cư ngụ bên trong, nó sẽ không bao giờ dừng lại, còn nếu phóng thích linh hồn ra, nó sẽ trở nên hung dữ một cách tàn bạo, đến mức nó sẽ giết chết thứ đầu tiên chạm được vào.”

“Nhưng mục đích của nó là gì?”

“Do thám. Ta quả là một tên gốc đáng nguyên rủa vì đã để cháu lên đó. Và đáng lẽ ta không nên làm phiền mà phải để cháu suy ngẫm thông suốt về các biểu tượng.”

“Giờ thì cháu hiểu rồi!” Lyra thốt lên, đột nhiên thấy phấn khích. “Nó có nghĩa là không khí, cái con thần lẩn ấy! Cháu đã thấy được điều đó, nhưng không thể hiểu tại sao, nên cháu đã cố giải thích nhưng lại bị mất phương hướng.”

“A,” Farder Coram kêu lên, “thế thì ta cũng hiểu ra rồi. Lí do là vì đây không phải là thằn lằn; nó là một con tắc kè hoa. Nó mang nghĩa không khí vì chúng không ăn uống gì mà chỉ sống dựa vào không khí.”

“Còn con voi...”

“Phi châu,” ông nói, rồi: “Aha.”

Họ nhìn nhau. Chiếc Chân Kế càng hé lộ về quyền năng của nó bao nhiêu thì họ càng thấy kinh sợ nó bấy nhiêu.

“Nó đã nói với chúng ta những điều này suốt cả thời gian qua,” Lyra nói. “Chúng ta đáng ra phải lắng nghe. Nhưng chúng ta có thể làm gì với vật này đây, Farder Coram? Chúng ta có thể giết nó hay gì đây không?”

“Ta không biết liệu chúng ta có thể làm gì đó không. Chúng ta chỉ cần nhốt chặt nó trong một cái hộp và không bao giờ để nó thoát ra. Thứ khiến ta lo lắng hơn là cái còn lại đã sống mất. Lúc này nó hẳn là đang bay về với Phu nhân Coulter, với thông tin rằng đã nhìn thấy cháu. Quỷ tha ma bắt ta đi, Lyra ạ, nhưng ta đúng là đồ ngớ ngẩn.”

Ông lục trong tủ buffet và tìm thấy một hộp thiếc đựng lá thuốc có đường kính khoảng tám centimét. Nó vốn được dùng để đựng những gói thuốc nhỏ, nhưng ông đổ chỗ đó ra rồi lau phần bên trong bằng một cái giẻ trước khi úp ngược cốc bia lên trên đó với tấm thẻ vẫn được đặt trên miệng.

Sau một khoảng khắc rắc rối khi một trong những cái chân của con vật lọt được ra ngoài và đẩy cái hộp thiếc đi bằng một sức mạnh đáng kinh ngạc, họ đã nhốt được nó và vặn chặt nắp hộp xuống.

“Khi nào đến gần tàu, ta sẽ hàn mép lại cho chắc chắn,” Farder Coram nói.

“Chẳng lẽ bộ máy đồng hồ không yếu đi ạ?”

“Bộ máy thông thường thì có. Nhưng như ta đã nói, nó bị trói buộc bởi một linh hồn cho tới tận giây phút cuối cùng. Nó càng vùng

vấy thì sự ràng buộc càng chắc và sức ảnh hưởng càng trở nên mạnh mẽ. Giờ thì đẹp anh chàng này sang một bên thôi...”

Ông bọc chiếc hộp thiếc trong một tấm vải flanen để bịt bớt tiếng ù ù vo vo không ngớt, rồi xếp gọn nó xuống dưới giường của mình.

Lúc này trời đã tối hẳn, Lyra nhìn qua cửa sổ trong lúc ánh sáng từ Colby tiến lại gần. Không khí nặng nề đặc quánh lại thành dạng sương mù. Vào lúc họ neo thuyền tại khu bến tàu dọc theo Chợ Khói, mọi thứ trong tầm mắt đã dịu bớt và mờ đi. Bóng tối chuyển sắc thành những bức màn xám bạc điểm màu ngọc trai phủ xuống các kho hàng và cần trục, những quầy hàng chợ bằng gỗ và tòa nhà bằng đá granit có rất nhiều ống khói mà khu chợ lấy tên theo, nơi cả ngày lẫn đêm cá được ướp muối và hun trong làn khói gỗ sồi thơm phức. Các ống khói đang góp phần làm bầu không khí ẩm ướt càng trở nên đặc sệt, thứ mùi dễ chịu của cá trích, cá thu và cá tuyết hun khói dường như bốc ra từ từng viên sỏi đường.

Lyra quán mình trong lớp vải dầu với chiếc mũ trùm lớn che đi mái tóc nổi bật, bước đi giữa Farder Coram và người lái thuyền. Cả ba con linh thú đều cảnh giác cao độ, thám thính xung quanh các góc phố phía trước, quan sát phía sau, lắng nghe tiếng bước chân dù là nhỏ nhất.

Nhưng họ là những bóng người duy nhất trong tầm ngắm. Các công dân của Colby đều ở trong nhà, có lẽ đang nhắm nháp rượu jenniver bên cạnh các bếp lò reo vang. Họ không thấy ai cho tới khi đến được xưởng đóng tàu, và người đầu tiên họ thấy ở đó là Tony Costa đang canh gác các cánh cổng.

“May quá, mọi người đến rồi,” anh khẽ nói trong lúc để họ đi qua. “Chúng tôi vừa được tin là Jack Verhoeven bị bắn và thuyền của ông ấy đã chìm, mà chẳng có ai biết các vị ở đâu cả. John Faa đã lên thuyền và đang nóng lòng muốn xuất phát.”

Đối với Lyra, con tàu trông thật vĩ đại: một phòng lái và ống khói ở giữa tàu, sàn boong cao ở mũi tàu và cần trục lớn phía trên cửa sập

được che vải bạt; ánh sáng vàng lập loè trong các lỗ cửa sổ và phòng chỉ huy, còn ánh sáng trắng phát ra từ đỉnh cột buồm; trên boong, ba hay bốn người đàn ông đang hối hả làm việc gì đó mà cô bé không nhìn thấy được.

Cô bé vội vàng leo lên chiếc cầu lên tàu bằng gỗ phía trước Farder Coram, vừa đi vừa hào hứng nhìn xung quanh. Pantalaimon biến thành một con khi rồi lập tức leo lên cần trục, nhưng lại bị cô chủ gọi xuống; Farder Coram muốn chúng vào trong, hay như cách người ta nói trên tàu là xuống dưới.

Bên dưới vài tầng cầu thang là một phòng khách nhỏ nơi John Faa đang trao đổi khế khàng với Nicholas Rokeby, người du mục phụ trách con tàu này. John Faa không làm gì hấp tấp cả. Lyra đợi ông chào đón mình, nhưng trước khi quay ra phía những người vừa vào, ông phải nhận xét xong về thủy triều và công việc hoa tiêu cái đã.

“Chào buổi tối, các bạn,” ông nói. “Thật tiếc cho cái chết của Jack Verhoeven, có lẽ mọi người đã nghe kể. Người của ông ấy còn bị bắt giữ nữa.”

“Chúng tôi cũng có tin xấu,” Farder Coram nói rồi kể lại với họ cuộc chạm trán với những linh hồn biết bay.

John Faa lắc cái đầu đồ sộ của mình, nhưng không trách mắng họ.

“Sinh vật đó giờ ở đâu rồi?” Ông hỏi.

Farder Coram lấy ra chiếc hộp thiếc đựng lá thuốc rồi đặt nó lên bàn. Tiếng vo vo phát ra từ đó mạnh tới mức khiến cái hộp tự di chuyển chậm chạp trên mặt gỗ.

“Tôi đã từng nghe nói về lũ ác quỷ ngụ trong bộ máy đồng hồ, nhưng chưa từng thấy cái nào cả,” John Faa nói. “Tôi chỉ biết là chẳng có cách nào thuần hóa hay đưa nó về trạng thái cũ được. Kể cả có bọc chì thật nặng rồi thả xuống biển cũng vô ích, vì một ngày nào đó nó sẽ bị gỉ, con quỷ sẽ lại thoát ra và nhắm tới cô bé kể cả nó có ở đâu đi

nữa. Không, chúng ta sẽ phải giữ nó bên cạnh và rèn luyện sức cảnh giác của bản thân.”

Là phái nữ duy nhất trên tàu (vì John Faa quyết định không tuyển phụ nữ sau khi đã suy tính kĩ càng), Lyra có cả một phòng riêng cho bản thân. Hẳn nhiên không phải là một phòng ngủ lớn; thật ra nó chỉ lớn hơn phòng kho một tí, có giường và lỗ thông trên thành tàu - đó mới là tên chính xác của lỗ cửa sổ. Cô bé cất số hành lí ít ỏi của mình vào ngăn kéo phía dưới giường ngủ rồi hăm hở chạy lên dựa vào lan can để ngắm nhìn nước Anh khuất dần phía sau, nhưng cô nhận thấy rằng phần lớn nước Anh đã biến mất sau màn sương trước cả khi cô tới được đó.

Nhưng chỉ riêng tiếng nước ì oạp phía dưới, sự chuyển động của không khí, ánh đèn của tàu bất chấp màn đêm mà tỏa sáng rực rỡ, tiếng ì ì của máy chạy, mùi muối, cá và tinh than, cũng đủ gây kích thích lắm rồi. Chẳng bao lâu sau một cảm giác khác cùng hòa vào khi con tàu vĩ đại bắt đầu tròn trành trong sóng cồn Biển Đức. Khi có ai đó gọi Lyra xuống ăn nhẹ, cô nhận ra mình không đói như đã nghĩ. Cô lập tức quyết định rằng nằm xuống nghỉ là một ý tốt để giúp Pantalaimon, vì đáng buồn là con vật tội nghiệp đang thấy khó chịu.

Và như vậy hành trình về Phương Bắc của Lyra bắt đầu.

Phần Hai

Bolvangar

10

Vị Lãnh sự và con gấu

John Faa và các lãnh đạo khác quyết định rằng họ sẽ tiến về Trollesund, bến cảng chính của Lapland. Các phù thủy có một tòa lãnh sự trong thị trấn, và John Faa biết rằng nếu không có sự giúp đỡ, hoặc ít nhất là sự trung lập thân thiện của họ, thì việc giải cứu các trẻ em bị bắt cóc là vô vọng.

Ông giải thích ý tưởng của mình với Lyra và Farder Coram vào ngày hôm sau, khi cơn say sóng của Lyra đã dịu xuống chút ít. Mặt trời đang tỏa nắng rực rỡ, những con sóng xanh rì ì oạp vỗ vào mũi tàu, mang theo những dải bọt trắng xóa khi oằn mình bỏ đi. Ở trên boong, tận hưởng những làn gió nhẹ thổi và cả đại dương lấp lánh với ánh sáng cùng các chuyển động, cô bé gần như không còn thấy say sóng nữa. Hơn nữa, giờ đây khi Pantalaimon đã khám phá ra niềm vui khi hết biển thành mòng biển lại đến chim báo bão để lướt trên đầu những ngọn sóng, Lyra cũng bị thu hút bởi niềm hân hoan đó mà quên băng đi nỗi khổ của dân đất liền.

John Faa, Farder Coram cùng hai hay ba người khác đang ngồi ở đuôi tàu, người ngập trong nắng, bàn bạc về việc cần làm tiếp theo.

“Farder Coram biết các phù thủy ở Lapland này” John Faa nói. “Và nếu tôi không nhầm thì họ đang mang ơn chúng ta.”

“Đúng vậy John ạ,” Farder Coram nói. “Chuyện xảy ra bốn mươi năm trước rồi, nhưng chừng đó thời gian chẳng là gì với một phù thủy

cả. Vài người trong số họ còn sống lâu gấp nhiều lần thế.”

“Chuyện gì đã dẫn đến sự mang ơn này vậy Farder Coram?” Adam Stefanski, người phụ trách đội quân chiến đấu, hỏi.

“Tôi đã cứu sống một phù thủy” Farder Coram giải thích. “Cô ấy rơi trong không trung, bị bám đuôi bởi một con chim đỏ khổng lồ không giống với bất cứ thứ gì tôi từng nhìn thấy. Cô ấy rơi xuống và bị thương trong đầm lầy nên tôi đã đi tìm. Lúc cô ấy đang chìm dần, tôi đã kéo cô ấy lên thuyền và bắn hạ con chim kia. Thật tiếc khi nó rơi lại vào một vũng lầy vì nó to như một con vạc, lại có màu đỏ rực của lửa.”

“À,” những người còn lại rì rầm, hoàn toàn bị cuốn hút bởi câu chuyện của Farder Coram.

“Khi đưa cô gái lên thuyền,” ông nói tiếp, “tôi đã có cú sốc tồi tệ nhất mình từng biết tới, vì cô gái trẻ đó không có linh thú.”

Cứ như thế ông vừa nói rằng “Cô ta không có đầu” vậy. Chỉ nghĩ thôi đã thấy kinh rồi. Những người còn lại rùng mình, đám linh thú của họ xù lông, lắc mình hay kêu lên quang quác, làm họ phải trấn an chúng. Pantalaimon bò vào lòng Lyra, tim chúng hòa cùng nhịp đập.

“Ít nhất thì,” Farder Coram nói, “sự việc trông có vẻ như thế. Vì cô ấy bị rơi trong không trung nên tôi đã nghi ngờ đó không phải là một phù thủy. Trông cô gái này chẳng khác gì một phụ nữ trẻ, gầy hơn vài người và xinh đẹp hơn hầu hết, nhưng việc không thấy con linh thú đã khiến tôi ghê sợ.”

“Hay là họ không có linh thú, đám phù thủy ấy?” Một người khác, Michael Canzona nói.

“Linh thú của họ vô hình, tôi đoán vậy,” Adam Stefanski nói. “Nó ở đó suốt, nhưng Farder Coram không nhìn thấy nó.”

“Không, anh lầm rồi, Adam ạ,” Farder Coram nói. “Nó không hề có ở đó. Các phù thủy có năng lực tách rời khỏi linh thú của họ ở một khoảng cách xa hơn nhiều so với những gì chúng ta có thể làm. Khi

cần thiết, họ có thể phái linh thú đến những vùng đất xa xôi trên những ngọn gió hay các áng mây, hoặc tít sâu dưới đại dương. Còn nữ phù thủy mà tôi tìm thấy này, cô ấy nghi ngại chưa được hơn một tiếng thì linh thú của cô đã bay trở về, hẳn nhiên là vì nó đã cảm nhận được nỗi sợ hãi và vết thương của cô. Mặc dù cô ấy không chịu thừa nhận nhưng tôi tin rằng con chim đỏ khổng lồ mà tôi đã bắn là linh thú của một phù thủy khác đang đuổi theo cô. Chúa ơi! Cứ nghĩ đến việc đó là tôi lại rùng cả mình. Tôi có thể đã không ra tay; có thể đã đi tìm kiếm bất kì phương sách nào trên biển cả hay đất liền, nhưng sự việc lại diễn ra như vậy. Dù sao việc tôi đã cứu sống cô ấy thì không có gì phải nghi ngờ. Cô ấy đã tặng tôi một vật kỉ niệm, và nói rằng hãy cầu viện khi cần thiết. Có lần cô ấy đã cử viện trợ khi quân Skraeling bắn tôi bằng mũi tên tẩm độc. Chúng tôi cũng có những mối quan hệ khác nữa... Chúng tôi đã không gặp nhau nhiều năm, nhưng cô ấy sẽ nhớ.”

“Cô ấy có sống ở Trollesund không, cái cô phù thủy này ấy?”

“Không, không. Họ sống trong rừng và trên lãnh nguyên, không phải ở cảng biển giữa toàn người là người. Công việc của họ là ở thiên nhiên hoang dã. Nhưng họ duy trì một lãnh sự ở đó, tôi sẽ gửi lời tới cô ấy, đừng lo.”

Lyra còn muốn biết thêm nhiều điều nữa về các phù thủy, nhưng mọi người đã chuyển hướng cuộc nói chuyện sang vấn đề nhiên liệu và đồ dự trữ, cô bé ngay lập tức thấy sốt ruột muốn xem phần còn lại của con tàu. Cô đi lang thang trên boong về phía mũi tàu, và chẳng mấy chốc đã làm quen được với một thủy thủ hạng nhất bằng cách búng về phía ông đám hạt mà cô giữ lại từ quả táo ăn vào bữa sáng. Đó là một người đàn ông cường tráng và điềm tĩnh. Khi ông nguyên rủa cô bé và bị nguyên rủa lại, họ đã trở thành bạn thân. Ông ấy tên là Jerry. Dưới sự hướng dẫn của ông, cô bé nhận ra rằng có việc gì đó để làm sẽ giúp người ta không cảm thấy say sóng, và rằng kể cả một công việc như cọ rửa sàn boong cũng có thể rất thú vị, nếu nó được thực hiện theo cách của các thủy thủ. Ý tưởng này lôi cuốn cô bé đến mức

sau đó cô đã gấp chăn trên giường của mình theo cách của thủy thủ, cho vật dụng cá nhân vào tủ theo cách của thủy thủ, và dùng từ “cất gọn” thay vì “dọn dẹp” khi nói về quá trình đó.

Sau hai ngày lên đên trên biển, Lyra quyết định rằng đây là cuộc sống dành cho cô. Cô đã đi khắp nơi trên tàu, từ buồng máy đến phòng chỉ huy và nhanh chóng trở nên thân thiết với thủy thủ đoàn đến mức gọi nhau bằng tên chứ không phải họ. Thuyền trưởng Rokeby để cô ra hiệu cho tàu chiến Hà Lan bằng cách kéo tay cầm của chiếc còi hơi; đầu bếp phải chịu để cho cô giúp trộn nguyên liệu làm bánh pudding nho khô; và chỉ có lời nhắc nhở nghiêm khắc của John Faa mới ngăn được cô trèo lên cột buồm mũi để kiểm tra đường chân trời từ chòi canh.

Họ tiến về phía Bắc suốt quãng thời gian đó, thời tiết ngày càng lạnh hơn. Người ta đã lục tìm trong số đồ dự trữ của tàu để xem có thể cắt bớt chút vải dầu nào cho cô bé không. Jerry chỉ cho cô cách may đồ, một thứ nghệ thuật mà cô bé hăng hái học từ ông, mặc dù cô đã từng coi khinh nó khi còn ở Jordan và tìm cách tránh học với bà Lonsdale. Họ đã cùng nhau làm một cái túi chống nước cho chiếc Chân Kế để cô có thể đeo quanh eo, phòng trường hợp bị ngã xuống biển, cô nói vậy. Với chiếc máy đã được đeo chắc chắn và an toàn, cô bé bám chặt lấy lan can tàu trong bộ đồ vải dầu và chiếc mũ đi mưa, bụi nước lạnh toát bắn tung tóe trên mũi tàu và tràn lên boong. Thịnh thoảng cô vẫn thấy choáng váng vì say sóng, đặc biệt là khi gió nổi và con tàu nặng nề lao lên đỉnh những ngọn sóng xanh xám. Lúc đó công việc của Pantalaimon là làm xao lãng cô bằng cách lướt qua những con sóng trong dạng một con chim báo bão, vì cô có thể cảm nhận niềm hân hoan vô bờ khi Pantalaimon cưỡi trên gió và nước, và quên đi cơn buồn nôn của bản thân. Đôi lúc nó còn thử biến thành cá, có lần còn nhập bọn với một đàn cá heo, trước sự ngạc nhiên và thích thú của chúng. Lyra run rẩy đứng trên boong ở mũi tàu và cười vang khi Pantalaimon yêu dấu của mình, mỡ màng và mạnh mẽ, nhảy lên khỏi

mặt nước cùng với nửa tá các bóng hình màu xám nhanh nhẹn khác. Quả là một niềm vui thích tuyệt vời, nhưng đó không chỉ đơn thuần là vui thích, vì trong đó có cả nỗi đau và sự sợ hãi nữa. Nhỡ Pantalaimon thích làm cá heo hơn cả yêu mến cô thì sao?

Người thủy thủ hạng nhất bạn của cô đang ở gần đó. Ông đang chỉnh lớp vải bạt phủ chiếc cửa sập phía trước thì ngừng lại để nhìn linh thú của cô gái nhỏ đang lướt và nhảy cùng với bầy cá heo. Linh thú của bản thân ông, một con mòng biển, thì đang rúc đầu dưới cánh trên máy cuốn dây cáp. Ông biết Lyra đang cảm thấy thế nào.

“Ta còn nhớ lần đầu tiên đi biển, Belisaria của ta còn chưa định dạng, ta vẫn còn bé, và nó rất thích biến thành cá heo chuột. Ta cứ lo nó sẽ giữ luôn hình dạng đó. Trên con tàu đầu tiên của ta có một người thủy thủ già, ông ấy hoàn toàn không thể lên bờ, vì linh thú của ông ấy đã định dạng thành một con cá heo, nên ông ấy không thể rời khỏi mặt nước. Ông ấy là một thủy thủ tuyệt vời; là hoa tiêu giỏi nhất trên đời; có thể gây dựng cả một gia tài bằng việc đánh bắt cá; nhưng ông ấy không hạnh phúc như vậy. Ông ấy chưa từng hạnh phúc cho tới tận lúc chết để có thể được chôn tại biển.”

“Tại sao linh thú lại phải định dạng ạ?” Lyra hỏi. “Cháu muốn Pantalaimon có thể biến hình mãi mãi. Cậu ấy cũng nghĩ vậy.”

“À, chúng vẫn luôn định dạng, sẽ luôn là như thế. Đó là một phần của sự trưởng thành. Rồi sẽ tới một lúc cháu sẽ phát ngán lên vì nó cứ biến đổi linh tinh, và cháu sẽ muốn một dạng ổn định cho nó.”

“Không bao giờ!”

“Ồ, cháu sẽ muốn thế thôi. Cháu sẽ muốn lớn lên giống như tất cả những bé gái khác. Mà nói chung, sẽ có những sự đền bù cho một hình dạng cố định.”

“Là gì vậy ạ?”

“Việc biết được mình là kiểu người thế nào. Lấy ví dụ như Belisaria già đi. Nó là một con mòng biển, và điều đó có nghĩa là ta

cũng là một dạng mòng biển. Ta không to lớn, lộng lẫy hay xinh đẹp, nhưng ta là một kẻ lão luyện dẻo dai, ta có thể tồn tại ở bất cứ đâu và luôn tìm được chút ít thức ăn và bè bạn. Rất đáng để biết được điều đó, vậy đấy. Khi linh thú của cháu định dạng, cháu sẽ biết được mình là kiểu người thế nào.”

“Nhưng giả sử linh thú của mình định dạng thành một thứ mình không thích thì sao?”

“À, thì cháu sẽ thấy bất mãn đúng không? Rất nhiều người muốn có một con sư tử làm linh thú của mình nhưng rốt cuộc lại nhận được một con chó xù. Chừng nào chưa học được cách hài lòng với bản thân, họ sẽ còn cảm thấy bức bối về điều đó. Chỉ là phí phạm cảm xúc thôi.”

Nhưng Lyra thì chẳng hề nghĩ rằng mình sẽ lớn lên.

...

Một buổi sáng nọ, có mùi lạ trong không khí, còn con tàu thì đang di chuyển một cách kì quặc, nó chòng chành dữ dội sang hai bên thay vì ngập lặn rồi trôi lên trên sóng. Vừa tỉnh dậy Lyra liền lao lên boong, đăm đăm nhìn đất liền một cách thèm thuồng; thật là một cảnh tượng lạ lùng sau những ngày lênh đênh mặt nước, vì mặc dù họ mới chỉ ở trên biển có vài ngày nhưng Lyra cảm thấy như hàng tháng trời đã trôi qua vậy. Thẳng phía trước mũi tàu là một ngọn núi nhô cao, với sườn núi xanh rì và đỉnh ngập tuyết, một thị trấn nhỏ và cảng biển nằm dưới chân núi: những ngôi nhà gỗ có mái dốc, chóp nhọn của nhà nguyện, các cần trục nơi bến cảng, cùng những đám mây mòng biển lượn vòng và kêu quang quác. Thứ mùi đó đến từ cá, nhưng lẫn trong đó có cả mùi đất liền nữa: mùi nhựa thông, mùi đất, có thứ gì đó như mùi động vật và xạ hương, thêm một mùi khác lại lạnh lẽo, trơ trọi và hoang dã: đó hẳn là mùi của tuyết. Là mùi của Phương Bắc.

Đám hải cẩu nô đùa xung quanh tàu, nhô bộ mặt hề của mình lên khỏi mặt nước rồi lại ngập xuống mà không hề tạo ra tiếng bắn nước. Cơ gió bùng lên bắn tung bụi nước từ những con sóng bạc đầu lạnh

đến thấu xương, luồn lách vào mọi khe hở trên lớp áo da sói của Lyra, chẳng mấy chốc hai tay cô đã đau nhức còn mặt thì tê cóng. Pantalaimon trong dạng chồn ermine giúp cô giữ ấm cổ, nhưng trời quá lạnh để có thể ở ngoài lâu mà không làm gì cả, thậm chí là để ngắm hải cẩu, nên Lyra đã xuống dưới ăn cháo sáng và nhìn qua lỗ cửa sổ trong phòng khách.

Nước trong cảng lạnh hơn. Khi họ đi qua con đê chắn sóng khổng lồ, Lyra bắt đầu cảm thấy lảo đảo vì thiếu sự chuyển động. Cô bé và Pantalaimon thèm khát nhìn con tàu khó nhọc nhích từng chút một về phía bãi đất bên rìa cảng. Trong một tiếng tiếp theo, âm thanh của động cơ dịu lại thành một tiếng ì ì khe khẽ, những tiếng người hét lên các mệnh lệnh hay câu hỏi, dây thừng được ném, cầu lên tàu được hạ, cửa sập được mở.

“Nhanh lên, Lyra,” Farder Coram gọi. “Cháu xếp xong đồ đạc rồi chứ?”

Đồ đạc của Lyra, vốn chẳng nhiều nhận gì, đã được xếp sẵn kể từ khi cô tỉnh dậy và nhìn thấy đất liền. Cô chỉ việc chạy tới phòng ngủ rồi cầm chiếc túi mua hàng lên, vậy là cô đã sẵn sàng.

Điều đầu tiên cô bé và Farder Coram làm trên bờ là tới căn nhà của Lãnh sự Phù thủy. Chẳng mất nhiều thời gian để tìm được nó; thị trấn nhỏ được xây san sát quanh khu cảng; với nhà nguyện và nhà của Thống đốc là những công trình duy nhất đủ to để được gọi là tòa nhà. Lãnh sự Phù thủy sống trong một căn nhà gỗ sơn xanh lá nằm trong tầm nhìn của biển. Chuông kêu lên đình tai giữa con phố tĩnh mịch khi họ rung nó.

Người phục vụ dẫn họ vào một phòng khách nhỏ rồi mang cà phê đến mời. Đúng lúc đó vị Lãnh sự cũng bước vào chào đón họ. Đó là một người đàn ông béo mập với gương mặt hồng hào và bộ vest đen nghiêm trang, tên ông là Martin Lanselius. Linh thú của ông là một con rắn nhỏ, có cùng đôi mắt xanh ngọc dữ dội và lấp lánh của ông, đó

cũng là đặc điểm giống phù thủy duy nhất mà ông có; mặc dù Lyra cũng không chắc mình mong đợi một phù thủy trông như thế nào.

“Tôi giúp gì được cho ông đây, Farder Coram?” Ông hỏi.

“Có hai cách, Tiến sĩ Lanselius ạ. Đầu tiên, tôi rất nóng lòng được liên lạc với một nữ phù thủy tôi đã gặp vài năm trước, tại vùng Fen của Đông Anglia. Tên cô ấy là Serafina Pekkala.”

Tiến sĩ Lanselius ghi chép lại bằng một chiếc bút chì bạc.

“Ông gặp cô ấy cách đây bao lâu rồi?” Ông hỏi.

“Chắc cũng phải bốn mươi năm rồi. Nhưng tôi nghĩ cô ấy vẫn nhớ.”

“Còn cách thứ hai mà ông cần tôi giúp thì sao?”

“Tôi đại diện cho một số gia đình du mục bị mất con. Chúng tôi có lí do để tin rằng có một tổ chức đang bắt cóc những đứa trẻ này, của chúng tôi và của cả những người khác, rồi đem chúng tới Phương Bắc để phục vụ một mục đích nào đó không rõ. Tôi muốn biết liệu ông hay người của ông có từng nghe thấy bất cứ điều gì như thế đang diễn ra không.”

Tiến sĩ Lanselius khẽ nhấp một chút cà phê.

“Rất có thể là thông báo về một hoạt động như thế đã đến tai chúng tôi,” ông đáp. “Ông hẳn nhận ra rằng mối quan hệ giữa người dân của chúng tôi và cư dân Phương Bắc là cực kì thân mật. Sẽ khó để tôi có thể biện minh cho hành động quấy phá họ.”

Farder Coram gật đầu như thể ông hiểu rất rõ chuyện đó.

“Hẳn nhiên rồi,” ông nói. “Và tôi cũng không cần phải hỏi liệu có thể thu thập thông tin theo bất kì cách nào khác hay không. Đó là lí do tôi đã hỏi về nữ phù thủy kia trước tiên.”

Giờ thì đến lượt Tiến sĩ Lanselius gật đầu như thể ông đã hiểu. Lyra quan sát trò chơi này trong hoang mang và tôn kính. Có đủ thứ chuyện đang diễn ra dưới bề ngoài đó, và cô thấy rằng vị Lãnh sự Phù thủy đang đi đến kết luận.

“Tôi hiểu rồi,” ông nói. “Hẳn nhiên, điều đó là đúng, và ông sẽ nhận ra rằng ông không hề vô danh đối với chúng tôi, Farder Coram ạ. Serafina Pekkala là nữ hoàng của một bộ tộc phù thủy trong vùng Hồ Enara. Còn về câu hỏi còn lại của ông, dĩ nhiên mọi việc sẽ được hiểu là thông tin này đến với ông không phải qua tôi.”

“Chắc chắn rồi.”

“VẬY, chính ở trong thị trấn này có chi nhánh của một tổ chức được gọi là Công ty Thám hiểm Thị sát Phương Bắc, chúng ra vẻ như đang tìm kiếm khoáng vật, nhưng thực ra là được kiểm soát bởi một thứ có tên Tổng Ủy ban Hiến tế của London. Tôi tình cờ được biết là tổ chức này nhập khẩu trẻ em. Việc này không được biết đến rộng rãi trong thị trấn; chính quyền Norrroway không chính thức nhận biết được điều này. Bọn trẻ không ở lại đây lâu. Chúng bị đưa tới một hòn đảo xa xôi.”

“Ông có biết ở đâu không, Tiến sĩ Lanselius?”

“Không. Tôi mà biết thì sẽ nói với ông.”

“VẬY ông có biết chuyện gì xảy ra với chúng ở đó không?”

Lần đầu tiên Tiến sĩ Lanselius liếc nhìn sang Lyra. Cô bé cũng thản nhiên nhìn lại. Con linh thú rằn nhỏ màu xanh rướn đầu lên từ cổ áo của vị Lãnh sự rồi vừa rung lười vừa thì thầm vào tai ông.

Vị Lãnh sự nói: “Tôi có nghe rằng cụm từ *Phương pháp Maystadt* có liên hệ tới vấn đề này. Tôi nghĩ chúng dùng cụm từ đó để tránh gọi việc mình đang làm bằng tên thật. Tôi cũng đã nghe nói đến từ *phẫu thuật cắt đứt*, nhưng không thể đoán được nó ám chỉ điều gì.”

“Có đứa trẻ nào trong thị trấn vào lúc này không?” Farder Coram hỏi.

Ông đang vuốt ve bộ lông con linh thú của mình khi nó hoảng hốt ngồi bật dậy trong lòng ông. Lyra nhận thấy rằng nó đã không còn rên lên sung sướng nữa.

“Không, tôi nghĩ là không,” Tiến sĩ Lanselius đáp. “Một nhóm tám mươi hai đứa đến cách đây một tuần và rời đi từ hôm kia rồi.”

“Ồ! Chỉ mới đây thôi à? Thế thì chúng tôi vẫn còn chút hi vọng. Chúng đi bằng gì vậy, Tiến sĩ Lanselius?”

“Bằng xe trượt tuyết.”

“Ông không biết chúng đi đâu sao?”

“Tôi biết rất ít. Đó không phải chủ đề chúng tôi quan tâm.”

“Hẳn rồi. Vậy, ông đã trả lời tất cả các câu hỏi của tôi một cách rất thẳng thắn, thưa ông, tôi chỉ xin hỏi thêm một câu nữa thôi. Nếu ông là tôi, ông sẽ đặt câu hỏi gì cho Lãnh sự của các Phù thủy?”

Lần đầu tiên Tiến sĩ Lanselius mỉm cười.

“Tôi sẽ hỏi mình có thể thuê một con gấu mặc giáp ở đâu,” ông đáp.

Lyra ngồi dậy cảm thấy tim Pantalaimon nảy lên trên tay mình.

“Tôi hiểu là đám gấu mặc giáp đang phục vụ Ủy ban Hiến tế,” Farder Coram ngạc nhiên nói. “Ý tôi là, Công ty Thị sát Phương Bắc hay bất cứ cái tên nào mà chúng đang tự gọi bản thân.”

“Có ít nhất một kẻ không như vậy. Ông sẽ tìm thấy hắn ở kho chứa xe trượt tuyết phía cuối Đường Langlokur. Hiện tại hắn đang kiếm sống ở đó, nhưng với tính khí nóng nảy và nỗi kinh sợ đã gây ra cho lũ chó thì có thể hắn sẽ không còn được thuê lâu nữa đâu.”

“Vậy đó là kẻ phản bội đồng loại à?”

“Có vẻ là như vậy. Tên hắn là Iorek Byrnison. Ông hỏi rằng tôi sẽ hỏi điều gì, và tôi đã trả lời. Giờ thì đây là việc tôi sẽ làm: tôi sẽ nắm lấy cơ hội thuê một con gấu mặc giáp, cho dù hắn có ở xa hơn thế này đi chăng nữa.”

Lyra gần như không thể ngồi yên nổi. Tuy nhiên, Farder Coram thì biết rõ phép lịch sự trong những buổi gặp mặt như thế này nên đã lấy thêm một chiếc bánh mật ong tẩm hương vị từ đĩa. Trong lúc ông ăn, Tiến sĩ Lanselius quay sang Lyra.

“Ta biết là cháu đang sở hữu một chiếc Chân Kế,” ông nói, khiến cô bé hết sức kinh ngạc, vì làm thế nào ông ấy biết được điều đó?

“Vâng,” cô đáp, rồi liền nói thêm khi bị một miếng cắn của Pantalaimon xúi giục: “Ông có muốn xem nó không?”

“Ta rất muốn được làm thế.”

Cô bé sục tay vào chiếc túi nhỏ bằng vải dầu rồi đưa cho ông cái bọc nhung. Ông gỡ lớp vải ra rồi cẩn thận cầm chiếc máy lên, chăm chú quan sát mặt kính như một học giả nhìn ngắm một bản thảo hiếm thấy.

“Thật tinh tế làm sao!” Ông thốt lên. “Ta đã từng thấy một chiếc máy mẫu, nhưng nó không được đẹp đến thế này. Cháu có sở hữu những cuốn sách giải mã không?”

“Không ạ,” Lyra bắt đầu, nhưng chưa kịp nói thêm điều gì thì Farder Coram đã lên tiếng.

“Không, điều cực kì đáng tiếc là mặc dù Lyra giữ chiếc Chân Kế, nhưng chẳng có cách nào để đọc được nó cả,” ông nói. “Nó là một bí ẩn lớn chẳng kém gì những hồ mực mà người Hindu dùng để đọc tương lai. Và cuốn sách giải mã gần nhất mà tôi biết nằm ở Tu viện Thánh Johann ở Heidelberg.”

Lyra có thể hiểu vì sao ông lại nói như vậy: ông không muốn Tiến sĩ Lanselius biết về năng lực của Lyra. Nhưng cô bé cũng thấy một điều mà Farder Coram đã không thấy được, đó là sự kích động từ phía con linh thú của Tiến sĩ Lanselius. Ngay lập tức cô hiểu rằng giả vờ cũng chẳng ích gì.

Vậy nên cô nói: “Thật ra cháu *có thể* đọc được nó,” nửa với Tiến sĩ Lanselius, nửa với Farder Coram. Vị Lãnh sự là người đã lên tiếng trả lời.

“Cháu thật là thông minh,” ông nói. “Cháu lấy cái máy này ở đâu vậy?”

“Hiệu trưởng Học viện Jordan ở Oxford cho cháu,” cô đáp. “Tiến sĩ Lanselius, ông có biết ai đã chế tạo ra chúng không?”

“Người ta nói chúng được phát minh tại thành phố Prague,” vị Lãnh sự trả lời. “Vị học giả sáng chế ra chiếc Chân Kế đầu tiên có vẻ như đã cố gắng khám phá cách đo những ảnh hưởng của các hành tinh, dựa trên các quan niệm của chiêm tinh học. Ông dự tính chế tạo một thiết bị sẽ đáp lại ý định sử dụng Hỏa Tinh hoặc Kim Tinh như một chiếc la bàn phản ứng với lực hút từ Phương Bắc. Ông đã thất bại với ý tưởng đó, nhưng cơ chế mà ông sáng lập ra rõ ràng là có phản ứng với thứ gì đó, dù chẳng ai biết đó là gì cả.”

“Vậy người ta lấy những biểu tượng đó ở đâu ra?”

“Ồ, chuyện đó từ hồi thế kỉ mười bảy rồi. Các biểu tượng và hình tượng trưng ở khắp nơi. Các tòa nhà và tranh vẽ được thiết kế để đọc được như sách vậy. Mọi thứ đều đại diện cho một thứ gì đó khác; nếu có được cuốn từ điển thích hợp, ta còn có thể giải thích cả thế giới tự nhiên nữa. Không có gì ngạc nhiên khi thấy các triết gia áp dụng chủ nghĩa biểu tượng thuộc thời của họ để diễn giải các tin tức từ một nguồn bí ẩn. Nhưng, các vị biết đấy, khoảng chừng hai thập kỉ nay, chúng không được sử dụng một cách nghiêm túc.”

Ông trao dụng cụ đó lại cho Lyra rồi nói thêm:

“Ta có thể hỏi một câu được không? Cháu đọc nó như thế nào khi không có những cuốn sách biểu tượng?”

“Cháu chỉ việc làm tâm trí mình thông suốt, sau đó mọi thứ sẽ giống như là đang nhìn xuống nước vậy. Ông sẽ phải để cho mắt mình tìm được đúng cấp độ, vì đó là thứ duy nhất rõ nét. Kiểu như vậy,” cô bé đáp.

“Không biết ta có thể đề nghị được xem cháu thực hiện việc đó không?” Ông hỏi.

Lyra nhìn sang Farder Coram, cô bé muốn đồng ý nhưng phải chờ sự tán thành của ông. Ông già gật đầu.

“Cháu sẽ hỏi gì đây ạ?” Lyra hỏi.

“Bọn Tartar định làm gì với Kamchatka?”

Câu đó không khó. Lyra quay kim đến chỗ con lạc đà, mang nghĩa Á châu, và cũng ám chỉ quân Tartar; tới chiếc sừng dê kết hoa quả* đại diện cho Kamchatka, nơi có các mỏ vàng; và tới hình con kiến, mang nghĩa hoạt động, cũng có nghĩa mục đích và ý định. Rồi cô ngồi yên, để cho tâm trí giữ cả ba cấp độ ý nghĩa này trong tâm điểm, và thư giãn chờ câu trả lời. Nó hiện ra gần như ngay lập tức. Kim dài rung rinh trên hình cá heo, mũi sắt, đứa trẻ sơ sinh và mỏ neo, nhảy múa giữa chúng rồi tiến tới chiếc nồi nấu kim loại theo một mẫu hình phức tạp mà đôi mắt Lyra dõi theo không chút ngập ngừng, nhưng lại rất khó hiểu với hai người đàn ông.

Khi chiếc máy đã hoàn thành các chuyển động đó vài lần, Lyra nhìn lên. Cô chớp mắt vài lần như thể vừa thoát ra khỏi trạng thái hôn mê.

“Chúng sẽ giả bộ tấn công, nhưng thực ra lại không định làm vậy, vì nơi đây quá xa nên chúng sẽ bị giãn quân quá mức,” cô bé trả lời.

“Nói ta nghe cháu đọc điều đó như thế nào được không?”

“Một trong những ý nghĩa sâu xa của con cá heo là chơi đùa, kiểu như là không nghiêm túc vậy,” cô giải thích. “Cháu biết nó mang ý nghĩa đó vì cây kim đã dừng lại gần ấy lần, và chỉ có ở mức đó ý nghĩa mới thông suốt. Cái mũi sắt có nghĩa là chiến tranh, kết hợp cả hai lại sẽ ra nghĩa giả vờ giao chiến nhưng không thực sự nghiêm túc. Đứa bé sơ sinh mang nghĩa - nó có nghĩa là khó khăn - sẽ khó để chúng có thể tấn công nơi đó được, và cái mỏ neo giải thích tại sao, vì chúng sẽ bị giãn căng như dây buộc neo vậy. Cháu đơn thuần là thấy mọi thứ như vậy, ông thấy đấy.”

Tiến sĩ Lanselius gật đầu.

“Xuất sắc,” ông nói. “Ta rất biết ơn. Ta sẽ không quên điều đó đâu.”

Sau đó ông nhìn Farder Coram một cách lạ lùng, rồi quay trở lại Lyra.

“Ta có thể yêu cầu cháu biểu diễn thêm một lần nữa không?” Ông hỏi. “Trong khoảng sân phía sau căn nhà này, cháu sẽ tìm thấy vài cành thông mây treo trên tường. Một trong số chúng đã từng được Serafina Pekkala sử dụng, còn những cành khác thì không. Cháu có thể tìm ra cái nào là của cô ấy không?”

“Vâng!” Lyra nói, luôn sẵn sàng để khoe tài. Cô cầm chiếc Chân Kế rồi vội vã đi ra. Cô đang nóng lòng muốn xem cành cây thông mây vì các phù thủy dùng nó để bay mà cô thì lại chưa từng được thấy cái nào cả.

Trong khi cô bé không có mặt, vị Lãnh sự nói: “Ông có nhận ra đứa trẻ này là ai không?”

“Cô bé là con gái của Ngài Asriel,” Farder Coram đáp. “Còn mẹ nó là Phu nhân Coulter, thuộc Ủy ban Hiến tế.”

“Ngoài ra thì sao?”

Người du mục già đành phải lắc đầu. “Không,” ông nói, “tôi không biết thêm gì nữa. Nhưng nó là một đứa vô tư đến kì lạ, tôi sẽ không để nó bị tổn thương vì thế giới này đâu. Làm thế nào nó đọc được dụng cụ đó thì tôi không đoán nổi, nhưng tôi tin khi nó nói về vật đó. Sao vậy Tiến sĩ Lanselius? Ông biết gì về cô bé?”

“Các phù thủy đã nói về đứa trẻ này hàng mấy thế kỉ rồi,” vị Lãnh sự nói. “Bởi vì họ sống gần với nơi mà bức màn chắn giữa các thế giới rất mỏng, đến mức thỉnh thoảng họ lại nghe thấy những tiếng thì thầm bất tử, bằng giọng của những sinh vật qua lại giữa các thế giới. Chúng đã nói về một đứa trẻ mang trong mình vận mệnh to lớn mà chỉ có thể được hoàn thành ở một nơi khác - không phải ở thế giới này mà xa hơn. Không có đứa trẻ này thì tất cả chúng ta sẽ chết. Các

phù thủy nói vậy. Nhưng nó phải hoàn thành vận mệnh này mà không được biết gì về điều mình đang làm, bởi vì chính nhờ sự không biết ấy mà chúng ta được cứu thoát. Ông có hiểu điều đó không, Farder Coram?”

“Không,” Farder Coram đáp, “tôi không thể nói là tôi hiểu được.”

“Điều đó có nghĩa là cô bé phải được thoải mái phạm sai lầm. Chúng ta phải hi vọng rằng cô bé sẽ không sai sót, nhưng không thể chỉ dẫn cho nó được. Tôi mừng là đã gặp đứa bé trước khi chết.”

“Nhưng làm thế nào ông nhận ra được nó chính là đứa trẻ đó? Và ông có ý gì khi nói tới những sinh vật qua lại giữa các thế giới? Tôi thật sự không thể hiểu ý ông, Tiến sĩ Lanselius ạ, vì tôi cho rằng ông là một người trung thực...”

Nhưng trước khi vị Lãnh sự kịp trả lời, cửa phòng đã bật mở. Lyra bước vào một cách đặc thẳng, mang theo một cành thông nhỏ.

“Chính là cái này!” Cô bé nói. “Cháu đã thử tất cả và ra cái này cháu đảm bảo luôn.”

Vị Lãnh sự nhìn kĩ cành cây rồi gật đầu.

“Chính xác,” ông nói. “Chà, Lyra, ấn tượng lắm. Cháu thật có phúc vì có một dụng cụ như vậy, chúc cháu may mắn với nó. Ta muốn tặng cháu một vật để mang theo...”

Ông cầm lấy cành cây và bẻ một nhánh cho cô.

“Cô ấy đã bay bằng cái này ạ?” Lyra hỏi trong kinh ngạc.

“Phải. Ta không thể cho cháu toàn bộ cành cây được, vì ta cần nó để liên lạc với cô ấy, nhưng ngần này là đủ. Chăm sóc nó nhé.”

“Vâng ạ,” cô đáp. “Cảm ơn ông.”

Cô bé đút nó vào trong ví bên cạnh chiếc Chân Kế. Farder Coram chạm vào cành thông như để lấy may và trên gương mặt ông hiện lên một biểu cảm Lyra chưa từng nhìn thấy: gần như là một niềm khao khát. Vị Lãnh sự tiến họ tới cửa rồi bắt tay với Farder Coram và cả Lyra nữa.

“Chúc các vị thành công,” ông nói rồi đứng nơi ngưỡng cửa trong cái rét thấu xương dõi theo họ đi về phía con phố nhỏ.

“Ông ấy đã biết câu trả lời về quân Tartar trước cả cháu,” Lyra nói với Farder Coram. “Chiếc Chân Kế bảo cháu thế, nhưng cháu không nhắc tới chuyện đó. Dấu hiệu là ở chiếc nồi nấu kim loại.”

“Ta đoán là ông ấy đang thử cháu, nhóc ạ. Nhưng cháu giữ lịch sự là đúng, vì chúng ta không thể chắc chắn ông ấy biết những gì. Mà lời khuyên về con gấu quả là hữu ích. Không nhờ thế thì ta không rõ chúng ta sẽ làm thế nào để biết được.”

Họ tìm đường đến kho hàng, đó là một tập hợp vài nhà kho bằng bê tông tại một khu đất hoang vắng nơi những nhánh cỏ dại khẳng khiu lườn lách giữa những hòn đá xám và các vũng bùn phủ băng. Một gã đàn ông cúi kính trong văn phòng nói rằng họ có thể gặp con gấu khi nghỉ giải lao vào lúc sáu giờ, nhưng họ sẽ phải nhanh chân, vì nó thường đi thẳng tới sân sau quán bar Einarsson’s, nơi người ta cho nó đồ uống.

Sau đó Farder Coram đưa Lyra tới cửa hàng quần áo xịn nhất trong thị trấn và mua cho cô vài bộ đồ rét tử tế. Họ mua một chiếc paca* làm từ da tuần lộc, bởi vì lông tuần lộc rộng và cách nhiệt tốt; mũ trùm đầu được đính viền bằng lông chồn gulo, bởi vì nó ngăn băng đóng khi hít thở. Họ mua quần áo lót và vải lót giày boots bằng da tuần lộc con, thêm găng tay lụa để đeo bên trong bao tay to phủ lông. Giày boots và bao tay to được làm từ da chân trước của tuần lộc, vì phần này cực kì bền. Đôi boots được đóng đế bằng da hải cẩu râu, một loại da bền không kém gì da sống của con moóc nhưng nhẹ hơn. Cuối cùng họ mua một chiếc áo choàng chống nước bao trọn cả người cô, được làm từ ruột hải cẩu có màu trong mờ.

Khoác tất cả những thứ đó lên người, cộng thêm chiếc khăn quàng bằng lụa quanh cổ, mũ len trùm qua tai và mũ trùm lớn được

kéo lên, cô bé cảm thấy ấm áp một cách ngọt ngào; nhưng họ sắp đi tới những vùng lạnh hơn thế này rất nhiều.

John Faa đang giám sát công việc dỡ hàng trên tàu. Ông rất nóng lòng được nghe về những lời nói của Lãnh sự Phù thủy, và còn háo hức hơn khi nghe về con gấu.

“Chúng ta sẽ đến gặp nó ngay tối hôm nay,” ông nói. “Ông đã bao giờ nói chuyện với một sinh vật như thế chưa, Farder Coram?”

“Rồi; tôi cũng đã giao chiến với một con nữa, nhưng ơn Chúa là không phải một mình. Chúng ta phải sẵn sàng thương lượng với nó, John ạ. Nó sẽ hỏi rất nhiều, tôi đảm bảo thế, hay gặt gồng và khó chế ngự; nhưng chúng ta phải có được nó.”

“Đúng, chúng ta phải có nó. Còn cô phù thủy của ông thì sao?”

“À, cô ấy ở xa lắm, hiện giờ lại đang là nữ hoàng một bộ tộc,” Farder Coram đáp. “Tôi thật sự hi vọng lời nhắn có thể tới được chỗ cô ấy, nhưng để chờ câu trả lời thì sẽ là quá lâu.”

“À, ừ. Giờ thì để tôi cho ông xem tôi đã tìm được gì, ông bạn thân mến ạ.”

John Faa đang rất sốt ruột được kể với họ chuyện gì đó. Ông đã gặp một người dò quặng ở bãi đất bên rìa bến cảng, một người Tân Đan Mạch có tên Lee Scoresby tới từ nước Texas, và thú vị là người đàn ông này lại sở hữu một chiếc khí cầu. Chuyển thám hiểm mà ông ta hi vọng được tham gia đã thất bại do thiếu kinh phí trước cả khi nó rời khỏi Amsterdam, nên ông đang bị kẹt.

“Nghĩ xem chúng ta có thể làm gì với sự giúp đỡ của một phi công khí cầu đi, Farder Coram!” John Faa nói, xoa đôi bàn tay vạm vỡ của mình. “Tôi đã thuyết phục được ông ấy gia nhập đoàn chúng ta. Xem ra chúng ta gặp may rồi đây.”

“Sẽ còn may mắn hơn nếu chúng ta biết rõ được mình sẽ đi đâu,” Farder Coram nói, nhưng không gì có thể suy chuyển sự hào hứng của John Faa khi sắp được thực hiện chiến dịch một lần nữa.

Sau khi màn đêm đã phủ bóng, khi toàn bộ hàng dự trữ và các công cụ đã được dỡ an toàn, nằm đợi trên bến cảng, Farder Coram và Lyra đi bộ dọc theo đường bờ biển để tìm quán bar Einarsson's. Họ đã tìm được nó khá dễ dàng: một cái lán bê tông sơ sài với biển hiệu gắn đèn neon đỏ chớp nháy không đều trên cửa và tiếng nói lớn vọng qua những khung cửa kính bám đầy sương giá.

Con hẻm gập ghềnh bên cạnh đó dẫn đến một cánh cổng bằng kim loại tấm, tới khoảng sân trong có một căn lán tạm bợ ọp ẹp đứng trên nền bùn đóng băng. Ánh đèn tù mù qua cửa sổ hậu của quán bar để lộ một thân hình to lớn nhợt nhạt đang khom người trên hai chân sau, hai tay cầm một tảng thịt đùi gặm lầy gặm ế. Lyra bị ấn tượng bởi cái mõm và khuôn mặt dính đầy máu, đôi mắt đen nhỏ hiểm độc, và bộ lông đồ sộ bản bết màu cháo lòng. Khi nó nhai, những tiếng gặm gừ, lạo xạo, sùn sục gớm guốc phát ra.

Farder Coram đứng bên cánh cổng gọi:

“Iorek Byrnison!”

Con gấu ngừng ăn. Họ có thể thấy là nó đang nhìn thẳng vào họ, nhưng chẳng thể đoán nổi bất cứ biểu hiện gì trên khuôn mặt nó.

“Iorek Byrnison,” Farder Coram lại lên tiếng. “Tôi có thể nói chuyện với ông được không?”

Tim Lyra đang đập thành thịch, vì có thứ gì đó trong dáng vẻ của con gấu khiến cô cảm thấy một sức mạnh lạnh lẽo, nguy hiểm, tàn bạo, nhưng lại là một sức mạnh được điều khiển bởi trí thông minh. Song đó không phải là trí thông minh của loài người, hoàn toàn không giống một con người, vì hẳn nhiên là gấu thì không có linh thú. Cô bé chưa từng thấy cái gì như cảnh tượng bộ dạng to bè và luộm thuộm kì lạ này đang gặm thịt, và sâu trong thâm tâm, cô cảm thấy một sự ngưỡng mộ và thương hại dành cho sinh vật cô độc này.

Con gấu thả cái cằm tuần lộc xuống đất rồi đổ sụp xuống bốn chân, tiến về phía cổng. Rồi nó đứng dậy sừng sững, phải ba mét hoặc thậm chí là hơn, như để thể hiện mình hùng mạnh đến thế nào, để nhắc

nhờ họ rằng cái công chẳng phải là một lá chắn hữu ích. Nó nói với họ từ độ cao đó.

“Sao? Các người là ai?”

Giọng nó trầm đến mức khiến cho mặt đất như rung chuyển. Thứ mùi khét lẹt bốc ra từ cơ thể nó gần như gây áp đảo.

“Tôi là Farder Coram, thuộc dân du mục ở Đông Anglia. Còn cô gái nhỏ này là Lyra Belacqua.”

“Các người muốn gì?”

“Chúng tôi muốn đề nghị cơ hội việc làm cho ông, Iorek Byrnison ạ.”

“Tôi có việc rồi.”

Con gấu lại sụp xuống bốn chân. Rất khó để dò được bất cứ sắc thái diễn cảm nào trong giọng của nó, dù là mỉa mai hay giận dữ, vì nó quá trầm và đều đều.

“Ông làm gì ở kho chứa xe trượt tuyết vậy?” Farder Coram hỏi.

“Tôi sửa máy móc và đồ sắt bị hỏng. Tôi nâng vật nặng.”

“*Panserbjørn* mà lại làm thứ công việc đó sao?”

“Vì nó là việc làm công ăn lương.”

Đằng sau con gấu, cửa quán bar hé mở, một người đàn ông đặt một cái vại lớn bằng đất nung xuống trước khi ngược lên nhìn họ.

“Ai đây?”

“Người lạ,” con gấu đáp.

Người phục vụ quán trông như đang định hỏi thêm gì đó, nhưng con gấu đột nhiên lao đảo bước về phía ông ta khiến người đàn ông hoảng hốt đóng sầm cửa lại. Con gấu móc một cái móng qua tay cầm của cái vại và nâng nó lên miệng. Lyra có thể ngửi thấy mùi rượu nguyên chất từ thứ chất lỏng đang bắn ra.

Sau khi nuốt vài lần, nó đặt cái vại xuống rồi quay lại gặm cái đùi thịt, có vẻ chẳng đoái hoài gì đến Farder Coram và Lyra; nhưng sau đó

lại nói.

“Các người đề nghị công việc gì?”

“Rất có thể là chiến đấu,” Farder Coram nói. “Chúng tôi đang tiến về Phương Bắc cho tới khi tìm thấy nơi có kẻ đang bắt nhốt trẻ con. Khi tìm được, chúng tôi sẽ phải chiến đấu để cứu thoát đám trẻ; rồi sau đó đưa chúng trở về.”

“Vậy các người sẽ trả công như thế nào?”

“Tôi không biết phải cho ông cái gì, Iorek Byrnison ạ. Nếu ông muốn vàng thì chúng tôi có vàng.”

“Vô giá trị.”

“Ở kho chứa xe trượt họ trả ông cái gì vậy?”

“Ở đây tôi sống bằng thịt và rượu.”

Con gấu im lặng; ông ta thả khúc xương tươi tả xuống và lại nâng cái vai lên mồm, tu thứ rượu nặng đó như tu nước lã.

“Cho phép tôi hỏi, Iorek Byrnison,” Farder Coram nói, “nhưng ông có thể sống một cuộc sống tự do và hãnh diện trên băng, đi săn hải cẩu và moóc, hoặc ông có thể ra trận và giành những phần thưởng lớn. Điều gì đã giữ chân ông lại Trollesund và quán bar Einarsson’s?”

Lyra cảm thấy toàn thân lạnh toát. Cô hẳn sẽ nghĩ rằng một câu hỏi như thế, gần như là một lời sỉ nhục, sẽ chọc tức con vật to lớn đến tột cùng, thật kinh ngạc khi Farder Coram dám hỏi câu đó. Iorek Byrnison đặt cái vai xuống rồi tới gần cổng để nhìn kỹ khuôn mặt ông già. Farder Coram không hề nao núng.

“Tôi biết những kẻ các người đang tìm kiếm, lũ cắt trẻ con,” con gấu nói. “Chúng rời khỏi thị trấn ngày hôm kia để lên Phương Bắc với nhiều trẻ con hơn. Sẽ không ai nói với hai người về chúng đâu; họ giả vờ như không nhìn thấy, vì lũ cắt trẻ con mang đến tiền và công việc. Tôi không thích lũ cắt trẻ con nên tôi sẽ trả lời các vị một cách lịch sự. Tôi ở đây uống rượu vì những kẻ ở đây đã lấy đi bộ giáp sắt của tôi, mà thiếu nó thì tôi có thể săn hải cẩu chứ không thể ra trận; và tôi là

một con gấu mặc giáp: chiến tranh là biển nơi tôi bơi lội, là không khí mà tôi hít thở. Những người ở thị trấn này cho tôi rượu nặng và để tôi uống đến mức buồn ngủ thiếp đi, rồi chúng lấy bộ giáp của tôi đi mất. Nếu mà biết chúng đang giữ nó ở đâu, tôi sẽ phá tan cả cái thị trấn này ra để lấy lại nó. Nếu các vị muốn thuê tôi thì đây là cái giá: lấy lại áo giáp cho tôi. Thực hiện việc đó rồi tôi sẽ phục vụ trong chiến dịch của các vị cho tới khi tôi chết hoặc các vị có được chiến thắng. Cái giá là bộ giáp của tôi. Tôi muốn có lại nó, rồi tôi sẽ không bao giờ cần rượu mạnh nữa.”

11

Bộ giáp

Khi họ trở lại tàu, Farder Coram, John Faa và các lãnh đạo khác dành thời gian dài hội đàm trong phòng khách, còn Lyra thì về buồng ngủ của mình để tham khảo ý kiến chiếc Chân Kế. Chỉ trong vòng năm phút, cô bé đã biết được chính xác nơi cất giữ bộ giáp của con gấu, và lí do vì sao việc lấy lại nó lại khó khăn.

Cô bé tự hỏi không biết có nên đến phòng khách để kể lại với John Faa và những người khác hay không, nhưng lại quyết định rằng nếu muốn biết họ sẽ hỏi cô. Có lẽ họ đã biết rồi.

Cô nằm trên giường nghĩ về con gấu hùng mạnh và tàn bạo đó, về sự cấu thả của nó khi uống thứ rượu nặng khé cổ, về nỗi cô độc trong căn nhà chái bần thiu. Làm người thật khác biệt, luôn có linh thú bên cạnh để trò chuyện! Trong sự tĩnh lặng của con tàu đang đứng yên, không có tiếng kim loại và gỗ cọt kẹt, tiếng ì ầm của động cơ hay tiếng nước xô bên mạn tàu, Lyra dần chìm vào giấc ngủ, Pantalaimon nằm trên gối của cô cũng thiếp đi.

Cô bé vừa mơ thấy người cha vĩ đại đang bị cầm tù của mình thì đột nhiên, chẳng vì lí do gì, cô bật tỉnh. Cô không biết lúc đó là mấy giờ. Có một thứ ánh sáng yếu ớt trong buồng ngủ mà cô nghĩ là ánh trăng, chiếu lên những bộ đồ rét mới bằng lông thú đang nằm đờ trong góc buồng. Vừa nhìn thấy là cô bé lại muốn khoác chúng lên mình.

Khi đã mặc đồ xong, cô bé phải lên boong. Một phút sau cô đã mở cửa trên đỉnh cầu thang nối các tầng và bước ra ngoài.

Ngay lập tức cô thấy điều kì lạ đang diễn ra trên bầu trời. Cô nghĩ đó là mây, đang di chuyển và rung rinh trong một sự lay động mạnh mẽ, nhưng Pantalaimon lại nói khẽ:

“Hiện tượng Cực Quang đấy!”

Cô bé kinh ngạc đến nỗi phải bám chặt lấy tay vịn lan can để khỏi bị ngã.

Cảnh tượng đó choán hết cả bầu trời phương bắc, sự bao la của nó thật khó mà tưởng tượng nổi. Như thể từ chính Thiên Đường, những bức màn khổng lồ của thứ ánh sáng mỏng manh đang rủ xuống và rung rinh. Mang màu lục nhạt và hồng tươi, trong suốt như loại vải mảnh nhất, và ở viền đáy là một sắc đỏ thắm rực rỡ như lửa Địa Ngục, chúng đu đưa và khẽ lung linh với sự uyển chuyển vượt xa người vũ công tài năng nhất. Lyra nghĩ cô thậm chí còn có thể nghe thấy chúng nói: một tiếng thì thầm xa xăm và mênh mang. Trong vẻ thanh thú chóng tàn ấy, cô cảm nhận được một điều gì đó rất sâu sắc, giống như cảm giác khi ở gần con gấu vậy. Điều đó khiến cô cảm động: nó đẹp tới mức gần như thánh thiện; cô cảm thấy nước mắt đang ứa ra, và chính những giọt nước mắt lại khiến ánh sáng vỡ òa thành những vòng cầu vồng khúc xạ qua lăng kính. Không lâu sau cô nhận ra rằng mình đang rơi vào trạng thái mê mẫn giống như khi tham khảo chiếc Chân Kế. Có lẽ, cô bình tĩnh nghĩ, yếu tố khiến kim Chân Kế quay hẳn cũng đang làm Cực Quang tỏa sáng. Thậm chí đó có thể chính là Bụi nữa. Cô có suy nghĩ đó một cách vô thức nên đã sớm quên bẵng đi, và phải sau đó rất lâu mới nhớ đến.

Trong lúc cô chăm chú nhìn, hình ảnh về một thành phố dường như tự hình thành đằng sau những bức màn và dòng chảy màu sắc trong mờ: những tòa tháp và mái vòm, các ngôi chùa và hàng cột màu mật ong, những đại lộ rộng lớn và công viên ngập nắng. Cô cảm thấy choáng váng khi nhìn ngắm nó, như thể mình đang không phải nhìn

lên mà là nhìn xuống, và qua một vực thẳm rộng tới mức chẳng có gì có thể vượt qua được. Đó là cả một vũ trụ khác biệt.

Nhưng có thứ gì đó đang bay ngang qua. Khi cố gắng tập trung ánh nhìn vào chuyển động đó, cô thấy hoa mắt chóng mặt, vì vật thể nhỏ xíu đang chuyển động kia không phải một phần của Cực Quang hay của vũ trụ phía sau nó. Nó ở trong bầu trời phía trên thị trấn. Khi có thể nhìn thấy rõ vật đó, cô đã tỉnh hẳn còn thành phố trên trời đã tan biến.

Vật thể bay tới gần hơn và lượn vòng quanh con tàu trên đôi cánh dang rộng. Sau đó nó lướt xuống, quạt nhanh đôi cánh khỏe khoắn để ghì mình đà rồi đỗ lại trên sàn boong bằng gỗ cách Lyra vài mét.

Trong ánh sáng Cực Quang cô nhìn thấy một con chim khổng lồ, một con ngỗng xám tuyệt đẹp với vòng lông trắng muốt trên đầu như một chiếc vương miện. Thế nhưng nó lại không phải là chim: đó là một linh thú, mặc dù ở đó chẳng có ai ngoài Lyra cả. Ý nghĩ này khiến một nỗi sợ khủng khiếp dâng lên trong cô.

Con chim cất tiếng:

“Farder Coram đang ở đâu?”

Đột nhiên Lyra hiểu ra đó là ai. Đó là linh thú của Serafina Pekkala, nữ hoàng bộ tộc, người bạn phù thủy của Farder Coram.

Cô bé lắp bắp trả lời:

“Tôi - ông ấy - tôi sẽ đi kiếm ông ấy...”

Cô quay người chạy vụt xuống cầu thang, tới buồng ngủ của Farder Coram rồi mở cửa nói vọng vào bóng tối:

“Farder Coram! Linh thú của cô phù thủy đến rồi! Nó đang đợi trên boong! Nó bay đến một mình - cháu đã thấy nó đến từ bầu trời...”

Ông già đáp: “Bảo nó đợi trên boong phía đuôi tàu đi, bé con.”

Con ngỗng oai vệ bước về phía đuôi tàu. Tại đó nó nhìn ngó xung quanh, vừa thanh nhã lại vừa hoang dại. Nó khiến cho một nỗi kinh sợ

đầy mê hoặc dấy lên trong lòng Lyra, cô bé cảm giác như mình đang tiếp đãi một hồn ma vậy.

Farder Coram bước lên boong, quần mình trong bộ đồ rét, theo sát phía sau là John Faa. Cả hai ông già đều kính cẩn cúi đầu, linh thú của họ cũng chào vị khách tới thăm.

“Xin chào mừng,” Farder Coram nói. “Tôi rất mừng và tự hào được gặp lại ông, Kaisa ạ. Ông có muốn vào trong không, hay là muốn ở ngoài trời hơn?”

“Tôi muốn ở bên ngoài hơn, cảm ơn, Farder Coram. Các vị có mặc đủ ấm để chịu đựng một lát không?”

Phù thủy và linh thú của họ không cảm thấy lạnh, nhưng họ ý thức được rằng những người khác thì có.

Farder Coram cam đoan rằng họ mặc đủ ấm và nói: “Serafina Pekkala có khỏe không?”

“Cô ấy gửi lời chào đến ông, Farder Coram ạ, và cô ấy vẫn khỏe mạnh. Hai người này là ai vậy?”

Farder Coram giới thiệu cả hai bọn họ. Con linh thú ngẩng nhìn xoáy vào Lyra.

“Tôi có nghe nói đến đứa trẻ này rồi,” nó nói. “Giới phù thủy đang bàn tán về nó. Vậy là các ông tới để gây chiến?”

“Không phải gây chiến, Kaisa ạ. Chúng tôi dự định giải cứu những đứa trẻ bị bắt cóc. Tôi hi vọng các phù thủy sẽ giúp.”

“Không phải tất cả sẽ giúp đâu. Vài bộ tộc đang làm ăn với đám thợ săn Bụi.”

“Có phải đó là thứ các vị gọi là Ủy ban Hiến tế không?”

“Tôi không biết cái Ủy ban này là gì. Họ là các thợ săn Bụi. Họ tới vùng của chúng tôi mười năm trước cùng với các thiết bị khoa học. Họ trả tiền để được phép lập trạm trong đất của chúng tôi, và họ đối xử với chúng tôi rất lịch sự.”

“Cái thứ Bụi này là gì vậy?”

“Nó tới từ bầu trời. Có người nói nó vẫn luôn ở đó, có người lại bảo nó chỉ mới rơi xuống thôi. Có điều chắc chắn là khi người ta ý thức được sự tồn tại của nó, một nỗi sợ hãi to lớn đã bao trùm lên họ, và họ sẽ không ngừng tìm hiểu bản chất của nó. Nhưng đó chẳng phải là mối bận tâm đối với giới phù thủy.”

“Vậy bây giờ họ đang ở đâu rồi, những thợ săn Bụi ấy?”

“Bốn ngày đường từ đây về phía đông bắc, tại một nơi gọi là Bolvangar. Bộ tộc của chúng tôi không có giao ước gì với họ cả, và bởi vì nghĩa vụ lâu đời đối với ông, Farder Coram ạ, tôi tới để chỉ cho ông cách tìm những tên thợ săn Bụi này.”

Farder Coram mỉm cười, còn John Faa vỗ hai bàn tay đồ sộ lại với nhau vẻ hài lòng.

“Cảm ơn ông rất nhiều,” ông nói với con ngỗng. “Nhưng xin hãy nói cho chúng tôi điều này: ông có biết thêm bất cứ điều gì về các thợ săn Bụi này không? Họ làm gì ở Bolvangar vậy?”

“Họ đã dựng lên những tòa nhà bằng kim loại và bê tông, cùng vài hầm chứa dưới lòng đất. Họ tốn rất nhiều tiền để nhập tinh than vào rồi đốt nó. Tôi không biết họ làm gì, nhưng có một bầu không khí thù hận lẫn sự hãi bao trùm lên nơi đó và hàng dặm xung quanh. Phù thủy có thể thấy những điều này trong khi những người khác thì không. Động vật cũng lánh xa nơi đó. Chim không bay tới; chuột lemming và cáo cao chạy xa bay. Bởi vậy mới có cái tên Bolvangar: những vùng đất quỷ ác. Mặc dù họ không gọi nó như vậy. Họ gọi nó là Trạm. Nhưng với tất cả những người khác thì nó là Bolvangar.”

“Họ phòng vệ như thế nào?”

“Họ có một toán người Tartar Phương Bắc được trang bị súng trường. Đó là những chiến binh cừ khôi nhưng lại thiếu luyện tập, vì từ khi được xây dựng đến giờ chưa có ai tấn công khu trạm đó cả. Ngoài ra còn có hàng rào dây thép chạy mạch bao quanh khu tổ hợp. Có thể có những phương thức phòng vệ khác mà chúng tôi không biết, vì như tôi đã nói, chúng tôi không có hứng thú gì với họ cả.”

Lyra đang sốt sắng muốn hỏi một câu, con linh thú ngỗng biết điều đó nên đã nhìn sang cô như thể cho phép cô nói.

“Tại sao các phù thủy lại bàn tán về tôi?” Cô hỏi.

“Vì cha của cô, và kiến thức của ông ấy về những thế giới khác,” con linh thú đáp.

Câu trả lời đó khiến cả ba bọn họ ngạc nhiên. Lyra nhìn sang Farder Coram, người cũng đang nhìn lại cô với vẻ hơi kinh ngạc, rồi sang John Faa, lúc này đang tỏ ra rất bối rối.

“Những thế giới khác ư?” Ông lên tiếng. “Xin thứ lỗi, thưa ông, nhưng những thế giới đó là gì vậy? Ý ông là các ngôi sao?”

“Thật ra là không.”

“Có lẽ là thế giới các linh hồn?” Farder Coram nói.

“Cũng không phải nó.”

“Có phải là thành phố trong ánh sáng không?” Lyra hỏi. “Là nó đúng không?”

Con ngỗng quay cái đầu oai vệ về phía cô bé. Nó có đôi mắt màu đen, được bao viền bởi một đường mảnh màu xanh da trời trong vắt, ánh nhìn của nó thật dữ dội.

“Phải,” nó đáp. “Giới phù thủy đã biết về những thế giới khác được vài nghìn năm rồi. Đôi khi người ta có thể nhìn thấy chúng trong Bắc Cực Quang. Chúng hoàn toàn không thuộc về hệ vũ trụ này; kể cả những ngôi sao xa xôi nhất cũng là một phần của vũ trụ này, nhưng những luồng ánh sáng kia cho chúng ta thấy một vũ trụ hoàn toàn khác biệt. Không hề xa xôi, mà lại đan xen với vũ trụ của chúng ta. Ngay tại đây, trên boong tàu này, hàng triệu vũ trụ khác tồn tại mà chẳng hề ý thức được nhau...”

Nó nâng đôi cánh lên rồi sải rộng chúng ra trước khi gập lại.

“Đó,” nó nói, “tôi vừa mới quẹt qua mười triệu thế giới khác mà họ có biết gì đâu. Chúng ta đang ở ngay sát nhau nhưng lại chẳng bao

giờ có thể chạm vào, nhìn ngắm hay nghe thấy các thế giới khác này ngoại trừ trong Bắc Cực Quang.”

“Tại sao lại là ở đó?” Farder Coram hỏi.

“Bởi vì các hạt mạch tích trong Cực Quang có đặc tính làm vật chất của thế giới này mỏng đi, khiến chúng ta có thể nhìn xuyên qua nó trong một khoảng thời gian ngắn. Các phù thủy vẫn luôn biết điều này, nhưng chúng tôi hiếm khi nói về nó.”

“Cha cháu tin vào điều đó,” Lyra nói. “Cháu biết vì cháu đã nghe ông ấy nói và trình bày các bức hình về Cực Quang.”

“Việc này có liên quan gì đến Bụi không?” John Faa hỏi.

“Ai mà biết được?” Con linh thú ngỗng nói. “Tất cả những gì tôi có thể nói là đám thợ săn Bụi đang sợ chết khiếp như thể nó là chất độc giết người vậy. Đó là lí do họ bắt giữ Ngài Asriel.”

“Nhưng tại sao chứ?” Lyra hỏi.

“Họ nghĩ ông ấy định sử dụng Bụi theo cách nào đó để tạo một cầu nối giữa thế giới này và thế giới đằng sau Cực Quang.”

Lyra thấy đầu óc mình quay cuồng.

Cô nghe thấy Farder Coram nói: “Ông ấy có định làm vậy không?”

“Có,” con linh thú ngỗng đáp. “Họ không tin rằng ông ấy có thể, vì họ cho rằng chỉ có diên mới đi tin vào sự tồn tại của các thế giới khác. Nhưng quả thật, đó là ý định của ông ấy. Ông ấy còn là một nhân vật quyền lực nên họ lo sợ ông sẽ làm đảo lộn kế hoạch của chính họ, vì vậy họ đã lập một hiệp ước với lũ gấu mặc giáp để bắt cóc và giam giữ ông tại pháo đài Svalbard, tránh làm cản đường họ. Có người nói họ đã giúp vua gấu mới giành được ngai vàng, như một phần của giao kèo.”

Lyra nói: “Các phù thủy có muốn ông ấy dựng chiếc cầu nối này không? Họ ở phe ông ấy hay chống đối lại ông ấy?”

“Đó là một câu hỏi quá phức tạp để có thể trả lời. Thứ nhất, phù thủy chúng tôi không hợp nhất. Có những khác biệt về ý kiến giữa chúng tôi. Thứ hai, cây cầu của Ngài Asriel sẽ liên quan đến một cuộc chiến đang diễn ra hiện nay giữa vài phù thủy và nhiều thế lực khác, một vài trong số đó đến từ thế giới linh hồn. Việc sở hữu cây cầu, nếu nó tồn tại, sẽ mang đến cho chủ nhân của nó lợi thế to lớn. Thứ ba, bộ tộc Serafina Pekkala - tộc của tôi - chưa thuộc về bất cứ khối liên minh nào, mặc dù chúng tôi đang phải chịu áp lực lớn phải tuyên bố về phe này hay phe khác. Các vị thấy đấy, đó là các vấn đề của chính trị cấp cao, không dễ gì trả lời được.”

“Còn những con gấu thì sao?” Lyra hỏi. “Chúng theo phe của ai?”

“Phe của bất cứ ai trả công cho chúng. Chúng không có chút hứng thú nào trong những chuyện này; chúng không có linh thú; chúng không quan tâm đến những vấn đề của loài người, ít nhất thì lũ gấu đã từng như thế, nhưng chúng tôi cũng nghe được rằng quốc vương mới của chúng đang muốn thay đổi những phương cách cũ... Dù sao thì các thợ săn Bụi cũng đã trả công cho chúng để bắt giam Ngài Asriel, và chúng sẽ giữ ông ấy ở Svalbard cho tới khi giọt máu cuối cùng chảy ra khỏi cơ thể của con gấu cuối cùng còn sống.”

“Nhưng không phải tất cả gấu đều vậy!” Lyra nói. “Có một con không hề ở Svalbard. Đó là một con gấu bị ruồng bỏ, và ông ấy sẽ đi cùng với chúng tôi.”

Con ngỗng lại một lần nữa nhìn xoáy vào Lyra. Lần này cô có thể cảm thấy sự ngạc nhiên lạnh lùng của nó.

Farder Coram xoay người một cách không thoải mái rồi nói: “Thật ra là, Lyra ạ, ta không nghĩ là ông ta sẽ đến đâu. Chúng ta nghe nói rằng ông ta đang làm việc như một nhân công hợp đồng theo điều khoản chứ không tự do như ta tưởng, ông ta đang bị kết án. Cho tới khi được tha, ông ta sẽ không thể đến được, dù có bộ giáp hay không; mà ông ta cũng sẽ chẳng bao giờ có lại được nó đâu.”

“Nhưng ông ấy nói đã bị người ta lừa mà! Họ đã khiến ông ấy say khướt rồi cướp bộ giáp đi!”

“Chúng ta thì nghe được một câu chuyện khác,” John Faa nói. “Ông ta là một kẻ lừa đảo nguy hiểm, đó là điều chúng ta nghe được.”

“Nếu...” Lyra sôi máu lên; cô bé gần như không nói nổi vì giận dữ: “... nếu chiếc Chân Kế có nói điều gì thì cháu biết đó đều là thật. Cháu đã hỏi nó, và nó nói rằng con gấu đã nói sự thật, họ có lừa ông ấy, và họ mới là kẻ dối trá chứ không phải ông ấy. Cháu tin con gấu, Ngài Faa ạ! Farder Coram - ông cũng gặp ông ấy rồi, và ông tin ông ấy đúng không?”

“Ta nghĩ là ta có tin, cô bé ạ. Ta không dám chắc về mọi việc như cháu.”

“Nhưng họ sợ cái gì chứ? Chẳng lẽ họ cho rằng ông ấy sẽ đi loanh quanh giết người một khi đã khoác lên mình bộ giáp? Ông ấy đã có thể giết hàng chục người rồi!”

“Ông ta đã làm vậy,” John Faa nói. “À, nếu không phải là hàng chục thì là vài người. Khi người ta mới lấy bộ giáp đi, ông ta đã điên cuồng lùng sục khắp nơi, phá toang đồn cảnh sát, ngân hàng, còn ở đâu nữa thì ta không biết, ít nhất đã có hai người chết. Lí do duy nhất mà người ta không bắn hạ là bởi kĩ năng phi thường của ông ta với kim loại; họ muốn dùng ông ta làm nhân công.”

“Như một tên nô lệ vậy!” Lyra nóng nảy nói. “Họ đâu có quyền đó!”

“Dù vậy họ có thể đã bắn ông ta vì tội giết người, nhưng họ đã không làm vậy. Họ ràng buộc và bắt ông ta phải lao động vì quyền lợi của thị trấn cho đến khi bù đắp được những tổn thất về người và của.”

“John,” Farder Coram lên tiếng, “tôi không biết anh thấy thế nào, nhưng tôi tin rằng họ sẽ không bao giờ để ông ta có lại bộ giáp đó. Họ càng giữ lâu thì ông ta sẽ càng giận dữ khi có lại nó.”

“Nhưng nếu *chúng ta* lấy lại cho ông ấy bộ giáp, ông ấy sẽ đi với chúng ta và không bao giờ làm phiền họ nữa, Lyra nói. “Cháu hứa đấy, Ngài Faa.”

“Vậy chúng ta sẽ thực hiện điều đó như thế nào?”

“Cháu biết nó ở đâu!”

Tất cả im bật, họ chợt nhận ra con linh thú của cô phù thủy và ánh nhìn chòng chọc của nó về phía Lyra. Cả ba người đều quay về phía con ngỗng, và đám linh thú của họ, cho tới tận lúc đó vẫn đang giả bộ cực kì lịch sự bằng cách nhũn nhận tránh nhìn về phía sinh vật kì dị đang ở đây một mình mà không có chủ này, cũng quay sang nhìn nó.

“Cô sẽ không ngạc nhiên,” con ngỗng nói, “khi biết rằng chiếc Chân Kế là một lí do khác khiến các phù thủy hứng thú với cô, Lyra ạ. Lẽn sự của chúng tôi đã kể về cuộc viếng thăm của các vị sáng nay. Tôi tin rằng chính Tiến sĩ Lanselius đã nói với các vị về con gấu.”

“Đúng vậy,” John Faa nói. “Cô bé và Farder Coram đã đích thân đến nói chuyện với con gấu. Tôi dám khẳng định là những điều Lyra nói đều là sự thật, nhưng nếu phạm luật của những người ở đây, chúng tôi chỉ tổ bị vướng vào một cuộc tranh cãi với họ, trong khi việc cần làm bây giờ là thúc đẩy việc tiến tới Bolvangar, dù có gấu hay không.”

“À, nhưng ông chưa gặp ông ta mà, John,” Farder Coram nói. “Tôi thì tin Lyra. Chúng tôi có thể thay mặt ông ta hứa, có lẽ vậy. Có thể ông ta sẽ tạo nên mọi sự khác biệt.”

“Ông thấy thế nào?” John Faa hỏi con linh thú phù thủy.

“Chúng tôi có vài cuộc giao dịch với lũ gấu. Ham muốn của chúng đối với chúng tôi cũng kì lạ như của chúng tôi đối với chúng vậy. Nếu đó là một con gấu bị ruồng bỏ thì nó có thể không đáng tin cậy như người ta nói. Các vị phải tự quyết định thôi.”

“Vâng,” John Faa nói chắc nịch. “Nhưng giờ, thưa ông, ông có thể chỉ cho chúng tôi cách đi từ đây đến Bolvangar được không?”

Con linh thú ngỗng bắt đầu giải thích. Nó nói về những thung lũng và ngọn đồi, về hàng cây và lãnh nguyên, về cách nhìn sao trời. Cô bé lắng nghe một lúc rồi dựa vào chiếc ghế trên boong cùng với Pantalaimon cuộn tròn quanh cổ. Cô nghĩ về cảnh tượng hùng vĩ mà con linh thú ngỗng mang tới. Một cầu nối giữa hai thế giới... Điều này còn tuyệt vời hơn nhiều so với những thứ cô đã mong ngóng! Và chỉ có người cha vĩ đại của cô mới có thể thấu hiểu được. Ngay khi giải cứu xong đám trẻ con, cô bé sẽ tới Svalbard cùng với con gấu, mang chiếc Chân Kế cho Ngài Asriel và dùng nó để giúp trả tự do cho ông; rồi họ sẽ cùng nhau xây dựng cây cầu, và sẽ là những người đầu tiên bước qua...

Vào một lúc nào đó trong đêm, John Faa hẳn đã bế Lyra về giường, vì đó là nơi cô tỉnh dậy. Ánh mặt trời mờ ảo đang ở trên cao nhất có thể, chỉ cách đường chân trời một sai tay, nên lúc đó hẳn đã gần trưa, cô bé nghĩ. Chẳng bao lâu sau khi họ tiến xa hơn về phía bắc, mặt trời đã hoàn toàn biến mất.

Cô bé vội vàng vận đồ rồi chạy lên boong nhưng lại thấy rằng chẳng có gì mấy đang diễn ra. Tất cả hàng dự trữ đã được dỡ, xe trượt tuyết và các đội chó kéo đã được thuê và đang chờ để đi; mọi thứ đều đã sẵn sàng và chẳng có thứ gì chuyển động cả. Hầu hết những người du mục đều đang ngồi trong một quán cà phê mờ mịt khói hương về phía biển, ăn bánh ngọt tầm gia vị và uống thứ cà phê ngọt sắc bên những chiếc bàn gỗ dài trong tiếng xì xì và tanh tách của vài ngọn đèn mạch cổ lỗ sĩ.

“Ngài Faa đâu rồi ạ?” Cô bé hỏi khi ngồi xuống với Tony Costa và đám bạn của cậu. “Cả Farder Coram nữa? Có phải họ đang đi lấy áo giáp cho con gấu không?”

“Họ đang nói chuyện với Sysselman. Đó là từ người ta dùng để chỉ thống đốc. Vậy em đã gặp con gấu đó rồi à, Lyra?”

“Vâng!” Cô nói rồi giải thích mọi điều về nó. Trong lúc cô nói, có ai đó kéo một chiếc ghế đến và gia nhập nhóm tại bàn.

“Vậy là cô bé đã nói chuyện với ông bạn Iorek rồi à?”

Cô ngạc nhiên nhìn người mới tới. Đó là một người đàn ông cao gầy với bộ ria mép mảnh màu đen và đôi mắt híp màu xanh dương, vẻ mặt ông có một biểu hiện thường trực đầy xa cách và mĩa mai châm biếm. Cô bé lập tức nhận thấy một cảm xúc mạnh mẽ đối với ông, nhưng cô không chắc liệu đó là thích hay ghét nữa. Linh thú của ông là một con thỏ rừng tiêu tụy, cũng gầy và cứng cỏi giống hệt chủ.

Ông chìa tay ra và cô thận trọng bắt lấy nó.

“Lee Scoresby,” ông tự giới thiệu.

“Ông phi công khí cầu!” Cô bé thốt lên. “Khí cầu của ông đâu? Cháu có thể lên được không?”

“Nó đang được cất đi rồi, cô gái ạ. Cháu chắc hẳn là Lyra nổi tiếng. Mọi việc với Iorek Byrnison thế nào rồi?”

“Ông biết ông ấy ạ?”

“Ta đã chiến đấu bên cạnh ông ta trong chiến dịch Tunguska. Lạy trời, ta đã biết Iorek nhiều năm rồi. Dù gì thì gấu cũng là những sinh vật khó chiều, nhưng ông ta thì là một vấn đề lớn, không nhằm đâu. Nào, có ai trong các quý cậu ở đây có nhã hứng làm một ván đồ đen không?”

Một sập bài không hiểu từ đâu hiện ra trên tay ông. Ông lạch xạch xào bài.

“Tôi đã nghe nói về năng lực chơi bài của dân du mục các vị,” Lee Scoresby nói, một tay thoăn thoắt chia và gộp các quân bài lại, trong khi tay còn lại lấy một miếng xì gà từ trong túi áo ngực ra, “tôi nghĩ các vị sẽ không phản đối việc cho một du khách Texas đơn thuần cơ hội được thử sức với kỹ năng của các vị và thách thức lĩnh vực đấu bài. Các vị thấy sao?”

Dân du mục rất hãnh diện với khả năng đấu bài của mình, vài người trông có vẻ hứng thú và kéo ghế lại. Trong lúc họ đang thỏa thuận với Lee Scoresby về việc chơi gì và cược gì, linh thú của ông vẩy tai về phía Pantalaimon. Nó hiểu tín hiệu đó và khẽ nhảy về phía con thỏ trong dạng một con sóc.

Hẳn nhiên là nó cũng nói để Lyra nghe thấy nữa. Cô bé nghe thấy nó nói khẽ: “Đi thẳng tới chỗ con gấu và nói trực tiếp với ông ta. Người ta mà biết được chuyện gì đang diễn ra thì sẽ di dời bộ giáp đi chỗ khác ngay.”

Lyra đứng dậy, mang theo miếng bánh tằm gia vị, chẳng có ai nhận ra điều đó; Lee Scoresby đang chia bài, mọi con mắt ngờ vực đều dồn cả vào hai bàn tay ông.

Trong ánh sáng lờ mờ đang nhòa dần theo buổi chiều vô tận, cô bé tìm đường đến nhà kho chứa xe kéo. Đó là việc cô biết mình phải làm, nhưng lại thấy lo lắng về nó, và cả e sợ nữa.

Bên ngoài cái lán bê tông lớn nhất, con gấu đồ sộ đang làm việc. Lyra đứng bên cánh cổng mở quan sát nó. Iorek Byrnison đang tháo dỡ một chiếc máy kéo chạy bằng gas bị đâm hỏng; lớp kim loại bọc bên ngoài đầu máy bị xoắn vặn và oằn cong, một vòng trượt bị vênh lên. Con gấu nhắc tấm kim loại ra như thể đấy chỉ là một tấm bìa, rồi xoay nó theo đủ hướng trong đôi bàn tay vĩ đại của mình, có vẻ như đang kiểm tra chất lượng. Sau đó con gấu đặt chân sau lên một góc rồi bẻ cả tấm kim loại theo cách khiến tất cả các vết lõm bật ra và hình dạng vốn có được khôi phục. Sau khi đặt tấm kim loại dựa vào tường, con gấu nâng cả cái máy kéo nặng như chì lên bằng một tay rồi đặt nó nằm nghiêng ra trước khi cúi xuống kiểm tra vòng trượt bị méo.

Khi làm việc đó, nó phát hiện ra Lyra. Cô bé cảm thấy một tia sét sợ hãi tột cùng giáng thẳng vào mình, vì con gấu quá đồ sộ và khác lạ. Cô bé đang nhìn qua hàng rào buộc xích cách nó tầm bốn mươi mét. Khi nghĩ tới việc nó có thể rút ngắn khoảng cách chỉ bằng một hay hai cú chồm và gạt đồng dây thép sang một bên như gạt mạng nhện, cô

suýt nữa đã quay đầu bỏ chạy. Nhưng đúng lúc đó Pantalaimon nói: “Khoan! Để tớ đi nói chuyện với ông ấy.”

Hiện giờ Pantalaimon đang là một con nhạn biển, trước khi cô kịp trả lời, nó đã bay khỏi hàng rào xuống nền đất bằng giá phía xa. Trước đó một chút có một cánh cổng mở, Lyra đã có thể đi theo con linh thú, nhưng cô miễn cưỡng chùn lại. Pantalaimon nhìn cô rồi hóa thành một con lửng.

Cô biết nó đang định làm gì. Linh thú chỉ có thể rời khỏi chủ thể của chúng không quá vài mét, nên nếu cô đứng bên hàng rào còn Pantalaimon vẫn là một con chim thì nó không thể đến gần con gấu; vì vậy nó sẽ kéo cô lại.

Cô bé cảm thấy tức giận và khỗ sở. Bộ móng lửng của Pantalaimon cắm sâu vào mặt đất, nó đang tiến về phía trước. Thật là một cảm giác giày vò kì lạ khi linh thú của mình giăng co mỗi liên kết giữa cả hai; một phần là nỗi đau thể xác sâu hoắm trong lồng ngực, phần nữa là sự buồn bã và tình yêu mãnh liệt. Cô bé biết Pantalaimon cũng cảm thấy như vậy. Tất cả mọi người đều đã kiểm tra điều đó khi họ lớn lên: thử xem họ có thể rời nhau bao xa rồi quay trở lại với sự khuây khỏa mãnh liệt.

Pantalaimon giật mạnh hơn một chút.

“Đừng, Pan!”

Nhưng Pantalaimon không dừng lại. Con gấu đứng lặng im quan sát. Nỗi đau trong trái tim Lyra ngày càng trở nên không thể chịu đựng nổi, một tiếng thốn thức khát khao dâng lên trong họng cô.

“Pan...”

Rồi cô đã bước qua cửa và bò trên lớp bùn đóng băng về phía con linh thú. Pantalaimon biến thành một con mèo rừng và nháy bật vào vòng tay cô. Hai đĩa núu chặt lấy nhau, cùng kêu lên những tiếng run rẩy khe khẽ đầy bất hạnh.

“Tớ cứ nghĩ cậu thật sự sẽ...”

“Không...”

“Tớ không thể *tin* nó lại đau đớn đến thế...”

Nói rồi cô tức giận gạt nước mắt đi và sụt sịt thật mạnh. Pantalaimon rúc người vào vòng tay cô, cô bé biết rằng mình thà chết chứ không chịu để hai đứa bị chia tách và phải đối diện với nỗi buồn đó một lần nữa; nó sẽ khiến cô phát điên vì đau buồn và kinh sợ. Nếu cô có chết thì chúng vẫn sẽ ở bên nhau, giống như các Học giả trong hầm mộ ở Jordan vậy.

Rồi cô gái và con linh thú ngược lên nhìn con gấu cô độc. Nó không có linh thú. Nó đơn độc, luôn luôn đơn độc. Trong cô dấy lên một sự cảm thương và dịu dàng đối với con gấu, đến mức cô suýt nữa đã với tay tới để chạm vào bộ lông xỉn màu của nó, và chỉ nhờ ý thức phải lịch sự trước đôi mắt lạnh lẽo dữ tợn kia mới ngăn cô làm vậy.

“Iorek Byrnison,” cô gọi.

“Sao?”

“Ngài Faa và Farder Coram đã đi thử giành lại bộ giáp cho ông.”

Con gấu không nhúc nhích hay nói năng gì. Rõ ràng là nó đang cân nhắc cơ hội của họ.

“Nhưng tôi biết nó ở đâu,” cô nói, “nếu tôi nói cho ông, có lẽ ông có thể tự đi lấy nó về, tôi không biết nữa.”

“Làm sao cô biết nó ở đâu được chứ?”

“Tôi có một chiếc máy đọc biểu tượng. Tôi nghĩ tôi phải nói với ông, Iorek Byrnison ạ, vì thấy họ mới là người lừa dối ông từ đầu. Tôi không nghĩ điều đó là đúng. Họ đáng ra không nên làm vậy. Ngài Faa sẽ tranh luận với Sysselman, nhưng có thể họ sẽ không để ông có được nó dù ông ấy có nói gì đi nữa. Vậy nên nếu tôi nói cho ông biết, ông sẽ đi cùng chúng tôi và giúp giải cứu trẻ con khỏi Bolvangar chứ?”

“Được.”

“Tôi...” Cô bé không định tọc mạch, nhưng cô không thể ngăn mình tò mò. Cô hỏi: “Sao ông không làm thêm vài bộ giáp từ số kim

loại ở đây đi, Iorek Byrnison?”

“Vì đám này vô giá trị. Nhìn đây,” con gấu nói rồi dùng một tay nhấc tấm bọc đầu máy lên, tay còn lại xoè một móng ra rồi chọc thủng nó như một cái mở hộp. “Bộ giáp của tôi được làm từ sắt trời, dành riêng cho tôi. Bộ giáp của một con gấu là linh hồn của anh ta, giống như linh thú của cô là linh hồn của chính cô vậy. Cô cũng có thể đem nó đi...” ám chỉ Pantalaimon “... và thay thế nó bằng một con búp bê nhồi đầy mùn cưa. Đó là sự khác biệt. Vậy, giáp của tôi đang ở đâu?”

“Nghe này, ông phải hứa sẽ không trả thù đấy nhé. Họ đã sai khi lấy nó đi, nhưng ông chỉ cần phải chịu đựng việc đó thôi.”

“Được rồi. Không trả thù về sau. Nhưng lúc lấy lại nó tôi cũng không nương tay đâu. Nếu họ chống trả, họ sẽ chết.”

“Nó được giấu trong hầm chứa tại nhà của thầy tu,” cô bé nói với con gấu. “Ông ta nghĩ rằng có một linh hồn ám trong đó, và đang cố gọi nó ra. Đó là nơi nó được giấu.”

Con gấu đứng cao lừng lững trên hai chân sau và nhìn về phía tây, những tia nắng cuối cùng phủ lên gương mặt u ám của nó một sắc trắng vàng mịn màng và rực rỡ. Cô có thể cảm nhận thấy sức mạnh đang phát ra từ người sinh vật to lớn này như những luồng sóng nhiệt.

“Tôi phải làm việc đến lúc mặt trời lặn,” nó nói. “Sáng nay tôi đã hứa với ông chủ ở đây như thế. Tôi vẫn còn nợ vài phút làm việc nữa.”

“Ở chỗ tôi thì mặt trời lặn rồi,” cô bé chỉ ra, vì từ điểm nhìn của cô, mặt trời đã biến mất sau mũi đất lờm chờm đá về phía tây nam.

Con gấu liền hạ người xuống đứng trên bốn chân.

“Đúng thật,” nó nói, khuôn mặt giờ đã chìm trong bóng râm giống như cô. “Tên cô là gì, nhóc?”

“Lyra Belacqua.”

“Vậy thì tôi nợ cô một lần, Lyra Belacqua ạ,” con gấu nói.

Sau đó nó quay người rồi tròng trành bước qua mặt đất giá lạnh, lẹ làng đến mức Lyra dù có chạy cũng không đuổi theo nổi. Cô đành

phải chạy theo, còn Pantalaimon thì bay lên trong dạng một con mòng biển để xem con gấu đi đâu rồi nói vọng xuống cho cô bé biết đường theo sau.

Iorek Byrnison nhảy vọt ra khỏi kho chứa rồi chạy dọc theo con phố nhỏ trước khi rẽ vào phố chính của thị trấn, qua sân trong dinh thự của Sysselman, nơi một lá cờ rủ xuống trong không khí tĩnh lặng và người lính gác bước lên bước xuống một cách nghiêm trang, xuống sườn đồi qua cuối con phố nơi Lãnh sự Phù thủy sống. Người lính gác lúc này đã nhận thấy chuyện gì đang xảy ra, anh ta đang cố gắng trấn tĩnh lại thì Iorek Byrnison đã rẽ sang góc phố gần bến cảng rồi.

Dân chúng dừng lại nhìn hoặc nhanh chóng thoát khỏi đường chạy của nó. Người lính gác bắn chỉ thiên hai phát rồi lao xuống đồi đuổi theo con gấu. Anh ta không đạt được mục đích do phải phanh gấp trên con dốc phủ đầy băng và chỉ lấy lại được thăng bằng sau khi đã tóm được song sắt gần nhất. Lyra chạy cách phía sau không xa. Khi đi qua nhà của Sysselman, cô bé nhận thấy một nhóm người vừa chạy ra phía sân trong để xem chuyện gì đang diễn ra, cô nghĩ mình đã thấy Farder Coram trong số họ; nhưng rồi cô phóng qua khỏi đó, lao rầm rầm xuống con phố về phía góc đường nơi người lính gác đang rẽ vào để đuổi theo con gấu.

Nhà của thầy tu cổ kính hơn hầu hết các căn nhà khác, được dựng từ thứ gạch đất tiền. Bậc tam cấp dẫn lên cửa chính lúc này đã tan tác thành những mảnh gỗ vụn, từ phía trong nhà vọng ra những tiếng gào thét, đổ vỡ loảng xoảng và tiếng gỗ bị xé toạc. Người lính gác lưỡng lự ở bên ngoài, súng đã giương lên sẵn; nhưng rồi khi người qua đường bắt đầu tụ tập lại còn những người khác nhòm qua cửa sổ từ phía bên kia đường, anh ta nhận ra mình phải hành động nên đã bắn chỉ thiên một phát trước khi xông vào.

Một chốc sau, cả căn nhà dường như rung chuyển. Kính vỡ vụn từ ba khung cửa sổ, một miếng ngói rụng khỏi mái, rồi một người hầu gái hoảng hốt chạy ra, linh thú gà mái vỗ cánh bồm bộp đuổi theo.

Một phát đạn nữa nổ lên trong căn nhà, rồi tiếng gầm long trời cất lên khiến người hầu phải hét lên hoảng sợ. Như thể được phóng ra từ khẩu đại bác, vị thầy tu lao ra cùng với con linh thú bồ nông đập cánh điên loạn với lòng kiêu hãnh bị tổn thương. Lyra nghe thấy tiếng các mệnh lệnh được hét lên, cô quay lại và thấy một toán cảnh sát được vũ trang đang gấp rút chạy quanh góc phố, người mang súng ngắn kẻ cầm súng trường. Sau đó không xa là John Faa và đáng người to béo, kiểu cách của Sysselman.

Một tiếng xé toạc và vỡ vụn khiến tất cả quay lại nhìn căn nhà. Một ô cửa sổ ở tầng trệt, rõ ràng là mở vào một hầm chứa, đang bị giật tung ra trong tiếng loảng xoảng của kính vỡ và tiếng rít của gỗ bị xé toang. Người lính gác đã theo Iorek Byrnison vào trong nhà chạy ra đứng đối diện với cửa sổ hầm chứa, súng kê trên vai; rồi ô cửa sổ hoàn toàn bị rách toạc, Iorek Byrnison trèo ra, người bọc giáp sắt.

Không có bộ giáp, nó là một kẻ dữ dội. Có bộ giáp, nó trở thành một nỗi kinh hoàng. Bộ giáp đã bị gỉ đỏ, được tán vào nhau một cách thô sơ: những tấm và phiến kim loại cong vênh, xin màu kêu lên kèn kẹt, rin rít khi chúng cọ vào nhau. Chiếc mũ sắt nhọn như mõm của con gấu, với hai khe hở dành cho mắt, phần dưới của hàm để trống để cắn xé dễ dàng hơn.

Người lính gác khai hỏa vài phát, phía cảnh sát cũng vào thế ngắm bắn, nhưng Iorek Byrnison chỉ đơn thuần rũ người là đạn rơi lá tả như mưa. Nó lao tới trong tiếng rít và leng keng của kim loại trước khi người lính kịp trốn thoát, rồi đập anh ta ngã xuống đất. Con chó husky, linh thú của anh ta, phóng tới cổ họng của con gấu, nhưng Iorek Byrnison coi đó chỉ như ruồi nhặng bay qua nên chẳng thêm bận tâm. Nó lôi người lính về phía mình bằng một bàn tay khổng lồ rồi cúi xuống, kẹp đầu anh ta trong bộ hàm đồ sộ. Lyra có thể đoán chính xác điều gì sẽ diễn ra tiếp theo: con gấu sẽ nghiền hộp sọ của người đàn ông như nghiền trứng, rồi một cuộc chiến đẫm máu sẽ nổi tiếp, thêm

nhiều thương vong, thêm chậm trễ; và họ sẽ không bao giờ được tự do, dù có hay không có con gấu.

Chẳng buồn suy tính, cô bé lao đến đặt tay lên một điểm yếu trên bộ giáp của con gấu, đó là khe hở giữa chiếc mũ sắt và tấm kim loại lớn bảo vệ vai khi con gấu cúi đầu, ở đó cô có thể nhìn thấy lớp lông trắng vàng lờ mờ lộ ra giữa những lớp kim loại hoen gỉ. Cô chọc các ngón tay vào trong khi Pantalaimon ngay lập tức lao tới cùng một điểm và biến thành mèo rừng, thủ thế để bảo vệ chủ; nhưng Iorek Byrnison đứng im, còn các xạ thủ thì ngừng bắn.

“Iorek!” Cô nói bằng một giọng trầm dữ dội. “Nghe này! Ông nợ tôi một lần đúng không? Vậy giờ ông có thể đền đáp được đó. Hãy làm như tôi yêu cầu. Đừng giao chiến với những người này. Hãy quay lại và đi cùng với tôi. Chúng tôi cần ông, Iorek ạ, ông không thể ở lại đây. Hãy xuống dưới cảng với tôi và đừng ngoái đầu lại. Hãy cứ để Farder Coram và John Faa lo việc đàm phán, họ sẽ giải quyết mọi việc êm thấm. Thả người này ra và đi với tôi...”

Con gấu từ từ há miệng ra. Người lính ngất lịm đi, đầu anh ta gục xuống đất, ướm đẫm máu và tái nhợt. Linh thú của anh ta chạy quanh vuốt ve chăm sóc chủ trong khi con gấu bỏ đi bên cạnh Lyra.

Không có bất cứ ai khác cử động. Họ đều đứng nhìn con gấu quay đi khỏi nạn nhân của nó theo lệnh của cô gái nhỏ cùng con linh thú mèo. Rồi họ lùi sang hai bên nhường chỗ cho Iorek Byrnison nặng nề bước qua giữa cả đám, bên cạnh Lyra, để tiến tới bến cảng.

Toàn bộ tâm trí của cô bé dồn vào con gấu nên cô đã không nhận ra sự bối rối phía sau mình, nỗi sợ và sự tức giận dè dặt dâng lên sau khi con gấu đã đi khỏi. Cô sóng bước cùng nó, còn Pantalaimon thì đi phía trước cả hai như để dẹp đường.

Khi họ tới bến cảng, Iorek Byrnison cúi đầu xuống rồi dùng móng tháo chiếc mũ sắt ra, để cho nó rơi đánh xoảng xuống mặt đất đóng băng. Dân du mục nhận thấy có biển bèn ùa ra khỏi quán cà phê và đứng nhìn trong ánh sáng lập loè của đèn mạch trên boong tàu.

Trong lúc đó Iorek Byrnison rũ bỏ phần còn lại của bộ giáp rồi để nó chất đống trên bãi đất rìa bến cảng. Không nói không rằng, con gấu bước tới mặt nước rồi dìm mình vào đó mà không tạo ra một gợn sóng nào. Chẳng mấy chốc nó đã mất hút.

“Chuyện gì vậy?” Tony Costa hỏi, anh nghe thấy những giọng nói phẫn nộ từ khu phố phía trên khi dân thị trấn và cảnh sát tiến tới bến cảng.

Lyra kể lại câu chuyện một cách rõ ràng nhất có thể.

“Nhưng ông ta đi đâu mất rồi?” Anh hỏi. “Không phải ông ta tính cứ để mặc bộ giáp trên nền đất thế chứ? Họ mà tới đây là sẽ lấy lại nó ngay!”

Lyra cũng sợ rằng họ sẽ làm vậy, vì từ phía góc đường, viên cảnh sát đầu tiên đã xuất hiện, rồi thêm nhiều cảnh sát nữa, theo sau đó là Sysselman, thầy tu và hai hay ba mươi người đến xem, cùng với John Faa và Farder Coram đang cố đuổi kịp.

Nhưng khi thấy nhóm người trên bãi đất cảng họ liền dừng lại, vì có một người khác đã xuất hiện. Đang ngồi trên đống giáp của con gấu với chân này vấp lên chân kia là dáng người chân tay dài lòng thòng của Lee Scoresby, trong tay ông là khẩu súng lục dài nhất mà Lyra từng thấy nó đang thản nhiên chĩa vào cái bụng tròn quay của Sysselman.

“Tôi thấy có vẻ các vị không chăm sóc bộ giáp của ông bạn tôi tốt lắm nhỉ,” ông thân mật nói. “Trời ạ, nhìn cái đống gỉ sét này! Kể cả có tìm thấy mấy con ngài trong đó tôi cũng không lấy gì làm ngạc nhiên đâu. Giờ thì các vị cứ thoải mái đứng nguyên tại chỗ đi, không ai được cử động cho tới khi con gấu mang chút chất bôi trơn đến. Hoặc tôi nghĩ tất cả các vị có thể về nhà đọc báo cũng được. Tùy các vị.”

“Ông ta kia rồi!” Tony nói, chỉ về phía một con dốc phía tít cuối bến cảng, nơi Iorek Byrnison đang trôi dần lên khỏi mặt nước, kéo theo một thứ gì đó tối màu. Khi đã lên tới bờ, nó giữ người khiến

những dải nước bọt chẳng bắn tung tóe, cho tới khi bộ lông dựng thẳng dậy dày dặn như cũ. Rồi nó cúi xuống ngoạm lấy vật thể màu đen và lôi tới chỗ bộ giáp. Đó là một con hải cẩu đã chết.

“Iorek,” người phi công khí cầu nói, uể oải đứng lên trong lúc vẫn giữ súng chĩa thẳng vào Sysselman. “Chào.”

Con gấu ngược lên nhìn rồi khẽ gầm gừ trước khi dùng một móng rạch toang con hải cẩu ra. Lyra ngậy người nhìn nó lột da con hải cẩu rồi giật đứt vài dải mỡ mà sau đó nó dùng để chà lên khắp bộ giáp của mình, cẩn thận luồn vào cả chỗ các tấm kim loại chồng lên nhau.

“Ông đi cùng mấy người này à?” Con gấu vừa làm vừa hỏi Lee Scoresby.

“Phải. Tôi đoán cả hai chúng ta cùng được thuê rồi nhỉ, Iorek.”

“Khí cầu của ông đâu rồi?” Lyra hỏi người đàn ông Texas.

“Đóng gọn trên hai xe kéo rồi,” ông đáp. “Sếp đến rồi kìa.”

John Faa và Farder Coram, cùng với Sysselman, bước xuống bến cùng bốn cảnh sát vũ trang.

“Gấu!” Sysselman nói bằng một giọng cao đến chói tai. “Tạm thời, người được phép khởi hành cùng với những người này. Nhưng để ta cho người hay, nếu còn dám xuất hiện trong phạm vi thị trấn một lần nữa, đừng trách bọn ta không nương tay.”

Iorek Byrnison chẳng buồn để ý mà cứ tiếp tục bôi mỡ hải cẩu lên khắp bộ giáp; sự chu đáo và cẩn thận mà nó dành cho công việc này khiến Lyra nghĩ đến sự tận tụy của chính bản thân đối với Pantalaimon. Đúng y như lời con gấu đã nói: bộ giáp là linh hồn của nó. Sysselman và đám cảnh sát rút lui, những người dân thị trấn khác cũng dần bỏ đi, dù một vài người vẫn nán lại quan sát.

John Faa đưa hai tay lên miệng gọi: “Du mục!”

Tất cả bọn họ đều đã sẵn sàng di chuyển. Họ đã nóng lòng được khởi hành kể từ khi vừa lên bờ; xe trượt tuyết đã được chất đống, chó

kéo đã được thắng cương.

John Faa nói: “Đến giờ xuất phát rồi, các bạn. Giờ chúng ta đã tề tựu đầy đủ, con đường phía trước đã trải sẵn. Scoresby, ông xếp đồ xong rồi chứ?”

“Sẵn sàng đi rồi, thưa Ngài Faa.”

“Còn ông, Iorek Byrnison?”

“Đợi tôi mặc giáp đã,” con gấu đáp.

Nó đã bôi trơn bộ giáp xong xuôi. Không muốn lãng phí đồng thít hải cẩu, nó dùng răng nhắc lấy cái xác rồi hất lên phía sau chiếc xe kéo lớn hơn của Lee Scoresby trước khi khoác bộ giáp lên người. Cái cách con gấu giải quyết bộ giáp nhẹ nhàng như chơi quả thực đáng kinh ngạc: những tấm kim loại có vài chỗ phải dày đến gần một tấc mà con gấu vung nó lên rồi khoác vào mình như thể đó là một tấm áo choàng lụa mỏng manh vậy. Công việc đó tốn chưa đầy một phút, và lần này thì không hề có tiếng kêu chói tai của gỉ sắt nữa.

Vậy là trong vòng chưa đầy nửa giờ đồng hồ, đoàn thám hiểm đã lên đường về phía bắc. Dưới bầu trời lấp lánh hàng triệu ngôi sao và ánh trăng tỏa sáng rực rỡ, những chiếc xe kéo lao rầm rầm vào các rãnh đường và đá sỏi cho tới khi họ tới được vùng tuyết mịn bên rìa thị trấn. Sau đó âm thanh chuyển thành tiếng lạo xạo khe khẽ của tuyết và tiếng cọt két của gỗ; lũ chó bắt đầu hăm hờ dẫn bước, chuyển động trở nên nhanh chóng và trôi chảy hơn.

Lyra, người quần dày cộp đằng sau xe kéo của Farder Coram đến mức chỉ hở mỗi đôi mắt, thì thầm với Pantalaimon:

“Cậu có thấy Iorek không?”

“Ông ấy đang đi bên cạnh xe kéo của Lee Scoresby,” con linh thú trong dạng chồn ermine trả lời, ngoái lại phía sau trong lúc đang bám lấy mũ trùm đầu trên áo lông chồn gulo của cô bé.

Phía trước họ, trên các rặng núi về phía bắc, những vòng cung mờ ảo của Bắc Cực Quang bắt đầu tỏa sáng và rung rinh. Cô bé nhìn

chúng qua đôi mắt mở hé, cảm thấy một cơn buồn ngủ râm ran trong nỗi hạnh phúc tột cùng vì được tiến về phía bắc dưới màn Cực Quang. Pantalaimon cố gắng cưỡng lại cơn buồn ngủ mạnh mẽ nhưng không thể, nó biến thành chuột rồi cuộn tròn người bên trong mũ trùm đầu của cô. Nó có thể kể với cô sau khi tỉnh dậy, mà đó có khi chỉ là một con chồn mactet, một giấc mơ, hay một loại thần linh địa phương vô hại nào đó; nhưng có thứ gì đấy đang theo đuôi đoàn xe kéo, nhẹ nhàng bay từ cảnh này sang cảnh khác trên những cây thông chụm sát lại nhau, và sinh vật đó khiến nó lo lắng nghĩ đến một con khi.

Cậu bé bị bắt cóc

Họ đi được vài tiếng đồng hồ thì dừng lại để ăn. Trong lúc những người khác nhóm lửa để rã tuyết lấy nước, Iorek Byrnison xem Lee Scoresby nướng thịt hải cẩu gần đó, John Faa nói với Lyra.

“Lyra, cháu có nhìn rõ được chiếc máy để đọc nó không?” Ông hỏi.

Mặt trăng đã lặn từ lâu. Ánh sáng từ Cực Quang sáng hơn ánh trăng nhưng lại không ổn định. Tuy nhiên, mắt của Lyra rất tinh. Cô bé lần trong bộ áo lông rồi lôi ra chiếc túi nhung đen.

“Có, cháu nhìn được ạ,” cô đáp. “Dù sao thì giờ cháu cũng đã biết vị trí hầu hết các biểu tượng rồi. Cháu nên hỏi nó điều gì, thưa Ngài Faa?”

“Ta muốn biết thêm về cách chúng phòng thủ pháo đài Bolvangar này,” ông nói.

Cô bé thậm chí chẳng cần suy nghĩ mà lập tức vặn kim chỉ về mũ sắt, con điều sự, và chiếc nồi nấu kim loại. Cô thấy trí óc mình tập trung vào những ý nghĩa đúng như một biểu đồ ba chiều phức tạp. Cái kim dài ngay lập tức quay tròn, giật ngược lại, lại quay tròn xa thêm một chút, giống như một chú ong đang múa thông điệp của mình cho cả đàn. Cô điềm tĩnh quan sát, hài lòng với việc không biết kết quả ngay mà hiểu rằng một ý nghĩa đang dần xuất hiện, và rồi mọi thứ bắt đầu rõ ràng dần. Cô cứ để nó nhảy múa cho tới khi đã chắc chắn.

“Giống như linh thú của cô phù thủy đã nói, Ngài Faa ạ. Có một toán người Tartar đang canh gác trạm, chúng chằng dây thép khắp xung quanh đó nữa. Chúng không thật sự nghĩ rằng mình sẽ bị tấn công, đó là điều chiếc máy đọc biểu tượng nói. Nhưng Ngài Faa...”

“Gì vậy, cô bé?”

“Nó còn nói cho cháu một chuyện khác nữa. Tại thung lũng sắp tới có một ngôi làng bên hồ, người dân ở đó đang bị một con ma quấy phá.”

John Faa nôn nóng lắc đầu và nói: “Chuyện đó không quan trọng vào lúc này. Trong những khu rừng này kiểu gì cũng có đủ loại linh hồn. Hỏi lại lần nữa về bọn Tartar đi. Như chúng có bao nhiêu tên chẳng hạn? Chúng được trang bị vũ khí gì?”

Lyra ngoan ngoãn hỏi rồi báo cáo lại câu trả lời:

“Có sáu mươi tên dùng súng trường, chúng còn có vài khẩu súng lớn hơn kiểu dạng như đại bác. Chúng có cả máy ném lửa nữa. Và... linh thú của chúng đều là sói, nó nói vậy ạ.”

Câu nói đó khiến đám người du mục lớn tuổi, những người đã từng tham gia chiến dịch, xôn xao cả lên.

“Các trung đoàn Sibirsk có linh thú sói,” một người lên tiếng.

John Faa nói: “Tôi chưa từng gặp đám nào dữ tợn hơn thế. Chúng ta sẽ phải chiến đấu như những con mãnh hổ. Phải tham khảo ý kiến con gấu; ông ta là một chiến binh khôn ngoan đó.”

Lyra sốt ruột nói: “Nhưng Ngài Faa, con ma này - cháu nghĩ nó là hồn ma của một trong số những đứa trẻ!”

“Chà, kể cả nó có là vậy, Lyra ạ, ta cũng không biết liệu ai có thể làm gì về điều đó được không. Sáu mươi xạ thủ súng trường Sibirsk, và máy ném lửa... Ông Scoresby, ông có thể tới đây một chút được không?”

Trong lúc ông phi công tới chỗ chiếc xe kéo, Lyra lùi đi nói chuyện với con gấu.

“Iorek, ông đã từng đi đường này bao giờ chưa?”

“Một lần,” nó trả lời bằng giọng trầm đều đều.

“Gần đây có một ngôi làng đúng không?”

“Bên kia ngọn núi,” nó nói rồi nhìn lên qua những thân cây thưa thớt.

“Có xa không?”

“Vớ với tôi hay vớ với cô?”

“Vớ với tôi,” cô đáp.

“Quá xa. Vớ với tôi thì chẳng xa chút nào.”

“Vậy ông mất bao lâu để tới đó?”

“Trước lần trăng mọc tiếp theo, tôi có thể đến và về ba lần.”

“Nghe này, Iorek, bởi vì: tôi có một chiếc máy đọc biểu tượng có thể nói cho tôi biết nhiều chuyện, và nó nói rằng có một việc quan trọng tôi cần phải làm tại ngôi làng đó, nhưng Ngài Faa không để tôi đi. Ông ấy chỉ muốn tiến lên thật nhanh, và tôi cũng biết rằng điều đó quan trọng. Nhưng nếu tôi không đi tìm hiểu xem nó là cái gì, chúng ta có thể sẽ không biết được Những Kẻ háu ăn đang thực sự làm gì.”

Con gấu không nói gì cả. Nó đang ngồi thẳng lưng như người, đôi tay không lơ khoanh lại trong lòng, đôi mắt sẫm màu của nó nhìn vào mắt cô bé đang đứng dưới mõm mình. Nó biết cô bé muốn điều gì đó.

Pantalaimon lên tiếng: “Ông có thể đưa chúng tôi tới ngôi làng rồi sau đó đuổi theo đoàn xe kéo được không?”

“Được. Nhưng ta đã hứa với Ngài Faa là sẽ tuân lệnh ông ấy chứ không phải bất kì ai khác.”

“Nếu tôi xin phép được ông ấy thì sao?” Lyra hỏi.

“Thì không vấn đề gì.”

Cô bé quay người rồi chạy trở lại trên nền tuyết.

“Ngài Faa! Nếu Iorek Byrnison đưa cháu qua đỉnh núi tới ngôi làng, chúng cháu có thể tìm ra đó là gì, sau đó sẽ đuổi theo đoàn xe kéo. Ông ấy biết đường,” cô bé cố gắng thuyết phục. “Cháu đáng ra đã không yêu cầu việc này, chỉ vì nó giống với một việc cháu đã từng làm, Farder Coram, ông có nhớ vụ với con tắc kè hoa không? Lúc đó cháu đã không hiểu ý nghĩa của nó, nhưng đó là sự thật, và không lâu sau chúng ta đã tìm ra. Hiện giờ cháu cũng đang có cảm giác như vậy. Cháu không thể hiểu rõ nó nói gì, cháu chỉ biết rằng việc này rất quan trọng, Iorek Byrnison biết đường, ông ấy nói có thể đến đó và trở lại ba lần vào lần trăng mọc tiếp theo, mà ở cạnh ông ấy thì an toàn nhất rồi, đúng không ạ? Nhưng ông ấy không chịu đi nếu không có sự cho phép của Ngài Faa.”

Tất cả im lặng. Farder Coram thở dài. John Faa cau mày, môi mím chặt lại trong chiếc mũ trùm lông.

Nhưng trước khi ông kịp lên tiếng, người phi công khí cầu đã thêm vào:

“Ngài Faa, nếu Iorek Byrnison mang cô bé đi, cô bé sẽ được an toàn như khi ở đây với chúng ta. Toàn bộ loài gấu đều rất trung thành. Tôi đã quen biết Iorek hàng năm trời, và không gì dưới bầu trời này có thể khiến ông ta nuốt lời. Giao cho ông ta nhiệm vụ chăm sóc cô bé và ông ta sẽ làm thế, tôi chắc chắn. Còn về tốc độ, ông ta có thể phóng đi hàng giờ liền mà không thấy mệt.”

“Nhưng sao không để vài người đàn ông khác đi?” John Faa hỏi.

“Thì họ sẽ phải đi bộ,” Lyra chỉ ra, “vì chúng ta đâu thể chạy xe kéo qua đỉnh núi được. Iorek Byrnison có thể đi nhanh hơn bất cứ ai trên địa hình đó, còn cháu thì đủ nhẹ để không làm giảm tốc độ của ông ấy. Cháu hứa đấy, Ngài Faa, cháu hứa sẽ không ở lâu hơn cần thiết, và không để lộ bất cứ thông tin gì về chúng ta, hay rơi vào bất cứ nguy hiểm nào.”

“Cháu chắc chắn cần phải làm việc này sao? Cái máy đọc biểu tượng không đánh lừa cháu đấy chứ?”

“Không bao giờ, Ngài Faa ạ, mà cháu cũng không nghĩ nó có thể làm thế.”

John Faa xoa cằm.

“Chà, nếu mọi việc ổn thoả, chúng ta sẽ có thêm một chút kiến thức so với bây giờ. Iorek Byrnison,” ông gọi, “ông có muốn làm theo lời cô bé này không?”

“Tôi nghe theo lệnh của ông, Ngài Faa. Cứ bảo tôi đưa đứa trẻ đến đó, và tôi sẽ làm theo.”

“Tôi hiểu rồi. Ông sẽ đưa cô bé đến nơi nó muốn đi và làm theo điều nó bảo. Lyra, giờ ta sẽ ra lệnh cho *cháu*, cháu hiểu chứ?”

“Vâng, thưa Ngài Faa.”

“Cháu đi tìm hiểu điều đó, và khi tìm ra rồi phải lập tức quay trở lại. Iorek Byrnison, vào lúc đó chúng tôi đã lên đường rồi, nên ông sẽ phải đuổi theo đoàn.”

Con gấu gật cái đầu đồ sộ của mình.

“Có lính tráng gì trong làng không?” Con gấu hỏi Lyra. “Tôi có cần giáp không? Chúng ta sẽ đi nhanh hơn nếu không có nó.”

“Không,” cô bé đáp. “Tôi chắc chắn điều đó, Iorek ạ. Cảm ơn Ngài Faa, cháu xin hứa sẽ làm đúng theo lời ông.”

Tony Costa đưa cho cô bé một miếng thịt hải cẩu phơi khô để nhai. Cùng với Pantalaimon dưới dạng chuột trong mũ trùm, Lyra leo lên lưng con gấu khổng lồ, tóm chặt lấy bộ lông bằng đôi tay đeo găng và kẹp hai đầu gối vào tấm lưng hẹp nhưng cuộn cuộn cơ bắp của nó. Bộ lông của nó dày đến đáng kinh ngạc. Cảm giác về một sức mạnh vô hạn từ con gấu khiến cô choáng ngợp, như thể cô chẳng hề nặng chút nào vậy. Nó quay người lao đi thành từng sải dài về phía đỉnh núi và vào trong rặng cây thấp.

Phải mất một lúc cô bé mới quen với cử động của con gấu, đến lúc đó cô cảm thấy một sự hứng khởi tột độ. Cô đang cưỡi một con gấu! Cực Quang đang đung đưa trên đầu họ thành những dải hình

cung và tròn lấp lánh vàng. Bốn bề xung quanh là cái lạnh cắt da cắt thịt của vùng cực và sự tĩnh mịch mênh mang của Phương Bắc.

Bàn chân của Iorek Byrnison gần như không tạo ra tiếng động nào khi di chuyển trên tuyết. Cây cối ở đây rất thưa thớt và còi cọc, vì chúng nằm trên vùng rìa của lãnh nguyên, nhưng trên đường đi cũng có những bụi mâm xôi và bụi gai. Con gấu đâm xuyên qua chúng như thể chúng chỉ là đám mạng nhện vậy.

Họ trèo lên đỉnh núi thấp, giữa những lớp đá đen trời lên xung quanh. Chẳng mấy chốc đoàn người phía sau đã khuất khỏi tầm mắt. Lyra muốn nói chuyện với con gấu, nếu nó là con người thì cô bé hẳn đã trở nên thân thiết với nó lắm rồi; nhưng con gấu thật kì lạ, hoang dã và lạnh lùng đến mức khiến cô gần như là lần đầu tiên trong cuộc đời cảm thấy ngượng ngùng. Vậy là trong lúc nó phóng đi, hai đôi chân đồ sộ hoạt động không mệt mỏi, cô bé ngồi đu đưa theo từng chuyển động và không nói gì. Có lẽ nó thích như thế hơn, cô bé nghĩ; chắc hẳn trông cô chẳng khác gì một con gấu con ngờ ngạc chỉ vừa qua khỏi tuổi sơ sinh trong mắt một con gấu mặc giáp.

Trước đây cô rất hiếm khi suy xét về bản thân, cô thấy trải nghiệm này thú vị nhưng cũng khá là không thoải mái; thật ra nó rất giống với việc cưỡi trên lưng một con gấu. Iorek Byrnison đang phi nhanh, cùng một lúc di chuyển cả hai chân ở cùng một phía của cơ thể, người lắc lư từ bên này sang bên kia trong một nhịp điệu đều đặn và mạnh mẽ. Cô bé nhận ra mình không thể chỉ ngồi không được: cô phải cưỡi một cách chủ động.

Họ đã đi được một giờ hoặc hơn thế, cả người Lyra cứng đờ và đau nhức. Cô thấy hạnh phúc vô cùng khi Iorek Byrnison giảm tốc rồi dừng lại.

“Nhìn lên kia kìa,” nó nói.

Lyra ngược lên nhìn nhưng lại phải dùng má trong của cổ tay quẹt mắt đi vì cô đang bị lạnh đến nỗi nước mắt đã làm mờ tầm nhìn. Khi có thể nhìn rõ, cô bé há hốc mồm trước cảnh tượng trên bầu trời.

Vầng Cực Quang đã nhòa thành một dải sáng vàng lơ mờ rung rinh, nhưng những ngôi sao lại sáng rõ như những viên kim cương. Ngang qua mái vòm tối thẫm rải kim cương vĩ đại, hàng trăm hàng nghìn bóng hình màu đen nhỏ xíu đang bay ra từ phía đông và nam, hướng về phía bắc.

“Chúng là chim à?” Cô hỏi.

“Phù thủy đấy,” con gấu đáp.

“Phù thủy! Họ đang làm gì vậy?”

“Bay đi tham chiến, có lẽ vậy. Tôi chưa từng thấy cùng một lúc nhiều phù thủy thế này.”

“Ông có quen phù thủy nào không, Iorek?”

“Tôi đã phục vụ vài người. Và chiến đấu với vài người nữa. Cảnh tượng này sẽ khiến Ngài Faa phải kinh hãi. Nếu họ đang bay tới trợ giúp cho kẻ thù của các cô, tất cả các cô đều nên e sợ.”

“Ngài Faa sẽ không sợ đâu. Ông không sợ đúng không?”

“Chưa. Đến lúc đó ta sẽ làm chủ nỗi sợ. Nhưng chúng ta nên nói với Ngài Faa về các phù thủy, vì đám đàn ông có thể đã không nhìn thấy họ.”

Con gấu tiến tới chậm hơn, còn cô bé tiếp tục nhìn bầu trời cho tới khi đôi mắt cô lại nhòa đi vì nước mắt do cái lạnh tạo nên. Đoàn phù thủy đang bay về hướng bắc dường như kéo dài vô tận.

Cuối cùng Iorek Byrnison cũng dừng lại và nói: “Ngôi làng kia rồi.”

Họ đang nhìn xuống một con dốc gỗ ghề mấp mô hướng tới một cụm những tòa nhà bằng gỗ bên cạnh khoảng tuyết rộng phẳng lì, phẳng đến mức Lyra cho rằng đó là một cái hồ đóng băng. Một cầu tàu bằng gỗ cho thấy rằng cô đã đoán đúng. Họ đang ở cách địa điểm đó không quá năm phút đường.

“Cô muốn làm gì?” Con gấu hỏi.

Lyra tuột khỏi lưng nó và thấy mình đứng không vững. Mặt cô cứng lại vì lạnh còn đôi chân thì đang run lẩy bẩy, cô liền bám vào bộ lông của con gấu rồi giậm chân cho tới khi cảm thấy khỏe lên.

“Có một đứa trẻ, một con ma hay một thứ gì đấy bên dưới ngôi làng đó,” cô đáp, “hoặc có thể là ở gần đó, tôi không chắc lắm. Tôi muốn đi tìm nó và dẫn nó về cho Ngài Faa và những người khác nếu có thể. Tôi nghĩ nó là một con ma, nhưng chiếc máy đọc biểu tượng có thể đã nói cho tôi một điều mà tôi không hiểu được.”

“Nếu nó ở bên ngoài,” con gấu nói, “nó nên có chỗ nào đó trú.”

“Tôi không nghĩ nó đã chết...” Lyra nói nhưng không hề dám chắc về điều đó. Chiếc Chân Kế đã biểu lộ một thứ gì đó kì lạ và trái tự nhiên, điều đó khiến cô hoảng sợ; nhưng cô là ai chứ? Là con gái của Ngài Asriel. Còn ai ở dưới quyền của cô? Một con gấu hùng mạnh. Sao cô có thể để lộ nỗi sợ của mình được?

“Chúng ta đi xem thôi,” cô nói.

Cô bé trèo lại lên lưng gấu, và nó bắt đầu đi xuống con dốc gập ghềnh, lần này không chạy nữa mà chỉ bước đi một cách đều đặn. Lũ chó của làng đánh hơi được hoặc nghe thấy hay cảm nhận rằng họ đang đến, liền tru lên hoảng sợ; đám tuần lộc trong khu đất bị rào bồn chồn đi qua đi lại, những bộ sừng va vào nhau chan chát như củi khô. Trong không khí tĩnh lặng, mọi cử động có thể được nghe thấy từ khoảng cách xa.

Khi họ tới được căn nhà đầu tiên, Lyra nhìn trái nhìn phải, chăm chú nhòm vào ánh sáng lờ mờ vì Cực Quang đã tan dần và trăng thì còn lâu mới mọc. Đây đó le lói một nguồn sáng lập loè dưới mái nhà phủ dày tuyết. Lyra nghĩ cô đã thấy những khuôn mặt nhợt nhạt đằng sau vài khung cửa sổ, và tưởng tượng ra sự kinh ngạc của họ khi thấy một đứa trẻ cười trên con gấu trắng vĩ đại.

Ở trung tâm của ngôi làng nhỏ có một khoảng không gian mở bên cạnh cầu tàu, nơi tàu bè đã được kéo lên thành từng đống dưới tuyết. Lũ chó đang sủa inh ỏi. Khi Lyra vừa nghĩ rằng tiếng ồn hẳn đã đánh

thức cả làng thì một cánh cửa bật mở, một người đàn ông bước ra với khẩu súng trường trên tay. Con linh thú chồn gulo của ông ta nhảy lên đồng củi bên cạnh cửa khiến tuyết bắn tung tóe.

Lyra lập tức tuột xuống rồi đứng giữa ông ta và Iorek Byrnison, ý thức được rằng chính cô đã nói với con gấu là không cần dùng đến bộ giáp.

Người đàn ông nói những từ mà cô không hiểu. Iorek Byrnison trả lời lại bằng cùng một thứ ngôn ngữ, và ông ta rên lên sợ sệt.

“Ông ta nghĩ chúng ta là ma quỷ,” Iorek nói với Lyra. “Tôi nên nói gì đây?”

“Nói với ông ta chúng ta không phải ma quỷ, nhưng chúng ta có bạn như vậy. Và chúng ta đang tìm kiếm... Chỉ là một đứa trẻ thôi. Một đứa trẻ kì lạ. Nói với ông ta như vậy.”

Ngay khi con gấu vừa nói vậy, người đàn ông liền chỉ về bên phải, ám chỉ một nơi cách xa chỗ đó, và nói vội vàng.

Iorek Byrnison dịch lại: “Ông ta hỏi có phải chúng ta tới đưa đứa trẻ đi không. Họ sợ nó. Họ đã cố đuổi nó đi, nhưng nó cứ liên tục quay lại.”

“Nói với ông ta chúng ta sẽ đưa nó đi cùng, nhưng họ thật xấu vì đã đối xử với nó như thế. Nó ở đâu?”

Người đàn ông giải thích, hoảng hốt khoa tay múa chân. Lyra cứ sợ ông ta sẽ lỡ tay bóp cò, nhưng khi vừa nói xong ông liền vội vàng chạy vào trong nhà rồi đóng cửa lại. Lyra có thể thấy những gương mặt hiện lên trên mọi ô cửa sổ.

“Đứa trẻ ở đâu?” Cô bé hỏi.

“Trong nhà chứa cá,” con gấu nói với cô rồi quay người bước xuống phía cầu tàu.

Lyra đi theo. Cô đang căng thẳng tột độ. Con gấu tiến đến một cái lán gỗ hẹp, ghéech đầu lên hít hà đủ hướng, rồi khi họ tới trước cửa, nó dừng lại và nói: “Trong đó.”

Tim Lyra đập nhanh đến mức cô gần như không thể thở nổi. Cô bé đưa tay lên gõ cửa và rồi, cảm thấy việc đó thật nực cười, liền lấy một hơi thật dài để gọi, nhưng lại nhận ra mình chẳng biết phải nói gì.Ồ, trời đã tối mất rồi! Đáng ra cô nên mang theo đèn lồng...

Chẳng còn cách nào khác, mà cô cũng không muốn con gấu thấy mình đang sợ hãi. Nó đã nói về việc làm chủ nỗi sợ; đó là thứ cô sẽ phải làm. Cô nhắc chiếc đai da tuần lộc giữ then cửa lên rồi giật mạnh để làm bung lớp băng kết dính giữa khe cửa. Cánh cửa bật tung ra. Cô phải đập đồng tuyết chất dày dưới chân cửa sang một bên mới có thể kéo rộng nó ra được, mà Pantalaimon thì chẳng phụ được gì, chỉ chạy tới chạy lui trong hình dạng chồn ermine, một cái bóng trắng trên nền đất trắng xoá, khẽ phát ra những tiếng kêu hoảng hốt.

“Pan, vì Chúa!” Cô thốt lên. “Biến thành dơi đi. Vào trong *xem xét* cho tớ...”

Nhưng Pantalaimon không làm thế, mà cũng chẳng nói chẳng rằng. Cô chưa từng thấy nó như thế bao giờ trừ một lần, khi cô và Roger xuống dưới hầm mộ ở Jordan và tráo những đồng xu linh thú vào các hộp sọ vốn không phải của chúng. Pantalaimon còn hoảng sợ hơn cả cô nữa. Về phần Iorek Byrnison, nó đang nằm dưới tuyết, quan sát trong im lặng.

“Ra đi,” Lyra cố gắng nói bằng giọng to nhất mà cô dám phát ra. “Ra đi!” Chẳng có âm thanh nào đáp lại. Cô bé vừa kéo cửa rộng ra một chút nữa thì Pantalaimon nhảy vọt lên vòng tay cô, đẩy lấy đẩy để vào người cô trong dạng mèo và nói: “Đi thôi! Đừng ở lại đây! Ôi, Lyra, đi ngay thôi! Quay lại đi!”

Trong lúc đang cố giữ im con linh thú, cô bé nhận thấy Iorek Byrnison vừa đứng dậy và quay lại nhìn một bóng người đang vội vã lao xuống con đường từ làng, mang theo một chiếc đèn lồng. Khi đã tới đủ gần để nói, ông giơ chiếc đèn lên và giữ để nó chiếu sáng lên khuôn mặt mình: đó là một ông già với bản mặt to và nhăn nheo, đôi

mắt gần như mất hút trong hàng nghìn nếp nhăn. Linh thú của ông là một con cáo Bắc Cực.

Ông nói, rồi Iorek Byrnison thuật lại:

“Ông ta nói rằng đó không phải là đứa trẻ duy nhất thuộc dạng này. Ông ta đã thấy những đứa khác trong rừng. Có lúc chúng chết đi rất nhanh, nhưng có khi lại không chết. Đứa này rất khó nhăn, ông nghĩ vậy. Nhưng sẽ tốt hơn cho nó nếu nó chết.”

“Hỏi ông ta xem liệu tôi có thể mượn đèn lồng của ông ta không,” Lyra nói.

Con gấu vừa nói là người đàn ông lập tức đưa cái đèn cho cô, đầu gật lia lịa. Cô nhận ra rằng ông ta đến để mang nó cho cô nên đã cảm ơn ông. Ông già gật đầu một cái nữa rồi đứng lùi lại, tránh xa cô bé và cái lán, tránh xa cả con gấu.

Lyra đột nhiên nghĩ: nếu đứa trẻ là Roger thì sao? Nghĩ vậy, cô liền tập trung hết tinh thần và cầu nguyện rằng sẽ không phải như vậy. Pantalaimon, đã hóa lại thành chồn ermine, đang bám chặt lấy cô, những cái móng nhỏ xíu của nó cắm sâu vào lớp áo choàng.

Cô bé nâng chiếc đèn lên cao rồi bước vào trong lán. Cô liền thấy việc mà Ủy ban Hiến tế đang làm, và bản chất của việc hiến tế trẻ con sẽ dẫn đến điều gì.

Thằng bé đang rúc vào cái giá phơi bằng gỗ treo hàng dải cá đã được rút ruột, tất cả đều cứng đờ như đá. Nó đang ôm ghì vào người một miếng cá như Lyra đang ôm lấy Pantalaimon, bằng hai tay, thật chặt, vào tim mình; nhưng đó là tất cả những gì mà nó có, một miếng cá khô; vì thằng bé không hề có linh thú. Những Kẻ háu ăn đã cắt nó. Đó là *phẫu thuật cắt đứt*, còn đây là một đứa trẻ bị cắt.

13

Kiểm thuật

Tôi thúc đầu tiên của cô bé là quay đầu chạy hoặc nôn mửa. Một con người không có linh thú cũng giống như một kẻ không có mặt, hay lồng ngực bị mở banh ra và tim bị moi: một thứ trái tự nhiên và kì quái chỉ thuộc về thế giới của những con quỷ gieo ác mộng, không phải là thế giới tri giác của người còn sống.

Vậy là Lyra ôm ghì lấy Pantalaimon, đầu óc choáng váng còn bao tử chộn rộn cả lên. Dù trời đêm buốt cóng, một thứ mồ hôi khó chịu vẫn túa ra ướt da cô, người lạnh toát.

“Ratter,” thằng bé cất tiếng. “Cậu có Ratter của tôi không?”

Lyra biết rõ ý nó muốn nói đến cái gì.

“Không,” cô bé nói bằng một giọng mỏng manh và sợ sệt đúng như cảm giác của cô lúc này. Rồi: “Tên cậu là gì?”

“Tony Makarios,” nó đáp. “Ratter đâu rồi?”

“Tôi không biết...” Cô bắt đầu nói, nuốt mạnh một cái để nén xuống cơn buồn nôn. “Những Kẻ háu ăn...” Nhưng cô đã không thể nói hết câu. Cô phải ra khỏi cái lán và ngồi xuống một mình dưới tuyết, nhưng hẳn nhiên là cô không chỉ có một mình, chưa từng một mình, vì Pantalaimon vẫn luôn ở đó. Chao ôi, thử tưởng tượng cô bị cắt khỏi nó giống như cậu bé kia bị chia rời khỏi Ratter của cậu ta mà xem! Đó hẳn là điều tồi tệ nhất trên thế giới! Cô thấy mình khóc nức

nở, Pantalaimon cũng đang thút thít, trong lòng cả hai đứa dâng lên nỗi cảm thương và đau xót vô bờ đối với thằng bé bị chia nửa.

Sau đó cô lại đứng dậy.

“Thôi nào,” cô gọi bằng giọng run rẩy. “Tony ra đi. Chúng tôi sẽ đưa cậu đến chỗ an toàn.”

Có tiếng di chuyển trong căn nhà chứa cá, rồi cậu bé xuất hiện ở ngưỡng cửa, vẫn đang cầm chắc con cá khô. Nó đang mặc quần áo đủ ấm, một chiếc áo choàng có mũ trùm bằng lụa than được độn và chần dày cùng với ủng lông, nhưng trông chúng có vẻ là đồ dùng thừa và không vừa vặn cho lắm. Trong vùng sáng rộng hơn ở bên ngoài tới từ những vệt mờ ảo của Cực Quang và mặt đất phủ tuyết, trông thằng bé còn hoang mang và đáng thương hơn cả lúc đầu, khi nó co người trong ánh đèn lồng bên giá phơi cá.

Người dân làng đã mang đèn đến lùi lại vài mét rồi gọi với xuống chỗ họ.

Iorek Byrnison dịch lại: “Ông ta nói cô phải trả tiền cho con cá đó.”

Lyra cảm thấy muốn bảo con gấu giết ông ta đi, nhưng cô lại nói: “Chúng ta sẽ đưa đứa trẻ đi giùm họ. Họ có thể chịu mất một con cá để trả công cho việc đó được chứ.”

Con gấu nói lại. Người đàn ông lăm bằm gì đó nhưng không cãi lại. Lyra đặt đèn lồng xuống tuyết rồi cầm lấy bàn tay thằng bé bị cắt nửa để dẫn nó tới bên con gấu. Nó bắt lực đi tới, chẳng hề tỏ ra ngạc nhiên hay sợ sệt gì trước con vật vĩ đại màu trắng đang đứng rất gần đó, rồi khi Lyra đỡ nó lên ngồi trên lưng Iorek, tất cả những gì nó nói là:

“Tôi không biết Ratter của tôi đâu mất rồi.”

“Chúng tôi cũng không biết, Tony ạ,” cô nói. “Nhưng chúng tôi... Chúng tôi sẽ trừng trị Những Kẻ háu ăn. Chúng tôi sẽ làm vậy, hứa đấy. Iorek, tôi cũng lên đó ngồi không sao chứ?”

“Bộ giáp của tôi nặng hơn mấy đũa nhóc nhiều,” nó đáp.

Vậy là cô bé trèo lên đằng sau Tony, bắt nó bám chắc vào bộ lông dài và cứng của con gấu. Pantalaimon ngồi trong mũ trùm của cô, ấm áp, gần gũi và đầy lòng trắc ẩn. Lyra biết rằng Pantalaimon muốn được với tới ôm lấy đũa trẻ bị cắt nửa, được liếm láp vuốt ve và sưởi ấm cho cậu bé như chính linh thú của nó sẽ làm; nhưng hẳn nhiên là điều cấm kị to lớn ngăn cản việc đó.

Họ băng qua làng rồi hướng về phía đỉnh núi. Gương mặt dân làng lộ rõ vẻ kinh hãi xen lẫn nhẹ nhõm khi thấy sinh vật bị cắt xén một cách ghê rợn được một bé gái và con gấu trắng lớn đưa đi.

Trong trái tim Lyra, nỗi ghê sợ vật lộn với lòng trắc ẩn, và lòng trắc ẩn đã thắng. Cô bé quàng tay quanh dáng người nhỏ bé gầy còm để giữ cho thằng bé an toàn. Chặng đường quay trở về với đoàn chính lạnh lẽo hơn, khó khăn hơn, và tối tăm hơn, nhưng vì tất cả những điều đó, dường như nó lại trôi qua nhanh chóng hơn. Iorek Byrnison không hề mệt mỏi, còn Lyra thì đã cười được một cách chủ động, nên cô không bao giờ có nguy cơ bị ngã khỏi lưng gấu. Cơ thể lạnh lẽo trong vòng tay cô nhẹ đến mức về một mặt nào đó nó khá dễ dàng để coi sóc, nhưng thằng bé cứ đơ người ra; nó ngồi không nhúc nhích trong khi con gấu di chuyển, nên mặt khác việc này lại khá khó khăn.

Thình thoảng thằng bé bị cắt nửa lại lên tiếng.

“Cậu nói gì cơ?” Lyra hỏi lại.

“Tôi hỏi là liệu nó có biết tôi ở đâu không?”

“Có chứ, nó sẽ biết, nó sẽ tìm được cậu và chúng ta sẽ tìm được nó. Bám chặt vào nào, Tony. Sắp đến rồi...”

Con gấu chồm lên phía trước. Lyra không hề biết mình đã mệt đến thế nào cho tới khi họ bắt kịp với đoàn du mục. Đoàn xe kéo vừa dừng lại để cho lũ chó giải lao, và đột nhiên tất cả bọn họ đều ở đó, Farder Coram, John Faa, Lee Scoresby, tất cả đều lao tới giúp và rồi im bật đi khi thấy dáng người đi cùng Lyra. Người cô bé cứng đến

mức cô thậm chí còn không thể nói lỏng vòng tay quanh người thẳng bé. John Faa đã phải nhẹ nhàng gỡ chúng ra rồi nhắc cô xuống.

“Chúa ơi, gì thế này?” Ông thốt lên. “Lyra, cháu yêu, cháu đã tìm thấy gì thế này?”

“Tên cậu bé là Tony,” cô lẩm nhẩm qua đôi môi lạnh cóng. “Chúng đã tách rời linh thú của cậu ấy. Đó là việc Những Kẻ háu ăn đang làm.”

Những người đàn ông sững lại vì sợ hãi; nhưng trước sự kinh ngạc rệu rã của Lyra, con gấu lên tiếng quở trách họ.

“Thật đáng xấu hổ cho các người! Hãy nghĩ xem đứa trẻ này đã làm gì! Các người có thể không can đảm được như cô bé, nhưng cũng phải biết xấu hổ để đừng tỏ ra kém cỏi hơn chứ.”

“Ông nói đúng, Iorek Byrnison ạ,” John Faa nói rồi quay lại ra lệnh. “Nhóm lửa lên rồi hâm chút súp cho đứa nhỏ đi. Cho cả hai đứa bé. Farder Coram, lều của ông đã được dựng chưa?”

“Rồi, John ạ. Đưa cô bé đến và sưởi ấm cho nó đi...”

“Còn cậu bé,” một ai đó khác lên tiếng. “Nó có thể ăn và sưởi ấm, cho dù...”

Lyra đã định nói với John Faa về các phù thủy, nhưng họ đều quá bận rộn còn cô bé thì đã mệt bã người. Sau vài phút bị rối loạn bởi nào là ánh đèn lồng, khói củi, các bóng người vội vã đi tới đi lui, cô cảm thấy hàm răng chồn ermine của Pantalaimon đang cắn nhẹ lên tai mình. Cô bừng tỉnh và thấy khuôn mặt con gấu chỉ cách mặt mình vài phân.

“Đám phù thủy,” Pantalaimon thì thào. “Tớ đã gọi Iorek đấy.”

“Ồ phải rồi,” cô lẩm nhẩm. “Iorek, cảm ơn ông đã đưa tôi đến đó và quay lại. Tôi có thể sẽ không nhớ để nói với Ngài Faa về các phù thủy ông nên làm việc đó thay cho tôi nhé.”

Cô bé nghe thấy con gấu đồng ý rồi sau đó cô ngủ thiếp đi ngon lành.

Khi Lyra tỉnh dậy, trời đã gần sáng hẳn. Bầu trời phía đông nam mang một màu xanh nhạt, còn không khí thì ướt đẫm sương sớm. Đoàn dân du mục di chuyển qua màn sương như những bóng ma kèn càng với các xe trượt chất ngất đồ và những chú chó được thả cương.

Cô bé đang nằm dưới một đồng áo lông thú và nhìn ra quang cảnh bên ngoài từ trong chiếc lều trên xe kéo của Farder Coram. Pantalaimon đã tỉnh dậy trước cả cô, nó đang thử biến thành một con cáo Bắc Cực trước khi trở lại hình dạng chồn ermine ưa thích.

Iorek Byrnison đang say ngủ trên nền tuyết gần đó, đầu tựa lên đôi chân đồ sộ. Farder Coram đã dậy và đang rất bận rộn, khi vừa thấy Pantalaimon xuất hiện, ông liền tập tễnh đi tới đánh thức Lyra dậy.

Cô bé nhìn thấy ông tới liền ngồi dậy để nói.

“Farder Coram, cháu đã biết điều mà lần trước cháu không lí giải nổi rồi! Chân Kế cứ liên tục nhắc đến *chim* và *không*, và điều đó thật vô nghĩa, vì nó có nghĩa là *không có linh thú* mà cháu thì cho rằng chuyện đó không thể xảy ra... Có chuyện gì vậy ạ?”

“Lyra, ta sợ phải nói với cháu điều này sau những gì cháu đã làm, nhưng cậu bé đó đã chết một giờ trước rồi. Nó không thể giữ bình tĩnh, không ngồi yên được một chỗ; thằng bé liên tục hỏi về linh thú của mình, nó ở đâu, nó có đến sớm không, vân vân; và thằng bé cứ giữ khư khư lấy miếng cá trư trụi cũ rích ấy như thế... Ôi, ta không thể nói về chuyện này nữa, cháu gái ạ; nhưng cậu bé cuối cùng đã nhắm mắt lại và nằm im, đó là lần đầu tiên trông nó yên bình, vì lúc đó trông nó không khác gì những người đã mất khác, những người có linh thú biến mất thuận theo tự nhiên. Mọi người đã cố gắng đào một huyệt mộ cho cậu bé, nhưng mặt đất rắn như đá vậy. Vậy nên John Faa đã ra lệnh nhóm lửa, họ sẽ hỏa táng cậu bé, như vậy nó sẽ không bị động vật ăn xác thối cuỗm đi mất.

“Cô bé, cháu đã làm một việc dũng cảm và tuyệt vời, ta rất tự hào về cháu. Giờ chúng ta đã biết những kẻ đó có thể làm những việc độc ác tồi tệ nào, chúng ta có thể thấy nghĩa vụ của mình rõ ràng hơn bao

giờ hết. Việc cháu cần phải làm là nghỉ ngơi và ăn uống, vì tối qua cháu ngủ sớm quá nên chưa kịp ăn, nhất là vào nhiệt độ như thế này, cháu cần ăn để giữ sức...”

Ông đang làm việc không ngơi tay, nào là nhét lông vào đúng chỗ, buộc chặt lại sợi dây chằng ngang thân xe kéo, rồi lại dùng tay vuốt dây cương cho khỏi rối.

“Farder Coram, giờ cậu bé đang ở đâu ạ? Họ đã hỏa táng cậu ấy chưa?”

“Chưa, Lyra ạ, cậu bé đang nằm ở đằng sau kia kìa.”

“Cháu muốn đi gặp cậu ấy.”

Ông không nỡ từ chối cô bé, vì cô đã nhìn thấy thứ còn tồi tệ hơn một cái xác chết, mà có khi làm vậy lại khiến cô bình tĩnh hơn. Vậy là cùng với Pantalaimon trong dạng thỏ rừng trắng thanh thoát nhảy bên cạnh, cô bé lê bước dọc theo hàng xe kéo tới nơi vài người đang chất gỗ từ các bụi cây.

Thi thể cậu bé nằm dưới một tấm chăn kẻ caro bên cạnh lối đi. Cô quỳ xuống nhắc tấm chăn lên bằng đôi tay đi găng. Một người định ngăn cô lại, nhưng những người khác lắc đầu.

Pantalaimon rón rén tới sát khi Lyra nhìn xuống gương mặt tội nghiệp. Cô bé tháo tay ra khỏi găng và chạm vào đôi mắt cậu, chúng lạnh như đá. Farder Coram nói đúng, Tony Makarios nhỏ bé tội nghiệp chẳng khác gì những người bình thường bị chia rời khỏi linh thú do cái chết. Ôi, thử tưởng tượng nếu ai đó cướp Pantalaimon đi khỏi cô mà xem! Cô bế Pantalaimon lên và ôm nó như thể muốn ấn nó vào thẳng trái tim mình. Vậy mà cậu bé Tony lại chỉ có miếng cá nhỏ xíu của mình...

Nó đâu rồi?

Cô kéo cái chăn xuống. Mất rồi.

Ngay lập tức cô bé đứng dậy, đôi mắt lóe lên giận dữ với những người đàn ông đứng cạnh đó.

“Con cá của cậu ấy đâu rồi?”

Họ dừng lại, bối rối, không rõ ý cô là gì; mặc dù vài con linh thú của họ thì hiểu chuyện, bèn quay ra nhìn nhau. Một trong số những người đàn ông bắt đầu nhoẻn miệng cười vẻ không chắc chắn.

“Đừng có *cười*! Tôi sẽ xé xác anh ra nếu anh dám cười cậu ấy! Đó là tất cả những gì cậu ấy có để bầu víu vào, chỉ là một con cá khô cũ mèm, đó là thứ duy nhất cậu ấy có để thay cho một linh thú để yêu thương và ân cần! Ai đã lấy nó đi khỏi cậu ấy? Nó đâu rồi?”

Pantalaimon đang gầm gừ trong dạng một con báo tuyết, giống như linh thú của Ngài Asriel, nhưng cô không thấy điều đó, trong mắt cô chỉ có đúng và sai.

“Bình tĩnh nào, Lyra,” một người nói. “Thư giãn đi cô bé.”

“Ai đã lấy nó đi?” Mắt cô lại lóe lên, khiến người đàn ông lùi lại một bước trước cơn giận dữ điên cuồng của cô.

“Tôi đã không biết,” một người khác nói vẻ hối lỗi, “tôi cứ nghĩ đó chỉ là thứ cậu bé đang ăn. Tôi đã lấy nó ra khỏi tay cậu ta vì nghĩ như vậy sẽ tôn trọng hơn. Chỉ là vậy thôi, Lyra ạ.”

“Vậy nó đâu rồi?”

Người đàn ông đáp vẻ khó xử: “Tôi không nghĩ cậu ta cần nó nên đã cho lũ chó ăn rồi. Tôi rất xin lỗi.”

“Anh không cần xin lỗi tôi, phải xin lỗi cậu ấy chứ,” cô nói rồi lập tức quay đi và lại quỳ xuống, đặt tay lên gò má lạnh toát của đứa trẻ đã chết.

Rồi một ý tưởng chợt đến, cô bèn mò mẫm trong áo khoác. Không khí lạnh ùa vào khi cô mở chiếc áo trùm đầu ra, nhưng chỉ trong vài giây cô đã có được thứ mình muốn. Cô lấy một đồng vàng từ trong ví ra trước khi quần kín người lại.

“Cho tôi mượn dao của anh,” cô nói với người đàn ông đã lấy con cá. Khi đã nhận được dao từ anh ta, cô hỏi Pantalaimon: “Tên nó là gì?”

Đương nhiên là nó hiểu ý cô, và nói: “Ratter.”

Cô bé giữ chắc đồng xu trong bàn tay trái đi găng của mình rồi cầm dao như cầm bút chì, cô khắc sâu tên con linh thú đã mất vào lớp vàng.

“Hi vọng cậu sẽ hài lòng nếu tôi làm cho cậu giống như với một Học giả Jordan,” cô bé thì thầm với cậu bé đã chết rồi nạy hàm của cậu ra để đẩy đồng xu vào trong mồm. Công việc khá khó khăn nhưng cô xoay sở được, sau cùng cô cũng đóng được hàm cậu bé lại.

Rồi cô trả con dao lại cho người đàn ông và quay đi trong ánh bình minh buổi sớm để trở lại với Farder Coram.

Ông đưa cô một bát súp vừa bắc trên bếp xuống, cô bé ngẫu nhiên húp lấy nó.

“Chúng ta sẽ làm thế nào với các phù thủy đây ạ, Farder Coram?” Cô hỏi. “Không biết cô phù thủy của ông có ở trong số họ không.”

“Phù thủy của ta? Ta sẽ không nói đến mức đó đâu, Lyra. Họ có thể đang đi bất cứ đâu. Cuộc đời của các phù thủy có đủ những mối quan tâm; những thứ vô hình đối với chúng ta; những căn bệnh bí ẩn mà họ mắc phải trong khi chúng ta lại chẳng buồn đếm xỉa; những nguyên nhân gây ra chiến tranh vượt quá tầm hiểu biết của chúng ta; niềm vui và nỗi buồn gắn chặt với sự đơm hoa của những loài thực vật nhỏ xíu trên lãnh nguyên... Nhưng ta ước mình thấy được họ đang bay, Lyra ạ. Ta ước ta có thể thấy được một cảnh tượng như vậy. Uống nốt chỗ súp đó đi nào. Cháu có muốn thêm chút nữa không? Ta cũng đang làm ít bánh mì áp chảo nữa. Ăn hết đi, cháu gái, vì chúng ta sẽ lại sớm lên đường thôi.”

Món ăn giúp Lyra tỉnh lại, chẳng mấy chốc sự lạnh giá trong tâm hồn cô bắt đầu tan chảy. Cùng với những người khác, cô đến xem đứa trẻ bị cắt nửa nằm trên giàn hỏa thiêu, cô cúi đầu và nhắm mắt lại trước những lời cầu nguyện của John Faa; rồi mọi người rướn tinh thần lên và châm lửa, chẳng bao lâu sau ngọn lửa đã bùng lên rực rỡ.

Sau khi đảm bảo cậu bé đã được thiêu cẩn thận, cả đoàn lại bắt đầu lên đường. Đó là một hành trình ma quái. Tuyết sớm bắt đầu rơi, chẳng bao lâu sau thế giới xung quanh đã thu hẹp lại chỉ còn là những cái bóng xám của đàn chó phía trước, chiếc xe kéo tròn tránh cọt kẹt, cái lạnh nhúc nhối, và một biển những bông tuyết bụi xoáy cuồng loạn chỉ hơi sẫm hơn bầu trời và hơi sáng hơn nền đất một chút.

Đàn chó vẫn tiếp tục chạy băng qua tất cả, đuôi dựng cao, mồm phả ra từng đợt hơi nước. Họ tiến xa hơn, xa hơn nữa về phía bắc, trong lúc buổi trưa vàng vọt đến rồi đi và ánh chạng vạng lại trải mình ôm lấy thế giới. Cả đoàn dừng lại ăn uống nghỉ ngơi trong một khoảng trống giữa những quả đồi và xác định lại phương hướng. Trong lúc John Faa thảo luận với Lee Scoresby về cách có thể sử dụng khí cầu hiệu quả nhất, Lyra nghĩ về con bọ gián điệp; cô bé hỏi Farder Coram chuyện gì đã xảy ra với chiếc hộp thiếc đựng lá thuốc mà nó đang bị nhốt bên trong.

“Ta đã cất kỹ nó đi rồi,” ông nói. “Nó ở dưới đáy túi đồ nghề kia kìa, nhưng chẳng có gì để xem đâu; ta đã hàn kín nó lúc còn ở trên tàu, như đã nói. Nói thật với cháu, ta cũng không biết chúng ta sẽ phải làm gì với nó; có khi chúng ta sẽ thả nó xuống một mỏ lửa, có lẽ việc đó sẽ giải quyết được vấn đề. Nhưng cháu không cần phải lo đâu, Lyra. Chừng nào ta còn giữ nó thì cháu sẽ vẫn an toàn.”

Ngay khi có cơ hội, cô liền thọc tay xuống lớp vải bạt đông cứng của túi đựng đồ nghề rồi lôi cái hộp thiếc nhỏ lên. Cô có thể cảm thấy nó đang rung lên ù ù trước cả khi chạm tay vào đó.

Trong lúc Farder Coram nói chuyện với các lãnh đạo khác, cô mang cái hộp đến cho Iorek Byrnison và giải thích ý tưởng của mình. Ý tưởng đó tới khi cô nhớ lại việc con gấu dễ dàng cắt xuyên qua lớp kim loại bọc đầu máy.

Nó lắng nghe rồi lấy nắp một hộp bánh quy và khéo léo gập thành một hình trụ dẹt. Cô kinh ngạc trước sự khéo tay của nó: không giống hầu hết những con gấu khác, Iorek Byrnison và họ hàng của

mình có ngón cái đối diện với bàn tay nên chúng có thể giữ chắc đồ vật để thao tác trên đó; Iorek Byrnison còn có cảm giác trời phú về sức mạnh và tính mềm dẻo của kim loại, điều đó có nghĩa là nó chỉ cần nhấc tấm kim loại lên một hai lần, bẻ qua bẻ lại một chút là có thể, dùng móng vạch một đường tròn để sau đó gập lại. Hiện giờ Iorek Byrnison đang thực hiện việc đó, gập các mép vào trong cho tới khi chúng dựng đứng lên rồi sau đó làm một cái nắp vừa vặn cho nó. Theo lệnh của Lyra, nó làm hai cái: một cái cùng cỡ với chiếc hộp thiếc đựng lá thuốc nguyên bản, và một cái khác vừa đủ lớn để đựng chính cái hộp thiếc cùng một ít tóc, râu và địa y được ấn chặt xuống để bịt tiếng ồn. Khi được đóng lại, nó có cùng cỡ và hình dạng với chiếc Chân Kế.

Khi công việc đã được hoàn thành, cô ngồi xuống cạnh Iorek Byrnison trong khi con gấu gặm một cái đùi tuần lộc đóng đá cứng như gỗ.

“Iorek,” cô nói, “không có linh thú có khó khăn không? Ông không thấy cô đơn à?”

“Cô đơn?” Nó đáp. “Tôi không biết. Người ta nói với tôi đây là cái lạnh, mà tôi thì chẳng biết lạnh là gì vì tôi không cảm thấy nó. Vì vậy tôi cũng không biết cô đơn có nghĩa là gì. Gấu được tạo ra để sống cô độc.”

“Còn gấu ở Svalbard thì sao?” Cô hỏi. “Chẳng phải ở đó có hàng nghìn con sao? Tôi nghe nói như vậy.”

Nó chẳng nói chẳng rằng mà xé đôi cái khớp đùi tuần lộc, tạo ra âm thanh như một khúc củi bị bửa dọc.

“Thứ lỗi cho tôi, Iorek,” cô nói. “Tôi hi vọng mình không xúc phạm ông. Chỉ là tôi tò mò thôi. Ông thấy đấy, tôi đặc biệt tò mò về những con gấu ở Svalbard vì cha tôi.”

“Cha cô là ai?”

“Ngài Asriel. Chúng đã bắt giam ông ấy ở Svalbard, vậy đấy. Tôi nghĩ Những Kẻ háu ăn đã phản bội ông ấy và trả công cho lũ gấu để canh giữ ông ấy trong tù.”

“Tôi không biết. Tôi không phải gấu Svalbard.”

“Tôi cứ nghĩ ông đã từng...”

“Không. Tôi đã từng là một con gấu Svalbard, nhưng giờ thì không. Tôi bị trục xuất như một hình phạt vì đã giết một con gấu khác. Do vậy tôi đã bị tước đi địa vị, của cải, áo giáp và bị đẩy ra sống ở rìa xã hội loài người, phải đấu tranh để kiếm việc hay làm những công việc tàn bạo rồi chìm kí ức của mình trong rượu mạnh nguyên chất.”

“Tại sao ông lại giết con gấu kia?”

“Vì giận dữ. Loài gấu có nhiều cách để bỏ qua cơn giận với nhau, nhưng tôi đã bị mất kiểm soát. Tôi đã giết hẳn ta và bị trừng phạt đích đáng.”

“Ông đã giàu có và ở địa vị cao sang,” Lyra ngạc nhiên thốt lên. “Giống như cha tôi vậy, Iorek! Giống y như ông ấy sau khi tôi được sinh ra. Ông ấy cũng đã giết người và bị người ta tước đi toàn bộ tài sản của mình. Mặc dù chuyện đó xảy ra rất lâu trước khi ông bị cầm tù ở Svalbard. Tôi chẳng biết gì về Svalbard cả, ngoại trừ việc nó ở tận cùng của Phương Bắc... Có phải nó được bao phủ hoàn toàn bởi băng tuyết không? Có thể vượt qua biển đóng băng để tới đó không?”

“Không phải từ bờ biển này. Biển ở phía nam của nó đôi khi đóng băng, nhưng có lúc thì không. Cô sẽ cần một con thuyền.”

“Hoặc một cái khí cầu, có lẽ vậy.”

“Hoặc một cái khí cầu, phải, nhưng như vậy cô sẽ cần luồng gió thổi đúng hướng.”

Nó gặm tiếp cái đùi tuần lộc. Một ý tưởng điên rồ ập tới tâm trí Lyra khi cô nhớ lại đoàn phù thủy trên bầu trời đêm; nhưng cô không nói gì về điều đó cả. Thay vào đó, cô hỏi Iorek Byrnison về Svalbard, rồi chăm chú lắng nghe khi nó kể về những dòng sông băng chảy

chậm; về những tảng đá và băng trôi nơi những con moóc có ngà nhạt màu nằm thành từng nhóm một trăm cá thể hay nhiều hơn, về những vùng biển hung nhúc hải cẩu, về những con kì lân biển đập chan chát cái ngà trắng dài vào nhau phía trên mặt nước buốt giá; về bờ biển sóng cồn dữ dội, những vách núi cao hàng trăm mét hoặc hơn, nơi những con quỷ vực xấu xí đậu và thành linh tấn công; về các hầm than và mỏ lửa, nơi những con gấu thợ rèn nện búa lên những tấm sắt vĩ đại rồi tán chúng thành giáp chiến...

“Iorek, nếu họ đã lấy giáp của ông đi rồi thì ông kiểm bộ này ở đâu ra vậy?”

“Tôi tự chế tạo từ kim loại trời ở Nova Zembla. Tôi đã không được trọn vẹn cho tới tận lúc đó.”

“Hóa ra gấu có thể tự tạo ra linh hồn của mình...” Cô nói. Có quá nhiều thứ trên thế giới này để cô khám phá. “Ai là Vua xứ Svalbard vậy?” Cô nói tiếp. “Gấu có Vua không?”

“Hắn được gọi là Iofur Raknison.”

Cái tên gọi lại chút kí ức trong tâm trí Lyra. Cô đã từng nghe thấy nó, nhưng ở đâu nhỉ? Mà cái tên ấy được nhắc đến không phải bằng giọng của một con gấu hay một người du mục. Giọng nói đó là của một Học giả, câu nệ, kiểu cách và ngạo mạn một cách hơi hợt, rất có thể là giọng của một người của Học viện Jordan. Cô cố gắng nhớ lại một lần nữa. Ôi, cô đã biết nó rất rõ!

Và rồi cô nhớ ra: đó là lúc ở trong Phòng nghị, khi các Học giả lắng nghe Ngài Asriel thuyết trình. Chính là Giáo sư Palmerian đã nhắc đến Iofur Raknison. Ông đã dùng từ *panserbjørne*, từ mà Lyra không biết, và cô cũng không biết Iofur Raknison là một con gấu; nhưng ông ấy đã nói gì nhỉ? Vua xứ Svalbard là một kẻ tự phụ, hẳn thích được xu nịnh. Còn có một điều gì khác nữa, giá mà cô có thể nhớ ra được, nhưng từ dạo đó đã có quá nhiều chuyện xảy ra...

“Nếu cha cô là một tù nhân của gấu Svalbard,” Iorek Byrnison nói, “ông ta sẽ không thoát được đâu. Ở đó không có gỗ để đóng

thuyền. Mặt khác, nếu ông ta là quý tộc, ông ta sẽ được đối xử tử tế. Họ sẽ cấp cho ông ta một căn nhà để sống, một người hầu để phục vụ, cả thức ăn và nhiên liệu nữa.”

“Liệu những con gấu đó có bao giờ bị đánh bại không, Iorek?”

“Không.”

“Hay là bị lừa chẳng hạn?”

Nó ngừng nhai và nhìn thẳng vào cô. Rồi nó nói: “Cô sẽ không bao giờ đánh bại được gấu mặc giáp đâu. Cô đã thấy giáp của tôi rồi; giờ thì xem vũ khí của tôi đi.”

Nó thả miếng thịt xuống rồi ngửa lòng bàn tay lên để cô nhìn. Mỗi miếng thịt đậm màu đen đều được bao phủ bởi lớp da cứng như sừng dày một tấc hoặc hơn, cái móng nào cũng dài ít nhất là bằng bàn tay của Lyra, và bén như lưỡi dao. Nó để cô bé miết tay lên chúng trong kinh ngạc.

“Chỉ cần một nhát là nát sọ hải cẩu ngay,” con gấu nói. “Hoặc làm gãy lưng người hay phạt đứt một cẳng. Tôi còn có thể cắn nữa. Cô mà không ngăn lúc ở Trollesund thì tôi đã nghiền đầu tên đó như nghiền trứng rồi. Ba hoa về sức mạnh thế đủ rồi, giờ đến các thủ đoạn. Cô không thể lừa một con gấu được đâu. Muốn xem bằng chứng không? Lấy một cái que rồi đấu kiếm với tôi đi.”

Háo hức muốn thử, cô bẻ một cái que ra khỏi bụi cây nặng trĩu tuyết, tĩa hết các cành con đi, rồi vụt nó sang hai bên như đang cầm một thanh kiếm. Iorek Byrnison ngồi xồm xuống chờ đợi, tay đặt trong lòng. Khi đã sẵn sàng, cô quay ra đối diện với nó, nhưng cô không muốn đâm vì trông nó thật yên bình. Vì vậy cô vung mạnh cành cây lên, giả bộ đâm trái đâm phải nhưng lại chẳng hề định đánh trúng nó, mà con gấu thì chẳng buồn cử động. Cô làm vậy vài lần, và chẳng lần nào con gấu nhúc nhích đến một li.

Cuối cùng cô quyết định chọc thẳng vào nó, không mạnh, chỉ là để chạm cái que vào bụng nó. Lập tức, nó vươn tay ra hất cái gậy sang

một bên.

Ngạc nhiên, cô thử lại lần nữa nhưng kết quả vẫn vậy. Con gấu cử động lạ lùng và dứt khoát hơn cô rất nhiều. Cô nghiêm túc muốn đánh trúng nó, nắm cái que như gươm của một kiếm sĩ, nhưng chưa một lần nào chạm được vào người con gấu. Dường như nó biết được cô định làm gì trước cả bản thân cô, khi cô nhào tới đâm vào đầu nó, bàn tay khổng lồ dễ dàng gạt cái que sang một bên, còn khi cô giả vờ, nó chẳng thèm cựa quậy.

Cô bé điên tiết lên và lao vào tấn công tới tấp, đâm, vụt, xiên, thọc, nhưng không lần nào qua được đôi bàn tay đó. Chúng di chuyển khắp mọi nơi, chính xác trong thời điểm gạt tay, chính xác cả về vị trí đỡ.

Cuối cùng cô sợ hãi và dừng lại. Mồ hôi đầm đìa trong áo khoác lông, cô thở dốc, kiệt sức, trong khi con gấu vẫn ngồi điềm nhiên như không. Kể cả cô có cầm một thanh kiếm thật với mũi nhọn chết người đi nữa thì nó vẫn sẽ chẳng sút mẻ gì.

“Tôi dám cá ông có thể bắt được cả đàn nữa,” cô nói rồi quăng cái que đi. “Sao ông *làm được* vậy?”

“Bằng cách không phải là con người,” nó đáp. “Đó là lí do cô không bao giờ có thể lừa gạt một con gấu. Chúng tôi thấy những mảnh lời và trò lừa phỉnh rõ ràng như thấy tay với chân vậy. Chúng tôi có thể thấy theo cách mà con người đã quên mất. Nhưng cô biết về điều này; cô có thể hiểu được chiếc máy đọc biểu tượng.”

“Hai việc đó đâu có giống nhau chứ?” Cô bé nói. Hiện giờ cô cảm thấy e ngại về con gấu còn hơn cả khi thấy nó nổi giận.

“Giống nhau đấy,” nó nói. “Theo như tôi hiểu thì người lớn không đọc được. Cô đối với người lớn trong việc hiểu chiếc máy cũng giống như tôi đối với các đấu sĩ loài người vậy.”

“Ờ, chắc vậy,” cô bé đáp, bối rối và không thỏa mãn. “Có nghĩa là tôi sẽ quên cách đọc khi lớn lên ư?”

“Ai mà biết được? Tôi chưa từng thấy một cái máy đọc biểu tượng hay gặp bất cứ ai đọc được chúng cả. Có lẽ cô khác với những người khác.”

Iorek Byrnison lại sụp xuống bốn chân rồi tiếp tục gặm nốt miếng thịt. Lyra đã cởi áo khoác ra, nhưng giờ cái lạnh lại ùa vào nên cô lại phải khoác lên. Nhìn chung, đó là một tình tiết khiến cô lo lắng. Cô muốn tham khảo chiếc Chân Kế ngay tại đó, nhưng trời quá lạnh, hơn nữa, mọi người lại đang gọi cô vì đã đến lúc lên đường. Cô cầm lấy cái hộp thiếc mà Iorek Byrnison đã làm, đặt cái hộp rỗng lại vào túi đồ nghề của Farder Coram, rồi nhét cái có con bọ gián điệp vào chiếc túi nhỏ đeo ở thắt lưng cùng với chiếc Chân Kế. Cô thấy mừng vì họ lại chuẩn bị lên đường.

Các lãnh đạo đã nhất trí với Lee Scoresby rằng khi tới điểm dừng chân tiếp theo, họ sẽ bơm phồng khí cầu của ông và ông sẽ do thám từ trên không trung. Hẳn nhiên là Lyra rất háo hức được bay cùng với ông, và đương nhiên là việc đó bị cấm; nhưng cô đã đi cùng với ông suốt chặng đường tới đó và quấy quả ông với cả đồng câu hỏi.

“Ông Scoresby, ông sẽ bay đến Svalbard như thế nào?”

“Ta sẽ cần một chiếc khí cầu điều khiển được có gắn động cơ chạy gas, kiểu như một chiếc zeppelin vậy, nếu không thì phải là một luồng gió tốt về hướng nam. Nhưng còn lâu, ta chẳng dám đâu. Cháu đã thấy nó bao giờ chưa? Một nơi khi ho cò gáy ở tận cùng thế giới, lơ lửng, trống trải, tiêu điều và khó sống chưa từng thấy.”

“Cháu chỉ đang tự hỏi, không biết Iorek Byrnison có muốn quay về không...”

“Ông ta sẽ bị giết mất. Iorek đang bị đi đày. Ông ta mà đặt chân vào đó là sẽ bị chúng xé xác ngay.”

“Ông bơm phồng khí cầu như thế nào, ông Scoresby?”

“Có hai cách. Ta có thể tạo ra khí hydro bằng cách đổ axit sunfuric lên mặt sắt, sau đó thu lấy khí gas mà nó thải ra rồi dần dần bơm đầy khí cầu lên như thế. Cách khác là tìm một miệng phun khí gas từ dưới lòng đất gần mỏ lửa. Ở đây có rất nhiều khí gas ngầm, thêm cả dầu mỏ nữa. Nếu cần ta có thể tạo ra gas từ dầu mỏ, cả từ than đá nữa; việc tạo ra khí gas không hề khó. Nhưng cách nhanh nhất là dùng khí gas lòng đất. Một miệng phun tốt sẽ bơm đầy khí cầu trong vòng một giờ.”

“Ông có thể chở được bao nhiêu người?”

“Sáu, nếu cần thiết.”

“Ông có thể chở Iorek Byrnison đang mặc giáp không?”

“Ta đã từng làm thế. Có một lần ta đã cứu ông ta khỏi tay quân Tartar khi ông ta đang bị cách li và bỏ đói - đó là vào chiến dịch Tunguska; ta đã bay vào và mang ông ta đi. Nghe thì dễ, nhưng quý tha ma bắt, ta đã phải tính toán trọng lượng của anh chàng to xác đó bằng cách phỏng đoán. Rồi ta còn phải trông chờ vào việc tìm được nguồn khí gas lòng đất dưới cái pháo đài băng băng mà ông ta đã dựng lên. Nhưng ta có thể thấy được loại đất ở đó từ trên không trung, và ta đoán là có đào xới cũng không nguy hiểm. Cháu thấy đấy, để hạ xuống ta phải nhả khí ra khỏi khí cầu, và nếu không được cấp thêm, ta sẽ không bay lên được nữa. Dù sao thì bọn ta cũng đã làm được, đầy đủ cả giáp sắt nữa.”

“Ông Scoresby, ông có biết là dân Tartar đục lỗ trên đầu người ta không?”

“Ồ, có chứ. Chúng đã thực hiện việc đó hàng ngàn năm rồi. Trong chiến dịch Tunguska chúng ta đã bắt sống được năm tên Tartar, ba trong số đó có lỗ trên sọ của mình. Một trong số chúng có hai lỗ.”

“Chúng làm vậy với nhau sao?”

“Phải. Đầu tiên chúng cắt một phần vòng tròn trên da đầu để có thể lật lên và để lộ xương sọ. Rồi chúng đục một vòng tròn xương nhỏ

ra khỏi sọ, rất cẩn thận để không chọc vào não, sau đó chúng khâu da đầu lại phía trên.”

“Cháu cứ nghĩ chúng chỉ làm vậy với kẻ thù!”

“Quý thần ơi, không đâu. Đó là một đặc ân to lớn. Chúng làm vậy để các vị thần có thể giao tiếp được với chúng.”

“Ông đã từng nghe về một nhà thám hiểm có tên Stanislaus Grumman chưa?”

“Grumman? Rồi. Ta đã gặp một người trong đoàn của ông ta khi bay qua sông Yenisei hai năm trước. Ông ta đã định sống cùng các bộ tộc người Tartar ở trên đó. Thực ra, ta nghĩ ông ta để người ta đục lỗ trên sọ mình. Đó là một phần của lễ kết nạp, nhưng người đã kể chuyện cho ta không biết nhiều về nó.”

“Vậy... Nếu ông ấy là một người Tartar danh dự, chúng sẽ không giết ông ấy phải không?”

“Giết ông ta? Vậy ông ta chết rồi à?”

“Vâng. Cháu đã thấy đầu ông ấy,” Lyra tự hào nói. “Cha cháu đã tìm thấy nó. Cháu thấy nó khi ông ấy cho các Học giả của Học viện Jordan ở Oxford xem. Chúng đã lột da đầu ông ấy.”

“Ai đã làm vậy cơ?”

“À thì, người Tartar ạ, các Học giả đã nghĩ vậy... Nhưng có thể là không phải.”

“Đó có thể không phải là đầu của Grumman,” Lee Scoresby nói. “Có thể cha cháu đã lừa các Học giả.”

“Có lẽ vậy,” Lyra trầm tư nói. “Lúc đó ông ấy đang xin họ tiền.”

“Vậy khi thấy cái đầu, họ đã cấp tiền cho ông ấy?”

“Vâng.”

“Mánh lới giỏi lắm. Người ta sẽ sốc khi thấy một thứ như vậy; họ không muốn nhìn quá kĩ.”

“Đặc biệt là các Học giả,” Lyra nói.

“Cái đó thì cháu biết rõ hơn ta. Nhưng nếu đó là đầu của Grumman, ta dám cá là không phải dân Tartar đã lột da nó. Chúng lột da kẻ thù chứ không phải đồng minh, mà ông ấy thì đã được nhận là người Tartar.”

Lyra cứ suy nghĩ về điều đó mãi trong lúc họ tiến về phía trước. Những dòng chảy rộng lớn mang đầy ý nghĩa trôi nhanh quanh tâm trí cô: Những Kẻ háu ăn và sự tàn nhẫn của chúng, nỗi sợ của chúng đối với Bụi, thành phố trong Cực Quang, cha cô ở Svalbard, mẹ cô... Bản thân cô thì ở đâu nhỉ? Chiếc Chân Kề, đoàn phù thủy bay về hướng bắc. Rồi còn Tony Makarios nhỏ bé tội nghiệp; con bọ gián điệp chạy máy đồng hồ; và tài kiếm thuật phi thường của Iorek Byrnison ...

Cô ngủ thiếp đi. Đoàn người đang tiến gần tới Bolvangar từng giờ một.

Ánh sáng từ Bolvangar

Việc những người du mục không hề nghe ngóng được hay thấy chút gì về Phu nhân Coulter khiến Farder Coram và John Faa lo lắng hơn nhiều những gì họ để cho Lyra biết; nhưng họ không hề biết rằng chính cô cũng rất lo lắng. Lyra sợ Phu nhân Coulter và thường xuyên nghĩ tới bà. Giờ đây trong khi Ngài Asriel đã là “cha”, thì Phu nhân Coulter lại chưa từng là “mẹ”. Nguyên nhân là do con linh thú khi vàng của Phu nhân Coulter, kẻ Pantalaimon căm ghét vô cùng, và cũng là kẻ mà Lyra cảm thấy rằng đã soi mói những bí mật của cô, đặc biệt là của chiếc Chân Kế.

Và bọn họ chắc chắn đang đuổi theo cô; thật ngốc nghếch nếu nghĩ khác đi. Chính con bọ gián điệp đã chứng tỏ điều đó.

Nhưng khi có kẻ thù tấn công thì đó lại không phải là Phu nhân Coulter. Đoàn du mục đã dự định dừng chân để cho lũ chó giải lao, sửa sang lại vài chiếc xe trượt, và chuẩn bị sẵn sàng vũ khí cho cuộc đột kích lên Bolvangar. John Faa hi vọng rằng Lee Scoresby có thể tìm thấy nguồn khí gas lòng đất nào đó để bơm căng chiếc khí cầu nhỏ hơn của ông (vì có vẻ như ông có hai cái) rồi bay lên để do thám mặt đất. Tuy nhiên, ông phi công lưu tâm đến tình trạng thời tiết kỹ lưỡng chẳng kém một thủy thủ, và ông nói rằng sẽ có sương mù; quả không sai, họ vừa dừng lại thì một màn sương dày đặc giăng xuống. Lee Scoresby biết rằng mình sẽ chẳng nhìn thấy gì từ trên trời, nên ông

đành phải bằng lòng với việc kiểm tra dụng cụ của mình, dù cho nó đã được sắp xếp cực kì cẩn thận. Rồi chẳng hề báo trước, một trận mưa tên phóng ra từ trong bóng tối.

Ba người đàn ông du mục lập tức gục xuống rồi chết lặng lẽ đến mức chẳng một ai nghe thấy bất cứ tiếng động gì. Chỉ khi họ đổ uỳnh xuống trên vệt chó kéo hay đột ngột nằm bất động thì những người gần đó nhất mới nhận thấy chuyện gì đang diễn ra. Nhưng lúc đó thì đã quá trễ vì đang có thêm nhiều mũi tên được phóng về phía họ. Vài người ngược lên nhìn, lúng túng bởi những tiếng lao vun vút bất thường tới từ khắp mọi hướng khi tên xọc vào gỗ hay vải bạt bị đông cứng.

Người đầu tiên định thần lại được là John Faa. Ông đã lập tức hét lên các mệnh lệnh từ giữa hàng. Những bàn tay lạnh cóng và đôi chân cứng đờ cố gắng di chuyển theo lệnh trong khi tên ngày càng rơi xuống dày như mưa, cơn mưa gậy gỗ mang cái chết trên chóp sắt nhọn.

Lyra đang ở bên ngoài, cơn mưa tên bay qua đầu cô. Pantalaimon nghe thấy trước cô bé, nó liền biến thành một con báo rồi đẩy cô ngã xuống, khiến cô khó trở thành mục tiêu hơn. Gạt tuyết ra khỏi mắt, Lyra lăn người lại cố gắng nhìn xem chuyện gì đang diễn ra, do cảnh tranh tối tranh sáng dường như đang ngập tràn sự hỗn độn và tiếng ồn. Cô nghe thấy một tiếng rống hung tợn, rồi tiếng va đập loảng xoảng từ bộ giáp của Iorek Byrnison khi con gấu đóng bộ đầy đủ nhảy lên những chiếc xe kéo rồi biến mất vào màn sương. Tiếp theo đó là những tiếng hét, tiếng gầm gừ, răng rắc và tiếng xé toạc, những cú thụi chết người, tiếng gào khóc kinh hãi và tiếng rống cuồng nộ của loài gấu khi nó đánh quân thù tan tác.

Nhưng *chúng* là ai? Lyra vẫn chưa thấy bóng dáng kẻ thù nào. Những người du mục đang túm tụm lại bảo vệ đám xe kéo, nhưng việc đó (đến cả Lyra cũng nhận ra) khiến họ trở thành những mục tiêu rõ rệt hơn; trong khi súng trường của họ lại rất khó điều khiển khi đeo

găng tay dày; cô bé chỉ nghe thấy bốn hay năm tiếng nổ chống trả lại cơn mưa tên lao xuống vùn vụt không ngớt. Cứ mỗi phút lại có thêm nhiều người ngã xuống.

Ôi, John Faa! Cô khổ sở nghĩ. Ông đã không thấy trước được điều này, và cháu đã không giúp ông!

Nhưng cô đã chẳng có hơn một giây để nghĩ tới điều đó, vì Pantalaimon đã găm lên dữ tợn, một thứ gì đó - một linh thú khác - vừa lao bổ vào và quật nó ngã xuống, khiến bản thân Lyra cũng bị bóp nghẹt. Rồi những bàn tay vươn tới lôi cô đi, nhấc cô lên và bịt miệng cô bằng đôi găng tay bốc mùi hôi thối, tung cô lên không trung vào tay của một kẻ khác, rồi lại đẩy cô nằm bẹp xuống tuyết, khiến Lyra choáng váng, ngộp thở và đau toàn thân. Tay cô bị bẻ quật ra phía sau cho đến khi đôi vai kêu lên răng rắc, rồi có ai đó trói hai cổ tay cô lại với nhau, một cái mũ chụp lên đầu để bịt tiếng hét, vì cô bé đang gào thét inh ỏi:

“Iorek! Iorek Byrnison ! Cứu tôi với!”

Nhưng liệu con gấu có nghe thấy được không thì cô không dám chắc. Cô bé đang bị quật đủ hướng, bị ép xuống một bề mặt cứng đang bắt đầu tròn trành và xóc nảy lên như một chiếc xe kéo. Những tiếng động dữ dội và lộn xộn vọng tới chỗ cô. Dường như cô đã nghe thấy tiếng rống của Iorek Byrnison, nhưng nó ở rất xa. Rồi cô bị nảy bật lên trên nền đất gồ ghề, tay vặn xoắn, miệng bị bịt, nước nở khóc vì giận dữ và sợ hãi. Những giọng nói xa lạ vang lên xung quanh cô.

“Pan!” Cô thở dốc.

“Tớ đây, suýt, tớ sẽ giúp cậu thở. Yên nào...”

Bàn chân chuột của nó giật mạnh cái mũ cho tới khi miệng cô được giải phóng. Cô hớp lấy hớp để không khí lạnh buốt.

“Chúng là ai vậy?” Cô bé thì thầm.

“Trông giống dân Tartar lắm. Tớ nghĩ chúng đã đánh trúng John Faa.”

“Không...”

“Tớ đã thấy ông ấy ngã xuống. Nhưng ông ấy hẳn đã chuẩn bị sẵn sàng cho những vụ tấn công kiểu này. Bọn mình biết vậy mà.”

“Nhưng đáng lẽ chúng ta nên giúp ông ấy! Đáng lẽ chúng ta phải quan sát chiếc Chân Kề!”

“Suýt! Giả vờ bất tỉnh đi.”

Có tiếng roi vọt, nối tiếp theo là tiếng hú của đàn chó đang phóng hết tốc lực. Lyra có thể đoán được họ đang đi nhanh đến mức nào dựa vào cái cách cô bị giật và nảy bật lên. Mặc dù đã cố căng tai lên nghe ngóng những âm thanh từ cuộc chiến, cô chỉ nhận ra được âm thanh tuyệt vọng của loạt bắn bị khoảng cách bóp nghẹt, ngoài ra chỉ có tiếng cót két, tiếng chạy hùng hục và tiếng những bàn chân chó khê sục xuống nền tuyết.

“Chúng sẽ chở chúng ta đến chỗ Những Kẻ háu ăn,” cô bé thì thầm.

Cụm từ *bị cắt* hiện lên trong đầu cô. Nỗi khiếp sợ choáng ngợp tâm trí cô bé, Pantalaimon nép sát bên cạnh cô.

“Tớ sẽ chiến đấu,” nó nói.

“Tớ cũng vậy. Tớ sẽ *giết* chúng.”

“Iorek cũng sẽ làm vậy khi nhận ra chuyện này. Ông ấy sẽ nghiền chúng đến chết.”

“Còn bao xa nữa mới tới Bolvangar?”

Pantalaimon không biết, nhưng chúng nghĩ rằng chỉ còn chưa đầy một ngày đường. Sau khi đã rong ruổi lâu đến mức cả người cô đau nhức vì tù túng, tốc độ đột nhiên giảm xuống, rồi có người thô bạo kéo cái mũ trùm ra.

Cô bé ngược nhìn lên khuôn mặt Á châu to bè dưới cái mũ trùm lông chồn gulo được thắp sáng bằng ánh đèn leo lét. Đôi mắt đen của hắn lóe lên vẻ thỏa mãn, đặc biệt là khi Pantalaimon luồn ra khỏi áo choàng của Lyra, nhe bộ răng chồn ermine trắng ớn và rít lên đe dọa.

Con linh thú chồn gulo to béo nặng nề của người đàn ông gặm gù đáp lại, nhưng Pantalaimon không hề nao núng.

Gã đàn ông lôi Lyra ngồi dậy rồi đặt cô dựa vào vách xe kéo. Tay cô vẫn đang bị trói sau lưng nên cô liên tục đổ sang một bên, vậy là hãn đành trói chân cô lại với nhau rồi thả tay ra.

Qua màn tuyết rơi và sương mù dày đặc, cô nhận thấy vẻ uy quyền của gã đàn ông và cả của tên đánh xe. Chúng giữ thẳng bằng tốt trên xe kéo và tỏ ra rất thân thuộc với vùng đất này theo cách mà dân du mục không có.

Gã đàn ông lên tiếng, nhưng đương nhiên là cô bé chẳng hiểu gì cả. Hãn thử nói một tiếng khác nhưng kết quả vẫn như cũ. Sau đó hãn thử tiếng Anh.

“Tên gì?”

Pantalaimon dựng lông lên cảnh cáo, cô bé lập tức hiểu ý con linh thú. Vậy là những tên này không biết cô là ai! Chúng không bắt cóc cô vì sự liên hệ của cô với Phu nhân Coulter; vậy có lẽ chúng không hề được Những Kẻ háu ăn thuê.

“Lizzie Brooks,” cô đáp.

“Lissie Broogs,” hãn nhắc lại. “Bọn tao sẽ đưa mày đến chỗ tốt. Có người tốt.”

“Các ông là ai?”

“Người Samoyed. Thợ săn.”

“Các ông định đưa tôi đi đâu?”

“Chỗ tốt. Người tốt. Mày có *panserbjørn* à?”

“Để hộ vệ.”

“Vô dụng! Ha, ha, con gấu vô dụng! Dù gì bọn tao cũng tóm được mày rồi!”

Hãn cười âm lên. Lyra kiềm chế bản thân và không nói gì cả.

“Những người đó là ai?” Gã đàn ông hỏi tiếp, chỉ về hướng vừa đi qua.

“Lái buôn.”

“Lái buôn... Buôn cái gì?”

“Lông thú, rượu mạnh,” cô đáp. “Lá thuốc.”

“Chúng bán lá thuốc, mua lông thú?”

“Phải.”

Hắn nói gì đó với đồng bọn, tên kia đáp lại cụt lủn. Suốt thời gian đó chiếc xe kéo vẫn đang lao đi, Lyra dựng người dậy dễ dàng hơn, cố nhìn xem họ đang đi đâu; nhưng tuyết đang rơi dày còn trời thì tối sầm, cô bé lập tức bị cóng đến mức không thể nhòm ra lâu hơn được nữa nên đành nằm xuống. Cô và Pantalaimon có thể cảm nhận luồng suy nghĩ của nhau, chúng cố gắng trấn tĩnh, nhưng cứ nghĩ tới việc John Faa đã chết... Còn chuyện gì đã xảy ra với Farder Coram? Liệu Iorek có giết được những tên Samoyed còn lại không? Liệu họ có lần ra dấu vết của cô không?

Lần đầu tiên trong đời, cô bé cảm thấy có chút thương xót cho bản thân.

Một lúc lâu sau, gã đàn ông lay vai rồi đưa cho cô một dải thịt tuần lộc sấy khô để nhai. Miếng thịt vừa dai nhách vừa bốc mùi, nhưng cô bé đang đói, vả lại trong đó cũng có dưỡng chất. Sau khi ăn cô cảm thấy khỏe hơn chút ít. Cô chậm rãi thọc tay vào áo choàng cho tới khi biết chắc được rằng chiếc Chân Kế vẫn còn ở đó, rồi cẩn thận rút cái hộp đựng con bọ gián điệp ra và luồn nó vào một bên ủng. Pantalaimon bò vào trong dạng chuột và đẩy nó xuống sâu nhất có thể, nhét xuống dưới đáy chiếc quần tất làm từ da tuần lộc của cô.

Khi việc đó được hoàn thành, cô nhắm mắt lại. Nỗi sợ hãi khiến cô mệt rã rời, và chẳng mấy chốc cô đã thiếp đi trong lo lắng.

Cô tỉnh dậy khi chuyển động của chiếc xe kéo thay đổi. Nó đột nhiên êm hơn, và khi mở mắt ra, cô bé thấy những luồng ánh sáng

chói lòa trôi qua phía trên đầu, chói đến mức cô phải kéo mũ xuống sâu hơn trước khi nhòm ra một lần nữa. Mặc dù toàn thân đang cứng đờ và lạnh toát, cô bé vẫn ngồi thẳng được dậy, đủ để nhìn thấy rằng chiếc xe đang lao đi giữa một hàng cột cao, mỗi cột đều mang một ngọn đèn mạch sáng loá. Khi mắt cô vừa quen được với luồng sáng thì họ phóng qua cánh cổng mở bằng kim loại ở cuối con đường ánh sáng, rồi vào một khoảng đất rộng mênh mông như một khu chợ trống không hay trường đấu cho một loại trò chơi hoặc môn thể thao nào đó. Mặt đất phẳng lì, nhẵn nhụi và trắng xoá, rộng khoảng một trăm mét. Hàng rào kim loại cao chạy quanh rìa của nó.

Chiếc xe đỗ lại tại đầu bên kia của đấu trường. Họ đang ở bên ngoài một tòa nhà thấp tè, hoặc một dãy những tòa nhà thấp phủ dày tuyết. Rất khó để đoán, nhưng cô có cảm giác rằng những đường hầm nối các phần của các tòa nhà với nhau, những đường hầm gồ lên dưới tuyết. Ở một phía là cây cột kim loại to trông rất quen, mặc dù cô chẳng thể đoán nổi nó khiến cô nhớ tới điều gì.

Trước khi cô bé kịp quan sát nhiều hơn, gã đàn ông trong xe trượt đã cắt đứt sợi dây thừng buộc quanh mắt cá chân cô rồi thô bạo lôi cô ra ngoài trong khi tên đánh xe hét lên với đàn chó để chúng đứng im. Cánh cửa tại tòa nhà cách đó vài mét mở ra, ánh đèn mạch chiếu qua đầu họ, đưa qua đưa lại tìm kiếm họ như một cái đèn pha.

Kẻ bắt cóc Lyra đẩy cô tới trước như một chiến lợi phẩm, nhất quyết không rời, và nói gì đó. Bóng người trong chiếc áo choàng lụa than chần bông đáp lại cũng bằng ngôn ngữ đó. Lyra nhìn thấy ông ta: đó không phải là người Samoyed hay Tartar. Ông ta có thể đã từng là Học giả của Jordan. Ông nhìn cô bé, và đặc biệt chú tâm đến Pantalaimon.

Gã người Samoyed lại lên tiếng, sau đó người đàn ông tới từ Bolvangar nói với Lyra: “Cháu nói tiếng Anh à?”

“Phải,” cô đáp.

“Linh thú của cháu lúc nào cũng trong hình dạng đó sao?”

Câu hỏi bất ngờ đến mức Lyra chỉ có thể há hốc miệng kinh ngạc. Nhưng Pantalaimon trả lời câu hỏi đó theo cách của riêng nó bằng cách biến thành một con chim ưng, rồi từ vai cô nó liệng tới linh thú của người đàn ông, một con sóc marmot lớn. Con sóc lanh lẹ quạt về phía Pantalaimon rồi phun phì phì trong khi nó lượn vòng qua thật nhanh.

“Hiểu rồi,” người đàn ông nói với giọng hài lòng khi Pantalaimon bay trở lại vai Lyra.

Gã Samoyed trông có vẻ đang chờ đợi, người đàn ông từ Bolvangar liền gật đầu rồi tháo găng tay để thọc tay vào túi. Ông lấy ra một cái ví có dây rút và đếm lấy mười hai đồng tiền to nặng đặt vào tay tên thợ săn.

Hai người đàn ông kiểm tra số tiền, chia nhau mỗi người một nửa rồi cẩn thận cất đi. Không buồn ngoái đầu nhìn lại, chúng leo lên xe, tên đánh xe vung roi rồi hét lên ra lệnh cho bầy chó. Chúng phóng qua trường đấu mênh mông trắng xóa tuyết vào đại lộ ánh sáng, tăng tốc cho tới khi tan biến vào màn đêm xa xăm.

Người đàn ông lại mở cửa ra.

“Vào mau đi,” ông ta nói. “Bên trong ấm áp thoải mái lắm. Đừng đứng ngoài trong giá lạnh. Tên cháu là gì?”

Giọng ông ta là một chất giọng thuần Anh ngữ, không pha chút trọng âm nào mà Lyra có thể đoán được. Ông có cách nói giống như những người cô đã gặp tại dinh thự của Phu nhân Coulter: khéo léo, uyên bác và quyền thế.

“Lizzie Brooks,” cô bé đáp.

“Vào đi, Lizzie. Ở đây chúng ta sẽ chăm sóc cháu, đừng lo.”

Ông ta còn bị lạnh hơn cả cô, mặc dù cô bé đã ở bên ngoài lâu hơn rất nhiều; ông ta đang nóng lòng muốn trở vào trong căn nhà ấm áp. Quyết định giả bộ chậm chạp, ngốc nghếch và miễn cưỡng, cô lê bước khi đi qua ngưỡng cửa cao dẫn vào trong tòa nhà.

Bên trong có hai cánh cửa, nằm giữa chúng là một khoảng rộng để không khí ấm không bị thất thoát nhiều. Khi họ đã đi qua ô cửa phía trong, Lyra thấy toàn thân đổ mồ hôi nhễ nhại vì thứ hơi nóng hầm hập khó chịu, cô phải phanh áo khoác và bỏ mũ trùm xuống.

Họ đang ở trong một khoảng không rộng chừng hai mét vuông rưỡi, với hành lang ở hai bên trái phải, phía trước cô là một kiểu bàn tiếp tân hay thấy trong bệnh viện. Mọi thứ đều được chiếu sáng rực rỡ, với những bề mặt trắng sáng bóng và thép không gỉ phản chiếu lấp lánh. Không khí phảng phất mùi thức ăn quen thuộc của thịt xông khói và cà phê, cùng với một mùi rất nhẹ nhưng dai dẳng của hóa dược bệnh viện. Phát ra từ những bức tường khắp xung quanh là một tiếng o o khe khẽ, trầm đến mức gần như không nghe thấy được, một thứ âm thanh mà người ta phải làm quen với nó nếu không muốn phát điên.

Pantalaimon ở dạng chim sẻ cánh vàng thì thào vào tai cô: “Giả bộ ngu ngốc dần độn đi. Càng chậm chạp, ngờ nghệch càng tốt.”

Những người lớn đang nhìn xuống phía cô: người đàn ông đã dẫn cô vào, một người khác khoác áo màu trắng, một phụ nữ mặc đồng phục y tá.

“Người Anh,” người đầu tiên nói. “Có vẻ như là lái buôn.”

“Vẫn là đám thợ săn đó à? Vẫn câu chuyện cũ?”

“Tôi đoán là cùng một bộ tộc. Y tá Clara, bà có thể đưa, ừm, và chăm sóc cô bé được chứ?”

“Sẵn sàng, thưa Bác sĩ. Đi với ta nào, bé con,” người y tá nói, Lyra ngoan ngoãn theo sau.

Họ đi dọc một hành lang ngắn có nhiều cánh cửa bên tay phải và một phòng ăn bên tay trái, trong đó phát ra những tiếng lách cách của dao đĩa, tiếng nói, và thêm nhiều mùi đồ ăn nữa. Lyra đoán rằng người y tá cùng tầm tuổi với Phu nhân Coulter, bà mang một vẻ lạnh lợi, nhạy bén nhưng vô cảm; bà hẳn là có thể khâu vết thương hay thay băng gạc, nhưng không có khả năng kể chuyện. Linh thú của bà (khi

nhận ra, trong một thoáng Lyra đã cảm thấy một cơn ớn lạnh kì lạ (và ớn lạnh đến) là một con chó nhỏ màu trắng đang chạy lon ton (nhưng một lúc sau cô lại không hiểu tại sao nó lại khiến cô bị ớn lạnh).

“Tên cháu là gì, cô bé?” Bà y tá nói khi mở một cánh cửa nặng nề.

“Lizzie.”

“Chỉ Lizzie thôi à?”

“Lizzie Brooks.”

“Cháu bao tuổi?”

“Mười một.”

Lyra vẫn bị nói là nhỏ hơn so với tuổi. Dù cho điều đó có nghĩa gì đi nữa thì nó cũng chưa hề tác động đến ý thức của cô bé về tầm quan trọng của bản thân, nhưng cô nhận ra rằng lúc này cô có thể tận dụng nó để khiến Lizzie ngưỡng ngạ, âu lo và tâm thườg. Cô khom người nhỏ lại khi bước vào trong phòng.

Cô phần nào trông chờ bà ta sẽ hỏi cô tới từ đâu, đến đây bằng cách nào, và cô đang chuẩn bị sẵn câu trả lời; nhưng bà y tá chẳng những thiếu trí tưởng tượng mà còn thiếu cả sự tò mò nữa. Y tá Clara tỏ ra bàng quan tới mức như thể Bolvangar chỉ là một vùng ngoại ô của London, còn trẻ con thì thường xuyên đến nơi này. Con linh thú nhỏ bảnh bao của bà lon ton theo gót, cũng lạnh lẽ và vô cảm hết như chủ.

Trong căn phòng họ bước vào có một bộ trường kỉ, bàn, hai cái ghế, tủ có ngăn kéo, tủ buffet đựng thuốc và băng gạc, và bồn rửa mặt. Ngay khi vừa bước vào phòng, bà y tá liền cởi áo khoác của Lyra ra và thả xuống nền nhà sáng bóng.

“Cởi nốt chỗ còn lại đi nào, bé con,” bà nói. “Chúng ta sẽ làm một cuộc kiểm tra nho nhỏ để xem cháu có khỏe mạnh, không bị cồng hay có số mũi không, rồi sẽ kiểm một bộ quần áo sạch sẽ tươt tất cho cháu. Chúng ta sẽ cho cháu đi tắm nữa,” bà nói thêm, vì Lyra đã nhiều

ngày liền không thay đồ hay tắm rửa gì rồi, và trong hơi ẩm bao quanh, điều đó càng trở nên rõ ràng.

Pantalaimon rùng mình phản đối, nhưng Lyra đã quắc mắt lên tìm chế nó. Nó đậu trên chiếc trường kỉ trong khi Lyra lần lượt cởi từng lớp quần áo trong sự phẫn nộ và tủi nhục; nhưng cô vẫn kịp nhanh trí che giấu biểu hiện đó đi, giả vờ đần độn và dễ bảo.

“Cả đai đựng tiền nữa, Lizzie,” bà y tá nói rồi tự cởi nó ra bằng những ngón tay lực lưỡng của mình. Bà ta đang định thả cái đai lên đồng quần áo của Lyra thì ngừng lại khi sờ thấy mép của chiếc Chân Kế.

“Cái gì đây?” Bà ta nói trong lúc gỡ lớp vải dầu ra.

“Chỉ là một loại đồ chơi thôi,” Lyra đáp. “Nó là của cháu.”

“Phải, chúng ta sẽ không lấy nó đi đâu, bé con,” Y tá Clara nói rồi tháo lớp nhung đen ra. “Đẹp đấy chứ, như một cái la bàn vậy. Đi tắm nào,” bà nói tiếp, đặt chiếc Chân Kế xuống rồi kéo tấm rèm bằng lụa than ở trong góc lại.

Lyra miễn cưỡng bước vào dòng nước ấm và xát xà phòng lên người trong khi Pantalaimon đậu trên thanh ray treo rèm. Cả hai đều ý thức được rằng nó không được tỏ ra quá lạnh lợi, vì linh thú của những kẻ đần thì cũng phải đần độn theo. Khi cô bé đã được tắm rửa và lau khô người, bà y tá đo nhiệt độ của cô, kiểm tra mắt, tai, họng, đo chiều cao và cho cô đứng lên cân trước khi ghi chép lên một kẹp tài liệu. Sau đó bà ta đưa cho Lyra một bộ pyjama cùng áo choàng dài. Chúng đều tinh tươm và cao cấp, giống như áo choàng của Tony Makarios, nhưng chúng cũng lại mang vẻ gì đó của đồ đã qua sử dụng. Lyra cảm thấy không thoải mái.

“Mấy cái này không phải của cháu,” cô nói.

“Không, bé con ạ. Quần áo của cháu cần được giặt giũ cẩn thận.”

“Cháu có được lấy lại đồ của mình không?”

“Ta cho là có. Có chứ, đương nhiên rồi.”

“Chỗ này là gì vậy?”

“Nó được gọi là Trạm Thí Nghiệm.”

Đó không phải là một câu trả lời, nhưng nếu Lyra sẽ chỉ ra điều đó và hỏi thêm các thông tin khác, thì cô lại không cho rằng Lizzie sẽ làm vậy; nên cô ngoan ngoãn hài lòng với bộ quần áo đó và không nói gì thêm nữa.

“Cháu muốn đồ chơi của cháu,” cô bướng bỉnh nói sau khi đã mặc đồ xong.

“Cứ lấy lại đi, bé con,” bà y tá nói. “Nhưng cháu không thích một con gấu bông đáng yêu hơn sao? Hoặc một em búp bê xinh đẹp?”

Bà ta mở một cái ngăn kéo chứa những món đồ chơi bằng bông trông đến là vô hồn. Lyra ép mình đứng dậy rồi giả vờ cân nhắc vài giây trước khi nhặt lên một con búp bê rách rưới có đôi mắt to trống rỗng. Cô bé chưa từng sở hữu một con búp bê nào, nhưng cô biết phải làm gì nên bèn lơ đãng ôm chặt nó vào ngực.

“Còn đai đựng tiền của cháu thì sao?” Cô hỏi. “Cháu muốn cho đồ chơi vào trong đó.”

“Vậy lấy đi, bé con,” Y tá Clara nói trong lúc điền vào một mẫu đơn trên giấy màu hồng.

Lyra kéo bộ pyjama lạ lẫm lên rồi buộc cái túi bằng vải dầu quanh eo.

“Còn áo khoác và boots của cháu?” Cô hỏi. “Rồi cả găng tay và những thứ khác nữa?”

“Chúng ta sẽ đem giặt cho cháu,” bà y tá máy móc đáp.

Đúng lúc đó điện thoại rung lên, và trong lúc bà ta nhắc máy trả lời, Lyra nhanh chóng cúi xuống lấy lại cái hộp chứa con bọ gián điệp rồi nhét nó vào túi cùng với chiếc Chân Kế.

“Đi theo ta nào, Lizzie,” bà ta nói khi đặt ống nghe xuống. “Chúng ta sẽ đi kiếm thứ gì đó cho cháu ăn. Ta đoán là cháu đói lắm rồi.”

Cô bé đi theo Y tá Clara tới phòng ăn, nơi cả chục chiếc bàn tròn màu trắng phủ đầy vụn thức ăn và những vòng tròn dính nhớp do đồ uống bị đặt xuống một cách bất cẩn. Đĩa và dao đĩa bẩn chất đống trên một chiếc xe đẩy bằng thép. Trong phòng không có cửa sổ, nên để tạo ảo giác về ánh sáng và không gian, một bên tường được phủ lên bức tranh khổng lồ vẽ cảnh bãi biển nhiệt đới với bầu trời xanh trong, cát trắng và hàng dừa biếc.

Người đàn ông đã dẫn cô vào đang lấy một cái khay từ quầy phục vụ.

“Ăn đi này,” ông ta nói.

Không cần thiết phải nhịn đói nên cô thích thú nhấm nháp món hầm và khoai tây nghiền. Tiếp theo là một bát chứa đào đóng hộp và kem. Trong khi cô bé ăn, người đàn ông và bà y tá trao đổi khẽ tại một bàn khác, và khi cô ăn xong, bà y tá mang tới một cốc sữa ấm rồi đem cái khay đi.

Người đàn ông tới ngồi xuống đối diện với cô. Con linh thú sóc marmot của ông ta không vô cảm và lãnh đạm như con chó của bà y tá, mà lịch sự ngồi trên vai ông, quan sát và lắng nghe.

“Vậy, Lizzie,” ông lên tiếng. “Cháu ăn đủ no chưa?”

“Rồi ạ, cảm ơn ông.”

“Ta muốn cháu nói cho ta nghe cháu từ đâu tới. Cháu có thể làm vậy không?”

“London,” cô bé đáp.

“Cháu đang làm gì trên phương bắc xa xôi này vậy?”

“Cháu đi với cha cháu,” cô bé lẩm nhẩm. Cô nhìn xuống để tránh ánh mắt của con sóc marmot, cố gắng ra vẻ đang sắp khóc đến nơi.

“Với cha cháu à? Ra vậy. Ông ấy đang làm gì ở tí tặn đây vậy?”

“Buôn bán. Chúng cháu đem đến rất nhiều lá thuốc từ Tân Đan Mạch, chúng cháu còn mua lông thú nữa.”

“Vậy cha cháu chỉ có một mình à?”

“Không ạ. Còn có bác cháu và vài người khác nữa,” cô bé mập mờ nói, không rõ tên thợ săn Samoyed đã nói gì với ông ta.

“Sao ông ấy lại cho cháu tham gia vào một chuyến đi như thế này vậy, Lizzie?”

“Vì hai năm trước ông ấy đã đưa anh trai cháu đi và hứa tiếp theo sẽ tới lượt cháu, nhưng ông ấy lại chẳng bao giờ làm thế. Vậy nên cháu cứ cố nài và rốt cuộc ông ấy cũng chịu đưa cháu đi.”

“Cháu bao nhiêu tuổi rồi?”

“Mười một.”

“Tốt, tốt. Lizzie à, cháu là một cô bé may mắn đó. Mấy người thợ săn tìm thấy cháu đã đưa cháu đến nơi tốt nhất thế giới.”

“Họ đâu có tìm thấy cháu,” cô bé ngờ vực nói. “Đã có một cuộc chiến. Có rất nhiều người và họ bắn tên...”

“Ồ, ta không nghĩ vậy đâu. Ta nghĩ cháu hẳn đã đi lang thang khỏi nhóm của cha mình và bị lạc. Các thợ săn đã tìm thấy cháu ở một mình và đưa cháu thẳng đến đây. Đó là chuyện đã xảy ra, Lizzie ạ.”

“Cháu đã chứng kiến một cuộc chiến,” cô nói. “Người ta bắn tên và rồi... Cháu muốn gặp cha,” cô nói to hơn, cảm thấy mình như sắp khóc.

“Thôi nào, cháu sẽ được an toàn tại đây cho đến khi ông ấy tới,” bác sĩ nói.

“Nhưng cháu đã thấy người ta bắn tên!”

“À, là cháu tưởng vậy thôi. Chuyện đó thường xảy ra trong cái lạnh gay gắt, Lizzie ạ. Cháu ngủ thiếp đi rồi gặp ác mộng, sau đó cháu không thể nhớ nổi đâu là thật đâu là mơ nữa. Đó không phải là một cuộc chiến đâu, đừng lo. Cha cháu vẫn bình an vô sự, ông ấy đang đi tìm cháu và chẳng mấy chốc ông ấy sẽ đến đây, vì đây là nơi duy nhất trong vòng vài trăm dặm, cháu biết đấy. Thật ngạc nhiên làm sao khi ông ấy lại tìm thấy cháu an toàn và khỏe mạnh! Bây giờ Y tá Clara sẽ đưa cháu đến kí túc xá, nơi cháu sẽ gặp những cô cậu nhóc khác cũng

bị lạc giữa hoang mạc giống như cháu. Đi đi. Sáng mai chúng ta sẽ lại nói chuyện tiếp.”

Lyra đứng dậy, ôm chặt lấy con búp bê của mình. Pantalaimon nhảy lên vai cô khi bà y tá mở cửa dẫn chúng ra ngoài.

Lại thêm nhiều hành lang khác, lúc này Lyra đã mệt bã người, cô buồn ngủ đến mức cứ liên tục ngáp và gần như không thể nhấc chân lên trong đôi dép trần bông mà họ đã cho. Pantalaimon thì đang gục gặc, nó phải biến thành chuột để chui vào nằm trong túi áo choàng dài của cô. Lyra lơ mơ nhận thấy một hàng giường ngủ, những gương mặt trẻ con, một cái gối, và rồi cô đã thiếp đi.

Có ai đó đang lay cô dậy. Việc đầu tiên cô làm là lăn sờ quanh eo, cả hai cái hộp vẫn đang ở đó, vẫn an toàn; vậy là cô thử mở mắt ra, nhưng chao ôi, việc đó mới khó khăn làm sao; cô chưa từng thấy buồn ngủ như thế này bao giờ.

“Dậy đi! Dậy đi!”

Đó là tiếng thì thầm của nhiều hơn một giọng nói. Với một nỗ lực khủng khiếp, chẳng khác gì đẩy một tảng đá lên dốc cao, Lyra ép mình phải tỉnh dậy.

Trong ánh sáng tờ mờ phát ra từ bóng đèn mạch có công suất cực thấp treo trên khung cửa ra vào, cô thấy ba bé gái khác đang túm tụm lại quanh mình. Thật không dễ dàng để nhìn vì mắt cô lấy tiêu điểm rất chậm, nhưng chúng khoảng tầm tuổi cô, và đều nói tiếng Anh.

“Cậu ấy tỉnh rồi.”

“Họ chắc chắn đã cho cậu ấy uống thuốc ngủ...”

“Tên cậu là gì?”

“Lizzie,” Lyra lẩm nhẩm.

“Có phải lại có thêm nhiều đứa trẻ khác đang tới không?” Một trong mấy đứa con gái hỏi.

“Chịu. Chỉ có mình tớ thôi.”

“VẬY HỌ KIỂM CẬU Ở ĐÂU RA THẾ?”

Lyra khó nhọc ngồi dậy. Cô không nhớ là mình đã uống thuốc ngủ, nhưng rất có thể đã có thứ gì đó trong đồ uống của cô. Đầu cô như bị nèn đầy lông vịt, còn phía sau mắt thì giật giật đau nhức.

“Đây là đâu vậy?”

“Chẳng đâu cả. Họ không chịu nói cho chúng tớ biết.”

“Họ thường đem đến cùng một lúc nhiều đứa trẻ cơ...”

“Họ làm gì ở đây vậy?” Lyra gượng hỏi trong lúc cố gắng khôi phục lại trí não đã bị thuốc làm tê liệt. Pantalaimon cũng đang cựa quậy để tỉnh lại.

“Chúng tớ không biết,” cô bé này giờ nói nhiều nhất lại lên tiếng. Đó là một cô nhóc tóc đỏ cao dong dỏng, có điệu bộ nóng vội và một chất giọng đặc London. “Họ đại khái là đo đạc bọn tớ rồi làm đủ kiểu xét nghiệm...”

“Họ đo Bụi đó,” một đứa con gái khác mang vẻ thân thiện, tròn trĩnh với mái tóc đen lên tiếng.

“Làm sao cậu biết được,” đứa con gái đầu tiên vạch lại.

“Thật đấy,” đứa thứ ba lên tiếng, đó là một đứa bé với vẻ cam chịu đang ôm con linh thú dạng thỏ của mình. “Tớ đã nghe được họ nói chuyện.”

“Rồi họ đưa từng đứa chúng tớ đi một, đó là tất cả những gì chúng tớ biết. Chẳng có ai trở về cả,” đứa tóc đỏ nói.

“Phải rồi, có một cậu bé nọ,” đứa con gái tròn trĩnh nói, “cậu ấy nghĩ là...”

“Đừng có kể với cậu ấy chuyện đó!” Đứa tóc đỏ kêu lên.

“Chưa vội.”

“Ở đây có cả con trai à?” Lyra hỏi.

“Phải. Bọn tớ đông lắm. Có khoảng ba mươi đứa, tớ nghĩ vậy.”

“Nhiều hơn chứ,” đứa con gái tròn trĩnh nói. “Phải tầm bốn mươi ấy.”

“Ngoại trừ việc họ cứ đưa chúng tớ đi dần,” đứa tóc đỏ nói. “Thông thường họ bắt đầu với việc đưa đến đây cả một nhóm, nên lúc đó có rất nhiều trẻ con, nhưng rồi từng đứa một sẽ biến mất.”

“Họ là Những Kẻ háu ăn đó,” đứa tròn trĩnh nói. “Các cậu biết Những Kẻ háu ăn mà. Bọn mình đều sợ chúng cho tới khi chính bản thân bị bắt cóc...”

Lyra đang dần hồi tỉnh lại. Linh thú của các cô bé khác, ngoại trừ con thỏ, đang nghe ngóng ở gần cửa ra vào, còn lũ trẻ thì không đứa nào nói to hơn tiếng thì thầm. Lyra hỏi tên của chúng. Cô bé tóc đỏ tên là Annie, đứa tóc đen tròn trịa là Bella, còn đứa bé gầy gò là Martha. Chúng không biết tên lũ con trai, vì phần lớn thời gian nam và nữ phải ở riêng. Chúng không hề bị đối xử tệ.

“Ở đây khá là ổn,” Bella nói, “chẳng có gì nhiều để làm ngoại trừ việc họ cho bọn tớ làm bài kiểm tra, bắt tập thể dục, sau đó cân đo bọn tớ, đo nhiệt độ và đủ thứ khác. Thật sự rất là tẻ nhạt.”

“Trừ khi Phu nhân Coulter tới,” Annie nói.

Lyra phải ngấn bản thân hét lên, nhưng Pantalaimon đập cánh gấp đến mức khiến những đứa khác chú ý.

“Cậu ấy bị căng thẳng quá đó,” Lyra nói, xoa dịu con linh thú. “Họ hẳn đã cho bọn tớ uống thuốc ngủ, như các cậu nói, vì cả hai bọn tớ đều thấy rất mơ màng. Phu nhân Coulter là ai vậy?”

“Đó là người đã gài bẫy chúng tớ, nói đúng hơn là hầu hết chúng tớ,” Martha nói. “Những đứa trẻ khác đều nói về bà ta. Bà ta mà tới là mọi người lập tức biết rằng sẽ có vài đứa biến mất.”

“Bà ta thích quan sát trẻ con. Khi họ đưa chúng tớ đi, bà ta thích xem những việc họ làm với chúng tớ. Bạn Simon cho rằng họ giết chúng tớ, còn Phu nhân Coulter thì đứng nhìn.”

“Họ giết bọn mình á?” Lyra rùng mình nói.

“Chắc vậy. Vì chẳng có ai quay về cả.”

“Họ cũng tiến hành mọi việc với đám linh thú nữa,” Bella nói. “Cân đo chúng đủ kiểu...”

“Họ *chạm* vào *linh thú* của các cậu?”

“Không! Chúa ơi! Họ đặt những cái cân ở đó, linh thú của cậu phải bước lên đó và biến hình, rồi họ sẽ ghi chép và chụp ảnh. Sau đó họ sẽ cho cậu vào một cái buồng và đo Bụi, lần nào cũng thế, họ không bao giờ ngừng đo Bụi.”

“Bụi gì cơ?” Lyra hỏi.

“Chúng tớ không biết,” Annie đáp. “Chỉ là một thứ gì đó từ vũ trụ, không phải bụi thật đâu. Nếu cậu không có tí Bụi nào thì tốt. Nhưng rốt cuộc thì ai cũng có Bụi cả.”

“Các cậu có biết tớ nghe được Simon nói gì không?” Bella nói. “Cậu ấy nói rằng người Tartar đục lỗ trên sọ để cho Bụi vào đấy.”

“Phải, *cậu ấy* biết rõ ghê,” Annie tỏ ra khinh miệt. “Tớ nghĩ tớ sẽ hỏi Phu nhân Coulter khi bà ta tới.”

“Cậu sẽ không dám đâu!” Martha nói vẻ ngưỡng mộ.

“Dám chứ.”

“Khi nào bà ta tới?” Lyra hỏi.

“Ngày kia,” Annie đáp.

Một cơn ớn lạnh kinh hoàng chạy dọc sống lưng Lyra, Pantalaimon nép sát vào cô bé. Cô có một ngày để tìm thấy Roger, khám phá ra mình có thể làm gì với nơi này, rồi hoặc là chạy trốn hoặc được cứu thoát. Giả dụ như tất cả đoàn du mục đều đã bị giết thì ai sẽ giúp lũ trẻ sống sót trong vùng hoang vu giá lạnh này đây?

Những đứa con gái khác tiếp tục câu chuyện, nhưng Lyra và Pantalaimon thì rúc sâu vào trong chăn, cố gắng làm ấm cơ thể vì chúng biết rằng hàng trăm dặm trải dài quanh chiếc giường nhỏ bé này chỉ toàn là nổi kinh hoàng.

Lồng chứa linh thú

Lyra không phải kiểu người hay suy nghĩ ủ ê; cô là một đứa trẻ lạc quan và thực tế. Hơn nữa, cô bé không hay tưởng tượng. Chẳng có ai giàu trí tưởng tượng lại đi nghiêm túc nghĩ rằng việc vượt qua một chặng đường dài để cứu người bạn Roger của mình là khả thi; hay nếu có nghĩ về việc đó thì một đứa trẻ giàu trí tưởng tượng sẽ lập tức tìm ra vài cách chứng minh rằng nó bất khả thi. Là một kẻ nói dối thuần thục không có nghĩa là người đó có một trí tưởng tượng phong phú. Nhiều kẻ nói dối xuất sắc không hề có chút trí tưởng tượng nào, và chính điều đó khiến những lời dối trá của họ mang sức thuyết phục đến kinh ngạc.

Vậy nên giờ đây khi đã nằm trong tay của Ủy ban Hiến tể, Lyra không lo sợ về những chuyện đang xảy đến với đoàn dân du mục. Họ đều là những chiến binh cừ khôi, và mặc dù Pantalaimon nói rằng mình đã thấy John Faa bị bắn, có thể nó đã nhìn lầm; hoặc nếu không phải nhầm lẫn thì John Faa có thể không bị thương nặng. Thật không may là cô đã bị rơi vào tay đám Samoyed, nhưng dân du mục sẽ sớm đến giải cứu cô. Giả dụ họ có không làm được thì cũng chẳng gì ngăn nổi Iorek Byrnison đưa cô ra ngoài; rồi họ sẽ bay tới Svalbard trên khí cầu của Lee Scoresby và giải cứu Ngài Asriel.

Trong tâm trí cô, mọi việc chỉ đơn giản như vậy.

Vì vậy vào sáng hôm sau khi thức dậy trong kí túc xá, cô bé rất tò mò và sẵn sàng đối phó với bất cứ việc gì sẽ xảy ra ngày hôm đó. Cô cũng háo hức muốn gặp Roger nữa - đặc biệt là háo hức gặp cậu bé trước khi nó nhìn thấy cô.

Cô đã không phải chờ đợi lâu. Trẻ con từ các kí túc xá khác được các y tá chăm sóc chúng đánh thức vào lúc bảy giờ rưỡi. Chúng rửa ráy, thay đồ rồi cùng những đứa khác tới phòng ăn để dùng bữa sáng.

Và Roger cũng ở đó.

Nó đang ngồi cùng với năm cậu nhóc khác tại chiếc bàn ngay bên trong cửa ra vào. Hàng xếp vào quầy phục vụ đi qua sát bên cạnh chúng nên cô có thể giả vờ đánh rơi khăn tay để khom người nhặt nó lên. Cô cúi thấp xuống cạnh ghế của cậu bé để Pantalaimon có thể nói chuyện với Salcilia, linh thú của Roger.

Đó là một con chim sẻ khướu, nó đang đập cánh loạn xạ nên Pantalaimon phải hóa thành mèo để nhảy lên ghim nó xuống và thì thầm. May là những cuộc chiến hay xô xát nhanh chóng như vậy giữa linh thú của những đứa trẻ là chuyện khá phổ biến, và chẳng có ai để tâm nhiều đến nó, nhưng Roger thì lập tức tái mặt. Lyra chưa từng thấy ai trắng nhợt đến thế. Nó ngược lên nhìn về mặt cực kì ngạo mạn của cô bé, rồi hai má ửng hồng trở lại khi tràn đầy hi vọng, phấn khích và vui sướng; và chỉ có Pantalaimon đang lay mạnh Salcilia mới có thể ngăn Roger hét to và nhảy lên chào đón đồng bọn Jordan của mình.

Lyra ngoảnh mặt đi, cố tỏ ra khinh khỉnh nhất có thể, cô đảo mắt với đám bạn mới của mình, để việc giải thích cho Pantalaimon. Bốn đứa con gái nhận lấy khay thức ăn chứa ngũ cốc và bánh mì nướng rồi ngồi lại cùng nhau, một hội thiết lập trong tức khắc, loại trừ tất cả những đứa khác để có thể buôn dưa lê về chúng.

Không ai có thể giữ một đám trẻ lớn ở một chỗ quá lâu mà không giao cho chúng đủ thứ để làm, mà Bolvangar thì về vài mặt lại điều hành như một ngôi trường, với những hoạt động được lên thời khóa

biểu như thể dục và “nghệ thuật”. Nam và nữ bị tách riêng trừ lúc nghỉ giải lao và giờ ăn, nên phải đến giữa buổi sáng, sau một tiếng rưỡi học khâu vá từ một trong những y tá ở đó, Lyra mới có cơ hội nói chuyện với Roger. Nhưng mọi thứ phải trông thật tự nhiên; đó là phần khó khăn. Tất cả trẻ con ở đó đều khoảng cùng một độ tuổi, cái tuổi mà con trai nói chuyện với con trai còn con gái nói chuyện với con gái, bên nào cũng tỏ rõ thái độ không quan tâm đến giới còn lại.

Cô bé lại tìm thấy cơ hội ở phòng ăn, khi lũ trẻ vào lấy đồ uống và bánh quy. Lyra cử Pantalaimon trong dạng ruồi đến nói chuyện với Salcilia trên bức tường cạnh bàn của chúng trong khi cô bé và Roger yên lặng ngồi trong hai nhóm riêng biệt của mình. Rất khó để có thể nói chuyện khi linh thú của mình đang chú tâm vào chỗ khác, nên Lyra làm ra vẻ rầu rĩ và nổi loạn khi hợp từng ngụm sữa với những đứa con gái khác. Phần nửa tâm trí cô đang tập trung vào tiếng rì rầm nhỏ xíu giữa hai con linh thú nên cô không thật sự lắng nghe, nhưng đột nhiên cô bé nghe thấy một đứa con gái khác với mái tóc vàng hoe nhắc tới một cái tên khiến cô ngồi bật dậy.

Đó là tên của Tony Makarios. Khi sự chú ý của Lyra đột ngột chuyển sang phía đó, Pantalaimon phải kìm cuộc nói chuyện thì thầm với linh thú của Roger lại, và cả hai đứa trẻ lắng nghe điều đứa con gái kia nói.

“Không, tớ biết vì sao họ lại mang cậu ta đi,” nó nói khi những cái đầu chụm sát vào gần đó. “Đó là vì linh thú của cậu ta không biến hình. Họ nghĩ cậu ta lớn hơn vẻ bề ngoài, hoặc kết luận là cậu ta không thật sự là một đứa bé. Nhưng thật ra linh thú của cậu ta không thường xuyên biến hình lắm vì bản thân Tony chẳng bao giờ nghĩ nhiều về bất cứ điều gì. Tớ đã thấy nó biến đổi. Nó tên là Ratter...”

“Sao họ lại có hứng thú với linh thú đến vậy?” Lyra hỏi.

“Chẳng ai biết cả,” đứa con gái tóc vàng hoe đáp.

“Tớ biết đấy,” một cậu nhóc đang lắng nghe lên tiếng. “Việc họ đang tiến hành là giết linh thú của bọn mình rồi xem bọn mình có chết

theo hay không.”

“Nhưng tại sao họ lại cứ lặp đi lặp lại việc đó với những đứa trẻ khác nhau?” Có ai đó lên tiếng. “Chẳng phải làm một lần là biết rồi sao?”

“Tớ biết họ làm gì đấy,” đứa con gái đầu tiên nói.

Giờ thì nó đã thu hút được sự chú ý của cả đám. Nhưng vì chúng không muốn cho nhân viên ở đó biết mình đang nói về chuyện gì nên phải giả bộ xa lạ, hơi lơ đãng và thờ ơ trong khi vẫn lắng nghe cao độ vì tò mò.

“Sao cậu biết?” Ai đó hỏi.

“Vì tớ đã ở cùng cậu ấy khi họ đến tìm. Chúng tớ đã ở trong phòng chứa ga gối,” nó nói.

Mặt nó đỏ lựng lên, chờ đợi những tiếng giễu cợt và trêu chọc, nhưng chẳng có gì xảy ra cả. Tất cả bọn trẻ đều không tỏ vẻ quan tâm, thậm chí còn chẳng có ai cười nữa.

Nó nói tiếp: “Chúng tớ đang giữ im lặng thì một y tá với giọng nói dịu dàng bước vào. Bà ta nói: Ra nào, Tony, ta biết cháu đang ở đó, nào, chúng ta sẽ không làm cháu đau đâu... Cậu ấy nói: Chuyện gì sẽ xảy ra? Rồi bà ta nói: Chúng ta chỉ cho cháu ngủ rồi tiến hành một cuộc phẫu thuật nhỏ, sau đó cháu sẽ lại tỉnh dậy khỏe mạnh như trước. Nhưng Tony không tin bà ta. Cậu ấy nói...”

“Những cái lỗ!” Một đứa nào đó thốt lên. “Họ sẽ đục một lỗ trên đầu cậu ấy giống như đám người Tartar! Dám cá đấy!”

“Im đi! Bà y tá còn nói gì nữa?” Ai đó nói chêm vào. Vào lúc này, hơn chục đứa trẻ đang xúm xít lại quanh bàn, lũ linh thú cũng háo hức muốn biết không kém gì chủ, tất cả đều tròn mắt kinh ngạc và hồi hộp.

Đứa con gái tóc vàng hoe nói tiếp: “Tony muốn biết họ định làm gì với Ratter, vậy đấy. Bà y tá trả lời: À, nó cũng sẽ ngủ giống như cháu thôi. Tony liền nói: Các người sẽ giết nó đúng không? Tôi biết

các người sẽ làm thế. Chúng tôi đều biết đó là việc sẽ xảy ra. Vậy là bà y tá nói: Không, đương nhiên là không rồi. Chỉ là một cuộc phẫu thuật nhỏ thôi. Chỉ là một vết cắt bé xíu. Thậm chí nó còn chẳng hề đau đớn, nhưng chúng ta cứ để cháu ngủ cho an toàn.”

Giờ thì cả căn phòng đã im bật. Bà y tá giám sát vừa đi khỏi một lúc, còn cửa quây phục vụ thông vào trong bếp thì đã đóng nên không ai có thể nghe được từ đó.

“Vết cắt kiểu gì cơ?” Một cậu nhóc hỏi rất khẽ, vẻ sợ sệt. “Bà ta có nói là cắt kiểu gì không?”

“Bà ta chỉ nói: Đó là thứ giúp cháu trưởng thành hơn. Bà ta nói mọi người đều phải có nó, đó là lí do vì sao linh thú của người lớn không biến đổi như của chúng ta. Vì vậy cần một vết cắt để ổn định chúng ở một hình dạng mãi mãi, đó là cách người ta lớn lên.”

“Nhưng...”

“Như thế có nghĩa là...”

“Gì cơ, tất cả người lớn đều có vết cắt này á?”

“VẬY CÒN...”

Đột nhiên tất cả các tiếng nói dừng bật, như thể chính bản thân chúng vừa bị cắt đứt vậy. Mọi ánh mắt đổ dồn về phía cửa. Y tá Clara đứng đó, dịu dàng, hòa nhã và thản nhiên, bên cạnh bà ta là một người đàn ông mặc áo choàng trắng mà Lyra chưa từng nhìn thấy.

“Bridget McGinn,” ông ta gọi.

Đưa con gái tóc vàng hoe lấy bẫy đứng dậy. Con linh thú sóc của nó bầu chặt lấy ngực chủ.

“Vâng, thưa ông?” Nó đáp, giọng gằn như không thể nghe nổi.

“Uống nốt cốc của cháu đi rồi theo Y tá Clara,” ông nói. “Các cô cậu bé còn lại thì quay lại lớp học đi.”

Đám trẻ ngoan ngoãn chòng cốc của chúng lên chiếc xe đẩy bằng thép không gỉ rồi lặng lẽ đi ra. Không ai nhìn Bridget McGinn ngoại trừ Lyra, cô thấy nỗi sợ hãi hiển hiện trên gương mặt cô bé tóc vàng.

Tiết thể dục chiếm trọn phần còn lại của buổi sáng. Tại Trạm có một phòng thể chất nhỏ, vì rất khó có thể luyện tập bên ngoài giữa buổi đêm vùng cực dài đằng đằng. Vậy là từng nhóm trẻ con lần lượt chơi ở đó dưới sự giám sát của một y tá. Chúng phải lập đội và ném bóng vòng quanh. Lyra chưa từng bao giờ chơi một thứ như thế này nên ban đầu cô bé không biết phải làm gì cả. Nhưng nhờ sự nhanh nhẹn, thần kinh vận động tốt, lại là một nhà chỉ huy bẩm sinh nên cô đã sớm thấy hứng thú với trò này. Tiếng hò hét của lũ trẻ, tiếng rú rít của linh thú ngập tràn nhà thể chất nhỏ bé và chẳng mấy chốc đã xua tan đi những suy nghĩ sợ hãi; hẳn nhiên đó chính xác là mục đích của việc luyện tập thể dục này.

Vào giờ ăn trưa, khi bọn trẻ lại một lần nữa xếp hàng trong phòng ăn, Lyra cảm thấy Pantalaimon ríu rít kêu lên vì nhận ra điều gì đó. Cô bé quay lại và thấy Billy Costa đang đứng ngay phía sau mình.

“Roger kể với tớ là cậu đang ở đây,” nó thì thầm.

“Anh cậu đang đến, cả John Faa và nguyên một đội quân du mục nữa,” cô nói. “Họ sẽ đưa cậu về nhà.”

Thằng nhóc gằn như hét toáng lên vì mừng rỡ, nhưng nó đã kìm nén lại thành một tiếng ho.

“Mà cậu phải gọi tớ là Lizzie đấy,” Lyra nói, “*cấm* gọi Lyra. Với cả cậu phải kể cho tớ nghe mọi thứ cậu biết nữa.”

Chúng ngồi cùng nhau, với Roger sát bên. Thật dễ để thực hiện việc này vào giờ ăn trưa, lúc lũ trẻ dành phần lớn thời gian đi tới đi lui giữa các bàn, trong khi quầy phục vụ và phòng ăn thì chật kín người. Trong tiếng lách cách của dao đĩa va vào đĩa ăn, Billy cùng Roger kể cho cô bé nghe tất cả những gì chúng biết. Billy đã nghe được từ một y tá rằng những đứa trẻ đã bị tiến hành phẫu thuật thường được đưa tới những nhà trọ xa dưới phía nam. Điều đó có thể giải thích việc làm thế

nào Tony Makarios lại đi lang thang trên hoang mạc. Nhưng Roger còn có thứ kì thú hơn để kể với cô.

“Tớ đã tìm được một chỗ trú ẩn,” nó nói.

“Hả? Ở đâu?”

“Nhìn cái tranh kia kìa...” Ý nó là bức hình lớn thể hiện cảnh bãi biển nhiệt đới. “Nhìn vào góc phải phía trên đi, có thấy miếng ván trần đó không?”

Trần nhà được cấu thành từ những miếng ván lớn hình chữ nhật đặt trong một khung cuốn dây kim loại, và mép của miếng ván phía trên bức tranh đang hơi vênh lên.

“Tớ thấy nó,” Roger nói, “và nghĩ rằng những miếng khác có thể cũng như vậy nên tớ đã thử nâng chúng lên. Chúng đều được lắp rất lỏng lẻo nên đẩy một cái là lên ngay. Tớ và đứa nữa đã thử vào một đêm trong kí túc xá của mình, trước khi người ta đưa cậu ấy đi. Có một khoảng không trên đó và ta có thể bò bên trong...”

“Có thể bò bao xa trong đó vậy?”

“Chịu. Bọn tớ chỉ vào có tí thôi. Bọn tớ nghĩ rằng khi cần chúng ta có thể trốn trên đó, nhưng họ có thể sẽ tìm ra chúng ta.”

Lyra không nhìn nhận về nó như một chỗ trốn mà như một đường cao tốc. Đó là điều tuyệt vời nhất cô được nghe kể từ khi đến đây. Nhưng trước khi chúng có thể nói thêm điều gì, một bác sĩ dùng thìa đập lên bàn và bắt đầu nói.

“Lắng nghe đây, các cô cậu bé,” ông ta nói. “Nghe thật kĩ nhé. Thịnh thoảng chúng ta sẽ phải có một cuộc tập huấn hỏa hoạn. Điều rất quan trọng là chúng ta đều phải ăn mặc chỉnh tề, không hoảng loạn và thoát được ra bên ngoài. Vì vậy chiều nay chúng ta sẽ có một cuộc tập huấn thử nghiệm. Khi chuông kêu, các cháu phải ngừng tất cả những gì đang làm và làm theo những điều mà người lớn gần nhất nói. Hãy ghi nhớ địa điểm mình được đưa đến. Đó là nơi các cháu sẽ phải đến nếu có hỏa hoạn thật sự.”

À, Lyra nghĩ, có ý tưởng rồi.

Trong suốt phần đầu của buổi chiều, Lyra và bốn đứa con gái khác được tiến hành kiểm tra Bụi. Các bác sĩ không để lộ rằng đó là việc họ sẽ làm, nhưng chẳng khó gì để đoán được. Từng đứa một được đưa tới phòng thí nghiệm, và hẳn nhiên là điều này khiến bọn trẻ đều rất sợ hãi; thật tàn nhẫn làm sao, Lyra nghĩ, nếu cô bé phải bỏ mạng mà không táng cho chúng được một quả! Nhưng xem ra chúng chưa có ý định thực hiện cuộc phẫu thuật đó vội.

“Chúng ta muốn thực hiện vài đo đạc,” bác sĩ giải thích. Thật khó để phân biệt những người này: tất cả đàn ông trông đều na ná nhau trong tấm áo khoác trắng cùng chiếc kẹp tài liệu và bút chì, phụ nữ trông cũng giống nhau nữa, bộ đồng phục và vẻ ngoài ôn tồn, bình tĩnh của họ khiến họ trông chẳng khác gì chị em.

“Hôm qua cháu được đo rồi mà,” Lyra nói.

“À, hôm nay chúng ta sẽ thực hiện các phép đo khác. Đứng lên miếng kim loại đi - quên, tháo giày ra trước đã. Cứ ôm lấy linh thú của mình nếu muốn. Nhìn về phía trước, đứng rồi, nhìn thẳng vào đốm sáng màu xanh ấy. Ngoan lắm...”

Có thứ gì đó lóe lên. Bác sĩ chỉnh mặt cô sang hướng khác rồi sang trái và sang phải, mỗi lần đều có tiếng cách và ánh sáng lóe lên.

“Vây là được rồi. Giờ thì tới bên máy này rồi đặt tay vào ống đi. Không đau đâu, ta hứa đấy. Duỗi thẳng ngón tay ra. Đứng rồi.”

“Ông đang đo *cái gì* vậy?” Cô bé hỏi. “Là Bụi à?”

“Ai nói với cháu về Bụi vậy?”

“Một trong những bạn gái khác, cháu không biết tên bạn ấy. Bạn ấy nói rằng chúng cháu bị phủ đầy Bụi. Cháu đâu có bụi bặm gì, ít nhất thì cháu cũng nghĩ thế. Hôm qua cháu vừa tắm xong mà.”

“À đó là một loại bụi khác. Cháu không thể thấy nó bằng mắt thường đâu. Đó là một loại bụi đặc biệt. Giờ thì nắm chặt tay vào - đứng rồi. Giỏi lắm. Giờ thì lần tìm trong đó một cái tay cầm đi - thấy

chưa? Năm lấy nó, ngoan lắm. Đặt tay còn lại của cháu về phía này đi - đặt nó lên quả cầu bằng đồng này. Tốt. Giỏi lắm. Giờ cháu sẽ cảm thấy hơi nhói lên một chút nhưng đừng có lo, chỉ là một dòng mạch nhẹ thôi...”

Pantalaimon, trong hình dạng mèo rừng căng thẳng và cảnh giác nhất của mình, đi quanh chiếc máy với đôi mắt lóe lên vẻ ngờ vực, liên tục quay lại cọ vào người Lyra.

Lúc này cô bé đã biết chắc rằng họ chưa định tiến hành thí nghiệm trên người cô, và cũng chắc chắn rằng thân phận Lizzie Brooks của cô được đảm bảo; vì vậy cô đã liêu hồi một câu.

“Sao các ông lại cắt rời linh thú của mọi người đi vậy?”

“Hả? Ai nói với cháu điều đó vậy?”

“Một bạn gái cháu không biết tên. Bạn ấy nói các ông cắt rời linh thú của người ta đi.”

“Vớ vẩn...”

Dù nói vậy ông ta vẫn tỏ ra bối rối. Cô bé nói tiếp:

“Vì các ông đưa từng người đi một và họ chẳng bao giờ quay về. Vài bạn cho rằng các ông đã giết họ, những bạn khác lại nói khác, còn bạn gái này thì nói với cháu là các ông cắt...”

“Hoàn toàn không đúng chút nào. Chúng ta đưa trẻ con đi vì đã đến lúc chúng cần chuyển đến một nơi ở mới. Chúng đã trưởng thành. Ta e là bạn cháu đang tự dọa bản thân đấy. Không có chuyện như vậy đâu! Đừng nghĩ về điều đó nữa. Bạn cháu là ai thế?”

“Cháu mới chỉ đến hôm qua nên cháu chẳng biết tên ai cả.”

“Cô bé trông như thế nào?”

“Cháu quên mất rồi. Cháu nghĩ tóc bạn ấy hình như có màu nâu... nâu nhạt, chắc vậy... cháu không biết nữa.”

Bác sĩ tới rí tai thật khê với y tá. Trong lúc hai người bàn bạc, Lyra quan sát linh thú của họ. Linh thú của bà y tá này là một con chim xinh xắn, cũng gọn gàng và lãnh đạm chẳng khác gì con chó của

Y tá Clara, còn của bác sĩ là một con bướm đêm to lớn nặng nề. Không con nào động đậy. Chúng đều đang thức, vì đôi mắt của con chim sáng bừng còn râu của con bướm đêm thì đang đung đưa chậm rãi, nhưng chúng không sinh động như cô tưởng tượng. Có lẽ chúng không thật sự lo lắng hay tò mò chút nào.

Chẳng mấy chốc bác sĩ đã quay trở lại và họ tiếp tục cuộc kiểm tra, cân cô bé và Pantalaimon riêng biệt, quan sát cô từ phía sau một tấm màn đặc biệt, đo nhịp tim của cô, đặt cô dưới một cái vòi đang rít lên và phả ra thứ mùi giống như không khí sạch.

Vào nửa chừng một trong những đợt kiểm tra, một tiếng chuông lớn bắt đầu vang lên rồi cứ liên tục reo như thế.

“Chuông báo cháy,” bác sĩ thở dài nói. “Được rồi. Lizzie, đi theo Y tá Betty đi.”

“Nhưng toàn bộ quần áo ngoài trời của chúng đều ở dưới tòa nhà kí túc xá cả, thưa Bác sĩ. Cô bé không thể đi ra ngoài thế này được. Chúng ta có nên qua đó trước không?”

Ông bác sĩ búng ngón tay tanh tách, khó chịu vì thí nghiệm của mình bị gián đoạn.

“Tập huấn là thế này đây,” ông ta than vãn. “Thật là phiền phức.”

“Khi cháu tới vào ngày hôm qua,” Lyra tỏ vẻ muốn giúp đỡ, “Y tá Clara đã cho quần áo của cháu vào tủ đồ ở phòng đầu tiên nơi bà ấy gặp cháu. Nó ở kế bên phòng này. Cháu có thể mặc chúng.”

“Ý kiến hay lắm!” Bà y tá nói. “Vậy đi nhanh đi.”

Vừa sượng thằm trong bụng, Lyra vừa vội vàng theo sau bà y tá đi lấy lại chiếc áo choàng lông, quần tất và đôi bốt tử tế của mình, rồi mặc vội chúng lên trong lúc bà y tá khoác lên mình chiếc áo lụa than.

Sau đó họ nhanh chóng đi ra. Trong trường đấu rộng mênh mông trước khu nhà chính, khoảng một trăm người cả người lớn lẫn trẻ con đang đi lại tán loạn: vài người thì háo hức, có kẻ lại cúi bần, nhưng phần lớn tỏ ra hoang mang.

“Thấy chưa?” Một người lớn đang nói. “Cần phải làm thế này để thấy được khi có hỏa hoạn thật chúng ta sẽ hỗn loạn đến mức nào.”

Có ai đó đang huýt sáo và vỗ tay, nhưng không ai chú ý nhiều đến điều đó. Lyra nhìn thấy Roger và vỗ lại. Roger kéo tay Billy Costa và chẳng mấy chốc cả ba đã tụ lại với nhau giữa một đám trẻ con đang chạy tán loạn.

“Chúng ta có đi xem xét xung quanh cũng chẳng có ai nhận ra đâu,” Lyra nói. “Họ sẽ tốn cả tỉ năm để đếm được tất cả mọi người, mà chúng ta thì có thể nói rằng mình đi theo ai đó và bị lạc.”

Chúng đợi cho tới khi phần lớn những người trưởng thành đang nhìn đi chỗ khác. Lyra lấy một vốc tuyết lên, nèn nó lại thành một cục xộp rồi ném bừa vào đám đông. Chỉ trong khoảnh khắc tất cả đám trẻ đã bắt chước theo, khiến không khí ngập tràn cầu tuyết bay. Những tiếng cười vang lấn át hoàn toàn tiếng người lớn hét lên, cố gắng kiểm soát tình hình. Cùng lúc đó ba đứa trẻ đã lén ra góc phòng và biến mất khỏi tầm mắt.

Tuyết quá dày khiến chúng chẳng thể đi nhanh nổi, nhưng xem ra việc đó cũng không phiền hà gì vì chẳng có ai theo sau cả. Lyra và những đứa còn lại bò trên mái vòm của một trong những đường hầm và thấy mình lạc vào một khung cảnh kì lạ khi ánh trăng tràn ngập trên những gò đất và hố trũng thông thường, vạn vật chìm trong một màu trắng muốt dưới nền trời đen, lấp lánh ánh phản chiếu từ những ngọn đèn xung quanh đấu trường.

“Chúng ta sẽ tìm gì đây?” Billy hỏi.

“Chịu. Cứ tìm đã,” Lyra nói rồi dẫn đường tới một tòa nhà thấp bè hơi tách rời khỏi các tòa còn lại, một ngọn đèn yếu ớt được thắp lên ở góc nhà.

Tiếng huyên náo ở phía sau vẫn inh ỏi như thế, chỉ là đã trở nên xa xăm hơn. Rõ ràng là bọn trẻ đang tận dụng sự tự do của mình hết mức có thể, còn Lyra thì mong rằng chúng sẽ duy trì việc đó càng lâu càng tốt. Cô bé đi vòng qua rìa của tòa nhà to bè, tìm kiếm một cái cửa

số. Mái nhà chỉ cách mặt đất tầm hai mét, và không giống như những tòa nhà khác, nó không có đường hầm lợp mái để kết nối với phần còn lại của Trạm.

Chẳng có cái cửa sổ nào cả, nhưng có một cánh cửa ra vào. Một biển báo trên đó ghi dòng chữ CẤM VÀO bằng mực đỏ.

Lyra đặt tay lên đó để thử, nhưng trước khi cô có thể vịn nắm đấm thì Roger kêu lên:

“Nhìn kìa! Một con chim! Hay là...”

Từ *hay là* của cậu bé là một tiếng cảm thán đầy nghi hoặc, bởi vì sinh vật đang sà xuống từ bầu trời đen thẫm hoàn toàn không phải một con chim: Lyra đã từng gặp nó rồi.

“Là linh thú của phù thủy!”

Con ngỗng vỗ đôi cánh vĩ đại của mình, làm bùng lên một cơn lốc tuyết trắng khi đáp xuống đất.

“Xin chào, Lyra,” nó nói. “Ta đã theo cô đến đây, mặc dù cô không nhìn thấy ta. Ta đã đợi cô ra ngoài trời suốt thời gian qua. Chuyện gì đang diễn ra vậy?”

Cô bé nhanh nhẩu thuật lại.

“Những người du mục đâu rồi?” Cô hỏi. “John Faa vẫn an toàn chứ? Họ có đánh đuổi được lũ Samoyed không?”

“Phần lớn bọn họ đều an toàn. John Faa bị thương nhưng không quá nặng. Những kẻ đã đưa cô tới đây là lũ thợ săn và trộm thường tấn công các nhóm khách lữ hành. Do hành động độc lập, chúng có thể di chuyển nhanh hơn một nhóm người lớn. Đoàn du mục vẫn còn cách nơi đây một ngày đường nữa.”

Hai thằng nhóc đang sợ sệt nhìn con linh thú ngỗng và nhìn điệu bộ thân mật của Lyra với nó, bởi vì hẳn nhiên là chúng chưa từng thấy một con linh thú nào mà không đi cùng với chủ, chúng biết rất ít về giới phù thủy.

Lyra nói với chúng: “Nghe này, các cậu nên đi trông chừng đi. Billy, cậu đi hướng đó, còn Roger, canh chừng lối đi mà chúng ta vừa đến. Chúng ta không có nhiều thời gian đâu.”

Chúng chạy đi làm theo điều cô bé nói, còn Lyra thì quay lại phía cửa ra vào.

“Sao cô lại cố tìm cách vào trong đó vậy?” Con linh thú ngỗng hỏi.

“Vì những điều người ta đang làm ở đây. Họ cắt...” Cô hạ giọng: “... họ cắt rời linh thú của người khác. Của trẻ con. Tôi nghĩ có thể họ tiến hành việc đó ở đây. Ít nhất thì cũng có thứ gì đó ở đây nên tôi định đi xem. Nhưng nó bị khóa mất rồi...”

“Ta có thể mở nó ra,” con ngỗng nói rồi vỗ cánh một vài lần, hất tuyết về phía cửa; nó vừa làm vậy thì Lyra nghe thấy có thứ gì đó đang vặn trong ổ khoá.

“Vào cẩn thận nhé,” con linh thú nói.

Lyra kéo cánh cửa trên nền tuyết rồi lén vào trong. Con linh thú ngỗng đi cùng với cô. Pantalaimon đang rất lo lắng và sợ hãi, nhưng nó không muốn con linh thú của phù thủy thấy mình run rẩy nên đã bay tới trú trong ngực áo choàng lông của Lyra.

Ngay khi mắt cô làm quen được với ánh sáng, Lyra đã hiểu tại sao.

Trong một dãy lồng thủy tinh đặt trên những cái giá chạy quanh tường là toàn bộ số linh thú của những đứa trẻ bị cắt rời: những hình dạng ma quái của mèo, chim, chuột hay những sinh vật khác, cái nào cũng đầy kinh hoàng và khiếp đảm, tất cả đều nhợt nhạt như khói.

Con linh thú của phù thủy kêu lên tức giận, Lyra thì ghì chặt lấy Pantalaimon và nói: “Đừng nhìn! Đừng nhìn!”

“Đám trẻ con của các linh thú này đâu rồi?” Con linh thú ngỗng nói, cả người run lên vì phẫn nộ.

Lyra kinh hãi giải thích về cuộc gặp gỡ của cô với Tony Makarios bé bỏng rồi quay lại nhìn về phía những con linh thú tội nghiệp đang bị giam cầm, chúng đang dồn về phía trước, ấn những gương mặt nhợt nhạt lên lớp kính. Lyra có thể nghe thấy những tiếng kêu yếu ớt trong đau đớn và khổ sở. Trong ánh sáng lờ mờ từ một bóng đèn mạch yếu thế, cô bé có thể thấy những cái tên viết trên thẻ đặt trước từng lồng, và quả vậy, cái lồng có tên *Tony Makarios* trên đó đang rỗng không. Ngoài ra còn có khoảng bốn hoặc năm lồng rỗng đính kèm tên khác.

“Tôi muốn thả những sinh vật tội nghiệp này đi!” Cô giận dữ nói. “Tôi sẽ đập vỡ kính và giải phóng chúng...”

Cô nhìn quanh quất để tìm một vật gì đó khả dĩ, nhưng nơi đó trống không. Con linh thú ngẩng lên tiếng: “Khoan.”

Nó là linh thú của phù thủy, lại lớn tuổi hơn và mạnh hơn cô rất nhiều. Cô phải nghe theo những gì nó nói.

“Chúng ta phải khiến cho những kẻ này nghĩ rằng có người đã quên khóa cửa và đóng các lồng lại,” nó giải thích. “Nếu họ thấy kính vỡ và dấu chân trên tuyết, cô nghĩ thân phận giả của mình sẽ tồn tại được bao lâu? Nó cần phải giữ cho tới khi đoàn du mục đến. Giờ thì hãy làm đúng theo những gì ta nói: lấy một nắm tuyết, và khi ta bảo thì lần lượt thổi một ít vào từng chiếc lồng.”

Cô bé chạy ra ngoài. Roger và Billy vẫn đang đứng gác, từ đầu trường vẫn vọng ra những tiếng la hét và cười nói, vì mới chỉ tầm một phút trôi qua.

Cô vốc đầy hai tay một nắm tuyết bông xốp rồi quay lại làm như con linh thú ngẩng nói. Trong khi cô thổi một ít tuyết lên từng cái lồng, con ngỗng tạo một tiếng tách tách trong cổ họng, vậy là then cài ở phía trước lồng bật mở.

Sau khi đã mở hết cửa lồng, cô nhấc mặt trước của cái đầu tiên lên. Hình dạng nhợt nhạt của một con chim sẻ run rẩy bay ra, nhưng chưa kịp bay lên thì nó đã rơi phịch xuống sàn. Con ngỗng dịu dàng cúi xuống, lấy mỏ đẩy nhẹ cho nó đứng dậy, con chim sẻ liền hóa

thành chuột, loạng choạng và bối rối. Pantalaimon nhảy xuống đỡ dành nó.

Lyra nhanh chóng tiến hành công việc, và chỉ trong vài phút tất cả số linh thú đã được thả tự do. Một số cố gắng nói, chúng túm tụm xung quanh chân cô bé và thậm chí còn cố giật tất chân của cô, mặc dù điều cấm kị đã ngăn chúng lại. Cô bé hiểu được vì sao, những con vật đáng thương; chúng nhớ hơi ấm vững chãi từ cơ thể chủ nhân của mình, cũng giống như điều Pantalaimon hẳn sẽ làm. Chúng muốn được nép người vào nơi có nhịp tim đập.

“Nào, nhanh lên,” con ngỗng nói. “Lyra, cô phải chạy về trà trộn vào với những đứa trẻ khác. Dừng cảm lên, cô bé. Đoàn du mục đang đến nhanh nhất có thể. Ta sẽ phải giúp những linh thú đáng thương này tìm lại chủ nhân của mình...” Nó tiến gần lại rồi khẽ nói: “Nhưng chúng sẽ không bao giờ hợp nhất lại được nữa. Chúng đã bị chia tách mãi mãi. Đây là điều tội lỗi nhất mà ta từng thấy... Cứ mặc kệ những dấu chân mà cô đã tạo ra; ta sẽ xóa chúng đi sau. Giờ thì nhanh lên...”

“Ôi, làm ơn! Trước khi ông đi! Các phù thủy... Họ có bay đúng không? Đêm trước tôi không mơ khi thấy họ bay đúng không?”

“Phải, bé con ạ; sao thế?”

“Họ có kéo được một chiếc khí cầu không?”

“Chắc chắn rồi, nhưng...”

“Serafina Pekkala sẽ đến chứ?”

“Không có thời gian giải thích về chính trị của dân tộc phù thủy đâu. Có những thế lực to lớn liên quan đến chuyện này, và Serafina Pekkala phải bảo vệ lợi ích của bộ tộc mình. Nhưng có thể những chuyện đang xảy ra ở đây là một phần của toàn bộ diễn biến ở những nơi khác. Lyra, cô cần phải vào trong nhà. Chạy đi, nhanh!”

Cô bé lao đi. Roger, đang tròn mắt nhìn đám linh thú nhọt nhọt dạt ra khỏi tòa nhà, thấy thế liền lội qua lớp tuyết dày đuổi theo cô bé.

“Chúng là - giống như hầm mộ ở Jordan - chúng là các linh thú!”

“Phải, khê chứ. Đừng có nói với Billy đó. Đừng nói với ai vội. Quay trở về thôi.”

Đằng sau chúng, con ngỗng đang hùng hục đập cánh, quạt tuyết lên những dấu chân mà chúng đã tạo ra. Bên cạnh nó, đám linh thú lạc chủ đang túm tụm lại hoặc dạt ra xa, kêu lên những tiếng thê lương đầy mất mát và khát khao. Khi các dấu chân đã được lấp, con ngỗng quay ra dồn đám linh thú lại với nhau. Nó nói, và từng con một biến hình, dù không khó để thấy chúng đã phải nỗ lực nhường nào, cho đến khi tất cả đều thành chim. Giống như lũ chim non, chúng theo đuôi con linh thú phù thủy, lão đảo, vấp ngã, chạy trên tuyết theo sau nó, và cuối cùng, vô cùng khó nhọc, chúng cất cánh. Chúng bay lên theo một hàng rời rạc, nhợt nhạt và ma quái trên nền trời đen thẫm, rồi nâng dần độ cao, dù một vài con tỏ ra yếu ớt và chập chờn còn những con khác nhụt chí và lão đảo bay xuống; nhưng con ngỗng xám khổng lồ đã lượn vòng tới và đẩy chúng trở lại, dịu dàng dẫn đoàn tiến lên cho tới khi tất cả biến mất trong bóng tối sâu thẳm.

Roger đang kéo tay Lyra.

“Nhanh lên,” nó giục, “họ sắp xong rồi đấy.”

Chúng hấp tấp chạy tới nhập bọn với Billy, lúc đó đang ra hiệu từ góc tòa nhà chính. Bọn trẻ lúc này đã mệt, hoặc nếu không thì đám người lớn đã lấy lại được chút quyền lực, vì mọi người đang xếp hàng một cách rời rạc bên cạnh cửa chính, vừa đứng vừa chen lấn xô đẩy. Lyra và hai đứa còn lại lên ra khỏi góc nhà rồi trà trộn vào chúng, nhưng trước khi làm vậy, Lyra nói:

“Truyền tin cho tất cả mọi người - họ phải sẵn sàng chạy trốn. Họ phải biết được chỗ để quần áo mặc ngoài trời, sẵn sàng đi lấy và chạy ra ngay khi chúng ta đánh tín hiệu. Và tất cả phải đảm bảo giữ thật kín chuyện này, hiểu chứ?”

Billy gật đầu, còn Roger nói: “Tín hiệu gì cơ?”

“Chuông báo cháy,” Lyra đáp. “Khi thời cơ đến, tớ sẽ rung chuông.”

Chúng chờ cho tới khi được điểm danh. Nếu có bất cứ ai trong Ủy ban Hiến tế có chút liên quan gì tới trường học thì hẳn họ đã sắp xếp việc này tốt hơn: vì bọn nhóc không có một nhóm chính thức nào để tham gia, người ta phải đánh dấu từng đứa một trong một danh sách đầy đủ. Đương nhiên là chúng không được xếp theo trật tự chữ cái, mà người lớn thì chẳng có ai quen với việc quản lí cả. Vậy nên mặc dù không còn ai chạy loanh quanh nữa nhưng mọi việc vẫn rất hỗn loạn.

Lyra quan sát và nhận ra điều đó. Họ không hề giỏi trong việc này chút nào. Những người này tỏ ra bê trễ về rất nhiều mặt; họ cầu nhàu về việc luyện tập phòng cháy, họ không biết nơi quần áo mặc ngoài trời nên được cất, họ không thể bảo ban lũ trẻ đứng vào hàng ngay ngắn; và sự chệnh mảng của họ có thể lại có lợi cho cô bé.

Tuy vậy, khi họ gần hoàn thành thì lại có một việc khác gây xao lãng, và theo như Lyra thấy thì đó là điều tồi tệ nhất có thể xảy ra.

Cô bé nghe thấy âm thanh mà tất cả những người khác đều nghe thấy. Những cái đầu bắt đầu quay đi, rà soát bầu trời đêm để tìm một chiếc khí cầu zeppelin có động cơ chạy gas đang kêu rộn rã trong bầu không khí tĩnh lặng.

Có một điều may mắn là nó tới từ hướng ngược lại so với hướng mà con ngỗng xám vừa bay đi. Nhưng đó là nguồn an ủi duy nhất. Chẳng bao lâu sau chiếc khí cầu đã hiện rõ, khiến một tiếng rì rầm đầy hứng khởi lan tỏa trong đám đông. Hình dạng màu bạc tròn lẳn và bóng loáng của nó trôi qua trên con đường ánh sáng, còn những luồng sáng của chính nó thì chiếu rọi xuống dưới từ đầu mũi và khoang treo phía dưới thân tàu.

Viên phi công giảm tốc rồi bắt đầu thực hiện công việc điều chỉnh độ cao đầy phức tạp. Giờ Lyra đã nhận ra cái cột to bè đó dùng để làm gì: hẳn nhiên là để neo khí cầu rồi. Khi những người lớn dẫn bọn trẻ vào nhà trong lúc chúng không ngừng ngoái lại nhìn và chỉ trỏ, đội nhân viên mặt đất đã leo lên thang dựng trên cột và chuẩn bị móc cáp

neo tàu. Động cơ gầm rú, tuyết bay thốc lên từ mặt đất, và gương mặt của các hành khách hiện ra trên cửa sổ khoang tàu.

Lyra nhìn lên, không hề nhàm lẫn. Pantalaimon ghì chặt lấy cô bé, biến thành một con mèo rừng và rít lên đầy căm ghét, bởi vì người đang tò mò nhìn ra ngoài chính là Phu nhân Coulter với mái tóc sẫm màu xinh đẹp và con linh thú vàng óng trong lòng.

Máy chém bằng bạc

Lyra lập tức rúc đầu vào dưới chiếc mũ trùm lông chồn gulo của mình rồi lẩn vào qua cánh cửa đôi cùng với những đứa trẻ khác. Vẫn đủ thời gian để lo lắng về điều sẽ phải nói khi họ đối mặt, còn bây giờ cô có vấn đề khác cần giải quyết trước, đó là làm cách nào giấu được bộ đồ lông vào một nơi cô có thể lấy mà không cần hỏi ý kiến.

Nhưng may thay, bên trong nhà cũng đang rất lộn xộn khi người lớn cố gắng lừa bọn trẻ vào thật nhanh để dẹp đường cho các hành khách từ chiếc zeppelin, nên không có ai quan sát cẩn thận cả. Lyra cởi áo khoác, tắt chân và giày bớt ra rồi bó chúng lại nhỏ nhất có thể trước khi chen qua những hành lang đầy ngập người để về kí túc xá.

Cô bé nhanh chóng kéo một chiếc tủ khóa vào góc phòng, đứng lên nó rồi đẩy lên trần nhà. Tấm ván nâng lên đúng như Roger nói, cô liền đẩy đôi bớt và quần tất vào khoảng không phía trên. Sau khi suy tính lại, cô bé lấy chiếc Chân Kế trong túi đeo ra, giấu nó vào khoang tủ trong cùng của áo khoác trước khi đẩy cả nó vào.

Cô nhảy xuống, đẩy lại chiếc tủ khóa rồi thì thầm với Pantalaimon: “Chúng ta chỉ cần giả đồ ngu ngơ cho tới khi bà ta phát hiện ra, rồi nói rằng chúng ta đã bị bắt cóc. Không hó hé gì về đoàn du mục và đặc biệt là Iorek Byrnison đâu đấy.”

Nếu trước đây Lyra không để ý thấy thì giờ cô đã nhận ra rằng toàn bộ nỗi sợ trong cô hướng về Phu nhân Coulter cũng giống như

kim la bàn hướng về cực vậ. Tất cả những thứ khác mà cô đã từng chứng kiến, thậm chí cả sự tàn bạo ghê tởm của quá trình phẫu thuật cắt đứt, cô cũng đều chịu đựng được; cô đủ mạnh mẽ; nhưng ý nghĩ về gương mặt duyên dáng và giọng nói dịu dàng đó, hình ảnh con khi vàng tinh nghịch, đã đủ khiến bụng cô quặn lên, mặt nhợt đi và cảm thấy nôn nao.

Nhưng đoàn người du mục đang đến. Hãy nghĩ về điều đó. Nghĩ về Iorek Byrnison. Và đừng để bị lộ, cô tự nhủ rồi lên trở lại phòng ăn, nơi đang phát ra rất nhiều tiếng ồn.

Trẻ con đang xếp hàng nhận đồ uống nóng, vài đứa vẫn đang khoác áo choàng bằng lụa than. Chúng chỉ toàn nói về chiếc zeppelin và hành khách của nó.

“Là bà ta đó - cùng với con linh thú khi...”

“Bà ta cũng bắt được cậu à?”

“Bà ta nói sẽ viết thư cho bố mẹ tớ nhưng tớ dám cá là bà ta không hề...”

“Bà ta chưa từng nói với bọn tớ về những đứa trẻ bị giết. Chưa từng đã động chút nào đến việc đó.”

“Con khi đó, nó là thứ tồi tệ nhất - nó tóm được Karossa của tớ và suýt nữa thì giết mất Karossa - tớ có thể cảm thấy toàn thân lả đi...”

Bọn chúng cũng sợ hãi chẳng kém gì Lyra. Cô bé ngồi xuống sau khi tìm thấy Annie và những đứa khác.

“Nghe này,” cô lên tiếng, “các cậu giữ bí mật được chứ?”

“Được!”

Ba gương mặt quay lại phía cô, sáng bừng lên trong mong đợi.

“Có một kế hoạch trốn thoát,” Lyra nói khẽ. “Có người đang đến đưa chúng ta đi, phải, khoảng một ngày nữa họ sẽ đến đây. Có thể là sớm hơn. Việc tất cả chúng ta phải làm là sẵn sàng ngay khi có tín hiệu, lập tức đi lấy quần áo rét rồi chạy ra ngoài. Không được nán lại

đợi chờ. Chỉ cần phải chạy thôi. Có điều là nếu không lấy được áo khoác, giày boots và những thứ khác thì các cậu sẽ chết cồng.”

“Tín hiệu gì cơ?” Annie hỏi gặng.

“Chuông báo cháy, giống như chiều hôm nay. Tất cả đều được sắp xếp hết rồi. Toàn bộ trẻ con sẽ được biết nhưng người lớn thì không. Đặc biệt là không phải *bà ta*.”

Đôi mắt chúng ánh lên đầy hi vọng và hứng khởi. Thông điệp đang được truyền đi khắp phòng ăn. Lyra có thể nhận thấy bầu không khí đã thay đổi. Bên ngoài, đám trẻ vẫn đang tràn trề năng lượng và háng hái chơi đùa; rồi khi vừa thấy Phu nhân Coulter, trong chúng dấy lên nỗi sợ hãi tột độ nhưng phải kìm nén lại. Nhưng giờ đây những câu chuyện của chúng đã được kiểm soát và có mục đích hơn. Lyra lấy làm ngạc nhiên trước ảnh hưởng mà niềm hi vọng có thể đem lại.

Cô bé nhìn qua ô cửa mở, thận trọng và luôn sẵn sàng trùm mũ lên đầu, vì có tiếng người lớn đang vọng đến, rồi chính Phu nhân Coulter cũng thoáng hiện ra. Bà ta nhìn vào rồi mỉm cười với những đứa trẻ hạnh phúc đang cầm đồ uống nóng và bánh ngọt, được sưởi ấm và cho ăn đầy đủ. Gần như ngay lập tức, một cơn rung mình khẽ lan tỏa ra khắp phòng ăn, đứa nào đứa nấy đứng đờ ra và lặng thinh nhìn người đàn bà.

Phu nhân Coulter mỉm cười rồi lẳng lặng đi tiếp. Dần dần những cuộc bàn tán lại vang lên.

Lyra nói: “Họ đi nói chuyện ở đâu vậy?”

“Có lẽ là phòng hội thảo,” Annie nói. “Họ có đưa chúng tớ đến đó một lần,” nó nói thêm, ngụ ý chỉ bản thân và linh thú của mình. “Có khoảng hai mươi người trưởng thành ở đó và một trong số họ đang thuyết trình. Tớ phải đứng đó và làm theo những gì ông ta bảo, ví dụ như kiểm tra xem Kyrillion có thể tách rời khỏi tớ bao xa, rồi ông ta thôi miên tớ và làm những việc khác nữa... Đó là một căn phòng lớn có rất nhiều bàn ghế và một cái bục nhỏ. Nó ở phía sau văn phòng ở mặt tiền. Ngày, tớ cá *họ* sẽ giả vờ là buổi huấn luyện phòng

cháy đã thành công tốt đẹp. Tớ dám chắc họ cũng sợ bà ta chẳng kém gì bọn mình...”

Trong suốt phần ngày còn lại, Lyra cứ dính chặt lấy đám con gái, quan sát, kiểm lời và kín đáo. Chương trình hôm đó có luyện tập thể chất, may vá, dùng bữa nhẹ, chơi đùa trong phòng khách: một căn phòng lớn tối tăm chứa các trò chơi cờ bàn, vài cuốn sách tả tơi và một bàn bóng bàn. Đến một lúc, Lyra và những đứa khác nhận ra có sự khẩn cấp kín đáo nào đó đang diễn ra, vì đám người lớn cứ vội vàng chạy tới chạy lui hay đứng thành từng nhóm lo lắng trao đổi đầy cấp bách. Lyra đoán rằng họ đã phát hiện ra vụ tẩu thoát của đám linh thú và đang thắc mắc không hiểu làm sao lại xảy ra việc đó được.

Nhưng cô bé không nhìn thấy Phu nhân Coulter, thật nhẹ nhõm biết bao. Khi tới giờ đi ngủ, cô biết rằng mình phải nói chuyện riêng với những đứa con gái khác.

“Nghe này,” cô nói, “họ có bao giờ đến kiểm tra xem chúng ta đã ngủ chưa hay không?”

“Họ chỉ nhìn vào một lần thôi,” Bella đáp. “Họ chỉ rọi đèn xung quanh chứ không thật sự xem xét gì cả.”

“Tốt. Vì tớ sẽ đi kiểm tra vòng quanh. Có một lối đi trên trần nhà mà cậu bạn này đã chỉ cho tớ...”

Cô bé giải thích, nhưng trước khi kịp nói xong thì Annie đã chen vào: “Tớ sẽ đi với cậu!”

“Không, cậu không nên đi cùng, vì nếu chỉ có một đứa biến mất thì sẽ dễ dàng hơn. Các cậu đều có thể nói là đã ngủ thiếp đi và không biết tớ đi đâu mất.”

“Nhưng nếu tớ đi cùng với cậu...”

“Chỉ tổ dễ bị tóm thôi,” Lyra nói.

Hai con linh thú của chúng nhìn nhau dăm dăm, Pantalaimon trong lột mèo rừng còn Kyrillion của Annie thì là một con cáo. Cả hai đều đang run lên kích động. Pantalaimon rít lên một tiếng trầm và khê

nhất, răng nhe ra, trong khi Kyrillion lại ngoảnh đi và bắt đầu tự chải lông về thờ ơ.

“Thôi được rồi,” Annie cam chịu nói.

Việc những xung đột giữa trẻ con được giải quyết bởi linh thú của chúng theo cách này khá là phổ biến, khi một con chấp nhận ưu thế của con còn lại. Nhìn chung chủ nhân của chúng chấp nhận kết quả mà không oán giận, nên Lyra biết rằng Annie sẽ làm theo điều cô yêu cầu.

Cả bọn góp quần áo lại để chất lên giường Lyra, làm cho như thể cô bé vẫn đang ở đó, và thề sẽ nói rằng mình không biết gì về việc đó cả. Sau đó Lyra ra cửa nghe ngóng để chắc chắn rằng không có ai đang tới. Sau đó cô nhảy lên trên tủ khoá, đẩy tấm ván lên và đu người qua đó.

“Đừng có nói gì cả đấy,” cô bé thì thầm xuống với ba khuôn mặt đang dõi theo.

Rồi cô nhẹ nhàng thả tấm ván lại chỗ cũ và nhìn quanh.

Cô đang khom người trong một ống dẫn hẹp bằng kim loại được nâng đỡ bởi bộ khung tạo từ xà nhà và thanh chống. Những tấm ván của trần nhà trong mờ nên một phần ánh sáng từ phía dưới vẫn lọt qua được. Trong ánh sáng yếu ớt đó, Lyra có thể thấy không gian chật hẹp này (chỉ cao chưa đầy một mét) trải dài theo mọi hướng xung quanh cô. Nó đầy nhóc những ống kim loại, rất dễ để bị lạc trong đó, nhưng chỉ cần cô bám theo khối kim loại, tránh đề nặng lên các tấm ván và chùng nào còn không gây ra tiếng động thì chắc hẳn cô sẽ có thể đi từ đầu này đến đầu kia của Trạm.

“Giống như hồi ở Jordan nhỉ, Pan,” cô thì thầm, “lúc nhòm vào Phòng nghỉ ấy.”

“Nếu cậu không làm thế thì những chuyện này đã chẳng xảy ra,” nó thì thầm lại.

“Vậy thì việc giải quyết nó là trách nhiệm của tớ, đúng không?”

Cô bé xác định phương hướng, ước chừng hướng tới phòng hội thảo rồi lên đường. Đó là một cuộc hành trình không hề dễ dàng. Cô phải di chuyển bằng bàn tay và đầu gối vì khoảng không quá thấp để có thể cúi người mà đi. Cứ thỉnh thoảng cô lại phải ép người xuống dưới một ống lớn hình vuông hay nâng người qua vài ống sưởi. Cô có thể đoán được rằng mình đang bò trong những đường ống kim loại men theo đỉnh của những bức tường phía trong, chừng nào còn ở trong đó cô còn cảm thấy an lòng với sự vững chắc bên dưới; nhưng chúng rất hẹp, lại có gờ sắc, sắc đến mức khuỷu tay và đầu gối cô bị chúng cứa rách. Chẳng bao lâu sau toàn thân cô đã đau nhức, tù túng và bám đầy bụi.

Nhưng cô bé biết đại khái mình đang ở đâu, và đồng hồ lông thú đen ngòm được nhét trên trần kí túc xá sẽ dẫn lối cho cô về. Cô có thể biết được phòng nào không có người vì ván trần ở đó sẽ tối. Thỉnh thoảng khi nghe thấy tiếng nói vọng từ phía dưới, cô dừng lại lắng nghe, nhưng đó chỉ là những người cấp dưỡng trong nhà bếp, hay các y tá trong căn phòng mà theo lối suy nghĩ Jordan của Lyra là phòng chung của họ. Họ chẳng nói gì thú vị nên cô tiếp tục tiến lên.

Cuối cùng cô cũng tới một khu vực mà theo tính toán thì phòng hội thảo hẳn phải ở đó. Quả vậy, tại đó có một khu vực không chứa một ống dẫn nào, nơi các ống khí điều hòa và sưởi dẫn xuống tại một đầu, và là nơi tất cả các tấm ván lớn hình chữ nhật đều được chiếu sáng như nhau. Cô áp tai xuống ván và nghe thấy giọng những người đàn ông rì rầm, vậy là cô biết mình đã tìm đến đúng chỗ.

Cô bé lắng nghe thật kĩ rồi nhích dần cho tới khi đến được gần nhất có thể với những người đang nói. Sau đó cô nằm xoài ra trong đường ống kim loại và nghiêng đầu sang một bên để nghe được rõ nhất.

Thỉnh thoảng lại có tiếng dao đĩa lách cách, hay tiếng thủy tinh chạm nhau khi đồ uống được rót, hóa ra họ vừa dùng bữa vừa nói chuyện. Cô đoán là có bốn giọng nói, bao gồm cả giọng Phu nhân

Coulter. Ba người còn lại là đàn ông. Có vẻ như họ đang thảo luận về những con linh thú đã trốn thoát.

“Nhưng ai phụ trách giám sát khu vực đó vậy?” Giọng nói dịu dàng du dương của Phu nhân Coulter vang lên.

“Một nghiên cứu sinh tên McKay,” một trong những người đàn ông nói. “Nhưng có những cơ chế tự động để ngăn sự việc như thế này xảy ra...”

“Chúng không hiệu quả,” bà ta nói.

“Có đấy, thưa Phu nhân Coulter. McKay quả quyết là cậu ta đã khóa tất cả các cửa lồng khi rời khỏi tòa nhà vào lúc mười một giờ ngày hôm nay. Dĩ nhiên là cửa ngoài cũng không được mở trong bất cứ trường hợp nào, vì cậu ta vào và ra bằng cửa trong như mọi khi. Cần phải nhập mã vào máy kiểm soát các ổ khoá, và trong dữ liệu của nó có ghi nhận việc cậu ta đã làm vậy. Nếu không làm như thế, chuông báo động sẽ đổ.”

“Nhưng chuông đâu có kêu,” bà ta nói.

“Có. Không may là nó kêu khi tất cả đều đang ở bên ngoài để tham gia buổi huấn luyện phòng cháy.”

“Nhưng khi các ông vào lại bên trong...”

“Không may là cả hai chuông báo lại cùng trong một mạch; đó là một lỗi thiết kế cần phải chỉnh sửa. Điều đó có nghĩa là khi chuông báo cháy được tắt sau buổi tập dượt, chuông báo động trong phòng thí nghiệm cũng bị tắt. Có điều, ngay cả khi đó, đáng lẽ sự việc đã phải được phát hiện nhờ những cuộc kiểm tra thông thường sau mỗi lần chu trình hằng ngày bị gián đoạn; nhưng lần này, thưa Phu nhân Coulter, bà đã đến bất ngờ. Nếu bà còn nhớ thì chính bà đã yêu cầu đích danh được gặp nhân viên phòng thí nghiệm ngay tại đó, trong phòng của bà. Do vậy đã không có ai quay lại phòng thí nghiệm trong một khoảng thời gian.”

“Ra vậy,” Phu nhân Coulter lạnh lùng nói. “Nếu vậy thì đám linh thú hẳn đã được giải phóng trong thời gian huấn luyện phòng cháy. Và điều đó nói rộng danh sách nghi phạm thành bao gồm toàn bộ người lớn trong Trạm. Ông đã nghĩ tới điều đó chưa?”

“Bà đã tính tới việc nó có thể được thực hiện bởi một đứa trẻ con chưa?” Một người khác lên tiếng.

Bà ta lặng thinh. Người thứ hai liền nói tiếp:

“Mỗi người lớn đều có một nhiệm vụ phải thực hiện, và mỗi nhiệm vụ sẽ chiếm toàn bộ sự chú tâm của họ, tất cả các nhiệm vụ đều đã được hoàn thành. Không hề có khả năng cho việc bất cứ nhân viên nào ở đây có thể đã mở cửa. Hoàn toàn không. Vì vậy hoặc là có kẻ nào đó tới từ bên ngoài cùng với ý định thực hiện việc đó, hay một trong số những đứa trẻ đã tìm được đường tới đó, mở cửa ra vào và các lồng, rồi quay trở lại mặt tiền của tòa nhà chính.”

“Vậy các ông đang làm gì để điều tra việc đó?” Bà hỏi. “Thôi, tôi nghĩ lại rồi, không cần nói đâu. Xin hãy hiểu cho, Bác sĩ Cooper, tôi không phê phán vì ác ý. Chúng ta cần phải đặc biệt cẩn trọng. Thật là một sai sót tồi tệ khi cho phép cả hai chuông báo được thiết lập trên cùng một mạch. Việc đó cần phải được sửa đổi ngay lập tức. Có lẽ sĩ quan người Tartar đảm nhận việc canh gác có thể giúp các ông điều tra chẳng? Tôi chỉ đơn thuần nhắc đến ông ta như một khả năng thôi. Nhân tiện, những người Tartar đã ở đâu vào lúc diễn ra huấn luyện phòng cháy? Tôi cho rằng các ông đã tính đến điều này?”

“Phải, chúng tôi có nghĩ tới,” người đàn ông ngán ngẩm đáp. “Tất cả lính gác đều bận đi tuần, không sót một ai. Họ ghi chép lại rất tỉ mỉ.”

“Tôi chắc chắn là các ông đang làm hết mức có thể,” bà ta nói. “Thôi được rồi. Quả là vô cùng đáng tiếc, nhưng tạm thời thì nói về chuyện đó như vậy là đủ rồi. Kể cho tôi nghe về việc tách rời mới đi.”

Lyra rùng mình sợ hãi. Việc này chỉ có thể ám chỉ một điều duy nhất.

“À,” bác sĩ nói, nhẹ nhõm khi thấy cuộc nói chuyện chuyển sang chủ đề khác, “chúng tôi đã đạt được một bước tiến thực sự. Với mẫu đầu tiên, chúng tôi không thể hoàn toàn loại bỏ được rủi ro bệnh nhân tử vong vì sốc, nhưng giờ thì vấn đề đó đã được khắc phục.”

“Dân Skraeling dùng tay không cũng làm được tốt hơn,” người đàn ông trước đó chưa từng phát biểu nói.

“Tốt hàng thế kỉ để luyện tập,” người kia đáp lại.

“Nhưng đôi khi việc *xé toạc* một cách đơn thuần lại là lựa chọn duy nhất,” người phát biểu chính lên tiếng, “dù cho việc đó có khiến những người thực hiện phải đau khổ đến mức nào. Nếu bà còn nhớ, chúng ta đã phải sa thải một số lượng khá lớn vì những lí do liên quan đến lo âu và căng thẳng. Nhưng bước đột phá lớn đầu tiên là việc sử dụng thuốc gây mê kết hợp với dao mạch Maystadt. Chúng tôi đã có thể giảm tỉ lệ tử vong do sốc phẫu thuật xuống dưới năm phần trăm.”

“Vậy còn thiết bị mới?” Phu nhân Coulter hỏi.

Người Lyra run lên cầm cập. Máu đang đập thành thạch trong hai tai cô, Pantalaimon ép thân hình chồn ermine vào cạnh sườn cô và thì thầm: “Yên nào Lyra, họ sẽ không làm thế - chúng ta sẽ không để họ làm thế...”

“Phải, chính một phát hiện lạ lùng của Ngài Asriel đã cho chúng tôi chìa khóa tới phương pháp mới này. Ông ta phát hiện ra rằng một hợp kim của mangan và titan có đặc tính làm cách li thân thể khỏi linh thú. Nhân tiện, chuyện gì đang xảy ra với Ngài Asriel vậy?”

“Có lẽ các ông chưa được nghe nói,” Phu nhân Coulter đáp. “Ngài Asriel đang nhận án tử hình treo. Một trong những điều kiện cho việc đi đày ở Svalbard là ông ta phải hoàn toàn từ bỏ công việc nghiên cứu khoa học của mình. Không may là ông ta lại tìm cách lấy được sách vở tài liệu và đã đẩy những nghiên cứu dị giáo của mình lên tới mức việc để ông ta được sống có thể rất nguy hiểm. Dù sao thì Tòa án Công giáo Kỉ luật cũng đã bắt đầu cân nhắc vấn đề án tử hình, và

khả năng cao là nó sẽ được tiến hành. Nhưng còn thiết bị mới của ông, Bác sĩ à. Nó hoạt động thế nào?”

“À - phải - bà nói là án tử hình à? Chúa ơi... Tôi rất tiếc. Về thiết bị mới. Chúng tôi đang nghiên cứu xem chuyện gì sẽ xảy ra khi quá trình phẫu thuật cắt đứt được tiến hành trên bệnh nhân trong trạng thái tỉnh táo, và hẳn nhiên là điều đó không thể thực hiện với Phương pháp Maystadt. Vậy nên tôi đoán bà có thể nói rằng chúng tôi đã phát triển một loại máy chém. Lưỡi dao được làm từ hợp kim mangan và titan, đưa trẻ được đặt trong một khoang - kiểu như một buồng nhỏ - làm từ lưỡi hợp kim, cùng với linh thú trong một khoang tương tự thông với nó. Chừng nào vẫn còn sự kết nối thì hẳn nhiên là mối liên kết vẫn được duy trì. Rồi lưỡi dao được thả xuống giữa hai đứa, lập tức cắt rời mối liên hệ. Lúc đó chúng sẽ trở thành những thực thể biệt lập.”

“Tôi rất muốn được chứng kiến,” bà ta nói. “Sớm, hi vọng vậy. Nhưng giờ thì tôi mệt quá rồi. Tôi nghĩ mình nên đi ngủ. Ngày mai tôi muốn gặp toàn bộ trẻ con ở đây. Chúng ta sẽ tìm ra đứa nào mở cánh cửa đó.”

Có tiếng ghế được đẩy lùi lại, những lời nói khách sáo, tiếng cửa đóng. Rồi Lyra nghe thấy tiếng những người còn lại ngồi xuống tiếp tục nói chuyện, nhưng khẽ khàng hơn.

“Ngài Asriel đang mưu tính gì vậy?”

“Tôi nghĩ ông ta có một quan niệm hoàn toàn khác về bản tính của Bụi. Đó là vấn đề. Điều đó hoàn toàn là dị giáo, các ông thấy đấy, mà Tòa án Công giáo Kỉ luật thì không thể cho phép bất cứ cách diễn giải nào khác ngoài cách đã được cho phép. Bên cạnh đó, ông ta muốn thử nghiệm...”

“Thử nghiệm? Với Bụi sao?”

“Suyt! Đừng nói to thế...”

“Các ông có nghĩ bà ta sẽ lập một báo cáo không có lợi cho chúng ta không?”

“Không, không. Tôi cho rằng ông đối phó với bà ta rất cừ.”

“*Thái độ* của bà ta khiến tôi lo lắng...”

“Ý ông là không phải về mặt khoa học?”

“Chính xác. Đó là một sở thích *cá nhân*. Tôi không muốn dùng từ này, nhưng nó gần như là ghê tởm.”

“Nói thế hơi nặng quá.”

“Nhưng các ông có nhớ những cuộc thí nghiệm đầu tiên, khi bà ta thiết tha được xem chúng bị kéo rời ra...”

Lyra không ngăn nổi một tiếng kêu lên thật khê, cùng lúc đó cả người cô cứng đờ và run lẩy bẩy, chân cô đạp phải một cái cột chống.

“Gì vậy?”

“Trên trần nhà...”

“Nhanh lên!”

Có tiếng ghế bị ném sang một bên, tiếng chân chạy, một cái bàn được kéo trên sàn. Lyra cố gắng bò đi nhưng do không gian chật chội, trước khi cô di chuyển được hơn vài mét thì tấm ván trần bên cạnh đã đột ngột bị đẩy lên, khiến cô nhìn thẳng vào khuôn mặt kinh ngạc của một người đàn ông. Cô ở gần đến mức có thể nhìn rõ từng sợi ria mép của hắn. Hắn ta cũng giật mình không kém gì Lyra, nhưng vì được cử động tự do hơn, hắn đã kịp thọc một bàn tay qua khoảng trống và tóm lấy cánh tay cô.

“Một đứa bé!”

“Đừng để nó thoát...”

Lyra cắm ngập răng vào bàn tay to bè đầy tàn nhang của người đàn ông. Hắn ta hét toáng lên nhưng không chịu thả ra kể cả khi đã bị chảy máu. Pantalaimon đang gầm ghe và phun phì phì nhưng vô tác dụng. Người đàn ông khỏe hơn cô bé rất nhiều, hắn ta cứ kéo liên tục cho tới khi bàn tay còn lại đang tuyệt vọng bám lấy cột chống của cô phải rơi lỏng ra, khiến cô suýt nữa thì rơi thẳng xuống căn phòng bên dưới.

Nhưng cô vẫn không thốt lên một tiếng nào. Cô ngoắc chân lên cái gờ sắc nhọn của lớp kim loại phía trên và đấu tranh trong tư thế lộn ngược, cào, cắn, đấm, thọc trong cơn cuồng nộ. Đám đàn ông đang thở hổn hển và cầu nài vì đau đớn hay gắng sức, nhưng chúng vẫn không ngừng kéo.

Rồi đột nhiên toàn bộ sức lực trôi tuột khỏi người cô.

Cứ như thể một bàn tay xa lạ đã thọc vào tận bên trong, nơi không bàn tay nào có quyền xâm phạm, và vặn mạnh lên một thứ sâu thẳm và quý giá.

Cô thấy người lả đi, choáng váng, buồn nôn, ghê tởm, yếu ớt vì sửng sốt.

Một trong những gã đàn ông đang *giữ* Pantalaimon.

Hắn đã tóm lấy linh thú của Lyra bằng đôi bàn tay người của mình. Pan đáng thương đang run rẩy, gần như mất trí vì kinh hoàng và ghê tởm. Hình dạng mèo rừng của nó, bộ lông của nó lúc thì xỉn đi vì yếu đuối, lúc lại lóe lên những tia mạch cảnh cáo...

Nó oằn người về phía Lyra trong lúc cô bé vươn cả hai tay ra với lấy nó...

Cả hai gục xuống. Chúng đã bị bắt.

Cô bé *cảm thấy* những bàn tay đó... Việc đó là *không được phép... Không được chạm vào... Sai trái...*

“Nó đi có một mình thôi à?”

Một gã đàn ông đang nhòm vào khoảng không trên trần.

“Có vẻ như là một mình...”

“Nó là ai?”

“Đứa bé mới đến.”

“Đứa được đám thợ săn Samoyed...”

“Phải.”

“Các ông không nghĩ nó... đám linh thú...”

“Có thể lắm. Nhưng hẳn là không phải một mình?”

“Chúng ta có nên nói...”

“Tôi nghĩ làm vậy sẽ khiến mọi thứ chấm dứt, ông không nghĩ thế sao?”

“Tôi đồng ý. Tốt hơn hết là bà ta không được nghe gì hết.”

“Nhưng chúng ta có thể làm gì với việc này?”

“Con bé không được quay lại với những đứa trẻ khác.”

“Không thể nào!”

“Tôi thấy rằng chỉ có một việc duy nhất chúng ta *có thể* làm.”

“Bây giờ sao?”

“Hẳn rồi. Không thể để đến khi trời sáng được. Bà ta muốn xem mà.”

“Chúng ta có thể tự làm. Không cần phải dính líu tới ai cả.”

Gã đàn ông có vẻ như là người phụ trách, kẻ không giữ Lyra hay Pantalaimon, dùng móng tay cái gõ gõ lên hàm răng. Đôi mắt hẳn không chịu đứng yên; chúng đu đưa và đảo qua đảo lại. Cuối cùng hẳn cũng gật đầu.

“Ngay bây giờ. Làm luôn đi,” hẳn nói. “Nếu không nó sẽ nói lộ ra mất. Ít nhất thì cơn sốc cũng sẽ ngăn cản điều đó. Nó sẽ không nhớ mình là ai, đã nhìn thấy gì hay nghe thấy gì... Nhanh lên.”

Lyra không thể hé miệng. Cô gần như không thở nổi. Cô đành phải để cho mình bị đưa đi qua Trạm, dọc theo những hành lang màu trắng trống rỗng, băng qua những căn phòng chạy mạch kêu o o, qua các kí túc xá nơi trẻ con ngủ cùng với linh thú của mình trên chiếc gối bên cạnh, chia sẻ những giấc mơ với chúng. Suốt chặng đường, không giây phút nào cô bé rời mắt khỏi Pantalaimon, nó với tới cô, và đôi mắt chúng không hề rời khỏi nhau.

Rồi một cánh cửa được mở ra nhờ bánh xe lớn; tiếng không khí rít lên; và ở đó là một căn phòng được chiếu sáng rực rỡ lấp gạch trắng và thép không gỉ sáng loá. Sự sợ hãi mà cô cảm thấy gần như là một

nổi đau thể chất; nó chính là một nỗi đau thể chất khi người ta kéo cô và Pantalaimon về phía một cái lồng lớn bằng lưới bạc trắng, bên trên treo lơ lửng một lưới dao bạc vĩ đại, sẵn sàng chia cắt chúng mãi mãi.

Cuối cùng cô cũng lấy lại được giọng và hét toáng lên. Âm thanh vang vọng trên những bề mặt sáng bóng, nhưng cánh cửa nặng trĩch đã rít lên khi đóng sập lại; cô có gào lên cả đời thì cũng chẳng có một âm thanh nào thoát ra được.

Nhưng để đáp lại, Pantalaimon đã vặn người thoát khỏi đôi bàn tay đáng căm hờn đó - nó hóa thành sư tử, thành đại bàng; nó dùng bộ vuốt hung mãnh cấu xé đám đàn ông, đôi cánh khổng lồ đập cuồn cuộn, rồi nó biến thành sói, thành gấu, thành chồn nâu - đâm bổ, gặm gừ, cào cấu, một chuỗi biến hóa nhanh đến chóng mặt, liên tục nhún nhảy, bay lượn, luồn lách từ điểm này đến điểm kia trong lúc những đôi tay vụng về của đám đàn ông vụt và vồ vào khoảng không trống rỗng.

Nhưng đám đàn ông cũng có linh thú, hẳn rồi. Đó không phải là hai chọi ba mà là hai chọi sáu. Một con lửng, một con cú và một con khi đầu chó cũng không kém phần kiên quyết muốn đè Pantalaimon xuống. Lyra gào lên với chúng: “Tại sao? Tại sao *các cậu* lại làm thế? Giúp chúng tôi đi! Các cậu không nên giúp họ!”

Rồi cô đập và cắn mạnh hơn trước, cho tới khi gã đàn ông đang giữ mình thở hổn hển và nói lỏng tay trong tích tắc - vậy là cô đã thoát được, Pantalaimon lao về phía cô nhanh như một tia chớp. Cô bé ghì chặt nó vào lồng ngực đang thở dốc, con linh thú cắn bộ móng mèo rừng của mình vào da thịt cô, nhưng lúc này mỗi cơn đau nhói lại trở nên rất đổi thân thương.

“Không bao giờ! Không bao giờ! Không bao giờ!” Cô bé hét lên rồi lúi sút vào tường, kiên quyết bảo vệ Pantalaimon.

Nhưng chúng lại lao vào cô, ba gã đàn ông to lớn hung hãn, mà cô thì chỉ là một đứa trẻ, choáng váng và kinh hãi. Chúng giật lấy Pantalaimon, ném cô vào một phía của cái lồng lưới rồi đem con linh

thú đang quẫy đạp sang phía bên kia. Giữa hai đứa có một vách lưới ngăn, nhưng Pantalaimon vẫn là một phần của cô, chúng vẫn đang kết nối. Trong một vài giây tới, Pantalaimon vẫn là linh hồn thân yêu của cô.

Trên cả tiếng thở hỗn hển của đám đàn ông, tiếng thút thít của chính bản thân cô, và tiếng hú hoang dại của con linh thú, Lyra nghe thấy tiếng kêu o o, rồi cô thấy một người đàn ông (đang chảy máu mũi) điều khiển một loạt nút chuyển mạch. Hai tên còn lại ngược lên nhìn, cô cũng hướng mắt lên nhìn theo. Lưỡi dao bạc trắng khổng lồ đang dần được kéo lên, lấp loáng trong ánh sáng chan hòa. Khoảnh khắc cuối cùng trong cuộc đời trọn vẹn của cô sẽ là khoảnh khắc tồi tệ nhất.

“Chuyện gì đang diễn ra ở đây vậy?”

Một giọng nói nhẹ nhàng, du dương: giọng của bà ta. Mọi thứ ngừng lại.

“Các ông đang làm gì vậy? Còn đứa trẻ này là ai...”

Bà ta không kịp nói hết từ cuối cùng vì đúng lúc đó bà nhận ra Lyra. Qua đôi mắt mờ đi vì lệ, Lyra thấy bà loạng choạng rồi ghì chặt lấy một chiếc ghế băng; khuôn mặt bà ta, thật xinh đẹp và điềm tĩnh, trong thoáng chốc lại hiện lên vẻ hốc hác và khiếp hãi.

“Lyra...” Bà ta thì thào.

Con khi vàng phóng đi như một tia chớp từ bên cạnh chủ nhân và lôi mạnh Pantalaimon ra khỏi cái lồng lưới trong khi Lyra tự thoát ra. Pantalaimon bứt mình ra khỏi đôi tay lo lắng của con khi rồi lao đảo ngã vào vòng tay Lyra.

“Không bao giờ, không bao giờ,” cô bé vùi mặt vào bộ lông của con linh thú, còn nó thì ép trái tim đang đập vào lồng ngực cô.

Hai đứa bám chặt lấy nhau như những kẻ sống sót từ một trận đắm tàu, đang run rẩy trên một bờ biển hoang vu. Lyra loạng thoạng nghe thấy Phu nhân Coulter trao đổi với đám đàn ông, nhưng cô thậm

chí còn không đoán nổi giọng điệu của bà. Và rồi họ rời khỏi căn phòng đáng ghê tởm đó. Phu nhân Coulter nửa bế nửa đỡ cô đi dọc theo một hành lang, rồi tới một cánh cửa, một phòng ngủ với hương thơm phảng phất và ánh sáng dịu nhẹ.

Phu nhân Coulter dịu dàng đặt cô xuống giường. Tay Lyra ghi chặt lấy Pantalaimon đến mức cả người cô lẩy bẩy vì tác động của nó. Một bàn tay mềm mại xoa lấy đầu cô.

“Cháu yêu của ta,” giọng nói ngọt lịm đó cất lên. “Làm thế nào mà cháu lại tới được đây?”

Đoàn phù thủy

Lyra rên rỉ và run lập cập một cách không thể kiểm soát, cứ như cô vừa được kéo lên khỏi mặt nước lạnh đến mức khiến tim gần như đóng băng. Pantalaimon chui vào trong quần áo và nằm áp sát vào lớp da trần của cô, âu yếm cô nhưng vẫn luôn để tâm đến Phu nhân Coulter đang pha một thứ nước gì đó, và nhất là đến con khi vàng, những ngón tay nhỏ cứng ngắc của nó đang lướt đi trên người Lyra trong khi chỉ có Pantalaimon mới nhận ra được điều đó, và chính nó cũng đang lặn quanh eo cô bé để tìm cái túi làm bằng vải dầu cùng với những thứ chứa trong đó.

“Ngồi dậy nào, bé ngoan, uống cái này đi,” Phu nhân Coulter nói, cánh tay dịu dàng của bà luồn qua lưng Lyra và nâng cô dậy.

Lyra nghiến chặt răng, nhưng dịu đi gần như ngay lập tức khi Pantalaimon truyền suy nghĩ tới cô: Chúng ta chỉ an toàn khi giả bộ. Cô bé mở mắt ra và thấy rằng chúng đang đầy ập nước, trước sự ngạc nhiên và xấu hổ của bản thân, cô khóc nức nở.

Phu nhân Coulter kêu lên đầy cảm thương rồi đặt cốc nước vào tay con khi trong lúc lau mắt cho Lyra bằng chiếc khăn tay ướp hương.

“Cứ khóc thỏa thích đi, cưng à,” giọng nói mềm mại cất lên, và Lyra quyết tâm sẽ dừng lại ngay khi có thể. Cô đấu tranh để ngăn dòng nước mắt, bặm chặt môi lại và nén những tiếng nức nở vẫn đang khiến lồng ngực rung lên.

Pantalaimon diễn mảnh tương tự: lừa họ, lừa họ. Nó biến thành một con chuột, lẩn khỏi tay Lyra rồi rón rén tới hít ngửi cốc nước mà con khi đang giữ. Không có độc: chỉ là nước sắc từ cục La Mã, không hơn. Nó bò trở lại vai Lyra và thì thầm: “Uống nó đi.”

Cô bé ngồi dậy rồi đưa hai tay đón lấy cái cốc nóng hổi, vừa húp vừa thổi cho nguội. Cô giữ cho ánh mắt nhìn xuống. Cả đời cô chưa từng phải cố gắng giả vờ đến mức thế này.

“Lyra, cứng à,” Phu nhân Coulter lẩm nhẩm trong lúc vuốt tóc cô bé. “Ta cứ nghĩ chúng ta đã mất cháu mãi mãi! Chuyện gì xảy ra vậy? Cháu bị lạc à? Có kẻ đã đưa cháu ra khỏi căn hộ ư?”

“Vâng ạ,” Lyra thì thầm.

“Là ai vậy, cháu yêu?”

“Một người đàn ông và một người đàn bà.”

“Khách tại buổi tiệc ư?”

“Cháu nghĩ vậy. Họ nói rằng bà cần một thứ gì đó ở tầng dưới. Khi cháu đi lấy nó thì họ tóm lấy cháu rồi đẩy cháu vào một chiếc xe ở đâu đó. Nhưng khi xe dừng lại, cháu đã nhanh chóng chạy ra ngoài và luồn lách thoát đi, họ không đuổi kịp được cháu. Nhưng cháu không biết mình đang ở đâu...”

Cô lại khẽ nấc lên, nhưng lần này nhẹ hơn nên cô có thể giả bộ như đó là do tác động của câu chuyện vừa kể.

“Cháu cứ đi lang thang, cố gắng tìm đường quay về nhưng lại bị Những Kẻ háu ăn tóm được... Chúng nhét cháu vào trong xe tải cùng với vài đứa trẻ khác rồi đưa tới một nơi nào đó, một tòa nhà lớn, cháu không biết đó là chỗ nào.”

Cùng với từng giây trôi qua, từng lời cô nói, Lyra cảm thấy chút sức lực đang dần hồi phục lại. Và giờ đây khi đang thực hiện một việc khó khăn, quen thuộc nhưng không hề dễ đoán, chính là nói dối, cô lại cảm thấy một chút uy quyền, cùng cái cảm giác phức tạp và kiểm soát mà chiếc Chân Kế đem đến cho cô. Cô phải cẩn thận không được nói

lộ ra điều gì rõ ràng là vô lí; cô sẽ phải mập mờ ở một vài điểm và bịa ra những chi tiết hợp lí ở những điểm khác; nói tóm lại, cô phải trở thành một nghệ sĩ.

“Họ đã giữ cháu trong tòa nhà này bao lâu rồi?” Phu nhân Coulter hỏi.

Hành trình của Lyra dọc theo các con kênh và quãng thời gian ở với người du mục kéo dài hàng tuần trời: cô phải tính toán tới khoảng thời gian đó. Cô bịa ra một chuyến đi biển cùng với Những Kẻ háu ăn tới Trollesund, rồi một cuộc tẩu thoát, ngập tràn những chi tiết từ quan sát của cô về thị trấn đó; một thời gian làm hầu gái đa năng tại quán bar Einarsson’s, công việc đánh vắn cho một gia đình nông dân trong nước, rồi bị lũ Samoyed bắt và đưa tới Bolvangar.

“Họ đã định - định cắt...”

“Suýt, yên nào cưng. Ta sẽ tìm hiểu chuyện gì đang diễn ra.”

“Nhưng tại sao họ lại định làm việc đó? Cháu chưa từng làm gì sai trái cả! Tất cả trẻ con đều rất sợ hãi về những điều đang diễn ra ở đó mà chẳng ai biết rõ. Nhưng nó rất khủng khiếp. Tồi tệ hơn bất cứ thứ gì... Tại sao họ lại làm vậy, hả Phu nhân Coulter? Tại sao họ lại tàn nhẫn đến thế?”

“Ngoan nào... Cháu an toàn rồi, cháu yêu ạ. Họ sẽ không bao giờ làm vậy với cháu nữa đâu. Giờ ta đã biết rằng cháu ở đây, cháu sẽ được an toàn, cháu sẽ không bao giờ bị rơi vào nguy hiểm nữa. Không ai làm hại được cháu cả, Lyra yêu quý ạ; không ai được phép làm cháu đau...”

“Nhưng họ làm vậy với những bạn khác! Tại sao vậy?”

“À, tình yêu của ta...”

“Là Bụi phải không ạ?”

“Họ nói với cháu vậy à? Các bác sĩ đã nói vậy sao?”

“Đám trẻ con biết chuyện đó. Tất cả đều bàn tán về nó, nhưng không ai biết rõ cả! Họ suýt nữa đã làm vậy với cháu - bà phải nói cho

cháu biết! Bà không có quyền giữ bí mật nữa!”

“Lyra... Lyra, Lyra. Cháu yêu, Bụi và những thứ khác là những ý niệm to lớn và khó hiểu. Đó không phải là thứ trẻ con phải lo đến. Nhưng các bác sĩ làm vậy là vì lợi ích của chính trẻ con thôi, tình yêu của ta ạ. Bụi là một thứ xấu xa, một sai lầm, một thứ tai hại và tội lỗi. Những người trưởng thành và linh thú của họ bị nhiễm Bụi nặng tới mức đã là quá muộn đối với họ. Họ không thể được cứu vãn... Nhưng một cuộc phẫu thuật nhanh cho trẻ con sẽ giúp chúng an toàn khỏi nó. Bụi sẽ không bao giờ dính vào chúng nữa. Chúng sẽ an toàn, hạnh phúc và...”

Lyra nghĩ tới Tony Makarios bé bỏng. Cô đột ngột ngã về trước và bắt đầu nôn oẹ. Phu nhân Coulter lùi lại và thả tay ra.

“Cháu ổn chứ, cưng? Vào phòng tắm đi...”

Lyra cố nuốt lại rồi dụi mắt.

“Bà không cần phải làm thế với chúng cháu đâu,” cô nói. “Bà có thể cứ mặc kệ chúng cháu. Cháu dám chắc là Ngài Asriel sẽ không để ai làm vậy nếu bác ấy biết chuyện gì đang diễn ra. Nếu bác ấy có Bụi, bà cũng có Bụi, Hiệu trưởng trường Jordan và tất cả những người trưởng thành khác đều có Bụi thì chắc là không sao đâu ạ. Khi ra được bên ngoài, cháu sẽ kể với tất cả trẻ con trên thế giới về việc này. Mà nếu việc đó tốt như vậy thì sao bà lại ngăn họ làm thế với cháu? Nếu việc đó là tốt thì đáng ra bà nên để họ thực hiện. Bà nên mừng mới đúng.”

Phu nhân Coulter lắc đầu và hé một nụ cười hiểu biết đầy buồn bã.

“Cưng à,” bà nói, “một vài việc tốt sẽ phải làm chúng ta đau đớn chút ít, và hẳn nhiên nếu cháu khó chịu thì sẽ khiến những người khác lo lắng theo... Nhưng điều đó không có nghĩa là linh thú của cháu sẽ bị cướp đi mất. Nó vẫn ở đó! Lạy Chúa, rất nhiều người trưởng thành ở đây đã được tiến hành phẫu thuật. Các y tá tỏ ra khá hạnh phúc đấy chứ?”

Lyra chớp mắt. Đột nhiên cô hiểu ra sự thờ ơ, đờ đẫn kì lạ của họ, cái cách mà những con linh thú nhỏ của họ chạy lóc cóc như đang mộng du.

Đừng nói gì cả, cô tự nhủ, và ngậm chặt miệng lại.

“Cưng ạ, không ai dám mơ tới việc thực hiện phẫu thuật lên một đứa trẻ mà không thử trước. Và trong cả nghìn năm tới cũng không có ai dám mang linh thú của một đứa trẻ đi đâu! Tất cả những gì xảy ra chỉ là một vết cắt nhỏ, và rồi mọi thứ sẽ yên bình. Mãi mãi! Cháu thấy đấy, linh thú của cháu là một người bạn, một người đồng hành tuyệt vời khi cháu còn trẻ, nhưng đến lứa tuổi mà chúng ta gọi là tuổi dậy thì, lứa tuổi mà cháu sẽ sớm đạt đến, cưng ạ, linh thú sẽ mang đến đủ thứ suy nghĩ và cảm xúc phiền toái, và chính những thứ đó lại cho phép Bụi thâm nhập. Chỉ cần một cuộc phẫu thuật nhỏ và nhanh gọn trước đó là cháu sẽ không bao giờ phải phiền muộn nữa. Linh thú của cháu sẽ ở lại với cháu, chỉ là... không còn gắn kết nữa. Giống như là... một con thú cưng tuyệt vời, nếu cháu muốn. Con thú cưng tuyệt vời nhất thế giới! Cháu không muốn thế sao?”

Ôi, lời nói dối tội lỗi, ôi, sự điêu trá vô liêm sỉ biết nhường nào! Mà kể cả Lyra có không biết đó là những lời nói dối đi nữa (về Tony Makarios và những con linh thú bị nhốt trong lồng) cô cũng sẽ ghét cay ghét đắng nó. Phần linh hồn thân yêu của cô, người bạn mến thương của cô, lại bị cắt rời đi và bị biến thành một con *thú cưng* nhỏ chỉ biết đi quanh quẩn? Nổi căm phẫn trong Lyra suýt nữa thì bùng lên, Pantalaimon nằm trong vòng tay cô liền biến thành một con chồn nâu, hình dạng xấu xí và tàn ác nhất trong số các dạng biến hóa của nó, và gầm ghe.

Nhưng chúng không nói gì cả. Lyra ôm chặt lấy Pantalaimon và để cho Phu nhân Coulter vuốt tóc mình.

“Uống nốt nước cốc La Mã đi,” Phu nhân Coulter nhẹ nhàng nói. “Chúng ta sẽ nhờ người dọn giường cho cháu ở trong này. Không cần phải quay lại dùng chung kí túc xá với những cô bé khác đâu, không

phải bây giờ khi ta đã có lại được cô trợ lí bé bỏng của mình. Trợ lí yêu thích của ta! Người phụ tá giỏi nhất thế giới. Cháu có biết là chúng ta đã lùng sục khắp London để tìm cháu không cưng? Chúng ta đã điều cảnh sát đi tìm kiếm khắp mọi thị trấn trong nước. Ôi, ta nhớ cháu biết chừng nào! Ta không thể lột tả được hết niềm hạnh phúc của mình khi tìm lại được cháu...”

Suốt thời gian đó, con khi vàng cứ đi qua đi lại không yên, lúc trước đang đậu trên bàn ngúc ngoắc đuôi, lúc sau đã bám lấy Phu nhân Coulter và khẽ rủ rủ vào tai bà, sau đó lại đi quanh sần với đuôi dựng đứng. Nó đang để lộ sự nôn nóng của Phu nhân Coulter, rõ ràng rồi, và rốt cuộc bà ta cũng không thể kiềm chế được nữa.

“Lyra, cháu yêu,” bà ta nói, “ta cho rằng Hiệu trưởng trường Jordan đã đưa cho cháu một thứ gì đó trước khi đi. Có phải vậy không? Ông ấy cho cháu một chiếc Chân Kế. Vấn đề là, đó không phải là của ông ấy để mà có thể cho đi. Ông ấy đã được nhờ giữ hộ. Nó thật sự quá quý giá để có thể mang đi lung tung - cháu biết không, nó là một trong số hai hay ba chiếc duy nhất trên thế giới! Ta nghĩ Hiệu trưởng đưa cho cháu với hi vọng nó sẽ rơi vào tay Ngài Asriel. Ông ấy bảo cháu không được kể với ta chuyện này, đúng chứ?”

Lyra mím chặt môi.

“Phải, ta có thể thấy được. Thôi, đừng để tâm, cưng ạ, vì cháu *đâu* có nói với ta, đúng không? Nên cháu không phá vỡ lời hứa nào cả. Nhưng nghe này, cháu yêu, chiếc máy thật sự cần phải được chăm sóc một cách hẩn hoi. Ta e rằng nó quý hiếm và tinh xảo đến mức chúng ta không thể để nó gặp rủi ro thêm một giây phút nào nữa.”

“Tại sao Ngài Asriel lại không nên có nó?” Lyra hỏi, không mấy may mắn nhích.

“Vì những điều ông ta đang làm. Cháu biết đấy ông ta đã bị đi đày vì có suy nghĩ nguy hiểm và tội lỗi. Ông ta cần chiếc Chân Kế để hoàn thành kế hoạch này nhưng tin ta đi, cháu yêu, để cho ông ta có được nó là điều cuối cùng mà bất cứ ai sẽ làm. Đáng buồn là Hiệu

trường trường Jordan đã phạm sai lầm. Nhưng giờ khi cháu đã biết chuyện, thật sự sẽ tốt hơn nếu giao nó cho ta, phải vậy không? Như thế cháu sẽ không phải vướng bận chuyện mang nó đi khắp nơi, hay lúc nào cũng phải lo trông giữ nó. Hẳn là cháu đã rất bối rối và tự hỏi cái thứ cũ rích ngớ ngẩn này thì làm được gì...”

Lyra tự hỏi làm thế nào mà cô lại từng cho rằng người phụ nữ này quấy rũ và thông minh cho được.

“Vậy nên nếu giờ cháu đang giữ nó, bé yêu ạ, cháu thật sự nên để ta trông coi nó. Nó đang ở trong cái thắt lưng quanh eo cháu, đúng không? Phải, giấu nó đi như thế là thông minh lắm...”

Đôi tay bà ta đang đặt lên váy Lyra, sau đó bà ta cười lớp vải dầu thô cứng ra. Cả người Lyra căng lên. Con khỉ vàng đang cúi người ở phía cuối giường, người nó run lên vì hồi hộp, đôi tay đen nhỏ xíu ụp lên miệng. Phu nhân Coulter kéo cái thắt lưng ra khỏi eo Lyra rồi cười khuy của chiếc túi đeo. Bà ta đang thở gấp. Bà lấy ra cái bọc quần vải nhung đen rồi gỡ nó ra, tìm thấy trong đó chiếc hộp thiếc mà Iorek Byrnison đã làm.

Pantalaimon đã lại hóa thành mèo, căng người sẵn sàng xông tới. Lyra rút chân ra xa khỏi Phu nhân Coulter rồi thả chúng xuống sàn để có thể chạy đi khi thời cơ tới.

“Gì thế này?” Phu nhân Coulter hỏi, có vẻ vui thích. “Thật là một cái hộp cũ ngộ nghĩnh! Cháu cho nó vào trong này để giữ an toàn à, cháu yêu? Còn cả lớp rêu này nữa... Cháu cũng cẩn thận đấy chứ? Lại một hộp nữa, bên trong cái hộp đầu tiên! Lại còn được hàn mép! Ai làm cái này đây, cháu yêu?”

Bà ta quá hăm hở muốn mở cái hộp nên chẳng buồn đợi câu trả lời. Trong túi cầm tay bà giữ một con dao với rất nhiều phụ tùng khác nhau. Bà kéo ra một lưỡi dao rồi cắm nó xuống dưới cái nắp.

Ngay lập tức tiếng vo ve đầy giận giữ choán lấy căn phòng.

Lyra và Pantalaimon ngồi im như tượng. Phu nhân Coulter, bối rối, tò mò, kéo cái nắp lên, còn con khỉ vàng thì cúi sát vào để nhìn.

Rồi, trong một khoảnh khắc đầy sừng sốt, hình dạng đen trũi của con bọ gián đập lao vọt ra khỏi cái hộp và đâm sầm vào mặt con khỉ.

Nó gào lên rồi nhảy bổ về phía sau; đương nhiên là điều đó cũng khiến Phu nhân Coulter bị đau. Bà ta hét lên đau đớn và sợ hãi cùng với con khỉ. Rồi con quỷ nhỏ chạy máy đồng hồ trèo lên người bà ta, lên ngực rồi cổ, tiến tới phía mặt.

Lyra không tốn thời gian do dự. Pantalaimon lao về phía cửa còn cô bé ngay lập tức chạy theo nó. Cô mở tung cửa ra rồi phóng đi nhanh chưa từng thấy.

“Chuông báo cháy!” Pantalaimon hét lên khi đang lao đi phía trước cô bé.

Lyra thấy một cái nút bấm ở góc nhà tiếp theo, cô đập vỡ lớp kính bằng nắm tay dữ dội của mình rồi chạy tiếp, hướng về phía khu kí túc xá, liên tiếp đập các chuông báo. Mọi người bắt đầu ùa ra hành lang, nhìn lên nhìn xuống tìm kiếm ngọn lửa.

Vào lúc này cô đã đến gần nhà bếp, Pantalaimon lóe lên một ý nghĩ vào đầu cô, và cô lập tức lao vào. Một lúc sau cô đã bật hết các ống dẫn gas lên rồi liệng một que diêm vào cái đèn gần nhất. Sau đó cô lôi một túi bột từ trên giá xuống rồi lẳng nó về phía mép bàn, khiến nó bực vỡ và lấp đầy không khí bằng thứ bột trắng. Vì cô có nghe nói rằng bột mì sẽ nổ tung nếu bị làm như thế gần một ngọn lửa.

Rồi cô lao ra ngoài và chạy hết sức bình sinh về phía kí túc xá của bản thân. Các hành lang giờ đã đầy chật người: trẻ con chạy tán loạn khắp nơi, gương mặt rạng rỡ đầy phấn khích vì từ *trốn thoát* đã được lan truyền. Những đứa lớn tuổi nhất đang tiến về các phòng kho chứa quần áo, dẫn theo những đứa bé hơn đi cùng. Đám người lớn đang cố kiểm soát tình hình nhưng không ai trong số đó biết chuyện gì đang xảy ra. Người người hò hét, xô đẩy, khóc lóc, chen lấn khắp nơi.

Lyra và Pantalaimon lao xuyên qua tất cả như những con cá, luôn nhắm về phía kí túc xá. Ngay khi chúng vừa tới nơi, một vụ nổ bùng lên phía sau khiến cả tòa nhà rung chuyển.

Những đứa con gái khác đã chạy trốn: căn phòng trống rỗng. Lyra lôi cái tủ khóa vào góc phòng, nhảy lên đó, lôi bộ đồ lông ra khỏi trần nhà rồi lần tìm chiếc Chân Kề. Nó vẫn đang ở đó. Cô nhanh chóng choàng bộ đồ lên, kéo mũ trùm về phía trước, rồi Pantalaimon, đang đậu bên cửa trong dạng chim sẻ, gọi:

“Ra đi!”

Cô bé chạy ra. Tình cờ, một nhóm trẻ con đã tìm được quần áo ấm cũng đang lao qua hành lang về phía cửa chính, cô liền nhập hội với chúng. Người đầm đìa mồ hôi, tim đập thình thịch, cô biết rằng mình phải trốn thoát hoặc là chết.

Tắc đường. Ngọn lửa trong bếp đã lan ra nhanh chóng. Dù là do bột mì hay khí gas thì cũng có thứ gì đó đã làm sập một mảng của mái nhà. Mọi người đang trèo lên các thanh chống và xà nhà oằn cong để thoát ra ngoài không khí lạnh cóng. Không khí nồng nặc mùi gas. Rồi lại thêm một vụ nổ nữa, âm ỉ hơn vụ đầu tiên và gần hơn. Chấn động đánh nhào một vài người, những tiếng gào khóc vì sợ hãi và đau đớn choán ngập không gian.

Lyra vất vả vùng dậy, cô lao mình qua đám đổ nát theo tiếng gọi của Pantalaimon: “Đường này! Đường này!” lẫn trong tiếng kêu thét và đập cánh của các con linh thú khác. Không khí mà cô đang hít vào lạnh thấu xương, cô bé hi vọng rằng những đứa trẻ khác đã tìm được quần áo mặc ngoài trời của chúng; thật tuyệt nếu thoát ra khỏi Trạm chỉ để chết vì cóng.

Giờ thì ngọn lửa đã thật sự bùng phát. Khi đã leo lên được mái nhà dưới bầu trời đêm, cô có thể nhìn thấy những lưỡi lửa quét qua mép một cái lỗ lớn bên sườn tòa nhà. Một đám đông trẻ con và người lớn đang đứng bên cửa chính, nhưng lần này người lớn tỏ ra lo lắng hơn còn trẻ con thì sợ hãi hơn, hơn rất nhiều.

“Roger! Roger!” Lyra gọi. Pantalaimon với đôi mắt cú tinh tường kêu lên báo hiệu rằng nó đã nhìn thấy thẳng bé.

Một lúc sau chúng đã tìm được nhau.

“Bảo cả đám đi theo tớ!” Lyra hét vào tai nó.

“Họ không theo đâu - tất cả đều đang rất hoảng loạn...”

“Kể với họ người ta đã làm gì với những đứa trẻ bị mất tích! Họ cắt rời linh thú của chúng bằng một con dao lớn! Kể với họ thứ cậu đã nhìn thấy chiều nay - tất cả số linh thú mà chúng ta đã thả ra! Nói với họ rằng điều đó cũng sẽ xảy ra với họ trừ khi họ trốn thoát!”

Roger há hốc mồm kinh hãi nhưng rồi đã kịp trấn tĩnh lại và chạy về phía nhóm trẻ con đang lưỡng lự gần đó nhất. Lyra cũng làm theo, và khi thông điệp được truyền đi, một vài đứa hét toáng lên rồi ghì chặt lấy linh thú của mình trong sự hãi.

“Đi với tớ!” Lyra hét lên. “Có một đoàn giải cứu đang đến! Chúng ta phải thoát ra khỏi khu đất này! Nào, chạy đi!”

Lũ trẻ nghe thấy lời kêu gọi của cô bé liền chạy theo, túa ra khắp khu đất rào về phía đại lộ ánh sáng, bốt của chúng kêu bồm bộp và loẹt quẹt trong lớp tuyết đóng cứng.

Phía sau, đám người lớn đang hò hét, tiếng ầm ầm và loảng xoảng lại vang lên khi một phần khác của tòa nhà sụp xuống. Tàn lửa phụt lên không trung, còn những ngọn lửa thì cuồn cuộn bùng ra cùng với âm thanh như tiếng vải bị xé toạc; nhưng cắt ngang qua mớ hỗn tạp này là một âm thanh khác, gần và dữ dội khủng khiếp. Lyra chưa từng nghe thấy nó bao giờ, nhưng cô đã đoán được ngay: đó là tiếng tru từ đám linh thú sói của các lính canh người Tartar. Cô bé cảm thấy toàn thân bủn rủn, nhiều đứa trẻ khác hoảng sợ rồi lập bập dừng lại, vì tên lính gác Tartar đầu tiên đang lao đến bằng những bước nhảy thoăn thoắt không mệt mỏi, súng trường giương sẵn, cùng với khối xám linh thú dũng mãnh đang phóng theo bên cạnh.

Rồi một tên khác, và một tên khác nữa đến. Tất cả đều được trang bị áo giáp lưới bên trong. Chúng không có mắt - hay ít nhất là chẳng ai có thể thấy bất cứ đôi mắt nào phía sau khe hở ngập tuyết trên mũ giáp của chúng cả. Những con mắt duy nhất có thể nhìn thấy được là đầu đen tròn của nòng súng và đôi mắt vàng rực của lũ linh thú sói bên trên những cái hàm nhỏ dài tong tỏng.

Lyra nao núng. Cô đã không lường trước được sự kinh hoàng của những con sói này. Và giờ khi đã biết được những kẻ ở Bolvangar có thể vi phạm điều tối kị một cách thần nhiên đến thế nào, cô thấy chùn bước trước suy nghĩ về những bộ răng đầy nước dãi kia...

Đám người Tartar chạy tới xếp thành một hàng chắn ngang lối vào đại lộ ánh sáng, linh thú của chúng đứng bên cạnh cũng kỉ luật và thiện chiến không kém gì chủ. Chỉ một phút sau đã lại có thêm một hàng thứ hai, vì càng lúc càng có nhiều người tới, cả từ phía sau chúng nữa. Lyra tuyệt vọng nghĩ: trẻ con không thể đấu lại với binh lính được. Nó không giống như những trận chiến ở Claybeds tại Oxford, khi chúng ném những tảng bùn vào lũ trẻ của các nhà nung gạch.

Nhưng có khi lại giống! Cô bé vẫn còn nhớ việc đã ném một vốc đầy đất sét vào bản mặt to bè của một thằng bé nung gạch đang lao về phía cô. Nó vừa dừng lại để gạt bùn ra khỏi mắt thì liền bị đám trẻ thị trấn nhảy bổ lên người.

Cô bé vẫn đang đứng trong bùn. Cô đang đứng trong tuyết.

Cũng giống như đã làm chiều hôm đó, nhưng giờ với quyết tâm ngàn ngụt, cô bé vốc lấy một nắm đầy rồi ném vào tên lính gần nhất.

“Ném vào mắt chúng!” Cô bé hét lên rồi ném một cục khác.

Những đứa trẻ khác bắt đầu tham gia, rồi linh thú của một ai đó có ý tưởng hóa thành chim én bay cạnh quả cầu tuyết và huých nó thẳng vào khe mắt của mục tiêu. Sau đó cả hội đã nhập cuộc, và chỉ trong chốc lát đám Tartar đã loạng choạng, vừa đi vừa khạc nhổ, chửi bới, cố gắng gạt lớp tuyết đóng chặt ra khỏi cái khe hẹp phía trước mắt.

“Đi thôi!” Lyra hét lên rồi lao qua cổng vào đại lộ ánh sáng.

Đám trẻ con ùa theo sau cô, không sót một đứa nào. Chúng vừa né những bộ hàm đang tọt của bầy sói, vừa chạy hết tốc lực xuống đại lộ về phía màn đêm rộng lớn đang mời gọi phía xa.

Tiếng hét chói tai vọng lên từ phía sau khi một sĩ quan hét lên ra lệnh, lập tức một loạt chốt an toàn được mở, tiếp sau đó là tiếng hét khác rồi tất cả chìm vào sự im lặng đầy căng thẳng, chỉ còn tiếng chạy huỳnh huých và thở dốc của lũ trẻ đang bỏ trốn.

Chúng đang nhắm bắn. Sẽ không có chuyện bắn trượt.

Nhưng trước khi chúng kịp nổ súng thì một tiếng kêu ghệt cứng phát ra từ một trong số những tên Tartar, rồi đến tiếng hét kinh ngạc của một tên khác.

Lyra ngừng chạy và quay lại, cô thấy một người đàn ông đang nằm trên tuyết, với một mũi tên gắn lông xám cắm ở lưng. Hắn đang quần quai, co giật và ho ra máu, những tên lính khác đang nhìn trái phải để tìm kẻ đã bắn nhưng chẳng thể thấy cung thủ đó đâu.

Và rồi một mũi tên từ trên trời lao thẳng xuống, đâm vào sau gáy một tên khác. Hắn lập tức đổ gục xuống. Viên sĩ quan hét lên một tiếng, khiến tất cả ngược lên nhìn bầu trời tối đen.

“Phù thủy!” Pantalaimon thốt lên.

Quả đúng là họ: những bóng hình màu đen tả tơi nhưng đầy thanh nhã đang lướt qua ở cao tít phía trên, đi kèm là tiếng không khí rít lên qua đám lá kim trên những cành thông mây mà họ đang cưỡi. Trong lúc Lyra đứng nhìn, một phù thủy đã nhào xuống thấp và nhả tên: một tên nữa gục xuống.

Lập tức toàn bộ quân Tartar đều chĩa súng lên trời và khai hỏa vào màn đêm. Chúng bắn vào hư vô, vào những cái bóng, vào mây còn trận mưa tên thì ngày càng trút xuống nhiều hơn.

Nhưng viên sĩ quan phụ trách khi nhìn thấy lũ trẻ con đã trốn gần hết, liền ra lệnh cho một toán quân đuổi theo. Vài đứa trẻ hét lên. Rồi

thêm vài đũa nữa cũng hết, chúng không còn tiến về phía trước nữa mà đang quay lại, lúng túng và hoảng sợ trước bóng dáng khổng lồ đang lao tới từ trong bóng đêm đằng sau đại lộ ánh sáng.

“Iorek Byrnison !” Lyra hét lên, lồng ngực cô gần như vỡ òa vì mừng rỡ.

Con gấu mặc giáp đang lao đến mà dường như chẳng buồn chú ý đến chút sức nặng nào trừ cái cho nó động lượng để xông lên. Nó nhảy vọt qua Lyra và đâm sầm vào đám Tartar, hất các binh lính, linh thú, súng ống ra khắp mọi hướng. Rồi nó dừng lại, xoay người với một mãnh lực dẻo dai và đập hai cú trời giáng, mỗi bên một cú, vào đám lính canh đang đứng gần đó nhất.

Một con linh thú sói nhảy bổ vào nó: con gấu chém nó ngay trên không trung, khiến lửa bùng lên trên cơ thể khi con sói ngã xuống tuyết. Con sói tru lên trong đau đớn trước khi tan biến. Chủ của nó chết ngay lập tức.

Viên sĩ quan Tartar dù phải đối mặt với cuộc tấn công kếp này cũng không hề nao núng. Sau một tràng mệnh lệnh dài và dữ dội, đoàn quân tách ra làm đôi: một bên để giữ chân đám phù thủy, bên đông hơn để trấn áp con gấu. Đạo quân của hắn ta quả cảm đến đáng khâm phục. Từng nhóm bốn người một thì một đầu gối xuống đất rồi nổ súng như thể đang luyện tập bắn xa, không nhúc nhích lấy một li khi thân hình đồ sộ của Iorek lao tới. Chỉ một lúc sau tất cả đều đã chết.

Iorek lại tấn công, vọt người sang một bên, chém, găm gươm, đè nghiêng, trong lúc đạn bay tứ tung xung quanh nó như ong như ruồi, chẳng gây chút thương tổn nào. Lyra thúc lỗ trẻ chạy tiếp vào bóng tối phía bên kia vùng sáng. Chúng phải trốn thoát, vì dù quân Tartar có nguy hiểm thì cũng còn lâu mới bằng đám người lớn ở Bolvangar.

Vậy là cô kêu gọi, ra hiệu và thúc đẩy để ép bọn trẻ đi tiếp. Khi ánh sáng phía sau chúng hắt những cái bóng dài lên nền tuyết, Lyra cảm thấy trái tim mình đang hướng về bóng tối sâu thẳm của buổi đêm Cực Bắc và cái lạnh toàn vẹn, lao về phía trước để yêu thương nó cũng

giống như Pantalaimon, lúc này có dạng một con thỏ rừng đang vui sướng nhảy về phía trước.

“Chúng ta đang đi đâu đây?” Có ai đó hỏi.

“Ở đây chẳng có gì ngoài tuyết cả!”

“Có một đoàn giải cứu đang tới,” Lyra nói với chúng. “Có khoảng năm mươi người du mục hoặc hơn. Tớ cá là có cả vài người họ hàng của các cậu nữa. Tất cả những gia đình du mục bị mất con đều cử người đến.”

“Tớ không phải dân du mục,” một thằng bé lên tiếng.

“Chẳng sao hết. Họ vẫn sẽ đưa cậu đi thôi.”

“Đi đâu?” Một đứa nào đó cúi kính hỏi.

“Về nhà,” Lyra đáp. “Đó là lí do tớ đến đây để cứu các cậu, và tớ đã đưa những người du mục đến đây để mang các cậu về nhà. Chúng ta chỉ cần tiến lên chút xíu nữa là sẽ tìm được họ. Con gấu đi cùng với họ nên họ không thể ở quá xa được.”

“Các cậu có thấy con gấu đó không!” Một thằng bé nói. “Khi nó chém đứt con linh thú đó - người đàn ông chết như thế bị ai đó moi tìm ra vậy, đúng như thế đó!”

“Tớ không hề biết là linh thú cũng có thể bị giết,” một đứa khác nói.

Cả đám riu rít nói chuyện; sự phấn khích và nhẹ nhõm đã khiến chúng thoải mái nói năng hơn. Miễn là chúng tiếp tục tiến lên thì có nói chuyện cũng không thành vấn đề.

“Có thật không,” một đứa con gái lên tiếng, “việc họ làm ở đằng kia ấy?”

“Thật,” Lyra đáp. “Tớ chưa từng nghĩ mình sẽ thấy bất cứ ai không có linh thú đi kèm. Nhưng trên đường đến đây, chúng tớ đã tìm thấy một cậu bé chỉ có một mình, không có linh thú nào bên cạnh cả. Cậu ấy cứ liên tục hỏi về nó, nó đang ở đâu, liệu nó có tìm được cậu ấy không. Cậu ấy tên là Tony Makarios.”

“Tớ biết cậu ấy!” Một đứa lên tiếng, và những đứa khác hòa vào: “Phải, khoảng một tuần trước người ta đã đưa cậu ấy đi...”

“Ừ, họ đã cắt rời linh thú của cậu ấy,” Lyra nói, ý thức được điều đó sẽ ảnh hưởng tới chúng thế nào. “Cậu ấy chết sau khi được chúng tớ tìm thấy một lúc. Còn toàn bộ số linh thú bị cắt rời thì bị nhốt trong những cái lồng tại một tòa nhà to bè ở đằng đó.”

“Là thật đấy,” Roger nói. “Lyra đã thả chúng ra trong lúc huấn luyện phòng cháy.”

“Phải, tớ đã thấy chúng!” Billy Costa nói. “Ban đầu tớ không biết chúng là cái gì, nhưng tớ đã thấy chúng bay đi cùng với con ngỗng đó.”

“Nhưng tại sao họ lại làm thế?” Một cậu nhóc gặng hỏi. “Sao họ lại cắt rời linh thú của người ta đi? Như vậy là tra tấn! Sao họ lại làm thế?”

“Bụi,” một đứa nào đó gợi ý về hồ nghi.

Nhưng thằng bé kia lại phá lên cười khinh miệt. “Bụi!” Nó nhại lại. “Làm gì có thứ gì như thế chứ! Chắc chắn là người ta bịa chuyện! Tớ không tin.”

“Kìa,” có ai đó nói, “xem chuyện gì đang xảy ra với cái zeppelin kia!”

Tất cả ngoái lại nhìn. Phía bên kia ánh sáng chói loà, nơi cuộc chiến vẫn đang tiếp diễn, chiếc khí cầu vĩ đại không còn tự do lơ lửng tại cột neo nữa; đầu được thả tự do đang rũ xuống, còn phía sau đang dâng lên một quả cầu của...

“Khí cầu của Lee Scoresby!” Lyra hét lên, sung sướng vỗ đôi tay đang đi găng dày của mình.

Những đứa trẻ khác bị phân tâm. Lyra lừa chúng đi tiếp trong lúc thắc mắc không hiểu làm thế nào mà ông phi công có thể lái khí cầu đi xa đến vậy. Việc ông ấy đang làm thì quá rõ rồi, và đó quả là một ý tưởng khôn ngoan khi lấy khí gas của đối phương để làm phòng khí

cầu của mình, khi trốn thoát đồng thời cũng tiết đường truy đuổi của đối phương!

“Nào, tiếp tục tiến lên đi, nếu không các cậu sẽ chết cóng đó,” cô bé nói, vì vài đứa trẻ đang run lẩy bẩy và rên rỉ vì lạnh, linh thú của chúng cũng khẽ rít lên bằng thứ giọng cao chót vót.

Thấy vậy, Pantalaimon liền nổi cáu. Trong dạng chồn gulo, nó quay ra quát con linh thú sóc của một đứa con gái, con vật đang nằm khóc thút thít trên vai chủ.

“Vào trong áo cậu ấy đi! Biến hình to vào và sưởi ấm cho cậu ấy nữa!” Nó nạt. Con linh thú của đứa con gái sợ quá liền lẩn ngay vào trong chiếc áo choàng lụa than của chủ nhân.

Vấn đề là cái áo lụa than đó không ấm bằng một cái áo choàng lông tử tế, dù cho nó có được nhồi đầy những sợi lụa than rỗng đi chẳng nữa. Một vài đứa trẻ trông như những cục bông di động, quần áo chúng quá kèn càng nhưng lại được sản xuất trong những nhà máy và phòng thí nghiệm cách vùng lạnh rất xa, nên không thật sự có thể chống chọi được. Bộ áo lông của Lyra trông tả tơi và bốc mùi, nhưng nó giữ ấm rất tốt.

“Nếu chúng ta không nhanh chóng tìm được đoàn du mục thì họ sẽ không chịu nổi mất,” cô bé thì thầm với Pantalaimon.

“Vậy thì thúc họ đi đi,” nó thì thầm lại. “Nếu năm xuống là xong đời luôn đó. Cậu biết Farder Coram nói gì...”

Farder Coram đã kể cho cô rất nhiều câu chuyện về những cuộc hành trình của chính ông trên Phương Bắc, cả Phu nhân Coulter cũng vậy - cứ coi như những điều bà ta nói là sự thật. Nhưng họ đều khá chắc chắn về một điểm, đó là luôn phải tiến lên.

“Chúng ta phải đi bao xa?” Một thằng bé hỏi.

“Cậu ta chỉ bắt chúng ra đi ra đây để giết chúng ta thôi,” một cô bé nói.

“Thà ra ngoài này còn hơn ở đây đó,” có ai đó nói.

“Tớ thì không! Ở Trạm ấm hơn. Lại còn có đồ ăn, đồ uống nóng và mọi thứ.”

“Nhưng nó cháy rụi rồi còn đâu!”

“Chúng ta sẽ làm gì ở ngoài này đây? Kiểu gì cũng chết đói cho coi...”

Tâm trí Lyra đầy ắp những nghi vấn u ám đang lượn qua lượn lại như những phù thủy thoăn thoắt và không thể chạm tới. Nhưng ở đâu đó ngay bên ngoài tầm với của cô là sự huy hoàng và rộn rã mà cô không thể hiểu nổi.

Nhưng điều đó khiến một nguồn sức mạnh bùng lên trong cô. Cô bé kéo một đứa con gái ra khỏi một đám tuyết lớn, đẩy một thằng bé đang đi lờ đờ, và kêu gọi cả bọn: “Tiếp tục đi nào! Theo dấu chân của con gấu! Ông ấy đi cùng với đoàn du mục nên dấu vết sẽ dẫn chúng ta tới chỗ họ! Cứ tiếp tục đi đi!”

Những bông tuyết lớn bắt đầu rơi xuống. Chẳng mấy chốc nữa toàn bộ dấu vết mà Iorek Byrnison để lại sẽ bị phủ lấp. Giờ đây khi đã ra khỏi phạm vi chiếu sáng của Bolvangar và ánh lửa cháy chỉ còn là một đốm sáng mờ, nguồn sáng duy nhất tới từ mặt đất phủ tuyết. Những đám mây dày cộp che mờ bầu trời nên chẳng có trăng hay Bắc Cực Quang gì cả; nhưng khi nhìn thật kỹ, đám trẻ có thể nhận ra dấu chân sâu hoắm mà Iorek Byrnison đã cày trên nền tuyết. Lyra khích lệ, mắng mỏ, đánh đập, dìu, chửi bới, đẩy, lôi, nhẹ nhàng nhắc lên, bất cứ chỗ nào cần thiết, còn Pantalaimon (dựa vào tình trạng linh thú của mỗi đứa trẻ) nói cho cô biết cần phải làm gì vào từng trường hợp.

Mình sẽ đưa mọi người đến đó, cô luôn tự nhủ. Mình tới đây để đưa các bạn ấy đi, và mình chắc chắn sẽ làm được.

Roger bắt chước theo cô bé, còn Billy Costa với đôi mắt tinh tường hơn hầu hết mọi người thì đang dẫn đường. Không lâu sau, tuyết bắt đầu rơi dày đến mức chúng phải bám vào nhau để không bị lạt. Lyra nghĩ, có lẽ nếu tất cả cùng nắm sát vào nhau và giữ ấm như thế này... Đào những cái hố trên tuyết...

Cô bé nghe thấy có tiếng động. Có tiếng máy gầm ở đâu đó, không phải tiếng thùm thụp nặng nề của khí cầu zeppelin mà là một thứ gì đó cao hơn giống như tiếng vo vo của ong bắp cày. Âm thanh đó cứ xuất hiện rồi lại biến mất.

Có cả tiếng tru... Là chó? Chó kéo xe? Nó quá xa nên rất khó đoán chắc, lại bị ngăn trở bởi hàng triệu bông tuyết và bị những cơn gió mạnh vù vù thổi bạt đi khắp mọi hướng. Đó có thể là đoàn chó kéo xe của dân du mục, cũng có thể là những linh hồn hoang dại của vùng lãnh nguyên, hay thậm chí lại là đám linh thú được phóng thích đang gào khóc gọi những đứa trẻ bị lạc mất của chúng.

Cô bé đang nhìn thấy gì đó... Trong tuyết thì làm gì có ánh sáng gì đúng không? Chúng có khi là ma chằng... Trừ khi chúng đang đi lòng vòng và đang quay ngược trở lại Bolvangar.

Nhưng đó là những ánh đèn lồng vàng nhỏ xíu, không phải là tia sáng trắng của đèn mạch. Chúng đang di chuyển, tiếng tru cũng đang tiến tới gần. Trước khi biết chắc được rằng mình có đang ngủ mê hay không, Lyra đã lạc vào giữa những hình bóng thân thuộc, những người đàn ông choàng áo lông đang nhắc bổng cô lên: cánh tay khỏe khoắn của John Faa đã nhắc cô lên khỏi mặt đất, còn Farder Coram đang phá lên cười sảng khoái; ở phía xa nhất trong cơn bão tuyết mà cô có thể nhìn thấy, những người du mục đang nâng trẻ con lên những chiếc xe kéo, đắp áo choàng lông cho chúng, cho chúng ăn thịt hải cẩu. Tony Costa cũng ở đó, anh ôm chầm lấy Billy, khẽ đấm nó để rồi lại ôm lấy và lắc người nó trong vui sướng. Còn Roger...

“Roger sẽ đi cùng chúng ta,” cô bé nói với Farder Coram. “Ngay từ đầu cháu đã xác định sẽ đón cậu ấy đi cùng rồi. Cuối cùng chúng ta cũng sẽ quay về Jordan mà. Âm thanh gì vậy...”

Lại là tiếng gầm đó, cái động cơ đó, cứ như một con bọ gián đập diên cuồng to gấp mười nghìn lần vậy.

Đột nhiên một cú đòn giáng xuống khiến cô bé nằm sòng soài, Pantalaimon chẳng thể bảo vệ được cô vì con khi vàng...

Phu nhân Coulter...

Con khi vàng đang vật lộn, cắn xé, cào cấu Pantalaimon. Nó đang chuyển qua nhiều hình dạng đến mức khó có thể nhìn thấy nổi, và đang đấu lại con khi: đốt, quất, xé. Trong lúc đó Phu nhân Coulter, khuôn mặt ẩn sau chiếc áo lông ánh lên một cái nhìn băng giá và quyết liệt, đang lôi Lyra về phía sau một chiếc xe kéo gắn động cơ. Cô bé cũng phải vật lộn khổ cực không kém gì linh thú của mình. Tuyết rơi dày đến mức dường như chúng đang bị cô lập trong một cơn bão tuyết thu nhỏ của chính mình, ánh đèn mạch ở đầu xe kéo chỉ đủ chiếu rọi những bông tuyết dày đang cuộn xoáy phía trước đó vài tấc.

“Cứu!” Lyra hét lên với những người du mục ở ngay gần đó trong màn tuyết mù mịt đến mức chẳng nhìn thấy được gì. “Cứu cháu với! Farder Coram! Ngài Faa! Ôi chúa ơi, cứu!”

Phu nhân Coulter rít lên ra lệnh bằng ngôn ngữ của dân Tartar miền Bắc. Màn tuyết xoáy mở ra và chúng ở đó, cả một đội quân được vũ trang súng trường, với đám linh thú sói đang gầm gừ bên cạnh. Tên thủ lĩnh thấy Phu nhân Coulter đang đánh vật liền dùng một tay nhắc Lyra lên như thể cô chỉ là một con búp bê rồi ném cô vào trong xe kéo, nơi cô nằm choáng váng và bàng hoàng.

Một tiếng súng nổ, nối tiếp bằng một tiếng nữa, khi đoàn du mục hiểu được chuyện gì đang diễn ra. Nhưng nổ súng vào mục tiêu không thể nhìn rõ là rất nguy hiểm khi họ cũng không thể thấy người phe mình. Đám Tartar, giờ đang co cụm quanh chiếc xe kéo, có thể bắn tùy ý vào màn tuyết, nhưng những người du mục thì không dám bắn trả vì sợ trúng Lyra.

Chao ôi, cô cảm thấy thật cay đắng! Thật mệt mỏi!

Vẫn đang bàng hoàng, đầu đau nhức, cô kéo người dậy và thấy Pantalaimon vẫn đang tuyệt vọng chiến đấu với con khi, bộ hàm chồn gulo nghiền chặt lấy cánh tay vàng óng, nó không còn biến hình nữa mà quyết tâm bám chặt lấy. Còn ai kia?

Chẳng phải Roger sao?

Phải, là Roger, nó đang đâm đá Phu nhân Coulter túi bụi, lao đầu vào chọi với đầu bà ta, để rồi bị hạ gục bởi một tên Tartar, hấn đập thẳng bé như thể người ta gạt một con ruồi đi vậy. Giờ đây mọi thứ đã hóa thành một ảo cảnh: trắng, đen, một mảng xanh lá bay vọt qua tầm nhìn của cô, những cái bóng rách rưới, ánh sáng vọt qua...

Một cơn lốc khổng lồ vén những tấm màn tuyết sang một bên, và từ khoảng trống ở giữa vọt ra Iorek Byrnison, cùng với tiếng loảng xoảng và cọt két của sắt cọ vào nhau. Một lúc sau bộ hàm vĩ đại đó đã cắn trái cắn phải, một chân xé rách bộ ngực mặc giáp lưới, bộ răng trắng, phiến sắt đen, bộ lông ướt đỏ thẫm...

Rồi một thứ gì đó đầy uy lực đang kéo cô *lên, lên mãi*, cô liền tóm chặt lấy Roger, giăng nó ra khỏi tay Phu nhân Coulter rồi bám thật chắc, linh thú của cả hai biến thành chim thẳng thốt kêu lên kinh ngạc khi một vật thể bay lớn hơn nhiều lượn vòng quanh chúng. Rồi Lyra nhìn thấy trong không trung bên cạnh mình một phù thủy, một trong số những cái bóng đen tả tơi thanh nhã trên cao tít, nhưng đủ gần để chạm vào. Trong đôi bàn tay trần của cô là một cây cung. Cô dùng hai cánh tay trần trắng nõn của mình (trong không khí buốt giá này!) để kéo dây cung rồi nhả một mũi tên vào khe mắt mũ giáp của tên Tartar đang nhìn chòng chọc cách đó chỉ tầm một mét...

Mũi tên cắm vào rồi xọc ra một nửa ở phía sau, con linh thú sói của gã đàn ông tan biến giữa lúc đang nhảy, trước cả khi nó kịp chạm xuống mặt đất.

Vút! Lyra và Roger bị tóm và kéo lên giữa không trung, chúng thấy bản thân cố bấu những ngón tay đang yếu dần vào một cành thông mây, nơi cô phù thủy trẻ đang căng người ngồi với vẻ duyên dáng và cân bằng. Rồi cô chúi xuống, đảo người sang trái, có thứ gì đó rất lớn đang lơ mơ hiện ra, và rồi mặt đất xuất hiện.

Họ bổ nhào xuống nền tuyết bên cạnh chiếc giỏ khí cầu của Lee Scoresby.

“Nhảy vào trong đi,” người đàn ông Texas gọi, “và bằng mọi cách phải đem cả cậu bạn kia vào theo đó. Cháu đã thấy con gấu chưa?”

Lyra thấy ba phù thủy đang giữ một sợi dây buộc xung quanh một tảng đá, neo chặt cái túi gas khổng lồ đang lơ lửng xuống mặt đất.

“Vào đi!” Cô hét lên với Roger rồi trèo qua mép giỏ bọc da và rơi vào một đồng tuyết chất bên trong. Một thoáng sau Roger ngã lên người cô, và rồi một tiếng ồn khủng khiếp ở giữa một tiếng gầm và một tiếng rống khiến mặt đất rung chuyển.

“Nhanh nào, Iorek! Lên đây đi, anh bạn già!” Lee Scoresby hét lên. Từ bên hông một con gấu lao vào, khiến cái giỏ bằng liễu gai và gỗ bị oằn cong, kêu lên rảng rặc rợn người.

Rồi trong một thoáng, một cơn lốc chứa không khí nhẹ hơn vén lớp sương và tuyết sang một bên. Qua khoảng trống đột ngột Lyra nhìn thấy mọi thứ đang diễn ra quanh họ. Cô thấy một nhóm đầu sĩ du mục dưới trướng John Faa đang càn quét đám quân hậu tập người Tartar và đẩy chúng ngược trở lại đồng tàn tích đang bốc cháy của Bolvangar; cô thấy những người du mục khác đang giúp đỡ từng đứa trẻ lên xe kéo một cách an toàn, đắp cho chúng những chiếc áo lông ấm áp; cô thấy Farder Coram lo lắng nhìn quanh quất, người tựa vào chiếc gậy chống, con linh thú sắc thu của ông nhảy qua màn tuyết và nhìn ngó khắp nơi.

“Farder Coram!” Lyra hét gọi. “Ở đây này!”

Ông già nghe thấy liền quay lại, sửng sốt nhìn chiếc khí cầu kéo căng sợi dây neo trong lúc các phù thủy đang phải ghìm nó xuống, nhìn Lyra đang vẫy tay lia lịa từ trong giỏ.

“Lyra!” Ông hét lên. “Cháu an toàn chứ, cô bé? An toàn chứ?”

“Cháu vẫn an toàn như mọi khi!” Cô bé hét lên đáp lại. “Tạm biệt, Farder Coram! Tạm biệt ông! Ông hãy đưa các bạn ấy về nhà nhé!”

“Chúng ta sẽ làm vậy, chắc chắn đấy! Bảo trọng nhé, cháu gái của ta - bảo trọng - bảo trọng, cháu yêu...”

Cùng lúc đó ông phi công hạ cánh tay ra dấu và các phù thủy thả sợi dây ra.

Chiếc khí cầu lập tức bay vọt lên vùng không khí dày đặc tuyết với một tốc độ mà Lyra khó có thể tin nổi. Chẳng mấy chốc mặt đất đã biến mất trong sương mù, còn họ thì cứ lên mãi, ngày càng nhanh hơn, đến mức cô bé nghĩ rằng tên lửa cũng chẳng thể rời mặt đất nhanh hơn thế. Cô nằm ôm lấy Roger trên sàn giỏ, bị ép xuống bởi gia tốc.

Lee Scoresby đang hoan hô, cười lớn và thốt ra những tiếng hét sung sướng đầy hoang dã của dân Texas; Iorek Byrnison thì điềm tĩnh cởi bỏ áo giáp, khéo léo ngoắc một cái móng vào tất cả các mối nối, xoay một cái đế gỡ chúng ra rồi chõng từng miếng riêng biệt lên thành một đồng. Đâu đó bên ngoài kia, tiếng gió quất vun vút qua những cành thông mây và phức trang phù thủy nói lên rằng các phù thủy đang đi cùng họ lên những tầng khí quyển phía cao hơn.

Dần dần Lyra đã lấy lại được hơi thở, thăng bằng và nhịp tim. Cô ngồi dậy nhìn ra xung quanh.

Cái giỏ lớn hơn là cô nghĩ. Xếp hàng quanh các mép giỏ là những giá chứa thiết bị khoa học, có cả các chõng áo lông, không khí đóng chai, và đủ thứ vật dụng khác hoặc là quá nhỏ hoặc quá khó hiểu để có thể đoán ra trong lớp sương mù dày đặc mà họ đang đi xuyên qua.

“Đây là mây ạ?” Cô hỏi.

“Phải. Quấn thêm áo lông cho bạn cháu đi, trước khi cậu ta biến thành một khối băng. Ở đây lạnh nhưng trên kia sẽ còn lạnh hơn đó.”

“Làm thế nào ông tìm được bọn cháu vậy?”

“Nhờ các phù thủy. Có một cô phù thủy muốn nói chuyện với cháu. Khi ra khỏi đám mây chúng ta sẽ xác định được phương hướng, sau đó ta có thể ngồi hàn huyên được.”

“Iorek,” Lyra nói, “cảm ơn ông đã đến.”

Con gấu gặm gù rồi ngồi xuống liếm máu khỏi bộ lông của mình. Sức nặng của nó làm cho cái giỏ bị nghiêng sang một phía, nhưng thế cũng chẳng sao. Roger tỏ ra cảnh giác nhưng Iorek Byrnison chẳng bận tâm tới nó nhiều hơn tới một bông tuyết. Lyra hài lòng với việc bám vào thành giỏ, chỉ dưới cằm một chút khi cô đứng, và tròn mắt nhòm vào đám mây đang cuộn xoáy.

Chỉ vài giây sau chiếc khí cầu đã hoàn toàn thoát khỏi đám mây và tiếp tục vút bay lên thiên đường.

Thật là một cảnh tượng ngoạn mục!

Ngay phía trên đầu họ, chiếc khí cầu phồng ra thành một đường cong vĩ đại. Phía trên và phía trước mặt, Cực Quang đang tỏa sáng rực rỡ, lộng lẫy và huy hoàng chưa từng thấy. Ánh sáng trải rộng khắp nơi, hoặc gần như vậy, và họ gần như trở thành một phần của nó. Các vệt sáng khổng lồ rung rinh và tẽ ra như những đôi cánh thiên thần đang vỗ; những tấm màn phủ hào quang huy hoàng đổ nhào xuống các vách đá vô hình để rồi trải trên những hồ nước xoáy hay lơ lửng như những thác nước rộng lớn.

Lyra kinh ngạc ngăm nhìn cảnh tượng đó, rồi khi hướng ánh mắt xuống dưới, cô thấy một quang cảnh thậm chí còn phi thường hơn.

Ở phía xa tít tằm mắt, tới tận chân trời theo đủ mọi hướng, một đại dương cuộn sóng trắng xóa trải dài tới vô tận. Đây đó là những đỉnh núi phủ tuyết mịn và những khe vực bốc hơi nghi ngút mọc lên hay mở rộng, nhưng nhìn chung trông nó giống như một khối băng đặc.

Đang bay lên qua khung cảnh đó theo từng nhóm có một, hai hay nhiều người hơn là những cái bóng nhỏ màu đen, những hình dáng tả tơi nhưng lại rất thanh tú, của các phù thủy cười những cảnh thông mây.

Họ lao đi vun vút không chút khó nhọc, lên cao về phía chiếc khí cầu, nghiêng người về bên này hay bên kia để đổi hướng. Một trong số

họ, chính là cung thủ đã cứu Lyra khỏi tay Phu nhân Coulter, bay ngay bên cạnh chiếc giỏ, và đó là lần đầu tiên Lyra nhìn rõ cô.

Đó là một phụ nữ trẻ, trẻ hơn Phu nhân Coulter; cô ta thật đẹp với đôi mắt màu lục nhạt. Cũng giống như tất cả các phù thủy cô khoác lên mình những dải lụa đen, nhưng không choàng áo lông, không có mũ trùm hay găng tay gì cả. Có vẻ như cô không hề cảm thấy lạnh. Quanh trán cô là một vòng kết đơn giản dính những bông hoa đỏ nhỏ xíu. Cô ngồi trên cành thông mây như thể đang ngồi trên ngựa, và trong ánh mắt kinh ngạc của Lyra, cô như đang cười nó đi trong một khoảng sân vậy.

“Lyra?”

“Vâng! Cô có phải là Serafina Pekkala không?”

“Là ta đây.”

Lyra có thể thấy lí do vì sao Farder Coram yêu cô ấy, và vì sao điều đó lại khiến trái tim ông tan vỡ, mặc dù chỉ trước đó ít lâu cô không hề biết những chuyện này. Ông ấy đang già đi; ông ấy là một ông lão với trái tim tan vỡ; còn cô phù thủy sẽ vẫn trẻ sau nhiều thế hệ nữa.

“Cháu có chiếc máy đọc biểu tượng chưa?” Cô phù thủy hỏi bằng một giọng hệt như tiếng ca hoang dã mãnh liệt của Cực Quang, nó ngọt ngào đến mức khiến Lyra gần như không nghe ra ý nghĩa của câu hỏi.

“Vâng. Cháu giữ nó trong túi, nó vẫn an toàn.”

Những tiếng đập cánh dữ dội báo hiệu một kẻ mới tới, nó đang bay lượn bên cạnh cô: con linh thú ngỗng màu xám. Nó nói ngắn gọn rồi đảo người đi, lượn thành một vòng tròn rộng quanh chiếc khí cầu trong lúc tiếp tục bay lên cao.

“Những người du mục đã phá tan Bolvangar,” Serafina Pekkala nói. “Họ đã giết hai mươi hai tên lính gác và chín nhân viên, họ cũng

phóng hỏa tất cả những phần vẫn còn đứng vững của các tòa nhà. Nó sẽ bị phá huỷ hoàn toàn.”

“Thế còn Phu nhân Coulter?”

“Chẳng thấy bà ta đâu cả.”

Cô phù thủy hét lên một tiếng thật lớn, các phù thủy khác liền lượn vòng và bay về phía chiếc khí cầu.

“Ông Scoresby,” cô nói. “Ông đưa tôi dây thừng được chứ?”

“Tôi rất biết ơn, thưa quý cô. Chúng ta vẫn đang bay lên. Tôi đoán chúng ta vẫn sẽ lên cao trong một lúc nữa. Cần bao nhiêu người các cô để kéo chúng tôi về phía bắc?”

“Chúng tôi khỏe lắm,” là tất cả những gì cô nói.

Lee Scoresby đang buộc một cuộn dây thừng to bản vào cái vòng sắt bọc da tập hợp dây buộc thân khí cầu và treo giữ giỏ mây. Khi nó đã được buộc chắc chắn, ông ném đầu còn lại ra, lập tức sáu phù thủy phóng tới chộp lấy nó và bắt đầu kéo, thúc những cánh thông mây bay về phía sao Bắc Đẩu.

Khi chiếc khí cầu bắt đầu di chuyển theo hướng đó, Pantalaimon biến thành một con nhạn biển rồi bay tới đậu trên mép giỏ. Linh thú của Roger thò ra nhìn nhưng lại thụt vào ngay, vì Roger đang ngủ say, cũng giống như Iorek Byrnison. Chỉ còn mỗi Lee Scoresby là còn thức, điềm tĩnh nhai một miếng xì gà mỏng dính và quan sát các thiết bị của mình.

“VẬY, Lyra,” Serafina Pekkala lên tiếng. “Cháu có biết tại sao mình lại đến chỗ Ngài Asriel không?”

Lyra lấy làm ngạc nhiên. “Để đưa cho ông ấy chiếc Chân Kế, hẳn nhiên rồi!” Cô bé đáp.

Cô chưa từng nghĩ đến câu hỏi đó; nó quá hiển nhiên. Rồi cô nhớ lại động cơ đầu tiên của mình, đã quá lâu nên cô gần như quên băng mất.

“Hoặc là... để giúp ông ấy trốn thoát. Đúng rồi. Chúng ta sẽ giúp ông ấy chạy trốn.”

Nhưng khi cô nói ra, điều đó nghe thật kì cục. Trốn thoát khỏi Svalbard ư? Vô vọng!

“Dù sao thì cũng phải thử chứ,” cô can đảm nói thêm. “Sao thế ạ?”

“Ta nghĩ có vài thứ ta cần nói với cháu,” Serafina Pekkala nói.

“Về Bụi ạ?”

Đó là điều đầu tiên Lyra muốn biết.

“Phải, cùng với những điều khác nữa. Nhưng giờ thì cháu mệt rồi, mà chuyến bay thì còn dài. Chúng ta sẽ nói chuyện khi nào cháu tỉnh dậy.”

Lyra ngáp. Đó là một cái ngáp sai quai hàm, vỡ tung phổi kéo dài gần một phút, hoặc là có cảm giác như thế. Sau thời gian tranh đấu mệt mỏi, Lyra không thể cưỡng lại được cơn buồn ngủ đang ập tới. Serafina Pekkala với tay qua thành giỏ để chạm vào mắt cô bé, và khi Lyra ngã xuống sàn, Pantalaimon cũng bay xuống, hóa thành chồn ermine rồi bò vào chỗ ngủ của mình bên cạnh cổ cô.

Cô phù thủy điều chỉnh cánh cây của mình theo một tốc độ ổn định bên cạnh giỏ khí cầu khi họ bay theo hướng bắc về phía Svalbard.

Phần Ba

Svalbard

Sương mù và băng giá

Lee Scoresby đắp vài tấm áo choàng lông lên người Lyra. Cô bé co người lại gần Roger và chúng nằm ngủ bên nhau khi chiếc khí cầu lướt về phía Cực. Cứ thỉnh thoảng ông phi công lại kiểm tra các thiết bị, nhai nhai miếng xì gà mà ông sẽ chẳng bao giờ châm dù sẵn có khí hydro dễ cháy ở ngay bên cạnh, và rúc sâu hơn vào bộ đồ lông của mình.

“Cô gái nhỏ này khá là quan trọng đấy hử?” Ông nói sau vài phút.

“Hơn là nó nhận thức được,” Serafina Pekkala đáp.

“Như vậy có nghĩa là sẽ còn nhiều quân vũ trang truy đuổi nữa? Cô hiểu cho, tôi đang nói với vị thế một người thực tế cần phải kiếm ăn. Tôi không thể để bị phá sản hay bị bắn tan xác mà không thỏa thuận trước về một khoản đền bù được. Tôi không định cản trở cuộc thám hiểm này đâu, xin quý cô cứ tin tôi. Nhưng John Faa và những người du mục trả tôi một khoản phí đủ để trang trải thời gian và kỹ năng của mình, cộng thêm các vấn đề hồng học hay rách nát trên khí cầu, chỉ có vậy. Nó không bao gồm bảo hiểm tham gia chiến tranh. Và để tôi nói cô hay, quý cô ạ, khi chúng ta thả Iorek Byrnison xuống Svalbard, việc đó sẽ được coi là một hành động tham chiến.”

Ông điệu nghệ búng một mẩu lá thuốc ra ngoài.

“Nên tôi muốn biết chúng ta có thể trông đợi điều gì trong trường hợp hỗn loạn hay bị quấy nhiễu,” ông kết thúc bài phát biểu.

“Có thể sẽ có giao chiến,” Serafina Pekkala nói. “Nhưng ông đã từng chiến đấu trước đó rồi.”

“Phải, khi tôi được trả công. Nhưng thật ra, tôi đã nghĩ đây là một hợp đồng vận chuyển thuần túy, và tôi nhận lương dựa trên đó. Vậy nên sau trận ẩu đả nhỏ dưới kia, tôi đang tự hỏi không rõ trách nhiệm vận chuyển của tôi sẽ được nới rộng đến đâu. Không biết tôi có chắc chắn phải mạo hiểm mạng sống và các thiết bị của mình trong một cuộc chiến giữa những con gấu hay không, lấy ví dụ vậy. Hay là liệu đứa bé này có kẻ thù nào ở Svalbard mà cũng nóng tính như đám ở Bolvangar hay không. Tôi chỉ đơn thuần nhắc đến tất cả những điều này để tán chuyện thôi.”

“Ông Scoresby,” cô phù thủy nói, “giá mà tôi có thể trả lời câu hỏi của ông. Tôi chỉ có thể nói rằng tất cả chúng ta, con người, phù thủy, gấu, đều đã tham gia vào cuộc chiến, dù cho không phải tất cả đều ý thức được. Dù ông có gặp nguy hiểm ở Svalbard hay an toàn bay thoát đi nữa thì ông cũng là một người được thuê, trong hàng ngũ chiến đấu, một người lính.”

“Chà, như thế thì hơi vội vàng quá. Tôi thì nghĩ là một người nên được lựa chọn có cầm vũ khí chiến đấu hay không.”

“Chúng ta không có nhiều lựa chọn trong việc đó hơn việc có được sinh ra hay không.”

“Ồ, nhưng tôi thích lựa chọn cơ,” ông nói. “Tôi thích lựa chọn công việc mình làm, nơi mình đi, thực phẩm mình ăn, những người bạn mình ngồi tán phét cùng. Thịnh thoảng cô cũng không ước có một lựa chọn sao?”

Serafina Pekkala ngẫm nghĩ rồi nói: “Có lẽ chúng tôi không định nghĩa *lựa chọn* giống như vậy, ông Scoresby ạ. Phù thủy không sở hữu gì cả, nên chúng tôi không có hứng thú với việc bảo tồn giá trị hay kiếm lợi, còn về lựa chọn giữa thứ này hay thứ kia thì khi đã sống

hàng trăm năm, người ta biết rằng mọi cơ hội sẽ lại đến. Chúng tôi có những nhu cầu khác. Ông phải sửa chữa khí cầu của mình và duy trì tình trạng tốt cho nó, tôi hiểu rằng điều đó tốn thời gian và công sức, nhưng với chúng tôi, để bay được thì chỉ cần bề một cánh thông mây, cánh nào cũng được, chẳng bao giờ thiếu cả. Chúng tôi không thấy lạnh nên không cần quần áo ấm. Chúng tôi không có phương thức trao đổi nào ngoài việc giúp đỡ lẫn nhau. Nếu một phù thủy cần thứ gì đó, một phù thủy khác sẽ cho cô ấy. Nếu có một cuộc chiến cần tham gia, chúng tôi sẽ không tính chi phí vào một trong các nhân tố để quyết định việc chiến đấu có đúng đắn hay không. Mà chúng tôi cũng không có khái niệm nào về danh dự giống như loài gấu, ví dụ vậy. Sự sỉ nhục đối với một con gấu là một thứ chết người. Với chúng tôi... thật là khó tưởng tượng. Người ta sỉ nhục phù thủy thế nào được? Mà nếu có làm thế thì cũng có sao?”

“À, tôi khá là đồng cảm với cô trong chuyện đó. Gậy gộc và gạch đá có thể làm tổn thương chứ danh tiếng chẳng đáng để tranh chấp. Nhưng quý cô à, tôi hi vọng cô hiểu cho tình thế khó xử của tôi. Tôi chỉ là một phi công đơn thuần, và tôi muốn cuộc đời mình kết thúc trong an nhàn. Mua một trang trại nhỏ, vài con gia súc, ít ngựa... Chẳng có gì to tát cả, cô thấy đấy. Không có cung điện, nô lệ hay những đồng vàng. Chỉ có ngọn gió chiều lướt qua cây xô thơm, một điếu xì gà và một li bourbon whiskey. Nhưng vấn đề là những thứ đó tốn tiền. Vì vậy tôi bay để đổi lấy tiền mặt, và cứ sau mỗi công việc tôi lại gửi chút vàng về Ngân hàng Wells Fargo. Khi đã tích góp đủ, quý cô ạ, tôi sẽ bán cái khí cầu này rồi đặt cho mình một chuyến tàu hỏa chạy hơi nước đến Cảng Galveston, và tôi sẽ không bao giờ rời mặt đất nữa.”

“Có một điều khác biệt nữa giữa chúng ta, ông Scoresby ạ. Một phù thủy sẽ không từ bỏ việc bay lượn trước khi trút hơi thở cuối cùng. Được bay là được làm chính mình một cách hoàn hảo nhất.”

“Tôi có nhận thấy điều đó, thưa quý cô, tôi rất ghen tị với cô; nhưng tôi không có sự thỏa mãn đó. Bay lượn chỉ là một công việc đối với tôi, và tôi chỉ là một kỹ sư. Tôi cũng có thể chỉnh van động cơ chạy gas hay lắp bản mạch. Nhưng tôi đã chọn công việc này, cô thấy đấy. Đó là lựa chọn tùy thích của chính tôi. Đó là lí do vì sao tôi thấy ý tưởng về một cuộc chiến không được báo trước khá là phiền toái.”

“Việc tranh chấp của Iorek Byrnison và quốc vương của ông ta cũng là một phần trong việc này,” cô phù thủy đáp. “Số mệnh của đứa bé này là phải góp phần trong đó.”

“Cô nói đến số mệnh,” ông nói, “cứ như thể nó đã được định đoạt vậy. Tôi không chắc là mình có thích thú gì với nó hơn một cuộc chiến mình bị lôi vào mà không hề được thông báo gì hay không. Vậy thì tự do ý chí của tôi ở đâu chứ? Mà tôi thì thấy là đứa trẻ này có ý chí tự do mãnh liệt hơn bất cứ ai tôi từng gặp. Có phải cô đang nói rằng nó chỉ là một kiểu đồ chơi chạy máy đồng hồ được lên dây cót và xếp cho đi theo một lộ trình mà nó không thể thay đổi được không?”

“Chúng ta đều là đối tượng của định mệnh. Nhưng tất cả đều phải hành động như thể không phải vậy,” cô phù thủy đáp, “nếu không sẽ chết trong tuyệt vọng. Có một lời tiên tri rất kì lạ về đứa bé này, rằng số phận của nó là đem đến cái kết cho định mệnh. Nhưng nó phải thực hiện điều đó mà không ý thức được việc mình đang làm, như thể đó là bản chất của nó chứ không phải số mệnh bắt nó phải làm vậy. Nếu nó được cho biết cần phải làm gì thì mọi chuyện sẽ thất bại; cái chết sẽ càn quét tất cả các thế giới; nỗi tuyệt vọng sẽ chiến thắng mãi mãi. Các vũ trụ sẽ biến thành thứ không hơn gì những cỗ máy lắp ráp, mù quáng và không có suy nghĩ, cảm xúc, sự sống...”

Họ nhìn xuống Lyra, gương mặt đang ngủ của cô (họ không nhìn được nhiều dưới lớp mũ trùm) khẽ hằn một cái cau mày bướng bỉnh.

“Tôi đoán một phần trong con bé đã biết điều đó,” ông phi công nói. “Dù sao trông cô bé cũng khá sẵn sàng cho chuyện này. Còn thằng bé thì sao? Cô biết là Lyra vượt qua cả chặng đường dài để tới

cứu nó khỏi đám người tàn bạo ở đó đúng không? Chúng là bạn cùng chơi từ hồi ở Oxford hay gì đó. Cô có biết không?”

“Có, tôi biết điều đó. Lyra đang giữ một thứ cực kì giá trị, và có vẻ như định mệnh đang dùng nó như một sứ giả để mang vật đó tới cho cha mình. Vậy nên nó đã vượt cả chặng đường đến tìm bạn, không hề biết rằng bạn mình đã được định mệnh đưa đến Phương Bắc, để nó sẽ phải đi theo và mang một thứ tới cho cha mình.”

“Cô hiểu sự việc như vậy hử?”

Lần đầu tiên cô phù thủy tỏ ra không chắc chắn.

“Có vẻ như đó là cách sự việc đang diễn ra... Nhưng chúng tôi không thể luận giải bóng tối, ông Scoresby ạ. Rất có khả năng là tôi đoán sai.”

“Nếu tôi có thể hỏi thì, điều gì đã khiến các cô dính dáng vào toàn bộ chuyện này?”

“Chúng tôi đều cảm thấy mọi chuyện người ta làm ở Bolvangar là sai trái bằng cả trái tim mình. Lyra là kẻ thù của chúng; cho nên chúng tôi là bạn của cô bé. Chúng tôi chỉ biết có vậy. Nhưng ngoài ra bộ tộc chúng tôi cũng có tình bạn với những người dân du mục, từ khi Farder Coram cứu mạng tôi. Chúng tôi làm việc này theo lời kêu gọi của họ. Mà họ thì lại đang chịu ơn Ngài Asriel.”

“Tôi hiểu rồi. Vậy là cô đang kéo khí cầu đến Svalbard vì những người du mục. Vậy tình bạn đó có đủ để kéo chúng tôi quay trở lại không? Hay là tôi sẽ phải đợi một ngọn gió tốt bụng, và trong lúc đó thì đành trông chờ vào đặc ân của những con gấu? Tôi xin nhắc lại, thưa quý cô, rằng tôi hỏi những điều này hoàn toàn trên tinh thần bạn bè.”

“Nếu có thể giúp ông quay trở về Trollesund, ông Scoresby ạ, chúng tôi sẽ làm. Nhưng chúng tôi không biết chuyện gì đang đón chờ ở Svalbard. Quốc vương mới của loài gấu đã thực hiện nhiều cải cách; những cách thức cũ đã không còn được trọng dụng; có thể việc đáp

khí cầu sẽ khá khó khăn. Tôi không biết Lyra sẽ làm cách nào tìm được cha mình. Tôi cũng không rõ Iorek Byrnison dự tính làm gì, trừ việc định mệnh của ông ta gắn liền với cô bé.”

“Tôi cũng không biết, quý cô ạ. Tôi nghĩ ông ta gắn bó với cô nhóc như một người bảo vệ. Cô bé đã giúp ông ta lấy lại bộ giáp của mình, cô thấy đấy. Ai mà biết được cảm xúc của gấu chứ? Nhưng nếu một con gấu có khi nào yêu mến loài người, thì ông ta thật sự yêu mến cô bé. Còn việc hạ cánh xuống Svalbard thì chưa bao giờ dễ dàng cả. Tuy nhiên, nếu có thể nhờ cô kéo nó theo đúng hướng, tôi sẽ cảm thấy an tâm hơn; và nếu có bất cứ việc gì tôi có thể làm cho cô để đền đáp lại, xin cứ nói. Nhưng để cho chắc chắn, cô không phiền cho tôi biết tôi ở phe của ai trong cuộc chiến vô hình này chứ?”

“Cả hai ta đều ở phe Lyra.”

“Ồ, không có gì phải nghi ngờ về điều đó cả.”

Họ tiếp tục lên đường. Không có cách nào biết được họ đang đi nhanh đến mức nào do lớp mây bên dưới quá dày. Đương nhiên là thông thường, khí cầu sẽ đứng im so với gió, nó sẽ trôi lơ lửng cùng tốc độ với không khí; nhưng giờ khi được các phù thủy kéo, chiếc khí cầu đang di chuyển qua không khí thay vì cùng với nó. Ngoài ra chuyển động cũng bị cản trở do thân khí cầu tròn không hề có hình dạng thuôn nhọn của một chiếc zeppelin. Kết cục là chiếc giỏ mây cứ văng hết hướng này đến hướng kia, rung lắc hơn nhiều so với một chuyến bay thông thường.

Lee Scoresby không lo lắng cho sự thoải mái của mình bằng cho các thiết bị của ông. Ông mất một lúc để đảm bảo rằng chúng đã được buộc chắc chắn vào các thanh đỡ chính. Dựa vào máy đo độ cao, họ đang ở cách mặt đất gần ba nghìn mét. Nhiệt độ đang là âm hai mươi độ. Ông đã từng bị lạnh hơn thế này, nhưng không nhiều, và vì không muốn bị lạnh thêm nữa, ông gỡ một tấm vải bạt hay dùng để cắm trại ngoài trời khẩn cấp rồi căng nó ra phía trước những đứa trẻ đang ngủ

để chặn gió, sau đó ông nằm xuống, đấu lưng với đồng đội chiến đấu cũ của mình, Iorek Byrnison, và thiếp đi.

Khi Lyra tỉnh dậy, trăng đã lên cao trên bầu trời, phủ lên vạn vật trong tầm mắt một lớp mạ bạc, từ bề mặt cuộn sóng của lớp mây phía dưới cho đến những vệt sương phủ và trụ băng bám trên gờ chiếc khí cầu.

Roger vẫn đang say ngủ, cả Lee Scoresby và con gấu cũng thế. Tuy vậy, bên cạnh chiếc giỏ, nữ hoàng phù thủy vẫn đang điềm tỉnh bay.

“Chúng ta còn cách Svalbard bao xa nữa?” Lyra hỏi.

“Nếu không có gió thì chúng ta sẽ tới Svalbard trong khoảng mười hai giờ nữa.”

“Chúng ta sẽ hạ cánh ở đâu?”

“Còn tùy thuộc vào thời tiết. Nhưng ta sẽ cố gắng tránh các vách núi. Có những sinh vật sống ở đó săn bất cứ vật gì chuyển động. Nếu có thể, chúng ta sẽ để mọi người hạ cánh xuống đất liền, cách xa cung điện của Iofur Raknison.”

“Chuyện gì sẽ xảy ra khi cháu tìm thấy Ngài Asriel? Liệu ông ấy có muốn quay lại Oxford không? Cháu cũng không biết liệu có phải nói với ông ấy rằng cháu đã biết ông ấy là cha cháu không. Có khi ông ấy vẫn muốn đóng vai người bác. Cháu gần như chẳng biết gì về ông ấy cả.”

“Ông ấy sẽ không muốn quay lại Oxford đâu, Lyra ạ. Có vẻ như có việc cần làm ở một thế giới khác, mà Ngài Asriel lại là người duy nhất có thể bắc cầu vượt qua vực thẳm ngăn cách hai thế giới. Nhưng ông ấy cần một thứ để giúp mình.”

“Chiếc Chân Kế!” Lyra thốt lên. “Hiệu trưởng trường Jordan đưa nó cho cháu và cháu nghĩ ông ấy có điều gì đó muốn nói về Ngài Asriel nhưng không có cơ hội. Cháu biết Hiệu trưởng không *thực sự* muốn đầu độc ông ấy. Có phải ông ấy sẽ đọc cái máy và tìm cách xây

cây cầu không? Cháu dám chắc mình có thể giúp ông ấy. Giờ cháu có lẽ đã có thể đọc nó tốt không kém ai.”

“Ta không biết,” Serafina Pekkala đáp. “Ông ấy sẽ làm thế nào, nhiệm vụ của ông ấy sẽ là gì, chúng ta không thể đoán được. Có những đấng quyền năng nói chuyện với chúng ta, nhưng lại có các đấng trên cả họ; thậm chí còn có những bí mật từ đấng tối cao.”

“Chiếc Chân Kế sẽ nói cho cháu biết! Cháu có thể đọc luôn bây giờ...”

Nhưng thời tiết quá lạnh; cô sẽ không bao giờ có thể giữ nổi cái máy. Cô bé quấn kín người rồi kéo sát mũ trùm lại để tránh cơn gió giá lạnh, chỉ để hở một khe hẹp để nhìn qua. Xa xa phía trước và thấp hơn một chút, sợi dây thừng nối dài từ vòng treo khí cầu được kéo bởi sáu hay bảy phù thủy cưỡi cành cây thông mây. Những ngôi sao tỏa sáng rực rỡ, lạnh lẽo và gay gắt như những viên kim cương.

“Sao cô không thấy lạnh vậy Serafina Pekkala?”

“Chúng ta có thấy lạnh, nhưng không bận tâm, vì chúng ta sẽ không bị tổn thương vì nó. Với lại, nếu quấn kín người để chống lạnh, chúng ta sẽ không cảm nhận được những thứ khác, như sự rộn rã lấp lánh của những ngôi sao, hay âm nhạc của Cực Quang, hoặc tuyệt vời trên tất cả là cảm giác mềm mượt như lụa của ánh trăng trải trên da thịt. Vì những điều đó mà chịu lạnh cũng đáng lắm.”

“Liệu cháu có cảm nhận được không?”

“Không đâu. Cháu sẽ chết nếu cởi áo lông ra nên hãy cứ cuộn chặt người vào.”

“Các phù thủy sống bao lâu vậy, Serafina Pekkala? Farder Coram nói là hàng trăm năm. Nhưng trông cô chẳng già gì cả.”

“Ta khoảng ba trăm tuổi hoặc hơn. Mẹ phù thủy già nhất của chúng ta đã gần một nghìn tuổi rồi. Một ngày nào đó, Yambe-Akka sẽ đến đón bà ấy. Rồi một ngày bà ấy sẽ đến đón ta. Bà ấy là nữ thần báo

tử. Bà ấy sẽ đến mỉm cười dịu dàng, và người ta sẽ biết đã đến lúc ra đi.”

“Có phù thủy nam không ạ? Hay chỉ toàn nữ thôi?”

“Có những người đàn ông phục vụ chúng ta, giống như ông Lãnh sự ở Trollesund. Và có những người đàn ông chúng ta nhận làm người yêu hoặc chồng. Cháu còn bé lắm Lyra ạ, quá bé để hiểu điều này, nhưng ta vẫn sẽ nói với cháu rồi về sau cháu sẽ hiểu: đàn ông đi qua trước mắt chúng ta như những con bướm bướm, những sinh vật có vòng đời ngắn ngủi. Chúng ta yêu họ; họ thật dũng cảm, kiêu hãnh, đẹp đẽ, thông minh; và họ lụi tàn gần như ngay lập tức. Họ chết sớm tới mức khiến trái tim chúng ta liên tục bị dẫn vật đau khổ. Chúng ta sinh những đứa con của họ, nếu là con gái thì sẽ thành phù thủy còn không sẽ là con người; và rồi chỉ trong chớp mắt chúng đã ra đi, ngã xuống, bị sát hại, mất tích. Những người con trai của chúng ta cũng thế. Khi thằng bé đang lớn, nó nghĩ rằng nó là bất tử. Nhưng mẹ nó thì biết là không. Mỗi lần đều trở nên đau đớn hơn, cho tới khi trái tim người đó tan vỡ. Có lẽ đó là khi Yambe-Akka đến đón họ. Bà ấy còn lâu đời hơn cả vùng lãnh nguyên. Có lẽ với bà ấy, cuộc đời của các phù thủy cũng ngắn ngủi như cuộc đời của con người đối với chúng ta vậy.”

“Cô có yêu Farder Coram không?”

“Có. Ông ấy có biết điều đó không?”

“Cháu không biết, nhưng cháu biết ông ấy yêu cô.”

“Khi cứu ta, ông ấy còn trẻ, mạnh mẽ, đầy lòng kiêu hãnh và sự đẹp đẽ. Ta đã lập tức phải lòng ông ấy. Ta sẵn sàng thay đổi bản chất của mình, ta sẵn sàng từ bỏ sự náo nức của sao trời và âm nhạc của Cực Quang, sẵn sàng không bao giờ bay nữa - ta có thể đã vứt bỏ mọi thứ vào khoảnh khắc đó mà không cần suy nghĩ, để trở thành một bà vợ chủ thuyền người du mục nấu ăn cho ông ấy, chia sẻ chiếc giường với ông ấy và sinh con cho ông ấy. Nhưng chẳng ai có thể thay đổi được bản chất của mình, chỉ có thể thay đổi việc mình làm. Ta là phù

thủy còn ông ấy là con người. Ta đã ở bên ông ấy đủ lâu để sinh cho ông ấy một đứa bé...”

“Ông ấy chưa từng nhắc đến chuyện đó! Là con gái ạ? Một phù thủy?”

“Không. Là con trai, nó đã chết trong đợt đại dịch mang theo căn bệnh đến từ Phương Đông bốn mươi năm trước. Đứa bé tội nghiệp; sự sống của nó mới vừa hình thành đã vội vụt tắt chẳng khác gì loài phù du. Điều đó đã xé nát trái tim ta, như nó vẫn luôn làm. Nó cũng khiến trái tim Coram tan vỡ. Rồi ta được gọi trở về với dân chúng của mình, vì Yambe-Akka đã đưa mẹ của ta đi, và ta trở thành nữ hoàng bộ tộc. Ta đã ra đi vì đó là điều cần thiết.”

“Cô không gặp lại Farder Coram nữa à?”

“Chưa từng. Ta có nghe nói về những việc ông ấy làm; nghe được rằng ông ấy đã bị lũ Skraeling gây thương tích bằng một mũi tên tẩm độc, ta đã gửi thảo dược và bùa chú đến giúp ông ấy hồi phục, nhưng không đủ mạnh mẽ để gặp ông ấy. Ta nghe nói sau đó ông ấy đã đau khổ thế nào, học thức đã phát triển ra sao, ông ấy đã nghiên cứu và đọc nhiều đến mức nào, ta đã rất tự hào về ông ấy và lòng tốt của ông. Nhưng ta phải giữ khoảng cách vì đó là quãng thời gian nguy hiểm cho bộ tộc của mình, với nguy cơ xảy ra chiến tranh phù thủy. Hơn nữa, ta nghĩ ông ấy sẽ quên ta và tìm một người vợ loài người...”

“Ông ấy sẽ không bao giờ làm thế,” Lyra nói chắc nịch. “Cô phải đi gặp ông ấy. Ông ấy vẫn yêu cô, cháu biết chắc như vậy.”

“Nhưng ông ấy sẽ hổ thẹn vì tuổi tác của bản thân, mà ta thì không muốn khiến ông ấy cảm thấy như vậy.”

“Có thể thế. Nhưng ít nhất cô cũng phải gửi thông điệp cho ông ấy. Cháu nghĩ vậy đấy.”

Serafina Pekkala im lặng một lúc lâu. Pantalaimon biến thành một con nhạn biển và bay tới cành cây của cô trong một giây, để thừa nhận rằng có lẽ chúng đã tỏ ra xác xược.

Rồi Lyra nói: “Tại sao người ta lại có linh thú vậy, Serafina Pekkala?”

“Tất cả mọi người đều thắc mắc như vậy, nhưng chẳng ai biết câu trả lời. Từ khi loài người sinh ra đã có linh thú rồi. Đó là thứ khiến chúng ta khác biệt với động vật.”

“Phải rồi! Chúng ta rất khác biệt với họ... Như là loài gấu. Họ thật kì lạ phải không, gấu ấy? Người ta cứ nghĩ là họ cũng giống người, rồi đột nhiên họ có hành động kì quặc và hung ác đến mức khiến người ta nghĩ mình sẽ chẳng bao giờ hiểu được họ... Nhưng cô có biết Iorek nói gì với cháu không, ông ấy nói rằng bộ giáp đối với ông ấy giống như linh thú đối với loài người vậy. Ông ấy nói đó là linh hồn của mình. Nhưng đó lại là điểm khiến họ khác biệt, vì ông ấy tự *chế tạo* bộ giáp. Người ta đã lấy đi bộ giáp đầu tiên của ông ấy khi đẩy ông ấy đi đày, rồi ông ấy tìm thấy chút sắt trời nên đã rèn một bộ mới, giống như tạo ra một linh hồn mới vậy. Chúng ta thì không thể tạo ra linh thú của mình được. Rồi những người ở Trollesund, họ chuốc ông ấy say khướt bằng rượu mạnh rồi cướp nó đi mất. Cháu đã tìm ra chỗ giấu nó và ông ấy đã đi lấy lại... Nhưng điều cháu thắc mắc là vì sao ông ấy lại đến Svalbard? Họ sẽ giao đấu với ông ấy. Họ có thể sẽ giết ông ấy mất... Cháu rất quý Iorek. Cháu quý ông ấy đến mức ước gì ông ấy đừng đến.”

“Ông ta đã nói với cháu mình là ai chưa?”

“Chỉ mỗi tên của ông ấy thôi ạ. Mà đó là do ông Lãnh sự ở Trollesund nói với chúng cháu.”

“Ông ta mang dòng dõi cao quý. Là một hoàng tử. Thật ra, nếu không phải đã phạm tội tày đình thì giờ này ông ta hẳn đang là vua của loài gấu rồi.”

“Ông ấy nói với cháu đức vua của họ có tên là Iofur Raknison.”

“Iofur Raknison trở thành vua khi Iorek Byrnison bị trục xuất. Đương nhiên Iofur cũng là một hoàng tử, nếu không thì theo luật ông ta sẽ không được phép làm vua; nhưng ông ta lại khôn khéo theo cách

của loài người; ông ta lập đồng minh và các hiệp ước; ông ta không sống trong những pháo đài bằng bằng giống như loài gấu, mà là trong một cung điện mới xây; ông ta nói về việc trao đổi đại sứ với các quốc gia loài người và phát triển mỏ lửa với sự giúp đỡ của kỹ sư loài người... Ông ta rất khéo léo và khôn ngoan. Có người nói rằng ông ta đã xúi giục Iorek làm một việc khiến cho Iorek bị trục xuất, còn những người khác nói rằng kể cả có không làm thế thì ông ta cũng sẽ khích lệ mọi người nghĩ như vậy, vì điều đó bổ sung vào danh tiếng về sự mưu mẹo và gian xảo của Iofur.”

“Iorek đã làm gì vậy? Cô biết không, một lí do khiến cháu yêu mến Iorek là vì cha cháu cũng bị trừng phạt vì việc mình đã làm. Với cháu thì họ khá giống nhau. Iorek có kể ông ấy đã giết một con gấu khác, nhưng không hề nói việc đó xảy ra như thế nào.”

“Cuộc đấu đó là vì một con gấu cái. Con đực mà Iorek giết không chịu ra dấu đầu hàng kể cả khi việc Iorek mạnh hơn đã rõ ràng. Dù có lòng kiêu hãnh rất lớn, loài gấu cũng luôn nhận ra sức mạnh áp đảo của một con gấu khác và đầu hàng trước nó, nhưng vì một lí do nào đó mà con gấu này đã không làm vậy. Có người nói rằng Iofur Raknison đã tác động đến tâm trí nó, hoặc cho nó ăn thuốc lú. Dù sao thì con gấu trẻ vẫn cứ cố chấp, và Iorek Byrnison đã để cho cơn giận lấn át bản thân. Vụ án không khó để phán xử; đáng ra ông ta chỉ nên làm nó bị thương chứ không nên giết.”

“Nếu không thì ông ấy đã thành vua rồi,” Lyra nói. “Cháu còn nghe được vài điều về Iofur Raknison từ Giáo sư Palmerian ở Jordan, vì ông ấy đã lên Phương Bắc và gặp Iofur. Ông ấy nói... Giá mà cháu nhớ được ông ấy nói gì... Cháu nghĩ là Iofur đã lừa đảo để chiếm ngai vàng hay đại loại thế... Nhưng cô biết không, Iorek có lần nói với cháu là gấu không thể bị lừa, rồi cho cháu thấy rằng cháu không thể lừa ông ấy. Xem chừng cả ông ấy lẫn con gấu kia đều đã bị lừa rồi. Có lẽ chỉ có gấu mới lừa được nhau chứ người thì không. Trừ khi...”

Những người ở Trollesund, chẳng phải họ đã lừa ông ấy sao? Khi họ chuốc ông ấy say rồi cướp áo giáp ấy?”

“Khi gấu cư xử như con người, có lẽ họ có thể bị lừa,” Serafina Pekkala đáp. “Còn khi cư xử như gấu thì có lẽ là không. Chẳng có con gấu nào khi không lại đi uống rượu cả. Iorek Byrnison uống để quên đi nỗi thẹn bị lưu đày, và chỉ có điều đó mới khiến người dân Trollesund lừa được ông ta.”

“À, phải,” Lyra gật gù nói. Cô bé cảm thấy thỏa mãn với ý tưởng đó. Lòng ngưỡng mộ của cô với Iorek gần như là vô bờ bến, cô rất vui khi có thể khẳng định được sự cao quý của con gấu. “Cô thật là thông minh,” cô bé nói. “Cô mà không nói thì cháu sẽ chẳng thể biết được. Cháu nghĩ có khi cô còn thông minh hơn cả Phu nhân Coulter.”

Họ tiếp tục bay. Lyra nhai chút thịt hải cẩu vừa tìm thấy trong túi.

“Serafina Pekkala,” một lúc sau cô lên tiếng, “Bụi là gì ạ? Vì cháu thấy là toàn bộ những rắc rối này đều là do Bụi cả, nhưng chẳng ai chịu nói cho cháu biết nó là gì.”

“Ta không biết,” Serafina Pekkala nói. “Giới phù thủy chưa từng lo lắng về Bụi. Ta chỉ có thể nói với cháu rằng ở đâu có thầy tu thì ở đó có nỗi sợ về Bụi. Đương nhiên là Phu nhân Coulter không phải thầy tu, nhưng bà ta là nhân tố quan trọng thuộc Huấn Quyền, cũng chính bà ta là người thiết lập nên Ủy ban Hiến tế và thuyết phục Giáo hội trả tiền cho Bolvangar, vì hứng thú của bà ta với Bụi. Chúng ta không thể hiểu được cảm xúc của bà ta về nó. Nhưng có rất nhiều thứ chúng ta không hiểu được. Chúng ta thấy dân Tartar đục lỗ trên sọ của mình và chỉ có thể ngạc nhiên trước sự dị thường đó. Vậy nên Bụi có thể kì lạ, nó khiến chúng ta ngạc nhiên, nhưng chúng ta không phiền muộn đến mức xé bất cứ cái gì ra để kiểm tra nó. Cứ để việc đó cho Giáo hội.”

“Giáo hội ư?” Lyra thốt lên. Có thứ gì đó vừa lóe lên trong tâm trí cô: Cô nhớ lại lần nói chuyện với Pantalaimon ở vùng Fen, về thứ gì có thể khiến kim la bàn của chiếc Chân Kế chuyển động. Chúng đã

nghĩ tới cái cối xay ánh sáng trên bệ thờ cao tại Học viện Gabriel và cái cách mà các hạt cơ bản đẩy các cánh chong chóng xoay. Đấng Cầu Thay ở đó đã khẳng định rõ về mối liên hệ giữa các hạt cơ bản và tôn giáo. “Có thể lắm,” cô gật gù nói. “Dù gì thì người ta cũng giữ bí mật hầu hết những thứ liên quan đến Giáo hội. Nhưng những thứ đó hầu như đều rất cổ xưa, mà theo cháu biết thì Bụi không xa xưa đến thế. Không biết Ngài Asriel có thể nói cho cháu biết không nhỉ...”

Cô bé lại ngáp.

“Cháu phải nằm xuống đây,” cô nói với Serafina Pekkala, “nếu không, chắc cháu đóng băng mất. Ở dưới đất đã lạnh rồi, nhưng cháu chưa từng bị lạnh đến thế này. Nếu bị lạnh hơn nữa khéo cháu chết mất.”

“Vậy thì nằm xuống và quấn chặt áo lông vào đi.”

“Vâng. Nếu có chết cháu cũng thà chết trên này còn hơn ở dưới đó, luôn luôn là vậy. Cháu đã nghĩ khi họ cho chúng cháu xuống dưới cái lưỡi dao đó, cháu đã nghĩ thế là xong... Cả hai bọn cháu đều nghĩ vậy. Ôi, thật là tàn nhẫn. Nhưng giờ thì bọn cháu đi ngủ đây. Khi nào đến nơi hãy gọi bọn cháu dậy nhé,” cô bé nói rồi nằm xuống đóng áo lông, cảm thấy bút rứt và nhức nhối khắp người trong cái lạnh cắt da cắt thịt, cô cố gắng nằm sát hết mức vào cậu bé Roger đang say ngủ.

Cứ như vậy bốn lữ khách tiếp tục lên đường, ngủ say trong chiếc khí cầu phủ đầy băng, về phía những ngọn núi đá và dòng sông băng, những mỏ lửa và pháo đài băng của Svalbard.

Serafina Pekkala gọi người phi công và ông ta lập tức tỉnh dậy, chệnh choạng vì lạnh, nhưng đã nhận ra có thứ gì đó không ổn do chuyển động của giỏ khí cầu. Nó đang chòng chành dữ dội khi thân khí cầu bị gió đánh bật đi, còn các phù thủy đang kéo dây thì vất vả lắm mới giữ được nó. Nếu họ thả tay ra, chiếc khí cầu sẽ bị cuốn bay khỏi lộ trình

ngay lập tức. Chỉ cần lướt nhìn la bàn, ông nhận thấy rằng nó sẽ bị cuốn về phía Nova Zembla với tốc độ gần một trăm dặm một giờ.

“Chúng ta đang ở đâu đây?” Lyra nghe thấy ông hỏi. Cô bé cũng đã lơ mơ tỉnh dậy, cảm thấy khó chịu vì bị xóc, toàn thân cô lạnh đến mức cứng đờ lại.

Cô bé không nghe được tiếng cô phù thủy đáp lại, nhưng trong ánh sáng của chiếc đèn lồng mạch, qua chiếc mũ khép hờ cô nhìn thấy Lee Scoresby đang bám vào thanh chống và kéo một sợi dây thừng dẫn lên thân khí cầu. Ông giật mạnh như thể để gỡ một mối rối rồi rời ngược nhìn bóng tối cuồn cuộn phía trên trước khi vòng sợi dây quanh một cái cọc trên vòng treo.

“Tôi sẽ xả bớt khí gas,” ông hét lên với Serafina Pekkala. “Chúng ta sẽ hạ thấp xuống. Chúng ta đang ở quá cao.”

Cô phù thủy đáp lại gì đó nhưng Lyra không thể nghe ra nổi. Roger cũng đang dần tỉnh dậy; tiếng kẽo kẹt của cái giỏ đủ để đánh thức người ngủ sâu nhất, chưa nói đến việc nó đang rung lắc và nảy lên bần bật. Linh thú của Roger và Pantalaimon bám chặt vào nhau như những con khỉ đuôi sóc, còn Lyra thì chú tâm vào việc nằm im và không bật dậy vì sợ.

“Sẽ ổn cả thôi,” Roger nói, giọng nó có vẻ phấn khởi hơn cả Lyra. “Chúng ta sẽ sớm hạ cánh, rồi chúng ta có thể nhóm lửa sưởi ấm. Tớ có vài que diêm trong túi đây. Tớ nhón được chúng trong bếp ở Bolvangar.”

Chiếc khí cầu quả thật đang hạ độ cao, vì chỉ một giây sau họ đã bị bao bọc trong một đám mây dày lạnh cóng. Những cụm mây nhỏ tràn qua thành giỏ, khiến mọi thứ lập tức trở nên mờ mịt. Nó giống như màn sương mù dày đặc nhất mà Lyra từng được biết tới. Một lúc sau lại có tiếng Serafina Pekkala hét lên gì đó, ông phi công liền tháo sợi dây ra khỏi cọc và thả nó ra. Nó vụt bắn lên qua tay ông, mặc dù đã qua những tiếng kẽo kẹt, rung lắc, tiếng rít của gió luồn qua gờ khí

cầu, Lyra vẫn nghe thấy hay cảm nhận được một tiếng thụp rất lớn ở đâu đó phía xa trên cao.

Lee Scoresby nhận thấy ánh mắt kinh ngạc của cô bé.

“Đây là van khí gas,” ông hét lên. “Nó dùng một lò xo để giữ khí gas bên trong. Khi ta kéo nó xuống, một phần khí sẽ thoát ra từ chóp khí cầu, sức nổi sẽ sụt xuống và chúng ta sẽ hạ độ cao.”

“Chúng ta có gần...”

Cô bé không kịp nói hết câu vì một thứ gớm guốc đã xuất hiện. Một sinh vật bằng nửa cỡ con người, có đôi cánh bọc da và những cái móng hình móc câu, đang bò qua thành giỏ về phía Lee Scoresby. Nó có một cái đầu bẹt, đôi mắt lồi và cái miệng ếch rộng ngoác, từ nó tỏa ra một mùi hôi thối ghê tởm. Lyra thậm chí còn không có thời gian hét lên trước khi Iorek Byrnison với tới và dẫm bẹp nó đi. Nó rơi khỏi giỏ rồi biến mất trong một tiếng thét chói tai.

“Quý vục,” Iorek nói ngắn gọn.

Ngay sau đó Serafina Pekkala xuất hiện, cô bám vào thành giỏ và nói về khẩn cấp.

“Lũ quý vục đang tấn công. Chúng ta sẽ hạ khí cầu xuống đất, sau đó chúng ta phải tự bảo vệ lấy mình. Chúng đang...”

Nhưng Lyra không nghe được phần còn lại của câu đó vì một tiếng xé toạc vang lên, rồi mọi thứ nghiêng sang một bên. Tiếp đến, một luồng gió mạnh khủng khiếp quật ba người vào thành giỏ nơi bộ giáp của Iorek Byrnison được xếp. Iorek vươn một bàn tay khổng lồ ra giữ chúng lại, vì chiếc giỏ đang nảy xóc lên một cách dữ dội. Serafina Pekkala đã biến mất. Tiếng ồn thật kinh hãi: lẫn át tất cả những âm thanh khác là tiếng rít của lũ quý vục. Lyra thấy chúng lao qua và người thấy mùi hôi thối nồng nặc của chúng.

Khí cầu lại giật nảy lên, đột ngột đến mức nó lại khiến cả đoàn bộ nhào xuống sàn, rồi cái giỏ bắt đầu lao xuống với vận tốc kinh hoàng, xoay tít không ngừng. Có cảm giác như họ đã bị tách rời khỏi chiếc

khí cầu và đang rơi không kiểm soát. Tiếp sau đó là một loạt những cú giạt và va đập, cái giỏ bị ném mạnh từ bên này sang bên kia như thể họ đang nảy lên giữa những bức tường đá.

Điều cuối cùng Lyra nhìn thấy là Lee Scoresby nổ khẩu súng lục nòng dài thẳng vào mặt một con quỷ vực; sau đó cô nhắm nghiền mắt lại và bám chặt lấy bộ lông của Iorek Byrnison trong nỗi sợ hãi tột độ. Những tiếng tru, tiếng thét, tiếng gió quất và rít lên, tiếng cái giỏ kẻo kẹt như một con thú bị giày vò, cả bầu không khí cuồn cuộn ngập tràn những tiếng kêu gớm guốc.

Rồi một cú nảy mạnh như từng thấy xảy ra, và Lyra thấy mình bị bắn ra ngoài. Tay cô bị giăng ra, toàn bộ không khí bị ép khỏi phổi khi cô tiếp đất trong trạng thái rối ren đến mức không thể đoán được bầu trời ở hướng nào; còn mặt cô thì ngập trong cái mũ trùm kéo chặt đang chứa đầy thứ bột, khô, lạnh, lấp lánh như pha lê...

Đó là tuyết; cô bé vừa đáp xuống một đồng tuyết. Cô bị bầm dập đến mức gần như chẳng thể nghĩ nổi gì. Cô nằm im trong vài giây rồi yếu ớt nhổ chỗ tuyết trong mồm ra và hỉ mũi cũng yếu ớt không kém cho đến khi có chút không gian để hít vào.

Có vẻ cô bé không bị đau chỗ nào cả mà chỉ cảm thấy khó thở khủng khiếp. Thật cẩn thận, cô thử cử động bàn tay, bàn chân, cánh tay, cẳng chân, và nâng đầu dậy.

Cô nhìn thấy được rất ít vì mũ trùm đầu vẫn đang đầy ngập tuyết. Cứ như thể mỗi bàn tay đều nặng cả tấn, cô gồng mình gạt tuyết và nhòm ra ngoài. Cô thấy một thế giới màu xám, với các tông màu xám đậm nhạt và màu đen, nơi những khối sương mù lảng vảng trôi như những bóng ma.

Những âm thanh duy nhất có thể nghe thấy là tiếng kêu thét xa xăm của lũ quỷ vực ở tít trên cao, và tiếng sóng xô vào đá đầu đó phía ngoài kia.

“Iorek!” Cô hét lên. Giọng yếu ớt và run rẩy, cô thử lại lần nữa nhưng vẫn không có ai trả lời. “Roger!” Cô gọi, nhưng kết quả cũng

vẫn vậy.

Có cảm giác như cô đã bị bỏ lại một mình ở thế giới này, nhưng hẳn nhiên là chưa bao giờ phải như vậy. Pantalaimon bò ra khỏi áo choàng trong hình dạng một con chuột để bầu bạn với cô.

“Tớ kiểm tra Chân Kế rồi,” Pantalaimon nói, “nó không sao cả. Không có sứt mẻ gì hết.”

“Chúng ta lạc rồi, Pan!” Cô thốt lên. “Cậu có thấy đám quỷ vực đó không? Cả lúc ông Scoresby bắn chúng nữa? Chúng mà xuống đây thì chỉ có trời cứu nổi chúng ta...”

“Chúng ta nên thử kiểm cái giỏ khí cầu xem,” nó gợi ý, “có lẽ vậy.”

“Tốt nhất là không nên gọi lớn,” cô nói. “Tớ vừa làm vậy, nhưng có lẽ là không nên, nhờ đâu chúng nghe được. Giá mà tớ biết được chúng mình đang ở đâu.”

“Có biết được khéo cũng chẳng thích thú gì đâu,” Pantalaimon chỉ ra. “Chúng ta có thể đang ở dưới đáy vực mà không có đường lên, còn lũ quỷ vực ở trên đỉnh sẽ thấy chúng ta khi sương mù tan đi.”

Sau khi đã nghỉ thêm vài phút, Lyra bắt đầu lần mò xung quanh và thấy rằng mình đã đáp xuống một khe hở giữa hai tảng đá phủ băng. Sương giá bao phủ lấy vạn vật; một bên là tiếng sóng vỗ cách đó khoảng năm mươi mét, căn cứ theo âm thanh vọng tới, còn từ trên cao vẫn có tiếng rú rít của lũ quỷ vực, dù cho có vẻ nó đã dịu đi đôi chút. Trong cảnh tranh tối tranh sáng, cô chẳng thể nhìn xa hơn vài ba mét, thậm chí cả đôi mắt cú của Pantalaimon cũng chẳng giúp được gì.

Cô bé dẫn bước một cách đau đớn, chân trượt đi trên bề mặt đá lởm chởm, rời xa khỏi những ngọn sóng và lên khỏi bãi biển một chút. Cô chẳng tìm thấy gì ngoài đá và tuyết, chẳng có tăm tích gì của chiếc khí cầu hay bất cứ hành khách nào.

“Họ không thể biến mất cả đám được,” cô thì thào.

Pantalaimon đi lảng vảng xa hơn một chút trong dạng mèo và bắt gặp bốn túi cát nặng trĩch bị vỡ toang, cát bắn ra từ đó đã đóng băng cứng ngắc.

“Bì giữ thăng bằng cho tàu,” Lyra thốt lên. “Hắn là ông ấy đã ném chúng xuống để bay trở lên...”

Cô bé nuốt mạnh để nén cục nghẹn trong cổ, hay nỗi sợ dồn trong ngực, hoặc là cả hai.

“Ôi chao ơi, tớ sợ quá,” cô nói. “Hi vọng họ vẫn an toàn.”

Pantalaimon chạy lên cánh tay cô và rồi bò vào mũ trùm đầu của cô bé trong dạng chuột, nơi nó không thể bị nhìn thấy. Cô nghe thấy có tiếng động, có thứ gì đó loẹt xoẹt cọ vào đá, và quay lại xem nó là thứ gì.

“Iorek!”

Nhưng chưa kịp nói hết thì cô phải nuốt lại từ đó, vì đó hoàn toàn không phải Iorek Byrnison. Đó là một con gấu lạ trong bộ giáp bóng lộn bám đầy sương đã hóa thành băng, mũ giáp của nó dính một chùm lông trang trí.

Nó đứng im, cách đó chừng hai mét. Lyra nghĩ rằng cuộc đời cô thế là hết.

Con gấu mở miệng rống lên. Tiếng vọng bật lại từ phía những vách đá, khiến tiếng kêu rít từ xa phía trên càng trở nên hỗn loạn. Một con gấu khác bước ra từ màn sương, rồi lại một con nữa. Lyra đứng im, nghiến chặt hai nắm đấm loài người bé xíu của mình.

Lũ gấu không nhúc nhích cho đến khi con đầu tiên lên tiếng: “Tên người là gì?”

“Lyra.”

“Người đến từ đâu?”

“Từ bầu trời.”

“Trên một cái khí cầu à?”

“Phải.”

“Đi với bọn ta. Giờ ngươi là tù binh rồi. Đi nào. Nhanh lên.”

Mệt mỏi và sợ hãi, Lyra bắt đầu vấp ngã trên những tảng đá thô nhám và trơn trượt, theo sau lũ gấu, tự hỏi làm thế nào cô có thể dùng lời nói để thoát thân.

Bị giam cầm

Lũ gấu đưa Lyra lên một rãnh nước trong vách núi, sương mù ở đây giăng còn dày hơn dưới bãi biển. Tiếng thét của lũ quỷ vực và sóng xô trở nên mờ nhạt khi họ leo lên, vào lúc này âm thanh duy nhất là tiếng những con chim biển kêu không ngớt. Họ leo lên qua những tảng đá và khối tuyết trong im lặng, mặc dù Lyra đã mở to mắt nhòm vào không gian màu xám đang bao phủ, tai căng ra tìm kiếm âm thanh từ những người bạn của mình, có lẽ cô bé là con người duy nhất ở Svalbard, còn Iorek có thể đã chết.

Con gấu trung sĩ không nói gì với cô cho tới khi họ lên tới mặt đất. Họ dừng lại ở đó. Từ tiếng sóng, Lyra đoán họ đã lên tới đỉnh vách núi, cô không dám chạy trốn, sợ rằng mình sẽ bị rơi xuống vực.

“Nhìn lên kia,” con gấu nói khi một làn gió thoảng gạt bớt tấm màn sương nặng trĩu.

Dù ở đó cũng không có nhiều ánh sáng mặt trời nhưng Lyra vẫn nhìn và thấy mình đang đứng trước một tòa nhà bằng đá bề thế. Ít nhất nó cũng cao bằng phần cao nhất của Học viện Jordan, nhưng đồ sộ hơn nhiều. Tòa nhà được chạm trổ với những hình ảnh tượng trưng về chiến tranh, cho thấy bầy gấu chiến thắng và quân Skraeling đầu hàng, cho thấy quân Tartar bị xiềng và làm nô dịch tại các mỏ lửa, cho thấy những chiếc khí cầu zeppelin bay tới từ khắp mọi miền thế giới, mang theo quà cáp, cống vật đến cho vua của loài gấu, Iofur Raknison.

Ít nhất đó cũng là lời giải thích của tên gấu trung sĩ cho cô bé. Cô phải tin lời hẳn, vì từng hình dạng, từng đường nét trên bề mặt được khắc sâu đều bị lũ ó biển và chim cướp biển chiếm cứ, chúng cứ liên tục kêu rít và lượn vòng vòng trên đầu, phân của chúng phủ đầy lên mọi phần của tòa nhà thành những vệt dày màu trắng bẩn thỉu.

Tuy nhiên, lũ gấu có vẻ không nhận thấy sự hỗn độn đó. Chúng dẫn đường vào qua một cổng vòm khổng lồ, trên mặt đất đóng băng vung vãi đầy phân chim. Phía trong có một khoảnh sân, những bậc thang cao, các cánh cổng vào, và tại mỗi điểm những con gấu mặc giáp đều chặn những kẻ viếng thăm lại và đòi mật khẩu. Áo giáp của chúng được đánh bóng sáng loáng, tất cả đều gắn lông vũ trên mũ giáp của mình. Lyra không thể không so sánh mỗi con gấu mà cô nhìn thấy với Iorek Byrnison, và lần nào Iorek cũng trội hơn; nó hùng mạnh hơn, phong cách hơn, bộ giáp của nó là giáp thật, có màu sắt gỉ, lấm tẩm máu, sứt mẻ vì chiến đấu chứ không đẹp đẽ, được tráng men và trang trí như hầu hết những gì mà cô nhìn thấy quanh mình lúc này.

Càng vào sâu bên trong, nhiệt độ càng tăng dần, và những thứ khác cũng vậy. Thứ mùi trong cung điện của Iofur thật đáng ghê tởm: mùi mỡ hải cẩu thiu, phân động vật, máu, rác thải đủ loại. Lyra kéo mũ trùm xuống cho mát nhưng cô không thể không chun mũi lại. Cô hi vọng loài gấu không đọc được biểu hiện của con người. Cứ vài mét lại có một rầm chia bằng sắt giữ những ngọn đèn đốt bằng mỡ cá voi. Trong những cái bóng lan rộng từ đó, thật khó có thể thấy được cô đang đặt chân lên chỗ nào.

Cuối cùng họ cũng dừng lại bên ngoài một cánh cửa sắt nặng nề. Một con gấu canh gác kéo cái then cửa đồ sộ lại, tên trung sĩ đột ngột quay đầu về phía Lyra rồi đẩy cô ngã chúi vào qua cánh cửa. Trước khi có thể bò được dậy cô đã nghe thấy tiếng cửa được cài then phía sau lưng.

Ở đó tối như hũ nút, nhưng Pantalaimon đã biến thành một con đom đóm và tỏa ánh sáng nhỏ xíu của mình lên khung cảnh xung

quanh. Chúng đang ở trong một xà lim hẹp với những bức tường ẩm ướt rỉ nước, ngoài ra còn có một chiếc ghế băng bằng đá để đỡ. Ở góc xa nhất là đồng rổ rách mà cô cho là giường ngủ, đó là tất cả những gì cô có thể thấy.

Lyra ngồi xuống với Pantalaimon trên vai rồi lần tìm trong quần áo mình chiếc Chân Kế.

“Chắc chắn nó đã bị va đập rất nhiều, Pan ạ,” cô thì thầm. “Hi vọng nó vẫn còn hoạt động.”

Pantalaimon bay xuống cổ tay cô bé rồi ngồi đó tỏa sáng trong khi Lyra tập trung tâm trí. Một phần trong cô thấy thật phi thường khi bản thân có thể ngồi đây trong hiểm họa khủng khiếp mà vẫn lấy được sự bình tĩnh cần thiết để đọc Chân Kế; thế nhưng phần lớn trong cô lúc này là những câu hỏi phức tạp nhất tự sắp xếp thành những biểu tượng cấu tạo nên chúng một cách tự nhiên, cứ như cơ bắp khiến các chi cử động vậy: cô gần như không cần phải nghĩ về chúng.

Cô xoay các núm vặn trong lúc nghĩ về câu hỏi: “Iorek đang ở đâu?”

Câu trả lời tới ngay lập tức: “Cách một ngày đường, bị khí cầu đưa tới đó sau cú va đập, nhưng đang nhanh chóng tiến về hướng này.”

“Còn Roger?”

“Đi cùng Iorek.”

“Iorek sẽ làm gì?”

“Ông ấy dự định sẽ xông vào lâu đài và giải cứu cho cô, bất chấp phải đối mặt với tất cả những khó khăn.”

Lyra cất chiếc Chân Kế đi, cảm thấy còn lo lắng hơn cả lúc trước.

“Chúng sẽ không để ông ấy làm vậy đâu, đúng không?” Cô nói. “Chúng quá đông. Tớ ước giá mà mình là phù thủy, Pan ạ, như vậy cậu có thể bay đi tìm ông ấy để đưa tin nhắn hay gì đó, và chúng ta có thể lập một kế hoạch hẳn hoi...”

Rồi một chuyện xảy ra khiến cô hoảng hồn.

Một giọng đàn ông vang lên trong bóng tối cách đó vài bước chân: “Ai đấy?”

Cô nhảy dựng dậy và hét lên sợ hãi. Pantalaimon lập tức hóa thành dơi, vừa rít lên vừa bay vòng quanh đầu chủ trong lúc cô lùi lại vào tường.

“Hả? Hả?” Người đàn ông lại lên tiếng. “Ai đấy? Nói đi! Nói xem nào!”

“Biến lại thành đom đóm đi, Pan,” cô run rẩy nói. “Nhưng đừng lại gần quá.”

Đốm sáng nhỏ lập loè nhảy múa trong không khí rồi rập rờn bay quanh đầu người vừa lên tiếng. Hóa ra đấy hoàn toàn không phải là một đồng giẻ rách: đó là một ông già râu hoa râm bị xích vào tường, đôi mắt ông lấp lánh trong ánh sáng của Pantalaimon, mái tóc bờm xờm rủ xuống hai vai. Linh thú của ông ta là một con rắn trông có vẻ mệt mỏi, nằm trong lòng ông, thỉnh thoảng lại thè lưỡi ra khi Pantalaimon bay lại gần.

“Tên ông là gì?” Cô hỏi.

“Jotham Santelia,” ông già đáp. “Ta là Giáo sư Hoàng gia ngành Vũ trụ học tại Đại học Gloucester. Còn cháu là ai?”

“Lyra Belacqua ạ. Sao họ lại khóa nhốt ông ở đây vậy?”

“Vì ác tâm và lòng đố kỵ... Cháu từ đâu đến thế? Hả?”

“Từ Học viện Jordan ạ,” cô đáp.

“Gì cơ? Oxford á?”

“Vâng.”

“Tên vô lại Trelawney vẫn ở đó à? Hả?”

“Giáo sư Palmerian ấy ạ? Vâng,” cô đáp.

“Thật hả, Chúa ơi! Hả? Người ta nên bắt hẳn thôi việc từ lâu rồi. Đồ lừa đảo ăn cắp ý tưởng! Hợm hĩnh!”

Lyra phát ra một âm thanh trung lập.

“Hắn đã xuất bản bài báo về photon tia gamma chưa?” Ông Giáo sư hỏi, dí sát mặt về phía Lyra.

Cô lùi lại phía sau.

“Cháu không biết,” cô nói rồi lại theo thói quen bịa chuyện mà nói tiếp, “chưa ạ. Giờ cháu nhớ rồi. Ông ấy nói vẫn cần phải kiểm tra lại vài số liệu nữa. Với cả... ông ấy còn nói sẽ viết về Bụi nữa. Vậy đấy ạ.”

“Vô lại! Ăn cướp! Đê tiện! Lừa đảo!” Ông già gào lên, cả người ông rung lên bần bật đến nỗi Lyra lo ông sẽ ngất đi mất. Linh thú của ông lơ dờ trườn xuống khỏi lòng chủ trong lúc Giáo sư thụi nắm đấm vào hai ống chân mình. Những giọt nước miếng bắn ra khỏi mồm ông.

“Vâng,” Lyra nói, “cháu vẫn luôn nghĩ ông ta là một kẻ cắp. Một kẻ lừa đảo nữa.”

Vị Giáo sư Hoàng gia không hề nhận ra rằng việc một con bé bần thủ xuất hiện trong xà lim của ông lại biết về người đàn ông trong nỗi ám ảnh của mình là rất vô lí. Ông ta bị *điên*, và không nghi ngờ gì nữa, là một ông lão tội nghiệp; nhưng có khả năng ông ta nắm giữ vài mẫu thông tin mà Lyra có thể tận dụng.

Cô bé cẩn thận ngồi xuống bên cạnh, không quá gần để ông ta có thể chạm vào, nhưng đủ gần để ánh sáng tí hon của Pantalaimon chiếu rõ được ông.

“Một điều mà Giáo sư Trelawney thường khoe khoang,” cô nói, “là việc ông ta biết rất rõ về vua của loài gấu...”

“Khoe khoang! Hả? Hả? Ta nên nói là hắn khoe khoang! Hắn chẳng là gì ngoài một tên hợm hĩnh! Một tên kẻ cướp! Hắn chẳng có chút nghiên cứu nào là của bản thân cả! Toàn đi ăn mót của những người tài giỏi hơn!”

“Vâng, đúng vậy,” Lyra sốt sắng nói. “Còn cứ khi nào ông ta tự làm một cái gì là thế nào cũng sai sót.”

“Phải! Phải! Đúng vậy! Không tài năng, không óc tưởng tượng, một tên gian lận từ đầu đến chân!”

“Ý cháu là, giả dụ,” Lyra nói, “cháu dám cá là ông biết về loài gấu nhiều hơn ông ta.”

“Gấu à,” ông già nói, “xời! Ta có thể viết cả một luận án về chúng! Đó là lí do chúng nhốt ta lại, cháu thấy đấy.”

“Tại sao lại thế ạ?”

“Ta biết quá nhiều về chúng, nhưng chúng lại không dám giết ta. Dù có rất muốn, chúng cũng không dám làm thế. Ta biết, cứ chờ mà xem. Ta có bạn bè. Phải! Những người bạn quyền lực.”

“Vâng,” Lyra nói. “Cháu cũng dám chắc ông là một người thầy tuyệt vời,” cô nói tiếp. “Vì ông có rất nhiều kiến thức và trải nghiệm.”

Ngay cả dưới đáy sâu của cơn điên, một chút ý thức vẫn đang lấp lánh. Ông già nhìn xoáy vào cô bé, gần như là nghi ngờ cô đang mĩa mai mình. Nhưng suốt cuộc đời quen đối phó với những học giả đa nghi và lập dị, cô liền nhìn lại bằng một vẻ ngưỡng mộ dịu dàng khiến ông dịu đi.

“Thầy giáo,” ông nói, “thầy... Phải, ta có thể dạy. Cứ cho ta một học sinh phù hợp, ta sẽ thắp sáng ngọn lửa tri thức trong người đó!”

“Vì kiến thức của ông không thể để cứ thế biến mất được,” Lyra khích lệ. “Nó cần được truyền lại để người đời nhớ đến ông.”

“Phải,” ông nói, nghiêm túc gật đầu. “Cháu quả là rất biết nhận thức đấy nhóc ạ. Tên cháu là gì?”

“Lyra ạ,” cô nhắc lại. “Ông có thể dạy cháu về loài gấu không?”

“Loài gấu...” Ông già nói vẻ do dự.

“Cháu thật sự rất muốn biết về vũ trụ học, Bụi và những thứ khác nữa, nhưng cháu không đủ thông minh để học chúng. Ông thật sự cần những học trò thông minh cho các môn đó. Nhưng cháu có thể học về loài gấu. Ông hoàn toàn có thể dạy cháu về chúng. Có lẽ ta có thể dùng nó để luyện tập rồi sau đó sẽ học tới Bụi.”

Ông già lại gật đầu.

“Phải,” ông nói, “phải, ta tin là cháu nói đúng. Có một sự tương đồng giữa thế giới vi mô và vĩ mô! Những ngôi sao đang sống, cô bé ạ. Cháu có biết điều đó không? Tất cả mọi thứ ngoài kia đều đang sống, với những mục đích lớn lao! Vũ trụ tràn ngập *những ý định*, cháu biết không. Mọi thứ đều xảy ra vì một mục đích nào đó. Mục đích của cháu là nhắc nhở ta về điều đó. Tốt, tốt lắm - trong nỗi tuyệt vọng ta đã quên bằng mất. Tốt! Xuất sắc, cháu gái của ta!”

“Vậy, ông đã gặp nhà vua chưa? Iofur Raknison ấy?”

“Rồi. Ta đã gặp rồi. Ta đến đây theo lời mời của hãn, cháu biết đấy. Hãn định thành lập một trường đại học. Hãn còn định cho ta làm Hiệu phó nữa. Đó sẽ là một cái gai trong mắt Viện Bắc Cực Hoàng Gia, hả! Hả? Và cả tên vô lại Trelawney nữa! Ha!”

“Chuyện gì đã xảy ra vậy ạ?”

“Ta đã bị đám cấp dưới phản bội. Trelawney cũng trong số chúng, đương nhiên rồi. Hãn đã ở đây, cháu biết đấy. Tại Svalbard. Lan truyền những lời dối trá và vu khống về trình độ chuyên môn của ta. Vu khống! Nói láo! Ai là người đã khám phá ra bằng chứng quyết định cho giả thuyết Barnard-Stokes, hả? Hả? Phải, là Santelia, chính là người đó. Trelawney không thể chịu được điều này. Hãn đã nói dối một cách trắng trợn. Iofur Raknison đã tống ta vào đây. Một ngày nào đó ta sẽ thoát ra, cứ chờ xem. Ta sẽ là Hiệu phó, phải rồi. Lúc đó cứ để Trelawney đến cầu xin ơn huệ của ta! Cứ để Ủy ban Phát hành của Viện Bắc Cực Hoàng Gia bác bỏ những đóng góp của ta đi! Ha! Ta sẽ vạch trần tất cả bọn chúng!”

“Cháu cho rằng Iorek Byrnison sẽ tin ông, khi ông ấy quay lại,” Lyra nói.

“Iorek Byrnison? Đợi hãn chẳng ích gì đâu. *Hãn* sẽ không bao giờ quay lại.”

“Ông ấy đang trên đường đến.”

“Thế thì chúng sẽ giết hẳn. Hẳn không phải một con gấu, cháu thấy đấy. Hẳn là một kẻ bị ruồng bỏ. Như ta đây. Bị giảm giá trị, vậy đấy. Không có quyền hưởng bất cứ một đặc quyền nào của loài gấu.”

“Nhưng cứ cho là Iorek Byrnison có quay lại đi ạ,” Lyra nói. “Cứ cho là ông ấy thách đấu với Iofur Raknison...”

“Ồ, chúng không để chuyện đó xảy ra đâu,” ông Giáo sư quả quyết nói. “Iofur sẽ không bao giờ hạ mình để thừa nhận quyền giao đấu với hẳn của Iorek Byrnison đâu. Không hề có một quyền nào. Giờ thì Iorek chẳng khác gì một con hải cẩu, hay một con moóc, chứ không phải là gấu. Hay tồi tệ hơn: người Tartar hoặc người Skraeling. Chúng sẽ không đấu với hẳn một cách tôn kính như với một con gấu; chúng sẽ giết hẳn bằng máy ném lửa trước khi hẳn tới được gần. Không hi vọng. Không thương xót.”

“Ôi,” Lyra thốt lên, một nỗi tuyệt vọng đè nặng lên lồng ngực cô. “Còn những tù nhân khác của lũ gấu thì sao ạ? Ông có biết chúng nhốt họ ở đâu không?”

“Những tù nhân khác?”

“Kiểu như... Ngài Asriel ấy.”

Đột nhiên thái độ của Giáo sư thay đổi hoàn toàn. Ông co rúm người lại rồi ép mình vào tường, lắc đầu quày quật về cảnh cáo.

“Suyt! Yên lặng! Chúng nghe thấy bây giờ!” Ông ta thì thầm.

“Tại sao chúng ta lại không được nhắc đến Ngài Asriel?”

“Cấm tiệt! Nguy hiểm lắm! Iofur Raknison sẽ không cho phép tên ông ta được nhắc đến đâu!”

“Tại sao ạ?” Lyra hỏi, tiến lại gần và thì thầm để không làm ông hoảng sợ.

“Việc giam giữ Ngài Asriel là một nhiệm vụ đặc biệt mà Ủy ban Hiến tế giao phó cho Iofur,” ông già thì thầm lại. “Đích thân Phu nhân Coulter đã tới đây gặp Iofur và đề nghị đủ loại phần thưởng để giữ Ngài Asriel khỏi cản đường bà ta. Ta biết về điều đó, cháu thấy đấy, vì

lúc đó ta vẫn được Iofur sủng ái. Ta đã gặp Phu nhân Coulter! Phải. Ta đã nói chuyện rất lâu với bà ta. Iofur đã bị bà ta làm cho mê muội. Cứ nói về bà ta không ngừng. Sẵn sàng làm mọi thứ vì bà ta. Nếu bà ta muốn Ngài Asriel bị giam cách xa một trăm dặm, việc đó sẽ xảy ra. Bất cứ điều gì vì bà ta, bất cứ điều gì. Hẳn còn định đặt tên thủ đô của mình theo tên bà ta, cháu có biết điều đó không?”

“Vậy hẳn sẽ không để cho bất cứ ai đến gặp Ngài Asriel ạ?”

“Không! Không đời nào! Nhưng hẳn cũng sợ Ngài Asriel, cháu biết đấy. Iofur đang chơi một ván khó nhằn. Nhưng hẳn rất không ngoan. Hẳn đã làm những việc mà cả hai bên đều muốn. Hẳn giam cách li Ngài Asriel để làm vui lòng Phu nhân Coulter; và hẳn để cho Ngài Asriel có tất cả những dụng cụ mà ông ta cần, để làm *ông ta* vừa lòng. Thế cân bằng này không thể kéo dài lâu. Quá bấp bênh. Làm vừa lòng cả hai bên. Hả? Hàm sóng của tình trạng này sẽ sụp đổ sớm thôi. Ta có thông tin này nhờ một nguồn đáng tin cậy.”

“Thật ạ?” Lyra nói trong lúc tâm trí đang ở chỗ khác, dăm chiêu nghĩ về những điều ông già vừa mới nói.

“Phải. Lưỡi linh thú của ta có thể cảm nhận được những điều có thể xảy ra, cháu biết đấy.”

“Vâng. Linh thú của cháu cũng vậy. Khi nào thì họ cho chúng ta ăn vậy, Giáo sư?”

“Cho chúng ta ăn?”

“Chắc hẳn một lúc nào đó họ sẽ phải cho thức ăn vào, nếu không chúng ta sẽ chết đói mất. Trên sàn lại còn có xương nữa. Cháu đoán đó là xương hải cẩu, đúng không ạ?”

“Hải cẩu... Ta không biết. Chắc vậy.”

Lyra đứng dậy rồi lần ra cửa. Nó không hề có tay cầm, hẳn nhiên rồi, không cả ổ khoá, nó khít vào tường ở cả trên lẫn dưới đến mức không một tia sáng lọt qua nổi. Cô bé ép sát tai vào đó nhưng cũng chẳng nghe thấy gì. Phía sau, ông già đang lăm bằm gì đó một mình.

Cô nghe thấy tiếng bộ xích leng keng khi ông khó nhọc xoay người nằm sang hướng khác, chẳng mấy chốc ông đã bắt đầu ngáy.

Cô bé lần trở lại chiếc ghế bành. Pantalaimon kiệt sức vì tỏa sáng đã biến thành một con dơi, hình dạng rất phù hợp với nó; nó bay quanh, khẽ kêu lên chít chít trong lúc Lyra ngòai cắn móng tay.

Đột nhiên, không hề báo trước, cô bé nhớ lại những điều mình đã nghe Giáo sư Palmerian nói trong Phòng nghỉ lúc đó. Có thứ gì đó cứ quấy nhiễu cô kể từ khi Iorek Byrnison lần đầu nhắc đến tên của Iofur, và giờ thì kí ức đã trở lại: thứ mà Iofur Raknison khao khát hơn mọi thứ khác, Giáo sư Trelawney đã nói, là một con linh thú.

Đương nhiên cô bé đã không hiểu được ý ông muốn nói điều gì; ông đã nhắc đến từ *panserbjørne* thay vì sử dụng tiếng Anh, nên cô đã không biết rằng ông đang nói về loài gấu, mà cô lại không hề biết rằng Iofur Raknison không phải là con người. Một con người thì sẽ có linh thú nên điều đó thật chẳng có nghĩa gì cả.

Nhưng giờ thì đã quá rõ ràng. Mọi thứ cô từng nghe về vua gấu càng làm sáng tỏ thêm: Iofur Raknison hùng mạnh không muốn điều gì hơn là được trở thành con người, với một linh thú của riêng mình.

Và khi nghĩ tới điều đó, một kế hoạch nảy ra trong đầu cô: cách khiến Iofur Raknison làm điều mà thông thường hẳn sẽ không bao giờ làm; cách trao trả lại Iorek Byrnison ngai vàng hợp pháp của nó; cách mà cuối cùng cũng đưa họ tới được nơi Ngài Asriel đang bị giam giữ và đem chiếc Chân Kế đến cho ông.

Ý tưởng đó cứ lớn vờn và khẽ lung linh như một bong bóng xà phòng, khiến cô không dám nhìn thẳng vào, chỉ sợ làm nó vỡ. Nhưng do đã quá quen với hành vi của những ý tưởng, cô cứ để nó lung linh mà ngoảnh đi, nghĩ về việc khác.

Lyra vừa mới chớp mắt thì then cài cửa kêu lên lạch cạch, cánh cửa mở ra và ánh sáng tràn vào. Cô lập tức đứng bật dậy, Pantalaimon

nhanh chóng trốn vào túi áo cô.

Ngay khi tên lính gác gấu cúi đầu xuống nâng tảng thịt hải cẩu và ném vào trong, cô bé đã đứng cạnh hẳn và nói:

“Đưa tôi tới gặp Iofur Raknison. Ông sẽ gặp rắc rối nếu không làm thế. Việc này rất khẩn cấp.”

Nó thả rơi miếng thịt đang ngậm trong hàm rồi nhìn lên. Thật không dễ dàng để có thể đọc được biểu cảm của gấu, nhưng trông nó có vẻ giận dữ.

“Là về Iorek Byrnison ” cô vội nói. “Tôi biết vài điều về ông ta, và nhà vua cần được biết.”

“Cứ nói cho ta đi, ta sẽ truyền tin lại,” con gấu nói.

“Đâu thể để người khác biết trước cả nhà vua được,” cô nói. “Tôi xin lỗi, tôi không muốn thất lễ, nhưng ông thấy đấy luật là nhà vua phải được biết mọi việc trước nhất.”

Có lẽ con gấu khá là ngờ nghệch. Dù sao thì nó cũng ngập ngừng, rồi nó ném tảng thịt vào xà lim trước khi nói: “Rõ rồi. Đi với ta.”

Lyra thấy cả người khoan khoái khi con gấu dẫn cô ra bầu không khí thoáng đãng. Sương mù đã tan và những vì sao đang lấp lánh phía trên khoảng sân quây tường cao. Tên lính gác hội ý với một con gấu khác, tên này liền ra nói chuyện với cô.

“Người không thể tùy ý gặp Iofur Raknison được,” nó nói.

“Người phải đợi đến khi ngài muốn gặp người.”

“Nhưng chuyện tôi cần nói với ngài ấy gấp lắm,” cô nói. “Đó là về Iorek Byrnison. Tôi đảm bảo Đức vua muốn biết, nhưng dù vậy tôi cũng không thể nói với bất cứ ai khác được, các ông không thấy sao? Như vậy là không lịch sự. Ngài sẽ rất tức giận nếu biết chúng ta không cư xử lịch sự.”

Xem chừng câu nói đó có chút sức nặng hoặc khiến con gấu hoang mang đủ để phải ngừng lại. Lyra biết chắc mình đã hiểu đúng sự việc: Iofur Raknison đang đưa vào quá nhiều cách thức mới khiến

không con gấu nào chắc chắn được phải cư xử như thế nào cho đúng, và cô có thể khai thác sự không chắc chắn này để tới gặp được Iofur.

Vậy là con gấu lùi lại để hỏi ý kiến cấp trên, và chẳng bao lâu sau Lyra đã lại được dẫn vào cung điện, nhưng lần này là vào phòng ngai vàng. Ở đây cũng chẳng sạch sẽ hơn gì, thậm chí còn khó thở hơn cả trong xà lim, bởi vì tất cả những thứ mùi hôi thối tự nhiên đều bị át bởi một lớp dày đặc nước hoa có mùi ngọt ngào giả tạo. Cô bé bị bắt đợi trong một hành lang, rồi một phòng chờ, rồi bên ngoài một cánh cửa lớn, trong khi lũ gấu thảo luận, tranh cãi và hối hả chạy qua chạy lại, cho cô thời gian nhìn xung quanh những đường nét trang trí đầy lối bịch: các bức tường được trát vàng dày cộp, một vài trong số đó đã bị tróc lở vì ẩm, còn những tấm thảm sặc sỡ thì bám đầy rác bẩn.

Cuối cùng cánh cửa lớn cũng mở ra từ phía trong. Một luồng sáng chói lòa từ sáu bộ đèn chùm, tấm thảm trải đỏ thẫm, mùi nước hoa càng thêm đậm đặc lớn vờn trong không khí; và khuôn mặt của chục con gấu hoặc hơn, tất cả đều đang nhìn cô chăm chăm, không con nào mặc giáp nhưng tất cả đều đeo trang sức: vòng cổ vàng, khăn trùm đầu gắn lông tím, khăn choàng vai màu đỏ thẫm. Ngạc nhiên là căn phòng cũng có rất nhiều chim; nhận biết và chim cướp biển đậu trên mái đua trát vữa, thỉnh thoảng lại nhào xuống thấp để vồ lấy những miếng cá rớt ra khỏi tổ của nhau trong những bộ đèn chùm.

Trên một bục phía tít cuối phòng, một ngai vàng bề thế dựng lên cao vút. Nó được làm từ đá granit thể hiện sức mạnh và sự đồ sộ, nhưng cũng giống như rất nhiều đồ vật khác trong cung điện của Iofur, nó được trạm trổ những đường cong và tràng hoa mạ vàng cầu kì quá sức trông như thứ đồ hào nhoáng rẻ tiền trên sườn núi vậy.

Ngồi trên ngai là con gấu to lớn nhất cô từng thấy. Iofur Raknison thậm chí còn cao lớn hơn cả Iorek, gương mặt nó lạnh lợi và diễn cảm hơn nhiều, với một vẻ gì đó rất “người” mà cô bé chưa từng nhìn thấy ở Iorek. Khi Iofur nhìn cô, cô có cảm giác như một người đàn ông đang nhìn ra từ đôi mắt của mình, một kiểu người cô đã gặp ở nhà Phu

nhân Coulter, một chính trị gia khôn khéo đã quen với quyền lực. Nó đeo một sợi xích vàng nặng nề đính một viên đá quý loè loẹt quanh cổ, còn bộ móng của nó - dài hẳn sáu tấc - toàn bộ được phủ vàng lá. Con gấu này đem lại ấn tượng về một kẻ sở hữu sức mạnh, năng lượng và mánh khỏe khủng khiếp; nó đủ to lớn để thờ được đồng trang sức quá đà và ngớ ngẩn, nhưng trông chúng không lồ bịch trên người nó, mà lại có vẻ man rợ và hoành tráng.

Cô bé trở nên nao núng. Đột nhiên ý tưởng của cô dường như quá kém cỏi để diễn tả thành lời.

Nhưng cô tiến lại gần hơn một chút, vì cô phải làm như vậy, và rồi cô thấy rằng Iofur đang giữ một vật gì đó trên đầu gối mình, giống như một người có thể để một con mèo ngồi trên đó - hoặc một con linh thú.

Đó là một con búp bê nhồi bông cỡ bự, một hình nộm với khuôn mặt người trống rỗng và ngờ nghệch. Nó ăn vận giống phong cách của Phu nhân Coulter, và có vẻ gì đó khá giống với bà. Con gấu đang giả bộ như mình cũng có linh thú. Lúc đó cô bé biết mình đã an toàn.

Cô bước lên gần ngai vàng và cúi chào thật thấp, trong lúc Pantalaimon nằm im không một tiếng động trong túi áo.

“Chúng tôi xin gửi lời chào đến ngài, Đức vua vĩ đại,” cô nói khẽ. “Hay ý tôi là lời chào *của tôi*, không phải của ông ta.”

“Không phải của ai cơ?” Nó nói, giọng nó nhẹ nhàng hơn cô tưởng tượng, nhưng chứa đầy âm điệu biểu cảm và sự tinh tế. Khi nói, nó vẫy tay lên trước miệng để xua đi lũ ruồi đang bu ở đó.

“Của Iorek Byrnison, thưa Đức vua,” cô đáp. “Tôi có một việc rất quan trọng và bí mật cần nói, và tôi nghĩ mình thật sự cần phải nói riêng với ngài.”

“Việc về Iorek Byrnison à?”

Cô tới gần con gấu, cẩn thận bước trên sàn nhà đầy phân chim và xua lũ ruồi đang vo ve trước mặt mình.

“Việc về linh thú ạ,” cô nói nhỏ để chỉ mình nó nghe được.

Biểu cảm của con gấu liền thay đổi. Lyra không thể đọc nổi nó có nghĩa gì, nhưng rõ ràng là con gấu đang cực kì hứng thú. Đột nhiên nó nhào ra khỏi ngai vàng khiến cô phải nhảy bật sang một bên. Rồi nó rống lên ra lệnh cho những con gấu khác. Tất cả bọn chúng đều cúi đầu rồi lùi lại về phía cửa. Lũ chim đang bay tán loạn vì tiếng rống của con gấu kêu lên quang quác và lượn vòng trên đầu trước khi đậu vào tổ của mình.

Khi phòng ngai vàng đã trống rỗng, chỉ còn lại Iofur Raknison và Lyra, nó liền quay về phía cô vẻ háo hức.

“Sao?” Nó nói. “Cho ta biết người là ai. Chuyện về linh thú là sao?”

“Tôi là một linh thú, thưa Đức vua,” cô đáp.

Nó dừng khựng lại.

“Của ai cơ?” Con gấu hỏi.

“Của Iorek Byrnison,” là câu trả lời của cô.

Đó là điều nguy hiểm nhất cô từng nói. Cô có thể thấy khá rõ ràng rằng chính sự kinh ngạc đã ngăn nó không giết cô ngay tại chỗ. Cô lập tức nói tiếp:

“Xin Đức vua cho phép, hãy để tôi kể toàn bộ câu chuyện trước khi ngài giết tôi. Như ngài có thể thấy, tôi đã liều mạng tới đây, và tôi chẳng có gì có thể làm hại được ngài cả. Thật ra tôi muốn giúp ngài, đó là lí do tôi đến. Iorek Byrnison là con gấu đầu tiên có linh thú, nhưng đáng ra đó phải là ngài. Tôi cũng muốn được làm linh thú của ngài hơn là của ông ta, nên tôi đã đến đây.”

“Làm thế nào?” Nó nín thở hỏi. “Làm thế nào gấu có linh thú được? Và tại sao lại là hẳn? Làm sao người có thể rời xa khỏi hẳn đến vậy?”

Lũ ruồi bay ra khỏi mồm nó như những từ ngữ nhỏ xíu.

“Việc đó đơn giản thôi. Tôi có thể rời xa khỏi ông ta vì tôi giống như linh thú của phù thủy vậy. Ngài biết là họ có thể rời khỏi chủ nhân của mình hàng trăm dặm không? Giống như vậy đó. Còn về việc ông ta có được tôi như thế nào thì đó là tại Bolvangar. Ngài đã nghe về Bolvangar, vì Phu nhân Coulter hẳn đã kể với ngài về nơi đó, nhưng có lẽ bà ta đã không kể với ngài toàn bộ những việc họ đang làm tại đó.”

“Cắt...” Nó nói.

“Phải, cắt, đó chỉ là một phần, phẫu thuật cắt đứt. Nhưng họ còn đang tiến hành đủ thứ khác nữa, ví dụ như tạo ra các linh thú nhân tạo. Cả thí nghiệm trên động vật nữa. Khi Iorek Byrnison nghe được chuyện, ông ta đã tự nguyện hiến mình làm thí nghiệm để xem họ có thể tạo ra một con linh thú cho ông ta hay không, và họ đã làm được. Đó là tôi. Tên tôi là Lyra. Cũng giống như khi con người có linh thú, chúng sẽ ở dạng động vật, vì vậy khi gấu có linh thú, nó sẽ ở dạng người. Và tôi là linh thú của ông ta. Tôi có thể nhìn thấu tâm trí ông ta để biết chính xác ông ta đang làm gì, đang ở đâu và...”

“Giờ hẳn đang ở đâu?”

“Ở Svalbard. Ông ta đang tới đây nhanh nhất có thể.”

“Tại sao? Hẳn muốn gì? Hẳn ta điên rồi! Bọn ta sẽ xé xác hẳn thành nghìn mảnh!”

“Ông ta muốn tôi. Ông ta tới để giành lại tôi. Nhưng tôi không muốn làm linh thú của ông ta, Iofur Raknison, tôi muốn phục vụ ngài. Vì khi thấy một con gấu có linh thú hùng mạnh đến ngần nào, những người ở Bolvangar đã quyết định sẽ không bao giờ thực hiện thí nghiệm đó nữa. Iorek Byrnison sẽ trở thành con gấu duy nhất sở hữu linh thú. Với sự giúp đỡ của tôi, ông ta có thể lãnh đạo toàn bộ loài gấu chống lại ngài. Đó là lí do ông ta tới Svalbard.”

Vua gấu gầm lên giận giữ. Nó gầm lớn đến mức khiến pha lê trong các bộ đèn chùm rung lên leng keng, toàn bộ lũ chim trong gian phòng không lồ rít lên sợ hãi, còn tai Lyra thì ù đi.

Nhưng cô đủ sức chịu đựng đó áp lực.

“Đó là lí do tôi thích ngài nhất,” cô bé nói với Iofur Raknison, “vì ngài tràn đầy nhiệt huyết, mạnh mẽ, lại còn thông minh nữa. Tôi chỉ cần rời bỏ ông ta để đến nói với ngài, vì tôi không muốn ông ta thống trị loài gấu. Đó phải là vị trí của ngài. Có một cách để cướp tôi từ ông ta và khiến tôi trở thành linh thú của ngài, nhưng ngài sẽ không biết nó là gì trừ khi tôi nói. Có lẽ ngài sẽ dùng cách thông thường để đấu với những con gấu bị vứt bỏ như ông ta; ý tôi là, ngài sẽ không đấu hãn hoi mà giết ông ta bằng máy ném lửa hay thứ gì đó. Nếu làm như vậy, tôi sẽ vụt tắt như một tia sáng và chết cùng với ông ta.”

“Nhưng người - làm sao có thể...”

“Tôi có thể trở thành linh thú của ngài,” cô nói, “nhưng chỉ khi ngài hạ gục Iorek Byrnison trong một trận đấu tay đôi. Khi đó sức mạnh của ông ta sẽ truyền vào ngài, tâm trí của tôi cũng sẽ nhập vào tâm trí ngài và chúng ta sẽ như hòa làm một, nghĩ những suy nghĩ của nhau; rồi ngài có thể cử tôi đi hàng dặm để do thám cho ngài, hoặc giữ tôi ở đây bên cạnh, tùy ý ngài muốn. Tôi sẽ giúp ngài lãnh đạo bầy gấu đến chiếm Bolvangar, nếu ngài muốn, và bắt họ tạo ra thêm linh thú cho những con gấu yêu thích của ngài; hoặc nếu ngài muốn mình là con gấu duy nhất có linh thú, chúng ta có thể xóa sổ Bolvangar vĩnh viễn. Chúng ta có thể làm mọi thứ, Iofur Raknison, hai ta với nhau!”

Suốt cả thời gian đó, Lyra giữ Pantalaimon trong túi áo bằng bàn tay run rẩy, còn con linh thú thì nằm im nhất có thể, trong dạng chuột nhỏ nhất nó từng biến thành.

Iofur Raknison đang đi qua đi lại với vẻ phấn khích như muốn bùng nổ.

“Đấu tay đôi à?” Nó nói. “Ta ư? Ta phải đấu với Iorek Byrnison? Không thể nào! Hãn là kẻ bị ruồng bỏ! Sao có thể như vậy được? Làm sao ta có thể đấu với hãn đây? Đó là cách duy nhất sao?”

“Đó là cách duy nhất,” Lyra nói, ước gì nó không phải như vậy, vì Iofur Raknison càng ngày càng có vẻ bực con và dữ tợn hơn. Dù cho

rất yêu mến và tin tưởng Iorek, cô bé vẫn không thể thực sự tin tưởng rằng nó sẽ đánh bại được tên khổng lồ trong số những con gấu khổng lồ này. Nhưng đó là hi vọng duy nhất họ có. Nếu để bị quật ngã từ xa bởi máy ném lửa thì chẳng còn hi vọng gì cả.

Đột nhiên Iofur Raknison quay lại.

“Chúng mình đi!” Nó nói. “Chúng mình rằng người là một linh thú đi!”

“Được thôi,” cô đáp. “Tôi có thể làm thế, đơn giản. Tôi có thể tìm ra bất cứ thứ gì ngài biết mà không ai khác biết, một thứ mà chỉ có linh thú mới có thể tìm ra được.”

“Vậy nói cho ta biết sinh vật đầu tiên ta giết là gì.”

“Tôi sẽ phải ở một mình trong một căn phòng để làm điều này,” cô nói. “Khi tôi là linh thú của ngài, ngài sẽ có thể thấy cách tôi làm, nhưng cho tới lúc đó đây là việc riêng tư.”

“Có một phòng khách ở đằng sau phòng này. Cứ vào trong đó rồi ra khi nào người biết được câu trả lời.”

Lyra mở cửa và thấy mình đang đứng trong một căn phòng được thắp sáng bởi một ngọn đuốc, nó trông trơn ngoài một cái tủ làm từ gỗ dái ngựa chứa vài thứ đồ trang trí bằng bạc đã mờ xỉn đi. Cô bé lấy Chân Kế ra và hỏi: “Giờ Iorek đang ở đâu?”

“Cách đây bốn giờ đồng hồ, đang tiến tới ngày một nhanh hơn.”

“Làm sao để nói với ông ấy việc tôi vừa làm?”

“Cô phải tin ông ta.”

Cô bé lo lắng nghĩ về việc Iorek sẽ mệt biết chừng nào khi tới nơi. Nhưng rồi cô tự khiển trách bản thân rằng mình đang không nghe theo lời chiếc Chân Kế vừa nói: cô không tin tưởng con gấu.

Cô gạt suy nghĩ đó sang một bên rồi đặt câu hỏi mà Iofur Raknison muốn. Sinh vật đầu tiên nó giết là gì?

Câu trả lời đến: cha đẻ của Iofur.

Cô hỏi sâu thêm và biết được rằng khi còn là một con gấu non, Iofur đã ở một mình trên băng trong chuyến đi săn đầu tiên của mình, và đã bắt gặp một con gấu đơn độc. Chúng tranh cãi rồi giao đấu, và Iofur đã giết nó. Sau đó khi biết được rằng đó chính là cha mình (vì gấu được mẹ nuôi nấng, chúng hiếm khi thấy cha mình) nó đã che giấu sự thật về việc mình đã làm. Không ai biết về chuyện đó ngoại trừ chính bản thân Iofur.

Cô bé cất chiếc Chân Kế đi và tự hỏi làm thế nào để nói với nó về điều đó.

“Tâng bốc hẳn đi!” Pantalaimon thì thầm. “Đó là tất cả những gì hẳn muốn.”

Vậy là Lyra mở cửa và thấy Iofur Raknison đang chờ mình với vẻ mặt đặc thẳng, ranh mãnh, thấu hiểu và tham lam.

“Sao hả?”

Cô bé quỳ xuống trước mặt con gấu rồi cúi đầu chạm vào tay trái của nó, bên tay khỏe hơn, vì gấu thuận tay trái.

“Xin thứ lỗi cho tôi, Iofur Raknison!” Cô bé nói. “Tôi đã không biết ngài mạnh mẽ và vĩ đại đến vậy!”

“Gì thế này? Trả lời câu hỏi của ta đi!”

“Sinh vật đầu tiên ngài giết là cha của chính ngài. Tôi cho rằng ngài là một vị thánh mới giáng trần, Iofur Raknison ạ. Chắc chắn là như vậy. Chỉ có thánh mới có sức mạnh để làm điều đó.”

“Người biết điều đó! Người thật sự có thể thấy được!”

“Vâng, vì tôi là một linh thú, như tôi đã nói.”

“Nói cho ta nghe một việc nữa. Quý bà Coulter đã hứa với ta điều gì khi bà ta ở đây?”

Một lần nữa Lyra lại vào căn phòng trống và hỏi chiếc Chân Kế trước khi quay trở lại cùng với câu trả lời.

“Bà ta hứa với ngài là sẽ thuyết phục Huấn Quyền tại Geneva đồng ý cho ngài được rửa tội như một tín đồ Cơ Đốc giáo, dù cho lúc

đó ngài chưa có linh thú. Chà, tôi e rằng bà ta vẫn chưa làm việc đó đâu, Iofur Raknison ạ, mà nói thật tôi không nghĩ họ sẽ chịu đồng thuận việc đó nếu ngài không có linh thú. Tôi nghĩ bà ta biết điều đó nhưng không chịu nói sự thật cho ngài. Dù thế nào thì khi đã có tôi làm linh thú, ngài *có thể* được rửa tội nếu muốn, vì lúc đó chẳng ai có thể tranh cãi được nữa. Ngài có thể yêu cầu việc đó và họ sẽ không thể từ chối được.”

“Phải... Đúng thế. Đó là những gì bà ta nói. Đúng từng từ một. Bà ta dám lừa dối ta à? Ta đã tin tưởng mà bà ta dám lừa ta?”

“Đúng vậy. Nhưng bà ta không còn quan trọng nữa rồi. Xin thứ lỗi, thưa Iofur Raknison. Hi vọng ngài không phiền khi tôi nhắc rằng lúc này Iorek Byrnison chỉ còn cách chúng ta bốn giờ đồng hồ, có lẽ ngài nên dặn đám lính gác gấu không được tấn công ông ta như thông thường họ sẽ làm. Nếu ngài định giao đấu với ông ta để giành lấy tôi, ông ta sẽ phải được phép vào tới Cung điện.”

“Phải...”

“Có lẽ khi ông ta tới, tôi nên giả vờ mình vẫn thuộc về ông ta, và nói rằng tôi đã bị lạc hay gì đó. Ông ta sẽ không biết được đâu. Tôi sẽ giả bộ. Ngài có định nói với những con gấu khác về việc tôi là linh thú của Iorek và sẽ thuộc về ngài khi ngài đánh bại ông ta không?”

“Ta không biết... Ta nên làm gì?”

“Tôi nghĩ ngài đừng vội nhắc tới nó làm gì. Khi chúng ta đã về bên nhau, ngài và tôi, chúng ta có thể suy xét làm thế nào là tốt nhất rồi quyết định. Việc ngài cần làm bây giờ là giải thích với tất cả những con gấu khác lí do vì sao lại để Iorek giao đấu với mình như một con gấu thực thụ, mặc dù ông ta là kẻ bị ruồng bỏ. Bởi vì họ sẽ không hiểu nên chúng ta phải tìm một lí do cho việc đó. Ý tôi là, dù gì họ cũng sẽ làm theo những điều ngài sai bảo thôi, nhưng nếu hiểu được lí do, họ sẽ càng thêm ngưỡng mộ ngài.”

“Phải. Chúng ta nên nói gì với họ?”

“Nói với họ... Nói với họ rằng để khiến cho vương quốc của mình tuyệt đối an toàn, ngài đã cho gọi Iorek Byrnison đến giao đấu, và kẻ thắng cuộc sẽ thống trị loài gấu vĩnh viễn. Ngài thấy đấy, nếu làm ra vẻ như việc ông ta đến là ý tưởng *của ngài* chứ không phải tự ông ta, họ sẽ bị ấn tượng sâu sắc. Họ sẽ nghĩ rằng ngài có thể gọi ông ta đến đây từ một nơi rất xa. Họ sẽ nghĩ rằng ngài có thể làm được mọi thứ.”

“Phải...”

Con gấu khổng lồ không còn lựa chọn nào khác. Ảnh hưởng của cô lên con gấu gần như khiến Lyra mê mẩn. Nếu Pantalaimon không cản mạnh vào tay cô để nhắc nhở về mối nguy hiểm mà chúng đang vướng phải, có lẽ cô đã mất hết ý thức về sự cân bằng.

Nhưng cô đã trở lại làm chính mình, cô khiêm tốn lùi lại nhìn và chờ đợi trong lúc lũ gấu, dưới sự chỉ đạo đầy hưng phấn của Iofur, chuẩn bị sàn đấu cho Iorek Byrnison. Trong lúc đó Iorek, không biết gì về việc này, đang lao đến ngày càng gần, về phía thứ mà cô ước mình có thể báo với nó là cuộc chiến một mất một còn.

Tới cực điểm

Giao đấu giữa những con gấu là việc rất phổ biến, nó thường được coi như một loại nghi lễ. Mặc dù vậy, việc một con gấu giết đồng loại lại khá hiếm hoi, nếu có chuyện đó xảy ra thì thường là do vô ý, hoặc khi một con gấu hiểu nhầm tín hiệu từ con còn lại, giống như trong trường hợp của Iorek Byrnison. Những trường hợp giết chóc thẳng tay như khi Iofur giết cha mình thì còn hiếm hơn.

Nhưng thỉnh thoảng lại có những trường hợp mà cách duy nhất để dàn xếp sự tranh chấp là một cuộc chiến sinh tử. Để chuẩn bị cho điều đó, cả một nghi lễ sẽ được cử hành.

Ngay khi Iofur thông báo rằng Iorek Byrnison đang trên đường đến và một cuộc đấu sẽ diễn ra, sàn đấu lập tức được quét dọn và bào nhẵn, các thợ làm giáp từ những mỏ lửa tập trung lên để kiểm tra bộ giáp của Iofur. Từng chiếc đinh tán đều được xem xét, mỗi mối nối đều được kiểm định, còn các tấm kim loại thì được đánh bóng bằng loại cát mịn nhất. Bộ vuốt của nó cũng được chăm sóc không kém cạnh. Lớp vàng lá được cạo sạch, từng cái móng riêng biệt dài sáu tấc được mài giữa nhọn hoắt. Càng nhìn Lyra càng cảm thấy nôn nao từ tận sâu trong lòng, vì Iorek Byrnison sẽ không nhận được sự chăm sóc này; nó đang lao đi trên băng trong suốt gần hai mươi tư giờ đồng hồ mà không hề nghỉ ngơi hay ăn uống; nó có thể đã bị thương trong vụ va đập. Còn Lyra thì lại để cho con gấu tham gia vào cuộc đấu này mà

không hay biết. Đến một lúc, sau khi Iofur Raknison đã kiểm tra độ bén của bộ vuốt trên một con moóc vừa bị giết, xẻ toạc da của nó như một tờ giấy, và sức mạnh của những cú đâm thoi sơn lên sọ của con moóc (chỉ hai cú là cái sọ đã nứt ra như vỏ trứng), Lyra phải xin phép Iofur rồi bỏ đi một mình để khóc cho thỏa nỗi sợ hãi.

Thậm chí cả Pantalaimon, thông thường sẽ là đứa khích lệ cô, thì giờ cũng chẳng có gì đáng hi vọng để nói. Cô bé chỉ có thể hỏi ý kiến chiếc Chân Kế: Iorek đang ở cách đó một giờ đồng hồ, Chân Kế nói với cô, và một lần nữa, cô phải tin tưởng con gấu; và (điều này khó đọc hơn) cô thậm chí còn nghĩ rằng nó đang khiển trách mình vì hỏi cùng một câu hỏi hai lần.

Vào lúc này, tin tức đã lan truyền trong cả bầy, toàn bộ săn đấu đều chật ních gấu. Những con gấu cấp cao chiếm được những vị trí tốt nhất, ngoài ra có một khu vực quây kín đặc biệt dành cho lũ gấu cái, hẳn nhiên là bao gồm cả các bà vợ của Iofur. Lyra hết sức tò mò về lũ gấu cái, vì cô biết rất ít về chúng, nhưng giờ không phải lúc đi lang thang để hỏi han. Thay vào đó cô bám sát Iofur Raknison, quan sát đám cận thần quanh nó khẳng định địa vị của mình trước những tên thường dân ở bên ngoài, và cố gắng đoán ý nghĩa của đủ loại lông vũ, phù hiệu và huy chương mà dường như con nào cũng đeo. Vài tên có địa vị cao nhất, cô bé nhìn thấy, mang theo những hình nộm nhỏ giống như con linh thú búp bê rách rưới của Iofur, có lẽ chúng đang cố gắng xu nịnh vua bằng cách bắt chước trào lưu mà nó đã khơi mào. Cô vừa thấy thích thú vừa mỉa mai khi nhận ra rằng khi thấy Iofur đã vứt con búp bê của nó đi, lũ gấu không biết phải làm thế nào với những con của mình. Chúng có nên vứt đi không? Giờ chúng không còn được sủng ái nữa ư? Chúng nên cư xử thế nào?

Vì đó là tâm trạng phổ biến trong triều đình loài gấu nên cô đã bắt đầu thấy được. Chúng không biết chắc về bản chất của mình. Chúng không giống như Iorek Byrnison, thuần khiết, chắc chắn và

tuyệt đối; luôn luôn có một sự không chắc chắn bao phủ khi chúng quan sát lẫn nhau và quan sát Iofur.

Rồi chúng quan sát Lyra với vẻ tò mò không giấu giếm. Cô bé vẫn khiêm nhường đứng cạnh Iofur, cô không nói gì mà chỉ nhìn xuống mỗi khi có con gấu nào đó nhìn mình.

Lúc này sương mù đã tan, không khí trở nên thoáng đãng hơn. Khoảng thời gian ngắn ngủi mà bóng tối vén màn nhường chỗ cho buổi trưa lại tình cờ trùng khớp với thời gian mà Lyra nghĩ Iorek sẽ đến. Trong lúc run rẩy đứng trên một gò tuyết nhỏ bị nèn chặt ở rìa sàn đấu, cô bé ngược nhìn lên vùng sáng nhạt nhòa trên bầu trời, cả trái tim khao khát được thấy những bóng đen tả tơi thanh thoát đang hạ xuống để mang cô đi; hoặc được thấy thành phố ẩn giấu trong Cực Quang, nơi cô sẽ có thể an toàn bước đi dọc theo những đại lộ lớn trong ánh mặt trời; hoặc được thấy vòng tay rộng mở của Má Costa, được ngửi thấy mùi da thịt thân thuộc và mùi nấu nướng bao bọc lấy mình trong sự có mặt của bà...

Cô bé thấy mình đang khóc, với những giọt nước mắt đóng băng gần như ngay khi vừa được hình thành, khiến cô phải đau đớn gạt chúng đi. Cô đang rất hoảng sợ. Loài gấu vì không khóc nên không thể hiểu nổi chuyện gì đang xảy đến với cô; đó chỉ là một quá trình của loài người, chẳng có ý nghĩa gì cả. Mà Pantalaimon thì hẳn nhiên là chẳng thể an ủi cô như nó vẫn thường làm, mặc dù cô vẫn thọc tay vào túi ôm lấy hình dạng chuột nhỏ xíu ấm áp của nó, còn nó thì rúc vào những ngón tay của cô.

Bên cạnh cô, các thợ rèn đang thực hiện những điều chỉnh cuối cùng cho bộ giáp của Iofur Raknison. Nó đứng sừng sững như một tòa tháp vĩ đại bằng kim loại, lớp thép được đánh bóng và những phiến kim loại nhẵn khảm sợi vàng sáng lấp lánh; mũ giáp của nó bọc lấy phần đầu trên thành một cái mai màu bạc xám lóng lánh cùng với hai khe mắt sâu; phần dưới cơ thể được bảo vệ bởi một lớp áo giáp đan mắt lưới vừa khít người. Khi nhìn thấy điều này Lyra nhận ra rằng cô

đã phản bội Iorek Byrnison, vì Iorek chẳng có thứ gì giống như vậy cả. Bộ giáp của nó chỉ bảo vệ mỗi phần lưng và hai bên sườn. Cô bé nhìn Iofur Raknison to béo và hùng mạnh, cảm thấy cơn nôn nao tận sâu trong lòng, giống như một cảm giác tội lỗi và sợ hãi kết hợp lại.

Cô nói: “Xin thứ lỗi, thưa Đức vua, nếu ngài còn nhớ điều tôi đã nói lúc trước...”

Giọng nói run rẩy của cô nghe thật mỏng manh yếu ớt trong không khí. Iofur Raknison quay cái đầu vĩ đại của mình lại, xao lãng khỏi tấm bia mà ba con gấu đang giơ lên trước mặt để nó dùng bộ vuốt hoàn hảo của mình chém vào.

“Sao? Sao?”

“Ngài có nhớ tôi đã nói mình nên đi nói chuyện với Iorek Byrnison trước và giả vờ...”

Nhưng trước khi cô kịp nói hết câu thì một tiếng rống từ lũ gấu vang lên trên chòi canh. Những con khác đều biết tiếng kêu đó mang ý nghĩa gì, chúng đồng loạt hô vang về đặc thẳng. Chúng đã nhìn thấy Iorek.

“Được chứ ạ?” Lyra gấp gáp nói. “Tôi sẽ lừa ông ta, ngài sẽ thấy”

“Rồi. Rồi. Đi ngay đi. Đi mà *động viên* hăn đi!”

Iofur Raknison gần như không thể nói nổi vì giận dữ và phẫn khích.

Lyra rời khỏi con gấu rồi băng qua sàn đấu trống trơn và sạch bong, để lại những dấu chân nhỏ xíu trên tuyết. Đám gấu ở phía bên kia sàn tách ra nhường lối cho cô đi. Khi những thân hình nặng nề của chúng lùi sang bên, cô thấy chân trời dần mở rộng, sầm sì trong ánh sáng nhợt nhạt. Iorek Byrnison đâu rồi? Cô chẳng nhìn thấy gì cả, nhưng vì chòi canh ở trên cao nên chúng có thể thấy được những thứ vẫn còn ẩn giấu đối với cô. Tất cả những gì cô có thể làm là tiến bước trong tuyết ngập.

Iorek Byrnison thấy Lyra trước khi cô thấy nó. Nó nhảy vọt lên tạo ra tiếng kim loại va loảng xoảng rồi đáp xuống bên cạnh cô trong cơn bão tuyết từng bừng.

“Ôi, Iorek! Tôi đã làm một việc kinh khủng! Bạn thân mến, ông sắp phải giao đấu với Iofur Raknison, mà ông chưa sẵn sàng - ông đang mệt và đói, còn bộ giáp thì lại...”

“Việc kinh khủng gì?”

“Tôi nói với hãn rằng ông đang đến vì tôi đã thấy được điều đó trên chiếc máy đọc biểu tượng. Hãn khao khát được giống như con người và có linh thú, khao khát đến tuyệt vọng, vậy nên tôi đã lừa cho hãn nghĩ rằng tôi là linh thú của ông, và tôi sẽ ruồng bỏ ông để trở thành linh thú của hãn, nhưng hãn phải đấu với ông để có thể thực hiện việc đó. Bởi vì nếu không, Iorek thân mến ạ, chúng sẽ không bao giờ cho phép ông giao đấu, chúng sẽ chỉ đơn thuần phóng hỏa thiêu trước khi ông kịp đến gần...”

“Cô đã lừa Iofur Raknison ư?”

“Phải. Tôi đã khiến hãn đồng ý giao đấu với ông thay vì giết ngay lập tức như một kẻ bị ruồng bỏ, và kẻ thắng cuộc sẽ là vua của loài gấu. Tôi phải làm như vậy vì...”

“Belacqua? Không. Cô phải là Lyra Silvertongue*,” nó nói. “Được đấu với hãn là tất cả những gì tôi muốn. Đi nào, linh thú bé nhỏ.”

Cô bé nhìn Iorek Byrnison trong bộ giáp méo mó, gầy gò nhưng đầy hung tợn, khiến cô cảm thấy trái tim mình có thể vỡ òa vì kiêu hãnh.

Họ sóng bước về phía cung điện bề thế của Iofur, nơi sàn đấu nằm phẳng lì và mở rộng dưới chân tường. Lũ gấu tùm tùm lại bên những bức tường có lỗ châu mai, lỗ nào lỗ nấy đầy kín những khuôn mặt màu trắng, những thân hình nặng nề của chúng đứng như một bức

tường dày đặc màu trắng mờ phía trước, điểm tuyết bởi những nốt đen của mắt và mũi. Những con gấu nhất dịch sang bên, tạo thành hai hàng để Iorek Byrnison và linh thú của nó bước vào giữa. Mọi ánh mắt từ lũ gấu đổ dồn lên họ.

Iorek dừng lại ở phía đối diện sàn đấu so với Iofur Raknison. Nhà vua bước xuống khỏi đồng tuyết nèn, hai con gấu đối diện nhau ở khoảng cách vài mét.

Lyra đứng sát Iorek đến độ cô có thể cảm nhận được cả người nó rung lên như một cái máy phát mạch khổng lồ, sản sinh ra những dòng mạch vô cùng mạnh mẽ. Cô bé chạm vội vào cổ con gấu ở mép chiếc mũ giáp và nói: “Đánh tốt nhé, Iorek thân mến. Ông mới là quốc vương thực thụ, còn hãn ta thì không. Hãn chẳng là gì cả.”

Nói rồi cô lùi lại.

“Hỡi bầy gấu!” Iorek Byrnison gầm lên. Tiếng vọng dội ngược lại từ những bức tường cung điện, khiến lũ chim giạt mình lao ra khỏi tổ. Nó nói tiếp: “Sau đây là các điều khoản của trận đấu này. Nếu Iofur Raknison giết được ta, hãn sẽ là vua mãi mãi, không lo bị thách đấu hay tranh chấp gì nữa. Còn nếu ta giết được Iofur Raknison, ta sẽ là vua của các người. Mệnh lệnh đầu tiên của ta cho tất cả các người sẽ là dỡ bỏ cung điện này, cái căn nhà sặc mùi nhạo báng và giả tạo này, rồi tống hết vàng và cẩm thạch xuống biển. Sắt mới là kim loại của gấu. Vàng thì không. Iofur Raknison đã vấy bẩn Svalbard nên ta tới để dọn rửa nó. Iofur Raknison, ta thách đấu với ngươi.”

Nói tới đây Iofur chồm tới vài bước cứ như nó không thể kìm nổi bản thân nữa rồi.

“Hỡi bầy gấu!” Tới lượt Iofur rống lên. “Iorek Byrnison đã quay lại theo lời mời của ta. Ta đã gọi hãn tới đây. Ta mới là người được ra điều kiện cho trận đấu này và chúng như sau: nếu ta giết được Iorek Byrnison, da thịt của hãn sẽ bị xé thành từng mảnh ném cho lũ quý vực xâu xé. Đầu của hãn sẽ được trưng phía trên cung điện của ta. Kí

ức về hắn sẽ bị xóa sạch. Kẻ nào dám nhắc tới tên hắn sẽ bị quy vào tội tử hình...”

Nó tiếp tục nói, rồi hai con gấu lại lần lượt lên tiếng. Đó là một công thức, một nghi lễ được tuân thủ một cách chính xác. Lyra nhìn hai con gấu, trông chúng hoàn toàn khác biệt: Iofur thì hào nhoáng và hùng mạnh, với sức lực và thể chất khôn cùng, khoác trên mình bộ giáp bóng lộn, kiêu hãnh như một vị vua; trong khi Iorek lại nhỏ con hơn, dù cô bé chưa từng nghĩ rằng nó nhỏ, trang bị nghèo nàn, bộ giáp hoen gỉ và cong vênh. Nhưng bộ giáp đó là linh hồn của nó. Chính tay Iorek rèn nên và rất vừa vặn. Chúng là một. Iofur không chịu hài lòng với bộ giáp của nó mà lại muốn có thêm một linh hồn khác nữa. Nó đang rất nôn nóng trong khi Iorek lại vô cùng vững vàng.

Lyra nhận thấy rằng những con gấu khác cũng đều đang làm phép so sánh. Nhưng Iorek và Iofur không chỉ đơn thuần là hai con gấu. Ở đây có hai hình thái vương quốc gấu đối nghịch nhau, hai tương lai, hai số mệnh. Iofur đã bắt đầu dẫn chúng theo một hướng, và Iorek sẽ dẫn chúng theo hướng khác. Cùng lúc đó, một tương lai sẽ khép lại hoàn toàn khi tương lai khác bắt đầu mở ra.

Khi trận đấu nghi thức của chúng chuyển sang giai đoạn hai, hai con gấu bắt đầu lượn lờ không ngừng nghỉ trên nền tuyết, dần dần tiến tới phía trước, lúc lắc cái đầu. Không ai trong đám khán giả nhúc nhích một li, mọi ánh mắt đều đổ dồn lên chúng.

Cuối cùng hai chiến binh cũng đứng yên lặng, mặt đối mặt quan sát nhau qua chiều rộng của sàn đấu.

Rồi với một tiếng rống cùng trận tuyết mù mịt, cả hai con gấu đồng loạt di chuyển. Tựa như hai khối đá khổng lồ đang thăng bằng trên những đỉnh núi nằm sát nhau thì bị động đất làm lung lay, chúng lăn xuống sườn núi với vận tốc ngày càng tăng, nhảy qua các khe nứt rồi quật đổ cây cối thành từng mảnh, cho tới khi đâm sầm vào nhau dữ dội tới mức cả hai đều vỡ tung ra thành bụi và những mảnh đá bay: đó là cách hai con gấu lao vào nhau. Tiếng va đập khi chúng gặp nhau

vang vọng trong không khí tĩnh lặng rồi dội ngược lại từ tường Cung điện. Nhưng hai con gấu lại không bị huỷ diệt như số phận của những tảng đá. Cả hai đều ngã lăn ra, và người đứng lên trước là Iorek. Nó uyển chuyển xoay người bật lên rồi túm lấy Iofur, bộ giáp của tên này đã bị hư hại sau cú va chạm, nó không thể dễ dàng nhắc đầu dậy được. Iorek lập tức nhắm tới nhược điểm tại khe hở trên cổ đối thủ. Nó cào lớp lông trắng, móc bộ móng vào dưới mép mũ giáp của Iofur rồi xoắn mạnh về phía trước.

Đánh hơi được nguy hiểm, Iofur gầm gừ rồi lắc mình giống như Lyra đã từng thấy Iorek làm bên mép nước khiến những dải nước bắn lên cao tít, Iorek liền bị đánh bật ra. Tiếng rít do kim loại cọ sát vang lên và Iofur đã lừng lững đứng đó, dùng tay không ủi phẳng tấm thép bảo vệ lưng của mình. Rồi như một dòng thác hung dữ, nó lao người lên Iorek trong khi con gấu này vẫn đang cố gắng đứng dậy.

Lyra cảm thấy áp lực từ cú ngã giáng trời đã đánh bật hơi thở của mình đi. Quả thật mặt đất dưới chân cô cũng đang rung chuyển. Làm sao Iorek có thể sống sót sau cú đòn đó? Nó đang vất vả xoay người tìm điểm tựa trên mặt đất nhưng hai chân nó lại đang ở trên cao. Iofur đã cắm ngấp hàm vào một điểm nào đó gần cổ họng của Iorek. Những giọt máu nóng bắn qua không trung: một giọt đáp xuống trên bộ áo lông của Lyra, cô liền áp bàn tay lên đó như một biểu hiện của tình yêu thương.

Bộ móng vuốt trên chân sau của Iorek cắm vào những mối nối trên lớp áo giáp lưới của Iofur rồi xé dọc xuống dưới. Cả một mảng phía trước người nó bung ra, Iofur loạng choạng nghiêng sang bên để kiểm tra thiệt hại, tạo cơ hội cho Iorek đứng thẳng dậy.

Trong một khoảnh khắc, hai con gấu đứng cách xa nhau, cố gắng bình ổn hơi thở. Iofur giờ lại bị vướng víu bởi bộ giáp lưới, từ một vật bảo vệ nó đã chuyển hoàn toàn thành một thứ cản trở: nó vẫn đang được thắt ở phần dưới và giờ đang kéo lê quanh hai chân sau của con

gấu. Thế nhưng Iorek lại ở tình trạng tồi tệ hơn. Nó đang thở dốc và bị chảy máu không ngừng từ một vết thương trên cổ.

Nhưng Iorek đã nhảy bổ vào Iofur trước khi tên vua kịp thoát khỏi cái áo giáp lưới đang dính chặt vào người và đánh nó ngã nhào, bồi thêm một cú xọc mạnh vào phần cổ lộ ra của Iofur nơi gờ của mũ giáp bị oằn cong. Iofur lảo đảo ra, và rồi hai con gấu lại lao vào nhau, đánh tung tuyết lên bốn phương tám hướng khiến việc xác định ai đang chiếm ưu thế trở nên khó khăn.

Lyra nín thở theo dõi trận đấu, hai bàn tay siết chặt lấy nhau đến mức đau nhói. Cô nghĩ mình thấy Iofur đang xé toạc một vết thương trên bụng Iorek, nhưng không thể như thế được vì chỉ lúc sau, sau một trận nổ tuyết chấn động khác, cả hai con gấu lại đang đứng thẳng như những đấu sĩ quyền Anh. Iorek chém những cái vuốt vĩ đại của mình vào mặt Iofur, còn Iofur đáp trả cũng tàn độc không kém.

Lyra run rẩy trước sức nặng từ những cú đòn. Cứ như thể một gã khổng lồ đang vung vẩy một cái búa tạ gắn đinh sắt vậy...

Sắt va vào sắt, răng đập vào răng, hơi thở gắt rít lên chói tai, chân giậm thành thạch trên nền đất được nén chặt. Tuyết xung quanh lốm đốm màu đỏ và bị giày xéo hàng mét thành một thứ bùn đỏ au.

Đến lúc này bộ giáp của Iofur đã thảm hại lắm rồi, các tấm thép bị xé toạc và bóp méo, lớp vàng khảm hoặc bị tước ra hoặc dính đầy máu, còn mũ giáp thì đã mất dạng. Tình trạng bộ giáp của Iorek lại tốt hơn rất nhiều bất chấp vẻ ngoài xấu xí: dù lồi lõm nhưng vẫn nguyên vẹn, chống chịu ngon lành trước những cú giáng búa tạ của vua gấu và gạt bay những cái vuốt hung bạo dài sáu tấc.

Nhưng mặc dù vậy, Iofur vẫn to lớn và mạnh mẽ hơn Iorek, Iorek đang mệt và đói, lại bị mất nhiều máu hơn. Nó bị thương ở bụng, trên hai cánh tay, ở cổ, trong khi Iofur chỉ đang chảy máu ở hàm dưới. Lyra rất muốn trợ giúp bạn mình, nhưng cô có thể làm gì đây?

Càng lúc sự việc càng tồi tệ đối với Iorek. Nó đang đi tập tễnh, mỗi khi nó đặt tay trái xuống mặt đất, mọi người đều thấy rằng cái tay

gần như không đỡ được chút sức nặng nào của nó. Nó không bao giờ dùng tay trái để đánh, mà những cú đòn từ tay phải cũng đã yếu đi, gần như chỉ là những cái vỗ nhẹ so với những cú tát trời giáng trước đó có vài phút.

Iofur đã nhận thấy điều đó. Nó bắt đầu chế nhạo Iorek, gọi đối thủ là tay gãy, gấu con mít ướt, ăn gi, sắp chết, và những cái tên khác nữa, cùng lúc đó ra đòn tới tấp khiến Iorek không thể đỡ nổi. Iorek buộc phải lùi lại từng bước một và cúi thấp để né trận mưa đòn từ tên vua gấu đang cười nhạo.

Lyra không kìm nổi nước mắt. Người bạn thân yêu của cô, người bạn dũng cảm, người hộ vệ quả cảm, đang sắp chết. Cô sẽ không phản bội nó bằng cách ngoảnh mặt đi, để nếu có nhìn sang cô, con gấu sẽ thấy đôi mắt lấp lánh ngập tràn tình yêu thương và sự tin tưởng, chứ không phải một khuôn mặt giấu đi vì hèn nhát hay một bờ vai sợ sệt quay đi.

Nghĩ vậy cô tiếp tục nhìn, nhưng nước mắt lại ngăn cô theo dõi diễn biến trận đấu, mà có lẽ chẳng nào thì cô cũng chẳng nhìn được gì. Chắc chắn là Iofur cũng không.

Vì Iorek lùi bước chỉ để tìm một chỗ đặt chân khô thoáng và một tảng đá chắc chắn để bật lên, còn cánh tay trái vô dụng thật ra lại vẫn lành lặn và khỏe khoắn. Không ai có thể lừa một con gấu, nhưng như Lyra đã cho nó thấy, Iofur không muốn làm một con gấu, nó muốn làm con người; và Iorek đang lừa nó.

Cuối cùng Iorek đã tìm thấy thứ mình muốn: một tảng đá vững chắc cắm sâu trong băng hà vĩnh cửu. Nó lùi lại vào tảng đá, căng chân lên chờ thời điểm.

Thời cơ tới khi Iofur chồm lên cao, găm lên khoe khoang thẳng lợi rồi quay đầu về nhạo báng về phía cánh tay trái tưởng chừng như yếu ớt của Iorek.

Đúng lúc đó Iorek tấn công. Tựa như một ngọn sóng áp ủ sức mạnh qua hàng ngàn dặm biển khơi, một cơn sóng im lìm khi còn ở

vực nước sâu nhưng khi tới vùng nông lại chồm lên che lấp trời xanh, gây kinh hoàng cho cư dân ven bờ, trước khi đổ rầm xuống mặt đất bằng một mãnh lực không thể chống đỡ - Iorek Byrnison lao về phía Iofur, bùng lên từ điểm tựa vững chãi trên tảng đá khô rồi chém bàn tay trái hung tợn vào bộ hàm đang lộ ra của Iofur Raknison.

Đó là một cú đòn kinh hãi. Nó bật đứt hàm dưới của tên kia, khiến cái hàm lao qua không trung, tửa máu xuống nền tuyết cách đó xa tít.

Cái lưỡi đỏ của Iofur đang thông lòng nhỏ dãi trên cổ họng bị xé toang. Tên vua gấu đột nhiên mất giọng, mất hàm, vô phương cứu chữa. Iorek không cần gì hơn thế. Nó bổ nhào tới, và rồi rằng nó đang cắm ngập trong họng Iofur, nó giăng hương này lắc hương kia, nhắc bổng cơ thể đồ sộ lên khỏi mặt đất rồi quật xuống như thể Iofur chỉ là một con hải cẩu bên mép nước.

Rồi nó giật mạnh lên và sinh mạng của Iofur Raknison lìa ra trong bộ răng của nó.

Vẫn còn một nghi lễ cần được thực hiện. Iorek rạch bộ ngực không được bảo vệ của tên vua đã chết, lột lớp lông để lộ ra bộ sườn hẹp màu trắng và đỏ như khung gỗ của một con thuyền nằm ngửa. Iorek thọc tay vào lồng ngực, lôi ra quả tim đỏ au và bốc hơi của Iofur rồi ăn nó ngay trước mặt thần dân của Iofur.

Tiếng tung hô vang lên, cả sàn đấu náo động, một đám đông chen chúc tới trước để tỏ lòng kính trọng với kẻ đã chế ngự được Iofur.

Giọng của Iorek Byrnison vang lên lẫn át những tiếng la hét.

“Hỡi bầy gấu! Ai là vua của các người?”

Một tiếng hét vang trời đáp lại, y như thứ âm thanh toàn bộ đá cuội trên thế giới va vào nhau trong một cơn bão biển cuồng nộ:

“Iorek Byrnison !”

Lũ gấu biết chúng phải làm gì. Từng chiếc phù hiệu, áo choàng vai và mũ miện lập tức bị vứt đi và giẫm lên đầy khinh bỉ, chẳng mấy

chốc sẽ bị lãng quên. Giờ chúng đã là gấu của Iorek, những con gấu thực thụ, không phải những sinh vật chẳng rõ người hay gấu, chỉ ý thức được mỗi vị thế thấp kém khổ sở của mình. Chúng ùn ùn kéo về Cung điện và bắt đầu ném các khối cẩm thạch khổng lồ từ những tòa tháp cao nhất, thụi những cú đấm thối sỡ làm rung chuyển các bức tường đục lỗ châu mai cho tới khi đá rời ra rồi lẳng xuống vực, để cho chúng đâm sầm vào đê chắn sóng dưới đó hàng trăm mét.

Iorek mặc kệ đám gấu, nó tháo bộ giáp ra để chăm lo cho những vết thương của mình, nhưng chưa kịp làm thì Lyra đã đứng bên cạnh nó, chân giậm trên nền tuyết đỏ đóng băng và hét lên yêu cầu lũ gấu ngừng đập phá Cung điện vì vẫn còn tù binh bên trong. Chúng không nghe thấy nhưng Iorek thì có, nó gầm lên khiến chúng ngừng lại ngay tức khắc.

“Tù binh loài người à?” Iorek hỏi.

“Phải - Iofur Raknison đã nhốt họ vào hầm ngục - họ cần phải ra ngoài trước và đi lánh nạn ở đâu đó, nếu không gạch đá sẽ đè chết họ mất...”

Iorek nhanh chóng ra lệnh, vài con gấu vội lao vào cung điện để phóng thích tù nhân. Lyra quay sang Iorek.

“Hãy để tôi giúp - tôi muốn đảm bảo rằng ông không bị thương quá nặng, Iorek thân mến ạ - ôi, giá mà có băng gạc ở đây nhỉ! Bụng ông bị cắt sâu quá...”

Một con gấu nhả từ mồm ra một khối đóng băng cứng quèo màu xanh lá lên mặt đất cạnh chân của Iorek.

“Rêu cầm máu,” Iorek nói. “Rịt nó vào vết thương giùm tôi, Lyra. Đè thịt lên nó rồi đắp chút tuyết vào cho tới khi nó đông lại.”

Bất chấp sự thiết tha của đám gấu, Iorek không để cho ai chăm sóc vết thương của mình cả. Hơn nữa Lyra lại rất khéo tay, và cô rất muốn giúp; vậy là cô gái nhỏ cúi xuống người vua gấu vĩ đại, nèn rêu cầm máu vào rồi làm đông lớp thịt cho tới khi nó ngừng chảy máu.

Làm xong thì găng tay của cô đã đẫm máu của Iorek, nhưng vết thương của con gấu giờ không còn rỉ máu nữa.

Cùng lúc đó các tù nhân - khoảng chục người đàn ông đang run rẩy, túm tụm lại với nhau - đã bước ra. Lyra quyết định rằng nói chuyện với Giáo sư cũng chẳng ích gì vì ông già tội nghiệp đã hóa điên; cô muốn biết những người còn lại là ai nhưng còn nhiều chuyện cấp bách khác cần giải quyết. Cô cũng không muốn khiến Iorek bị xao lãng, nó đang gấp gáp ra lệnh, cử lũ gấu chạy đi đủ mọi hướng, nhưng cô đang rất lo cho Roger, cho Lee Scoresby và các phù thủy, bản thân lại đang đói và mệt nữa... Cô bé cho rằng điều tốt nhất cô có thể làm lúc đó là tránh sang một bên để mọi người làm việc.

Nghĩ vậy cô bé thu người lại trong một góc yên tĩnh của sàn đấu cùng với Pantalaimon trong dạng chồn gulo để giữ ấm. Cô bắt chước loài gấu đắp tuyết lên người rồi chìm vào giấc ngủ.

...

Có thứ gì đó thúc vào bàn chân cô rồi một giọng một con gấu lạ cất lên: “Lyra Silvertongue, đức vua muốn gặp cô.”

Cô bé tỉnh dậy, người cứng đờ vì lạnh, cô không thể mở nổi mắt vì băng đã đóng chắc trên đó. May nhờ có Pantalaimon liếm để làm tan băng trên lông mi nên cô mới mở được mắt và thấy một con gấu trẻ tuổi đang nói chuyện với mình dưới ánh trăng.

Cô cố gắng đứng dậy nhưng cả hai lần đều khụy xuống.

Con gấu lên tiếng: “Cười lên tôi này,” rồi cúi xuống chìa tấm lưng rộng cho cô trèo lên. Dù giữ không được chắc, cô vẫn bám trụ được trong lúc con gấu đưa cô tới một vùng trũng và dốc, nơi rất nhiều gấu đang tập trung.

Một dáng người nhỏ bé chạy băng qua bầy gấu về phía cô, còn linh thú của nó thì nhảy lên chào đón Pantalaimon.

“Roger!” Cô bé thốt lên.

“Iorek Byrnison bắt tớ ở lại đó trong lúc ông ấy đi đón cậu - chúng tớ đã bị rơi khỏi khí cầu, Lyra ạ! Sau khi cậu rơi xuống chúng tớ đã bị thổi bay đi hàng dặm liền. Sau đó ông Scoresby nhả bớt khí gas ra, chúng tớ liền bị va vào một quả núi và rơi xuống một cái dốc kinh khủng chưa từng thấy! Tớ không biết ông Scoresby và các phù thủy giờ ở đâu nữa. Lúc đó chỉ có mỗi mình tớ và Iorek Byrnison. Ông ấy đã lập tức quay lại hướng này để tìm cậu. Người ta đã kể cho tớ về trận đấu của ông ấy...”

Lyra nhìn quanh. Dưới sự chỉ đạo của một con gấu lão làng, các tù nhân đang dựng một cái chòi từ gỗ trôi dạt và những mảnh vải bạt. Trông họ có vẻ hài lòng vì có việc để làm. Một trong số họ đang đánh đá lửa để nhóm củi.

“Có đồ ăn đấy,” con gấu trẻ tuổi đã đánh thức Lyra nói.

Một con hải cẩu tươi đang nằm trên tuyết. Con gấu dùng vuốt xé thịt nó ra rồi chỉ cho Lyra cách tìm vị trí hai quả thận. Cô bé ăn sống một quả: nó ấm, mềm và ngon hơn cả tưởng tượng.

“Ăn cả mỡ nữa đi,” con gấu nói rồi xé một mẩu cho cô. Ăn nó như kem tươi vị hạt phỉ vậy. Roger ngập ngừng nhưng cũng làm theo bạn. Chúng ăn ngấu nghiến, và chỉ trong vòng vài phút Lyra đã tỉnh ngủ hẳn, người cô dần ấm lên.

Vừa chùi miệng cô vừa nhìn quanh, nhưng Iorek không có ở đó.

“Iorek Byrnison đang trao đổi với các cố vấn,” con gấu trẻ tuổi nói. “Ngài ấy muốn gặp cô khi cô đã ăn no. Đi theo tôi.”

Nó dẫn hai đứa trẻ qua một đồng tuyết tới nơi bầy gấu đang bắt đầu xây một bức tường làm từ những khối băng. Iorek ngồi ở trung tâm một nhóm gấu lớn tuổi, nó đứng dậy chào đón Lyra.

“Lyra Silvertongue,” nó nói. “Tới mà nghe người ta đang nói gì với tôi này.”

Nó không giải thích sự hiện diện của cô với những con gấu khác, hoặc có lẽ chúng đều đã biết về cô; nhưng đám gấu nhường chỗ cho

cô và đối xử với cô cực kì lịch sự, như thể cô bé là nữ hoàng. Cô cảm thấy hãnh diện khôn tả khi được ngồi cạnh người bạn Iorek Byrnison dưới vòm Cực Quang đang duyên dáng rung rinh trên bầu trời vùng cực, và tham gia thảo luận với bầy gấu.

Hóa ra sự thống trị của Iofur Raknison đối với chúng giống như một thứ bùa phép. Một vài trong số chúng quy cho sức ảnh hưởng của Phu nhân Coulter, người đã tới gặp Iofur trước khi Iorek bị đi đày dù cho Iorek không hề biết việc đó, và tặng cho Iofur rất nhiều món quà khác nhau.

“Bà ta đã cho ông ta thuốc,” một con gấu nói, “thứ thuốc ông ta đã lén cho Hjalmur Hjalmurson uống, và khiến ông ấy đánh mất chính mình.”

Hjalmur Hjalmurson, Lyra hiểu là con gấu Iorek đã giết, và cái chết của nó đã khiến Iorek bị đi đày. Vậy là Phu nhân Coulter đứng sau chuyện này! Mà đó chưa phải là toàn bộ.

“Luật lệ của loài người cấm một vài việc bà ta đang định làm, nhưng luật của người thì không áp dụng ở Svalbard. Bà ta muốn dựng một trạm khác ở đây giống như ở Bolvangar, nhưng tồi tệ hơn là Iofur đã định cho phép bà ta làm thế, chống lại phong tục của loài gấu; vì loài người đã ghé qua hoặc bị tống giam, nhưng chưa bao giờ từng sống và làm việc tại đây. Từng chút một, bà ta nâng cao ảnh hưởng của mình lên Iofur Raknison, rồi của ông ta lên chúng tôi, cho tới khi chúng tôi trở thành những sinh vật dưới trướng bà ta, chạy tới chạy lui thực hiện mệnh lệnh của bà ta. Nhiệm vụ duy nhất của chúng tôi là canh giữ cái thứ ghê tởm mà bà ta định tạo ra...”

Đó là lời phát biểu của một con gấu già. Tên ông ta là Søren Eisarson, một cố vấn, một trong số gấu đã phải chịu khổ sở dưới quyền Iofur Raknison.

“Bà ta giờ đang làm gì vậy, Lyra?” Iorek Byrnison hỏi. “Sau khi nghe nói về cái chết của Iofur, bà ta sẽ có kế hoạch gì?”

Lyra lấy chiếc Chân Kế ra. Ánh sáng ở đó không đủ để nhìn nên Iorek đã gọi người mang một bó đuốc tới.

“Chuyện gì đã xảy ra với ông Scoresby vậy?” Lyra hỏi trong lúc chờ đợi. “Cả các phù thủy nữa?”

“Các phù thủy bị một bộ tộc phù thủy khác tấn công. Tôi không biết liệu chúng có phải đồng minh của lũ cắt trẻ con không, nhưng lúc đó chúng đang đi tuần trên trời với số lượng khổng lồ, chúng lao vào tấn công trong cơn bão. Tôi không thấy được chuyện gì đã xảy ra với Serafina Pekkala. Còn với Lee Scoresby chiếc khí cầu lại bay lên sau khi tôi rơi khỏi đó cùng với cậu bé, mang theo ông ấy đi. Nhưng chiếc máy đọc biểu tượng của cô sẽ cho cô biết số phận của họ.”

Một con gấu kéo đến một chiếc xe kéo chở một cái vạc đựng đầy than củi đang cháy âm ỉ, rồi xọc một cành gỗ nhựa vào giữa vạc. Cành cây lập tức bắt lửa, soi sáng cho Lyra xoay những cây kim của Chân Kế và hỏi về Lee Scoresby.

Hóa ra ông vẫn đang lơ lửng trên trời, bị gió cuốn về hướng Nova Zembla, lũ quỷ vực đã không làm hại gì được ông và ông cũng đã đánh đuổi được bộ tộc phù thủy kia.

Lyra thuật lại cho Iorek, nó liền gật đầu đầy thỏa mãn.

“Chừng nào còn ở trên không trung, ông ta vẫn sẽ an toàn,” nó nhận xét. “Còn Phu nhân Coulter thì sao?”

Câu trả lời khá phức tạp, cây kim xoay hết từ biểu tượng này đến biểu tượng khác theo một trình tự khiến Lyra bối rối một lúc lâu. Đám gấu rất tò mò nhưng đành phải kiềm chế vì kính trọng Iorek Byrnison, và vì sự tôn trọng của nó với Lyra. Cô gạt tất cả ra khỏi tâm trí mình và lại đắm chìm vào thế giới của chiếc Chân Kế.

Một khi đã khám phá ra cách thức của nó, trò đùa giỡn của các biểu tượng có thể trở nên đáng kinh sợ.

“Nó nói rằng bà ta... Bà ta đã nghe về việc chúng ta bay về hướng này và đang đuổi theo trên một chiếc zeppelin vận chuyển được

trang bị súng máy - tôi nghĩ vậy - giờ thì chúng đang hướng về Svalbard rồi. Đương nhiên là bà ta chưa biết việc Iofur Raknison bị đánh bại, nhưng sẽ sớm biết thôi vì... Ồ phải, vì đám phù thủy sẽ nói với bà ta, chúng sẽ biết được điều đó từ lũ quỷ vực. Vậy nên tôi nghĩ là quân do thám đang bủa vây khắp nơi trong không trung, Iorek ạ. Bà ta đang tới để... để giả vờ giúp đỡ Iofur Raknison nhưng thật ra là định tiếp quản quyền lực của ông ta, cùng với một trung đoàn Tartar đang tiến vào từ biển. Chỉ còn vài ngày nữa là chúng sẽ đến nơi.

“Và ngay khi có thể, bà ta sẽ tới chỗ Ngài Asriel bị giam và cho người giết ông ấy. Bởi vì... Giờ thì điều mà trước đây tôi không lí giải nổi đang dần sáng tỏ, Iorek ạ! Đó là lí do bà ta muốn giết Ngài Asriel: vì bà ta biết việc ông ấy định làm và e sợ điều đó, bà ta muốn tự mình thực hiện việc đó và nắm quyền kiểm soát trước khi ông ấy làm... Đó hẳn phải là thành phố trên không, chắc chắn là nó! Bà ta đang cố gắng tới đó đầu tiên! Chân Kế còn nói với tôi một chuyện nữa...”

Cô bé cúi xuống quan sát chiếc máy, tập trung cao độ trong lúc kim la bàn quay tới quay lui. Nó chạy nhanh đến mức gần như không thể theo dõi nổi: Roger, đang nhìn qua vai bạn mình, thậm chí còn không thấy nó dừng lại, thẳng bé chỉ ý thức được cuộc đối thoại chớp nhoáng giữa những ngón tay Lyra vắn các kim và chiếc kim lớn đáp lại trong một thứ ngôn ngữ kì lạ và gây hoang mang không khác gì hiện tượng Cực Quang.

“Được rồi,” cuối cùng cô cũng thốt lên rồi đặt chiếc máy vào lòng, chớp mắt và thở phào trong lúc thoát khỏi sự tập trung cực điểm. “Được rồi, tôi đã hiểu nó nói cái gì rồi. Bà ta lại đang truy đuổi tôi. Bà ta muốn một thứ mà tôi sở hữu, bởi vì Ngài Asriel cũng muốn có nó. Họ cần nó cho việc này... Cho cuộc thử nghiệm này, dù cho nó có là gì đi nữa...”

Cô ngừng nói để lấy một hơi thật sâu. Có thứ gì đó đang khiến cô lo lắng, nhưng cô không biết cụ thể là gì. Cô đoán chắc rằng *cái thứ* cực kì quan trọng này chính là chiếc Chân Kế, vì rốt cuộc thì Phu nhân

Coulter *rất* muốn có nó, vậy thì nó có thể là thứ gì khác được chứ? Nhưng dường như lại không phải vậy, vì cách Chân Kế ám chỉ bản thân không phải như thế này.

“Tôi đoán đó là chiếc Chân Kế,” cô buồn bã nói. “Tôi vẫn luôn nghĩ như vậy. Tôi sẽ phải đưa nó đến cho Ngài Asriel trước khi bà ta cướp được. Bà ta mà có được nó thì tất cả chúng ta sẽ chết.”

Khi nói vậy cô cảm thấy mệt mỏi và buồn bã tới tận xương tủy, đến mức mà chết đi có khi lại nhẹ nhõm hơn. Nhưng tấm gương của Iorek đã ngăn cô thừa nhận điều đó. Cô cất Chân Kế đi rồi ngồi thẳng dậy.

“Bà ta còn cách bao xa nữa?” Iorek hỏi.

“Chỉ vài giờ đồng hồ thôi. Có lẽ tôi cần phải đem chiếc Chân Kế đến cho Ngài Asriel càng sớm càng tốt.”

“Tôi sẽ đi với cô,” Iorek nói.

Cô bé không cãi lại. Trong lúc Iorek ra lệnh và thành lập một đội quân vũ trang để hộ tống họ trong phần cuối cùng của cuộc hành trình Phương Bắc, Lyra ngồi im, cố gắng giữ sức. Có cảm giác như một thứ gì đó đã vượt khỏi cơ thể cô trong lần đọc Chân Kế vừa rồi. Cô bé nhắm mắt lại và thiếp đi, nhưng chẳng bao lâu sau bầy gấu đã đánh thức cô dậy để lên đường.

Sự chào đón của Ngài Asriel

Lyra cưỡi trên lưng một con gấu trẻ tuổi mạnh mẽ, Roger cưỡi một con khác, trong khi Iorek bèn bỏ phóng đi phía trước, theo sau là một đội quân trang bị máy bắn lửa bảo vệ hậu phương.

Chặng đường thật dài và gian khổ. Địa hình phía trong Svalbard gập ghềnh toàn đồi núi, những đỉnh núi chênh vênh và chóp nhọn sắc lẹm xen lẫn các khe vực sâu hun hút và thung lũng dốc đứng, còn cái lạnh thì như cắt da cứa thịt. Lyra hồi tưởng lại những chiếc xe kéo chạy bon bon của người dân du mục trên đường tới Bolvangar; so với lúc này thì quá trình đó thật nhanh chóng và dễ chịu biết bao! Không khí ở đây lạnh sâu chưa từng thấy; hoặc có lẽ do con gấu mà cô đang cưỡi di chuyển không được nhẹ nhàng như Iorek, hoặc có khi là sức lực của cô đã hoàn toàn cạn kiệt. Dù sao đi nữa thì quãng đường này cũng vô cùng gian lao.

Cô biết rất ít về nơi họ đang hướng tới hay nó còn cách bao xa. Tất cả những gì cô biết là điều con gấu già Søren Eisarson đã nói khi họ đang chuẩn bị máy ném lửa. Nó đã tham gia vào việc thương lượng với Ngài Asriel về các điều khoản của việc giam giữ, và vẫn còn nhớ rất rõ những điều đó.

Đầu tiên, nó nói, gấu ở Svalbard coi Ngài Asriel không khác gì các chính trị gia, vua chúa, hay những kẻ gây rối khác bị đày đến hòn đảo hoang vắng này. Các tù binh đều rất quan trọng, nếu không họ đã

bị đồng bào của mình giết thẳng tay rồi. Một ngày nào đó họ có thể sẽ trở nên đáng giá với loài gấu nếu vận mệnh chính trị của họ thay đổi, cho phép họ trở về cai trị đất nước của mình; vì vậy bầy gấu có thể được đền đáp nếu không đối xử tàn tệ hay thiếu tôn trọng với họ.

Do đó đối với Ngài Asriel, điều kiện ở Svalbard không tốt hơn cũng không tồi hơn so với cảm nhận của hàng trăm tù nhân đi đày khác. Nhưng có một vài điều đã khiến các giám ngục dè chừng ông hơn những tù nhân khác. Đó là bầu không khí bí ẩn và nguy hiểm về mặt tâm linh bao quanh bất cứ thứ gì dính dáng đến Bụi; ví dụ như sự hoảng loạn thấy rõ từ những kẻ đã đưa ông tới hay những cuộc trò chuyện riêng tư của Phu nhân Coulter với Iofur Raknison.

Bên cạnh đó, lũ gấu cũng chưa từng gặp thứ gì giống như bản tính kiêu căng và hống hách của Ngài Asriel cả. Ông thậm chí còn lấn át cả Iofur Raknison, tranh cãi một cách quyết liệt và hùng hồn, thuyết phục được vua gấu để cho mình chọn nơi ở của bản thân.

Nơi đầu tiên được phân cho quá sức tồi tàn, ông nói. Ông cần ở địa thế cao, phía trên khói bụi và sự náo động từ những mỏ lửa và lò rèn. Ông đưa cho bầy gấu một bản vẽ về nơi ở mà mình muốn, rồi nói với chúng căn nhà nên ở chỗ nào. Ông đã lấy vàng hối lộ chúng, nịnh nọt và ép buộc Iofur Raknison, thế là lũ gấu lao vào làm với sự sốt sắng đáng kinh ngạc. Chẳng bao lâu sau căn nhà đã được dựng lên trên một mũi đất hướng về phía bắc: một nơi rộng rãi, vững chãi, có những lò sưởi đốt những khối than bự chẳng do lũ gấu khai thác và vận chuyển đến, và các ô cửa sổ lớn bằng thủy tinh thực thụ. Tại đó ông sống, một tù nhân chẳng khác gì vương tướng.

Rồi ông bắt đầu tập hợp vật liệu cho một phòng thí nghiệm.

Ông dồn hết tâm sức vào việc yêu cầu sách vở, máy móc, hóa chất, đủ các thể loại công cụ và trang thiết bị. Bằng cách nào đó chúng đã được đưa đến, không từ nguồn này thì nguồn khác; một số đến công khai, một số lại được tuồn vào qua những vị khách mà ông khẳng khái rằng mình có quyền gặp. Bằng đường bộ, đường biển

hay hàng không, Ngài Asriel tập hợp các vật liệu của mình, và chỉ trong sáu tháng kể từ khi bị bắt giam, ông đã tập hợp được toàn bộ số trang thiết bị mình muốn.

Cứ như vậy ông làm việc, suy nghĩ, lập kế hoạch và tính toán, chờ đợi một điều mình cần để hoàn thành thứ nhiệm vụ đã khiến Ủy ban Hiến tế kinh sợ. Cứ mỗi phút trôi qua, điều đó lại tới gần hơn.

Hình ảnh đầu tiên của Lyra về nhà tù nơi cha mình sống là khi Iorek Byrnison dừng chân dưới một vách núi để hai đứa trẻ có thể đi lại và giãn gân cốt, vì chúng đang bị lạnh và cứng người, việc này rất nguy hiểm.

“Nhìn lên kia kìa,” nó nói.

Một con dốc lớn lởm chởm đá và băng, nơi một lối đi được dọn dẹp cẩn thận, dẫn tới vách núi cheo leo in bóng trên nền trời. Cực Quang không tỏa sáng, nhưng những ngôi sao thì thật lộng lẫy làm sao. Vách đá đen ngòm đứng sừng sững đầy đe dọa, nhưng trên đỉnh của nó là một tòa nhà rộng thênh thang, từ đó ánh sáng tràn trề tuôn ra đủ mọi hướng: không phải là tia sáng lập loè mờ ảo của những chiếc đèn dùng mỡ cá voi hay ánh sáng nhức nhối của đèn mạch sên khấu, mà là một thứ ánh sáng rực rỡ, ấm áp và mềm mại của đèn dầu.

Những khung cửa sổ nơi ánh sáng tràn qua cũng thể hiện uy quyền khủng khiếp của Ngài Asriel. Kính vốn xa xỉ, nên những tấm kính lớn như vậy thật sự là một sự phung phí nhiệt lượng trên những nơi vĩ độ cao thế này. Việc thấy chúng ở đây là bằng chứng của sự giàu sang và tầm ảnh hưởng vượt xa cung điện thô thiển của Iofur Raknison.

Chúng leo lên gấu lằn cuối, theo sau Iorek lên dốc về phía căn nhà. Trên đó có một khoảnh sân nhỏ bị tuyết vùi sâu, bao quanh bởi một bức tường thấp. Khi Iorek đẩy cửa vào, họ nghe thấy tiếng chuông vang vọng đầu đó trong tòa nhà.

Lyra xuống khỏi con gấu. Cô gần như không thể đứng nổi. Cô đỡ Roger xuống cùng rồi vừa vịn vào nhau, hai đứa trẻ vừa loạng choạng lội qua lớp tuyết dày đến đui về phía cầu thang dẫn lên cửa chính.

Ôi, hơi ấm mà căn nhà sẽ mang lại! Ôi, sự nghỉ ngơi yên bình!

Cô bé vội lấy tay cầm của chuông cửa, nhưng trước khi cầm được nó thì cánh cửa đã mở ra. Bên trong là một tiền sảnh nhỏ tối mờ mờ để giữ không khí ấm trong nhà, đứng đó dưới ngọn đèn là một dáng người quen thuộc: người phục vụ nam của Ngài Asriel - Thorold, cùng với linh thú chó Pinscher tên Anfang.

Lyra mệt mỏi gạt mũ trùm ra.

“Ai...” Thorold lên tiếng, nhưng khi nhận ra đó là ai, ông nói tiếp: “Chẳng phải Lyra sao? Lyra bé bỏng? Tôi đang mơ ư?”

Ông vội ra đằng sau để mở cửa trong.

Một phòng lớn với ngọn lửa than bập bùng trong lò sưởi bằng đá; ánh sáng ấm áp từ đèn dầu tỏa xuống những tấm thảm, ghế da, gỗ bóng... Lyra chưa từng nhìn thấy thứ gì như thế này kể từ khi rời khỏi Học viện Jordan, nó khiến cô nín bật vì kinh ngạc.

Con linh thú báo tuyết của Ngài Asriel gầm gừ.

Cha của Lyra đứng đó, gương mặt đầy uy quyền với đôi mắt sẫm màu của ông ban đầu tỏ ra dữ tợn, đặc thẳng và háo hức; nhưng rồi màu sắc trên đó nhợt đi; mắt ông mở to vì kinh hoàng khi nhận ra con gái mình.

“Không! Không!”

Ông lão đảo lúi lại rồi tì vào mặt lò sưởi. Lyra không dám nhúc nhích.

“Biển đi!” Ngài Asriel gầm lên. “Quay lại, đi ra, ngay! *Ta không gọi cháu đến!*”

Cô bé không nói được lời nào. Cô há miệng hai, ba lần, rồi cuối cùng cũng thốt lên được:

“Không, không, cháu đến là vì...”

Trông ông có vẻ kinh sợ; ông cứ lắc đầu nguầy nguậy, hai tay giơ lên như thể để ngăn cô lại; cô bé không thể tin nổi ông lại lo lắng đến thế.

Cô tiến lên một bước để trấn an ông, Roger bước tới đứng bên bạn mình, vẻ mặt đầy lo âu. Linh thú của chúng bay ra tận hưởng không khí ấm áp. Một lúc sau Ngài Asriel quệt tay qua trán, ông đã hồi phục lại chút ít. Vẻ hồng hào bắt đầu trở lại hai gò má khi ông nhìn xuống hai đứa trẻ.

“Lyra,” ông nói. “Là Lyra à?”

“Vâng, thưa Bác Asriel,” cô bé nói, nghĩ rằng giờ chưa phải lúc tiến tới mối quan hệ thực sự giữa họ. “Cháu đến để đưa cho bác chiếc Chân Kế từ Hiệu trưởng trường Jordan.”

“Phải, hẳn nhiên rồi,” ông nói. “Còn ai đây?”

“Đây là Roger Parslow,” cô đáp. “Cậu ấy là phụ bếp tại Học viện Jordan. Nhưng...”

“Làm thế nào các cháu tới được đây?”

“Cháu đang định nói, ở bên ngoài còn Iorek Byrnison nữa, ông ấy đã đưa chúng cháu tới đây. Ông ấy đi cùng với cháu suốt từ Trollesund, chúng cháu đã lừa Iofur...”

“Iorek Byrnison là ai?”

“Một con gấu mặc giáp ạ. Ông ấy đã đưa bọn cháu tới.”

“Thorold,” ông gọi, “xả nước nóng cho những đứa trẻ này tắm, rồi chuẩn bị cho chúng ít thức ăn nữa. Sau đó chúng sẽ cần phải ngủ. Quần áo dơ dáy quá; kiểm cho chúng cái gì đó để mặc đi. Làm ngay đi, trong lúc ta nói chuyện với con gấu.”

Lyra thấy đầu óc choáng váng. Có lẽ là do hơi nóng, hay có lẽ vì cô đã cảm thấy nhẹ nhõm. Cô nhìn người phục vụ cúi chào rồi rời khỏi phòng lớn, còn Ngài Asriel thì bước vào tiền sảnh và đóng cửa lại phía sau, rồi cô gần như ngã vào chiếc ghế gần đó nhất.

Dường như chỉ sau đó một chút, Thorold đã tới nói chuyện với cô.

“Xin đi theo tôi, thưa cô,” ông nói. Cô bé vất vả dựng người dậy rồi đi với Roger tới một phòng tắm ấm áp, nơi những chiếc khăn tắm mềm mại vắt trên một thanh ray được nung nóng, nơi một bồn nước đang bốc hơi nghi ngút dưới ánh đèn dầu.

“Cậu vào trước đi,” Lyra nói. “Tớ sẽ ngồi ngoài và chúng ta sẽ nói chuyện.”

Vậy là Roger, vừa rúm người lại vừa thở hổn hển vì hơi nóng, bước vào phòng để tắm rửa. Chúng vẫn thường trần truồng bơi lội với nhau, nô đùa trên sông Isis hay sông Cherwell cùng với những đứa trẻ khác, nhưng lần này thì không giống như vậy.

“Tớ sợ bác cậu lắm,” Roger nói vọng qua cánh cửa mở. “Ý tớ là cha cậu.”

“Tốt hơn hết là cậu cứ gọi ông ấy là bác tớ đi. Thỉnh thoảng tớ cũng sợ ông ấy lắm.”

“Lúc bọn mình vừa mới vào, ông ấy hoàn toàn không nhìn thấy tớ. Ông ấy chỉ thấy mỗi cậu thôi. Ông ấy có vẻ rất hoảng hốt, nhưng khi vừa thấy tớ thì liền trấn tĩnh lại ngay.”

“Ông ấy chỉ bị bất ngờ thôi,” Lyra nói. “Tự dưng thấy người mà mình không ngờ tới thì ai chẳng vậy. Lần cuối ông ấy gặp tớ là hồi ở Phòng nghỉ. Bị sốc cũng phải thôi.”

“Không,” Roger nói, “không chỉ thế thôi đâu. Ông ấy nhìn tớ như một con sói hay kiểu dạng như thế ấy.”

“Cậu tưởng tượng đấy.”

“Không phải. Tớ sợ ông ấy hơn cả Phu nhân Coulter, thật sự đấy.”

Thằng bé dội nước lên người. Lyra lấy chiếc Chân Kế ra.

“Cậu có muốn tớ hỏi máy đọc biểu tượng về việc đó không?”
Lyra hỏi.

“Chắc, tớ không biết nữa. Có những việc mà tớ thà không biết còn hơn. Tớ có cảm giác mọi thứ mình nghe được kể từ khi Những Kẻ háu ăn tới Oxford đều là chuyện xấu. Chẳng có chuyện tốt nào tồn tại được quá năm phút cả. Giống như thứ bây giờ tớ đang nhìn thấy đây, cái bồn tắm này rất tuyệt, ở đằng kia lại có khăn ấm nữa, cách lúc này khoảng năm phút. Sau khi lau khô người có lẽ tớ sẽ nghĩ tới thứ gì đó ngon lành để ăn, nhưng đến đó là hết. Ăn xong, có lẽ tớ sẽ mong chờ được ngủ trên một chiếc giường êm ấm. Nhưng sau đó thì tớ không biết, Lyra ạ. Chúng ta đã thấy những điều tồi tệ, đúng không nào? Mà chúng sẽ còn tới nữa, đảm bảo luôn. Cho nên tớ nghĩ mình không muốn biết chuyện tương lai. Chỉ cần nắm lấy hiện tại là được rồi.”

“Ừ,” Lyra mệt mỏi nói. “Cũng có những lúc tớ cảm thấy như vậy đấy.”

Vậy là mặc dù cô cầm chiếc Chân Kế thêm một lúc nữa, nhưng đó chỉ là để thư giãn thôi; cô không xoay núm vặn, và kim lớn cũng chẳng buồn quay. Pantalaimon im lặng đứng nhìn.

Sau khi cả hai đã tắm rửa, dùng chút bánh mì với pho mát, uống chút rượu và nước ấm, người phục vụ Thorold nói: “Cậu bé sẽ đi ngủ. Tôi sẽ chỉ đường cho cậu ấy. Cô Lyra, Ngài Asriel hỏi không biết cô có muốn gặp ông ấy ở Thư viện không.”

Lyra thấy bác mình trong một căn phòng có cửa sổ rộng nhìn xuống mặt biển băng giá ở phía xa phía dưới. Lửa than đang phập phùng cháy dưới mặt lò sưởi lớn, ánh đèn dầu đã được vặn nhỏ xuống, tránh tạo ánh phản xạ quá mạnh lên những người trong phòng và làm lu mờ khung cảnh rộng lớn hoang vắng lấp lánh ánh sao bên ngoài. Ngài Asriel đang ngồi tựa lưng trong chiếc ghế bành lớn ở một phía của lò sưởi, ông ra hiệu cho cô tới và ngồi vào một chiếc ghế khác đối diện với ông.

“Ông bạn Iorek Byrnison của cháu đang nghỉ ngơi bên ngoài,” ông nói. “Ông ta thích không khí lạnh hơn.”

“Ông ấy có kể với bác về trận đấu với Iofur Raknison không ạ?”

“Không quá chi tiết. Nhưng ta hiểu là giờ ông ta là vua xứ Svalbard. Có đúng vậy không?”

“Đương nhiên là đúng rồi ạ. Iorek không bao giờ nói dối.”

“Có vẻ như ông ta đã tự nhận nhiệm vụ bảo vệ cho cháu.”

“Không ạ. John Faa bảo ông ấy chăm sóc cháu và ông ấy đang thực hiện điều đó. Ông ấy nghe theo lệnh của John Faa mà.”

“Sao John Faa lại dính dáng đến chuyện này?”

“Cháu sẽ kể cho bác nếu bác nói cho cháu một việc,” cô nói.

“Bác là cha cháu đúng không?”

“Phải. Thì sao?”

“Vậy thì đáng ra cha nên nói cho con biết sớm hơn, là vậy đấy ạ. Chuyện như thế cha không nên giấu người khác, vì khi phát hiện ra người ta sẽ cảm thấy bản thân thật ngu ngốc, như thế ác lắm. Nếu con biết mình là con gái của cha thì có gì khác chứ? Cha có thể nói chuyện này từ lâu rồi. Cha có thể nói với con và yêu cầu con giữ bí mật, con sẽ làm mà. Dù có còn bé đến mấy con cũng sẽ làm nếu cha yêu cầu. Con hẳn sẽ rất tự hào và nếu cha muốn giữ bí mật, không gì có thể khiến con để lộ ra được. Nhưng cha không bao giờ nói. Cha cho người khác biết nhưng chẳng bao giờ nói với con.”

“Ai nói cho con biết?”

“John Faa ạ.”

“Ông ấy có kể về mẹ con không?”

“Có ạ.”

“Vậy thì không còn gì nhiều cho ta nói. Ta không nghĩ mình muốn bị một đứa bé láo xược chất vấn và buộc tội đâu. Ta muốn nghe về những việc con đã thấy và làm trên đường tới đây.”

“Chẳng phải con đã mang đến cho cha cái Chân Kế chết tiệt này rồi sao?” Lyra òa lên. Cô bé đang sắp khóc đến nơi. “Con đã chăm lo cho nó suốt từ Jordan, đã giấu nó, nâng niu nó dù trải qua bao nhiêu chuyện. Con đã học cách sử dụng và mang nó theo suốt cái chặng

đường quý tha ma bắt này trong khi hoàn toàn có thể bỏ cuộc và sống yên ổn. Thế mà cha chẳng buồn nói lời cảm ơn hay tỏ ra chút mừng rỡ khi thấy con. Con chẳng hiểu sao mình lại làm việc này nữa. Thế nhưng con đã làm, vẫn tiếp tục làm kể cả khi lọt vào cái cung điện hôi thối của Iofur Raknison và bị lũ gấu bao quanh, con vẫn cứ làm một mình. Con đã lừa hãn đấu với Iorek để có thể tới đây vì cha... Vậy mà khi thấy con trông cha như muốn ngắt, như thế con là thứ kinh tởm nào đó mà cha không bao giờ muốn gặp lại. Cha không phải con người, Ngài Asriel ạ. Cha không phải *cha con*. *Cha con* sẽ không đối xử với con như thế. Chẳng phải cha thì sẽ yêu thương con gái của mình sao? Cha không yêu con và con cũng chẳng yêu cha, đó là sự thật. Con yêu Farder Coram, con yêu Iorek Byrnison; con yêu mền một con gấu mặc giáp hơn cả cha mình. Và con dám chắc là Iorek Byrnison yêu thương con hơn cha nhiều.”

“Chính con đã nói là ông ta chỉ theo lệnh John Faa thôi mà. Nếu định lướt mượt thì ta không tốn thời gian nói chuyện với con đâu.”

“Thế thì lấy cái Chân Kế chết tiệt của cha đi, con quay lại với Iorek đây.”

“Quay lại đâu?”

“Quay lại Cung điện. Ông ấy có thể chiến đấu với Phu nhân Coulter và Ủy ban Hiến tế nếu họ đến. Nếu ông ấy thua thì con cũng sẽ chết, chẳng sao hết. Nếu ông ấy chiến thắng, bọn con sẽ gọi Lee Scoresby và con sẽ bay đi trên chiếc khí cầu của ông ấy rồi...”

“Lee Scoresby là ai?”

“Một phi công lái khí cầu. Ông ấy đưa chúng con tới đây sau đó khí cầu bị đâm. Của cha đây, chiếc Chân Kế đấy. Nó đang ở trong tình trạng rất tốt.”

Ông không tỏ có vẻ gì là muốn cầm lấy nó nên cô đặt chiếc máy lên tấm chắn bằng đồng quanh lò sưởi.

“Có lẽ con cần phải nói với cha rằng Phu nhân Coulter đang trên đường tới Svalbard, và ngay khi nghe được chuyện xảy ra với Iofur Raknison, bà ta sẽ tới đây. Trên một chiếc zeppelin, cùng với rất nhiều binh lính. Họ sẽ giết tất cả chúng ta theo lệnh của Huấn Quyền.”

“Họ sẽ không bao giờ đến được chỗ chúng ta đâu,” ông điềm tĩnh nói.

Sự lặng lẽ và thư thái của ông khiến cơn thịnh nộ của cô cũng nguôi bớt.

“Cha đâu có biết được,” cô nói vẻ không chắc chắn.

“Ta biết chứ.”

“Vậy cha có một cái Chân Kế khác à?”

“Ta không cần Chân Kế để biết việc đó. Giờ ta muốn nghe về cuộc hành trình của con ở đây Lyra ạ. Nói từ đầu đi. Kể cho ta mọi việc.”

Cô bé làm theo. Cô bắt đầu với lần trốn trong Phòng nghỉ, tiếp theo tới vụ Những Kẻ háu ăn bắt cóc Roger, rồi thời gian cô ở cùng Phu nhân Coulter, và tất cả những chuyện đã xảy ra khác.

Đó là một câu chuyện dài, khi kể hết cô nói: “Có một việc con muốn biết, và con cho rằng mình có quyền được biết, giống như con có quyền biết mình thực sự là ai. Vì cha đã không nói cho con biết việc đó nên cha phải cho con biết chuyện này để bù lại. Vậy: Bụi là gì vậy? Tại sao tất cả mọi người lại e sợ nó đến thế?”

Ông nhìn cô như thể đang cố gắng đoán xem liệu cô có hiểu nổi những điều mình sắp nói hay không. Ông chưa từng nhìn cô một cách nghiêm túc, cô bé nghĩ; cho tới nay ông luôn tỏ ra là một người lớn đang nuông chiều một đứa bé bằng những chiêu trò tài tình. Nhưng có vẻ như ông cho rằng cô đã sẵn sàng.

“Bụi là thứ khiến cho Chân Kế hoạt động,” ông nói.

“A... Con đã nghĩ có thể là nó! Nhưng còn gì nữa? Làm sao người ta tìm ra nó được ạ?”

“Về một mặt nào đó thì Giáo hội vẫn luôn nhận thức được sự tồn tại của nó. Họ đã thuyết giảng về Bụi trong hàng thế kỉ, chỉ có điều họ không gọi nó bằng cái tên đó.

“Nhưng vài năm trước một người Muscovy có tên Boris Mikhailovitch Rusakov đã khám phá ra một loại hạt cơ bản khác. Con có từng nghe về các hạt electron, photon, neutrino và số còn lại chưa? Chúng được gọi là các hạt cơ bản vì ta không thể tách chúng thành các phần nhỏ hơn: không có gì ở trong chúng ngoài bản thân chúng. Chà, loại hạt mới này mặc dù là hạt cơ bản nhưng lại rất khó để đo đạc vì chúng không phản ứng theo bất cứ quy luật thông thường nào. Điều khiến Rusakov thấy khó hiểu nhất là lí do loại hạt mới này dường như lại tụ hợp ở nơi có con người, như thể nó bị thu hút bởi chúng ta vậy. Và đặc biệt là bởi người lớn. Cả trẻ con nữa, nhưng không nhiều bằng cho tới khi linh thú của chúng được định dạng. Trong những năm tháng dậy thì, trẻ con bắt đầu thu hút Bụi mạnh mẽ hơn, nó bám trên người chúng giống như cách bám trên người lớn vậy.

“Hiện nay tất cả những khám phá thuộc loại này, do có sự liên hệ với các học thuyết chủ nghĩa của Giáo hội, đều phải được công bố thông qua Huấn Quyền ở Geneva. Khám phá này của Rusakov lại phi lí và kì quặc đến mức Thanh tra của Tòa án Công giáo Kỉ luật nghi ngờ rằng Rusakov bị ma quỷ chiếm hữu. Ông ta đã tiến hành một buổi trừ tà trong phòng thí nghiệm rồi chất vấn Rusakov theo luật lệ của Tòa án Dị giáo, nhưng rốt cuộc họ đã phải chấp nhận sự thật rằng Rusakov không nói phét hay lừa dối họ: Bụi thật sự có tồn tại.

“Điều đó dẫn tới vấn đề phải quyết định xem nó là gì. Và với tính chất của Giáo hội, chỉ có duy nhất một điều họ có thể lựa chọn. Huấn Quyền quyết định rằng Bụi là bằng chứng thực thể của tội tổ tông. Con có biết tội tổ tông là gì không?”

Cô bé mím môi. Thế này cũng giống như hồi ở Jordan, bị kiểm tra những thứ mà cô chỉ được dạy qua loa. “Đại khái ạ,” cô đáp.

“Không, con không biết. Ra giá sách cạnh bàn làm việc rồi mang cuốn Kinh Thánh đến cho ta.”

Lyra làm theo và trao cho cha mình cuốn sách lớn màu đen.

“Con có nhớ câu chuyện về Adam và Eve không?”

“Có chứ ạ,” cô đáp. “Bà ấy đáng ra không được phép ăn thứ trái cây đó nhưng do bị con rắn xúi giục nên đã làm vậy.”

“Chuyện gì xảy ra sau đó?”

“Ừm... Họ bị đuổi đi. Chúa đuổi họ ra khỏi vườn.”

“Chúa đã dặn họ không được ăn trái cấm vì họ sẽ chết. Hãy nhớ là khi ở trong vườn, họ trần truồng giống như những đứa trẻ, linh thú của họ biến thành bất cứ hình dáng nào họ muốn. Nhưng chuyện xảy ra như thế này.”

Ông lật sang Chương Ba của Sách Sáng Thế và đọc lên:

“Người đàn bà nói với con rắn: Chúng ta có thể ăn trái cây trong vườn.

“Nhưng còn trái trên cây ở giữa vườn, Chúa đã dặn: Các người không được ăn, cũng không được động tới, kẻo phải chết.

“Con rắn liền nói với người đàn bà: Các người chưa chắc sẽ chết.

“Vì Chúa biết rằng vào cái ngày các người ăn nó, đôi mắt các người sẽ mở rõ, linh thú của các người sẽ mang hình dáng thực sự của chúng, và các người sẽ có khả năng nhận biết việc thiện việc ác như các vị thần.

“Vậy là khi người đàn bà thấy cây trũ trái ngon, lại đẹp mắt và có khả năng bộc lộ hình dáng thực sự của linh thú, bà ta liền hái lấy một trái ăn, rồi đưa cho chồng mình ăn cùng.

“Đôi mắt của cả hai liền mở rõ, họ thấy được hình dáng thực sự của các linh thú của mình và nói chuyện với chúng.

“Nhưng khi người đàn ông và người đàn bà biết được linh thú của mình, họ nhận thấy một sự thay đổi khủng khiếp đã đến với mình, vì

cho tới khoảnh khắc đó dường như họ đã hòa làm một với tất cả các sinh vật trên mặt đất và trong không trung, giữa họ không có sự khác biệt.

“Và họ thấy sự khác biệt, nhận biết được điều thiện điều ác; họ cảm thấy xấu hổ nên đã khâu lá sung lại để che đi sự loã lồ của mình...”

Ông gập sách lại.

“Đó là cách tội lỗi xâm nhập vào thế giới này,” ông nói, “tội lỗi, sự hổ thẹn và cái chết. Nó tới đồng thời với khi linh thú của họ được định dạng.”

“Nhưng...” Lyra vất vả tìm từ thích hợp: “Nhưng điều đó không có thật đúng không ạ? Không giống như các ngành hóa học hay cơ khí? Thật ra đâu có Adam và Eve? Học giả Cassington nói với con rằng đó chỉ là một kiểu truyện cổ tích.”

“Theo truyền thống, chức danh Học giả Cassington được trao cho người có suy nghĩ khoáng đạt; trách nhiệm của ông ta là thách thức niềm tin của giới Học giả. Hẳn nhiên ông ta sẽ nói thế. Nhưng nếu nghĩ về Adam và Eve như một con số tưởng tượng, ví dụ như căn bậc hai của số âm một: sẽ không thể nào tìm được bằng chứng cụ thể nào cho thấy nó tồn tại, nhưng nếu cho nó vào các phương trình, người ta có thể tính toán đủ mọi thứ mà nếu thiếu nó sẽ không thể tưởng tượng ra nổi.

“Dù sao thì đó cũng là điều Giáo hội đang thuyết giảng trong hàng nghìn năm. Và khi Rusakov khám phá ra Bụi, cuối cùng cũng có một bằng chứng thực thể về điều xảy ra khi sự trong trắng chuyển thành kinh nghiệm.

“Rất tình cờ là Kinh Thánh cho chúng ta luôn tên gọi Bụi. Ban đầu chúng được gọi là Hạt Rusakov, nhưng có người đã sớm chỉ ra một đoạn văn kì lạ ở phần cuối Chương Ba của Sách Sáng Thế, khi Chúa mắng nhiếc Adam vì dám ăn trái cấm.”

Ông lại mở cuốn Kinh ra và chỉ cho Lyra. Cô đọc:

“Người sẽ phải đổ mồ hôi mới có được cái ăn, cho tới tận khi trở về với đất; vì từ đó người đã được tạo ra; vì người là bụi, và với bụi người sẽ trở về...”

Ngài Asriel nói: “Các học giả của Giáo hội vẫn luôn bối rối về cách diễn giải đoạn văn này. Có người nói không nên đọc là ‘với bụi người sẽ trở về’ mà phải là ‘người sẽ lệ thuộc vào bụi’, những người khác lại nói rằng cả đoạn là một dạng chơi chữ với ‘đất’ và ‘bụi’, và thật ra nó ám chỉ rằng Chúa thừa nhận bản chất của mình cũng có phần tội lỗi. Không ai đồng ý. Không ai có thể, vì phần nội dung đã bị sửa đổi. Nhưng từ đó quá đắt giá để có thể lãng phí, đó là lí do các hạt đó được biết tới với tên Bụi.”

“Vậy còn Những Kẻ háu ăn thì sao ạ?” Lyra hỏi.

“Tổng Ủy ban Hiến tế... Bè lũ của mẹ con. Bà ấy thật khôn ngoan khi thấy được cơ hội thiết lập nền tảng quyền lực cho riêng mình, nhưng đó là một phụ nữ thông minh, ta dám chắc con đã nhận ra điều đó. Huấn Quyền chấp nhận việc cho phép đủ mọi loại cơ quan khác nhau mọc lên như nấm. Họ có thể kích các bên đấu lại lẫn nhau; nếu một bên thành công, họ có thể giả bộ như đã ủng hộ từ lâu, còn nếu thất bại, họ sẽ vờ như đó là một tổ chức phản loạn chưa từng được cấp phép chính thức.

“Con thấy đấy mẹ con vẫn luôn tham vọng quyền lực. Ban đầu bà ấy thử chiếm lấy nó theo cách thông thường thông qua hôn nhân nhưng không hiệu quả, chắc con có được nghe nói. Vì vậy bà phải quay sang Giáo hội. Đương nhiên bà ấy không thể đi theo cách thức của một người đàn ông - làm giáo sĩ hay gì đó - nó phải theo cách không chính thống. Bà ấy đã phải thành lập một hiệp hội riêng, những nguồn thế lực của riêng mình, rồi thông qua đó mà tiến hành công việc. Đó là một nước đi khôn ngoan khi tập trung vào Bụi. Tất cả mọi người đều kính sợ nó; không ai biết phải làm gì; nên khi bà ấy đề nghị

được lãnh đạo một chương trình nghiên cứu, Huấn Quyền đã thờ phào nhẹ nhõm và hỗ trợ tiền bạc cùng với đủ loại tài nguyên.”

“Nhưng họ đang *cắt...*” Lyra không thể nói ra nổi; từ ngữ cứ nghẹn trong họng cô. “Cha biết họ đang làm gì đấy! Tại sao Giáo hội lại để cho họ làm những chuyện như thế?”

“Trước đây đã có một tiền lệ. Từng có việc tương tự đã xảy ra. Con có biết từ *thiến* có nghĩa là gì không? Nó có nghĩa là loại bỏ những cơ quan sinh dục của một bé trai để nó không bao giờ phát triển những đặc điểm của một người đàn ông. Một ca sĩ *bị thiến* sẽ duy trì được âm giọng cao suốt cuộc đời anh ta, đó là lí do Giáo hội cho phép việc đó: rất hữu ích trong việc hát Thánh Ca. Một vài người đã trở thành những ca sĩ vĩ đại, những nghệ sĩ tài ba. Rất nhiều người chỉ trở thành loại đàn ông nửa vờ béo quay và được nuông chiều. Một số lại chết do tác động của cuộc phẫu thuật. Nhưng Giáo hội sẽ chẳng ngần ngại trước ý tưởng về một ca *cắt* mỡ nhỏ nho nhỏ đâu, con thấy đấy. Đã có tiền lệ rồi mà. Mà việc này lại *hợp vệ sinh* hơn nhiều so với các phương thức cũ, khi người ta không có thuốc gây mê, băng gạc tiệt trùng hay kĩ năng điều dưỡng. Nếu so sánh thì nó nhẹ nhàng hơn nhiều.”

“Không hề!” Lyra phẫn nộ nói. “Không chút nào!”

“Không. Hẳn nhiên là không rồi. Đó là lí do họ phải trốn tạt trên Phương Bắc xa xôi, trong tầm tối mịt mù, và cũng là lí do Giáo hội rất mừng vì có một người như mẹ của con phụ trách. Ai lại có thể nghi ngờ một người cuốn hút, quan hệ rộng, dịu dàng và lễ độ đến thế? Nhưng vì đây là một loại thí nghiệm không chính thức và ít người biết đến, nên bà ấy cũng là một người mà Huấn Quyền có thể khước từ nếu cần thiết.”

“Nhưng từ đâu ai là người đề xuất ý tưởng làm *phẫu thuật cắt rời* vậy ạ?”

“Là bà ấy. Bà ấy đoán rằng hai việc xảy ra vào thời kì dậy thì có thể có liên hệ với nhau: sự thay đổi của linh thú và việc Bị bắt đầu

bám vào cơ thể. Có lẽ nếu linh thú bị tách ra khỏi cơ thể, chúng ta sẽ không bao giờ bị lệ thuộc vào Bụi - vào tội tổ tông. Vấn đề là liệu có thể chia tách linh thú và cơ thể người mà không giết người đó hay không. Bà ấy đã đi khắp mọi nơi, chứng kiến đủ mọi điều. Như bà ấy đã đến Phi châu. Người dân Phi châu có một phương thức tạo ra nô lệ gọi là *thây ma*. Nó không có ý chí của bản thân; nó sẽ làm việc ngày đêm mà không bao giờ bỏ trốn hay phàn nàn. Trông nó giống như một cái xác...”

“Đó là một người không có linh thú!”

“Chính xác. Vậy là bà ấy đã phát hiện ra rằng việc chia tách chúng là khả thi.”

“Với cả... Tony Costa có kể với con về những bóng ma kinh hoàng trong các khu rừng Phương Bắc. Con đoán chúng có thể là cùng một loại.”

“Đúng vậy. Nói chung là, Tổng Ủy ban Hiến tế phát triển lên từ những *ý tưởng* như vậy, và từ nỗi ám ảnh của Giáo hội với tội tổ tông.”

Tại con linh thú của Ngài Asriel giật giật, ông liền đặt tay lên cái đầu xinh xắn của nó.

“Còn có một chuyện khác cũng xảy ra khi người ta thực hiện phẫu thuật,” ông nói tiếp. “Nhưng họ không nhận ra điều đó. Nguồn năng lượng kết nối cơ thể và linh thú cực kì mãnh liệt. Khi sự cắt rời được tiến hành, toàn bộ số năng lượng đó sẽ bị tiêu tan trong tích tắc. Họ không nhận ra vì họ lầm tưởng đó là do bị sốc, cảm phẫn, hay bị tổn thương tinh thần, nên họ đã tự rèn luyện để trở nên vô cảm với những điều đó. Như vậy họ đã bỏ lỡ khả năng của thứ năng lượng đó và không bao giờ nghĩ tới việc khai thác nó...”

Lyra không ngồi yên nổi. Cô đứng dậy, bước ra phía cửa sổ và nhìn chăm chăm vào bóng tối mênh mêng, trống trải bằng đôi mắt đang mờ đi. Thật quá nhẫn tâm. Dù cho việc tìm hiểu về tội tổ tông có quan

trọng đến mức nào đi nữa thì điều họ đã làm với Tony Makarios và tất cả những đứa khác thật dã man. Không gì có thể biện hộ được.

“Còn *cha* đang làm gì vậy?” Cô hỏi. “Cha có làm mấy vụ phẫu thuật cắt rời không?”

“Ta có hứng thú với việc khác cơ. Ta không cho rằng Ủy ban Hiến tế tìm hiểu vấn đề đủ sâu. Ta muốn khám phá ra nguồn gốc của Bụi cơ.”

“Nguồn gốc ư? Vậy nó từ đâu tới thế ạ?”

“Từ một vũ trụ khác mà chúng ta có thể thấy qua ánh sáng Cực Quang.”

Lyra quay người lại. Cha cô đang tựa vào ghế, lười biếng nhưng đầy uy quyền, đôi mắt ông dữ tợn y như con linh thú của mình. Cô không yêu ông, cũng chẳng tin tưởng ông, nhưng cô buộc phải ngưỡng mộ ông, sự xa hoa quá độ mà ông tập hợp được ở nơi hoang vu cô quanh này, và sức mạnh từ khát vọng của ông.

“Cái vũ trụ khác đó là gì vậy ạ?” Cô hỏi.

“Một trong số hằng hà sa số thế giới song song. Các phù thủy đã biết về chúng hàng thế kỉ nay rồi, nhưng những nhà thần học đầu tiên chứng minh được sự tồn tại của chúng bằng toán học đã bị rút phép thông công cách đây năm mươi năm hoặc lâu hơn thế. Tuy nhiên đó là sự thật; không có cách nào có thể phủ nhận được nó.

“Nhưng không ai nghĩ rằng lại có thể đi từ vũ trụ này sang vũ trụ khác. Điều đó sẽ vi phạm các định luật cơ bản, chúng ta cho là vậy. Thật ra, chúng ta đã sai; chúng ta đã học được cách nhìn thấy thế giới trên kia. Nếu ánh sáng có thể vượt qua được thì chúng ta cũng có thể. Và chúng ta phải *học* cách thấy được nó, Lyra ạ, cũng giống như con học cách sử dụng Chân Kế vậy.

“Thế giới đó, và mọi thế giới khác, đều xảy ra như một hệ quả của tính khả năng. Lấy ví dụ về việc tung đồng xu: khi rơi xuống nó có thể ra sấp hoặc ngửa, trước khi nó đáp xuống thì chúng ta không

biết được mặt nào sẽ ra. Nếu kết quả là mặt ngửa thì điều đó có nghĩa là khả năng ra mặt sấp đã tiêu tan. Cho tới khoảnh khắc đó, cả hai khả năng là tương đương nhau.

“Nhưng tại một thế giới khác, mặt sấp lại được lật ra. Và khi điều này xảy ra, hai thế giới tách rời khỏi nhau. Ta đang dùng ví dụ tung đồng xu để diễn giải rõ hơn. Thật ra, các khả năng - sự tiêu biến này xảy ra ở cấp độ các hạt cơ bản, nhưng chúng diễn ra theo cùng một cách: vào một thời điểm nhiều thứ có khả năng xảy ra, thời điểm kế tiếp chỉ có một thứ duy nhất xảy đến, còn những thứ còn lại không tồn tại. Trừ khi những thế giới khác đột ngột nảy sinh, và ở đó chúng *diễn ra*.

“Ta sẽ tới thế giới phía sau màn Cực Quang,” ông nói, “bởi vì ta cho rằng đó là điểm xuất phát của toàn bộ Bụi trong vũ trụ này. Con đã thấy những bức hình mà ta cho các Học giả trong Phòng nghĩ xem rồi đấy. Con đã thấy Bụi trút xuống thế giới này từ Cực Quang. Chính mắt con cũng đã thấy thành phố đó. Nếu ánh sáng có thể vượt qua rào chắn giữa các vũ trụ, nếu Bụi có thể, nếu chúng ta có thể nhìn thấy thành phố đó, thì chúng ta có thể xây một cây cầu và sang bên đó. Nó cần một sự bùng nổ năng lượng phi thường. Nhưng ta có thể làm điều đó. Đâu đó ngoài kia là cội nguồn của toàn bộ Bụi, tất cả cái chết, tội lỗi, khổ đau, sức tàn phá trên thế giới. Con người không thể thấy bất cứ thứ gì mà không ham muốn huỷ diệt nó, Lyra ạ. Đó chính là tội tổ tông. Và ta sẽ triệt tiêu nó. Cái chết sẽ lụi tàn.”

“Có phải đó là lí do người ta nhốt cha ở đây không?”

“Phải. Họ quá sợ hãi. Mà sợ cũng phải thôi.”

Ông đứng dậy, con linh thú cũng làm theo, đầy kiêu hãnh, đẹp đẽ và chết người. Lyra ngồi im. Cô rất sợ cha mình dù cho ngưỡng mộ ông sâu sắc, cô nghĩ ông điên thật rồi; nhưng cô là ai mà dám phán xét chứ?

“Đi ngủ đi,” ông nói. “Thorold sẽ chỉ cho con chỗ ngủ.”

Ông quay đi, chuẩn bị rời phòng.

“Cha để quên Chân Kế này,” cô nói.

“À phải, hiện tại thì ta không cần nó lắm,” ông nói. “Đằng nào thì không có sách, nó cũng vô dụng với ta thôi. Con biết không, ta nghĩ Hiệu trưởng trường Jordan đã cho con đấy. Ông ấy thật sự đã nhờ con mang tới cho ta à?”

“Đúng vậy!” Cô đáp. Nhưng rồi khi nghĩ lại, cô nhận thấy rằng thực ra Hiệu trưởng chưa từng nhờ cô làm việc đó; suốt thời gian qua là do cô tự nhận, vì còn lí do nào khác khiến ông ấy đưa nó cho cô chứ? “Không ạ,” cô nói. “Con không biết. Con nghĩ là...”

“À, ta không muốn giữ nó đâu. Nó là của con, Lyra ạ.”

“Nhưng mà...”

“Ngủ ngon nhé, bé con.”

Cô bé không nói được lời nào, điều này khiến cô hoang mang tới mức không thể thốt ra được chút gì dù cả chục câu hỏi khẩn cấp đang đè nặng trong tâm trí. Cô cầm Chân Kế lên rồi bọc nó lại trong lớp vải nhung đen. Rồi cô ngồi xuống cạnh đồng lửa và nhìn ông rời khỏi phòng.

Sự phản bội

Lyra tỉnh dậy thấy một người lạ mặt đang lay cánh tay mình, nhưng khi Pantalaimon bật tỉnh và găm ghè, cô mới nhận ra đó là Thorold. Ông đang cầm một chiếc đèn dầu, bàn tay run lên lấy bầy.

“Thưa cô - thưa cô - xin hãy dậy nhanh lên. Tôi không biết phải làm gì nữa. Ông ấy không ra chỉ thị nào cả. Tôi nghĩ ông ấy phát điên rồi, cô ơi.”

“Sao cơ? Chuyện gì đang xảy ra vậy?”

“Là Ngài Asriel, thưa cô. Từ khi cô đi ngủ ông ấy gần như đã lên cơn mê sáng. Tôi chưa từng thấy ông ấy điên dại đến thế. Ông ấy chất rất nhiều dụng cụ và ắc quy lên xe kéo, đóng cương cho bầy chó rồi bỏ đi. Nhưng ông ấy đem theo cả cậu bé, thưa cô!”

“Roger? Ông ấy đưa Roger đi sao?”

“Ông ấy bảo tôi đánh thức rồi mặc đồ cho cậu ấy, tôi đã không nghĩ đến việc cãi lại - tôi chưa từng làm thế - cậu bé cứ hỏi cô mãi - nhưng Ngài Asriel muốn cậu ấy đi một mình. Cô có biết lúc hai cô cậu mới đến gõ cửa không? Ông ấy thấy cô và không thể tin vào mắt mình, rồi ông ấy đuổi cô đi?”

Đầu óc Lyra quay mòng mòng vì mệt mỏi và sợ hãi khiến cô gần như không thể nghĩ ngợi được gì, nhưng cô nói: “Vâng? Sao ạ?”

“Đó là vì ông ấy cần một đứa trẻ để hoàn thành thí nghiệm của mình, thưa cô! Ngài Asriel có cách đặc biệt của riêng mình để có được cái mình muốn, ông ấy chỉ cần yêu cầu và rồi...”

Đầu óc Lyra kêu lên ong ong, như thể cô đang cố ép ra chút kiến thức từ nhận thức của mình.

Cô rời khỏi giường và đang với lấy quần áo để mặc thì đột nhiên khụy xuống, một tiếng gào tuyệt vọng trùm lấy toàn thân. Cô cố gắng hét lên nhưng thứ cảm xúc này lại mạnh mẽ hơn; có cảm giác như nỗi tuyệt vọng đang đẩy dồn cô vậy. Cô nhớ lại những lời cha mình nói: *nguồn năng lượng kết nối cơ thể và linh thú cực kì mãnh liệt; và để bắc cầu nối khe hở giữa các thế giới cần một sự bùng nổ năng lượng phi thường...*

Đến lúc này cô mới nhận ra việc mình đã làm.

Suốt cả chặng đường dài cô đã vất vả tranh đấu để mang một thứ đến cho Ngài Asriel, cứ tưởng rằng mình biết ông muốn gì; nhưng đó lại hoàn toàn không phải là Chân Kế. Thứ ông ấy muốn là một đứa trẻ.

Cô đã mang Roger đến cho ông.

Đó là lí do ông đã hét lên: “Ta không gọi cháu đến!” khi nhìn thấy cô; ông đã yêu cầu một đứa trẻ, và số mệnh lại đem đến cho ông con gái của chính mình. Hoặc ông đã nghĩ như thế cho tới khi cô bước sang một bên, để lộ Roger.

Ôi, thật đau đớn và chua cay làm sao! Cô cứ nghĩ mình đã *cứu* Roger, nào ngờ suốt thời gian đó cô đã chăm chỉ làm việc để phản bội cậu bé...

Lyra run rẩy và thút thít khóc trong một cảm xúc điên cuồng. Đây không thể là sự thật.

Thorold cố gắng an ủi cô, nhưng ông không biết được lí do khiến cô đau đớn đến cùng cực, nên chỉ có thể bồn chồn vỗ lên vai cô.

“Iorek...” Vừa đẩy người phục vụ sang một bên cô vừa nức nở nói. “Iorek Byrnison đâu rồi? Con gấu ấy? Ông ấy vẫn ở bên ngoài

chứ?”

Ông già nhún vai về bất lực.

“Giúp tôi!” Cô nói, cả người run lên vì yếu ớt và lo sợ. “Giúp tôi mặc đồ. Tôi phải đi. *Ngay bây giờ! Làm nhanh lên!*”

Ông đặt chiếc đèn xuống rồi làm theo những gì cô nói. Khi ra lệnh một cách độc đoán như vậy, cô rất giống cha mình, dù cho lúc này đây gương mặt cô ướt đẫm nước mắt còn đôi môi run lên bần bật. Trong lúc Pantalaimon vừa quất đuôi vừa đi qua đi lại trên sàn, lông của nó gần như tóe lửa. Thorold vội vàng mang bộ quần áo lông cứng quèo và nặng mùi đến rồi giúp cô bé mặc vào. Ngay khi tất cả các khuy đã được cài và các vạt được khép, cô liền tiến về phía cửa. Cái lạnh ủa tới cửa vào cổ họng cô sắc lẹm và lập tức đóng băng nước mắt đang lăn trên má.

“Iorek!” Cô gọi. “Iorek Byrnison! Đến đây đi, tôi cần ông!”

Tuyết tung lên mù mịt, tiếng kim loại kêu lanh canh, và con gấu đã ở đó. Nó đang nằm ngủ im lìm dưới màn tuyết rơi. Trong ánh sáng hắt ra từ chiếc đèn Thorold đang cầm bên cửa sổ, Lyra nhìn thấy cái đầu dài, hai hốc mắt tối sẫm, chút lông trắng lộ ra dưới lớp kim loại màu đỏ đen. Cô muốn lao tới ôm lấy con gấu và tìm kiếm chút an ủi từ chiếc mũ sắt, từ bộ lông phủ băng của nó.

“Gì thế?” Con gấu lên tiếng.

“Chúng ta phải đuổi theo Ngài Asriel. Ông ấy đã bắt Roger đi và đang hướng tới - tôi không dám nghĩ nữa - ôi, Iorek, cầu xin ông, hãy đi thật nhanh, bạn thân mến!”

“Đến đây,” nó nói. Cô liền nhảy lên lưng nó.

Không cần phải hỏi nên đi hướng nào, vì những vệt xe kéo dẫn thẳng từ sân trong ra ngoài vùng đồng bằng. Iorek theo đó mà lao đi đuổi theo họ. Chuyển động của nó giờ đã thấm nhuần vào cơ thể Lyra đến mức việc giữ thăng bằng diễn ra hoàn toàn tự động. Nó chạy qua lớp tuyết phủ dày trên bề mặt lởm chởm đá nhanh hơn bao giờ hết,

những tấm giáp nhấp nhô bên dưới theo một nhịp điệu đều đặn, nhịp nhàng.

Những con gấu khác ung dung lao theo phía sau, kéo máy ném lửa đi cùng. Con đường hiện ra rõ mồn một do trăng đã lên cao, ánh sáng từ đó trải lên thế gian tràn ngập tuyết này cũng tươi sáng như khi ở trên khí cầu: một thế giới của màu bạc sáng và màu đen sâu thẳm. Vết xe kéo của Ngài Asriel dẫn thẳng về phía một dãy đồi đâm tua tủa, những hình dáng nhọn hoắt kì quặc nhô lên bầu trời mang một màu đen thẳm không khác gì tấm vải nhung bọc chiếc Chân Kế. Không thấy bóng dáng chiếc xe kéo đâu, nhưng dường như có một chuyển động rất nhẹ trên sườn của đỉnh đồi cao nhất. Lyra căng mắt ra nhìn về phía trước, trong khi Pantalaimon bay cao nhất có thể để quan sát bằng đôi mắt cú tinh tường của mình.

“Phải,” một lúc sau nó đập lên cổ tay cô và nói, “là Ngài Asriel đấy. Ông ấy đang điên cuồng quất bầy chó, phía sau xe có một đứa bé...”

Lyra cảm thấy tốc độ của Iorek Byrnison đang thay đổi. Có thứ gì đó đã khiến nó chú ý. Nó đang đi chậm lại, nghiêng đầu lên nhìn sang trái rồi lại sang phải.

“Gì thế?” Lyra hỏi.

Con gấu không đáp lại. Nó đang chăm chú lắng nghe, dù cô thì chẳng nghe thấy gì. Nhưng rồi cô nghe thấy tiếng gì đó: một thứ âm thanh xào xạc, lách tách bí ẩn vọng tới từ rất xa. Đó là thứ âm thanh cô đã từng nghe thấy: âm thanh của Cực Quang. Từ hư không một tấm màn ánh sáng rực rỡ rủ xuống, lung linh trên nền trời phương bắc. Hàng tỉ, hàng ngàn tỉ các hạt tích mạch vô hình và có lẽ, cô nghĩ, là cả Bụi nữa, tạo nên vầng sáng rực rỡ lan tỏa trên tầng khí quyển cao. Lyra chưa từng thấy một cuộc trình diễn nào lộng lẫy và ngoạn mục đến thế, cứ như Cực Quang biết được sự kịch tính đang diễn ra bên dưới nên muốn chiếu sáng nó bằng những hiệu ứng đáng kinh ngạc nhất.

Nhưng không có con gấu nào ngược nhìn lên cả: chúng đều đang dồn sự chú ý lên mặt đất. Hóa ra thứ thu hút sự chú ý của Iorek không phải là Cực Quang. Con gấu đứng im như tượng, Lyra bèn trượt xuống khỏi lưng nó, biết rằng nó cần được thoải mái phóng các giác quan ra xung quanh. Có thứ gì đó đang khiến nó lo lắng.

Lyra nhìn quanh quất, xuyên qua vùng đồng bằng trải dài mênh mông hướng về căn nhà của Ngài Asriel, lộn trở lại những quả núi nhấp nhô mà họ vừa băng qua, nhưng chẳng thấy gì. Ánh Cực Quang ngày càng rực rỡ hơn. Những tấm màn đầu tiên rung rinh rồi dạt sang một bên, những tấm rèm lờm chớm cuộn vào rồi lại mở ra phía trên, cứ mỗi phút trôi qua lại lớn hơn và lộng lẫy hơn; ánh sáng hình cung và đường vòng cuộn xoáy từ chân trời bên này sang phía đối diện, chạm tới cực điểm của bầu trời bằng những cầu vòng hào quang rực rỡ. Cô có thể nghe thấy rõ hơn bao giờ hết âm thanh lạnh lốt từ những nguồn năng lượng vô hình rộng lớn.

“Phù thủy!” Có tiếng gấu kêu lên, Lyra liền quay lại trong mừng rỡ và nhẹ nhõm.

Nhưng một cái mồm nặng nề đã đẩy cô ngã chúi về phía trước. Cô thở hổn hển vì hết hơi và rùng mình kinh sợ, vì ở nơi mà cô vừa đứng là phần đỉnh lông chim của một mũi tên màu xanh. Đầu và thân mũi tên đang cắm ngập trong tuyết.

Không thể nào! Cô yếu ớt nghĩ, nhưng đó là sự thật, vì một mũi tên khác vừa đập vào giáp của Iorek đang đứng cạnh cô. Đây không phải là các phù thủy của Serafina Pekkala; họ thuộc bộ tộc khác. Khoảng hơn mười phù thủy đang bay vòng tròn phía trên, cứ nhào xuống bắn rồi lại vút bay lên. Lyra nguyện rửa bằng tất cả những từ mà mình biết.

Iorek Byrnison mau chóng ra lệnh. Dễ thấy là bầy gấu đã được rèn luyện chiến đấu với phù thủy vì chúng lập tức xếp thành đội hình phòng thủ, các phù thủy lập thành đội hình tấn công cũng trôi chảy không kém. Họ chỉ có thể bắn chính xác tại khoảng cách gần, nên để

không lãng phí tên họ sẽ lao xuống, ngấm bản tại điểm thấp nhất có thể rồi lập tức quay trở lên. Nhưng khi xuống tới điểm thấp nhất, cả hai tay đều bận bịu cầm cung và tên, họ trở nên dễ bị tấn công nhất. Chính lúc này bầy gấu sẽ lao lên, quạt tay lôi họ xuống. Nhiều hơn một phù thủy đã ngã xuống, và chết ngay tức khắc.

Lyra nép mình thật thấp bên cạnh một tảng đá, dè chừng những lần phù thủy nhào xuống. Một vài cú nhắm vào phía cô nhưng những mũi tên đều bị chệch khá xa. Sau đó khi nhìn lên trời, Lyra thấy một phần lớn của đội quân phù thủy bay tách ra và quay đầu rút lui.

Nếu cô có thấy nhẹ nhõm vì điều đó thì nó cũng chẳng tồn tại được lâu hơn vài giây. Vì từ hướng họ bay tới, cô thấy rất nhiều phù thủy khác đang đến nhập hội; cùng với họ trên không trung là một tổ hợp những luồng sáng lập loè; từ phía bên kia vùng đồng bằng Svalbard trải rộng bát ngát, bên dưới vẻ rục rờ của Cực Quang, cô nghe thấy một âm thanh rộn người. Đó là tiếng đập thùm thụp của động cơ chạy gas. Chiếc khí cầu zeppelin, cùng với Phu nhân Coulter và bè lũ của bà ta trên tàu, đang gần đuổi tới.

Iorek gầm lên ra lệnh, lũ gấu liền chuyển sang đội hình khác. Trong ánh sáng nhợt nhạt lung linh từ bầu trời, Lyra quan sát chúng lanh lẹ dờ máy ném lửa xuống. Quân tiên phong của phi đội phù thủy nhận thấy điều đó bèn lao xuống xả tên lên bầy gấu, nhưng đa phần là chúng phó thác cho bộ giáp của mình để tập trung dựng thật nhanh: một cần trục dài dựng lên trời theo một góc xác định, một cái cốc hay bát đường kính khoảng một mét; cùng một thùng sắt khổng lồ đang bốc khói và hơi nước nghi ngút.

Trong lúc cô bé đang nhìn, một ngọn lửa sáng rực bùng lên, một nhóm gấu liền lao vào thực hiện các động tác đã được luyện tập. Hai trong số chúng kéo mạnh cần trục dài của máy ném lửa xuống, một con khác xúc một xẻng đầy lửa vào trong bát, chúng theo lệnh thả nó ra để ném lưu huỳnh cháy rực lên cao về phía bầu trời đêm.

Đám phù thủy đang sà xuống phía trên đầu dày đặc đến mức chỉ riêng phát bắn đầu tiên đã hạ gục ba người, nhưng chẳng mấy chốc người ta đã nhận ra rằng mục tiêu thực sự là chiếc zeppelin. Tên phi công hoặc là chưa nhìn thấy máy ném lửa bao giờ, hoặc là đã đánh giá thấp sức mạnh của nó, vì hẳn bay thẳng về hướng bầy gấu, không thèm nâng độ cao hay chuyển hướng chút nào.

Nhưng hóa ra trên chiếc zeppelin cũng chứa thứ vũ khí rất dữ dội: một khẩu súng máy gắn trên chóp của giỏ khí cầu. Lyra nhìn thấy tia lửa tóe lên từ bộ giáp của vài con gấu và thấy chúng hồi hả núp dưới sự che chở của nó, rồi cô nghe thấy tiếng đạn nã lộp bộp. Cô hét lên sợ hãi.

“Họ không sao đâu,” Iorek Byrnison nói. “Mấy viên đạn nhãi nhép sao xuyên qua giáp được.”

Máy ném lửa lại tiếp tục hoạt động: lần này một khối lượng lớn lưu huỳnh sáng chói được ném thẳng lên trên, giỏ khí cầu bị đánh trúng bùng nổ thành một dòng thác các mảnh vỡ bốc cháy tỏa xuống khắp các hướng. Chiếc khí cầu đảo sang trái, gầm lên lượn một vòng rộng trước khi quay lại, nhằm vào đám gấu đang hồi hả làm việc bên cạnh chiếc máy. Khi nó tới gần, cần trục của máy ném lửa lại cọt kẹt hạ xuống; khẩu súng máy khục lên rồi bắn đạn, hạ gục hai con gấu trong tiếng gầm khê của Iorek Byrnison. Khi chiếc tàu bay tới gần đỉnh đầu, một con gấu hét lên ra lệnh, cần trục đã được kéo căng dây lại bắn lên không trung.

Lần này khối lưu huỳnh được phóng vào bầu khí của túi gas trên chiếc zeppelin. Bộ khung vững chắc được bọc lụa nhúng dầu để chứa khí hydro, mặc dù đủ bền để chống chịu những vết xước nhỏ nhưng một cục đá đang cháy phừng phừng nặng cả tạ là quá sức đối với nó. Lụa bị xé toạc, lưu huỳnh và hydro đan quyện vào nhau trong một vũ điệu lửa thảm khốc.

Lớp vải lụa lập tức trở nên trong suốt, để lộ ra toàn bộ giàn khung của chiếc zeppelin, đen ngòm trên nền hỏa ngục màu cam, đỏ và vàng,

nó lơ lửng trong không khí dường như lâu đến vô lí rồi lưỡng lự trôi về phía mặt đất. Những bóng người nhỏ xíu màu đen tương phản với tuyết và lửa đang loạng choạng bước ra hay cố gắng chạy khỏi nó, đám phù thủy liền lao xuống kéo họ ra khỏi màn lửa. Chỉ trong một phút kể từ khi chiếc zeppelin đâm sầm xuống đất, khối kim loại đã bị oằn cong, khói bốc lên bao phủ mọi thứ, lửa phập phùng tung mảnh nhỏ lên không trung.

Nhưng đám lính trên tàu và cả những người khác (mặc dù Lyra đang ở quá xa để có thể xác định được Phu nhân Coulter, cô vẫn biết rằng bà ta đang ở đó) không phí một giây phút nào. Với sự giúp đỡ của các phù thủy họ lôi khẩu súng máy ra và dựng nó lên, bắt đầu chiến đấu một cách nghiêm túc trên mặt đất.

“Đi tiếp thôi,” Iorek ra lệnh. “Họ sẽ trụ được lâu đấy.”

Nó rống lên, một nhóm gấu liền tách ra khỏi nhóm chính để tấn công bên cánh phải của quân Tartar. Lyra có thể cảm nhận được khao khát muốn gia nhập bầy đàn của con gấu, nhưng các dây thần kinh của cô không ngừng gào lên: Đi tiếp! Đi tiếp thôi! Còn tâm trí cô ngập tràn những hình ảnh của Roger và Ngài Asriel. Iorek Byrnison biết điều đó, nó lao lên núi, tránh xa khỏi cuộc chiến, giao phó cho đàn gấu của mình kìm chân quân Tartar.

Cứ thế họ tiếp tục leo. Lyra căng mắt nhìn về phía trước, nhưng thậm chí cả đôi mắt cú của Pantalaimon cũng không thể bắt được bất cứ chuyển động nào trên sườn núi mà họ đang leo lên. Tuy nhiên dấu vết từ chiếc xe kéo của Ngài Asriel lại rất rõ. Iorek nhanh chóng lần theo đó, nhảy qua tuyết và đập nó bay thật cao phía sau trong lúc chạy. Bất cứ chuyện gì đang xảy ra phía sau lúc này thật đơn giản: nó đã ở phía sau rồi. Lyra đã rời khỏi nó. Cô bé cảm thấy như mình đang rời bỏ cả thế giới, cô đã ở xa, lòng đầy quyết tâm, họ đang trèo lên rất cao, và ánh sáng đang tưới tắm họ mang cảm giác thật kì lạ và huyền bí.

“Iorek,” cô lên tiếng, “ông sẽ đi tìm Lee Scoresby chứ?”

“Dù còn sống hay đã chết, tôi cũng sẽ tìm ra ông ấy.”

“Còn nếu ông gặp Serafina Pekkala...”

“Tôi sẽ kể với cô ấy những việc cô đã làm.”

“Cảm ơn Iorek,” cô nói.

Họ ngừng trao đổi trong một lúc. Lyra cảm thấy bản thân đang trôi vào trạng thái mê man vượt xa ranh giới ngủ và thức: một trạng thái mơ có ý thức, gần như là vậy, tại đó cô đang mơ rằng mình được những con gấu mang tới một thành phố trên những vì sao.

Cô bé đang định kể về nó với Iorek Byrnison thì con gấu giảm tốc rồi dừng lại.

“Dấu vết vẫn đi tiếp,” Iorek Byrnison nói. “Nhưng tôi thì không thể.”

Lyra nhảy xuống đứng cạnh con gấu để quan sát. Nó đang đứng bên mép một khe nứt sâu. Thật khó có thể đoán được đó là vết nứt trên băng hay một rãnh sâu trên đá, nhưng dù có là cái nào thì cũng không khác biệt nhiều; điều quan trọng duy nhất là nó đâm bổ xuống một vùng u tối khó dò.

Vết xe kéo của Ngài Asriel chạy tới miệng vực... rồi đi tiếp, qua một cây cầu nèn chặt tuyết.

Cây cầu rõ ràng đã bị căng do sức nặng của chiếc xe kéo, một vết nứt chạy dọc thân cầu ở gần phía bên kia của mép vực, và bề mặt ở phía gần vết nứt đã bị lún xuống gần nửa mét. Nó có thể đỡ được trọng lượng của một đứa trẻ, nhưng chắc chắn sẽ không chịu nổi sức nặng của một con gấu mặc giáp.

Dấu vết của Ngài Asriel vượt qua cây cầu và tiến xa về phía núi. Nếu tiếp tục đi, cô sẽ phải đi một mình.

Lyra quay sang Iorek Byrnison .

“Tôi sẽ phải đi qua thôi,” cô bé nói. “Cảm ơn ông vì mọi điều ông đã làm. Tôi không biết chuyện gì sẽ xảy ra khi tới được chỗ cậu ấy. Có thể cả hai bọn tôi sẽ chết dù tôi có tới được đó hay không.”

Nhưng nếu trở về được, tôi sẽ tới gặp ông để cảm ơn ông ngài hoàng, Quốc vương Iorek Byrnison ạ.”

Cô đặt một tay lên đầu con gấu. Nó để cho cô làm vậy và khẽ gật đầu.

“Tạm biệt, Lyra Silvertongue,” nó nói.

Trái tim cô nghẹn ngào tình yêu thương đến mức đau đớn, cô quay đi rồi đặt chân lên cầu. Tuyết bên dưới chân cô kêu lên lạo xạo. Pantalaimon bay qua cầu và đậu xuống nền tuyết ở phía bên kia để khích lệ cô đi tiếp. Cô tiến từng bước một, cứ mỗi bước cô lại tự hỏi không biết chạy thật nhanh rồi nhảy sang đầu bên kia sẽ tốt hơn hay cô nên đi chậm rãi như lúc này, cố gắng đặt chân nhẹ nhàng nhất có thể. Đến nửa đường thì một tiếng kêu lớn phát ra từ đám tuyết; một mảng gần chân cô rơi ra khỏi cầu và bổ nhào xuống vực sâu thăm thẳm, cây cầu lại chùng xuống vài phân tại vị trí vết nứt.

Cô bé đứng im thín thít. Pantalaimon đã hóa thành một con báo gấm, nó đang thu mình sẵn sàng lao xuống với lấy cô.

Cây cầu vẫn trụ vững. Cô tiến thêm một bước, rồi một bước nữa, đúng lúc có thứ gì đó lún xuống dưới chân khiến cô lấy hết sức bình sinh nhảy về phía bên kia cầu. Cô đáp xuống nền tuyết trong tư thế nằm sấp vừa lúc toàn bộ cây cầu sụp xuống vực thăm với một tiếng *vút* rất khẽ phía sau.

Pantalaimon cắm sâu móng vào bộ đồ lông của cô, cố gắng giữ thật chắc.

Một phút sau cô mở mắt ra rồi bò lên khỏi mép vực. Không còn đường trở về nữa rồi. Cô đứng đó giơ tay lên ra hiệu với con gấu đang quan sát. Iorek Byrnison đứng thẳng trên hai chân sau để chào đáp lại rồi quay đi và lao thật nhanh xuống núi, hòng trợ giúp các thần dân của mình trong cuộc chiến với Phu nhân Coulter và đám lính trên chiếc zeppelin.

Lyra hoàn toàn đơn độc.

Cầu nối tới những vì sao

Khi Iorek Byrnison đã khuất khỏi tầm mắt, Lyra cảm thấy sự suy nhược khủng khiếp bao trùm lấy cơ thể, cô mò mẫm quay lại tìm Pantalaimon.

“Ôi, Pan thân mến, tớ không thể đi tiếp được! Tớ sợ lắm - lại mệt nữa - suốt cả chặng đường này, tớ sợ muốn chết mất! Giá mà là người khác chứ không phải tớ, tớ thật lòng mong như thế!”

Con linh thú rúc cái mũi ấm áp và dễ chịu của mình vào cổ cô trong hình dạng mèo.

“Tớ thật sự không biết chúng ta cần phải làm gì,” Lyra nức nở. “Thật quá sức chịu đựng với chúng ta. Pan ạ, chúng ta không thể...”

Cô dò dẫm ôm ghì lấy nó, lắc người quay lại và để cho tiếng nức nở buột ra dữ dội giữa cảnh tuyết trắng trơ trọi.

“Kể cả nếu - nếu Phu nhân Coulter bắt kịp Roger trước thì cũng chẳng có cách nào cứu được cậu ấy, vì bà ta sẽ đưa cậu ấy về Bolvangar, hay tồi tệ hơn là họ sẽ giết tớ để trả thù... Tại sao họ lại làm những điều này với trẻ con hả Pan? Có phải tất cả bọn họ đều ghét trẻ con đến mức muốn xé rời chúng như thế không? Tại sao họ lại làm vậy?”

Nhưng Pantalaimon chẳng có câu trả lời nào, tất cả những gì nó có thể làm là ôm cô thật chặt. Dần dần, cơn bão hoảng sợ dịu đi, và cô

bé trấn tĩnh trở lại. Cô lại là Lyra, đang lạnh cóng và sợ hãi đủ đường, nhưng là chính bản thân cô.

“Giá mà...” Cô thốt lên rồi lập tức dừng lại. Chẳng có gì có thể đạt được bằng cách ước ao cả. Cô hít thật sâu một hơi thở run rẩy cuối cùng rồi sẵn sàng lên đường.

Lúc này mặt trăng đã lặn, bầu trời phía nam chìm vào một màu đen thẫm với hàng tỉ ngôi sao lấp lánh như kim cương đính trên vải nhung. Mặc dù vậy, chúng vẫn bị ánh sáng Cực Quang làm lu mờ đi cả trăm lần. Lyra chưa từng thấy nó rực rỡ và kịch tính đến thế; cứ mỗi lần rung rinh, những màn ánh sáng màu nhiệm lại nhảy múa trên bầu trời. Phía sau màn sáng mỏng như khói liên tục biến đổi là thế giới bên kia, thành phố ngập tràn ánh mặt trời, hiện ra rõ mồn một.

Chúng càng leo lên cao, vùng đất hoang vắng lại càng trải rộng phía dưới. Ở phía bắc là mặt biển đóng băng, ngoài những chóp nhọn đây đó kết lại do hai phiến băng ép sát vào nhau thì phần còn lại phẳng lì, trắng xóa và kéo dài đến vô tận. Nó vươn tới cực và xa hơn thế, không có điểm gì đặc biệt, không sự sống, không màu sắc, trống trải hơn cả tưởng tượng của Lyra. Ở phía đông và tây thì có nhiều núi hơn, những đỉnh núi nhấp nhô hùng vĩ chọc thẳng lên trời, sườn núi chất cao tuyết trắng và bị gió gọt giũa thành những gờ sắc lẹm như lưỡi một thanh đại đao. Ở phía nam là con đường mà chúng đã tới, Lyra ngoái nhìn lại đầy khao khát, biết đâu lại có thể nhìn thấy người bạn thân thương Iorek Byrnison cùng các đạo quân của nó; nhưng chẳng có gì khuấy động trên vùng đồng bằng mênh mông. Cô thậm chí còn không dám chắc là mình có thể thấy tàn tích của chiếc zeppelin đã cháy rụi hay tuyết vấy màu đỏ thẫm quanh xác các chiến binh hay không.

Pantalaimon bay lên cao rồi sà xuống đậu lên cổ tay cô trong hình dạng cú.

“Họ ở ngay phía bên kia đỉnh núi thôi!” Nó thông báo. “Ngài Asriel đã dỡ hết cả dụng cụ ra, còn Roger thì không thể trốn thoát

được...”

Trong lúc Pantalaimon đang nói, ánh Cực Quang lập loè rồi mờ dần, giống như một bóng đèn mạch sắp hết tuổi thọ, sau đó phụt tắt. Thế nhưng trong ánh sáng mờ mờ, Lyra cảm nhận được sự hiện diện của Bụi, vì bầu không khí dường như đầy chặt những ý định tối tăm, giống như các dạng suy nghĩ chưa được hình thành.

Trong bóng tối bao bọc cô nghe thấy tiếng hét của một đứa trẻ:

“Lyra! Lyra!”

“Tớ đang đến đây!” Cô hét lên đáp lại rồi loạng choạng bước tới trước, vừa bò vừa leo, vật lộn với chút sức lực cuối cùng. Cứ như thể cô kéo người lên xa hơn qua lớp tuyết phản chiếu thứ ánh sáng mờ mờ ma quái.

“Lyra! Lyra!”

“Tớ gần tới đó rồi,” cô thở dốc. “Gần tới nơi rồi, Roger!”

Trong cơn kích động, Pantalaimon biến hình nhoay nhoáy: nào là sư tử, chồn ermine, đại bàng, mèo rừng, thỏ rừng, kì nhông, cú, báo gấm, tất cả mọi hình dạng nó từng biến thành, một chiếc kính vạn hoa các hình thái giữa Bụi...

“Lyra!”

Cô đã lên được đến đỉnh và nhìn thấy điều gì đang diễn ra.

Cách đó chừng năm mươi mét dưới ánh sao, Ngài Asriel đang xoắn hai sợi dây kim loại dẫn đến chiếc xe kéo lật ngược, trên đó là một hàng ắc quy, chai lọ và các mảnh thiết bị, tất cả đều đã bị phủ sương giá lấp lánh như pha lê. Ông khoác lên mình bộ đồ lông nặng trĩu, gương mặt được soi sáng nhờ ánh lửa từ chiếc đèn dầu. Linh thú của ông thu mình nằm cạnh như một con Nhân Sư, bộ lông đốm xinh đẹp của nó bóng bẩy đầy sức sống, cái đuôi ve vẩy một cách lười biếng trong tuyết rơi.

Nó đang ngoạm trong mồm linh thú của Roger.

Con vật bé nhỏ đang vùng vẫy, giãy đành đạch, cố gắng kháng cự lại. Lúc thì nó hóa thành chim, lúc sau lại thành chó, rồi mèo, chuột, trở lại làm chim, mỗi lúc lại gọi tên Roger đang ở cách đó vài mét. Cậu bé căng người lên cố gắng thoát khỏi nỗi đau đang xuyên thấu tim gan mình, chốc chốc lại gào lên vì đau đớn và lạnh lẽo. Nó đang gọi tên linh thú của mình, và gọi tên Lyra; nó chạy tới bên và kéo tay Ngài Asriel nhưng liền bị ông đẩy sang một bên. Nó cố gắng thêm lần nữa, khóc lóc, van xin, nài nỉ, nức nở, nhưng Ngài Asriel chẳng buồn đếm xỉa ngoài việc đẩy nó ngã xuống đất.

Họ đang ở bên mép một vách núi. Bên ngoài đó chẳng có gì ngoài một màn đêm vô hạn. Họ đang ở khoảng ba trăm mét trên mặt nước biển đóng băng.

Lyra nhìn thấy toàn bộ những điều đó chỉ nhờ ánh sao; nhưng rồi, khi Ngài Asriel nối hai sợi dây cáp, Cực Quang đột nhiên sáng bùng lên. Giống như một ngón tay dài mang thứ sức mạnh phi thường giữa hai cực, chỉ khác là nó cao một nghìn dặm và rộng mười nghìn dặm: hụp xuống, vút lên, gợn sóng, lấp lánh, một thác nước khổng lồ huy hoàng.

Ông đang *điều khiển* nó...

Hoặc dẫn năng lượng xuống từ nó; vì có một sợi cáp chạy ra từ guồng quay lớn trên xe kéo, một sợi dây chằng thẳng lên trời. Đột nhiên từ trong bóng tối một con quạ sà xuống, và Lyra biết ngay rằng đó là linh thú của phù thủy. Một phù thủy đang giúp đỡ Ngài Asriel, chính bà ta đã kéo dây cáp lên cao.

Ánh sáng Cực Quang lại bùng lên.

Ông đã gần như sẵn sàng.

Ông quay sang ra hiệu cho Roger. Thằng bé lắc đầu, van nài, gào khóc, nhưng vẫn đành bất lực bước tới phía trước.

“Không! Chạy đi!” Lyra hét lên rồi lao xuống dốc về phía thằng bé.

Pantalaïmon lao bổ vào con báo tuyết và giật lấy linh thú của Roger từ hai hàm của nó. Ngay lập tức con báo liền đuổi theo nó, Pantalaïmon thả con linh thú kia ra và cả hai vừa thoãn thoắt biến hình vừa chiến đấu với con quái thú đốm vĩ đại.

Con báo chém những bàn chân đầy vuốt nhọn sang đủ hướng, tiếng gầm của nó nhận chìm luôn cả tiếng hét của Lyra. Cả hai đứa trẻ cũng đang chiến đấu với nó, hoặc với những bóng hình trong không khí mờ đục, những ý định tối tăm, đang dồn tới dày đặc và ùn ùn đổ xuống những dòng Bụi...

Ánh Cực Quang vẫn lắc lư trên đầu, ánh sáng lung linh gợn sóng không ngớt của nó lúc thì làm bật lên tòa nhà này hay cái hồ kia, khi lại là hàng cây cọ, gần đến mức người ta sẽ nghĩ rằng hoàn toàn có thể bước từ thế giới này sang bên đó.

Lyra nhảy tới tóm lấy tay Roger.

Cô kéo thật mạnh, chúng tách khỏi Ngài Asriel và nắm tay nhau bỏ chạy. Nhưng đúng lúc đó Roger hét lên và nhăn nhó vì con báo đã lại tóm được linh thú của nó; Lyra hiểu rõ cơn đau giằng xé tâm can đó nên cố gắng dừng lại...

Nhưng chúng không thể dừng lại được.

Vách núi dưới chân chúng đang trượt đi.

Cả một vĩa tuyết, trượt xuống không thương xót...

Mặt biển đóng băng, dưới đó ba trăm mét...

“LYRA!”

Tim đập thình thịch...

Những bàn tay níu chặt lấy nhau...

Và tít trên cao, kì quan vĩ đại nhất của tạo hoá.

Mái vòm của thiên đường, rắc đầy sao, sâu thăm thẳm, bỗng chốc như bị xé toạc bởi một ngọn giáo.

Một tia sáng, một tia năng lượng thuần khiết được phóng ra như mũi tên từ một cánh cung vĩ đại, thẳng lên bầu trời. Những tấm màn

ánh sáng và màu sắc đã từng là Cực Quang bị rách toạc; tiếng nứt, nghiêng, vỡ vụn, rách toang vọng từ đầu bên này sang đầu bên kia của vũ trụ; trên bầu trời là một vùng đất khô cằn...

Ánh nắng!

Ánh nắng mặt trời lấp lánh trên bộ lông của một con khi vàng...

Via tuyết đã ngừng trôi; có lẽ một tảng đá ngầm không nhìn thấy được đã chặn nó lại. Lyra có thể thấy qua lớp tuyết bị cày xới trên đỉnh, con khi vàng nhảy ra từ hư không đến bên con báo tuyết, cô thấy chúng xù lông lên, cảnh giác và đầy uy lực. Đuôi con khi đang dựng đứng, còn con báo tuyết thì đang quét đuôi thật mạnh sang hai bên. Rồi con khi vươn một bàn tay ra thăm dò, con báo hạ thấp đầu một cách duyên dáng vẻ chấp nhận, và chúng chạm vào nhau...

Khi Lyra rời mắt khỏi chúng, cô thấy Phu nhân Coulter đứng đó, ôm chặt trong vòng tay của Ngài Asriel. Ánh sáng nhảy múa xung quanh họ như những tia lửa và chùm sáng từ một nguồn mạch dữ dội. Lyra, bất lực, chỉ có thể tưởng tượng chuyện đã xảy ra: bằng cách nào đó Phu nhân Coulter hẳn đã băng qua được khe nứt đó và theo cô lên tới tận đây...

Cha mẹ của chính cô đang bên nhau!

Và đang ôm nhau nồng nhiệt: một việc chẳng ai dám mơ tới.

Cô tròn mắt nhìn. Cơ thể Roger nằm chết lặng trong tay cô, bất động, im ắng, yên nghỉ. Cô nghe thấy cha mẹ mình nói chuyện:

Mẹ cô nói: “Họ sẽ không bao giờ cho phép...”

Cha cô nói: “Cho phép ư? Chúng ta đã vượt quá cái được *cho phép* ấy rồi, đâu còn là trẻ con nữa. Ta đã làm cho ai cũng có thể đi qua được nếu họ muốn.”

“Người ta sẽ cấm đấy! Họ sẽ bịt nó lại và rút phép thông công của bất cứ ai cố gắng đi vào!”

“Sẽ có quá nhiều người muốn đi qua. Họ không thể chặn hết được. Việc này sẽ dẫn tới cái kết của Giáo hội, Marisa ạ, kết thúc cả

Huấn Quyền, kết thúc toàn bộ chuỗi thế kỉ sống trong u tối! Hãy nhìn ánh sáng trên kia đi: đó là mặt trời của một thế giới khác! Hãy cảm nhận hơi ấm của nó trên da em đi!”

“Họ quyền thế hơn bất cứ ai, Asriel ạ! Anh không biết...”

“Ta không biết? Ta ư? Không ai trên thế giới này biết rõ hơn ta về việc Giáo hội hùng mạnh đến thế nào! Nhưng nó không đủ mạnh so với điều này. Dù sao thì Bụi cũng sẽ thay đổi tất cả mọi thứ. Giờ thì không ngăn được nó nữa rồi.”

“Đó là điều anh đã muốn sao? Để bóp nghẹt chúng ta, giết chết chúng ta bằng tội lỗi và bóng tối?”

“Ta muốn giải thoát, Marisa ạ! Và ta đã làm được. Nhìn đi, hãy nhìn những cây cọ đang đu đưa trên bờ biển kia! Em có cảm nhận được luồng gió đó không? Gió từ một thế giới khác! Hãy cảm nhận nó mơn man tóc em, da mặt em...”

Ngài Asriel gạt mũ trùm của Phu nhân Coulter ra rồi xoay đầu bà hướng lên trời, đôi tay vuốt qua mái tóc bà. Lyra nín thở nhìn, không dám động đậy.

Người đàn bà ghì chặt lấy Ngài Asriel như thể đang bị choáng, rồi bà lắc đầu về đau khổ.

“Không - không - họ đang tới, Asriel ạ - họ biết em đi đâu...”

“Vậy thì đi với ta, trốn thoát khỏi thế giới này!”

“Em không dám...”

“Em ư? Không *dám* sao? Con của em sẽ đi đấy. Con của em dám làm bất cứ điều gì, thật xấu hổ cho bà mẹ.”

“Vậy thì cứ đưa nó đi đi. Nó là của anh nhiều hơn là của em, Asriel ạ.”

“Nào phải. Em đã tiếp nhận nó, cố gắng nhào nặn nó. Em đã muốn có nó.”

“Nó quá thô lỗ, quá cứng đầu. Em đã làm điều đó quá trễ... Nhưng con bé đang ở đâu rồi? Em đã theo dấu chân nó lên...”

“Em vẫn muốn có con bé sao? Em đã cố gắng níu giữ nó hai lần, và cả hai lần nó đều bỏ trốn. Nếu ta là nó, ta sẽ chạy, chạy mãi, còn hơn là cho em cơ hội thứ ba.”

Đôi tay ông, vẫn đang giữ chặt lấy đầu bà, đột nhiên căng ra rồi kéo bà về phía mình trong một nụ hôn nồng thắm. Lyra nghĩ rằng nó có vẻ giống sự tàn nhẫn hơn là tình yêu. Cô quay sang nhìn linh thú của họ và thấy một cảnh tượng kì lạ: con báo tuyết căng người, thu mình lại với bộ móng ấn vào da thịt con khỉ vàng, còn con khỉ thì thư thái, hạnh phúc, ngất lịm đi trên nền tuyết.

Phu nhân Coulter giật mạnh để thoát khỏi nụ hôn và nói: “Không, Asriel - chỗ của em là tại thế giới này, không phải ở đó...”

“Đi với ta!” Ông nói vẻ khẩn cấp và đầy uy quyền. “Đến làm việc cùng ta!”

“Anh và em, hai ta không thể làm việc cùng nhau được đâu.”

“Không ư? Em và ta có thể phá vụn vũ trụ rồi ghép nối nó lại, Marisa ạ! Chúng ta có thể tìm thấy nguồn gốc của Bụi và dập tắt nó mãi mãi! Em sẽ thích được là một phần của công việc vĩ đại đó; đừng dối ta. Cứ nói dối về mọi thứ khác, về Ủy ban Hiến tế, về các tình nhân của em - phải, ta có biết về Boreal, và ta chẳng bận tâm - nói dối về Giáo hội, thậm chí cả về đứa trẻ, nhưng đừng lừa dối về điều em thực sự mong muốn...”

Và miệng họ lại khóa chặt lấy nhau đầy thèm khát. Hai con linh thú của họ đang chơi đùa ác liệt: con báo tuyết nằm lăn ra, còn con khỉ thì dùng móng cào cào vào phần lông mềm ở cổ con báo, khiến nó gặm gừ thích thú.

“Nếu em không đi, anh sẽ tìm cách huỷ hoại em,” Phu nhân Coulter vùng ra và nói.

“Tại sao ta lại muốn huỷ hoại em chứ?” Ông vừa cười vừa nói trong luồng sáng từ thế giới khác lấp lánh quanh đầu mình. “Đi cùng ta, làm việc với ta, và ta sẽ quan tâm tới việc em sống hay chết. Còn ở

đây thì em sẽ để mất sự hứng thú của ta ngay lập tức thôi. Đừng hi vọng hảo huyền là ta sẽ tốn một giây phút nào nghĩ đến em. Giờ thì ở lại thế giới này và thực hiện những công việc xấu xa của em, hoặc là đi với ta.”

Phu nhân Coulter lưỡng lự; đôi mắt nhắm nghiền, dường như người bà đang đu đưa như thể sắp ngã; nhưng bà đã giữ được thăng bằng và mở mắt ra. Một nỗi buồn đẹp đẽ vô hạn ánh lên trong đôi mắt bà.

“Không,” bà nói. “Không.”

Linh thú của họ tách nhau ra. Ngài Asriel cúi xuống cuộn những ngón tay khỏe khoắn của mình vào bộ lông của con báo tuyết. Rồi ông quay lưng lại và bước đi không nói một lời. Con khi vàng nhảy vào vòng tay của Phu nhân Coulter, khẽ kêu lên đau đớn và với tay về phía con báo tuyết đang rời xa. Gương mặt Phu nhân Coulter giàn giụa nước mắt. Lyra có thể thấy chúng lấp lánh; những giọt nước mắt là thật.

Rồi mẹ cô quay đi, người run lên vì những tiếng nức nở cảm lạnh, bà leo xuống núi rồi khuất khỏi tầm mắt của Lyra.

Lyra lạnh lùng nhìn bà rồi ngược lên phía bầu trời.

Quả là một mái vòm lộng lẫy của những kì quan mà cô chưa từng được chứng kiến.

Thành phố lơ lửng ở đó có vẻ trống rỗng và im lặng, dường như mới được tạo dựng để chờ đón người đến định cư; hoặc đang say ngủ, chờ đợi được đánh thức. Ánh nắng từ thế giới đó chiếu rọi vào thế giới này, khiến cho đôi tay Lyra trở thành màu vàng kim, làm tan băng trên mũ trùm da sói của Roger, khiến đôi má xanh xao của cậu sáng bừng lên, lấp lánh trong đôi mắt mở to vô hồn của cậu.

Cô cảm thấy cơ thể như đang bị giằng xé bởi nỗi bất hạnh và sự giận giữ. Cô có thể đã giết chết cha mình: nếu có thể moi tim ông, cô

hắn sẽ làm thế ngay tại đó vì những điều ông đã làm với Roger. Và với cô: lừa gạt cô - sao ông ta *dám*?

Cô bé vẫn đang ôm lấy cái xác của Roger. Pantalaimon đang nói gì đó, nhưng tâm trí cô đang ngùn ngụt lửa, cô không nghe thấy gì cho tới khi nó cắn những cái vuốt mèo rừng của mình vào mu bàn tay cô để ép cô phải nghe. Cô chớp mắt.

“Gì? Gì thế?”

“Bụi!” Nó nói.

“Cậu đang nói về chuyện gì cơ?”

“Bụi. Ông ấy sẽ đi tìm nguồn gốc của Bụi và phá huỷ nó, không phải sao?”

“Ông ấy có nói vậy.”

“Cả Ủy ban Hiến tế, Giáo hội, Bolvangar, Phu nhân Coulter và những người khác, họ cũng đều muốn phá huỷ nó, đúng không?”

“Phải... Hoặc là ngăn nó gây ảnh hưởng đến con người... Sao thế?”

“Bởi vì nếu tất cả *bọn họ* đều cho rằng Bụi là xấu, nó chắc chắn là rất tốt.”

Cô bé không nói gì. Một sự phấn khích nho nhỏ vừa nhảy bật lên trong ngực cô.

Pantalaimon nói tiếp:

“Chúng ta đã nghe tất cả bọn họ nói về Bụi, họ đều rất sợ nó, và cậu biết gì không? Chúng ta đã tin họ, dù cho chúng ta có thể thấy những điều họ đang làm là độc ác, xấu xa và sai trái... Chúng ta cũng nghĩ rằng Bụi là xấu xa, vì họ là người lớn và họ nói như vậy. Nhưng nếu không phải vậy thì sao? Nếu nó...”

Cô nín thở nói: “Đúng rồi! Nếu nó thật sự rất *tốt* thì sao...”

Cô nhìn con linh thú và thấy đôi mắt mèo rừng màu xanh lục của nó lấp lánh vẻ phấn khích. Cô cảm thấy choáng váng, như thể cả thế giới đang xoay vòng dưới chân mình vậy.

Nếu Bụi là một điều *tốt*... Nếu nó cần phải được tìm kiếm, chào đón và trân trọng...

“Chúng ta cũng có thể đi tìm nó, Pan ạ!” Cô bé nói.

Đó chính là điều nó muốn nghe.

“Chúng ta có thể tới chỗ nó trước ông ấy,” nó nói tiếp, “và rồi...”

Tâm vóc của nhiệm vụ này khiến chúng im bật. Lyra ngược nhìn lên bầu trời sáng rực rỡ. Cô bé ý thức được sự nhỏ bé của chúng, cô và con linh thú của mình, so với sự uy nghiêm và bao la của vũ trụ; và về kiến thức ít ỏi của chúng so với những bí ẩn sâu thẳm phía trên.

“Chúng ta *có thể*,” Pantalaimon khẳng định. “Chẳng phải chúng ta đã tới tận đây rồi sao? Chúng ta *có thể* làm được.”

“Chúng ta sẽ đơn độc. Iorek Byrnison không thể đi theo giúp được. Cả Farder Coram, Serafina Pekkala, Lee Scoresby hay bất cứ ai khác.”

“Thì chỉ hai ta thôi. Có sao đâu. Chẳng nào chúng ta cũng đâu chỉ có một mình; không giống như...”

Cô biết nó định nói *không giống như Tony Makarios; không giống như những con linh thú mất chủ tội nghiệp ở Bolvangar; chúng ta vẫn là một thể; hai ta là một.*

“Chúng ta còn có chiếc Chân Kế nữa,” cô nói. “Phải rồi. Tớ nghĩ là mình phải làm thôi, Pan ạ. Chúng ta sẽ lên trên đó tìm Bụi, rồi khi nào tìm thấy chúng ta sẽ biết phải làm gì.”

Xác của Roger nằm im trong vòng tay cô. Cô dịu dàng đặt cậu bé xuống.

“Chúng ta sẽ làm việc đó,” cô nói.

Cô quay đi. Phía sau chúng là đau khổ, chết chóc và sợ hãi; đằng trước là hồ nghi, hiểm họa, và những bí ẩn khó dò. Nhưng chúng không đơn độc.

Vậy là Lyra và linh thú của cô quay lưng lại với thế giới mà chúng sinh ra, nhìn về phía ánh thái dương, và bước vào bầu trời bao

la.

Table of Contents

1. [Start](#)
2. [Phần Một Oxford](#)
 1. [1 Bình rượu Tokay](#)
 2. [2 Ý tưởng về Phương Bắc](#)
 3. [3 Trường Jordan của Lyra](#)
 4. [4 Chân Kế](#)
 5. [5 Bữa tiệc cocktail](#)
 6. [6 Lưới ném](#)
 7. [7 John Faa](#)
 8. [8 Sự thất vọng](#)
 9. [9 Các gián điệp](#)
3. [Phần Hai Bolvangar](#)
 1. [10 Vị Lãnh sự và con gấu](#)
 2. [11 Bộ giáp](#)
 3. [12 Cậu bé bị bắt cóc](#)
 4. [13 Kiểm thuật](#)
 5. [14 Ánh sáng từ Bolvangar](#)
 6. [15 Lồng chứa linh thú](#)
 7. [16 Máy chém bằng bạc](#)
 8. [17 Đoàn phù thủy](#)
4. [Phần Ba Svalbard](#)
 1. [18 Sương mù và băng giá](#)
 2. [19 Bị giam cầm](#)
 3. [20 Tới cực điểm](#)
 4. [21 Sự chào đón của Ngài Asriel](#)

5. [22 Sự phản bội](#)
6. [23 Cầu nối tới những vì sao](#)

Table of Contents

Start

Phần Một Oxford

- 1 Bình rượu Tokay
- 2 Ý tưởng về Phương Bắc
- 3 Trường Jordan của Lyra
- 4 Chân Kế
- 5 Bữa tiệc cocktail
- 6 Lưới ném
- 7 John Faa
- 8 Sự thất vọng
- 9 Các gián điệp

Phần Hai Bolvangar

- 10 Vị Lãnh sự và con gấu
- 11 Bộ giáp
- 12 Cậu bé bị bắt cóc
- 13 Kiểm thuật
- 14 Ánh sáng từ Bolvangar
- 15 Lồng chứa linh thú
- 16 Máy chém bằng bạc
- 17 Đoàn phù thủy

Phần Ba Svalbard

- 18 Sương mù và băng giá
- 19 Bị giam cầm
- 20 Tối cực điểm
- 21 Sự chào đón của Ngài Asriel
- 22 Sự phản bội
- 23 Cầu nối tới những vì sao